

LỖ TẤN

LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT TRUNG QUỐC

LUÔNG DUY TÂM (DỊCH)

LUÔNG DUY THỨ (HIỆU ĐÍNH)



LÔ TẤN

LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT TRUNG QUỐC

Dịch giả
LƯƠNG DUY TÂM & LƯƠNG DUY THỜ
Miêu định
LƯƠNG DUY THỜ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI GIỚI THIỆU

Lỗ Tấn là một trong các danh nhân văn hóa thế giới thời hiện đại (được tổ chức Văn hóa Giáo dục Liên hiệp quốc UNESCO tôn vinh năm 1981, nhân 100 năm ngày sinh của ông). Lỗ Tấn cũng là nhà văn cách mạng Trung Quốc được Bác Hồ kính yêu, quý trọng⁽¹⁾ và rất gần gũi với bạn đọc Việt Nam.

Bạn đọc khắp thế giới biết Lỗ Tấn qua nhân vật điển hình “siêu dân tộc, siêu giai cấp, siêu thời đại”⁽²⁾ - *AQ* trong truyện vừa nổi tiếng *AQ chính truyện*. Bạn đọc cũng biết Lỗ Tấn qua hàng loạt truyện ngắn của ông như *Nhật ký người điên*, *Thuốc*, *Cầu phúc*, *Cố hương* v.v...

Nhưng Lỗ Tấn còn là một học giả. Các sách *Lịch sử văn hóa Trung Quốc* đều coi ông là nhà văn hóa thời cận đại - một nhà văn hóa theo khuynh hướng cách tân, chủ trương cách mạng giải phóng dân tộc. Ông nghiên cứu sâu sắc Nho học, Đạo học, so sánh nó với *Upanishad* Ấn Độ cũng như *Shinto* Nhật Bản. Phải chăng, đó chính là “phần chìm” của “tảng băng trôi” - theo cách nói của Hemingway? Bởi vì có hiểu sâu sắc văn hóa dân tộc mình, có hiểu cặn kẽ văn hóa dân tộc khác để hiểu mình hơn, để tránh thiên lệch “ở nhà nhất mẹ nhì con”, thì mới có thể phát hiện và phê phán những thói hư tật xấu không nên có của dân tộc mình. Các biểu hiện “quốc dân tính Trung Hoa” được thể hiện qua *AQ chính truyện* và hàng loạt

⁽¹⁾ Xin xem thêm: *Bác Hồ với Lỗ Tấn*, Lương Duy Thứ., Tập san *Kiến thức ngày nay*, số tháng 10-1996.

⁽²⁾ Từ điển văn học hiện đại Trung Quốc, H. 1989.

truyện ngắn, tạp văn... chính là “phần nổi” được thăng hóa từ phần chìm vững chắc là một hành trang văn hóa đầy đặn.

Các bộ sách nghiên cứu của ông như *Trung Quốc tiểu thuyết sử học*⁽³⁾, *Hán văn học sử cương yếu*, các bài tạp văn như *Thầy Khổng ở Trung Quốc ngày nay*, *Phong độ Ngụy Tần và mối quan hệ giữa nれou, thuốc và văn chương* v.v... sẽ giúp chúng ta hiểu thêm tư tưởng, tài năng và nhân cách Lỗ Tấn.

Hán văn học sử cương yếu (Đại cương lịch sử văn học Hán), là tập bài giảng về Lịch sử văn học Trung Quốc, từ khởi thủy qua *Kinh thi*, *Sở* từ đến văn học đời Tần, Hán. Ông giảng các chuyên đề này ở Đại học Hạ Môn từ năm 1926 rồi sau đó ở Đại học Trung Sơn từ 1927. Chuyên đề gồm 10 chương, bắt đầu từ định nghĩa Văn là gì? Văn chương là gì? Thơ bắt đầu từ đâu? Ông nói đến sáu điển của *Kinh thư* và sáu nghĩa của *Kinh thi*. Ông bàn về chữ “vô vi” của Lão Tử, cái “phong phú hoa mỹ” của Trang Tử và cho rằng, văn Trang Tử “các tác giả cuối Chu không ai hơn ai được”. Ông dành những lời lẽ xúc động nhất cho Khuất Nguyên và đánh giá cao tác dụng của *Ly tao*: “*Ly tao* ra đời tươi thắm rùng văn hết sức xa rộng”. Ông cho rằng, Lý Tư với bài phú *Can việc đuổi khách* (Gián trực khách phú) chính là tái gia văn học đời Tần. Ông đồng cảm sâu sắc với bi kịch của Tư Mã Thiên và khen *Sử ký* là “một thiên *Ly tao* không vẫn” (Vô vận chí *Ly tao*).

Những kiến giải về lịch sử văn học Trung Quốc của ông không những có giá trị mở đường cho việc soạn thảo lịch sử văn học mới bắt đầu thời bấy giờ (trước kia, người ta chỉ sưu tập, bình luận hoặc thẩm văn mà thôi) mà hơn nữa thể hiện qua vẫn được coi là chuẩn mực. Ông vốn dự định viết một bộ Lịch sử văn học hoàn chỉnh, nhưng do hoàn cảnh đành bỏ dở. Song nếu chúng ta kết nối *Hán văn học sử cương yếu* với *Phong độ Ngụy Tần*..., *Đường truyền kỳ khảo* và nhất là *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược*... thì cũng có thể hiểu được quan điểm của ông về sự phát triển của văn học Trung Quốc 2500 năm.

⁽³⁾ Xem *Sơ lược lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc*, Lương Duy Tâm dịch, NXB Văn hóa, H. 1996.

Có thể thấy, ông đánh giá cao tác dụng của tư tưởng Đạo gia, đặc biệt là Trang Tử đối với sự phát triển tư duy thẩm mỹ và sáng tạo văn chương. Trước kia, người ta thường nói đến “Văn tài đạo” “Thi ngôn chí” của Nho gia và quên đi sự trói buộc của các chuẩn tắc đạo đức đối với cá tính sáng tạo. Với tư cách một nhà văn - một cá tính sáng tạo, Lỗ Tấn đã thấy rõ điều đó. Không chỉ một lần ông nói tính khuôn sáo kinh viện xa rời cuộc sống của Nho giáo. Đọc kỹ các chương II, III, IV của sách này, cùng với các bài nói về phong độ Ngụy Tấn, về Lưu Linh, Kệ Khang v.v... chúng ta sẽ hiểu ông hơn.

Cũng với tư cách một nghệ sĩ ông có sự đồng cảm sâu sắc với các nhân cách cao cả, tuy có lúc cô đơn không hợp với đời, nhưng họ đã hát ca bằng tất cả trái tim chân thành và nhạy cảm. Những dòng ông viết về nỗi cô trung của Khuất Nguyên, về cái chết của Giả Nghị, về Tư Mã Tương Như và Tư Mã Thiên... đã toát lên điều đó.

Một điều nữa cần đề cập, đó là sách viết bằng cổ văn - một loại cổ văn cũng diệu luyện như Sái Nguyên Bồi, Dương Hạnh Phật cùng thời ấy. Phải chăng đây là một nghịch lý, bởi vì thời này Lỗ Tấn đang cùng với Trần Độc Tú, Hồ Thích... nhiệt liệt đề xướng dùng bạch thoại thay thế cổ văn? Là nghịch lý nhưng cũng thuận lý, bởi vì đây là sách nghiên cứu dưới dạng đề cương, đòi hỏi tính cô đọng, hàm súc cao, dùng cổ văn để thể hiện là thuận tay với các học giả Trung Quốc thời ấy. Có điều, biết được sự uyên thâm cổ văn của Lỗ Tấn chúng ta sẽ càng trân trọng chủ trương dùng bạch thoại thay cổ văn của ông; cũng giống như vậy, biết được sự nghiên cứu công phu về Nho giáo của ông thì cũng sẽ có thái độ trân trọng hơn đối với sự phê phán có phần gay gắt của ông đối với Khổng Tử.

Lỗ Tấn là nhà văn hiện đại Trung Quốc mà sáng tác (bao gồm truyện ngắn, tạp văn, thơ v.v...) hầu như đã được dịch toàn bộ ra Việt văn. Sách nghiên cứu của ông cũng đã dịch một số. Cuốn *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* và *Hán văn học sử cương yếu* được in lần này, sẽ giúp chúng ta hiểu thêm tài năng và tâm huyết của một văn hào nhân loại.

Phần thứ nhất TRUNG QUỐC TIỂU THUYẾT SỬ LƯỢC

TÓM TẮT TÁC PHẨM

Lời đề

Lời tựa

Chương 1. Những trước tác cùng bình luận về tiểu thuyết của nhà viết sử.

Nghệ văn chí trong *Hán thư*, *Kinh tịch chí* trong *Tùy thư* nói thế nào - *Kinh tịch chí* trong *Đường thư* bắt đầu không có lời tựa; *Nghệ văn chí* trong *Tân Đường thư* bắt đầu đưa lui truyện quỷ thần vào tiểu thuyết. Hồ Úng Lân - đời Minh - chia tiểu thuyết làm sáu loại; Tứ khố thư mục đời Thanh chia tiểu thuyết làm ba loại; Tứ khố thư mục còn đưa lui Cổ sử vào tiểu thuyết - Biến lệ của thư mục.

Chương 2. Thần thoại với tiểu thuyết.

Nguồn gốc của tiểu thuyết: Thần thoại.

Trung Quốc khuyết mất thần thoại nguyên thuỷ; Việc thần thoại chuyển hóa thành tiểu thuyết - Những sách chứa nhiều thần thoại cùng tiểu thuyết: *Sơn Hải kinh*, *Mục thiên tử truyện*, *Sở từ*, *Thiên văn*, v.v... Nguyên nhân việc thần thoại Trung Quốc mất mát đi.

Chương 3. Những tiểu thuyết mà *Nghệ văn chí* trong *Hán thư* ghi chép - Những tiểu thuyết có ghi trong *Hán chí* nay đều thất lạc: Y đoản thuyết, Chư tử thuyết, Thanh sử tử, Sư khoán, Ngu sơ Chu thuyết, Bách gia, Vụ thành tử với Tống tử.

Chương 4. Những tiểu thuyết của người đời Hán mà nay còn thấy. Tiểu thuyết của người đời Hán mà nay còn thấy thì đều là sách làm giả *Thần dị kinh* và *Thập châu ký* của Đông Phương Sóc. *Hán võ cổ sự*, *Hán võ nội truyện* của Ban Cố. *Hán võ động minh ký* của Quách Hiến, *Tây kinh tạp ký* của Lưu Hâm, *Phi Yến ngoại truyện* của Linh Huyền với *Tập sự bí tâm* của người đời Hán.

Chương 5. Sách quý thần chí quái đời Lục triều (Thượng). Việc các nhà văn truyền bá chuyện thần quái, *Liệt dị truyện* của Ngụy Văn Đế, *Bắc vật chí* của Trương Hoa, *Suu thần ký* của Can Bảo, *Suu thần hậu ký* của Đào Tiềm, *Dị uyển* của Lưu Kính Thúc, *U minh lục* của Lưu Nghĩa Khanh, *Tục tè hài ký* của Ngô Quân, ảnh hưởng của Ấn Độ trong các sách chí quái.

Chương 6. Sách quý thần chí quái đời Lục triều (Hạ) - Việc nhà Phật thuyết về kết quả như loại *Minh tường ký* của Vương Viêm và lời giáo khuyển dụ dỗ của các phuơng sĩ như *Thần dị ký* của Vương Phù, *Thập dị ký* của Vương gia.

Chương 7. Sách *Thế thuyết tân ngữ* với khoảng trước và sau nó - Việc nhà Phật tranh luận kích động nhau mà sau biến thành phái Thanh Đàm (nói suông). *Ngữ lâm* của Bùi Khải, *Quách tử* của Quách Trung Chi, *Thế thuyết* của Lưu Nghĩa Khanh với lời chú của Lưu Tuấn, *Tục thuyết* của Trần Ước, *Tiểu thuyết* của An Văn. Một loại nữa của Thế thuyết: như *Tiểu lâm* của Hàm Đăng Thuần, *Khải nhan lực* của Hầu Bạch - Từ xưa đến nay, Thế thuyết được mô phỏng khá nhiều.

Chương 8. Văn chương truyền kỳ đời Đường (Thượng).

Đến đời Đường người ta mới bắt đầu có ý thức viết tiểu thuyết. Tiểu thuyết của người đời Đường có ảnh hưởng rộng lớn. Vương Độ với truyện *Guong Xưa*, Võ Danh Tử với truyện *Bạch Viên* (Vượn trắng), Trương Văn

Thanh với *Choi động tiên*. Từ sau hai niên hiệu Khai Nguyên Thiên Bảo thì tác giả xuất hiện rất đông, Trầm Ký Tế với truyện *Chiếc gối*, Trầm Á Chi với *Hận sông Tương*, Trần Hồng với truyện *Trường hận ca*, Bạch Hành Giản với truyện *Lý giai*, v.v... và v.v...

Chương 9. Văn chương truyền kỳ đời Đường (Hạ).

Hai tác giả lớn nhất: Nguyên Chẩn với truyện *Oanh Oanh* cùng những trước thuật tiếp theo sau đó, Lý Công Tá với truyện *Thái thú Nam Kha*, truyện *Tạ Tiểu Nga*, *Cổ ngục mạng kinh*.

Chương 10. Tuyển tập truyền kỳ đời Đường với các tập cùng loại linh tinh khác.

Huyền quái lục của Ngưu Tăng Nhū với những tập truyện mô phỏng nó, *Dậu dương tạp trổ* của Đoàn Thành Thức với Tập tục biên *Tạp toán* của Lý Nghĩa Sơn, và tục biên của người đời Tống Minh.

CHƯƠNG 11. Sách chí quái và văn chương truyền kỳ đời Tống.

Triều Tống khoảng đầu làm sách *Thái bình quảng ký* là bộ sách tập hợp chứa đựng các tiểu thuyết - Việc sách chí quái đời Tống muốn làm cho người ta tin: Từ Huyền với *Kê thần lục*, Ngô Thục với *Giang Hoài dị nhân truyện*. Việc sách chí quái đời Tống với dụng ý viết cho nhiều như Hồng Mai với *Di Kiên chí*. Truyền kỳ đời Tống lúc đầu hay răn dạy như Nhạc sử với *Lục chân truyện*, *Dương Thái Chân ngoại truyện*, Tấu Thuần với *Triệu Phi Yến biệt truyện* v.v... - Việc truyền kỳ đời Tống dựa vào truyện xưa, như *Đại nghiệp thập di ký* v.v... Chuyện *Mai phi*.

Chương 12. Thoại bản đời Tống.

Đời Đường đã có truyện cũ bằng văn thông tục, tiểu thuyết thông tục đời Tống là từ đó mà ra. Chuyện kể về các nghề vặt. Chuyện kể giảng sử cùng tiểu thuyết trong 4 khoa. Thoại bản. Những chuyện loại thoại bản hiện còn thấy: *Ngũ đại sử bình thoại*, *Kinh bản thông tục tiểu thuyết*.

Chương 13. Phỏng thoại bản đời Tống Nguyên.

Thoại bản ảnh hưởng đến việc trước tác. Lưu Phủ với Thanh tổn cao nghị cùng Chích Di (Nhặt lượm những điều bỏ sót). Truyện về Đại Đường Tam Tạng Pháp sư đi lấy Kinh - Những sự kiện bỏ sót của đời Tuyên Hòa, Đại Tông.

Chương 14. Chuyện giảng sứ đời Nguyên Minh còn truyền lại (Thượng).

Toàn tướng bình thoại, bản khắc đời Nguyên, La Quán Trung và trước tác của ông: *Tam quốc chí diễn nghĩa*, *Tùy Đường chí truyện*, *Tàn Đường ngũ đại sứ diễn nghĩa*, *Bắc Tống tam toại bình yêu truyện*.

Chương 15. Chuyện giảng sứ đời Nguyên Minh còn truyền lại (Hạ).

Thi Nại Am với La Quán Trung. Bốn bản truyện *Thủy hử*, bản một trăm mươi lăm hồi, bản một trăm hai mươi hồi, bản bảy mươi hồi - chuyện dẹp yên bốn bọn cướp lớn. *Hậu Thủy hử truyện* của Trần Thẩm đời Minh với *Kết Thủy hử* - truyện của Du Vạn Xuân đời Thanh. Bình thoại sứ sự đời Minh từ khi mở đầu cho đến đời Lưỡng Tống. Bản tổng quát và sửa chữa bổ sung của đời Thanh.

Chương 16. Tiểu thuyết ma quỷ đời Minh (Thượng).

Ảnh hưởng của việc tôn sùng dòng phái Đạo Gia khoảng giữa đời Minh. *Tứ du ký* (hay là Ký về 4 cuộc đi chơi): chuyện đời Minh, *Lên động tiên* của Ngô Minh Thái, chuyện *Hoa quan Thiên vương* cùng chuyện *Xuất thân của Huyền thiên thượng đế* của Dư Tượng Đầu, *Tây du ký truyện* của Dương Chí Hòa.

Chương 17. Tiểu thuyết ma quỷ... (Trung).

Tây du ký của Ngô Thừa Ân, *Hậu Tây du ký* và *Tục Tây du ký*.

Chương 18. Tiểu thuyết ma quỷ... (Hạ).

Phong thần truyện của Hứa Trọng Lâm, *Tam bảo thái giám Tây dương ký* của La Mộng Đăng, *Tây du bổ* của Đổng Thuyết.

Chương 19. Tiểu thuyết nhân tình thế thái của đời Minh (Thượng).

Chuyện Kim Bình Mai. Việc đời Minh (vào khoảng giữa) các văn thần đạo sĩ nhờ dâng các phương thuốc mà được vua tin yêu, đã ảnh hưởng đến tiểu thuyết như thế nào - *Chuyện Ngọc Kiều Lý*. *Chuyện Tục Kim Bình Mai* của Đinh Diệu Cảng chuyển vào lối nói về nhân quả. *Chuyện bóng hoa cách rèm*. (Cách liêm hoa ảnh) đời Minh.

Chương 20. Tiểu thuyết nhân tình đời Minh... (Hạ).

Môn phái tiểu thuyết giai nhân tài tử: *Chuyện Ngọc Kiều Lê*; Địch ngạn sơn nhân với chuyện *Bình Sơn Lãnh Yến*; Danh giáo trung nhân với *Hảo cầu truyện*, Văn phong sơn nhân với *Thiết hoa tiên truyện*.

Chương 21. Tiểu thuyết thị dân đời Minh theo kiểu Tống cùng những bản chọn lọc sau đó.

Cổ kim tiểu thuyết của Phùng Mộng Long, Dụ thế minh ngôn, Cảnh thế thông ngôn, Tình thế hăng ngôn (Tam ngôn). Phách án kinh kỳ (bản in lần 2) của Lăng Mông Sơ, Tây Hồ nhị tạp của Chu Thanh Nguyên, Túy tinh thạch của Đông Lỗ cổ cuồng si, Cổ kim kỳ quan của Báo ứng lão nhân bản chọn lọc đời Minh Thanh, Kim cổ kỳ văn của Đông bích sơn phóng chủ nhân, Túc kim cổ kỳ quan của Vô danh.

Chương 22. Tiểu thuyết đời Thanh theo kiểu tiểu thuyết Tấn Đường cùng các môn phái của nó.

Sự phục hưng mạnh mẽ và sự cấm đoán văn chương truyền kỳ phỏng theo người đời Đường vào đầu đời Minh. Bồ Tùng Linh lại mô phỏng văn truyền kỳ nói chuyện hồn ma quái: Liêu Trai chí dị. Kỳ quân, theo lối chí quái đời Tấn Tống mà viết sách: Duyệt vi thảo đường bút ký, 5 loại. Vương Thao viết chí dị mà việc ma quỷ ít dần đi: Độn quật lan ngôn v.v.... . Dòng cuối chí quái lại rơi vào lối nói chuyện nhân quả.

Chương 23. Tiểu thuyết châm biếm đời Thanh.

Ngô Kính Tử với Nho lâm ngoại sử. Nho lâm ngoại sử không có chép thêm sách. Sách châm biếm không có tiếp nối.

Chương 24. Tiểu thuyết nhân tình thế thái đời Thanh.

Hồng Lâu Mộng – nguyên tên là Thạch Đầu Ký, bản đầu tiên và bản đã xong hoàn toàn. Những thuyết khác nhau về sự việc trong Hồng Lâu Mộng: Thuyết gia sự của Minh Châu, Thuyết cổ sự (hay chuyện đời xưa) của Đổng Ngạc Phi, Thuyết ám thị triều đình đời Khang Hi, việc đoán định về tác giả cùng người viết tiếp chuyện Hồng Lâu Mộng. Sách tiếp tục chuyện Hồng Lâu Mộng có nhiều.

Chương 25. Việc đời Thanh dùng tiểu thuyết để thấy tài học ra thế nào.

Văn chương tỏ rõ tài kinh bang tế thế. Hạ Kính Tử với Dã Tẩu bộc ngôn (Lời thẳng thắn của ông lão nhà quê); Văn chương để tỏ ra tài văn từ: Đồ Thân với Đàm sử, Trần Cầu với Yên sơn ngoại sử. Văn chương để tỏ rõ học rộng biết nhiều: Lý Nhū Trân với Kinh hoa duyên (Duyên hoa gương).

Chương 26. Tiểu thuyết hiệp tà đời Thanh.

Từ đời Đường trở xuống các nhà văn đã hay ghi chép những việc nhỏ nhặt trong lòng. Trần Sâm với *Phẩm hoa bửu giám*. Ngụy Tú nhân với *Hoang nguyệt hán*, Du Đạt với *Thanh lâu mộng*. Việc cái ơn thừa của Hồng Lâu Mộng còn lại trong tiểu thuyết hiệp tà đến việc nó tiêu tan đi. Hàn Tử Văn với *Hải thương hoa liệt truyện*.

Chương 27. Tiểu thuyết nghĩa hiệp đời Thanh cùng tiểu thuyết công án.

Văn Khang với *Nhi nữ anh hùng truyện*, Thạch Ngọc Côn với chuyện *Tam hiệp ngũ nghĩa* cùng với chuyện *Thất hiệp ngũ nghĩa trùng biên* của Duy Việt. Chuyện *Tiểu ngũ nghĩa*, Tục tiểu ngũ nghĩa, Chính tiểu ngũ nghĩa toàn truyện. *Thi công án* cùng với *Bành công án* các chuyện viết phỏng theo, viết tục nổi thêm có nhiều. Việc tinh thần *Thủy hử* bị tiêu diệt trong dân gian.

Chương 28. Tiểu thuyết khiển trách cuối đời Thanh.

Ghi chép về hiện trạng của chốn quan trường của Lý Bửu Gia. *Hiện trạng quái gở mắt thấy trong 20 năm* của Ngô Óc Nghiêу và nhiều tác

phẩm khác nữa. *Lão tàn du ký* của Lưu Ngạc, *Nghiệt hải hoa* của Tăng Phát - Tiểu thuyết khiển trách thoái hoá thành sách phỉ báng và tiểu thuyết mèm đêm.

- Hậu ký;
- Diễn biến lịch sử của tiểu thuyết Trung Quốc.

LỜI ĐỀ

Nhớ lại thời gian giảng về tiểu thuyết, cách đây cũng đã ngót mươi năm, ngay việc in ra tập sách sơ lược này cũng đã cách đây bảy năm rồi. Từ bấy đến nay, phong khí tìm tòi, nghiên cứu đã lớn mạnh lên, điều còn tối được rõ ra, chỗ bí ẩn được soi sáng. Như việc giáo sư Diêm Cốc Tiết Sơn, phát hiện bản khắc in dời Nguyên, *Toan hướng bình thoại*, lại gia công tìm tòi, khảo xét, đối với vấn đề lịch sử của tiểu thuyết đúng là một việc lớn. Đến như Trung Quốc thường có người nói, nên có một bộ lịch sử của tiểu thuyết chia theo ranh giới các triều đại, thì đó cũng quyết không phải là một lời bàn nông cạn, phù phiếm khong đâu. Còn tập lịch sử sơ lược này đã sớm thành lời sáo cũ chỉ do không có sách mới nào khác nên người đọc vẫn còn đọc mà thôi, nay đem in lại, lẽ ra phải có sự đổi thay. Song từ khi lưu lạc đến giờ, nghè cũ bỏ lâu rồi, cái trước làm ra đã như mây khói, cho nên chỉ có ba thiển 14, 15 với 21 là có sửa đổi lại chút ít, còn thì do không có ý mới gì khác, nói chung là cứ để như xưa. Bình lớn làm xong thì đã quá muộn, vại sành để đã lâu ngày, cho dù còn lay lắt dùng tạm cũng nghe vắng lạnh, sửa rồi lòng ảm đạm, chân thành mong có trước tác kiệt xuất ở những kẻ tài tuấn ngày mai.

Đêm 25 - 11 - 1930

LÔ TẤN

LỜI TỰA

Tiểu thuyết Trung Quốc đến nay không có sử, có chăng thì trước tiên là thấy trong văn học sử Trung Quốc của người nước ngoài làm, rồi sau thì của người Trung Quốc làm cũng có đấy, song đều rất ít, không đến một phần mười của cuốn sách. Do đó mà về tiểu thuyết vẫn không rõ ràng.

Bản thảo này tuy là chuyện lịch sử, nhưng cũng là sơ lược thôi. Song, ba năm trước đây, tác giả tình cờ phải giảng dạy môn này, tự nghĩ mình nói năng không giỏi, thính giả hoặc có nhiều người không rõ thì đã bỏ bớt những điều khoản lớn đi, rồi viết in để phát cho mọi người, rồi lại lo người chép khó nhọc, bèn rút gọn lại thành văn ngôn, giảm các ví dụ đi để biến thành một bản yếu lược, đến nay vẫn dùng. Song cuối cùng đem xếp in là vì viết in đã nhiều lần rồi, những ai làm việc đó thực ra cũng đã khó nhọc lâu rồi, nay xếp chữ so với trước có phần bớt phiền phức đi, cho nên đem in.

Từ khi biên tập viết in đến nay; bốn, năm người bạn hoặc đưa sách vở cho mượn, hoặc dò lại và sửa chữa giùm, nhã ý săn sàng, 3 năm như một. Than ôi, xin cảm tạ ở đây.

Đêm 7 - 1 - 1923

Lô Tấn ghi tại Bắc Kinh

Chú: Trong bản in gộp lại xuất bản tháng 9/1925 sau lời tựa trên, có

lời tựa phụ ghi thêm cho lần tái bản, nội dung như sau:

Lời phụ ghi thêm cho lần tái bản sách Sơ lược lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc.

Sách này sau khi in ra, nhiều lần các bạn tương tri thấy được những chỗ lầm lẫn, khiến nó được sửa đổi như hiện nay; hai ngài Độn Chuyết và Đàm Chính Bích chưa hề biết người biết mặt cũng gửi thư uốn nắn sửa chữa, tình cao ý nhã, càng cảm trong lòng. Ngài Đàm còn đưa cho xem lời của ngài Ngô Vũ An trong tập Cô khúc Trần Đàm rằng: U khuê ký là sách của Thi Quân Mỹ làm, Quân Mỹ tên là Huệ tức là cư sĩ Thi Nại Am, tác giả chuyện Thủy hử. Đó là một điều rất mới, song vì không biết sách Trần Đàm là sách nào nên chưa đem bổ sung vào, chỉ ghi lại đây, để cung cấp cho độc giả tham khảo.

10 - 9 - 1925

Lỗ Tấn ghi

Chương 1

NHỮNG TRƯỚC TÁC, SAO LỤC CÙNG NHỮNG BÌNH LUẬN, LUỢC THUẬT CỦA SỬ GIA NÓI VỀ TIỂU THUYẾT

Tên gọi tiểu thuyết, xưa thấy trong câu của Trang Chu nói rằng: trau dồi tiểu thuyết để cầu cạnh viên quan huyện (Thiên Ngoại vật, sách *Trang Tử*), nhưng xét đúng thực tế thì danh từ đó là chỉ những lời nói vụn vặt, tầm thường, không phải có đạo lý gì ở trong, cùng với danh từ tiểu thuyết dùng về sau vốn không đồng nghĩa. Hoàn Đàm nói: “Nhà tiểu thuyết gom góp những câu nói vụn vặt, những mẩu chuyện vụn vặt, lấy thí dụ để làm ra những cuốn sách ngắn, gọn, tuy vậy cũng có thể lấy đó để rắn mình, sắp xếp việc nhà”.

(Lý Thiện chú sách *Văn tuyển 31* trong lời dẫn sách Tân luận) thì danh từ tiểu thuyết mới bắt đầu có phần giống với nghĩa dùng về sau. Nhưng sách *Trang Tử* nói vua Nghiêu hỏi Khổng Tử, sách *Hoài nam tử* nói Cung công giành ngôi vua, dây chằng đất đứt mà thời bấy giờ cũng nhiều người cho là hai cuốn sách “văn tắt không dùng được”, thế thì loại tiểu thuyết đó cứ nên gọi là ngũ ngôn dị ký, nó không căn cứ vào kinh truyện, trái ngược với sách vở của Nho gia rồi. Các thuyết của đời sau càng rối ren hơn, nay không đủ bàn mà chỉ nên tìm chứng cứ trong sách sử thực sự vì xưa nay việc bàn luận, đoán định văn học nghệ thuật cũng vẫn là chức trách của sử quan.

Nhà Tần thiêu hủy văn chương để làm cho dân đen ngu muội, nhà Hán thì thu nhặt sách vở, đặt chức quan sao chép, Thành đế và Ai đế cả hai vua lại còn nối nhau sai Lưu Hướng với con là Lưu Hâm chữa sách trong mật phủ, Lưu Hâm tóm tắt mọi sách, làm sách thất lược (bảy bản tóm tắt sơ lược) mà tâu lên. Sách thất lược nay không còn, Ban Cố làm *Hán thư*, dọn bớt lại làm *Nghệ văn chí*, phần ba trong chương đó gọi là *Chu tử lược*, chép đến mươi nhà mà cho rằng chỉ có chín nhà là khả quan, nhà tiểu thuyết thì không được kể trong đó, song ở phần cuối, còn ghi lại được chín mươi lăm nhà. Về chí, Ban Cố có tự mình chú thêm, còn những lời chú linh tinh nói thế này thế nọ là của Nhan Sư Cổ đời Đường.

Y đoán thuyết, gồm hai mươi bảy chương - Lời văn nông cạn khinh bạc, hình như giả mạo.

Chu tử thuyết, gồm mươi chín chương - Của đời sau thêm vào.

Chu khảo, gồm bảy mươi sáu chương - Khảo chép việc nhà Chu.

Thanh sử tử, gồm năm mươi bảy chương - Ghi chép của sử quan xưa.

Sư khoáng, gồm sáu chương - có trong kinh *Xuân thu*, hình như cũng nhân đó mà giả mạo thêm.

Vụ Thành tử gồm mười một chương - Xưng là Đế Nghiêu hải, vẫn không phải văn xưa.

Tống tử, gồm mươi tám chương - Tôn Khanh Đạo cho rằng lời Tống Tử nói ra ý của Hoàng Lão.

Thiên Át, gồm ba chương - *Thiên Át* là chỉ vua Thang - Những lời nói về thời Án đều là dựa dẫm, giả mạo.

Hoàng đế thuyết, gồm bốn mươi chương - Hoang đường giả mạo.

Phong thiện phuong thuyết, gồm mươi tám chương - Thời Võ đế.

Đãi chiếu thần Nhiêu tâm thuật, gồm hai mươi lăm chương - Thời Võ đế. Sử cổ nói: *Biệt lục* của Lưu Hướng có nói: Nhiêu là người nước Tề, không biết họ là gì, làm chức đãi chiếu thời Võ đế, có làm sách nhan đề là

Tâm thuật. Đãi chiếu thời An Thành vi ương thuật: một chương, Ứng Thiệu nói đó là một đạo gia, ham thuật dưỡng sinh, làm ra *Thuật vi ương*.

Thần họ Chu kỷ, gồm bốn chương - Quan coi ngựa và gia súc nước Hạng.

Ngu Sở Chu thuyết, gồm chín trăm bốn ba chương - Người Hà Nam, do tư cách là phuơng sĩ, làm chức thị lang thời Võ đế, hiệu là Hoàng xa sứ giả, Ứng Thiệu nói: Thuyết của Ngu Sở lấy sách Chu thư làm gốc. Sư cổ nói: sách sử ký có nói Ngu Sở là người Lạc Dương, tức là người mà trong bài phú Tây kinh của Trương Hành nói: Tiểu thuyết 900, gốc vốn từ Ngu Sở.

Bách gia, gồm một trăm ba mươi chín quyển.

Mười lăm loại tiểu thuyết nói trên, sách chép đến 1380 chương.

Dòng phái các nhà tiểu thuyết là sinh ra từ các chức quan nhỏ (bài quan)¹, sách họ làm là do câu chuyện đường phố, lời nói ngô lang, vào lỗ tai ra lỗ miệng mà tạo ra. Khổng Tử nói “Tuy là cái đạo nhỏ, nhưng chắc chắn cũng có chỗ khả quan, có điều là di đến xa thì sợ sự ứ đọng”. Ấy vì lẽ đó mà kẻ quan tử không làm nhưng cũng không diệt đi, những kẻ có hiểu biết chút ít làng xóm nông thôn mà có khả năng làm được, viết được thì cũng bảo hộ cứ tiếp tục mà làm, đừng bỏ quên, rồi hoặc có một câu, một lời chọn được thì cũng coi đó là điều nghị luận của kẻ cuồng phu, của hàng người thảo dã.

Trong số mười lăm nhà chép trên, đến thời Lương đã còn có một cuốn *Thanh sử tử* mà đến đời Tuỳ thì cũng mất luôn, chỉ căn cứ theo lời chú của Ban Cố thì tất cả các sách đại để đều hoặc là dựa vào người xưa mà làm giả ra, hoặc ghi chép việc xưa, sách giả thì giống các “Tử” mà nông cạn khinh bạc, chép việc thì gần với sự mà sai lầm.

Giữa niên hiệu Trinh quán, đời Đường, bọn Trưởng Tôn Vô Kỵ làm Tuỳ thư, phần *Kinh tịch chí soạn* từ Ngụy Trung phỏng theo *Trung Kinh bộ* mà thay đổi chút ít, làm thành bốn bộ kinh, sử, tử, tập mà Tiểu thuyết vẫn

¹ *Bài quan*, theo Từ Hải là *quan nhỏ* (tiểu quan).

để vào bộ *tứ*. Nội dung thì ngoài *Yên Đan tử* ra không có sách từ Tấn về trước mà lại chép thêm những chuyện ứng đối, kể các nghệ thuật, các vật cùng chơi vui, trình bày sắp xếp thì vẫn theo thứ tự cũ của *Nghệ văn chí* trong *Hán thư*, sau gọi tắt là *Hán chí*:

“Tiểu thuyết tức các mẫu chuyện đầu đường, các câu nói trong ngõ. Truyện thì chép lời của đông đảo người thường, thơ thì hỏi ở hạng người thảo dã. Đời xưa thánh nhân ở trên, sứ quan làm sách, người mù làm thơ, đọc các bài *châm* khuyên can, quan đại phu lấy làm khuôn mẫu để dạy dỗ, kẻ sĩ truyền bá, còn dân thường thì đàm tiếu. Tháng đầu xuân vừa đi gõ mõ để sưu tầm ca dao tuần tra thăm hỏi, xem thơ người ta làm để biết phong tục, có lỗi thì sửa đi, sai thì đổi lại, đầu đường cuối ngõ, không gì không chép hết, các chức quan nhà Chu thì đọc lời giáo huấn, giữ đạo, lập chí đúng đắn để chỉ vẽ cho người ta hiểu mà kiêng tránh, các quan *phương thị* chỉ đạo việc chính sự ở bốn phương theo ý chí của trên và nguyện vọng của dưới, truyền đạo cho bốn phương và xem xét cách ăn mặc và đồ dùng mọi nơi. Khổng Tử nói: “Tuy là tiểu đạo nhưng hẳn cũng có chỗ khả quan, chỉ một điều là tiến đến xa thì sợ ách tắc không thông suốt”.

Thời Thạch Tấn bọn Lưu Hu nhân thuật sử cũ mà làm *Kinh tịch chí* cho *Đường thư* (sau gọi tắt là *Đường chí*) thì lấy *Cố kim thư lục* do Võ Cảnh soạn mà làm gốc, có dụng ý bỏ bớt những điều giải thích lời tựa của sách gốc, do đó những ý kiến bàn luận thuật kể của sử quan không thấy được nữa. Tiểu thuyết mà họ chép so với *Kinh tịch chí* của *Tuỳ thư* cũng không khác lắm, chỉ bỏ bớt những sách đã mất mà thêm vào sách *Bác vật chí* 10 quyển của Trương Hoa. Trong *Tuỳ chí* vốn thuộc tạp gia đến đây mới đưa vào tiểu thuyết.

Khoảng giữa niên hiệu Hoàng Hựu nhà Tống, bọn Tăng công Lương được vua giao san định lại sử cũ, người biên soạn các loại chí là Âu Dương Tu. Trong *Nghệ văn chí* (sau gọi tắt là *Tân Đường chí*) thì về tiểu thuyết thêm nhiều các trước tác từ Tấn đến Tùy, từ *Liệt dị truyện* của Trương Hoa, *Yên dị truyện* của Đái Tộ đến *Tục tè hài ký* của Ngô Quân, loại sách chí thần quái đó có đến mười lăm tác giả, một trăm mười lăm quyển, *Cẩm Ứng*

truyện của Vương Diên Tư rồi *Sinh dị ký* của Hầu Quân Tố, loại chuyện nói nhân quả có chín nhà, bảy mươi quyển. Tất cả sách đó, trong *chí* của các sách trước vốn có rồi và đều xếp vào loại tạp truyện của sử, ngang hàng với chuyện các liệt nữ, lương lai, hiếu tử, cao ẩn; đến đây những chuyện đó mới đưa lui vào tiểu thuyết mà bộ sử do đó mới không có chuyện qui thần nữa; lại thêm vào trước tác của người đời Đường, như loại sách răn dạy *Giới tử thập di* của Lý Thú, loại sách kể điển cố sự thủy của Lưu Hiếu Tôn, loại sách chỉnh mọi sai lầm giả ngụy *San ngô* của Lý Phàu, loại sách kể những đồ ăn thức dùng *Trà kinh* của Lục Vũ; thêm mọi loại vào, thể lệ sách cũng rối bời. Đời Nguyên tu sửa sử đời Tống cũng không thay đổi gì, chỉ làm cho thêm rậm rì, phức tạp mà thôi.

Hồ Ứng Lân đời Minh, với sách *Thiếu thất sơn phòng bút tùng* 28 cho rằng tiểu thuyết thì nhiều, dòng phái lại lấm, bèn khảo xét lại những nét lớn, chia làm sáu loại.

- Là chí quái - Loại sách như *Sưu thần*, *Thuật dị*, *Tuyên thất*, *Dậu dương*...
- Là truyền kỳ - Loại sách như *Phi Yến*, *Thái Chân*, *Thôi Oanh*, *Hoắc Ngọc*...
- Là tạp lục - Loại sách như *Thế thuyết*, *Ngữ lâm*, *Toản ngôn*, *Nhân thoại*...
- Là Tùng đàm - Loại sách như *Dung trai*, *Mộng khê*, *Đông cốc*, *Đạo son*...
- Là biện đính - Loại sách như Thủ phác, Kê lặc, Tư hạ, Biện nghi...
- Là châm qui - Loại sách như *Gia huấn*, *Thế phạm*, *Khuyến thiện*, *Tinh tâm*...

Giữa niên hiệu Càn Long đời Thanh, nhà vua sai soạn *Tú khố toàn thư* tổng mục đề yếu, và để chép tổng quát sự việc, về tiểu thuyết thì chia làm ba phái, mà xếp bày bàn luận thì theo như trong sách *chí cũ*.

... Theo những chỗ khác nhau thì đại khái có ba phái: một phái tự

thuật các tạp sự, một phái ghi chép những điều hiếm lạ, một phái tập hợp diễn dịch những lời, những câu rời rạc, lặt vặt. Từ Đường Tống trở đi, tác giả càng đông, trong đó hạng bày đặt dựng đứng, thất thiệt phi lý, đưa ra những chuyện càn quấy yêu ma, làm huyền hoặc người ta vốn không phải ít, song sách có ngụ ý khuyên răn, mở rộng kiến thức, thêm tư liệu nghiên cứu cũng có lẩn lộn ở trong. Ban Cố cho rằng dòng phái tiểu thuyết có thể từ các chức quan nhỏ mà ra. Như Thuần chú thích nói: Các vương giả muốn biết phong tục dưới làng xóm cho nên lập ra những chức quan nhỏ (tỷ quan), khiến họ kể lại để nghe. Như vậy thì việc tìm khắp chọn rộng cũng là chế độ đời xưa, vốn không hẳn nên bỏ đi vì quá nhiều và lộn xộn. Nay khảo xét sao chép lấy những sách bình thường, quen thuộc để mở rộng kiến văn, còn những loại bỉ ổi hoang đường, chỉ làm rối loạn tai mắt mà thôi thì gạt bỏ đi không chép.

Tây kinh tạp ký sáu quyển - *Thế thuyết tân ngữ* ba quyển...

Trên là loại tiểu thuyết tạp sự...

Son hải kinh mươi tám quyển - *Mục thiên tử truyện* 6 quyển - *Thần dị kinh* một quyển...

Suu thần ký hai mươi quyển... *Tục tề hải ký* một quyển

Bác vật chí mươi quyển - *Thuật dị ký* hai quyển - *Dậu dương tạp trổ* hai mươi quyển - *Tục tập* mươi quyển...

Trên là loại tiểu thuyết dị văn.

Bác vật ký mươi quyển, *Thuật dị ký* hai quyển, *Dậu dương tạp trổ* hai mươi quyển, *Tập tục* mươi quyển.

Trên là loại tiểu thuyết tỏa ngữ hay lời, vạn câu vặt...

Ba phái nói trên, một loại trước là tạp lục, hai loại sau là chí quái, song sắp xếp, tự thuật có thứ lớp mạch lạc thì gọi là dị văn, còn sao chép tốn mủn, vụn vặt thì gọi là tỏa ngữ mà thôi. Truyền kỳ thì không chép vào ba loại tùng đầm; biện đính, châm qui thì đưa vào tạp gia, phạm vi tiểu thuyết nhờ đó mới tạm rõ ràng đúng đắn. Song *Son hải kinh* cùng *Mục*

thiên tử truyện lại từ đó mà bắt đầu đưa trở lui vào tiểu thuyết, Án Ngữ Cổ nói: “Mục thiên tử truyện, các sách cũ đều đưa vào loại ghi chú việc sinh sống hàng ngày... Thực ra thì quàng xiên không căn cứ, lại không thể ví với sách Dật chu thư được... Nếu cho là tín sử mà chép vào thì sử trở thành phức tạp, khuôn mẫu sử bị phá vỡ mất. Nay lui trở lại, đặt vào tiểu thuyết gia là cầu cho ý nghĩa được thích đáng, không nên ái ngại vì thay đổi lối xưa”. Như thế là trong loại chí quái của tiểu thuyết lại chen lẫn vào loại sử vốn không phải dựa dẫm giả thác, mà sử thường sẽ không cho phép kể ngang hàng cùng nó những sách có chứa nhiều truyền thuyết.

Đến bình thoại đời Tống, diễn nghĩa đời Minh, xưa nay thịnh hành trong dân gian, sách hẳn phải nhiều mà các phần chí của sử lại đều không ghi chép, chỉ có Vương Kỳ đời Minh làm sách *Tục văn hiến khảo*, Cao Nho làm sách *Bách xuyên thư chí* là có đưa vào *Tam quốc chí diễn nghĩa* và *Thủy hử truyện*. Đầu đời Thanh, Tiền Tăng làm sách *Dã thị viễn thư mục*, cũng có đưa vào những tiểu thuyết thông tục như loại *Tam quốc chí* 3 thứ, những từ thoại của người đời Tống như loại *Đặng hoa bà bà*, 16 thứ. Song *Tam quốc chí*, *Thủy hử*, trong niên hiệu Gia Tinh có bản khắc in của viện đồ sát, người ta cho chúng là quan thư (hay sách nhà nước) nên mới được đưa vào, các thư mục lập ra sau đó thì liền bỏ đi không ghi chép nữa. Tiền Tăng là người chuyên việc tìm kiếm tàng trữ, chỉ riêng trong cuốn sách, do theo bản cũ nên mới đưa vào, không phải có hiểu biết thực sự về nghề văn, vì vậy mà xa rời, trái ngược với thể thức trước. Theo thành kiến của sử gia, từ đời Hán đến ngày nay đại để giống nhau, mục lục cũng là chi lưu của sử, vốn khó có ai vượt lên trên ranh giới được.

Chương 2

THẦN THOẠI VỚI TRUYỀN THUYẾT

Trong sách *Chí quái*, Trang Tử bảo là có sách *Tề hài*, Liệt tử thì gọi là *Di Kiên*, song đều là sách ngụ ngôn, không đủ căn cứ tin được - Sách *Hán chí* lại nói là từ các chức bài quan (tức các quan nhỏ) mà ra. Song bài quan chỉ có trách nhiệm tìm kiếm tập hợp mà không phải sáng tác, chuyện đầu đường cuối ngõ tự sinh ra trong dân gian, vốn không phải do một ai làm ra một mình, xét đến gốc rễ thì cũng như các dân tộc khác, nằm trong thần thoại và truyền thuyết.

Xưa kia người dân nguyên thủy, thấy trời đất muôn vật biến hóa khác thường, mà mọi hiện tượng đó lại trên súc người hiểu biết được, nên họ tự tạo ra nhiều thuyết để giải thích: Những điều giải thích đó, nay gọi là thần thoại. Thần thoại đại để lấy một “thần cách” hay một người tính cách như thần làm trung tâm, lại suy diễn ra mà kể lại, và đối với vị thần, việc thần, mình mô tả, tự thuật, lại đem lòng tin tưởng kính sợ, rồi ca ngợi là uy linh, tôn thờ ở đền miếu, càng lâu càng hơn lên mà thành phức tạp thêm. Cho nên thần thoại không những là mầm mống của tôn giáo, của mỹ thuật mà còn là ngọn nguồn của văn chương nữa. Có điều thần thoại sinh ra văn chương mà nhà thơ lại là kẻ thù của thần thoại, vì lẽ trong khi ca tụng tự thuật không khỏi có điều tô vẽ trau dồi thêm, đến mất cái gốc gác cũ, như vậy là thần thoại tuy nhờ thơ ca mà ngời sáng thêm, mà lưu truyền được, nhưng cũng vì thế mà đổi khác đi, mà tiêu tan mất. Chẳng hạn thuyết khai thiên lập địa mà ở Trung Quốc còn sót lại bây giờ, thiết tưởng cũng đã cao

siêu nhưng cái bộ mặt thật của người dân nguyên sơ thì không thấy được nữa, đó là một thí dụ.

Trời đất lùng bùng hồn độn như trứng gà, ông Bàn Cổ sinh ra trong đó, một vạn tám ngàn tuổi. Trời đất mở ra, dương trong làm trời, âm đục làm đất, Bàn Cổ ở trong đó, một ngày biến đổi chín lần, thành thần trên trời, thành thánh dưới đất. Trời ngày cao thêm một trượng, đất ngày dày thêm một trượng, như vậy một vạn tám nghìn năm, số trời cực cao, số đất cực sâu, Bàn Cổ cực lớn. Sau mới có tam hoàng (Sách *Nghệ văn loại tự* dẫn sách *Tam ngũ lịch ký* của Từ Chỉnh).

Trời đất cũng là vật, vật có chỗ không đủ. Cho nên xưa bà Nữ Ô luyện đá năm màu để vá chỗ thiếu, làm đứt chân con ngao để dựng lên bốn cực - Sau đó Cung Công thị cùng Chuyên Húc tranh nhau làm đế, giận mà húc núi Bất chu, cột trời gãy, dây đất đứt, cho nên trời nghiêng ở phía Tây Bắc, mặt trời mặt trăng, các sao đến đó, đất không dày ở phía Đông Nam, cho nên trăm sông nước lụt chảy về (Thiên Thang vấn sách *Liệt tử*).

Thần thoại cứ diễn tiến, đến một lúc thì cái trung tâm đã dần dần gần với tính người, những điều tự thuật, nay gọi là truyền thuyết. Truyền thuyết nói đến hoặc là người mà có tính thần, hoặc là bậc anh hùng xưa tài năng kỳ lạ, sức mạnh như thần, người thường không thể có được, phải do có trời cho, hoặc là có cái gọi là tướng trời hay trời giúp. Giản Địch nuốt cái trứng yến mà sinh ra nhà Thương, bà Lưu được rồng cùng nằm mà có mang cậu Quí, đó là hai ví dụ, ngoài ra còn nhiều.

Thời vua Nghiêu, mười cái mặt trời mọc một lúc, cháy lúa má, giết cỏ cây, dân không có gì ăn. Khiết luân, tặc xỉ, cửu anh, đại phong, phong hi, tu xà con vật nào cũng đều làm hại dân. Vua Nghiêu bèn sai Nghệ... trên thi bắn mười cái mặt trời, mà dưới thì giết con Khúc luân... Muôn dân đều mừng, đặt Nghiêu làm con trời hay Thiên tử (Bản kinh huấn sách *Hoài nam tử*).

Nghệ xin thuốc bất tử của Tây vương mẫu, Hằng Nga ăn cắp để chạy lên mặt trăng (*Lâm minh huấn sách Hoài nam tử*) Cao Dụ chú thích rằng: Hằng Nga là vợ Nghệ. Nghệ xin thuốc bất tử của Tây vương mẫu, chưa kịp

dùng, Hăng Nga ăn vụng đi, thành tiên, mới trốn vào Mặt trăng làm Nguyệt tinh hay tinh trăng. Xưa vua Nghiêng giết ông Cổn ở núi Vũ sơn, thần ông Cổn hóa làm con gấu vàng để vào trong vạc Vũ uyên (*Tả thị truyện*, sách *Xuân thu*).

Cỗ Tẩu sai ông Thuấn lên trát nhà kho, từ dưới tung lửa đốt kho. Thuấn bèn lấy hai cái nón đỡ mà nhảy xuống, khỏi chết. Cỗ Tẩu lại sai Thuấn xoi giếng, Thuấn xoi giếng làm chỗ hổng giấu di, thoát ra một bên (*Thuấn bản kỷ*, sách *Sử ký*). Thần thoại với truyền thuyết của Trung Quốc nay vẫn không. Có sách chép thành chuyên thư, chỉ thấy tản mát trong sách xưa mà trong *Son hải kinh* là đặc biệt nhiều. Sách *Son hải kinh* lưu truyền ngày nay có mười tám quyển, ghi chép về núi sông thần kỳ, vật lạ cho đến việc tế tự sở nghi trong và ngoài nước, cho rằng do ông Vũ ông Ích làm vốn không phải, mà bảo nhân *Sở* từ mà làm ra cũng chưa đúng, sách chép về lễ vật dâng cúng hay dùng chữ tư (tức là gạo tinh), hợp với thuật đồng bóng, có thể là sách đồng bóng xưa, song người đời Tần đời Hán cũng có thể thêm thắt vào. Chuyện mà người ta biết đến nhất, thường dẫn làm chuyện xưa có thực là chuyện núi Côn Lôn cùng với Tây vương mẫu.

Gò Côn Lôn, thì đúng là kinh đô dưới trần của thượng đế, thần Lục ngô trông coi. Thần đó thân giống thân hổ mà chín đuôi, mặt người mà vuốt hổ. Thần trông coi chín bộ của trời đến vườn thảo thú từng mùa của Thượng đế (*Tây Sơn kinh*).

Ngọc sơn là nơi Tây vương mẫu ở, Tây vương mẫu, hình dáng như người, đuôi gấu, răng hổ mà kêu hú nghe rất hay, tóc bồng lênh mà như chim “đối thắng”. Đó là vị thần trông coi mọi việc nghiêm bộ của trời và giữ sao ngũ tần (*Tây Sơn kinh*).

Gò Côn Lôn vuông tám trăm dặm, cao vạn nhẫn, trên có lúa, thân cây mọc dài năm tăm, to năm ôm, lại có chín cái giếng, dùng ngọc làm lan can chung quanh, phía mặt gò có chín cửa, cửa có con thú “khai minh” giữ. Đó là nơi bách thần ở. Ở chỗ lèn đá tám góc, khoảng sông nước đó, ngoài Nhân Nghê ra không ai lên được (*Hải nội Tây kinh*).

Tây vương mẫu dựa ghế, đầu đội mũ tuỳ mùa, phía Nam có ba con

chim xanh, tìm chọn thức ăn cho mẫu, tại phía Bắc gò Côn lôn (*Hải nội Bắc kinh*).

Giữa miền đại hoang có núi, tên là Phong thư ngọc môn, nơi mặt trời, mặt trăng lặn, có núi Linh sơn, Vu huân, Vu túc, Vu phân, Vu bành, Vu cô, Vu chân, Vu lê, Vu đế, Vu hạ, Vu la, mười vu từ núi ấy mà kêu xuống, một trăm thứ thuốc sinh ra. (*Đại hoang Tây kinh*).

Phía Nam biển Tây hải, giữa bãi cát trôi, sau sông nước đỏ, trước sông nước đen, có ngọn núi lớn, tên là gò Côn Lôn, có vị thần mặt người, răng hổ, thân có đuôi toàn trắng. Ở dưới chân núi có cái vực của sông nước yếu (Nhược thuỷ) bao quanh, phía ngoài có núi lửa rực, ném vật gì vào cũng không động đậy, có người đầu trang sức tùy mùa, răng hổ, đuôi gấu, ở hang, tên là Tây vương mẫu. Núi ấy vạn vật đều có đủ (Nt).

Năm thứ năm, niên hiệu Hàm Ninh nhà Tấn, người huyện Hấp tên là Bất Chuẩn, đào trộm mả vua Tương Ương nhà Ngụy được bộ trúc thư (sách tre) *Mục thiên tử* trung du năm chương, lại *tạp thư* mười chín chương. Mục thiên tử truyện nay còn, có sáu quyển năm quyển đầu ghi việc vua Mục vương nhà Chu đi xe tám ngựa về phương Tây, quyển sau ghi việc bà Thịnh Cơ mất dọc đường cho đến khi đưa về chôn cất, đó có lẽ là một thiên của *tạp thư*. Truyện cũng có nói gấp Tây vương mẫu, mà không kể đến các dị tướng, hình dáng đã gần với vua người.

Ngày lành Giáp Tí, thiên tử đi thăm Tây vương mẫu, cầm ngọc khuê trăng, ngọc bích màu huyền mà ra mắt, rồi tặng hàng dệt gồm một trăm cuốn, hàng dệt (?) 300 cuốn. Tây vương mẫu lạy hai lạy mà nhận lấy. Ất Sửu, Thiên tử mời rượu Tây vương mẫu trên hồ Dao Trì. Tây vương mẫu hát cho Thiên tử nghe, hát rằng: “Mây trăng trên trời, lách qua được núi, đường sá xa vời, núi sông ngăn cách, chúa ngài không chết, trở lại có ngày. Thiên tử hát lại rằng: Tôi về cõi Đông, thương trông mọi nước, muôn dân ngang đều, ta mong thấy bà, lâu là ba năm, quê bà lại đến”. Hát xong, Thiên tử ruồi xe lên núi Yểm sơn, dẫu lên đá núi và trồng cây hoa, đè lên trên là núi của Tây vương mẫu (9.3).

Có hổ ở trong đám lau. Thiên tử sắp đến, có kẻ sĩ ở Thất Tụy là Cao

Bôn Nhung xin bắt sống hổ, thế là an toàn, rồi bắt sống hổ mà dâng, Thiên tử cho làm cui mà nuôi ở Đông ngu, đó thành chuồng hổ, Thiên tử ban cho Bôn Nhung ngựa săn, đủ mười cỗ xe bốn ngựa, cho hưởng lê thái lao. Bôn Nhung dập đầu lạy hai lạy (quyển 5).

Ứng Thiệu đời Hán nói: *Chu Thư* là sách mà tiểu thuyết đầu đời Ngu Thuấn đều gốc ở đó mà ra, mà bản Dật Chu thư này ngày nay chỉ có bốn chương Khắc An, Thế Phù, Vương Hội, Thái tử Tấn ghi chép khá dài dòng tó vẽ, giống với truyền thuyết, còn các chương khác thì không thế. Đến như trong trúc thư lấy ở ngôi mộ huyện Cấp ra, vốn có 11 chương loại “toa ngũ”, là sách bồi mộng nói chuyện yêu quái và xem tướng thì nay không thấy, chỉ sách *Thái bình ngự lâm* lác đác có dẫn một ít, lại ở huyện Cấp có tấm biển Lã vọng cũng có dẫn sách *Chu chí*, đều là văn ghi những điều mộng, rất giống tiểu thuyết, hoặc giả đó là những điều mà buổi đầu thời Ngu Thuấn dựa làm gốc cũng nên, song không có khảo chứng rõ ràng nào khác nên cũng khó mà đoán định được.

Cảnh công nước Tề đánh nước Tống, đến Khúc Lăng, mộng thấy có quan đại phu ngắn chun lũn chầu chực trước mặt. Án tử nói: Điều vua mộng ra thế nào? Cảnh công nói: người chầu chực rất ngắn, to trên nhỏ dưới, lời nói rất giận dữ, thích cúi xuống. Án tử nói: “Như vậy là ông Y Doãn rồi. Y Doãn rất to mà ngắn, to trên nhỏ dưới, mặt đỏ mà có râu quai nón, khi nói thì thích cúi xuống và hạ giọng”. Cảnh công bảo: “Đúng thế”. Án tử nói:

Chi bằng làm trái đi. Cảnh công không đánh Tống nữa (*Thái Bình ngự lâm*, 378).

Vua Văn vương mộng thấy thiên đế mặc áo màu huyền mà ra đứng ở bến Linh hè - Đế nói: “Xương này, cho mày vọng”. Văn vương dập đầu lạy hai lạy, Thái công đứng phía sau cũng dập đầu lạy hai lạy. Cái đêm Văn vương mộng thấy, Thái công cũng mộng thấy như thế. Sau đó, Văn vương ra mắt Thái công mà hỏi rằng: Ông tên là Vọng à? Trả lời rằng: dạ, là Vọng. Văn vương nói: Tôi như có thấy ông rồi. Thái công nói ra cái năm tháng cùng cái ngày, lại kể lại hết những điều đã nói hôm đó và bảo Thần nhờ thế

mà được ra mắt ngài. Văn vương bảo: Có đấy, có đấy, rồi cùng Thái công đi về, lấy làm bậc khanh sĩ (Biểu Thái công Lã Vọng, dựng đài Tấn, khắc đá; dùng Lã Vọng biểu, dựng đài Đông Ngụy để bổ sung những chữ khuyết mất).

Ngoài ra, các sách trước đời Hán như *Yên Đan tử*, *Thục vương bản kỷ* của Dương Hùng đời Hán, *Ngô Việt xuân thu* của Viên Khang, Ngô Bình... Tuy là sách sử thực, nhưng đều có chép những điều dị văn cả. Còn tóm trong thơ ca thì của Khuất Nguyên làm, nhất trong thiên *Thiên vấn*, thường thấy thần thoại cùng truyền thuyết như “Trăng có đức gì, Chết rồi sinh lại, Có lợi thế nào, Lòng ôm thơ mai”, “Cẩn lo làm việc gì, Công Vũ sao thành kia, Khang Hồi theo tức giận, Đất Đông Nam cớ gì lại nghiêng dì” - Vườn huyền Côn Lôn, Đít nó đâu nhỉ, Thêm thành chín trùng, thành cao mấy dặm”, “Cá lăng chỗ nào, Chim kỳ ở đâu, Nghệ sao bắn Mặt trời, Chim quạ sao lông trui?”... Vương Dật nói: “Khuất Nguyên bị xua đuổi, bịn rịn giữa vùng núi Chăm, thấy đất nước Sở có miếu các tiên vương, nhà thờ các quan công khanh, trong đó có đồ họa trời đất sông núi thần linh kỳ dị quái lạ, cùng thánh hiền quái vật xưa hành động thế nào... dùng chữ viết lên sách, cớ sao mà hỏi” (Sách này chú). Cho hay loại truyện xưa đó, đương thời không những chỉ lưu truyền bằng lời kể miệng mà thôi mà còn dùng làm trang trí cho các đèn miếu nữa. Tục đó lưu truyền, đến đời Hán vẫn còn, nay ở các cồn mả còn thấy những tấm đá khắc hình các kỳ thần, quái vật, các bậc thánh hiền, những kẻ trí thức, phụ nữ này khác. Nhà Tần sau khi được pho sách trong ngôi mộ ở huyện Cáp thi Quách Phác làm bǎn chú thích cho sách *Mục thiên tử truyện*, lại chú thích cho *Sơn hải kinh*, vẽ đồ và làm lời tán, về sau Giang Quán cũng vẽ đồ và làm lời tán như vậy, ấy cái thuyết thần dị, từ đời Tấn về sau, còn được các nhân sĩ yêu thích nhiều. Tuy nhiên xưa nay rốt cuộc chưa hề nghe có một trước tác lớn nào gom góp đúc kết lại như Sử thi của Hy Lạp mà chỉ dùng làm điển cố tố sức cho thơ văn, nhờ thế mà trong tiểu thuyết thường thấy được dấu tích hình tượng mà thôi.

Thần thoại Trung Quốc sở dĩ chỉ còn những mẫu linh tinh, các thuyết cho là vì hai lẽ: lẽ thứ nhất là nhân dân Trung Hoa, đầu tiên sống ở trong

lưu vực sông Hoàng Hà, thiên nhiên tương đối thiếu thuận lợi, sinh sống đòi hỏi phải cần cù, thành ra trọng thực tế mà truất bỏ tư tưởng huyền bí, đi đến chỗ không có khả năng tập hợp chuyện cổ để làm thành một áng văn lớn. Lê thứ hai là Khổng Tử ra đời, lấy những vấn đề thực dụng sửa mình, yên nhà, trị nước, bình thiên hạ làm giáo lý, không muốn nói việc quỷ thần, những thuyết hoang đường đời Thái cổ đều là những điều nhà Nho không nói, cho nên về sau chẳng những không làm được gì cho sáng sủa lớn lao thêm mà còn để cho tần mác, mất mát đi nua.

Nhưng xét cho rõ, thì lý do phải nhấn mạnh hơn là ở chỗ thần với quỷ không phân biệt rạch rời. Người xưa nói, thiên thần, địa kỵ, nhân quỷ, nghe như phân biệt rõ ràng, song nhân quỷ cũng được làm thần kỵ. Người thần lẩn lộn thì cái tín ngưỡng nguyên thủy không sao lột xác hết, tín ngưỡng nguyên thủy còn thì những điều giống với truyền thuyết mỗi ngày xuất hiện không ngừng, những điều cũ đã có chết cứng đi mà cái mới có cuối cùng cũng không sáng bừng lên được. Ví dụ sau đây, hai chuyện trước là nói thần mới có thể tùy lúc mà sinh ra, ba chuyện sau nói thần cũ có thay đổi nhưng không có diễn tiến.

Tưởng Tử Văn là người Quảng Lăng, nghiện rượu, thích gái, gian dối dữ ác quá mức, thường nói xương cốt mình xanh, chết tất làm thần. Cuối đời Hán làm chức úy ở Mạc Lăng, đuối giặc đến chân núi Chung Sơn, giặc đánh bị thương ở trán, tự cởi dây, buộc lại, được một lát thì chết - Đến khoảng đầu Ngô tiên chúa, người nhà lại cũ của Văn gặp trên đường, Văn bảo rằng: Ta phải làm thần ở đất này để làm phúc cho bọn dân chúng mày, mày có thể nói ra với trăm họ, vì ta mà lập miếu thờ, nếu không thì sẽ có lỗi nặng. Mùa hè năm ấy có dịch lớn, trăm họ dọa nhau, lăm kẽ thờ trộm Văn. (*Thái bình Quảng ký*, 29, dẫn *Sưu thần ký*).

Đời có thần Tử cô, xưa nay tương truyền là vợ lẽ của người ta, vì vợ lớn ghen thường giao làm những công việc dơ bẩn, ngày rằm tháng giêng tủi thân mà chết, người đời lấy ngày đó làm hình cô ta, đêm rước ra đặt trong nhà xí hoặc bên chuồng lợn. Người cầm cái hình nghe nàng là thần nhập vào, bày rượu quả ra cúng, cũng thấy ráng ngồi người có màu sắc, lập tức nhảy múa không thôi, có tài đoán mọi việc, bói mùa tằm tơ ra sao, lại

câu, bắn giỏi, thích thơ múa mạnh, ghét thì ngừa mặt lên ngù (Sách *Dị uyển*, 5).

Giữa biển Thương Hải, có núi Đô Sóc, trên có cây đào lớn,... phía đông bắc giữa khoảng các cành gọi là quỷ môn, đó là chỗ muôn quỷ ra vào. Ở trên có hai vị thần, một tên là thần Đề, một tên là Úc Lũy, chủ việc xét xem chỉ huy muôn quỷ, nhưng quỷ ác hại thì rung thùng cây lách mà bắt và để cho ăn hổ. Khi ấy vua Hoàng đế mới ban ra lễ, tùy lúc mà xua đuổi đi, lập ra đại đào nhân, cửa ngõ họa thần Đồ Úc lũy và hổ, treo thùng cây lách, để phòng chống loài quỷ hung ác (Sách *Luận hành*, 22, dẫn sách *Sơn hải kinh*, xét ra trong bản hiện nay không có).

Phía Đông Nam có núi Đào đô... ở dưới có hai vị thần, vị bên trái tên là Long, vị bên phải tên là Bật, cả hai đều cầm thùng lách, rình những quỷ không mang lại điều lành, bắt mà giết đi. Người đời nay làm ra hai đào nhân đứng hai bên cửa trông lại nhau, đó là hình tượng hai thần còn sót lại (Sách *Thái Bình ngự lâm*, 29 và 918 dẫn sách *Huyền trung ký*, lấy sách *Ngọc chúc bảo điển*, chú thích bổ sung vào).

Thần cửa chính là hai vị tướng quân đời Đường là Tân Thúc Bảo và Hồ Kính Đức. Xét chuyện thì vua Đường Thái Tông trong người không khỏe, ngoài cửa buồng cứ thấy gạch ném tung, loài quỷ kêu gào... Thái Tông sợ, nói với quần thần, Tân Thúc Bảo ra khỏi chỗ tâu rằng: "Thần bình sinh giết người như bồ dưa, chất thây như xác kiến, sợ gì loài quỷ Võng lương, nguyện cùng với Hồ Kính Đức mặc nhung trang đùn ngoài cửa để rình, Thái Tông đồng ý cho, đêm qua không có gì đáng đề phòng. Thái Tông khen, sai thợ vẽ hình hai người treo ở cửa tả hữu nhà cầu hai bên trong cung, tà ma hết, đời sau theo lê, rồi thành thần cửa mãi mãi. (Sách *Tam giáo sưu tầm đại toàn* 7).

Chương 3

TIỂU THUYẾT ĐƯỢC GHI LẠI TRONG NGHỆ VĂN CHÍ SÁCH HÁN THƯ

Hán chí kể thuật về tiểu thuyết gia cho là xuất từ các bại quan. Như Thiền nói: "Gạo nhỏ gọi là bụi. Chuyện đường lời ngõ là những lời nói rất nhỏ nhoi vụn vặt, các vương giả muốn biết phong tục trong thôn xóm nên đặt ra bại quan, sai kể thuật lại (Chú của chính sách đó) nói những tiểu thuyết mà nó sao chép nay đều không còn, cho nên không xét kỹ được, song cứ xem xét danh mục thì tuyệt không giúp những gì nhặt tìm từ dân gian ra như Quốc phong trong Kinh thi chẳng hạn. Trong các sách có sao chép thì loại dựa theo mà lâm giấu người xưa có 7 là Y Doãn thuyết, Chữ tử thuyết, Sư khoáng, Vũ Thành tử, Tống tử, Thiên Ất, Hoàng đế. Loại ghi việc xưa có hai là Chu Khảo, Thanh sử tử. Cả hai đều không nói làm ra thời nào. Sách đời Minh nói bốn nhà đời Hán: Phong thiện phương thuyết, Thần thọ chu ký, Ngu Sơ chu thuyết, Đái chiếu thần nhiêu tâm thuật. Đái chiếu thần An thành vị ương thuật và Bách gia, tuy cũng không nói làm thời nào song cứ theo thứ tự thì cũng đều là người đời Hán cả.

Trong Hán chí, đạo gia có năm mươi mốt thiên Y Doãn thuyết, nay thất lạc, tiểu thuyết gia có hai mươi bảy thiên cũng không khảo xét được: Tư mã Tương Như truyện trong sử ký chú dẫn Y Doãn thư nói: Phía Đông Cơ sơn, chỗ ở của chim xanh có cây ngũ quả chín mùa hè. Khớp với lời văn còn sót lại chừng đó, thiên bản vị sách Lã Thị Xuân thu thuật việc Y Doãn dùng món ăn ngon để thuyết vua Thang cũng nói chỗ chim xanh ở có

cây can lư và nói cực tường tận nhưng văn rườm nhiều mà ý nồng cạn, có thể cung gốc ở Y Doãn thư, Y Doãn lấy việc cắt thái nấu nướng mà được vua Thang đón mời, chuyện đó Mạnh Tử từng biện luận rõ, thì những sách nói đây chỉ là sách mà kẻ sĩ thời Chiến quốc làm mà thôi.

Hán chí lục chép đạo gia có hai mươi mốt chương Chủ tử, nay chỉ còn một quyển, có kẻ nghi lời văn nồng cạn khinh bạc, không phải của Đạo gia. Người Đường Tống sau dẫn những dật văn lại không giống văn của bản Chủ tử ngày nay, thế thì quả thật không phải sách đạo gia.

Võ vương chỉ huy binh ra đánh Trụ. Quân hàm hổ của Trụ đến trăm vạn, chạy như gió bão, tiếng như sét đánh. Binh lính ba quân, ai cũng xanh mặt. Võ vương bèn khiến Thái Tông cầm cờ bạch mao vẫy để chỉ huy, quân Trụ bỏ chạy (Sách văn tuyển do Lý Thiệu chú cước, cùng sách Thái Bình ngự lâm 301).

Thanh sử tử là sử quan đời cổ, song không rõ thời nào. Sách ông chép về đời Tùy đã mất, Lưu tri Kỷ trong sách Sử thông nói sách Thanh sử là chấp nhặt chuyện kể đầu đường mà làm ra, nói thế là căn cứ ở Hán chí, không phải đến đời Đường sách lại có. Ba việc này còn trong sách đó đều nói về lê, cũng không biết đem nhập vào tiểu thuyết lúc nào.

Phép thai giáo (hay giáo dục từ trong thai) đời cổ như sau: Hoàng hậu có thai được bảy tháng thì ra ở nhà nghỉ, quan thái tử cầm ấn băng vàng để đứng chặn ở bên trái cổng vào, quan thái tử cầm cái đầu để đóng lường đứng chặn ở bên phải, quan thái bốc bụng mai rùa đứng chặn ở dưới nhà, các quan khác đều tùy chức vụ đứng chặn ở phía trong cửa. Từ lúc mới ba tháng, hoàng hậu muốn nghe âm nhạc mà không phải nhạc theo lễ thì quan thái tử giấu dần đi để ngỏ ý không đánh. Muốn món ăn mà không phải chính vị thì quan thái tử tự vào cái đầu mà không phải nêm nấu và tâu rằng không dám đái thái tử món ăn như vậy, thái tử sinh ra mà khóc thì quan thái tử thổi vào cái ấn đồng mà nói: tiếng khóc nghe đúng luật nợ hay luật kia, quan thái tử thì nói sẽ dâng món ăn nợ hay món ăn kia, quan thái bốc thì nói Thái tử có số mệnh thế này hay thế nợ. Sau đó thì làm lê treo cung cho cho Thái tử (Đại ái kẽ ký thiên Bảo phô. Sách già nghị tâm thư,

mười điều thai giáo).

Đời xưa tám tuổi thì ra ở nhà ngoài, học những nghề nhỏ, thực hành những điều tiểu tiết, đến tuổi tép tóc thì vào Đại học, học những nghề lớn, thực hành những điều đại tiết. Lúc thường thì tập lễ văn, khi đi thì làm cho rung ngọc deo quanh mình thành tiếng, lên xe thì lắng nghe tiếng lạc ngựa hòa nhau, do đó mà cái tâm trái chuông lệch lạc không tự vào được... Đời xưa làm cái xe lộ xa mui tròn hình lọng để tượng trời, rui mái hai mươi tám chiếc để tượng các sao, cái đòn gỗ dằng sau vuông để tượng đất, ba mươi cái tăm để tượng Mặt trăng. Cho nên ngựa mặt lên thì xem thiên văn, cúi đầu xuống thì xét địa lý, nhìn ra trước thì thấy tiếng lạc ngựa hòa, nghe lắng hậu thì xem bốn mùa chuyển vận, đó là cái đạo giáo dục của chiếc xe cạn xa trang trí như nói trên vậy (Sách Đại Đái lê ký, Thái Bảo phó).

Gà là gia súc ở phương Đông. Năm hết lại bắt đầu, vạch thứ tự làm mùa xuân, muôn vật húc cửa mà ra, vì thế dùng gà để cúng lê (Sách phong tục thông nghĩa 8).

Hán chí lục chép bình âm dương gia có tám chương Sư khoán, đó là cách bói toán vật, về tiểu thuyết gia thì không khảo xét được, chỉ căn cứ vào chú cước của Hán chí thì biết phần nhiều các tiểu thuyết từ gốc là sách Xuân thu ra mà thôi. Sách Dật Chu thư, Thiên thái tử Tấn ghi việc Sư khoáng ra mắt Thái tử, nghe tiếng nói mà biết là không sống lâu, Thái tử cũng tự biết là mình ba năm nữa phải lên chầu trời, thì chuyện kể khá giống tiểu thuyết gia.

Việc khoảng đầu đời Ngu Thuấn, Hán chí chú cước cũng nói rõ lại thường kể cùng với việc bọn Đinh phu nhân dùng các nhà thơ địa phương rửa hoa. Hung Nô và Đại uyển, những việc đó sách Giao tự chí chép chủ thuyết gần đến ngàn thiên nhưng đến nay không còn, người đời Tấn Đường dẫn Chu thư có ba như Sơn hải kinh và Mục Thiên tử truyện thì không giống với Dật Chu thư, Chu hữu Tăng trong Dật Chu Thư tập huấn hiệu thích mười một nghi là Ngu sơ thuyết.

Núi Giới sơn có thần Nậu thu ở. Núi ấy mặt Tây trông về chỗ mặt trời lặn, bùng khí của nó tròn, do Thần Kinh quang trông coi. (Sách Thái Bình

ngụ lâm 3).

Chỗ sao Thiên câu dừng lại thì đất nghiêng hết. Ánh sáng thừa của nó soi sáng trời thanh sao sa, dài mười hai trượng, đi mau như gió, tiếng kêu như sấm, ánh sáng như chớp (Sách sơn hải kinh chú 16).

Vua Mục vương đi săn, có con chim đen như chim Cưu, vụt đopp xuống đậu vào thanh gỗ ngang đầu xe, người đánh xe giơ roi ngựa quất chết, ngựa lồng, kéo cương dừng lại không được, nó vướng chân vào xe ngã, làm vua bị thương ở đùi bên trái (Sách Văn tuyển, Lý Thiện chú 14).

Bách gia, theo Lưu Hướng lục chép trong sách Thuyết uyển nói, thì là loại sách Thuyết uyển tạp sự... sự việc kể thuộc nhiều loại, bỏ ngoài những điều trùng lặp với sách Tân tự, còn nữa thì nồng cạn khinh bạc không đúng nghĩa lý tập hợp lại làm sách Bách gia, sách Thuyết uyển nay còn, những điều ghi chép đều là dấu tích những việc người xưa làm, đáng làm khuôn phép răn dạy, nay lấy đó mà suy thì sách Bách gia cho thấy chuyện xưa tuyệt không xứng đáng với người đạo trị.

Ngoài ra các nhà khác đều không thể khảo xét được. Nay cứ tên sách mà nói người thì là Y Doãn, Chử Hùng, Sư Khoáng, Hoàng Đế; kể việc thì là việc chép phong thiện dưỡng sinh; cho nên phần nhiều là của các phuơng sĩ, thầy phù thủy giả khác làm ra. Chỉ có sách Thanh sử tử là không phải thế. Lại nữa Vụ Thành tử tên là Chiêu thấy sách Tuân Tử, Thi Tử thường ghi các giáo lý Tránh nghịch theo thuận của ông. Tống Tử thì tên là Bình, sách Mạnh Tử chép là Tống Khánh, sách Hàn phi tử chép là Tống Vinh tử. Sách Tuân Tử dẫn lời Tử Tống tử nói rõ là hễ người ta khinh nhòn mình mà mình không lấy làm nhục thì người đời sẽ không đấu đánh nhau, thì là ý Hoàng Lão, song đều không phải là lời của phuơng sĩ.

Chương 4

TIỂU THUYẾT NAY CÒN THẤY ĐƯỢC CỦA NGƯỜI ĐỜI HÁN

Những tiểu thuyết hiện còn gọi là của người đời Hán, có thể không một cuốn nào thực sự từ người đời Hán làm ra, từ đời Tấn mà đi, văn nhân phuong sĩ đều có làm sách giả cả, mãi đến đời Tống Minh cũng chưa dứt. Văn nhân sinh ranh mãnh, hoặc thích khoe sách lạ, phuong sĩ thì cốt làm cho giáo lý của mình có vẻ thần kỳ, cho nên bên nào thời nào cũng có giả sách xưa để huyễn hoặc người ta, người đời Tấn về sau giả thác người Hán thì cũng giống người đời Hán trước giả thác Hoàng đế, Y Doãn. Trong mớ sách đó có khi chúng lên rằng Đông Phương Sóc, Ban Cố mỗi người soạn hai cuốn, Quách Hiếu, Lưu Hâm soạn mỗi người một cuốn, đại để là nói việc hoang đường, không có thì gán cho Đông Phương Sóc, Quách Hiếu, có liên quan đến sự việc nhà Hán thì gán cho Lưu Hâm, Ban Cố, song đại ý không rời việc nói về Thần tiên. Sách chúng lên là sách của Đông Phương Sóc soạn có *Thần dị kinh*, một quyển, bắt chước *Sơn hải kinh* nhưng nói về núi sông đường sá thì sơ lược mà nói về vật quái lạ thì tận tường, thỉnh thoảng có xen lời bông đùa trào phúng. *Sách Sơn hải kinh* ít tiếng tăm ở đời Hán mà lưu hành mạnh ở đời Tống, thế thì sách trên đúng là người đời Tấn về sau làm, nội dung nhiều chỗ trùng lặp, có lẽ cũng lại đã có mất mát đi, người sau sao chép dựa vào lời dẫn trong các loại sách đời Đường Tống mà làm lại, có chú thích là của Trương Hoa cũng là giả nguy.

Phương Nam có rừng mía, cây cao trăm trượng, vòng 3 thước 8 tấc,

mắt dày, nhiều nước, ngọt như mật, ăn nước đó, người được thuần nhả ra, lại lấy được sán đưa ra. Sán đưa trong bụng người ta, giống con giun đất, đó là giống trùng làm tiêu cơm, nhiều thì có hại đến người, ít thì cơm không tiêu. Thứ mía ngọt có tác dụng diệt nhiều thêm ít, mía thường cũng thế (Sách *Nam hoang kinh*).

Trong miền Tây Nam hoang dại có loại thú nói dối, giống con thỏ, mặt người biết nói, thường lừa dối người ta, nói là Đông mà là Tây, nói thiện mà là ác. Thịt ngon, người ăn vào thì nói không thật nữa (Nguyên chú: nói ăn thịt nó thì người đó nói không thành thật). Con thú ấy có tên là con đản (*Tây Nam hoang kinh*).

Núi Côn Lôn có cái cột đồng, cao chọc trời, nên gọi là cột trời, vòng lưng ba ngàn dặm, tròn trặn như đeo gọt dưới cột có nhà mái uốn quanh vừa trăm trượng, người tiên cửu phủ trông coi nhà đó. Trên chóp cột có con chim lớn, tên là Hi hữu (hiếm có), nó hướng về phương Nam, xòe cánh trái che cho Đông vương Công, cánh phải che cho Tây vương mẫu, trên lưng có một chóp nhỏ không có lông, cánh rộng một vạn chín nghìn dặm. Tây vương mẫu hàng năm lèn trên cánh nó để đi gặp Đông vương công (*Trung hoang kinh*).

Sách *Thập châu ký*, quyển một cũng đề là *Đông Phương Sóc soạn*, chép việc Hán Võ đế nghe Tây vương mẫu kể có Tổ châu, Doanh châu, Huyền châu, Viêm châu, Trường châu, Nguyên châu, Lưu châu, Sinh châu, Phương lưu châu, Tu quật châu, cả thảy mười châu, thì mời Sóc đến hỏi tên những vật có ở mỗi châu. Sách ấy cũng là bút chước *Sơn hải kinh* nhiều.

Huyền châu ở giữa biển Bắc Hải, là miền đất Tuất hơi (đất cuối cùng) vuông bảy ngàn hai trăm dặm, lắm gó núi. Lại có núi Gió, tiếng vang như sấm sét, núi đối mặt với cửa Tây Bắc của trời. Trên có nhiều cung điện của các quan tiền thái huyền, cung điện nhiều kiểu khác lạ. Có nhiều cây kim chi ngọc thảo. Đó là nơi vua Tam thiên quân xuống làm việc cai trị, trông hết sức nghiêm trang.

Năm thứ ba niên hiệu Trịnh Hòa, vua Võ đế ngự đến cung An định, Rợ Hồ Nhục Chi miền Tây vào dâng hương 4 lạng, to như trứng sẻ, đen như

quả dâu, vua cho rằng thứ hương đó không phải hương Trung Quốc có nên giao cho kho ngoại khố... Đến năm đầu niên hiệu Hậu nguyên, trong thành Trường An người ốm có đến vài trăm, tử vong đến quá nửa, vua thử lấy hương thần của Nhục Chi đốt lên trong thành, những người ốm chết chưa đến ba tháng đều sống lại, mùi hương thơm ba tháng không hết, bấy giờ vua mới tin là của thần linh, nên sai cất giấu kín số còn lại, một buổi sáng sau đó lại mất đi... Năm sau vua mất tại cung Ngũ tạo thì đã mất các thứ hương điều sơn, chấn đàn, khuốc tử của người nước Nhục Chi rồi. Giả sử trước kia mà đón tiếp sứ giả có hậu tình thì khi có việc lại không được nhờ cái công dụng của thứ hương thiêng? Thế cũng coi như tự sát vậy.

Đông Phương Sóc tuy nhở khôi hài hoạt kê mà nổi tiếng nhưng cũng không quái đản hoang đường đến mức đó. Chuyện Đông Phương Sóc trong sách *Hán thư* có lời rằng: tài khôi hài, ứng khẩu, đoán chữ đoán thơ của Sóc, nghe ra phù phiếm nồng cạn, đưa ra trong quần chúng dân đen, bọn trẻ nhỏ chán dắt đều bị lừa bịp, rồi những kẻ hay bày chuyện đời sau nhân đó đưa các điều kỳ chuyện quái gắn thêm cho Sóc. Thế mới biết rằng đời Hán đối với Sóc đã có lăm chuyện thêm thắt. Hai sách nói đây tuy là sách giả, mà *Tuy chí* cũng đã lục chép vào, rồi vì ý lời mới mẻ khác lạ mà các văn nhân đời Tề Lương cũng dẫn làm điển cố có thực. Sách *Thân dị ký* vốn cũng là lời lẽ của dòng phái thần tiên, song văn từ sâu sắc tươi đẹp hơn, chắc là do văn nhân viết ra. Sách *Thập châu ký* đặc biệt nồng cạn, xem đoạn chép truyện nước Nhục Chi trả lại hương cùng đoạn đầu chương nói: Phương Sóc nói rằng: "Thần là kẻ học phép tiên, nhưng không phải là người đã đắc đạo, gặp được lúc nước nhà thịnh giàu tươi đẹp, muốn tìm danh vọng Nho Mặc trong làng văn hóa, dùng lối hư không đổi trả mà bớt bỏ thói phàm tục, nay thần giàu cái chí ẩn dật mà đến sân rộng, ôm ấp cái phép dưỡng sinh mà chúc cửa khuyết". Xem ra thì đó chỉ là những kẻ phương sĩ lo mình nản chí, mượn cớ viết ra để lừa bịp người thường, cũng vừa để tự giải khuây cho mình mà thôi.

Sách mà cho là do *Ban Cố* làm thì một là cuốn *Võ đế cố sự*, nay còn một quyển chép việc vặt từ khi Võ đế sinh ở điện Ý Lan cho đến khi chết chôn ở điện Mậu Lăng, có chép xuống đến đời Thành đế. Nội dung tuy có

nhiều điều về thần tiên quái lạ, nhưng lại không tin phuơng sĩ, văn cũng giản dị trang nhã, hẳn là do văn nhân Hán làm. *Tùy chí lục* chép hai cuốn, không đề tên tác giả, đến Triệu Công Võ đời Tống làm sách *Quận trai thư chí* mới nói là người ta cho là của Ban Cố làm, lại nói Trương Giản Chi đời Đường có viết vào sau sách *Đồng Minh ký* rằng sách *Hán Võ Cố sự* là của Vương Kiệm làm. Song người sau cứ gán cho người họ Ban.

Vua (Võ đế) sinh ngày mồng 7 tháng 7 năm Ất Dậu trong điện Ỷ Lan, bốn tuổi thì lập làm Giao đồng vương. Khi mới hai, ba tuổi bà trưởng công chúa bế đặt ngồi trên đầu gối mình, hỏi rằng bé muốn có vợ không? Giao đồng vương trả lời muốn có vợ. Công chúa chỉ bọn cung nữ thường trực hầu hạ hai bên tả hữu đến hơn trăm người, vương đều nói là không được. Cuối cùng chỉ con gái mình mà hỏi A Kiều được không? - Khi đó vương mới cười mà thưa rằng: Được, nếu được A Kiều thì phải làm nhà bằng vàng để cho ở. Công chúa hết sức vui, bèn khẩn khoản xin vua, và việc hôn nhân thành.

Vua thường đi kiệu đến dinh quan lang, thấy một ông già, râu tóc bạc phơ, áo quần hơi luộm thuộm, hỏi rằng: “Ông làm lang lúc nào, sao mà già vậy?” - Quan lang trả lời: Thần họ Nhan tên Tứ, người Giang Đô, làm lang từ thời vua Văn đế. Vua hỏi: Sao già rồi mà không được tri ngô cất nhắc lên? Tứ trả lời: Vua Văn đế thích vẫn mà thần thì thích võ, Vua Cảnh đế thích người già mà thần lại còn trẻ, nay bệ hạ thích trẻ thì thần đã già rồi. Thế cho nên ba đời mà vẫn không được tri ngộ. Vua cảm lời nói, cất nhắc lên chức đô úy Cối Kê.

Ngày mồng 7 tháng 7, vua ở cung Thừa Hoa ăn chay. Trưa đúng ngọ bỗng thấy có con chim xanh từ phương Tây đến. Vua hỏi, Đông Phương Sóc thưa: đến tối Tây vương mẫu ắt xuống trêu người nhà vua... Đêm ấy đồng hồ vừa bảy khắc, trên trời không mây, nghe mang máng như tiếng sấm, rồi khắp trời có khí màu tía. Chốc lát thì Vương mẫu đến di xe màu tía, các ngọc nữ kèm và đánh xe, đầu đội mũ trắng, màu xanh như mây, có hai chim xanh trực sát bên người. Mẫu xuống xe, Vua lạy đón, mời mẫu ngồi, lòng dục côn kẽm, thuốc bất tử chưa thể cho được. Rồi lấy ra bảy quả đào, mình ăn hai quả, trao cho vua bảy quả: Vua giữ hộ lại để trước mặt. Vương mẫu hỏi để rồi làm gì, vua thưa: đào này ngon, tôi muốn trồng, Mẫu cười

mà nói rằng đào ấy ba nghìn năm ra quả một lứa, không phải giống dưới trán tròng. Ở lại đến canh năm, chuyện trò về thế sự mà không chịu nói đến quỷ thần, rồi nghiêm trang ra đi. Đông Phương Sóc ở trong cửa sổ chau đèn dòm mẫu, mẫu nói: bé nay thích làm điều tội lỗi, người thổ lộ càn quấy ra đồ vô lại, bị đày xuống đâ lâu, không được trở về trời nhưng lòng vốn không ác, sắp được về thôi, hoàng đế đãi ngộ cho tốt. Mẫu đi rồi, Vua bùi ngùi hối lâu.

Một cuốn nữa gọi là *Hán võ đế nội truyện* cũng một quyển và cũng chép việc vua Hiếu võ từ khi sơ sinh cho đến việc chôn cất khi mất, mà việc Vương mẫu xuống thì đặc biệt tưởng tận. Văn rườm rà hoa lệ nhưng xốp nỗi nồng cạn hay đánh cắp lời nhà chùa, lại dùng nhiều từ ngữ của *Thập châu ký* và *Hán võ cổ sự*, đủ biết so với hai cuốn kia thì cuốn này ra sao. Thời Tống sách còn chưa đề tên ai soạn, đến thời Minh mới gộp lại với *Hán võ cổ sự* và đều cho là Ban Cố làm, đó là do tên tuổi Ban Cố được coi trọng lại nhân sách cùng loại nên dựa vào đó mà giả thác ra.

Đêm đến quá canh hai, bỗng thấy phía Tây Nam như mây trăng nổi lên, rõ ràng thẳng đến, tắt qua cung đình, phút chốc lại gần. Trong mây nghe có tiếng sáo, tiếng người ngựa òn ào, chỉ khoảng nửa bữa ăn là Vương mẫu tới. Lững lờ vào trước điện, như chim bầy đậu, hoặc đi xe rồng hổ kéo, hoặc cưỡi lân trăng, hoặc cưỡi hạc trăng, hoặc ngồi xe kiệu xa, hoặc cưỡi ngựa thiên mã, đám tiên đến vài nghìn, rạng người cả cung điện. Đến nơi xong thì đón quan tùy tòng không còn thấy ở đâu cả, chỉ thấy Vương mẫu ngồi xe mây tía, thẳng rồng, thân có chín màu. Riêng có năm chục thiên tiên... đều trú ở dưới điện. Vương mẫu chỉ có hai thị nữ diu lên trên, các thị nữ tuổi chừng mười sáu, mười bảy, minh mạc áo cánh băng lục mỏng màu xanh, mặt mày lanh lợi, dáng dấp tư thế trong sáng tươi tỉnh, thật là những cô gái đẹp. Vương mẫu lên điện, ngồi ngoảnh mặt hướng đông, choàng tấm áo choàng băng vàng hoa thêu sáng, dáng người ngồi sáng hiền hòa, thắt cái dài lớn linh phi, lưng đeo thanh gươm phân cảnh, trên đầu tóc búi kiểu thái hoa, đội chiếc mũ thái chân thon anh, chân đi giày huyền quỳnh thêu phượng, xem ra tuổi khoảng ba mươi, cao vừa tầm, phong tư kín đáo diu dàng, mặt mày dáng điệu tuyệt trần, quả là người thiêng liêng.

Vua quì tạ ơn... Thượng nguyên phu nhân bảo vua về chỗ ngồi. Vương mẫu bảo phu nhân rằng: Nhà ngươi răn dạy, nói nghe cấp thiết quá, rốt cuộc làm cho kẻ chưa hiểu, sợ về ý chí của mình. Phu nhân thưa: là kẻ có chí về đạo, sắp đem thân vứt cho hổ đói, quên thể xác bị hủy diệt, đạp lên lửa, đi trên nước, chỉ bền một chí thôi, kẻ đó hẳn không lo sợ... Nói ra cấp thiết, là giúp nên cái chí cho người ta, mẹ đã có ý lo, thì hẳn nên ban cho phép giải. Mẫu nói: nhà ngươi siêng năng lâu rồi, mà không gặp được thầy giỏi, nay muốn hủy hoại cái chí chính đáng của mình, nên biết ngờ rằng thiên hạ hẳn không có người tiên, vì thế ta mới mở cửa lâng uyên ra, nay cứ tạm bỏ cái lòng căm đục đi, giữ bền cái chí tiên của mình đã, lại muốn làm cho kẻ khác cảm hóa không làm nữa. Hôm nay gặp nhau, việc đó khiến người ta ghi nhớ, đến như cái phép giải, đó là hạ sách, ta thật không tiếc. Ba năm sau, ta nhất định đồng ý, ban cho một ít lẽ đã làm thành hoàn với một ít tân thạch tượng. Đem cho dù là dứt khoát không được dừng lại nữa. Còn năm nay nạn Hung nô chưa dứt, biên cương lấm chuyện, việc gì lại bỏ ngôi chí tôn trong thiên hạ, mà vào hang động núi rừng? Chỉ nên hỏi là đốc chí thế nào: nếu nghĩ mà sửa đổi đi ta sẽ đến nhiều lần nữa; Nói rồi mẫu vỗ lưng vua mà bảo: Ngài đừng làm theo lời nói chí lý của Thượng nguyên phu nhân, thì nhất định được trường sinh tử; há không nên cố gắng sao? Vua quì lên mà nói: sẽ chép hết lên thẻ vàng, để đeo luôn trong mình.

Lại có cuốn *Hán võ động minh ký* bốn quyển đề là Quách Hiếu đời Hậu Hán soạn, toàn bộ có năm mươi tắc (chuẩn tắc), tắc nào cũng nói về đạo thuật thần tiên cùng những sự việc quái lạ ở các phương xa; Còn sao lại đặt tên Đông minh ký thì lời tựa nói: Hán võ đế là một vị vua thông minh tuấn tú đặc biệt khác thường, Đông Phương Sóc nhân thế nói khôi hài hoạt kê để uốn nắn can ngăn, mong động lòng ông, thông suốt đạo giáo, để cho những lê u minh, tăm tối được sáng sửa rõ ràng ra, nay dựa theo những điều sử cũ không chép để thêm Kiển văn, soạn ra *Đông minh ký* bốn quyển, thành sách của một nhà; Thế là những tên tự là Tứ Hoành, người Nhữ Nam đời Tống, đời Quang võ, được mời làm chức bác sỹ... làm người cương trực dám nói, sách có mục Quan đông Quách Tử Hoành, trong đó chỉ có một chuyện ruồi rượu chữa cháy, thế mà bọn phương sĩ cũng vội nhắc đến, rồi

Phạm Hoa làm sách *Hậu Hán thư* cũng không xem kỹ, đem vào trong *Phương thuật liệt truyện*. Song *Động minh ký* mà nói Quách Hiếu làm, thực ra là bắt đầu từ *Đường thư* của Lưu Hu, còn *Tùy thư* thì chỉ nói là Quách thị, không có tên. Người đời Lục triều cứ hư tạo ra lời thần tiên, và mỗi lần như vậy lại thích nói là của Quách Thị, hơn nữa để chỉ Quách Phác, cho nên có *Quách Thị huyền trung ký*. *Huyền Trung ký* nay không có, xem văn còn sót lại thì giống với *Thiều dị kinh*. *Đông Minh ký* thì còn nguyên văn như sau:

Hoàn An, người Đại quận, làm lính Đại quận... thường uống chè sao, cả người đều đỏ, mùa đông không dùng áo da, ngồi trên một con rùa thon rộng hai thước; Người ta hỏi thầy ngồi rùa đó bao năm rồi, An trả lời: Xưa vua Phục Hy bắt đầu tạo ra lưỡi vó, bắt được con rùa đó đem cho ta, ta ngồi nó lưng đã băng đi. Loài vật đó sợ ánh sáng mặt trời, mặt trăng, hai nghìn năm mới thò đầu ra một lần, ta ngồi trên nó, đã thấy nó thò ra năm lần (Quyển hai).

Năm thiên Hán thứ hai, vua lên gác Thượng Long, nghĩ đến tiên thuật, triệu mọi phương sĩ đến nói chuyện các nước lạ phương xa. Chỉ có Đông phương dậy khỏi chiếu cầm bút quỉ mà dâng. Vua nói: Quan đại phu vì trẫm mà nói chuyện à? Sóc thưa: Thần đi chơi Bắc cực, đến núi Chóng hóa, mặt trời mặt trăng không hề chiếu đến núi đó, có con rồng xanh ngậm đuốc lửa chiếu bốn cực của núi; Cũng có vườn tược ao hồ, đều trồng cây lụa lụa, có cỏ minh hình đêm như đèn vàng, bẻ làm cand được, soi thấy được hình quỷ vật. Người tiên là Ninh Phong thường uống cỏ ấy, lúc đêm tối thì thấy bừng sáng tỏa ra ngoài. Cỏ còn có tên là *Động minh thảo*; Vua sai già cỏ ấy ra làm thành bột nhão, quết lên quán Văn minh, đêm ngồi quán đó, không cần đèn đuốc. Cỏ cũng gọi là cỏ chiếu vị hay soi quỷ, bôi vào chân, lội nước không chìm (Quyển ba).

Đến như sách chép chuyện của nhân gian thì có *Tây kinh tạp ký*, vốn hai quyển, nay sáu quyển là do người đời Tống chia ra. Cuối sách có lời bạt của Cát Hồng, nói văn phái này có Lưu Hâm làm sách Hán thư 100 quyển, đem so lại với sách Ban Cố làm, thì gần như lấy của họ Lưu cả những dị đồng nhỏ, vốn không kể thì sách không quá hai vạn chữ. Nay sao lại làm hai

quyển, để bổ sung vào chỗ sách Hán thư thiếu. Song trong *Tùy chí* thì không ghi tên người soạn, *Đường chí* thì ghi là Cát Hồng soạn, mới biết rằng ngay thời ấy người ta đã không tin là của Lưu Hâm. Sách *Dậu dương tạp trổ* của Đoàn Thành Thúc, thiên ngữ tư có đoạn: “Đêm như đèn vàng, thiên ngữ tư có nói: Dẫu Tín làm thơ, dùng điển trong *Tây kinh tạp ký*, sau tự cải chính nói: đó là lời của Ngô Quân e không đáng dùng, thế người sau cho là Quân làm. Song nói là lời của Ngô Quân, có lẽ là chỉ câu văn mà nói, nói của Khổng Tử là bọn Tử Do Tử Hạ chép, cốt để giải thích lục nghệ mà thôi. Quân tôi cho rằng sách *Ngoại thích truyện* nói Sử Dật dùng sách Nhĩ Nhã mà dạy con, thế thì Nhĩ Nhã là sách tiểu học. Lại trong ký có nói: Khổng Tử dạy Lỗ Ai công học Nhĩ Nhã, thế thì Nhĩ Nhã ra đời đã lâu, các học giả lớp cựu truyền đều nói của Chu Công làm, còn loại truyện Trương Trọng là của người đời sau thêm vào mà thôi (Quyển 3).

Tư Mã Thiên phẫn uất mà làm ra sách *Sử ký* 130 chương. Những kẻ thành đạt trước đều khen là có tài, một sử gia tốt. Sở dĩ đem chuyện Bá Di lên đầu các liệt truyện là vì cho rằng làm điều lành mà không báo đáp, chuyện Hạng Vũ cùng chép thành bản kỷ là vì cho rằng việc ở cương vị cao không phải liên quan gì đến việc có đạo đức. Đến các tự truyện Khuất Nguyên, Giả Nghị, lời ý ức dương, bi mà không thương, cũng là thiên tài của thời đại (Quyển 4).

Quảng xuyên vương Khú Tật tụ họp bọn vô lại, quật mả Quan len, quan quách cùng những đồ mòn khí đều mục nát, không còn gì. Có một con cáo trắng, thấy người thì sợ bỏ chạy, những kẻ tấu đánh nó, mà không bắt được, làm nó bị thương ở chân trái. Chiều hôm đó, vương mộng thấy mặt người đàn ông đáng kính râu mày bạc phơ, đến hỏi Vương: “Có chi lại làm bị thương chân trái ta?”. Nói vậy rồi lấy gậy gõ chân trái của Vương. Vương tỉnh dậy, chân sưng đau thành mụn loét, đến lúc chết vẫn thế (Quyển 6).

Cát Hồng tên là Trí Xuyên, người Cú Dung Đan dương, lúc trẻ học nho có tiếng, nghiên cứu các sách vở xưa, mà thích phép đạo dưỡng của phái thần tiên hơn, giữa niên hiệu Thái An, làm chức Phục ba tướng quân, có công dẹp giặc, được phong quan nội hầu. Can Bửu rất thân với Hồng,

tiến cử Hồng, nói là tài làm được quốc sử. Song Hồng nghe nói Giao Chỉ sản ra thuốc quý, nên tự xin làm chức lệnh Câu lậu, đi đến Quảng Châu, thì quan thứ sử mời ở lại, nên dừng lại ở La Phù, tuổi 81, đột ngột bệnh chết. *Tây kinh tạp ký*: Vua Lương vô đế sai An Văn soạn sách tiểu thuyết. Văn đều tóm sao sách cũ, dẫn *Tây kinh tạp ký* rất nhiều, như vậy thì khoảng gần nhà Lương sách đó đã lưu hành trong dân gian, và vốn cho là của Cát Hồng làm là gần đúng. Có kẻ lại cho rằng trong sách có chỗ gọi Lưu Hương là Gia quân, mà nghi không phải Cát Hồng làm, nhưng đã giả thác tên Hâm, tất phải mô phỏng giọng Hâm nói, đó cũng là lẽ tất nhiên mà thôi. Những sự việc sách ghi chép thì đúng như lời tựa của Hoàng Tĩnh Lăng nói: Đại khái có bốn: vụn vặt thô bỉ đáng lược đi, tản mạn không có một ý chính trung tâm nào lại còn mơ hồ tối tăm khó có bằng chứng, xúc phạm đến những điều kiêng kỵ cần tránh. Nhưng đó là nhận xét về xử sự, còn nói về văn chương thì trong các tiểu thuyết cổ, sách ấy ý tứ cũng hay và độc đáo, lời văn cũng khá đấy thôi.

Tư Mã Tương Như hồi cùng Trác Văn Quân về thành đô, nghèo túng lo buồn, đem tấm áo khoác tiêu sương tự dệt lấy đến nhà người hàng buôn là Dương Vương cầm đi mà mua rượu về cùng Văn Quân uống làm vui. Thế rồi Văn Quân ôm cổ mà khóc, nói rằng: em bình sinh giàu có, mà nay phải đem áo đi cầm để mua rượu. Rồi vợ chồng cùng nhau bàn tính, sẽ làm nghề bán rượu tại Thành đô. Tương Như đóng cái khố mũi nghé chìu rửa đồ đặc, có ý làm xấu mặt Vương Tôn. Vương Tôn quả nhiên lấy làm đau khổ, bèn cho Văn Quân nhiều tiền và Văn Quân thành nhà giàu. Văn Quân người đẹp, lông mày như rặng núi trông xa, hai má thường như hai đoá phù dung, da thịt trơn như mỡ, tính tình lại phóng khoáng phong lưu, cho nên thích tài của Trường Khanh và vượt qua lẽ giáo... (Quyển 2).

Quách Uy, tên tự là Văn Vi, người Mậu Lăng, ham đọc sách, nhân đó bảo sách Nhĩ Nhã là của Chu Công làm, song trong Nhĩ Nhã có truyện Trương Trọng có hiếu với cha mẹ, tốt với anh em. Trương Trọng người thời Tuyên vương thế thì việc sách phải là của Chu Công làm là rõ. Tôi thường đưa hỏi Dương Tử Văn, Tử Văn nói: sách do môn đồ Khổng Tử làm. Sách *Báo phác tử* của ông (Nội chương ba nói chức tướng Thái Khuê là Trần

Trọng Cung người Đinh Xuyên có làm sách *Dị văn ký*, lại dẫn văn của sách đó, nói sơ lược rằng người trong quận tên là Trương Quảng Định chạy loạn, để đưa con gái bốn tuổi gửi lại trong ngôi mộ xưa, ba năm trở lại, thấy đứa con gái nhởn nhơ bắt chước cách quy túc hay rùa thở túc, thở như người, theo sách xưa, có cái tướng năm ngủ hơi ra lỗ tai, mà được khỏi chết. Song *Dị văn ký* của Trần Trọng Cung đó, trong sử ký không ghi rõ, lại rất giống những chuyện thường đàm của phuơng sĩ, cho nên nghi là sách giả thác. Cát Hồng tuy sống cách đời Hán không xa nhưng mê say đạo thần tiên, nên lời ông nói cũng không đáng căn cứ.

Lại có sách *Phi Yến ngoại truyện*, một quyển, chép truyện đời xưa về hai chị em Triệu Phi Yến dê là của Huyền Tử Vu, nhạc công của quan Đô úy Hà Đông đời Hán. Tư Mã Quang có lấy chuyện “Họa nước diệt lửa” đưa vào sách Thông giám của mình, lại cho là của người đời Hán làm, song e là của người Đường Tống thì phải hơn. Lại có sách *Tạp sự bí tâm* một quyển, chép việc đời Hậu Hán tuyển lựa và sách lập em gái của Lương Ký; Dương Thận dê tựa nói tìm được ở nhà họ Vạn, thở tri châu An ninh, Thẩm Đức Phù trong sách *Dã hoạch biên* 23 cho Tạp sự bí tâm là trước tác vui đùa của Thận.

Chương 5

SÁCH QUÝ THẦN CHÍ QUÁI ĐỜI LỤC TRIỀU (THƯỢNG)

Trung Quốc vốn tin đồng cốt, từ đời Tần đời Hán về sau, thuyết thần tiên thịnh hành, cuối Hán nổi mạnh lên tục đồng cốt và đạo thần quý do đó càng thịnh. Lại gặp lúc đạo Phật tiểu thừa cũng du nhập vào đất ta và lưu truyền dần. Tình hình ấy làm ai cũng đề cao thần quý, ca ngợi sự linh thiêng, cho nên từ Tấn đến Tùy đã viết nhiều sách quý thần chí quái. Loại sách đó có cuốn do văn nhân làm, có cuốn do giáo đồ làm. Văn nhân làm, tuy không phải như người trong đạo Thích ca và Đạo giáo, cố ý làm cho đạo mình ra thần nhưng cũng không phải cốt làm tiểu thuyết, vì lẽ đương thời cho rằng sáng tối tuy hai đường song người và quỷ đều có thực, cho nên tự thuật việc linh dị và ghi chép việc thường của người ta, tự xem là không khác về sự có thực và sự bịa đặt gì hết.

Tùy chí có *Liệt dị truyện* ba quyển, của Ngụy Văn đế làm, nay thất lạc, có điều là xưa nay văn chương dẫn dụng sách đó khá nhiều, nên còn được thấy dị văn của nó, xem thì quả như *Tùy chí* nói sách làm là để thuật những chuyện ma quỷ kỳ quái. Trong sách có việc khoẳng niên hiệu Cam lộ, sau đời Văn đế, việc đó hoặc do người đời sau thêm vào, hoặc do người soạn sách giả thác ra thì đều không biết được. Cả hai bộ *Đường chí* đều nói Trương Hoa làm, song cũng không có bằng chứng gì khác, mãi sau có kẻ thấy là trái ngược mà thay đổi lại. Duy theo *Tam quốc chí* chú của Bùi Tùng Chi đời Tống, *Thủy kinh chú* của Ly Đạo Nguyên đời Hán Ngụy đã có dẫn

làm chứng thì sách là của người đời Ngụy Tấn làm, không nghi ngờ gì nữa.

Người đất Nam Dương là Tống Định Bá lúc còn trẻ đi đêm gặp ma, hỏi ai? Ma rắng: Ma đây. Ma lại hỏi lại: còn người thì là ai? Định Bá nói dối: ta cũng là ma. Ma hỏi muốn đi đến chỗ nào, trả lời là muốn đến Uyển Thị, ma bảo y cũng muốn đến Uyển Thị. Cùng đi được vài dặm, mà nói đi bộ còn nhiều, có thể thay phiên công nhau mà đi. Định Bá bảo là hay lắm. Ma liền làm trước, công Bá đi, được vài dặm thì bảo: người nặng lắm, e không phải là ma. Bá nói ta mới chết nên còn nặng đấy thôi. Ma thì hầu như không có nặng gì cả. Đổi nhau được hai ba lần, Định Bá lại nói: ta mới chết, không rõ ma rốt cục kiêng sợ gì. Ma rắng: Chỉ không thích người ta nhổ nước bọt.

Đi sấp đến Uyển Thị, Định Bá công ma lên ngang đầu rồi cấp tốc num lấy. Ma kêu to, tiếng nghe khàn khàn nhỏ dần, rồi không nghe thấy nữa. Bá đi tắt vào giữa Uyển Thị, đặt xuống đất, thì ra ma đã biến thành một con dê. Bá bán đi, sợ nó lại biến khác đi nữa, thì nhổ nước bọt vào nó, bán lấy được tiền là 1500 (Sách *Thái bình ngự lâm* 884, Thiên Tháp uyển chân lâm 6).

Thần tiên Ma cô giáng xuống nhà Thái kinh ở Đông dương, móng tay dài bốn tấc. Kinh nghỉ bụng: cô gái này quả là một người đẹp lại đúng ý mình, mong được có cô gái để gai lưng. Ma cô cả giận, thình lình thấy ngã sấp xuống đất, hai mắt chảy máu. (Sách *Thái bình ngự lâm* 370).

Trên núi Bắc Sơn huyện Tân Võ Xương có đá vọng phu dáng như người đứng. Chuyện kể xưa có người trinh phụ, chồng đi làm việc quan chết vì nạn nước ở nơi xa, người vợ bế con nhỏ, tiến đến chân núi đó, đứng trông rồi hóa thành đá. (Sách *Thái bình ngự lâm* 888).

Từ đời Tấn về sau, người ta làm ra sách giả, hễ ghi chú sự vật kỳ quái ở nơi xa lạ thì cứ bảo là sách của Trương Hoa làm, cũng như cứ nói về cõi thần người tiên thì cứ bảo là của Đông Phương Sóc, Trương Hoa tên tự là Mậu Tiên, người Phương Thành thuộc Phạm Lương, đầu đời Ngụy đỗ Thái thường bác sĩ, vào Tấn làm quan đến chức Tư không, lãnh chức trước tác, phong Tráng Võ quận công năm đầu niên hiệu Vinh Khang, trong vụ biến loạn của Triệu Vương Luân, Hoa bị hại, tru di ba họ, lúc ấy sáu mươi chín

tuổi (230-300), chuyện chép trong Tấn thư. Hoa thông thuật Đồ Vĩ lại xem nhiều sách phép thuật khác, đoán biết được những sự vật dữ lành nọ kia nên có tiếng là uyên bác kiến thức nhiều, nhưng tựu trung cũng làm điều thêm thắt. Lương Tiêu Ý lục chép sách *Thập dị ký* (9) của Vương Gia nói Hoa thường gộp nhặt những điều bỏ sót trong thiên hạ, từ thuở đầu đều dùng lối như thế, khảo nghiệm những việc thần quái, gộp nhặt đến cả những điều kể trong dân gian, trong xóm ngõ, làm ra sách *Bắc vật chí* bốn trăm quyển, dâng lên Võ đế, để sai cắt xén những chỗ phù phiếm, nghi ngờ, chia làm mười quyển. Sách này còn, đó là loại sách ghi chép các cảnh kỳ vật lạ, cho đến các việc vặt chuyện nhỏ thời xưa, nhưng đều trích lấy trong sách cũ ra, không có gì mới lạ, không xứng với tên sách, hoặc giả đó là do người đời sau chép nhặt lại mà làm ra, không phải là nguyên bản của Trương Hoa chăng? Nay những tiểu thuyết từ Hán đến Tùy mà đang còn, đại để là thế cả.

Sách Chu thư chép: Đất Tây vực dâng vải giặt bằng lửa, thị tộc Côn Ngô dâng dao cắt ngọc, vải đó bẩn mà đem đốt thì sạch, dao đó cắt ngọc như cắt sáp. Vải thi đori Hán có được dâng, dao thi chưa nghe đến. (Quyển 2, mục Sản vật lạ).

Bắt con ba ba, cắt thịt từng miếng như con cờ, giã rau hiên đỏ lấy nước trộn vào, lấy tranh gói lại dây dày, năm, sáu tháng lên men, thì bỏ xuống ao, khoảng mươi ngày thì miếng thịt thành con ba ba cá (Quyển 4 - mục Trò chơi).

Thái tử Đan nước Yên qua làm con tin ở nước Tần. Muốn về, xin với Tần vương - Vương không cho, lừa rằng: Làm sao cho quạ đầu trắng ra, ngựa mọc sừng được thì sẽ cho. Đan ngửa mặt lên mà than, quạ liền trắng đầu ra, cúi xuống mà khóc, ngựa liền mọc sừng. Tần vương bất đắc dĩ phải cho về, sai làm cầu có máy, muốn hại Đan. Đan rong ruổi đi qua mà máy không bật. Trốn đến cửa ải, cửa không mở, Đan già gà gáy, gà xung quanh gáy lên cả, thế là về (Quyển 8, Sử bộ).

Lão tử nói: Muôn dân đều thuộc Tây vương mâu, chỉ có bậc vương, bậc thánh, bậc chân nhân, bậc tiên nhân, bậc đạo nhân là mạng thuộc cửa

thiên quân ở trên (Quyển 9, mục *Tạp thuyết*).

Can Bửu người Tần Thái, tên tự là Linh Thăng. Nhà Tấn sau khi Trung hưng đặt chức sứ quán. Bửu ban đầu làm trước tác lang, lãnh việc soạn quốc sử, nhân nhà nghè xin được bổ làm huu trưởng sứ của quan tu đồ, rồi đổi lên làm chức Tán kỵ thường thị (sách *Tú thế kỵ trung*). Bửu làm *Tán kỵ* hai mươi quyển, đương thời khen là nhà viết sử tốt, nhưng tính thích thuật số âm dương, vì mê hoặc theo chuyện người vợ hầu của bố chết rồi lại tái sinh, chuyện người anh đã tắt hơi rồi lại sống lại, và kể chuyện gấp thiền thần, mà làm ra sách *Sưu thần ký* hai mươi quyển, nói là để làm sáng tỏ thêm rằng thần đạo không nói không, theo lời Tự chép trong chuyện bán thân ở *Tán thư*. *Sưu thần ký* mà nay còn đúng là hai mươi quyển nhưng cũng không phải là sách nguyên tắc, nội dung ngoài những chuyện thần kỵ, linh dị, nhân vật biến hóa, còn nói đến thần tiên, ngũ hành, lại tình cờ cũng có thuyết Thích ca.

Chu Thức người Hạ Bì đời Hán, thường đến Đông Hải, giữa đường gặp một người làm chức lại, tay cầm một cuốn sách, xin đi nhờ thuyền, đi được hơn mươi dặm thì bảo Thức tôi có việc tạm ghé, để sách lại gửi trong thuyền ông, xin chờ giờ ra. Người lạ đi rồi thì Thức giờ ra xem trộm, thấy sách toàn chép việc những người chết rồi, dưới hết có tên của Thức. Chỗ lát trở về thì Thức còn xem. Người lại giận nói: cũng định mách nhau nhưng không dè đã xem đi rồi. Thức dập đầu lạy đến chảy máu, hồi lâu, người lại mới nói cầm lòng ông đã cho nhau đi một đoạn đường dài, song sách này bỏ tên ông ra không được, ngày hôm nay đã qua, ông về nhà trong ba năm chờ ra khỏi cửa, may có thể được khôi. Lại chờ nói là đã thấy sách tôi. Thức về, không ra khỏi cửa đã hơn hai năm, trong nhà ai cũng lấy làm lạ. Hàng xóm có người chết, người cha giận bảo sang viếng. Thức bất đắc dĩ phải đi, vừa ra khỏi cửa đã thấy người lại ngày trước. Người lại nói: tôi bảo ông trong ba năm đừng có đi ra, nay ông đã ra ngoài cửa, biết làm thế nào. Tôi mong không thấy ông, khôi phải liên lụy dùng roi vọt, nay đã thấy ông, lại biết làm thế nào, sau ba ngày đúng trưa, tôi phải đến bắt thoi... Đến đúng trưa ngày thứ ba, quả thấy người lại đến bắt, thế là chết (Quyển 5).

Nguyễn Chiêm, tên tự là Thiên Ký, vốn theo thuyết không có quỷ,

không ai cãi được, thường tự bảo điều đó đủ chứng minh thực cái lê u minh. Bỗng có khách đến đưa danh thiếp thăm Chiêm, hàn huyên xong, bèn nói sang chuyện danh lý² khách rất có tài biện luận, Chiêm cũng nói chuyện. Khá lâu, mãi đến khi nói đến chuyện quỷ thần, bàn di cãi lại rất khổ, sau khách phải chịu, làm ra bộ giận mà nói: Quỷ thần là điều thánh hiền xưa nay đều có nói, sao ông lại dám một mình bảo không. Thí dụ tôi đây vốn là quỷ - Nói rồi biến thành hình khác, phút chốc thì tiêu tan, Chiêm lặng thính, da dẻ tinh thần rất xấu, hơn năm thì chết (Quyển mười sáu).

Miếu Tiêu Hò có một chiếc gối ngọc, gối có chỗ nẻ nhỏ. Bấy giờ người huyện Đơn phủ tên là Dương Tâm làm nghè buôn, đến miếu cầu xin người, con đồng trong miếu hỏi: anh muốn lấy vợ được tốt không? Lâm trả lời: Được vậy thì may lắm. Con đồng liền bảo Lâm lại bên gối, rồi cho vào trong lỗ nẻ, vào thì thấy lầu son, nhà ngọc, có quan Thái úy họ Triệu ở, quan gả ngay con gái mình cho Lâm, sinh được sáu con, cả sáu sau làm bí thư lang cả, trải vài chục năm, Lâm không có ý nghĩ gì đến việc về, thình lình như nằm mơ dậy, thì ra còn nằm bên chiếc gối, Lâm ngâm ngùi hồi lâu (Bản sách ngày nay không có điều này, thấy trong sách *Thái bình hoàn vũ ký*, lời dẫn 126).

Làm tiếp thêm sách của Can Bửu có *Sau thần ký* mười quyển đề là Đào Tiềm soạn, sách còn đủ cả, cũng chép những chuyện linh thiêng biến hóa như sách trước, song Đào Tiềm người khoáng đạt, chưa chắc đã bo bo vào chuyện quỷ thần, có lẽ là giả mạo thôi.

Can Bửu tên tự là Linh Thăng, cha ông trước là người ở Tân Thái. Cha tên là Oánh, có cô hầu yêu. Mẹ rất hay ghen, lúc cha mất chôn, đẩy người vợ hầu vào trong huyệt mộ. Anh em Bửu còn bé, không hiểu gì. Mười năm sau, mẹ mất, mở mộ ra, thấy nằm phủ phục trên qua tài, quần áo y như là người sống, lại xem thì người còn nóng, khênh về nhà, hết ngày thì sống lại, kể rằng bố của Bửu thường đưa cơm nước cho, lại cùng nhau ăn nằm, ân ái như lúc sống. Việc lành dữ trong nhà đem nói ra, so lại thì đều đúng cả, bình phục lại được vài năm thì mất. Anh của Bửu ốm luôn, tắt thở

² Lý, là lý học; danh, là chính danh.

nhiều ngày mà người không lạnh đi. Sau tỉnh lại, nói là thấy được việc quỷ thần trong khoảng trời đất, rồi như nằm mơ tỉnh dậy, không biết là mình đã có chết (Quyển bốn).

Thời gian sau nhà Tấn trung hưng, có Chu Tử Văn người Tiền quận nhà ở Tấn Lăng, lúc trẻ thích săn bắn, thường vào núi, thỉnh lình giữa hang núi có một người cao đến năm sáu trượng, tay cầm cung tên, đầu mũi tên rộng đến hai thước, người trắng như sương tuyết, lại thỉnh lình lên tiếng gọi: A Thủ (tên gọi lúc bé của Tử Văn). Tử Văn bất giác đáp: Ủ. Người đó liền trương cung lắp mũi nhắm Tử Văn. Tử Văn mất hồn nằm rạp xuống (Quyển bảy).

Thời Tấn lại có người họ Tuân làm sách *Linh quý chí*, người họ Lục làm sách *Dị lâm*, chức chủ bộ Tây nhung là Đái Tô làm sách *Dị truyện*, rồi sách *Thuật dị ký* của Tô Xung Chi, sách *Chí quái* của Tô Đài Chi, ngoài ra những người làm sách *Chí quái* còn nhiều như bọn người họ Khổng, người họ Thực và Tào Tỉ, sách nay đều thất lạc, thỉnh thoảng có thấy dị văn. Còn sách *Thuật dị ký* hai quyển lưu hành hiện nay, nói là của Dương Nhiệm Chuởng làm thì chính là của người khoảng Đường Tống làm mà cho đội tên sách của Tô Xung Chi, cho nên trong sách người đời Đường chưa hề dẫn đến.

Lưu Kính Thúc tên tự là Kính Thúc người Bàn Thành lúc nhỏ thông minh lanh lẹ, có tài lạ, cuối đời Tấn được làm lang trung lệnh nước Nam Bình, sang nhà Tống làm cấp sự hoàng môn lang, được vài năm thì miễn chức vì ốm, giữa niên hiệu Thái Thụy thì mất ở nhà (khoảng 390-470), sách làm ra *Dị uyển* hơn mươi quyển được lưu hành (Muốn rõ hơn, xem tiểu truyện của Hồ Châu Hanh đời Minh làm, quyển đầu của *Dị uyển*, bản của Cấp Cố Các). *Dị uyển* nay còn là mươi quyển song cũng không phải sách nguyên bản như cũ.

Thời nhà Ngụy, quả chuông lớn trước điện tự nhiên kêu to, mọi người kinh hãi đem hỏi Trương Hoa, Hoa nói: Đó là do núi Đồng Sơn lở, chuông kêu là ứng lại tiếng núi lở đó thôi. Liền sau đó, Thục quân tâu sự việc lở thì đúng như Hoa nói (Quyển 2).

Giữa niên hiệu Nghĩa Hy, người con gái hầu nhà họ Từ ở Đông Hải thỉnh lình mắc bệnh luy hoàng mà gai cào rất dữ, nhà đưa nhau rình xem thì thấy cái chồi dựng ở góc tường dưới giường cô ta nằm đảo qua đảo lại, họ lấy đốt đi, người con gái lành ngay và khỏe lại như thường (Quyển tám).

Năm thứ mươi chín niên hiệu Thái Nguyên nhà Tấn. Hoàng Xiển giết chó tế núi Tụy Sơn trong làng, nấu thịt không chín, Thần giận, bảo người lên đồng rằng: Hoàng Xiển đưa thịt sống cúng ta, phải phạt bắt tự ăn đi. Trong năm đó, Xiển thỉnh lình hóa ra con hổ, lúc đầu mới làm hổ, gặp ai thì đưa da có vằn mà choàng cho, lập tức người đó biết nhảy vọt lại biết cắn đuôi (Quyển tám).

Lưu Ung người Đông Hoàn tính thích ăn vẩy mụn nhọt, cho rằng vị ngon như cá “phục”, thường đến nhà Mạnh Linh Hựu, Linh Hựu trước bị dấu châm cứu sưng loét, vẩy chưa rụng cũng gỡ ra cho Ung ăn. Quan lại nước Nam Khang đến 200 người, chẳng hỏi han có tội hay không có tội, cứ thay nhau cầm roi đánh, vẩy rụng ra cả, lấy đem cho ăn. (Quyển mươi).

Lâm Xuyên Vương là Lưu Nghĩa Khanh (463 - 444) tính tình giản dị, yêu thích văn học, soạn thảo rất nhiều (Chép ký ở *Tông thất truyện* trong *Tống thư*), có *U minh lục* 30 quyển, thấy *Tùy chí* chép xếp vào loại tạp truyện trong sử bộ, *Tân Đường chí* xếp vào loại tiểu thuyết. Sách này tuy không còn nhưng các sách khác trung dẫn rất nhiều, xem đại để như loại sách *Suu thần liệt dị*, song giống như sao lục tập hợp các sách người trước, chứ không phải tự tạo ra. Đời Đường sách đó thịnh hành. Lưu Tri Kỷ làm sách *Sử thông* có nói sách *U minh lục*, Tấn thư lấy dùng trong đó rất nhiều.

Dương Võ Nghi người Đông Dương làm chức Tân Kỵ thị lang đời Tống có làm sách *Tề hài ký* bảy quyển, sách cũng có chép trong *Tùy chí*, nay thất lạc. Ngô Quân đời Lương làm *Tục Tề hài ký* một quyển, nay hay còn song cũng không phải là nguyên bản. Ngô Quân Tân tự là Thúc Tường, người Cố chương thuộc Ngô Hưng, đầu niên hiệu Thiên giám làm chủ bộ. Ngô Hưng lại kiêm chức ký thất của Kiến An Vương Vĩ, cuối cùng thăng chức phụng triều thỉnh, do việc soạn sách *Tề xuân thư*, không hẳn là miễn chức nhưng cũng là miễn, sau lại được triệu lại, giao soạn sách *Thông sử*,

thọ 52 tuổi (469-520), sự việc chép rõ trong *Văn học truyện* của Lương Thư. Quân sớm có tiếng về thơ, văn cũng trong sáng bay bổng, những kẻ hay bày chuyện có khi bắt chước, bảo là theo thể Ngô Quân, tiểu thuyết của ông do văn hay mà cũng trác tuyệt, các văn nhân Đường Tống thường dẫn biên niên cổ, bài ký *Dương Tiên Nga lung* là một ví dụ về chuyện kỳ lạ hiếm thấy.

Hứa Ngạn người Dương Tiên di trong núi Tuy An, gặp một thư sinh mươi bảy, mươi tám tuổi nằm bên đường, bảo là chân đau. Xin vào nhờ trong lồng ngõng. Ngạn cho là nói dừa, chàng thư sinh liền vào thật, lồng cũng chẳng thay đổi rộng ra, chàng thư sinh cũng chẳng thay đổi nhỏ lại, cứ ngồi với hai con ngỗng một cách tự nhiên, ngỗng cũng chẳng kinh hãi gì, Ngạn đội lồng mà đi, cũng chẳng thấy nặng thêm. Đến hàng cây dằng trước nghỉ lại, thư sinh chui trong lồng ra, bảo Ngạn rằng: Tôi muốn thiết ông chén rượu lạt, Ngạn bảo tốt. Thư sinh từ trong mồm nôn ra một cái âu đồng trong âu có đủ mọi món... Rượu vài tuần xong, bảo trước tôi định đem theo một người đàn bà, nay muốn đem tạm cô ta, Ngạn bảo tốt. Thư sinh lại từ trong mồm nôn ra một cô gái, cỡ 15-16 tuổi, áo quần lỏng lẻo, dáng điệu tuyệt vời, cùng ngồi ăn, phút chốc Thư sinh say nьян, cô gái nói với Ngạn rằng: tuy tôi với chàng thư sinh đã lấy nhau thành vợ thành chồng song trong lòng vẫn oán giận, trước cũng muốn trộm được một chàng trai khác cùng đi, nay thư sinh ngủ rồi, muốn tạm đổi, mong ông đừng nói; Ngạn bảo tốt, cô gái từ trong mồm nôn ra một người con trai, tuổi chừng hai mươi ba, hai mươi bốn, người cũng đinh ngộ dáng yêu. Chàng cùng Ngạn hàn huyên. Chàng thư sinh ngủ sấp tỉnh, cô con gái lại từ trong mồm nôn ra một bức bình phong bằng gốm che chàng đi, chàng lại giữ cô gái lại cùng nằm. Chàng trai bảo Ngạn: cô ta tuy có tình, nhưng lòng chưa vừa, trước tôi cũng muốn trộm được một người con gái cùng đi nay muốn tạm gặp cô ta, mong ông đừng tiết lộ ra. Ngạn bảo tốt. Chàng trai lại từ trong mồm nôn ra một người đàn bà, tuổi cỡ hai mươi, cũng ngồi uống rượu, chuyện trò đùa cợt rất lâu, nghe chàng thư sinh có tiếng động, chàng trai bảo, hai người đã dậy, rồi lấy người con gái chỗ chàng thư sinh ra và bảo Ngạn rằng: chàng thư sinh sắp dậy, rồi nuốt người con trai trước đó đi, một mình ngồi đối diện với

Ngạn. Xong xuôi đâu đó, thì người thư sinh dậy thật và bảo Ngạn rằng: Ngủ một chút mà ra lâu, ông ngồi một mình chắc có băn khoăn buồn bã phải không? Ngày lại muộn rồi, đồ đạc gì cũng bỏ vào mồm tuốt, chỉ để lại cái mâm đồng rộng có thể đến hai thước, từ biệt Ngạn mà nói rằng: không có gì để trả ơn ông, gọi là một chút để sau này nhớ nhau vậy. Ngạn khoảng niên hiệu Đại nguyên làm lâu dài lịch sự, dùng cái mâm để dài tiệc quan Thị trung là Trương Tân. Tân xem bài minh khắc đề ở mâm, nói rằng mâm đó làm năm thứ ba niên hiệu Vĩnh Bình.

Tuy nhiên loại tư tưởng như chuyện trên, không phải là loại tư tưởng Trung Quốc vốn có, Đoàn Thành Thức đã có nói là nó sinh ra ở Thiên Trúc, các sách *Dậu dương tạp trở*, *Tục tập*, *Biếm ngộ thiên* nói: *Thí dụ kinh* của họ Thích nói: Xưa Phan chi làm thuật, nôn ra một cái bình, trong bình có một người con gái với tấm bình phong ở với nhau làm vợ chồng. Coi là nhà để ở. Phan Chi đi nghỉ một chút, lại người con gái làm thuật, nôn ra một cái bình, trong bình lại có người con trai, lại cùng nhau ăn nằm. Phan Chi thức dậy lần lượt nuốt cả hai người đó, rồi chống gậy bỏ đi. Tôi cho rằng Ngô Quán đã từng xem chuyện Đế Thích rồi rước lấy làm sách chí quái. Nói kinh của họ Thích tức là kinh *Cựu tạp chí thí dụ*, do Khang Tăng thời Ngô dịch nay đang còn. Vả chuyện trên, chỉ chuyện trên đó thôi, còn có kinh gốc nữa, như *Quan Phật tam muội Hải kinh* (Quyển một) nói khi xem Phật tu khổ hạnh. Bạch Hảo Mao coi tướng bảo: "Trời thấy trong sợi lông có trăm ức tia sáng, ánh sáng đó tinh vi thần diệu, không nói ra đủ hết được, trong ánh sáng đó, bồ tát hiện hóa ra, vị nào cũng tu khổ hạnh, như thế không đáng lạ. Bồ tát không nhỏ, lông cũng không to". Chuyện đó chắc là nguồn gốc của chuyện Phan Chi nôn ra cái bình. Từ đời Ngụy Tấn trở xuống, Kinh điển đạo Phật được dịch ra dần, chuyện xưa Thiên trúc cũng lưu truyền trong nhân dân Trung Quốc, các văn nhân xem thấy lạ lùng ngộ nghĩnh, rồi hoặc vô ý hoặc hữu ý đem dùng và chuyện như lột xác thành chuyện dân tộc. Chẳng hạn như họ Tuân người đời Tấn làm sách *Linh quí chí* cũng ghi việc thầy phù thủy vào lồng song còn nói là chuyện kể ở nước ngoài, đến trong chuyện ký của Ngô Quán mới thành người học trò thư sinh của Trung Quốc.

Năm thứ mười hai niên hiệu Thái Nguyên, có người thầy phù thủy từ

nước ngoài đến, có tài nuốt dao múa lửa, nôn ra châu ngọc bạc vàng, tự kể rằng thầy mình theo học thuộc phái áo trắng hay bạch y chứ không phải sa môn đạo Phật. Có lần đi đường, thấy một người gánh cái gánh, trên có một cái lồng nhỏ, chừng đựng được hơn một thặng, thì nói với người gánh rằng: tôi đi bộ mỏi quá rồi, muốn nhờ ông gánh giúp. Người gánh lấy làm quái, lo là người điên, bèn bảo: ông thấy làm được thì được thôi... Thế là người phù thủy vào trong cái lồng, lồng không thay đổi to thêm, người phù thủy cũng không thay đổi nhỏ lại, người gánh cũng không thấy nặng thêm hơn trước. Đi được vài chục dặm, dừng lại trước gốc cây để ăn, người gánh gọi lại cùng ăn, phù thủy nói: Tôi có đồ ăn đây rồi, nhưng nói thế chứ không chịu đưa ra... Ăn được nửa bữa, thì nói với người rằng: Tôi muốn có vợ tôi cùng ăn, tức thì lại từ trong mồm nôn ra một cô gái, cỡ hai mươi tuổi, áo xiêm dáng điệu hết sức đẹp, hai người liền ăn với nhau. Ăn sắp xong, người chồng liền nắm, người vợ bảo người gánh rằng: "Tôi có người chồng ngoại tình, muốn anh ta đến cùng ăn, chồng tôi dậy, ông chờ nói". Thế là người vợ liền từ trong mồm nôn ra một người đàn ông tuổi trẻ cùng ăn với nhau. Trong lồng thế là có ba người, những việc khoan thai hay gấp vội, cũng lại không khác gì trước. Được một lát, người chồng động đậy như sắp tỉnh ngủ, người vợ liền đem người chồng ngoại tình bỏ vào mồm. Người chồng ngủ dậy, nói với người gánh rằng đi được rồi, rồi đem người vợ bỏ vào mồm, rồi bỏ luôn cả những đồ dùng để ăn... (Sách *Pháp uyên Chân lâm* 61, sách *Thái bình ngự lâm*, 359).

Chương 6

SÁCH QUÝ THẦN CHÍ QUÁI ĐỜI LỤC TRIỀU (HẠ)

Sách có nội dung giúp vào đạo của họ Thích. *Tùy chí lục* chép chín nhà, xếp vào bộ sử và bộ tử, nay chỉ còn *Oan hồn chí* của Nhan Chi Suy làm, dẫn kinh sử để chứng minh việc báo ứng, đó là cuốn sách mở đầu cái đầu mối hồn hợp Nho và Thích, còn các sách khác thì đều thất lạc. Nhưng di văn còn khảo xét tìm thấy được có *Tuyên nghiệm ký* của Lưu Nghĩa Khánh đời Tống, *Minh tường ký* của Hầu Bạch, cả hai đều đời Tùy, cả thảy có bốn loại, đại để đều ghi việc cai tượng ảnh trong kính hiển hiện ra và làm những điều có hiệu nghiệm chứng minh rằng việc ứng nghiệm là có thực, dụng ý để cổ vũ chấn chỉnh thế tục, làm cho người ta sinh lòng tin, vì lẽ đó đời sau có kẻ cho là tiểu thuyết. Đây nói Vương Việt, Việt người Thái Nguyên, lúc bé ở Giao Chỉ, chịu phép ngũ giới, khoảng hai niên hiệu Đại minh và Kiên nguyên nhà Tống (giữa thế kỷ 5) hai lần cảm thấy sự linh dị của pho tượng vàng, mà viết ký, tập hợp những chuyện về tượng, tiếp theo là chuyện về kinh tháp, đến mười quyển, đặt tên là *Minh tường*, tự đề tựa nói về sự việc rất rõ (Thấy trong sách *Pháp uyển châu lâm*, quyển 17) *Minh tường ký* trong châu lâm và *Thái bình quảng ký* còn rất nhiều, văn tự thuật rất khúc chiết, tường tận, nay lược dẫn ba chuyện để biết đại khái.

Vua Hán Minh đế mộng thấy người thần, thân gần hai trượng, da màu hoàng kim, cổ đeo ánh sáng mặt trời. Vua đem hỏi các quan, có người thưa: phương Tây có thần, hiệu gọi là Phật, hình dáng như bệ hạ thấy trong

mộng. Như vậy mà lại có thể không đúng sao? Thế là sai sứ sang Thiên Trúc, từ thiên tử vương hầu mà xuống, ai cũng kính thờ, nghe giảng người chết nhưng tinh thần bất diệt, thì không ai không sợ sệt, nghe con người mình như mất mát thế nào. Buổi đầu sứ giả là Thái Am đưa bọn Già dịch ma đăng là sa môn ở Tây vực mang biểu bức tượng của Vua Vu diền vê Phật Thích ca, vua rất lấy làm trọng, thấy đúng như mình đã thấy trong mộng, bèn sai thợ vê ra hai ba bản, đặt ở đài Thanh lương tại cung Nam cung và trên lăng Hiếu tiết thợ lăng ở cửa Cao dương môn mà thờ cúng, lại sai vê ở chùa Bách mả bức bách họa vê nghìn xe muôn ngựa vòng quanh thấp ba vòng theo như các truyện đã ghi chép (Sách *Châu lâm* 3).

Tạ phu đời Tấn tên tự là Khánh Tự, người phía bắc núi Cối Hộ, lúc trẻ có tiết tháo cao, ẩn ở Đông Sơn, dốc tin pháp lớn, tinh tế siêng năng không mệt mỏi, tự tay chép kinh *Thủ lăng nghiêm*, đang lúc ở trong chùa Dô Bạch mả, chùa bị một đám cháy lan đến, đồ vật cùng kinh sách đều ra tro mà cuốn kinh đó chỉ cháy đầu giấy ngoài lè thôi, chữ còn, không mất chỗ nào. Lúc Phu chết, bạn hữu đã có ý cho là đắc đạo, đến khi nghe chuyện cuốn kinh càng thêm kinh lạ. (Sách *Châu lâm* (8)).

Triệu Thái đời Tấn, tên tự là Văn Hòa, người Bối khuu Thành hà... lúc tuổi ba mươi lăm, thường ngất vì đau tim, rồi một hôm ch襍 lát thì chết. Xác hạ xuống đất, tim cứ ấm mãi, co duỗi tùy người, để đã mười ngày, hôm ấy, trong họng có tiếng như mưa, một lát thì sống lại, kể rằng lúc đầu mới chết, mộng thấy có một người đến gần dưới tim, lại có hai người cưỡi ngựa sắc vàng, có hai người theo hầu, dùi nách kéo đi sang đông, không rõ được mấy dặm rồi, đến một tòa thành, to cao hiểm trở màu thạch xanh đen, đưa Thái đi vào trong cửa thành, qua hai lớp cửa đến một nhà ngói dễ đến vài nghìn gian, trai gái lớn nhỏ cũng đến vài nghìn người, xếp hàng dọc ngang mà đứng. Cai dịch mặc áo đen, có năm sáu người, ghi chép họ tên, bảo là phải đem trình phủ quân. Thái tên đứng thứ ba mươi, đứng một ch襍 thì đưa Thái cùng vài nghìn cả nam lẫn nữ cùng tiến lên một loạt. Phủ quân ngồi ngoảnh mặt hướng Tây, xem qua bản tên xong, lại bảo Thái đi về phía Nam vào trong cửa đèn. Có người mặc áo đỏ ngồi dưới nhà lớn, theo thứ tự mà gọi tên, hỏi: lúc sống làm việc gì, có làm tội nghiệt gì, phúc thiện gì, hỏi

xét anh mấy điều đó, anh nói thực ra. Đó là việc thường sai sứ giả ở thường xuyên trong nhân gian, ghi chép điều thiện, điều ác, đã có đủ giấy tờ, không được bịa đặt ra. Thái trả lời: cha anh đều làm quan cả và đều ăn lương hai nghìn thạch. Tôi lúc nhỏ ở nhà, đi học thôi không làm việc gì hết, cũng không phạm điều ác gì. Xong, sai Thái làm chức Thủy quan tướng... Sau chuyển lên chức Thủy quan đô đốc kiêm trông coi các nhà ngục, cấp cho Thái binh lính ngựa lúa, giao đi xét các địa ngục. Đến mỗi ngục, cách tra khảo độc ác một khía cạnh, hoặc dùng kim xâu qua, lưỡi máu chảy khắp người, hoặc tiêm dầu xoa tóc, ở trường đi chân không, lôi nhau mà đi, có kẻ cầm gậy to, theo sau mà thúc giục, giường sắt cột đồng, đốt cháy suốt cả, xua ép người này người nọ nằm trên mà ôm lấy, nằm lên tức thì cháy chín, nhưng lại sống lại liền... Hoặc rùng gươm cao rộng, không biết số lượng bao nhiêu, rẽ thân cành lá đều lấy gươm mà làm cả. Đám người bối rối nói xấu nhau tự trèo lên, tự vối lên như có ý đua nhau vui nhộn, mà đầu mình bị cắt chặt đứt rời từng thước, từng tấc. Thái thấy ông bà bố mẹ cùng hai em ở trong ngục đó, thấy nhau thì khóc lóc giàn dụa. Thái đi ra cửa ngục thấy có hai người mang văn thư, lại nói chuyện với ngục lại, bảo rằng có ba người, cả nhà do treo phướn đốt hương trong chùa Tháp, được cứu giải hết tội, có thể ra ở phúc xá. Chỗ lát thấy ba người ở trong ngục ra, đã có áo quần tự nhiên, đầy đủ trên người, theo hướng Nam đến một cái cửa, đê là khai quang đại xá... Thái xét xem xong về chỗ Thủy quan... Người chủ nói: nhà ngươi không có tội lỗi, cho nên cho người lên chức Thủy quan đô đốc, không thế thì so với người trong ngục, nào có khác gì. Thái hỏi người chủ: con người có làm gì thì khi chết mới được báo ứng vui vẻ? Người chủ chỉ nói: kẻ đệ tử vâng theo phép, tinh tiến giữ các điều răn, thì được báo ứng vui vẻ, không bị quả phạt. Thái lại hỏi: Tôi lỗi lúc chưa thờ phép sau thờ phép rồi, có được trừ bỏ đi không? Chủ đáp: được trừ bỏ cả. Chuyện xong, người chủ bỏ cái cặp đen, xem lại tuổi của Thái, thấy còn đến ba mươi năm nữa, bèn cho Thái về... Lúc đó là ngày 13 tháng 7 năm thứ 5 niên hiệu Thái Thủy nhà Tấn (Sách *Châu lâm* 7 sách *Quảng ký* 377).

Phật giáo đã lưu hành truyền bá thì kinh luận ngày một nhiều, người nghe hoặc có kẻ giác ngộ thấy lẽ vô thường mà quy y, nhưng cũng có kẻ sợ

sự vô thường mà bỏ chạy. Đổi lại tình hình phản động đó, thì có những phương sĩ cũng tự tạo ra những ngụy kinh, làm ra nhiều dị ký, dùng cái đạo sống mãi xem lâu, để bùa cất những kẻ bỏ trốn sự khổ ái hư không trong thiên hạ, đến nay tiểu thuyết đời Hán mà đang còn, ngoài một, hai trước thuật của văn nhân thì còn lại đại để đều là thế. Các phương sĩ soạn sách nói chung là giả danh người xưa, cho nên sách đê là người đời Tấn Tống làm cũng có nhiều, song sách *Thần dị ký* mà các loại thư có dẫn thì là của đạo sĩ Vương Phù làm. Phù người đời Tấn, có tiếng là con người nông cạn gân dở, chính là người thời Huệ đế (từ cuối thế kỷ 3 đến đầu thế kỷ 4) cùng với Bạch Viễn bàn cãi chống đối mà thường chịu khuất, nên mới đổi sách *Tây vực truyện*, làm ra sách Minh uy hóa Hồ truyện đê là của Lão tử (thấy trong biện chính luận của Thích pháp lâm đời Đường 6). Chuyện chép giống như cũng nói việc thần tiên quý thần như loại sách Đông Minh, Liệt dị.

Trần Mẫn, đời Tôn Hạo làm Thái thú giang hạ, từ Kiến nghiệp ra đi nhậm chức, nghe nói ngôi miếu cung đình linh nghiệm (nguyên chú nói linh nghiệm), đến xin phù hộ cho làm quan được yên ổn, thì sẽ cúng một chiếc gậy bạc. Quan hết hạn, Hạo làm gậy để đưa cúng, nhưng lại đập sắt làm cán rồi chỉ dùng bạc mạ ngoài mà thôi. Liền đó được vời làm Tân kỵ thường thị. Hạo qua cung đình, đưa chiếc gậy vào trong miếu xong là lên đường. Chiều lại, con đồng giáng thân tuyên bố: Trần Mẫn hứa với ta chiếc gậy bạc, nay đem gậy thép đến cúng, muốn vứt xuống sông nhưng thôi, đưa trả lại, cái tội đối trá khinh khi, không dung tha được. Thế rồi lấy gậy ra xem, bỏ ra thấy cán sắt ở trong, bèn đem bỏ trong hồ, gậy nổi trên mặt nước, chạy nhanh như bay, đến trước thuyền Mẫn, đi dà xa, thuyền Mẫn úp chìm (*Thái Bình nguy lâm* 710).

Gò Đan Khuu, mọc cây chè lớn, uốn vào sinh lông cánh như chim (Sách *Sự loại phú*, chú 16).

Sách *Thập dị ký* mười quyển, đê là của Vương gia, người Lũng Tây đời Tấn làm, do Lương Tiêu Ý lục chép lại. Trong *Nghệ thuật liệt truyện* của Tấn thư có Vương gia, chép sơ lược rằng: Gia tên tự là Tử niên, người An Dương Lũng Tây, ban đầu ở ẩn trong hang Đông dương, sau vào Trường An,

Phủ Kiên vời nhiều lần mà không ra, thường nói những việc chưa có, lời như sấm ký, đương thời ít ai hiểu, Diêu Trường vào Trường An, ép Trường theo mình sau vì Trường hỏi, trả lời trái ý, bị Trường giết (khoảng 390). Gia có làm sách *Khiêm tam ca sấm*, cùng sách *Thập dị lục nguyên*, sự việc lầm điều quái gở không đáng tin, nay còn lưu hành. Truyện chép mà gọi là Thập dị lục chẳng hạn, tức là ký ngày nay, đều có tựa của Tiêu Ý, nói sách nguyên có mười chín quyển, hai trăm chương, vào cuối đời Phù Tân, sách vở tản mát hư hỏng, sách đó cũng mất đi phần nhiều, Ý đem san bồ chô rướm, giữ lại chô thực, hợp lại làm một bộ, có mười quyển. Nay sách chín quyển đầu chép từ Phục Hy đến Đông Tấn, một quyển cuối thì ghi chép về chín núi tiên ở Côn Lôn, song so lại với lời tựa nói sách chép đến cuối đời Tây Tấn thì có hơi khác nhau. Văn viết cũng tươi sáng, nhưng sự việc quái đản lăng mạn không thực, Tiêu Ý lục chép cũng phụ họa theo, cho nên Hồ Ứng Lân trong *Bát tung* cho rằng: Ý soạn mà gán cho Vương Gia, là thế.

Vua Thiếu Hạo làm vua cho là Kim đức vượng, mẹ là Hoàng Nga ở tuyển cung, ban đêm thì dệt, hoặc cởi dây gỗ phù mà đi chơi ban ngày, khắp mọi bến bãi mênh mang, ruộng dâu cùng tận. Thời đó có một thần đồng, dáng điệu tuyệt trần, xưng là con của Bạch đế, tức là tinh Thái Bạch, giáng xuống nơi sông nước, cùng Hoàng Nga vui đùa, tấu nhạc biên quyên, lênh đênh quên về. Ruộng dâu cùng tận, ở bãi biển Tây, có dâu Hổ tang, mọc thẳng nghìn tầm, lá hồng quả tía, vạn năm ra quả một lần, ăn vào thì thó hòn trời... Đế tử với Hoàng Nga ngồi chung, vỗ chiếc đầu sắt băng gỗ tử trên núi Đồng phong, Hoàng Nga tựa đàm, cất giọng trong mà ca rằng: "Trời trong đất rộng lớn thênh thang, muôn tượng vẫn xoay hóa không phương. Liên trời lồng lộng ngô mênh mang. Cảnh mặt trời cao bè ta dáng, bãi dâu dâu đầy để ta sang, bạn lòng hòa nhạc vui khôn cùng". Tục gọi chô vui chơi đó là trong dâu, thơ Vệ phong *Kinh thi* nói hẹn ta ở trong dâu là theo tích đó... Đến khi Hoàng Nga sinh ra Thiếu Hạo, lấy hiệu là Cùng tang thị, cũng nói Tang Ngưu thị. Đến thời Lục quốc, Tang Khưu tử làm sách Âm dương, là dòng dõi Thiếu Hạo (Quyển 1).

Lưu Hướng khoảng cuối đời Thành đế, làm hiệu thư ở gác Thiên lộc, chuyên chú nghiên ngâm, đêm có ông lão áo màu vàng, chống chiếc gậy

thanh lê lên gác rồi vào thấy Hướng ngồi trong tối, một mình xem sách mà ngâm đọc, ông lão thổi vào đầu gậy, lửa sáng lên. Ông bảo muốn gặp Hướng, rồi nói về thuở đất trời khai tịch. Hướng nhận sách *Ngũ hành hồng pham* của ông cho, sợ sách nói rộng, rườm rà, ông lại xé lụa áo, đem chép lại, đến rạng sáng thì đi. Hướng xin hỏi họ tên thì bảo: ta là tinh của Thái nhất, thiên đế nghe nói con cái của Mão kim có người học rộng, bảo xuống xem. Nói rồi rút tập thẻ trúc trong bụng ra, có sách thiên văn địa đồ mà bảo: ta tạm trao cho ngươi vậy. Đến đời con Hướng là Hâm, do Hướng dạy lại cho. Hướng cuối cùng vẫn không biết ra được ông lão ấy là ai (Quyển 6).

Núi Động đình bập bènh trên mặt nước, dưới chân núi có nhà băng vàng vài trăm gian, các ngọc nũ ở đó, bốn mùa nghe tiếng kim thạch, tiếng ti trúc, thấu lên tận đỉnh núi. Thời vua Hoài Vương nước Sở, cử các người hiền tài đến tại bến nước, ở đó mà làm thơ... Sau vua Hoài Vương muốn dùng bọn gian hùng, người hiền tài bỏ trốn đi. Khuất Nguyên vì trung vua mà bị ruồng bỏ, ẩn ở vùng sông Nguyên, sông Tương, che thân bằng cỏ tran, ăn nhai cỏ lá, sống giữa cầm thú, không giao thiệp về việc đời, hái hạt bách hòa vào dầu quê để dưỡng lấy tâm thần, bị vua ép đuổi, bèn nhảy xuống nước sông trong lạnh, người Sở nhớ thương mến tiếc, cho ông là thủy tiên. Hồn ông ngao du trên sông thiên hà, tinh linh ông có lúc xuống bến Tương phố, người nước Sở lập đèn thờ, cuối đời Hán đèn hây còn (Quyển 10).

Chương 7

SÁCH THẾ THUYẾT TÂN NGŨ VÀ CÁC SÁCH MỞ ĐƯỜNG KẾ TIẾP NÓ

Dòng phái nho sĩ cuối đời Hán đã lấy tư cách, phẩm giá con người làm trọng, tiếng tăm danh dự thành bại được mất, do nửa câu nói, nửa lời bàn quyết định. Từ đời Ngụy Tấn trở xuống càng lấy phong cách ăn nói mà tôn chuộng lẫn nhau, chỉ một điều là nói năng thì theo lối huyền bí hư ảo, cử chỉ thì cố làm cho ra phóng khoáng vô tâm, kiên định trác viet, rất không cân nhau. Ấy vì thời đó Phật giáo đã lan rộng, thường nêu cái phong cách thoát tục, mà thuyết Trang Lão cũng thịnh hành, nên cá nhân theo Phật thờ Lão mà bị coi là phản động thì chán đời, xa rời cuộc sống lại nhất trí với nhau, chống nhau mà thực ra là cố vũ lẫn nhau, rốt cục là nói huyên hoang thành ra lối bàn suông, thanh đàm. Từ khi qua sông Giang về sau, lối đó càng rất mực, có nói trái lại, thì chỉ một, hai tay kiêu hùng mà thôi. Nhãn đời mến chuộng, nên có sách soạn ra, hoặc gộp nhặt chuyện cũ, hoặc ghi chép chuyện mới, tuy chẳng qua là chuyện toàn lời vặt song đều là của con người nói ra, làm ra, thế là thoát được sự ràng buộc lao lung của sách chí quái.

Chép việc con người làm xa xưa, Liệt Ngự Khấu, Hàn Phi đều có làm cả, song chép để làm gì thì họ Liệt là để nói về đạo, còn họ Hàn là tích lại để bàn chính trị, còn như để thường thức cho vui thì thực vừa mới có. Mầm mống từ đời Ngụy mà lớn mạnh lên trong đời Tấn, tuy không tránh khỏi đeo đuổi thời thượng, hoặc để cho người ta ngãm nghĩ mô phỏng mà chơi

nhưng cốt yếu là để tránh xa thực dụng mà gần lại với vui chơi tiêu khiển mà thôi. Niên hiệu Long Hòa nhà Tần (362), có người sử sĩ là Bùi Khái người Hà Đông, soạn một cuốn chép những lời trò chuyện ứng đối hay từ đời Hán Ngụy cho đến thời mình đặt tên là *Ngữ Lâm*, đương thời lưu hành khá rộng, nhưng cho chép lời nói của Tạ An không thực, bị An chê, sách phải bỏ (Xem rõ hơn ở thiên *Khinh đế* sách *Thế Thuyết tân ngữ*). Sau đó vẫn thỉnh thoảng có đến mười quyển, đến đời Tùy thì không có nữa, chỉ trong các sách thường thấy có dì văn đem vào.

Lâu Hộ tên tự là Quân Khanh, đến chơi nhà ngũ hầu đã nhiều bữa. Bữa nào, sáng sớm nhà ngũ hầu đều sai thết cơm, Quân Khanh đã chán mọi món, bèn thử đem tất cả các món ngũ hầu dọn ra thết, trộn lại mà ăn, thấy rất ngon. Món ăn mà người ta gọi là món ngũ hầu là do Quân Khanh mà có (Sách *Thái bình quảng ký* 234).

Vua Ngụy Võ bảo: ta ngủ thì không được đến gần, gần thì ta chặt người đi mà không biết đâu. Các người tả hữu nên cẩn thận. Sau bèn giả đò rét công mà nằm ngủ, đứa bé được vua yêu bèn lấy chăn đắp cho vua, Vua nhân thế chặt chết, từ đó chẳng ai dám đến gần (Sách *Thái bình ngự lâm* 707).

Chung Sĩ Quý hay nói với người ta: ta lúc tuổi còn nhỏ có cuốn sách một tờ, người ta bảo là sách binh thư của Nguyên Bộ, chữ nào chữ nấy đều sinh ra nghĩa, sau biết là ta rồi, thì chữ không nói nữa (Sách *Tục đàm trại* 4).

Tổ Sĩ Ngôn và Chung Nhã đùa nhau, Chung bảo Tổ: Tôi là kẻ sĩ Nhữ Đĩnh, sắc như cái dùi, anh là kẻ sĩ ở Yên Đại, cùn như cái đục. Đem cái dùi của tôi đánh cái đục của anh. Đã có cái dùi thắn thì không được đánh, Tổ nói: đã có dùi thắn thì ắt có đục thắn. Chung chịu khuất (*Ngự lâm* 466).

Vương Tử Du có lần tạm vào ở trong vườn bờ không của người ta, sai người nhà trồng trúc. Có người hỏi: ở tạm làm gì cho phiền. Du trầm ngâm hồi lâu rồi chỉ vào cây trúc mà nói: Một ngày không có ông này thì làm sao mà chịu nổi (Sách *Ngự lâm* 389).

Tùy chí lại có sách Quách tử ba quyển, đó là sách của chức Trang

lang đời Đông Tấn Quách Trường làm. Đường chí chép rằng sách *Già tuyền* chúa nay không còn. Song xem dị văn của nó thì cũng giống sách *Ngự lâm*.

Lâm xuyên vương Lưu Nghĩa Khanh đời Tống có làm sách *Thế thuyết* tám quyển. Lưu Hiếu Tiên đời Lương chúa và chia lại làm mươi quyển, thấy trong *Tùy chí*. Sách còn hiện nay là ba quyển mà gọi là *Thế thuyết Tân ngũ*, là do Án Thủ đời Tống san bớt và gộp lại, ngay trong chúa cước cũng có cắt xén bớt, song không biết ai lại thêm hai chữ Tân tự, thời Đường thì gọi là *Tân thư*, nghi là vì trong Hán chí, sáu mươi bảy chương của Lưu Hương đê tựa, lục chép và sắp xếp vào. Sách Nho đã có tên *Thế thuyết*, nên thêm chữ vào để cho phân biệt mà thôi. *Thế thuyết* Tân ngũ bản hiện nay có ba mươi tám chương, từ chương Đức Hạnh đến chương Cửu Khích, xếp theo từng loại, sự việc lấy bắt đầu từ Hậu Hán, đến Đông Tấn thì thôi. Ghi lời nói thì huyền bí xa xôi, lạnh lùng cao ngạo, ghi nét ở thì giản dị kỳ khôi, cho xuống đến những sự lỗi lầm càng giúp cho người ta được một trận cười. Hiệu Tiêu chúa cước, trong dẫn chứng lại mở rộng nhiều. Hoặc bác bỏ hoặc nói dài thêm, làm sáng ra và sát với sách, tăng thêm cái ngon lành, cái dài lâu của nó, sách dùng để tìm chứng cứ có đến hơn 400 loại, nay phần lớn không còn, cho nên sách làm ra càng được người đời trân trọng. Tuy thế nhưng *Thế thuyết* dùng chữ đặt câu có chỗ giống với *Tuyên nghiêm ký* mà thôi, đó là sách góp nhặt trong sách cũ chắp nhặt mà làm ra, không phải là sáng tác tự tạo. Tống thư nói: Nghĩa Khanh tài văn chương không nhiều nhưng mời đón nhóm họp những kẻ sĩ văn học thì xa gần gì cũng đến cả, như vậy thì sách hoặc do nhiều người viết ra, điều đó cũng chưa biết chừng.

Quan quang lộc họ Nguyễn ở đất Viêm từng có xe tốt, không ai mượn mà không cho, có người đưa dám mẹ, muốn mượn mà không dám nói. Ông Nguyễn nghe, than rằng mình có xe mà khiến người ta không dám mượn, thì có xe để làm gì. Rồi đem đốt đi. (Quyển Thượng, chương Đức Hạnh).

Nguyễn Tuyên Tử có tiếng tốt, quan Thái Úy Vương Di phủ gặp mặt mà hỏi rằng: lão Trang với Nho giáo giống hay khác nhau? Tuyên Tử thưa: sắp khác nhau. Quan Thái úy khen câu nói hay, mời làm chức lại, đời gọi là Lại ba tiếng (Quyển thượng, thiên Văn học).

Tổ Sĩ lúc trẻ ham của, Nguyễn Giao Tập ham guốc, cả hai thường tự kinh doanh, song chưa phân biệt ai hơn ai thua. Có người đến nhà Tổ, Tổ thấy thì xem đồ đặc của cải mà ước chừng; khách đến, che đi chưa hết, còn hai hòm nhỏ. Tổ đem mang vào sau lưng, nghiêng mình để che đi, thế mà vẫn chưa yên tâm. Cũng có kẻ đến nhà Nguyễn, thấy Nguyễn thổi lửa gắp guốc, mà than không biết một đời đi đến mấy guốc, thần sắc nhàn nhã khoan khoái. Thế mới rõ hơn thua được mất là thế nào (quyển Trung, chương Nhã lựng).

Đời phẩm bình đánh giá Bính nguyên: cho nên nói hạc trắng trong mây, không phải lười yến sẻ mà bắt được (quyển Trung, chương Nhã lựng).

Lưu Linh thường uống rượu lu bù, có lúc cởi áo, để mình trần ở trong nhà. Người ta thấy, chê cười thì Linh nói: ta lấy trời đất làm nhà cửa, nhà cửa làm áo choàng, các vị vào trong áo choàng ta làm gì? (quyển Hạ, chương Nhâm đản).

Thạch Sùng mỗi lần khách đến yến tiệc, thường sai hầu gái chuốc rượu, hễ khách uống không cạn thì sai bọn giám xúm đến chém cô gái hầu. Quan thừa tướng họ Vương cùng quan đại tướng quân có lần cùng đi với nhau đến nhà Sùng, quan thừa tướng vốn không hay rượu, phải miễn cưỡng uống, đến nỗi say mềm. Còn quan đại tướng quân thì lần này cũng cố tình không uống, để xem sự việc xảy ra, chém đã ba cô, mà ngài sắc mặt cứ như thường, vẫn không chịu uống. Quan thừa tướng trách, đại tướng quân nói: nó tự giết người nhà nó, việc gì đến anh (quyển Hạ, chương Thái xỉ).

Trầm Ước, đời Lương (441 - 513) làm sách *Lương thư*, người ta nói là cũng có làm sách *Tục thuyết* ba quyển, cũng thuộc loại trên, nhưng nay mất. Lương Vô đế có sai chức hữu trưởng sử Ân Văn (471-529) soạn sách *Lương thư*, người ta nói có soạn sách tiểu thuyết ba mươi quyển, đến đời Tùy thì chỉ còn mươi quyển, đầu đời Minh vẫn còn, nay thì chỉ còn thấy trong sách *Tục đàm tự* với sách *Thuyết phu* bản gốc, sách tiểu thuyết đồ cũng là gom góp trong các sách khác lại mà làm thành, theo thứ bậc thời đại mà đặc biệt để chuyện các đế vương lên quyển đầu, kể đến chuyện đời Chu Hán, cuối cùng là chuyện đời Nam Tề.

Khoảng niên hiệu Hàm Khang nhà Tấn, có người Sĩ nhân tên là Chu Vị, chết rồi sống lại, kể rằng mình được Thiên đế triệu lên chầu, được dẫn lên điện, ngửa mặt nhìn Đế, Đế mặt vuông một thước. Vị hỏi hai bên tả hữu có phải đó là Trương thiên đế thời xưa không. Hai bên đáp rằng thiên đế thời Thượng Cổ, đã thành thánh, đi lâu rồi, đế đây là gần với đời Tào Minh Đế (sách *Cẩm châu*, tập 2).

Vua Hiếu vĩ chưa hề thấy lửa, quan Thái phó họ Tạ hỏi: bệ hạ hình dung nó giống vật gì? Vua che miệng cười: đúng là giống con lợn (tục đàm trỡ). Khổng Tử có lần đi chơi núi, sai Tử Lộ đi lấy nước, Tạ Tử Lộ đi, gặp hổ ở chỗ lấy nước, hai bên đánh nhau. Tử Lộ túm phải đuôi hổ lôi dứt ra, đem giấu vào trong bụng, lấy nước về, hỏi Khổng Tử rằng: hạng thương sĩ giết hổ bằng cách nào? Khổng Tử trả lời: Hạng thương sĩ giết hổ bằng cách giữ đầu nó. Lại hỏi: Trung sĩ giết hổ bằng cách nào? Khổng Tử trả lời: Hạng trung sĩ giết hổ bằng cách ném đá lấy tai nó. Tử Lộ lại hỏi: Hạng hạ sĩ giết hổ bằng cách nào? Khổng Tử trả lời: Hạng hạ sĩ giết hổ bằng cách tóm lấy đuôi nó. Tử Lộ rút cái đuôi trong bụng giấu đi, rồi nhân việc đó mà giận Khổng Tử, nghĩ bụng thầy biết chỗ lấy nước có hổ, mà sai mình đi lấy nước, là muốn làm cho mình chết. Thế là giấu một cục đá vào bụng định ném Khổng Tử, và hỏi hạng thương sĩ giết người bằng cách nào? Khổng Tử trả lời hạng thương sĩ giết người bằng cách dùng cái ngòi bút. Tử Lộ lại hỏi: hạng trung sĩ giết người bằng cách nào? Khổng Tử trả lời hạng trung sĩ giết người bằng cách dùng cái đầu lưỡi. Tử Lộ lại hỏi: hạng hạ sĩ giết người bằng cách nào? Khổng Tử trả lời hạng hạ sĩ giết người bằng cách giấu hòn đá. Tử Lộ lấy hòn đá giấu vứt đi. Từ đó thiệt lòng phục Khổng Tử (Theo *Thuyết Phu* trong nguyên bản, 25. Nguyên chú nói: chuyện gốc ở “Xung ba truyện”).

Quỷ cốc tiên sinh viết thư cho Tô Tần, Trương Nghi nói: Hai ngài công danh lừng lẫy, chỉ ngại hoa xuân đến thu không được tươi lâu, ngày hết sấp đồng, thời hết sê già, các ngài há không thấy cây ở bên sông. Người đánh xe bỏ cái cành, sóng nước soi cái rễ, cây đó với người thiêng hạ chẳng phải thù oán gì, chỉ vì nó ở đó mà ra thế. Các ngài có thấy cây tùng cây bách ở trên núi Cung Nhạc, cây gỗ đàn trên núi Hoa Hoác không? Lá quét

mây xanh, rẽ thông ba suối, trên có khỉ vượn, dưới có báo đố, kỳ lân, nghìn thu muôn tuổi, chẳng gặp búa rìu chặt đeo tí nào, cây đó không phải có tình anh em gì với người thiêng hạ, cũng là do nó ở đó mà thôi. Nay hai người ưa cái vinh của giọt mù buổi sáng, quên cái công lâu dài, quí cái chức tước bập bênh một buổi sáng, ôi, gái yêu không quá dùng chăn chiếu, trai vui không chạy hết bánh xe. Đau thay, đau thay, hai ngài hai ngài. (Sách *Tục đàm* trang 4. Nguyên chú: lấy từ sách quý cốc tiên sinh thư ra).

Trong *Tùy chí* lại có sách Tiếu lâm ba quyển, đó là của chức cấp sự trung đời Hậu Hán là Hàm Đan Thuần làm. Thuần còn có tên là Trác, và tên tự là Tử Lễ, người Đinh Xuyên, hồi tuổi trẻ đã tài ba khác thường, năm đầu niên hiệu Nguyên Gia (151), chức Trưởng Thượng Ngu là Độ Thương dựng bia cho Tào Nga, Thiên là học trò của Thượng, ngay tại chỗ làm bài văn bia, hạ bút là thành không sửa một chữ và từ đó nổi tiếng, đầu niên hiệu Hoàng Sơ (khoảng năm 221) làm cấp sự trung của chức bác sĩ nhà Ngụy, theo chú cước của các sách *Hậu Hán thư*, Tào Nga truyện cùng *Tam quốc*, Ngụy chí, Vương Xán truyện. Sách *Tiểu lâm* nay thất lạc, dí văn còn lại hơn hai mươi truyện, nếu những điều sai trái lầm lạc, đúng là một thể của thế thuyết mà cũng là bước đầu diệu cợt bông đua.

Nước Lỗ có người cầm cây sào dài mà vào cửa thành, ban đầu cầm đứng không vào được, cầm ngang lại cũng không vào được, kế võ sơ xuất, không biết làm thế nào. Chợt có một ông già đi đến bảo: ta không phải là thánh nhân, song từng trải đã nhiều, sao không lấy cửa cửa đôi ra mà vào? Người ấy nghe theo mà cửa ra (*Thái bình quảng ký* 262). Đào Khuê Thị ở Bình Nguyên lấy con gái Mặc Đài Thị ở Bột Hải. Cô ta người rất đẹp, tính rất lành, mà kính trọng chồng, đã sinh được một trai mà bờ vè. Mẹ là Đinh Thị đến gặp chàng rể. Chàng rể đã về nhà và cho vợ đi. Vợ khi cất bước ra đi, tạ tội với chồng. Chồng nói: vừa rồi thấy bà, tuổi tác đức độ đã suy, không được như xưa nữa, sợ cô sau này già cũng thế, nên cho cô về, thực không có lý do gì khác. (sách *Thái bình ngự lâm* 499).

Anh Giáp cha mẹ còn cả, đi học xa ba năm về, người cậu hỏi: học được cái gì mà xa cha lâu, Giáp đáp: Lòng nhớ Vị Dương hơn cả Tần Khang. Thế là bố mắng: Mày học ích gì? Anh đáp: có mất đi chút ít lời dạy qua sân.

nên học không ích gì (sách *Quảng ký* 262).

Giáp và Ất đánh lộn nhau, Giáp cắn mũi Ất sứt rơi xuống. Quan định xử. Giáp khai là Ất tự cắn rơi, Quan bê: Con người ta mũi cao mà mồm thật thấp, lẽ nào lại tự cắn được? - Giáp nói: Nó leo lên giường mà cắn (sách *Quảng ký* 262).

Sau sách *Tiểu lâm*, không thiếu người làm tiếp. Tuy chỉ có *Giải Di* hai quyển, của Dương Tùng Phân làm, nay một chữ không còn, nhưng theo như các sách dẫn sách *Đàm tấu* thì cũng là loại Thể thuyết, *Dương chí* có sách *Khái nhan lục*, 10 quyển của Hầu Bạch làm. Bạch tên sự là Quân Tố, người Ngụy quận, ham học, có tài lanh lợi, hoạt bát và biện bạch giỏi, đỗ tú tài làm chức nho lâm lang, thích làm tạp thuyết khôi hài, người ta vừa mến vừa khinh nhở, chô Bạch ở, người xem như chợ, Vua Cao Tổ nhà Tùy nghe tiếng, triệu sai làm quốc sử ở bí thư, rồi cho ăn lương bậc ngũ phẩm, được hơn một tháng thì chết (Khoảng cuối thế kỷ 16). Chuyện Hầu Bạch thấy trong *Lục Sảng truyện*, ở Tùy thư. *Khái di lục* nay cũng mất, song sách *Thái bình Quảng ký* dẫn dụng rất nhiều, vì trên thì lấy văn cũ của sử sứ, gần thì ghi câu nói việc làm của bản thân, nhiều điều quá nồng cạn phù phiếm, đã thế lại hay dùng lời thô bỉ để đùa cợt người ta, khôi hài thái quá, lắm khi rơi vào lối khinh bạc. Nếu có sự việc đời Đường thì đó là của người đời sau thêm vào, trong sách xưa thường có việc đó, trong tiểu thuyết lại càng nhiều.

Niên hiệu Khai Hoàng, có người họ là Xuất, tên Lục Cân, muốn thăm (Dương) Tố, cầm giấy viết danh thiếp đến cửa tỉnh, gặp Bạch nhờ Bạch đề hộ họ, Bạch viết ra “Lục Cân bán” (nghĩa là sáu cân rưỡi). Danh thiếp đưa rồi, Tố gọi người ấy vào hỏi: nhà ngươi là Lục Cân bán? Người ấy đáp là Xuất Lục Cân. Tố hỏi: Sao lại viết là Lục Cân bán? Trả lời khi nãy nhờ ông tú tài họ Hầu đề cho, chắc là ông ta viết sai. Mời Bạch vào, hỏi sao nhà ngươi đề sai họ tên người ta? Bạch thưa là không sai. Tố nói: không sai, sao họ Xuất, tên Lục Cân, nhờ nhà ngươi đề lại viết thành Lục Cân bán. Bạch thưa: Bạch ở ngoài cửa dinh, vừa lúc lính gác không biết đâu mà tìm, nghe nói là Xuất Lục Cân thì châm chước lại thấy nên Lục Cân bán. Tố cười vang (*Quảng ký*, 248).

Người Sơn Đông lấy con gái Bồ Châu, lăm cõ mắc bệng bướu. Mẹ cô vợ, bướu cổ lại rất to. Thành hôn được vài tháng, nhà vợ đâm nghi chàng rể là dân, bố vợ bày tiệc mời bà con rất đông, muốn để thử xem. Hỏi chàng rể: anh ở Sơn Đông đọc sách, chắc biết đạo lý. Chim hòng chim hạc biết kêu là vì sao? Trả lời trời sinh ra thế. Lại hỏi cây tùng cây bách mùa đông vẫn xanh là vì sao? Trả lời trời sinh ra thế. Lại hỏi cây bên đường có sẹo, là vì sao? Trả lời trời sinh ra thế. Bố vợ nói: anh nói hoàn toàn không biết đạo lý gì hết, nhân việc gì lại du dâng ở đất Sơn Đông, rồi luôn thể trêu rằng: Hồng hạc hay kêu tại cổ dài, bá tùng xanh mãi tại ruột dai, bên đường cây ụ do xe quèt. Há phải trời sinh thế hử ai? Rẽ đáp: ễn ương hay kêu, há cổ dài. Trúc cũng đông xanh, há lòng dai. Bà nhà bướu cổ to như thế, há phải vì xe đụng hử ai? Bố vợ thẹn, không biết đáp lại như thế nào? (*Quảng ký*, 248).

Về sau, đời Đường thì có *Tiểu Lâm* của Hà Tự Nhiên, nay cũng mất. Đời Tống thì có Niêm Cử lục của Lã Cư Nhân, *Hài sử* của Trần Chính, *Khai nhau tập* của Chu Văn Khi, *Thiện hước tập* của Thiên hòa tử, đời Nguyên Minh thì có đến hơn mươi loại, đại để hoặc lấy việc cũ trong sử, hoặc nhặt nhạnh việc vặt đương thời, tuyệt không có ý gì mới. Chỉ có *Ngãi Tử tạp thuyết*, giả danh của Tô Đông Pha là tương đối trác việt đặc sắc, chuyện nào cũng có dụng ý trào phúng tinh tế, châm chọc xấu xa của thời đại, lại khác với *Tiểu lâm* không nhầm một mục đích gì.

Đến như thế thuyết thì người mô phỏng càng đông, Lưu Hiểu Tiên có làm *Tục thế thuyết* mười quyển, thấy ghi trong *Đường ký*, nhưng căn cứ theo *Tùy chí*, thì chỉ là chú giải sách Lâm Xuyên, đời Đường có Vương Phương Khanh làm *Tục thế thuyết tân thư* (thấy ghi trong Tân Đường chí, phần tạp gia, nay mất); đời Tống có Vương Đảng làm *Đường Ngũ lâm*, Khổng Bình Trọng làm *Tục thế thuyết*, đời Minh có Hà Lương Tuấn làm *Hà thi ngũ lâm*, Lý Thiệu Văn làm *Minh thế thuyết tân ngũ*, Tiêu Hoành làm *Loại lâm* và *Ngọc Đường tùng thoại*, Trương Mang làm *Tráp nhất sứ chí du*, Trịnh Trọng Quì làm *Thanh ngôn*... Tuy vậy, chép chuyện cũ thì không có gì hay ho khác lạ, thuật thời sự thì mắc cái bệnh uốn nắn bớt thêm, người ta cứ làm đi làm lại mãi không thôi, đến đời Thanh lại có Lương Duy Xu làm *Ngọc Kiếm Tôn Văn*, Ngô Túc Công làm *Minh ngũ lâm*, Chương Phủ Công

làm *Hán thể thuyết*, Lý Thanh làm *Nữ thể thuyết*, Nhan Tùng Kiều làm *Tăng thể thuyết*, Uông Uyển làm *Thuyết linh* mà Huệ đồng bổ sung chú cước giúp, Vương Trác làm *Kim thể thuyết*, hiện tại còn có Dịch Tôn Qui làm *Tân thể thuyết* nữa.

Chương 8

VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KỲ ĐỜI ĐƯỜNG (THUỢNG)

Tiểu thuyết cũng như thơ, đến đời Đường thì có một cuộc biến đổi, tuy còn chưa hẳn việc sưu tầm chuyện kỳ lạ, ghi chép lại việc bỏ rơi, song tự thuật uyển chuyển, lời văn hoa mĩ diễm lệ, so với đời Lục triều trình bày thô thiển, đại khái, thì bước diễn tiến đã rất rõ ràng, mà rõ ràng hơn cả là thời đó mới bắt đầu có ý thức làm tiểu thuyết. Hồ Ứng Lân trong sách *Bút tùng* 36 của mình nói: "Chuyện biến hóa linh dị, thịnh ở đời Lục triều, nhưng phần lớn là chép những điều sai ngoa hồn loạn, chứ chưa hẳn là tưởng tượng đặt bày ra tất cả, đến Đường mới thật là tự mình suy nghĩ ra một cách hay ho kỳ diệu, mượn tiếng tiểu thuyết để gửi gắm tình ý vào ngòi bút". Nói rằng suy nghĩ, rằng đặt bày tức là do ý thức sáng tạo ra. Loại văn chương như thế, đương thời hoặc thành từng tập, hoặc chỉ một bài riêng, kể chuyện ủy khúc, có lúc cũng gần như bông đùa, cho nên bình luận thường chê là thấp kém, và gọi là truyền kỳ để phân biệt với văn chương thanh cao của bọn Hàn, Liêu. Song trong nhân dân thì văn chương đó lưu hành rất mạnh, hạng văn nhân mỗi khi làm ra, muốn ra mắt, yết kiến ai để nhờ và cầu xin này nọ thì hoặc dùng nó làm thứ văn chương gọi là hành quyển, nay trong sách *Thái bình quảng ký* còn thấy ghi chép lại khá nhiều (các sách khác ghi chép thường nhầm lẫn thời đại và tác giả, không đủ tin), thật là loại trước tác đặc biệt, có một không hai của đời Đường. Tuy nhiên, về sau dòng phái lại không phát triển thêm được mà chỉ có diễn thuật hoặc mô

phỏng theo sách cũ mà thôi, mãi đến đời Nguyên Minh, người ta mới hay dựa vào chuyện mà dựng lên tạp kịch hoặc viết ra chuyện truyền kỳ, ảnh hưởng đến chỗ quanh co, viển vông.

Bày đặt ra mà làm văn, đời Tấn vốn đã thịnh như Nguyễn Tịch *Đại nhân Tiên sinh truyện*, Lưu Linh viết Tứu đức tụng, Đào Tiềm viết *Đào hoa nguyên ký*, Ngũ liễu tiên sinh truyện đều là thế cả, song ai cũng lấy tính chất ngũ ngôn làm gốc, văn chương làm ngọn, cho nên dòng phái về sau thành ra như Vương Tích viết *Túy hương ký*, Hàn Dữ viết *Ô gia vương Thừa Phúc truyện*, Liễu Tông Nguyên viết *Chủng thụ Quách Thác Đà truyện*... không dính líu gì đến truyền kỳ. Dòng phái truyền kỳ, vốn bắt nguồn từ chí quái, chỉ khác ở chỗ văn vẻ lan tỏa, cho nên thành tựu đặc biệt lạ kỳ, thẳng hoặc cũng có mướn phúng dụ để tả tình sầu, nói họa phúc để hòng răn dạy, nhưng cùu cánh cũng là văn chương cùng ý tứ, cùng với chuyện nói về quỷ thần, chứng minh nhân quả xưa không khác gì hết, thú vị lạ lùng.

Khoảng Tùy Đường, có người tên là Vương Độ làm *Cổ kính ký* (Thấy trong sách *Quảng ký* 230, đề là *Vương Độ*), chuyện nói mình được chiếc gương thần ở nhà Hầu sinh, gương đó bắt được tinh ma yêu quái xuống, sau em là Tích đi xa, mượn làm cái tùy thân, cũng dùng giết được ma quái, song cuối cùng thì hóa đi mất. Chuyện rất dài nhưng chỉ là góp nhặt mọi chuyện linh dị của chiếc gương xưa, còn có hơi thừa của chuyện chí quái đời Lục triều. Vương Độ người đất kỳ, Thái Nguyên, em của Văn Trung Tử Thông, anh của Đông Cao Tử Thích, sinh khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng, (triều Công võ đời Tống trong sách Quận Trai độc thứ chú 10 nói Thông sinh năm thứ tư Khai Hoàng, giữa niên hiệu Đại Nghiệp làm ngự sử, bị bãi chức về Hà Đông, sau lại vào Trường An làm Trước tán lang, vâng chiếu nhà vua làm trước tác sử, lại ra, kiêm chức lệnh Nhuệ Thành, giữa niên hiệu Võ Đức thì mất (khoảng năm 585-625), quốc sử làm cũng không xong (Theo *Cổ kính ký*), Đường Văn Tụy làm *Tân Đường thư*, Vương tích truyện, chỉ một điều là truyện nói anh tên là Ngưng, không rõ sách nào đúng). Dị văn chỉ còn thiền truyện đó mà thôi. Tích sau khi bỏ quan về Long môn, sử không nói là đi đâu, chắc là Độ bày đặt ra.

Đầu đời Đường lại có sách *Bổ Giảng Tống bạch viên truyện*, một quyển, không biết ai làm, đời Tống sách còn lưu hành chỉ một truyện đó, nay thấy trong sách *Quảng ký*. 444 đề là của Âu Dương Hột làm. Truyện kể tướng nhà Lương là Âu Dương Hột đi cướp đất đến Trường Lạc, vào sâu trong khe động, vợ bị con vượn tráng bắt mất, đến khi cứu được về thì đã có chùa, đây một năm sau thì sinh ra một đứa con “hình dáng giống”. Hột sau bị Võ đế nhà Trần giết, con là Tuân do Giang Tống đem về nuôi, vào nhà Đường nổi tiếng nhưng dạng mạo giống loài khỉ, kẻ ghét bỏ nhân thế viết chuyện, nói là để bổ sung cho Giang Tống, thế mới biết là mượn tiểu thuyết để làm cái việc nói dối khinh miệt người ta, cái thói đó cũng đã khá xưa.

Thời Võ Hậu, có người ở Lục Hồn, Thâm Châu tên là Trương Trạc, tự là Văn Thành, đỗ tiến sĩ đầu tiên hiệu Điều Lộ, làm tham quân trong phủ Kỳ Vương, thi nhiều lần đều đỗ đầu, tiếng tăm về văn chương rất lớn, được điều làm chức Trường An úy, nhưng tính gấp vội, phong khoáng không giữ gìn, Điền Sùng càng ghét. Đầu niên hiệu Khai Nguyên, quan ngự sử là Lý Toàn Giao hoặc Trạc chê trách nói xấu chính trị đương thời, đổi đi Linh Nam, rồi lại được về kinh, làm chức Tý môn viên ngoại lang rồi chết (khoảng năm 660-740), sự việc chép rõ trong *Trương Tiến truyện*, trong Đường thư; ở Nhật Bản có sách *Du tiên quật* một quyển đề là của Trương Văn Thành, làm huyện úy huyện Tương Lạc, Ninh Châu Lâm. Mạc Hữu Phù nói: Trạc lúc trẻ đi thi, hạ bút thành chương, quan Trung thư thị lang Tiết Nguyên Siêu đặc cách bổ cho làm chức úy Tương Lạc, sách *Quế Lâm phong thố ký* là sách ông ta làm lúc còn niên thiếu. Sách đó kể chuyện mình vâng mệnh đi sứ Hà Nguyên, di đường ban đêm vào một sở nhà lớn, gặp hai người con gái gọi là Nàng Mười và chị Năm, ăn uống vui cười, làm thơ đùa nhau, một đêm thì đi, lời văn gần như biến ngẫu nhưng thỉnh thoảng xen vào câu tục, phong cách cùng với các sách khác cũng của người đó làm là *Triệu dã thiêm tấn*. *Long Cầm phượng túy phán* giống nhau. Đường thư nói: Trạc hạ bút thành chương, phù hoa diễm lệ nhưng ít ý chí, trước tác đều là chè cười tục tếu, nhưng được ưa chuộng một thời, kẻ hậu tiến không ai không truyền miệng ghi chép... Sứ Tân La, Nhật Bản đến là đưa vàng ngọc ra mua sách của Trạc, như vậy là việc thực lục, có thật. *Du tiên quật* ở

Trung Quốc thất truyền đã lâu, người đời sau cũng không phỏng theo mà làm lại, nay lược lục ra vài chục câu để xem cho biết đại khái sách *Du tiên quật* là thế nào, đây là đoạn tả tình hình lúc lên trên nhà chính cùng dự tiệc.

... Nàng Mười gọi Hương Nhu bảo bài nhạc đài khách quý, tiếng kim tiếng thạch nổi lên, tiếng sáo tiếng kèn xen kẽ. Tô Hợp gảy tỳ bà, Lục Trúc thổi tất lật, trai tiên đánh đàn sắt, gái ngọc thổi ống sanh, hạc huyền cúi mà nghe đàn, cá trăng nhảy mà theo nhịp... Tiếng trống ảo nảo, xà nhà chốc lát bụi bay, ván nhà rền vang, bỗng chốc bầu trời tuyết rụng. Một thời quên thịt, Khổng Khưu ở lại không thừa, ba ngày quấn rường, Hằng Nga tiếng còn có thực... Cả hai người đều dậy múa, cùng mời các quan dưới. Rồi vừa múa vừa làm bài từ rằng: Lâu nay quanh quẩn bốn bên, thoát gặp lại hai vị thần tiên, mày đồng mà lá liễu, má hạn mà nở sen. Nhìn ngó xinh tươi nghìn chỗ. Muôn nghìn tươi tắn muôn phen, đêm nay nếu mà không được, suối vàng quyết sẽ xuống liền. Lại cười lớn một hồi. Múa xong, cảm tạ rằng: tố chỉ tài thường, được hầu vui nhộn, cho nghe âm nhạc, xấu hổ không cùng. Nàng Mười làm thơ đáp: Sung sướng giống uyên ương. Tinh xa như Hồ Việt, không dốc ra với chàng, thì biết để đâu hết. Nàng lại nói: Bọn nhỏ chúng em không có gì coi được, chừng bắp mày đồng lá liễu, má hồng như sen mùa hạ, tất cả chỉ là chê cười nhau đó thôi...

Tuy vậy, các tác giả xuất hiện đông là sau thời Khai Nguyên Thiên Bửu. Khoảng Đại lịch có Trần Ký Tố, người Ngô ở Tô Châu, uyên bác các kinh, do Dương Viêm tiến cử được triệu giữ chức Tả thập dị, sứ quán tu soạn, thời Trịnh Nguyên Viêm bị tội, Ký Tố cũng bị giáng đổi làm ty hộ tham quản xứ châu, ít lâu lại được về kinh, làm viên ngoại lang bộ, rồi mất, (khoảng 750-800). Ký Tố làm sách *Kiến Trung thực lục*, người ta khen là có tài, *Tân Đường thư* có chép truyện, sách *Văn uyển anh hoa* (833), lục chép *Chẩm trung ký* của ông (cũng thấy trong sách Quảng ký 82, đề là Lã Ông, một chương, cho là sách của Tiểu thuyết gia, kể tóm tắt rằng năm Khai Nguyên 7, đạo sĩ Lão Ông đi giữa đường Hàm Đan, vào nghỉ ở quán trọ, thấy ở đó chàng tuổi trẻ Lư sinh ủ rũ than phiền bèn lấy chiếc gối trong đẫy ra trao cho. Lư Sinh mừng thấy mình lấy Thôi thị người ở Thanh Hà, thi đỗ

tiến sĩ, làm quan đến chức mục thú ở đất Thiểm, rồi lên chức kinh triệu doãn, đi đánh giặc dẹp được bọn Nhung, chuyển sang chức thị lang bộ lại, lên Thượng thư bộ Hộ kiêm chức Ngự sử đại phu, bị viên Tể tướng đương triều ghét, phao tin làm hại, phải giáng chức và đổi đi thứ sử Đoan Châu, sau ba năm lại được triệu về làm thường thị, không bao lâu lên Đông trung thư môn hạ bình chương sự.

Kế hoạch hay, mệnh lệnh mật, một ngày ba lần tiếp, dâng điều tốt bỏ điều xấu, vua gọi là một tể tướng giỏi, nhưng kẻ ngang hàng ghét bỏ vu cho là giao kết với viên tướng giữ biên giới, mưu đồ làm loạn, bị bỏ ngục, phủ lại dân lính tráng tới nhà bắt gấp, chàng sợ hãi khôn cùng, bảo vợ con rằng: nhà mình ở khí đông, có ruộng tốt nằm khoảnh, đủ để khỏi đói rét, tội gì cần lương bổng, nay đến nỗi này, muốn mặc cái áo cộc, cõi con ngựa con màu xanh mà đi giữa đường Hàm Đan cũng không được nữa. Giơ dao tự vẫn, vợ cứu được khỏi chết. Những ai có liên quan đến sự việc đều chết cả. Chỉ mình chàng nhờ có quan trong triều bảo đảm cho, giảm tội chết đày đi Hoan Châu. Vài năm sau, vua biết là oan, khôi phục cho làm trung thư lệnh, phong là Yên quốc công, chiếu chỉ vua ban ơn đặc biệt, sinh được năm con... Dụng vợ già chồng đều là con nhà danh vọng, sinh cháu hơn mươi đứa... Sau tuổi già suy yếu, xin về hưu nhiều lần mà không được. Mỗi lần ôm thi người trong triều đều ra chúc hỏi, nối gót nhau giữa đường, thầy thuốc có tiếng, thuốc thang hạng nhất, luôn có trong nhà... rồi mất. Chàng mệt mỏi tinh dại, thấy mình đang nằm ngửa trong quán, Lã Ông ngồi một bên nhà hàng nấu nồi cơm nếp chưa chín, động đến gì cũng thấy như lúc nãy. Chàng kinh sợ ngồi dậy, nói: Lê nào là một giấc mơ chăng? Lã Ông bảo ông nhà hàng rằng đời con người ta, cũng như vậy thôi. Chàng chán nản hồi lâu, cảm tạ nói: ôi cái đạo được yêu chuộng, hay bị làm nhục, cái vận khí cùng khi đạt, cái lẽ được với mất, cái tình chết và sống, tôi đã biết hết rồi đó, đó là nhờ tiên sinh làm để biết tắc lòng ham muốn cho tôi đó, tôi dám đâu không tuân. Nói rồi rập đầu lạy hai lạy mà đi.

Loại ý nghĩ như trên, trong đời Đường hâm mộ công danh, tuy là bày vẽ làm động lòng người song không phải chỉ có một người sáng tác. Trong *Sau thần ký* của Can Bửu có chuyện người thầy cúng ở miếu Tiêu Hồ dùng

chiếc gối ngọc làm cho Dương Lâm nambi mộng (Thấy trong chương năm), đại ý giống hệt chuyện trên, chắc là gốc từ chuyện đó, *Hàm Đan ký* của Thang Hiến Tổ đời Minh lại gốc ở chuyện này. Ký Tế văn viết giản dị, điêu luyện, lại hay có lời khuyên răn, cho nên chuyện kể tuy không có thể có, song còn được đương thời coi trọng, ví với *Mao Dĩnh truyện* của Hàn Dũ, thỉnh thoảng có ý kiến chê là bông đùa cợt nhả, thì nghĩ rằng tác giả đã từng làm sứ quan, bị ràng buộc bởi phương pháp viết sử mà mất ý nghĩa của tiểu thuyết. Ông còn có *Nhâm Thị truyện* (thấy trong sách *Quảng ký* 452) một chương, kể chuyện con cáo ma biến hóa kỳ ảo, cuối cùng giữ chí chết theo người và kết luận: tuy là đàn bà ngày nay, cũng có kẻ không bằng cáo, chuyện đó cũng là một trước tác răn dạy đời.

Người Hưng Tài, đời Ngô, (Lý Hạ ngũ) là Trần Á Chi tên tự là Tạ Hiền, đỗ tiến sĩ năm Nguyên Hòa 10, năm đầu Thái Hòa làm chức phán quan với Đức Châu hành dinh sứ giả là Bá Kỳ, Kỳ có tội bị giáng và đổi đi nơi khác, Á Chi cũng bị giáng và đổi đi làm chức úy Nam Khang, sau làm chức lại ở Sinh Châu và mất (Khoảng cuối thế kỷ 8 đến giữa thế kỷ 9) tập hợp lại được thành mười hai quyển, nay còn. Á Chi có tiếng về văn chương, tự bảo là nay trong tập có văn truyền kỳ ba chương, (*Sách Trầm Hạ Hiền tập*) quyển hai, quyển bốn, cũng thấy trong sách *Quảng ký* 282, 298), đều dùng lời văn hoa mỹ diễm lệ, tự thuật những mối tình không thể có, lại thích nói chuyện tiên quiết lại, thật cùng với các văn nhân đồng thời khác xa. Sách *Tương Trung cán* chép việc Trịnh Sinh tình cờ gặp cô gái mồ côi, ăn ở với nhau được vài năm thì một sáng bỏ đi tự bảo là con gái của giao cung, kỳ hạn đầy đã hết, sau hơn mười năm lại từ xa trông thấy trong chiếc thuyền kiểu đương thời, có hình vẽ, đau buồn ca hát rồi “gió sóng ầm ào” và không thấy đâu nữa. Sách *Dị mộng lục* chép việc Hình Phượng mộng thấy người đẹp, cho xem diệu múa “cung loan”, với việc Vương Viêm mộng thấy Ngô Vương đã lâu, bỗng nghe tiếng tù và thổi, thì ra đám tang chôn Tây Thi, nhân thế nâng lời làm bài hát đưa ma, được vua khen thưởng, Sách *Tần Mộng ký* thì tự thuật việc mình đi đường qua Trường An, ở trong quán trọ Thác Tuyền, mộng làm quan nhà Tần có công, bấy giờ chồng của Lộng Ngọc là Tiên Sứ chết trước, nhân thể mình lấy công chúa, tự đe nơi nhà ở là

Thúy Vị cung. Vua Mục Công dãi Á Chi rất hậu, một hôm công chúa tình linh không ốm đau gì mà chết, Mục Công ký muốn gặp lại Á Chi bèn cho về.

Sắp ra đi thì Mục Công đặt tiệc rượu mời rất đông, toàn hạng cao sang, dàn nhạc Tấn, người múa đậm vào cánh tay vỗ dùi vế, hát hò mà giọng có chỗ không khoái, tiếng nghe rất oán hờn... Rồi lạy hai lạy ra đi, Công lại bảo đến cung Thúy Vị cùng những người hầu, công chúa, từ biệt. Khi vào lại trong điện, thấy trân châu, ngọc ngà rơi rụng dưới thềm xanh, những chấm đỏ của bức rèm sa nơi cửa sổ vẫn y cũ, các cung nhân khóc, đứng trước mặt Á Chi. Á Chi cảm thương nức nở hồi lâu rồi đê vào cửa cung một bài thơ, thơ rằng: Quân vương đau xót đuổi về đông. Từ đấy cung tàn ngóng trông, cảnh xuân thương Tân mất chủ. Hoa rơi đỏ lệ son hồng. Rồi từ biệt ra đi... Tỉnh dậy thấy nằm trong quán trọ. Hôm sau, Á Chi đem chuyện nói hết với người bạn là Thôi Cửu Vạn. Cửu Vạn người Bác Lăng, am hiểu chuyện xưa, nói với mình rằng: Sách Hoàng Lâm nói: Tân Mục Công chôn dưới cung kỳ Niên, suối Ung Thác, không phải là nơi thần linh nương tựa sao? Á Chi nghe vậy thì đi tìm và được cuốn địa chí thời Tân, sách chép quả như Cửu Vạn nói. Than ôi! Lặng Ngọc đê là tiên, sao lại chết nữa?

Trần Hồng làm văn thì từ ý *khẳng khái*, sở trường là điển cố, nhớ tiếc việc xưa, như không nguôi được, Hồng lúc nhỏ học viết sử, năm Trinh Nguyên 21 thi đỗ Thái Thường, mới ngồi không, làm cho thỏa chí, soạn sách *Đại thống ký* ba mươi quyển, bảy năm mới xong (Sách Đường văn tuy 95), thời gian ở Trường An, đã từng cùng Bạch Cư Dị kết bạn, vì bài "*Trường hận ca*" mà làm thành truyện (Theo sách *Quảng ký* 486) - Trong *Tân Đường ký*, về loại tiểu thuyết gia có Trần Hồng làm sách *Khai Nguyên thăng bình nguyên*, một quyển, chú bằng "tên tự là Đại Lang, chức Chu khách lang trung thời Trinh Nguyên, cũng có thể là Trần Hồng trên" (Khoảng nửa sau thế kỷ 8 đến khoảng giữa thế kỷ 9); sách làm ra còn có *Tân Thành lão phụ truyện* (Thấy trong sách *Quảng ký* 485), chép việc Giā Xương sau cơn binh lửa loạn ly, nhớ lại việc lúc tốt đẹp thái bình, hai cảnh vinh hoa, linh lạc đối chiếu với nhau, lời văn rất bi đát. Còn *Trường hận ca truyện* thì làm vào đầu Nguyên Hòa cũng thuật lại đầu đuôi việc Dương Phi

giữa niên hiệu Khai Nguyên và cũng cho đến khi chết ở Thục, lời bạch cũng giống truyện Giã Xương trên. Chuyện Dương Phi, người đời Đường vốn thích kể, song ít có mạch lạc rõ ràng như truyện viết ở đây, lại được Bạch Cư Dị làm bài ca, cho nên người đời đặc biệt biết đến, Hồng Thăng đời Thanh sau làm sách *Trường sinh điện truyền kỳ* là dựa và truyện, và ý bài ca đó. Truyện này có hai, ba bản, sách Quảng ký cùng sách *Văn uyển Anh hoa* 794 lục chép, câu đặt chữ dùng đã lầm dị đồng, mà những bản lấy từ *Lê trình tập* và Kinh bản đại khúc ra, người đời Minh phụ lục vào, đời sau Văn Uyển Anh Hoa lại càng khác hơn nữa. Đó là do người đời sau (tác giả Lê trình tập là Trương Quân Phỏng) thêm bớt vào.

Cuối niên hiệu Thiên Bảo, anh là Quốc Trung cướp chức thừa tướng, ngu muội chơi đùa với quyền hành của quốc gia, cho đến khi An Lộc Sơn đem quân tiến đến cửa khuyết, lấy danh nghĩa là đánh họ Dương, Ái đồng quan không giữ được, cờ Thúy Hoa đi xuống phương Nam, ra khỏi Hàm Dương, giữa đường đóng lại ở Đình Mã Ngôi, sáu quân chằn chờ, cầm kích không tiến, các quan lang lại tùy tòng, nǎm rạp trước ngựa vua, xin giết Triều Thổ để tạ tội với thiên hạ. Quốc Trung nhận giải cờ mao và bát nước: chết ở vệ đường. Ý kể tả hữu chưa lấy làm khoái, vua hỏi: lúc đó kẻ có gan dám nói lên tiếng xin đem Quí Phi ra mà khóa lấp sự oán hờn của thiên hạ, vua biết là không khỏi được, nhưng không nỡ nhìn thấy Phi chết, lật áo che mặt và khiến lôi Phi đưa đi, Phi kinh hoàng nấn ná, rút cuộc lại chết dưới thốc dây treo cổ (Theo sách *Văn uyển Anh Hoa* chép).

Bạch Hành Giản, tên tự là Tri Thoái, ông bà trước là người Thái Nguyên sau làm nhà ở Hàn Thành, rồi lại dời đến Hạ Khuê, là em của Bạch Cư Dị, cuối niên hiệu Trinh Nguyên đỗ tiến sĩ, lần lượt làm các chức Ty môn viên Ngoại lang, chủ khách lang trung, mùa đông năm Bửu lịch 2 (826), mắc bệnh mất, tuổi khoảng ngoài năm mươi, hai bản *Đường thư* đều chép phụ vào Cư Dị truyện. Hành Giản có làm sách 12 quyển nay không còn, nhưng sách *Quảng ký* (484) có lục chép truyện truyền kỳ của ông một chương, tên là *Lý Gai truyện*, kể chuyện con một nhà cự tộc ở Vinh Dương say đắm một gái điếm Trường An tên là Lý Giai, đến nỗi nghèo khổ ốm đau khốn đốn, rồi lưu lạc làm phu đưa ma, cuối cùng lại được Lý Giai cứu vớt,

khuyên bảo gắng học, thi đỗ, làm quan tham quân phủ Thành Đô. Hành Giản vốn giỏi văn, chuyện Lý Gai lại cũng ra vẻ tinh người, ai cũng thích nghe, nên viết triền miên, xem được. Người đời Nguyên đã lấy đó làm gốc, viết ra Khúc giang từ, Tiết Cạn Duyên đời Minh thì làm ra *Tú nhụ ký*. Hành Giản lại còn có *Tam Mộng ký*, một chương (Thấy nguyên bản trong sách Thuyết Phu 4). *Tam Mộng ký* cử ra ba việc, hoặc là “Kẻ kia nằm mơ thấy mình đi đâu mà kẻ này gặp, hoặc kẻ này làm việc gì mà kẻ kia nằm mơ thấy, hoặc hai người mơ thấy như nhau”. Tự thuật đều giản dị chất thực mà sự việc thì đặc biệt kỳ khôi, chuyện thứ nhất lại hay hơn cả.

Niên hiệu Thiên Hậu, Lưu U Cầu làm chức Thừa triều ấp, nhiều lần được sai về đêm, hôm ấy về còn cách nhà hơn mươi dặm gặp ngôi chùa Phật, đường đi một bên, nghe trong chùa cười hát vui vẻ. Tường chùa thấp lửng, thấy được cả ở trong, Lưu cúi mình nhìn vào, thấy mươi hai người, cả trẻ con đàn bà ngồi lẩn lộn, cỗ bàn la liệt, xúm quanh ăn uống với nhau. Thấy vợ mình cũng ở đó và cười nói, ban đầu Lưu lấy làm ngạc nhiên, không hiểu được duyên cớ làm sao, lâu lâu sau, mới nghĩ là không nên vào đó, song cũng không sao bỏ đi được. Sau lại nhìn kỹ, thấy cử chỉ nói cười không khác gì, toan vào xem cho rõ hơn, cửa đóng không vào được. Lưu lấy ngôi ném, trúng cái chậu rửa, vỡ văng ra và tán chạy cả, rồi không thấy gì nữa. Lưu vượt tường thẳng vào, cùng người đi theo cùng xem khắp hè chái, đều không có người, cửa chùa vẫn như cũ. Lưu càng lạ lùng, bỏ chạy nhanh về. Đến nhà thì vợ đang nằm ngủ, nghe Lưu về, dậy hàn huyên xong, thì cười mà nói: vừa nằm mơ thấy cùng vài mươi người đi chơi một ngôi chùa, song không ai biết ai cả, cùng ngồi ăn ở sân điện, có người từ ngoài lấy mảnh ngôi ném vào, mâm cỗ lộn phèo, thế là tinh dậy. Lưu cũng kể lại việc mình thấy, đó là chuyện người kia mơ thấy mình đi hay ở chỗ nào mà người này lại gặp được.

Chương 9

VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KỲ ĐỜI ĐƯỜNG (HẠ)

Tuy nhiên, trong các tác giả *truyền kỳ*, mà đặc biệt quan trọng thì có *hai người*: người thứ nhất, sáng tác không nhiều mà ảnh hưởng thì rất lớn, tên tuổi cũng rất nhiều người biết là *Nguyên Chẩn*, người thứ hai, trước tác nhiều ảnh hưởng cũng rất lớn mà tiếng tăm lại không nổi lั́m, đó là *Lý Công Tá*.

Nguyên Chẩn tên tự là Vĩ Chi, người Hà Nội thuộc Hà Nam, đỗ minh kinh, bỗ làm hiệu thư lang, đầu niên hiệu Nguyên Hòa thi chế sách đỗ đầu, bỗ làm Tả thập di, rồi lên giám sát ngự sử, bị tội giáng chức đổi đi Giang Lăng, sau lại từ, khi chức trưởng sứ Quắc Châu triệu vào, thì dần dần lên đến chức trung thư xá nhân thừa chỉ họa sĩ, rồi lên công bộ thị lang đồng bình chương sự, chưa bao lâu thì bị bãi chức tướng, ra làm thứ sử Đồng Châu, rồi lại đổi qua việt Châu, kiêm chức quan sát sứ Chiết Đông. Đầu niên hiệu Thái Hòa, vào kinh làm thượng thư tả thừa kiểm hộ bộ thượng thư, kiêm thứ sử Ngạc Châu. Võ Xương quân tiết độ sứ, tháng bảy năm thứ năm, bị con ốm nặng, chỉ một ngày mà mất tại trấn, tuổi 53 (779-831), cả hai bản Đường thư đều có truyện của ông. Nguyên Chẩn từ trẻ xuống họa với Bạch Cư Dị, đương thời nói đến thơ là xưng Nguyên Bạch, và gọi là thể Nguyên Hòa, song tiểu thuyết của Nguyên Chẩn làm mà được lưu truyền thì có *Oanh Oanh truyện* một chương (Thấy trong sách Quảng ký 488).

Oanh Oanh truyện là kể chuyện xưa Thôi Trương, cũng có tên là *Hội Chân ký*. Chuyện tóm tắt, nói trong niên hiệu Trinh Nguyên có chàng Trương Sinh, tính tình dáng điệu ôn hòa đẹp đẽ, hễ không đúng lề thì không dung đến, tuổi hai mươi ba, chưa hề gần gũi con gái. Bấy giờ chàng đi chơi ở đất Bồ, trọ ở chùa Phổ Cứu, vừa dịp có người đàn bà góa Thôi Thị định về Trường An, đi qua đất Bồ cùng trọ ở chùa đó. Kể về tình thân họ hàng thì đối với Trương Sinh, Thôi Thị là bà thím hay bà bác thuộc chi phái khác. Gặp lẽ cầu hồn, quân lính nhân đám tang quấy nhiễu người đất Bồ rất dữ. Thôi Thị sợ quá mà Trương Sinh thì có quen biết với bè đảng của tên tướng ở đất Bồ, được che chở, sau hơn mươi ngày, chức liêm sứ là Đỗ Xác đến trông coi việc quân mới dẹp yên được. Thôi Thị vì thế rất cảm ơn Trương Sinh, nhân mời Sinh đến uống rượu, cho con gái là Oanh Oanh ra chào, Sinh say đắm, nhờ người hầu gái của họ Thôi là Hồng Nương đưa hai bài Xuân Từ để ngỏ ý. Chiều hôm đó được bức thư màu, trong đó có bài đề là Trăng sáng đêm rằm, lời rằng: Chờ trăng dưới mái Tây, đón gió cửa hé mở. Cách tường hoa bóng lay. Chắc người ngọc sang đó. Trương vừa mừng vừa sợ, một lát thì Thôi Thị đến, ăn mặc đoan trang, dáng điệu nghiêm khắc, trách chàng không đúng lề, rồi bỏ ra. Trương nghe trong người như trống rỗng hồi lâu, vài hôm sau, bà Thôi lại đến, trời sắp sáng thì đi, suốt buổi không nói một lời.

...Trương Sinh tờ mờ sáng thì dậy, nghi nghi hoặc hoặc nói: không lẽ là một giấc mộng hay sao? Đến lúc trời sáng hẳn ra, thấy phấn sáp trên cánh tay, mùi hương thơm nồng áo, nước mắt trong suốt còn long lanh trên chấn chiếu mà thôi. Sau đó hơn mươi hôm, mù mịt không biết gì nữa. Trương Sinh làm bài thơ Hội Chân ba mươi vần, làm chưa xong thì Hồng Nương đến nhân trao cho cô ta để đưa cho Thôi Thị. Từ đó lại đi lại với nhau, sáng thì lén mà ra, tối thì lén mà vào cùng nhau yên vui trong cái cho trước gọi là mái Tây gần một tháng. Trương thì cật vấn về mối tình Trịnh Thị thì Thôi Thị nói là tôi không thể làm thế nào được. Nhân đó muốn thực sự lấy nhau. Không bao lâu Trương phải đi Trường An, trước khi đi chàng lấy tình nói cho nàng hiểu, Thôi Thị cứ tự nhiên không bàn cãi một lời, tuy vậy cái dáng hận sâu buồn đến làm cho người ta xúc động. Hôm sắp đi

không được thấy lại nàng, Trương Sinh xuống miền Tây...

Năm sau đi thi không đỗ, Trương ở lại kinh, gửi thư cho Thôi Thị nói rõ thêm ý mình, Thôi trả lời, chàng đưa thư cho những người quen biết xem, bởi thế câu truyện lan truyền ra Dương Cự Nguyên làm bài Thôi Nương Thị, Nguyên Chẩn làm tiếp bài *Hội Chân thi ba mươi vần* của chàng, bạn bè của Trương ai nghe cũng sững sốt kinh lạ, còn Trương thì ý chí đã tuyệt đối. Nguyên Chẩn chơi thân với Trương, hỏi Trương về câu chuyện, Trương nói:

“Đại phàm trời sinh ra vật hiếm lạ, không thành yêu nghiệt cho bản thân tất thành yêu nghiệt cho kẻ khác. Giả sử Thôi Thị gặp và lấy được kẻ phú quý, nǎm được sự nâng niu chiều chuộng, không làm mây làm mưa, thì làm con thuồng luồng, con ly, ta không biết nàng biến hóa ra những gì. Xưa vua Tân nhà Ân, vua U Vương nhà Chu có một nước vạn cỗ xe, thế mạnh đến như thế mà một người con gái làm cho tan nát, dân tản mác, thân bị mổ thịt, đến nay thiên hạ còn xỉ mắng chê cười. Tôi đức hạnh không đủ để thăng yêu nghiệt, cho nên phải nhẫn nhục làm thế.”

Được hơn một năm, Thôi đã lấy chồng, Trương cũng cưới vợ, có dịp đi qua chỗ nàng ở, xung là anh bên ngoại xin gặp Thôi, cuối cùng vẫn không ra, vài ngày sau Trương sắp đi thì Thôi làm một bài thơ đưa để tạ tuyệt, thơ rằng: “Bé hoa nói gì nữa. Ngày ấy thật yêu đủ. Nay đem lòng xưa cũ, thương lấy kẻ ngày nay”. Từ đó, không biết gì đến nữa, người đương thời cho Trương là kẻ khóc than để thuộc lối làm.

Nguyên Chẩn lấy Trương Sinh để nói mình, thuật lại cái cảnh chính mình đã từng trải qua, tuy vẫn chưa phải là bậc nhất song thường có tình tú, vốn là hạng khá, chỉ cuối chuyện vẽ tó quá đáng muôn che lấp cái sai nên rơi vào loại hùng thú thấp hèn, mà bọn Lý Thân, Dương Cự Nguyên đều đã làm thơ để khoa trương thêm. Chẩn lại sớm có thơ hay và về sau lại có thời làm tướng cầm quân, cho nên người đời vẫn thích nói đến chuyện ông làm. Triệu Đức Lân đời Tống lấy sự việc Tây Sương làm ra *Thương diệu diệp huyền hoa* 10 ca khúc (lấy trong *Hầu tinh lục*), đời Kim thì có Đồng Giải Nguyên làm sách *Huyền sách Tây sương*, đời Nguyên thì

có Vương Thực Phủ làm Tây sương ký, Quan Hán Khanh làm *Tục Tây sương ký*, đời Minh thì có Lý Nhật Hoa làm *Nam Tây sương ký*... Ngoài ra chuyện mà gọi là cánh (thay đổi), cuối cùng là phiên (chuyển sang), là hậu (sau), là tục (tiếp theo)... càng nhiều, đến nay còn có kẻ nhắc nhớ ngợi khen việc đó. Chuyện truyền kỳ đời Đường kể lại không ít song sau lại có tiếng tăm lùng lẫy như vậy chỉ có truyện Tây sương nói đây với *Liễu Nghị truyện* của Lý Triều Uy mà thôi.

Lý Công Tá, tên tự là Chuyên Nông, người Lũng Tây, đã đỗ tiến sĩ niên hiệu Nguyên Hóa làm chức Giang hoài tòng sự, sau bãi chức về Trường An (thấy trong chuyện *Tạ Tiểu Nga* của ông), đầu niên hiệu Hội Xương, lại làm chức Lục sự dương phủ, năm thứ hai niên hiệu Đại Trung, mắc tội bị tước luôn cả hai chức (thấy trong truyện *Tuyên Tông ký*, sách *Đường thư*), vậy thì ông sinh trong đời Đại Tông đến đời Tuyên Tông còn sống (khoảng 770-850) những sự tích khác của ông thì chưa biết rõ. Trong *Tông thất thế hệ biểu* của Tân Đường thư có chức Thiên ngưu bị thân, tên là Công Tá thì là người khác. Trước tác của ông nay còn 4 thiên *Nam kha thái thú truyện* (thấy trong *Quảng ký* 475, đề là của Thuần Vu Phàn, nay căn cứ theo *Đường ngũ lâm cải chính*). Truyện Nam kha thái thú rất có tiếng, kể rằng Thuần Vu Phàn người Đông Bình, nhà ở phía đông quận Quảng Lăng 10 dặm, phía nam vườn ở có một cây hòe lớn, năm Trinh Nguyên 7, tháng 9, nhân say nhiều sinh bệnh, hai người bạn đem về nhà, bảo nằm dưới chái đông, rồi tự mình cho ngựa ăn, rửa chân để đợi. Vu Phàn kê đầu lên gối nằm, nghe mờ tối như trong giấc mơ, thấy hai sứ giả áo tú bao là vâng mệnh vua đến, ra cửa lên xe, nhầm cái hang nơi gốc hòe cổ mà đi. Sứ giả rong xe vào hang, bỗng thấy sông núi, cuối cùng vào một tòa thành lớn, trên lầu thành có biển vàng đó là *Đại Hòe an quốc*. Sau khi Vu Phàn đến thì được ban ngay cho chức phò mã rồi lại ra làm chức thái thú Nam kha, làm quan đến 30 năm, phong hóa lan rộng, trấn họ ngợi ca, dựng bia công đức, xây miếu sinh từ, vua rất trọng, lần lượt đưa lên chức to, sinh được năm trai, hai gái, sau cầm quân đánh với nước Đàm La, thua trận, công chúa lại chết. Chàng thôi không làm chức quận nữa, song uy phúc ngày một to, vua sinh nghi và sợ, cấm không để di theo mình, cho ra ở nhà riêng, rồi đến cho về.

Tỉnh dậy thì thấy đầy tớ, người hầu trong nhà cầm chổi quét sau, hai người bạn rửa chân nơi giường, mặt trời chiều chưa khuất sau tường phía tây, bể rượu thửa còn trong suốt nơi cửa sổ phía đông, giấc mơ nhanh chóng, mà như cả một đời người. Chuyện lập ý cùng với *Chẩm trung ký* giống nhau, nhưng mô tả rõ ràng thấu đáo hơn. Thang Hiển Tổ đời Minh cũng lấy đó làm gốc mà viết chuyện truyền kỳ đặt tên là *Nam kha ký*. Cuối chuyện này nói sai đầy tớ đào cái hang ra, để xét cẩn nguyên, thì ra thấy một tổ kiến, phù hợp với tất cả giấc mơ trước, như vậy là mượn thực để chứng ảo, ý vị buồn lo, tuy chưa nói được hết tình tú, song chỉ thế cũng không phải *Chẩm trung ký* theo kịp được rồi.

Có cái hang lớn, rễ cây hòe thấy được rõ ràng sáng sủa có thể đặt được một cái giường. Ở trên có đất đắp hình thành quách điện dài, có kiến nhiều đến vài ba chục hộc, tụ tập ẩn náu ở trong, giữa có cái đài nhỏ màu son, hai con kiến to ở đó, cánh trắng đầu đỏ, dài có thể đến ba tấc, hai bên có vài chục con to nứa phụ tá hai con kia, còn tất cả các con khác thì không dám lại gần, đó là kiến vua và chỗ ở tức là quốc đế nước Hòe An. Lại đi hết một cái hang nữa, thẳng lên cả cành phía Nam, có thể cao đến bốn trượng, ở đó có một chỗ vuông vức đường nét uyển chuyển, cũng có thành lâu nhỏ, kiến cũng ở trong đó nhiều, đó là cái quận Nam Kha mà chàng đã làm quen...

Nhớ lại việc trước, trong bụng ngâm ngùi... Không muốn để hai người khách phá đi nên vội che lấp lại như cũ... Lại nhớ lại việc đánh đẹp nước Đàm La, nhờ hai người khách hỏi han xem xét phía ngoài, thấy phía đông vườn một dặm có một lạch nước con đã lâu, bên bờ có 1 cây đàn lớn, cây mây và dây leo vẩn quanh trùm kín, trên không thấy mặt trời, bên cạnh có một cái hang và kiến bầy cũng ẩn náu tụ họp trong đó. Nước Đàm La, không phải là đây sao? Than ôi kiến linh dị còn không hiểu được hết, huống hồ sự núi dấu cây biến hóa nữa sao?

Tạ Tiểu Nga truyện (thấy trong Quảng ký 491) nói Tiểu Nga họ Tạ, người Dụ Chương, tám tuổi thì mồ côi mẹ, sau gả cho Đoàn Cư Trinh, hiệp sĩ ở Lịch Dương. Cả vợ chồng cả bố đều quen nghè buôn bán, đi lại trong vùng sông hồ, bị giặc cướp giết chết, Tiểu Nga cũng gãy chân rơi xuống

nước, thuyền chúng vớt lên, lang bạt đến huyện Thượng Nguyên, vào nương nhờ các vãi chùa Diệu Quả. Lúc đầu Tiểu Nga nhiều lần mộng thấy bố mách rằng kẻ thù là “con khỉ trong xe cỏ cửa đông” lại mộng thấy chồng mách rằng kẻ thù là “tên phu chạy giữa lúc ban ngày”, Tiểu Nga tìm hỏi nhiều người thông hiểu nhưng không ai giải đáp được, sau đến Công Tá thì ông mới giảng ra rằng: “Chữ xa trên dưới đều bỏ đi một nét thì ra chữ thân, thân là cầm tinh con khỉ, dưới bệ thảo có chữ môn, trong chữ môn có chữ đông, thế là chữ lan. Lại nữa: Chạy giữa lúc là chạy xuyên ruộng, xuyên điền cũng thành chữ thân như trên. Còn phúc một ngày là: trên chữ phu thêm một nét, rồi dưới lại có chữ nhật, thành ra chữ xuân. Như vậy kẻ giết bố có tên là Thân Lan, kẻ giết chồng có tên là Thân Xuân. Việc đó đã rõ rồi. Tiểu Nga nghe vậy thì ăn mặc giả trai làm như lính dông, quả gấp hai tên cướp ở Tân Dương, đâm chết và tự báo quan, bắt cả lũ, và Tiểu Nga được miễn tội chết. Vấn đề đoán chữ mà bắt được giặc cướp, rất là mơ hồ, nhưng thời đó vẫn lưu truyền mạnh, họ Lý lại nói là mình đã diễn chuyện đó và đưa vào sách *Tục huyền quái lục*. Người đời Minh thì lấy làm gốc mà làm thành bình thoại (thấy ở *Phách án kinh kỳ* 19). Còn hai chương nữa thì một chương chưa rõ nguyên trước đề là gì, sách quảng ký thì đề là: Lê Giang Phùng uẩn (343) và chép chuyện Đồng Giang chết vợ lấy vợ khác, mà bà Phùng thấy có một người con gái khóc trong một cái nhà ở góc đường, sau mới biết ra nhà đó là mẹ của người vợ chết, họ Đồng nghe thì buộc tội cho bà là nói chuyện yêu ma càn quấy, đuổi bà đi. Chuyện rất đơn giản cho nên vẫn cũng không hoa hồng gì. Một chương nữa đề là *Cổ nhạc độc kinh* (thấy trong quảng ký 467 lại đề là Lý Thang). Có Lý Thang thật, thời Vĩnh Thái làm thứ sử ở Sở Châu, nghe người dân chài nói thấy dưới nước, dưới chân núi Qui Sơn có chiếc khóa sắt lớn, thì cho người với trâu kéo lên, lập tức gió sóng nổi lên “một con thú hình thù giống con vượn đầu trăng bờm dài, răng như tuyết, móng như kim loại, trồi lên và vào bờ không có vết sẹt gì, cao khoảng năm trượng, ngồi chồm hổm như loài khỉ vượn, chỉ hai mắt không mở ra được, xem như đui mù. Lâu rồi mới rướn cổ vươn vai hai mắt thình lình mở ra, sáng như tia chớp, trổ mắt nhìn người, muốn giận phát điên lên. Người xem bỏ chạy, con thú cũng thong thả dắt trâu kéo khóa xuống nước biến mất, không thấy lại nữa”. Bấy giờ Thang cùng những kẻ sĩ có tiếng ở

Sở Châu ai cũng thác loạn kinh ngạc không hiểu lý do ra sao. Sau Công Tá đi tìm xem cổ tích ở Đồng ngô, đi thuyền lênh đênh trên Động Đình, leo núi Bao sơn, vào động tiên, thăm dò sách tiên, giữa các hang đá, được sách *Cỗ nhạc độc kinh* quyển 8 mới hiểu ra duyên cớ, xong sách đó chữ viết kiểu lạ, nhiều chỗ mọt nát, không đọc hiểu được, Công Tá cùng đạo sĩ là Tiên Quân cùng nhau cố xem thì ra như sau:

Vua Vũ trị thủy, ba lần đến núi Đồng Bá, kinh hoàng vì gió cuốn, sấm gào, gỗ kêu, thổ bá lấp sông, thiên lão dần quân, công việc không thể bắt đầu được. Vua Vũ giận, triệu tập bách thần dân, trao mệnh lệnh cho Quí Long cung. Quân trưởng các núi như núi Đồng Bá rập đầu xin mệnh lệnh. Vũ nhân thế giam tù Hồng Mông Thị, Chương Thương Thị, Đâu Lô Thị, Lê Lâu Thị, xong rồi thì bắt được thần chổ nước xoáy của sông Hoài tên là *Vô Chi Kỳ*, giỏi nói năng ứng đối, biết rõ sông Giang, sông Hoài sâu cạn làm sao, nơi xa nơi thấp xa gần thế nào, thân hình như khỉ vượn, mũi co, trán cao, mình xanh đầu trắng, mắt như vàng, răng như tuyết, cổ duỗi ra được trăm thước, sức vượt chín voi, đánh, nhảy, chạy nhanh, nhẹ nhàng chóng vánh, nhìn nghe không lâu được. Vua Vũ trao nó cho Đồng Luật, Đồng Luật không khống chế được, giao nó cho Mộc Do, không khống chế được, giao cho Cảnh Thìn, khống chế được. Lũ suy tàn, Hoàn hò, mộc vị, Thủy linh, sơn yêu, Thạch quái chạy kêu tụ lại vây quanh kể có vài nghìn, Cảnh Thìn đuổi đánh đánh (có bản chép cầm cái kích) đuổi đi, cổ cột thủng lớn, tra khóa, mũi xâu cái lạch vàng, dày xuống phía Nam sông Hoài, dưới chân núi Qui sơn để cho nước sông Hoài mãi yên dòng chảy ra biển. Sau Cảnh Thìn ai cũng vẽ hình như thế, tránh khỏi được nạn gió sóng sông Hoài).

Chu Hy đời Tống đã từng bài xích việc các sư sãi nhà chùa hàng phục được Vô Chi Kỳ, cho là chuyện quê mùa hủ lậu, La Bi cũng đời Tống làm sạch Lộ sứ có thiên *Vô Chi Kỳ biện*, Ngô Xương Linh đời Nguyên trong tập kịch Tây du ký của mình có câu: Vô Chi Kỳ là chị em của nó. Tống Liêm đời Minh cũng dẫn việc đó mà biên thành truyện, cho hay từ Tống Nguyên về sau lại rộng khắp trong dân gian, thuyết đó cứ lan truyền mãi không dứt làm cho người nghiên cứu cứ phải phê bình cải chính, mà thực ra chỉ là một trước tác giả thiết của Lý Công Tá mà thôi. Chỉ về sau lâu dần, vua Vũ là

nàng sú hay Tứ châu đại thánh, rồi Ngô Thừa Ân đời Minh diễn *Tây du ký* lại đưa việc biến hóa thần kỳ mau lẹ gán cho Tôn Ngộ Không, chỉ lúc đó chuyện vua Vũ hàng phục được Vô Chi Kỳ mới bị san lấp bịt kín đi, không ai nói nữa.

Chuyện Truyền kỳ, ngoài những truyện trên còn có nhiều và linh tinh, tương đối có tiếng là *Liễu Nghị truyện* (thấy ở Hồng quang ký 419) của Lý Triều Uy người Lũng Tây. Chuyện chép việc Nghị thi hỏng sắp về miền sông Tương, đi đường qua Kinh dương, gặp cô gái chăn dê, nói là long nữ, vì chồng cùng bố mẹ đuổi, nhờ Nghị gửi thư cho cha là vua Động Đình, vua Động Đình có em là vua Tiền Đường có tính bạo ngược giết rể rồi đưa cháu gái về, muốn đem gả cho Nghị, vì Nghị cự tuyệt rồi thôi, sau khi chết vợ dời nhà đến Kim Lăng, lấy con gái họ Lư ở Phạm Dương, thì ra lại là long nữ, sau lại dời đi Nam Hải, rồi lại đến Động Đình, có người em ngoại là Tiết Giả nhiều lần gặp nhau giữa hồ cho thuốc tiên năm mươi viên, sao đó thì không còn bóng dáng tiếng tăm gì nữa. Người dời Kim đã đem chuyện đó làm tạp kịch (thấy trong Huyền sách Tây sương của Đổng Giải Nguyên), Thường Trọng Huyền đời Nguyên thì làm *Liễu Nghị truyện thư*, đổi ra làm chuyện *Trưởng sinh chử hải*, Lý Ngư đời Thanh lại chiết trung làm chuyện *Chầu trung lưu*. Lại có Trưởng Phòng làm *Hoắc Tiểu Ngọc truyện* (thấy trong Quảng ký 487) kể chuyện Lý Ích hai mươi tuổi đỗ tiến sĩ, vào Trường An, ý muốn lấy được một gái điếm có tiếng thì gặp Hoắc Tiểu Ngọc, đến tro ngay nhà cô ta, theo nhau như vậy đã hai năm, năm sau chàng được bổ chủ bộ Trịnh huyện, thì thề thốt sẽ cưới nhau rồi đi, đến khi chàng về thăm mẹ, mới biết đã đính hôn với Lư, mẹ lại vốn nghiêm, chàng không dám cãi, thành ra phải cắt đứt với Tiểu Ngọc. Tiểu Ngọc lâu không được tin tức của chàng thì sinh bệnh, lần được tung tích gọi Ích, Ích cũng không dám đến, một hôm Ích có mặt ở chùa Sùng Kính thì thành linh có tay hài sĩ áo vàng đến ép đi, đến nhà họ Hoắc, Tiểu Ngọc cố át cả tật bệnh mà dậy gặp, trách chàng phụ tình, khóc thảm thiết hồi lâu rồi chết, Ích mặc đồ trắng để tang cho nàng, sớm hôm khóc lóc rất xót xa, sau về kết hôn với Lư thị, song vì ma oán làm, rút cục vì nghi kỵ mà bỏ vợ, lấy đến ba người mà không người nào không thế. Bài *Thiếu niên hành* của Đỗ Phủ có câu: "Tuổi trẻ áo vàng

số còn rộng thấy đâu trước cửa sóng về Đông" là chỉ việc đó. Lại có Hứa Nghiêm Tá làm *Liễu thi truyện* (thấy trong quảng ký 485) kể việc nhà thơ Hàn Hoàng được cô hầu đẹp của Lý Sinh là Liễu Thị, gấp lúc An Lộc Sơn làm phản, gửi Liễu Thị lại ở nhà chùa Pháp linh để tự đi làm thư ký cho chức đô sứ Tri Thanh, loạn dẹp xong trở về thì Liễu Thị đã bị tướng Phiên là Sa Sết Lợi bắt làm vợ rồi, trong các tướng ở Tri Thanh có tay hiệp sĩ tên là Hứa Ngũ Hầu, cướp về trả lại cho Hoằng. Chuyện đó lại thấy trong bản sử thi của Mạnh Khải, chắc cũng là việc có thực. Ngoài ra như *Thương Thanh truyện* của liêu Trình (quảng ký 275), *Vô song truyện* của Tiết Diên (486), *Dương xuong truyện* của Phòng Thiên Lý... cũng đều là những chuyện có công xây dựng cả. Nhưng trong số đó chỉ có chuyện Cù Nhân (thấy trong quảng ký 193) của Đỗ Quang Đình làm đại sĩ ở Thực, thờ Vương Diễn, trước thuật nhiều đại để là hoang đường bày đặt, chuyện này thì chép Dương Tế, ghi điểm vào hang cầm phất trần màu hồng, quen biết Lý Tịnh lúc còn là người mang áo vải, hai bên hẹn nhau trốn đi, giữa đường lại gặp khách quá bộ râu rồng, biết là người phi thường bèn chia cho của cải, dạy cho binh pháp, bảo giúp vua Thái Tông dựng nhà Đường, còn mình thì chỉ huy giặc biển vào nước Phù Dỷ, giết vua nước đó, tự lập lên làm vua. Đời sau thích chuyện vua đó, đến mức họa thành tranh, gọi là tranh tam hiệp. Về chuyện thì đời Minh có Lăng Sơ, Thanh có Cù Nhân Ông, Trương Phượng Dực, Tướng thái hòa đều có viết *Hồng phất ký*. Ngoài các sách đã kể trên, có *Lý vẹt công biệt truyện* Lý Lâm Phủ ngoại truyện đều không rõ tác giả là ai, *Cao lực sĩ ngoại truyện* của Quách Thực, *An Lộc Sơn sự tích* của Diên Nhữ Năng... chỉ tự thuật ý mình hay làm rõ ra điều uẩn, không phải là truyền kỳ, tuy vậy văn viết dài rườm, sự việc nhặt lượm vụn vặt, cho nên người sau cũng thường xem như là tiểu thuyết.

Chương 10

CHUYỆN TRUYỀN KỲ ĐÃ THÀNH TẬP CÙNG CÁC CHUYỆN VẶT GỌI LÀ TẬP TRỞ ĐỜI ĐƯỜNG

Viết chuyện truyền kỳ, tập hợp lại thành tập, trong đời Đường có nhiều, song không tập nào lẫy lừng bằng *Huyền quái lục* của Ngưu Tăng Nhū. Tăng Nhū tên tự là Âm, vốn người Dịch đạo Lũng Tây, nhà ở Uyển Diệp, đầu niên hiệu Nguyên Hòa, là hiền lương phương chính, thi đối sách đỗ đầu. Nhū chỉ trích các chính sách sai trái, châm chọc nói xấu không tránh cả tể tướng, đến nỗi các khảo quan cũng bị đổi đi, Tăng Nhū thì đổi làm chức úy Y khuyết, Túc tông lên ngôi, dần dần lên chức ngự sử trung thừa, sau với cấp bậc thị lang bộ hộ được nhận chức đồng trung thư môn hạ bình chương sự, đời Võ Tông bị giáng nhiều lần đổi đi giữ chức trưởng sứ Tuần châu. Tuyên Tông lên, triệu về làm chức Thái sử thiên tử, năm Đại trung thứ hai mất, được tặng chức thái úy, tuổi 69 (780 - 848) thụy là Văn Giản, cả hai Đường thư đều có truyện. Tăng Nhū tính tình kỳ quặc thiển lệch thích ghi chép chuyện quái lạ, sách làm ra có *Huyền quái lục* mươi quyển, nay đã thất lạc cả, song phần sách mà *Thái bình quảng ký* dẫn còn đến ba mươi mốt chương, đủ để khảo xét mà biết đại khái toàn bộ, văn tuy so với chuyện khác không có gì khác lạ lắm, nhưng Nhū hay đưa cho người ta xem để tỏ ra là mình có làm chuyện chứ không cần ai tin. Có lẽ bọn Lý Công Tá, Triều Úy khen văn hay, cho nên không nói là chuyện bày đặt, còn Tăng Nhū thì lại muốn nổi tiếng cả về việc mình tưởng hư ảo, nên

thích đưa cho người ta chuyện bày vẽ của mình làm ra, chuyện *Nguyễn Võ Hữu* của ông là một ví dụ.

Trong thời Bửu ứng có chàng Nguyễn Võ Hữu thường cuối tháng hai là đi một mình ngoài đồng. Hôm đó trời đã chiều tối, đông bão, chàng vào một cái trại bỏ không bên đường. Chỗ lát trời lạnh, trăng tà vừa lên, Võ Hữu ngồi bên cửa sổ phía bắc thìn lành nghe bên hành lang phía tây có tiếng chân người đi, chưa bao lâu thì thấy trong bóng trăng có bốn người áo mũ đều khác nhau, cùng nhau chuyện trò hài hước và ngâm vịnh rất vui sướng, rồi nói: Hôm nay như đêm thu, gió trăng dường ấy, bọn chúng ta há lại không làm một bài, để cho thư thái công việc bình minh hay sao?... Họ đã ngâm to lại rõ, Võ Hữu nghe đủ hết. Một người áo mũ bình thường, người cao, ngâm trước rằng: The Tề dui Lỗ như sương tuyêt, tiếng cao trong suốt do ta phát. Người thứ hai áo mũ đen, người thấp ngắn thô kệch làm hai câu: Đêm thanh khách quý họp vui vầy. Đèn rước sáng trưng tay cầm tay. Người thứ ba áo mũ màu vàng đã cũ nát cũng người ngắn ngũn quê lậu thì ngâm: Trong lạnh suối kia chờ sáng múc, ra vào giây đâu kéo trì trực. Người thứ tư áo mũ đen cũ thì: củi đun nước trữ thổi nấu kia. Ai thì no phởn ta mệt ghê. Võ Hữu không lấy làm lạ về bốn người, bốn người cũng chẳng lạ Võ Hữu ở đó, họ lần lượt khen thưởng nhau xem cái bộ tự phụ thì tuy thơ vịnh hoài của Nguyễn Tự Tông cũng hình như không thể hơn được. Bốn người đến mờ sáng đều về chỗ ở cũ, Võ Hữu tìm xem thì trong nhà chỉ có cái cốc cũ, cây cọc đèn, cái thùng đựng nước và cái ấm vỡ mới biết bốn người là những đồ vật kia hóa ra. (*Quảng ký* 369)

Ngưu Tăng Nhū ở trong triều cùng với Lý Đức Dụ ai lập bè đảng ấy, tranh giành nhau, do Tăng Nhū ham làm tiểu thuyết nên khách của Lý là một vị quan mới mượn tên của Tăng Nhū làm sách *Chu tân hành kỵ* để vu vạ cho Tăng Nhū. Sách kể Nhū vì thi tiến sĩ không đỗ định về ở Uyển Diệp, đi qua dưới núi Cao sơn ở Ý khuyết, đêm tối lạc đường, bèn ở lại trong miếu thờ Đạo thái hậu, cùng các phi tần Hán Đường tiệc tùng chè chén, Thái hậu hỏi đương kim thiên tử là ai, thì trả lời rằng: Hoàng đế hiện nay là con cả của tiên đế. Thái hậu cười nói: Trần Bá Nhi làm thiên tử, kỳ quá, Tăng Nhū lại làm thơ và cuối cùng chọn Chiêu Quân hầu mình ngủ, đến sáng mới từ

biệt ra đi. Sau không biết ra sao. (Thấy chép rõ trong quẳng ký 489) Đức Dụ nhân sách đó làm một bản luận tội nói: Tăng Nhū có chữ tên họ ứng với đồ sấm, sách *Huyền quái lục* của Tăng lại tạo ra nhiều câu bí ẩn, ý muốn mê hoặc lòng dân, sách *Chu Tân hành ký* thì Nhū tự cho mình cùng các phi hậu gặp nhau trong cõi u minh, đó là muốn chứng minh rằng mình không phải có cái tướng làm bẽ tôi. Đến như đùa gọi vua Đức tông là Trần Bá Nhi, cho hoàng hậu của vua Đại Tông là Trần Bá thì làm cho người ta run sợ đến tận xương cốt, có thể nói là vô lễ với vua, thật là quá đáng. Nếu không phải đời Nhū phản nghịch thì át hẳn là đời con cháu y, cho nên cần phải đưa tất cả bọn già trẻ họ Nguu ra trước pháp luật, làm như thế thì việc hình phạt mới đúng, nhà nước mới được yên (thấy chép rõ trong *Lý công ngoại* tập 4). Xưa nay mượn tiểu thuyết để ám hại người ta, trường hợp này mới thật quái gở, nhất là vì thế mà đương thời câu chuyện của Đức Dụ và Vĩ Quân cũng không được lưu hành, chỉ có Tăng Nhū mới có tài có tiếng lại làm đến chức to, nên những trước tác của ông được đời truyền bá mạnh, mà người mờ phỏng cũng không hiếm: Lý Phục Ngôn có *Huyền quái lục* mười quyển chia ra hai môn tiên thuật và cảm ứng. Tiết Ngu Từ có *Hà Đông ký* ba quyển, cũng chép những việc quí quyết quái gở... và có lời tựa và nói là tục sách của Nguu Tăng Nhū (đều thấy trong sách *Quân trai độc thư chí* 13 của Triều Công Võ đời Tống). Họ Tiết lại có soạn sách *Tuyên thất chí* mười quyển, ghi chép những sự tích tiên quí linh thiêng và có nói: Trương Độc tên tự là Thanh Minh, thuộc dòng dõi của Trương Trạc và là cháu ngoại của Nguu Tăng Nhū (thấy trong *Trương Tiến truyện*, sách Đường thư), về sau người ta cũng nghi là “Trẻ những quen đi nên cứ nói, sóng đã chảy lâu tạo thành luồng (Sách *Tứ khố đề yếu* đời Thanh, bộ *Tứ loại tiểu thuyết* gia 3) vậy thôi.

Ngoài ra còn có những tác giả khác như Tô Ngạc người Võ Công làm *Đổ dương tạp biên*, chép chuyện xưa đời Đường mà hay khen những vật quí lạ của phương xa, Tham liêu tử Cao Ngạn Hưu làm *Đường khuyết sử*, tuy đó đây có sự thực nhưng cũng nói việc thấy mộng lên tiên, những sách đó đều là truyền kỳ cả, chỉ có đỗi khác ít nhiều. Đến như *Kịch Đàm lục* của Khang Biền dần dần đi vào chuyện chính trị, chuyện thời sự. *Bắc lý chí* của Tôn

Khải chuyên kể chuyện mang gái chơi ngông, Vân khê hữu nghị của Phạm Sư Nặng về ca vịnh, tuy đều là những chuyện ngày một gần tình người hơn, xa sự linh dị quái đản, song chọn việc thi mới là ngộ nghĩnh, hành văn thì tràn lan dài dòng, vốn vẫn lấy truyền kỳ làm cốt. Đến thời Bùi Hưng làm sách, gọi thẳng là truyền kỳ, thì tha hồ thuật chuyện thần tiên quái đản, lại hay tô vẽ râu ria để lừa dối người xem. Hình làm chức tông sự của Hoài nam tiết độ sứ, phó đạo sứ là Cao Biền. Biền về sau thất trí càng ham việc thần tiên, cuối cùng là làm phản mà chết, cho nên sách của Bùi Hình hoặc do xu nịnh đương thời chứ không phải tư tưởng của bản thân mà làm ra. Chuyện Nhiếp ẩn nương thẳng tay diệu thủ Không như chính từ sách của Hình mà ra (thấy trong quảng ký 194) người đời Minh lấy đưa vào kiêm hiệp truyện của Đoàn Thành Thức giả mạo ra, nên lưu truyền được rộng đến nay còn là chuyện mà bảo là văn nhân thích nói đến.

Đoàn Thành Thức tên tự là Kha Cổ, người Lâm Tri Tô Châu, con của tể tướng Văn Xương, do tập ấm được bổ hiệu thư lang, sau lên đến thứ sử Cát Châu, trong niên hiệu Đại trung về kinh, làm đến Thái thượng thiếu khanh, năm Hàm thông 4 (863) tháng 6 mất. *Tân Đường thư* phụ chép chuyện ông vào cuối chuyện Đoàn Chí Huyền (chi tiết thấy trong *Dậu Dương tạp trổ Nam sở tân văn*). Thành Thức nhà có nhiều hiềm lạ, lại học rộng nhở lâu, rất giỏi sách Phật, ít ưa săn bắn, có tiếng giỏi văn đã sớm, câu cú từ ngữ lăm khi ẩn ảo uyên bác, đời lấy làm lạ và trân trọng, về tiểu thuyết có *Lư Lăng quan hạ ký* hai quyển, nay thất lạc, *Dậu Dương tạp trổ* hai mươi quyển mà ba mươi chương nay còn cả, lại có tục mươi quyển nữa, quyển một các chương hoặc lục chép từ các sách hiếm ra, hoặc kể chuyện lạ, từ Tiên Phật, người, ma cho đến động vật, thật là không chép được hết, xếp theo từng loại, có khi giống các sách *Loại thư* tuy nguồn gốc có thể là từ sách *Bác vật chí* của Trương Hoa mà ra, song ở thời Đường thì còn, như trước tác của một mình làm mà thôi. Mỗi chương có đặt tên riêng, tên rất bí ẩn khó hiểu, chẳng hạn chương chép về đạo thuật thì đặt là Hồ sử, thiên sao chép kinh điển Phật thì đặt là Bối biên, thiên nói về việc tang ma chôn cất thì đặt là Thi thuần, thiên ghi những sự kỳ quái thì đặt là *Nặc cao ký*, lối chọn chi tiết lời văn tự thuật đến nhiều chỗ cổ kính, hay ho và mới lạ, đủ để

xứng đáng được người ta xem.

Vua Khải nhà Ân làm minh công phương Đông, vua Văn Vương làm minh công phương Tây, ông Thiên Công làm minh công phương Nam, ông Quý Trát làm minh công phương Bắc. Người chí trung chí hiếu, chết xuống đến làm chủ dưới đất, 140 năm, được truyền cho cái giáo lý hạ tiên, trao cho cái đạo lớn, người có cái đức thượng thánh, chết xuống thì nhận được sách tam quan làm chủ dưới đất ngàn năm, rồi mới chuyển tam quan đến ngũ đế, lại một ngàn bốn trăm năm nữa mới được du hành ở Thái thanh làm trung tiên trong chín cung (Quyển 2, thiên Ngọc cảnh). Lúc đầu mới sinh trời có năm tướng, một là sáng trùm cả thân hình mà không mặc áo, hai là thấy vật sinh ra ít có quả tim, ba là mặt non trẻ, bốn là ngây ngô, năm là sợ (quyển 3, thiên Bối biên). Lúc đầu mới dựng nước, thầy tu Huyền Trang qua năm nước Ấn Độ lấy kinh, người Tây vực kính trọng thầy. Thành Thức, thầy tu nước người lùn là Kim cang tam muội, nói mình đã từng đến chùa Trung thiên, trong chùa nhiều chỗ vẽ giàn gai và thia đua của Huyền Trang, dùng mây màu để vào, vì Tây vực không có các thứ ấy, những ngày ăn chay thì lễ lạy các đồ đó (Nt.).

Thiên Ông, họ Trương, tên Kiên, tên tự Thích Khát, người Ngu Dương, lúc nhỏ bất trị, không dè đặt kiêng sợ gì hết. Có lần giáng lưới bắt được một con sẻ trắng, thương nó đem về nuôi, năm mơ thấy thiên ông họ Lưu giận dữ trách mắng, nhiều lần muốn giết, con sẻ trắng báo cho Kiên biết, Kiên đặt mọi phương kế để đợi, cuối cùng thiên ông không làm hại được, mới xuống xem, Kiên đón tiếp linh đình, rồi lên ngồi trên xe thiên ông, xe thắng rồng trắng, Kiên đưa roi quất lên trời. Thiên ông cởi rồng còn lại đuổi theo không kịp. Kiên lên đến Huyền cung, đổi trăm quan đi, lắp chèn cửa bắc lại, phong sẻ trắng chức thượng khanh hầu, đổi nòi sẻ trắng không sinh sản ra dưới đất nữa. Lưu ông mất quyền, loanh quanh nơi núi Ngũ nhạt để giáng tai họa, Kiên lo, bỏ ông làm thái thú vùng Thái sơn, giữ sổ khai sinh khai tử (quyển 14 thiên *Nặc cao kỵ*).

Niên hiệu Đại lịch, có người sĩ nhân nhà ở Vi nam, cảm bệnh chết ở kinh, vợ là Liễu Thị ở nhà như trước. Ngày giỗ sĩ nhân, tối đến Liễu Thị ngồi ngoài trời hóng mát có con ong đại cứ bay quanh đầu trước mặt, Liễu Thị

gió quạt đậm rơi xuống đất, thì ra là quả hồ đào, Liễu Thị vội nhặt lấy để trong lòng bàn tay xem chơi, quả cứ lớn lên, ban đầu bằng nắm tay, rồi bằng cái bát, đang còn kinh lạ thì đã bằng cái chậu. Rồi bỗng nhiên tách làm hai cái quạt, quay giữa không trung, tiếng bay như ong san bầy, bất thắn chắp khít lại nơi đâu Liễu Thị, Liễu Thị nát đầu, răng gãm vào cây, còn cái vật đó thì bay đi, mãi không biết là cái quái gì (Nt.)

Sách lại có chương tên là Kinh, gom góp những chuyện vẽ hay xăm lên thân thể, chương tên là *Nhục Quắc bộ* kể cách nuôi chim ưng, cuốn tục chương sau thì có chương *Biển ngộ* để thu chép các khảo chứng, có chương *Tự Tháp ký* chép các chùa chiền, đề cập đâ rộng, nên lầm cái qui lè, được đời thích chơi, cùng với truyện truyền kỳ như chạy đua tranh giải vậy.

Thành Thức hay thơ, thơ cũng tối nghĩa khó hiểu, rườm rà chằng chịt như các trước thuật khác của ông, đương thời có người họ Kỳ là Vũ Đinh Quân, tên tự là Phi Khanh, người Hà Nội là Lý Thương Ân tên tự là Nghĩa Sơn cũng đều lấy lối đó mà khoe với nhau, gọi là ba mươi sáu thế. Ôn Đinh Quân cũng có tiểu thuyết ba quyển đề là *Càn tốn tử*, vẫn thấy trong Quảng ký song lục chép sơ lược, giản đơn, không có gì hay, so với thơ phú của ông diêm lệ khác hẳn. Còn Thương Ân thì về tiểu thuyết không có tiếng tăm gì, nay có *Nghĩa son tạp toàn* một quyển, *Tân đường chí* không ghi vào, Trần Chấn Tôn trong sách *Trục trai thư lục* giữ đề 11, cho là của Thương Ân làm. Sách *Nghĩa son tạp toàn* toàn gộp nhặt những chuyện quê kệch thường kể nơi thôn xóm xếp theo từng loại, tuy chỉ là vặt vãnh, song cũng thấy rõ những điều uẩn trong đời không chỉ là giúp mua vui cười cợt mà thôi.

Cảnh tiêu sái:

Dưới thông dẹp đường, xem hoa lệ nhỏ, trên rêu trải chiếu. Chặt mát thùy dương, dưới hoa phơi khổ, chơi xuân mang nặng, lưới căng cầm đuốc, đi bộ cầm quân. Dụng lâu lung vào núi, vườn quả trồng rau, dưới dàn hoa nuôi gà vịt.

Cử chỉ xấu:

Là khách mà chửi mắng lộn với chủ... Làm khách mà đẹp đở ghế

bàn... Ngồi trước người lớn bà già mà hát những bài không đứng đắn. Ăn dở thịt cá rồi lại để vào mâm - trước mặt người đồng mà nặm lộn ngược không bình thường - gác ngang đũa trên bát canh.

Mười điều răn:

Không được uống rượu đến say - không được làm người ta kinh sợ trong chỗ tối tăm - không được ngầm hâm hại người ta - không được một mình vào buồng người đàn bà góa - không được giở sách người ta - không được qua lại với bọn vô lại - không được mượn đồ dùng người ta tuần này sang tuần khác mà không trả (vốn còn thiếu một điều).

Khoảng niên hiệu Trung hòa có Lý Tựu Kim, tự là Cổn Câu, làm chức lệnh Lâm tri, cũng hiệu Nghĩa sơn, hay thơ, lúc mới thi đỗ thường đến chơi những nhà ca hát, thấy sách *Bắc lý chí* của Tôn Khải, thì sách tạp toàn hoặc giả do người đó làm, chưa chắc là của Thương Án, song không có chứng cứ gì rõ ràng, chưa có thể nói dứt khoát được, về sau thỉnh thoảng cũng có người nói phỏng tác, đời Tống có người làm tục thêm nói là Vương Quân Ngọc làm, lại có tái tục nói là Tô Đông Pha làm, đời Minh có ba chuyện tục thêm của Hoàng Doãn Giao làm.

Chương 11

CHUYỆN CHÍ QUÁI VÀ CHUYỆN TRUYỀN KỲ ĐỜI TỔNG

Nhà Tống khi đã bình định thống nhất được giang sơn, thu nhận đồ tịch các nước cùng bọn thàn tá các hàng vương phàn lớn là những danh sĩ, có kẻ tuyên truyền lời oán giận, bèn triệu cả vào quán các, cấp lương thực thực phẩm hậu, giao cho tu thư, làm sách *Thái bình ngự lâm* và sách truyện ký, tiểu thuyết các loại, làm thành sách năm trăm quyển, mục lục mươi quyển, đó là bộ *Thái bình quảng ký*, bộ này tháng 3 năm thứ 2 niên hiệu Thái bình hưng quốc, vâng chiếu vua soạn thảo, năm sau tháng 8 làm xong dâng lên vua, cũng ngay tháng 8 vâng sắc vua đưa vào sứ quán, tháng giêng năm thứ 6 vâng chỉ vua khắc bản in (Theo sách *Tổng hội điều và biểu dâng sách*) sau do ý kiến nói sách đó không phải là sách cấp thiết cho kẻ hậu học, nên thu bản in lại đem tất vào lầu Thái Thanh, vì lẽ đó người đời Tống lại phàn nhiều chưa thấy. Sách *Quảng ký* chọn lựa góp nhặt rộng rãi dồi dào dùng sách đến ba trăm bốn mươi bốn loại, trong các sách các tiểu thuyết già từ đời Tần Hán đến đời Ngũ đại, sách này nay đã tản mát mất đi, khi nhớ đến mà khảo xét tìm thấy thì phân loại mà biên tập lại được năm lăm bộ, xem mỗi bộ có bìa đóng từng quyển ít hay nhiều, cũng biết được tiểu thuyết đời Tấn, Đường chép chuyện, chuyện gì là nhiều, đó không phải là chỗ hội tụ các tiểu thuyết xưa nay, mà cũng là bản thống kê cái cốt lõi của văn chương nữa. Sau đây cử ra những bộ tương đối nhiều, phần cuối có tập truyện ký 9 quyển là chuyện truyền kỳ đời Đường.

Thần Tiên năm lăm quyển, *Nữ Tiên* mươi lăm quyển - *Dị tàng* mươi hai quyển, *Báo ứng* ba mươi ba quyển - *Ứng nghiệm* (lành dũ) mươi một quyển. *Số trời định sẵn* mươi lăm quyển. *Mộng bảy quyển*, *Thần* hai mươi lăm quyển. *Quỷ* bốn mươi quyển, *Yêu quái chín quyển*, *Tinh quái* sáu quyển. *Tái sinh* mươi hai quyển, *Rồng* tám quyển, *Hổ* tám quyển, *Hồ ly* chín quyển.

Sách *Thái bình quảng ký* do Lý Phỏng giám tu, cộng tác có mươi hai người, trong đó có Từ Huyền, Ngô Thực, cả hai đều đã làm tiểu thuyết này còn lưu truyền. Huyền tên tự là Đinh Thần người Quang Lăng, Dương Châu, làm hàn lâm học sĩ đời Nam Đường theo Lý Dục vào Tống làm quan đến chức trực học sĩ viên cấp sự trung tán kỵ thường thị, năm Thuần hóa hai có tội bị giáng làm Tịnh nam hành quân tư mã, cầm hàn bị mất ở nơi bị đổi đến, tuổi 76 (916 - 991) sự việc chép kỹ trong *Văn uyển truyện* của sách Tống sử. Huyền thời Đường trước đã viết chí quái, trải hai mươi năm mới làm xong sách *Kê thần lục* sáu quyển, khoảng gần một trăm năm mươi chuyện, đến khi làm sách *Quảng ký*, thường ít thu nhặt và không dám tự làm truyện bảo Tống Bạch hỏi Lý Phỏng, Phỏng nói: Lê nào có họ Từ nồng nỗi nói những điều không căn cứ. Khi đó Từ Huyền mới được lấy vào. Những chí văn của Huyền bình dị thô sơ, đã mất cái chất xưa của chí quái lại muốn lấy cái chất tin được để lớn lên, nhưng đến đây thì ý định đó không phán chấn lại được nữa.

Đất Quảng Lăng có bà già Vương, ốm vài ngày thì thình lình bảo con rằng: Ta chết rồi sẽ sinh vào nhà Hạo Thi ở Tây khê làm con bò, con nên chuộc lại, dưới bụng ta sẽ có chữ Vương là đúng, nói xong một chốc thì mất. Tây Khê là tên vùng đất phía tây Hải Lăng, người dân là Hạo thi, có con bò đẻ con bê dưới bụng có lông trắng thành hình chữ Vương. Người con đi tìm được, đem lụa tẩm chuộc đưa về (quyển 2).

Thôn Dưa có người dân chài, vợ mắc bệnh lao gầy nhom lây sang (qua) kẻ khác, đã chết vài ba người. Có kẻ nói đem người có bệnh đóng sống vào trong quan tài, vứt đi, bệnh hết được. Không bao lâu, con gái nhà đó cũng mắc bệnh, nhà tức thì đem đóng sống vào trong quan tài, thả trôi sông, trôi đến Kim sơn, có người dân chài trông thấy lấy làm lạ, dắt quan tài

lên bờ, mở ra xem, thấy người con gái còn sống đem đem nằm trong nhà để cưỡi. Người con gái vốn thấy nhiều cá “man” cá “ly”, bắt ăn, lâu rồi lành bệnh, làm vợ người dân chài đến nay vẫn không ốm đau gì (Quyển 3).

Ngô Thục là con rể của Từ Huyền, tên tự là Chính Nghi, người Đan Dương Nhuận châu, lúc nhỏ tài tuấn thông minh, viết văn rất nhanh, đời Nam Đường đỗ tiến sĩ, với tư cách là Hiệu thư lang trực nội sử, theo Lý Dục vào Tống, làm quan đến chức Phương viên ngoại lang, năm Hân Bình thứ 2 mất, tuổi 56 (947-1002), sự việc chép trong *Văn uyển truyện* của Tống Sử, có làm sách *Giang hoài dị nhân lực ba quyển*, nay còn bản theo sách *Vinh lạc đại điển* mà chép ra, có chuyện hai mươi lăm người, đều nói là Hiệp khách, thuật sử cùng đạo gia đương thời, việc làm đại để là gian dối quái gở. Đường Thành Thức đời Đường đã có một chương truyện đạo hiệp, kể việc làm kỳ dị của bọn dân kỳ quái, song chỉ có chín người, đến như đem tập hợp nhiều nhân vật hư vô, quỷ quyết, lạ, làm ra một cuốn chuyện thì thật ra mới bắt đầu từ Ngô Thục, người đời Minh sao chép lại kiếm hiệp chuyện, vốn là trước tạo giả mạo ở trong sách Quảng ký, lại cổ súy thêm làn sóng, rồi những chuyện đi trên không thả gươm bay cứ ngày một thịnh, đến nay vẫn chưa suy đi cho.

Thành Áu Văn làm lục sự tham quân Hồng châu, nhà ở ngõ xuống đường cái mà có cửa sổ, mưa tạnh lầy lội nhưng thấy đường đi, thấy một đứa bé đi bán dép, dáng rất nghèo đói rách rưới, một thanh niên hung ác cùng đứa bé đụng vào nhau, xâu dép rớt ra giữa bùn. Đứa bé khóc đòi trả tiền, anh thanh niên quát nó mà không trả, đứa bé nói: Nhà tôi chưa có gì ăn, đợi bán dép để mua ăn, nay bẩn cả. Vừa có một chàng thư sinh đi qua, lấy làm thương trả tiền giá dép cho nó, anh thanh niên giận nói: thằng bé xin ăn với tôi, can dự gì đến anh? Và xỉ mắng chàng. Chàng vẻ mặt rất giận. Họ Thành khen là có nghĩa, mời lại cùng nói chuyện rồi rất lấy làm kỳ nên lưu ở lại nghỉ, đêm đang nói chuyện, Thành tạm vào nhà trong, trở ra thì không thấy chàng đâu nữa, cửa ngoài đều đóng cả, tìm mãi vẫn không thấy. Nhưng phút chốc chàng lại trở lại đến trước mặt mà nói: khi sáng thấy một đứa ác tôi không dung tha được đã chặt đầu nó rồi, rồi quẳng ra giữa đất. Thành kinh hoàng nói: người đó quả là sai trái ngô nghịch với người quân tử

song chặt đầu người ta, máu chảy còn giữa đất, há không phải, tại sao? Chàng thư sinh nói: không hè gì, rồi lấy ra một ít thuốc, bỏ lên cái đầu, nhổ lấy tóc xoa thuốc ra, tất cả đều hóa thành nước, xong bảo ông Thành: không có gì để báo đáp ông, xin trao ông cái phép đó. Thành nói tôi không phải là kè sĩ phượng ngoại (ngoài đời) không dám vâng theo lời dạy. Thế là chàng thư sinh vái dài rồi bỏ đi, mấy lớp cửa đều còn đóng kín mít mà không thấy chàng đâu nữa.

Đời Tống tuy rằng tôn sùng đạo Nho song dung nạp cả Thích lẩn Đạo và tín ngưỡng căn bản, vốn ở ma quỷ đồng cốt cho nên từ Từ Huyền, Ngô Thục về sau, vẫn còn nhiều chuyện biến quáiさま ứng.

Thặng dị ký của Trương Quan Phòng (tựa đề năm đầu niên hiệu Hàn Bình) *Quái dị chí* của Trương Dư Chính, *Tế dị chí* của Nhiếp Biên (tựa đề năm đầu niên hiệu Khang Định), *Lạc Trung kỷ dị* của Tần Tại Tư, *Mạc phủ yên nhàn lực* của Cát Trọng Tuần (làm đầu niên hiệu Nguyên Phong) đều là loại chuyện đó, đến đời vua Huy Tông làm theo đạo sĩ Lâm Linh Tố, dốc lòng tin thần tiên, tự đặt hiệu cho mình là đạo quân, thì khắp nước đều phụng thờ đạo giáo. Đến lúc xuống Nam, phong khí đó cũng chưa đổi, vua Cao Tông rút lui về Nam, cũng yêu thích sách thần tiên huyền ảo quái đản, thời đó có Dương Quách Thoan tên tự là Thú Tượng, người Lịch Dương giữ chức tri hưng quốc quân làm sách *Khuê xa chí* năm quyển, Dương Hồng Mại tự là Cảnh Lô người Bà Dương, chức hàn lâm học sĩ, làm *Di kiến chí* bốn trăm hai mươi quyển, hình như thường trình dâng lên để cung cấp cho vua xem. Tất cả các sách nói trên nhìn chung đều nặng về sự việc, còn phô bày tự thuật thì ít, gần giống sách *Kế thần lực*, vì vậy mà sách *Di kiến chí* do tên tuổi tác giả, lại do số quyển nhiều mà một mình được khen thưởng lưu hành ở đời.

Hồng Mại lúc nhỏ nhở lâu, xem rộng khắp mọi sách, song cùng hai người anh đi thi khoa bác học hồng từ thi một mình rớt, đến tuổi năm mươi mới thi đỗ, làm chức san định quan ở sở Sắc lệnh. Bố là Hạo, nhiều lần làm trái ý Tần Cối, Cối giận lây cả Mại, đổi ra làm Thiêm sai giáo thụ Phúc châu, sau lên dần bộ lang kiêm lê bộ, nhiều lần đón tiếp và cùng đi với sứ Kim, thường bắt bẻ họ, lại sai làm sứ giữ việc báo tin thăm hỏi, do tranh cãi về

nghi lễ triều kiến không chịu khuất mà từng bị giữ lại, sau về triều lại bị luận tội đi sứ Kim làm nhục mệnh vua nhà mà bãi chức nhưng liền đó được phục chức làm tri Truyền châu, rồi tri Cát châu, Cống châu, Vũ châu phủ Kiến minh và phủ Thiên hương, năm Thuần Hy Mại về hưu với hàm Đoan Minh điện học sĩ, rồi mất thọ tám mươi (1096 - 1175), tên thụy là Văn Mẫn, có chuyện trong Tống sử, Mai ở trong triều đình dám nói thẳng, lại thấy rộng, nghe khắp, trước thuật nhiều, Khảo đính biện chứng, đều hơn các tay thường. *Di kiên chí* là sách làm tiêu khiển lúc tuổi già, đến cuối đời mới khắc in, sách ghi chép đến đầu niên hiệu Thuần Hy thời thôii, trong khoảng hơn mươi năm đó, làm xong, đánh số hiệu từ giáp đến quý hai trăm quyển... chi giáp đến chi quý, tam giáp đến tam quý mỗi số hiệu một trăm quyển, từ giáp từ át đều mỗi số hiệu mươi quyển, số quyển nhiều lần ngang với sách *Thái bình quảng ký*, nay chỉ còn tám mươi quyển từ giáp đến đinh năm mươi quyển từ chi giáp đến chi mậu và ba chi mär quyển, lại năm mươi quyển trích sao cùng hai mươi quyển khác. Việc trước tác nhiều kỳ lạ đặc biệt như thế vốn cho sách làm ra được sự trân trọng hiếm có, mà tác giả trong lời tựa của mình cũng rất lấy làm thỏa thích đã làm được nhiều, tuổi tám mươi gấp làm cho xong, có khi năm mươi ngày làm mươi quyển, có kẻ càn quấy thay đổi đôi chút chuyện cũ để được đưa vào, đến lúc đầy số quyển rồi cũng không có thời gian san bỏ và nhuận sắc lại, cứ đưa thẳng vào bản lục chép (Trần Chấn Tôn trong sách *Trực trai thư lục giải đề* 11 nói vậy). Có thể ý ông là cố làm cho đây, chứ không được như trong bản chuyện về ông nói “muốn xét hiểu cho thấu hết sự biến hóa của quỷ thần và sự vật”. Chỉ có điều trong năm mươi mốt chương tiểu tự của ông, thì mươi điều là chín điều có ý mới không trùng lặp nhau. Triệu Dữ Thị đã tóm tắt đại ý của những tiểu tự đó đưa vào *Tân thoái lục* 8 của mình làm và than rằng: “không kịp được”. Tiếng than đó đối với sách *Di kiên chí* mới có thể gọi là một tiếng tri ngôn, biết lời nói, biết sách của người ta. Chuyện truyền kỳ cũng có tác giả của nó, nay *Lục chân truyện* một quyển, *Dương thoái châu ngoại truyện* hai quyển, nói ngoa là của người đời Dương làm, chính là của nhạc sử người đời Tống làm, trong *Tống tri lục* lại có ghi Đằng Vương ngoại truyện, Lý Bạch ngoại truyện, Hứa Mại truyện, mỗi truyện đều một quyển, thì nay đều không thấy. Sử tên tự là Tử Chính, người Nghị Hoàng phủ châu,

từ Nam Đường vào Tống làm trước tá lang, sau ra làm chức tri Lăng Châu, nhân dâng bài phú được triệu làm Tam quán biên tu, lại nhiều lần dâng sách minh làm, cộng lại đến hơn bốn trăm hai mươi quyển, đều là ghi chép tự thuật chuyện thi cử đồ hổng, việc hiếu đế, chuyện thần tiên, đổi làm trước tá lang, trực sử quán, chuyển sang Thái thường bác sĩ, ra làm tri Thư châu, tri Hoàng châu, lục tri Thượng châu, sau khi được phục chức lại vào văn quán lần thứ hai, trông coi ty khám ma ở Tây kinh được ban thưởng ấn vàng dây deo màu tía, năm Cảnh Đức mất, tuổi bảy mươi tam (930 - 1007) sự tích chép rõ ở *Nhạc hoàng mục truyện* trong Tống sử. Sử còn giới địa lý, có làm sách *Thái bình hoàn vũ* hai trăm quyển, tham khảo đến hơn một trăm loại sách để lấy chứng cớ trích dẫn, mà có chỗ cũng dùng lời của tiểu thuyết gia. Đến hai chuyện Lục Châu và Thái Châu, vốn là tập hợp các giả sử mà làm ra cũng lại xen vào những câu của các sách địa chí, cuối thiêん có lời răn dạy, cũng như người đời Đường mà còn nghiêm nghị lạnh lùng hơn, đó là thói quen lâu đời của người đời Tống, chuyện Lục Châu là một ví dụ rõ nhất.

Triệu Vương Luận loạn luân, Tôn Tú sai người tìm Lục Châu... Sùng thịnh linh bảo: Nó đừng yêu nữa. Lục Châu không tìm được đâu. Tú từ đó nói với Luân tru di Sùng ba họ. Linh di bắt, chặt đến, Sùng bảo Lục Châu rằng: ta nay vì người mà mắc tội. Lục Châu khóc mà thưa: xin liều chết trước mặt ông. Nói rồi nhảy từ trần lầu xuống mà chết. Sùng bị giết phơi thây ở chợ phía đông, người đời sau gọi đó là lầu Lục Châu. Lầu ở làng Bộ canh gần suối Dịch tuyền. Suối ở đông thành vua. Lục Châu có con người em là Tống Vĩ, có nhan sắc, giỏi thổi sáo, sau vào trong cung vua Minh để đời Tống. Nay ở Bạch châu có một nhánh sông, từ núi Song giác ra, hợp với sông Châu giang gọi là Lục châu giang, cũng như ở Qui châu có Chiêu Quân thôn, Chiêu Quân trường, ở ngõ có hang Tây Thi, ao son phấn, là lối nơi người đẹp ở mà đặt tên. Lại có giếng Lục Châu, dưới chân núi Song giác, những người già cả nói rằng: lấy nước giếng đó mà uống thì sinh con gái phần lớn là đẹp, xóm làng có người hiểu biết cho rằng sắc đẹp vô ích cho đời, nên lấy đá lớn lấp lại, từ đó hễ ai sinh gái đẹp lại doan trang thì bảy lỗ bốn chân tay thường không đầy đủ vẹn toàn. Lạ thay, núi sông lại sinh ra

thế... Đời sau nhà thơ đề vịnh gái ca múa, đều lấy lục chau làm tên gọi... Duyên cớ vì sao vậy? Ấy là vì một cô hầu gái, không học hành gì mà biết cảm ơn chủ, căm phẫn rồi không nghỉ gì đến bản thân mình, chí khỉ lâm liệt thật đủ khiến cho người sau ngưỡng mộ ca ngợi mình vậy. Đến như những ai hưởng lộc hậu, ăn trộm được ngôi cao, mà quên đi tính nhân nghĩa, ôm lòng tráo trở phản phúc, chiều bốn mai ba, chỉ biết chuộng lợi, tiết tháo lại không bằng một người đàn bà, há không thấy thẹn sao? Nay làm chuyện này, không phải chỉ thuật suông chuyện đẹp đẽ ngăn lấp nguồn tai họa mà cũng là muốn răn bảo bọn vong ân bội nghĩa nữa đấy...

Về sau có người đất Tiều thuộc Bạc Châu là Tần Thuần, tên tự là Tử Phục (có chỗ nói Từ Lý) cũng viết chuyện truyền kỳ nay còn bốn chương, thấy chép trong *Thanh tỏa cao nghị tiền tập* cùng biệt tập của Ngư phủ đời Bắc Tống làm, văn chương có ý theo mẫu mực đời Đường song ý lời đều rổi răm kém cỏi, tình cờ mới thấy một vài câu hay như điểm tô cho một đoạn. Lại đại để là mượn sự tích xưa, không dám đề cập đến việc gần, đó là tập quán của lớp sĩ nhân câu nệ cẩn thận, Nhạc sử cũng thế. Một chuyện tên là *Triệu Phi Yến liệt truyện* lời tựa nói là được trong khung góc tường vỡ của nhà họ Lý, chép chuyện của Hoàng hậu họ Triệu từ khi vào cung cho đến khi tự treo cổ, lại do âm báo hóa là con rùa lớn, trong lời văn có câu: Thanh lang ngồi sáng, Chiêu nghi ngồi ở giữa giếng, ba thước suối lạnh đầm ngọc sang. Thế là người đời Minh la to là sách xưa thực sự, cũng giống như người bây giờ làm về sách *Tạp sự bí tân* đời Hán của Dương Thận làm giả ra, chuyện *Phi Yến ngoại truyện*, nói là của Linh Huyền làm cũng loại đó, chỉ khác ở chỗ lời văn hay hơn mà thôi. Chuyện thứ hai *Lý Sơn ký*, chuyện thứ ba *Ôn Truyền ký* nói rằng Trưởng Du thi không đỗ trở về Thục, đến dưới chân núi Lý Sơn, tìm người cố lão hỏi những chuyện dật sự về Dương Phi, người cố lão kể cho nghe tất, sau Du lại đi qua Lý Sơn, gặp Dương Phi sai sứ ra đón, hỏi việc nhân gian, lại ban ơn cho cùng tấm, hôm sau sai chân thi lại đưa về. Kinh hoàng dậy như tỉnh giấc mơ, bèn đề thơ ở trạm, rồi rảo bước ngoài đồng, có đứa trẻ chăn trâu bò trao cho bài thơ họa lại, bảo là của một người đàn bà nhờ đưa hôm trước. Chuyện thứ bốn là *Đàm ý ca truyện* thì là truyện đương thời thường kể. Ý Ca vốn con nhà lương thiện, lưu lạc

đến Trường sa làm con gái ca xuống cùng người dân Nhữ Châu là Trương Chính tự do, mẹ ép phải cưới người khác, được hơn ba năm vợ chết, lại vừa có khách từ Trường sa đến, trách Chính phụ tình, và kể việc Ý Ca hiền như thế nào, Chính tự nghe thì đi đón về. Về sau sinh con đỗ tiến sĩ, Ý ca trọn đời làm mệnh phụ, vợ chồng giai lão, cháu lớn con đàn, ấy vậy chuyện đó là làm theo *Hoắc Tiểu Ngọc truyện* của Tưởng Phòng nhưng kết thúc bằng cảnh đoàn viên sum họp mà thôi.

Chẳng biết các tác giả nào làm *Đại nghiệp thập kỷ* hai quyển đề là Nhan Sư Cổ đời Đường soạn, *Thập kỷ* còn gọi là *Tùy di lục* nữa. Lời bạt nói là khoảng niên hiệu Hội Xương được trên gác chùa Ngõa Quan Thượng Nguyên, tên cũ là Nam Bộ Yên Hoa Lục, tức là di cảo của Tùy thư, tiếc sách để khuyết mất nhiều chỗ nên bổ sung vào để lưu truyền, cuối cùng không ghi tên, có thể cũng là do một tay người làm ra chuyện này viết. Chuyện viết từ khi Đường Đế định đi tuần hành giang đờ, giao cho Ma Thúc Mưu mở đường sông, tiếp đến chép những việc buông tuồng trên đường đi, lại việc xây cất lâu mê, biếng nhác hoang dâm trong đó, con người mà người ta ngưỡng vọng lúc đó, lại cho là Đường Công, Vũ Văn, Hoa Cập toan mưu làm loạn, xin thả quan nô ra, chia trực trên dưới, chiếu vua đồng ý cho làm “Thế là có vụ biến đốt bản thảo”. Chuyện tự thuật hơi xách mé, nhiều điều thất thiệt, song lời văn sáng đẹp, tình ý cũng có lúc mềm mại uyển chuyển khả quan.

... Trường An đem dâng con gái người đánh xe là Viên Bửu Nhi, tuổi mười lăm, lưng eo thắt xuống, lạnh lợi duyên dáng dẽ yêu, vua quí đặc biệt. Bấy giờ Lạc Dương Tiểu Hoa dâng hoa nghênh liên, nói là hái được trong hốc núi Trung sơn, người ta không biết tên, người hái được thấy lạ đem dâng. Vua sai Bửu Nhi cầm lấy và gọi là ty hoa nữ. Lúc đó Ngũ Thế Nam ở bên vua thảo sắc sai chỉ huy đánh quân. Liêu, Bửu Nhi chăm chú nhìn Thế Nam. Đế bảo Nam rằng: Xưa kể chuyện Phi Yến múa được trên lòng bàn tay, thường nghĩ đó là bọn Nho sĩ làm văn tô vẽ thêm, chứ con người ai lại làm được thế. Đến nay được Bửu Nhi mới sáng rõ việc xưa, song còn ngây ngô mà si tình lắm, nay chăm chú nhìn người, người là người có tài, có thể trêu nàng xem. Thế Nam vâng lệnh làm bốn câu túyệt rằng: “Học vẽ nhà

vàng dở chưa thành, xuôi vai rũ áo quá si tình. Do si mà được đức vua chuộng. Cầm mài hoa đi cạnh kiệu khênh, vua rất lấy làm thích.”

Vua hồn mê, nghiện rượu cảng nặng, nhiều phen bị tà ma làm cho lâm lỗi, thường chơi chỗ dài đá gà nhà Ngô long, mơ màng thấy Trần hậu chủ gặp nhau... Vũ nữ có đến vài chục xếp hàng chầu hai bên tả hữu, trong bọn họ có một người đẹp nhất, để thường nhìn. Hậu chúa nói: Điện hạ không quen người ấy sao? Đó là Lê Hoa đấy. Mỗi lần nhớ lại lúc trước núi. Đào Diệp cởi thuyền chuyển lên phương Bắc, lúc đó Lê Hoa rất giận vừa tựa gác Lâm Xuân thử ngồi bút lông thỏ tía của họ Đông Quách, viết lên lụa hồng bóng loáng, làm câu bích nguyệt đáp lại chức lệnh sông Giang, lời chưa xong thì thấy Hàn Cầm Hổ nhảy lên con ngựa con màu trắng xanh, chỉ huy muôn binh lính xông thẳng vào người ta, không còn ai đi lại nữa, như vậy cho đến ngày nay, nói xong một lát thì lấy chiếc bầu lưỡng biển có hoa văn màu lục rót rượu nếp hồng mới cất mời Vua, Vua uống rất vui, nhân mời Lê Hoa múa điệu Ngọc thu hậu đình hoa, Lê Hoa từ chối nói bỏ đã lâu năm, từ trong giếng mới lên, lưng cổ chân tay còn cong cứng không còn được cái tư thái trước kia, Vua đòi hỏi hai, ba lần mới dậy, múa trọn một bài, Hậu Chúa hỏi Vua: Triệu Phi so với người này ra sao. Vua trả lời: Xuân Lan Thu Cúc, mỗi thứ mặn mà một thời. Lại có *Khai hà ký* một quyển, kể chuyện Na Thúc Mục vâng chiếu vua Tùy Đường Đế mở sông Hà, tàn ngược với dân, đào mò mả, nhận hối lộ, ăn thịt trẻ con, việc bị phát hiện và giết chết, *Mê Lâu ký* một quyển, kể chuyện Đường Đế khoắng cuối đời buông tuồng hoang dâm, nhân Vương nghĩa tha thiết can ngăn, ở một mình được hai ngày, cho là không vui nên lại trở vào trong cung, sau nghe lời trẻ em ca hát những lời đồng dao, tự biết là vận mệnh đã đến lúc cùng tàn. *Hải Sơn ký* hai quyển thì quyển đầu kể hết lúc mới giáng sinh, sau kể đến các việc xây cất, thây ma quỷ đi tuần hành giang đô, hỏi Vương nghĩa cho đến lúc bị hại, không việc gì không ghi chép đầy đủ. Cả ba cuốn cùng với *Tùy Lục* để giống nhau, song tự thuật kỹ và rõ hơn, có chỗ xen vào những câu văn, lời nói thôn dã, văn chương khiêm tốn. Sách *Hải Sơn ký* đã thấy trong sách *Thanh tòa cao nghị*, đó là của người thời Bắc Tống làm, phần thêm sau cũng vậy, bản hiện nay có phần đề là Hàn Ác đời Đường làm, đó là do người

đời Minh cho bậy vào. Việc các vua chúa buông tuồng, người đời không muốn gặp phải, nhưng lại thích kể, người đời Đường thích kể chuyện Minh Hoàng, đời Tống thêm vào Tùy Đường, La Quán Trung đời Minh lại làm *Tùy Đường chí truyện*... qua đời Thanh có Giả Nhân Hoạch lại tăng thêm và đổi tên là *Tùy Đường diễn nghĩa*.

Mai Phi truyện một quyển cũng không đề tên người làm, có thể do thấy các bức vẽ đương thời có hình người con gái đẹp cầm cành mai và gọi là Mai Phi, nói phiếm ra là người đời Đường Minh Hoàng, rồi sáng tác ra chuyện này, nói là họ Giang tên Thể Bình vào cung rồi vì Thái Chân ghen mà bị đuổi ra, vừa gặp loạn An Lộc Sơn, chết trong binh hỏa. Có lời bạt, nói sơ qua rồi truyện viết ra năm Đại Trung 2 tại nhà Chu Tuân Độ ở Vạn Hạng, nay chỉ Diệp Thiếu Uẩn với mình là có, cuối lời bạt không ký tên, chắc cũng là người viết truyện tự cho là đồng thời với Diệp Mộng Đắc, thế thì sách phải làm trước sau lúc qua sông xuống Nam. Bản hiện nay có khi đề là của Tào Nghiệp đời Đường làm, cũng là điều đời Minh thêm bậy vào.

Chương 12

THOẠI BẢN ĐỜI TỔNG

Văn nhân cả một đời Tống viết chuyện chí quái, đã bình dị thật thà lại thiếu văn vẻ, truyện truyền kỳ của họ lại thường là mượn chuyện xưa tránh chuyện gần, bắt chước cổ thì còn xa chưa kịp, rốt cuộc là không có được những sáng tác do chính một mình làm. Tuy vậy ở khắp nơi thành thị cũng như nông thôn lại có một nền văn nghệ khác mới được xây dựng. Nền văn nghệ dùng lời tiếng thông tục mà viết sách, tự thuật truyện cũ, gọi là Bình thoại, tức ngày nay gọi là tiểu thuyết Bách thoại. Song dùng Bách thoại mà làm sách, thực không phải đến dân đời Tống mới có. Khoảng giữa đời Quang Tự nhà Thanh, những kinh sách cất giấu trong động Ngàn phật ở Đôn Hoàng bắt đầu lộ ra, nói chung là đưa về Anh, Pháp, cả Trung Quốc cũng nhặt nhạnh của còn lại đưa cất giữ trong Đồ thư quán ở kinh đô. Những kinh sách trong động là của đời đầu Tống cất giấu, kinh Phật là nhiều nhưng cũng có vài ba loại chuyện xưa bằng thể văn thông tục, đó là những sách của người cuối Đường và đời Ngũ đại sao chép lại, như sách *Đường Thái Tông nhập minh ký*, sách *Hiếu tử Đổng Vĩnh truyện*, sách *Thu Hồi tiểu thuyết*, sách này hiện để trong bác vật quán của Luân Đôn sách Ngũ Viên lập Ngô cổ sú, sách này thì là của nhà trợ ở Trung quốc, tiếc chưa được mắt thấy, không lấy gì mà biết được nó quan hệ với tiểu thuyết đời sau như thế nào. Cứ theo ý mình mà ước đoán thì thể văn thông tục thịnh lên là do hai lẽ: một là để mua vui, hai là để khuyến việc thiện, mà lẽ khuyến thiện nay là chủ yếu, cho nên những sách kể trên, phần lớn là có liên quan đến

việc khuyên răn cả. *Đồ thư quán* ở kinh đô có *Duy ma, Pháp hoa*, cho đến sách *Thích ca bát tướng thành đạo ký*, sách *Mục Liên nhập địa ngục cố sự* bằng văn thông tục.

Sách *Đường Thái Tông nhập minh ký* đầu đuôi khuyết mất cả, chỉ còn phần giữa, là kể chuyện Thái Tông giết Kiến Thành Nguyên cát rồi người đương sống mà hồn bị xét hỏi, do kiêng kỵ việc đương triều nên đến đời Tống mới thịnh hành, tuy dính líu đến Thái Tông song cũng cứ xem như người đời Đường làm, văn trích như sau:

Quan tòa buôn bực không yên, không dám nói tên họ. Để nói “Khanh lại gần đây”. Nói nhè nhẹ: “Họ Thôi, tên tự Ngọc” “chắc là trẫm quen biết”. Nói xong, sai người dẫn đế đến cửa viện, sai người tâu rằng: “Kính mong bệ hạ hẵng đứng đó để thần vào báo quan tòa đến mau”. Nói xong, bảo người mới đến, đi đến chỗ tiếp mà lạy, lạy xong. “Thưa quan tòa, vâng ý đại vương, hồn sống của vua Thái Tông đến rồi, xin đưa ra quan tòa xét hỏi, hiện đang ở ngoài cửa, chưa dám dẫn vào”. Quan tòa nghe nói kinh hoàng đứng dậy...

Đời Tống có sách *Lương Công cứu già* một quyển (trong sách Cử lê cư tùng thư) văn cũng chất phác thô lậu như chuyện trên, kể chuyện Võ hậu phế truất thái tử xuống làm Lư Lăng Vương, muốn truyền ngôi cho cháu là Võ Tam Tư, Địch Nhân Kiệt đến can chán lần Võ Hậu mới cảm và tinh ngộ lại, triệu về lập làm thái tử lại. Đầu sách có bài “Văn bia về Lương Công, tướng nhà Đường “của Phạm Trọng Yêm làm lúc bị giáng chức đổi đến *Phiên dương*, như vậy là sách phải ra đời năm Minh Đạo 2 (1033) về sau.

Lời can lần thứ 6

Tắc Thiên ngủ đến canh ba, lại được một giấc mộng nữa thấy mình cùng Đại la thiên nữ đánh cờ, ván cờ có một con cờ xoay chiếu tướng, Tắc Thiên thua liền mấy ván, thế rồi tỉnh dậy. Hôm sau ra thị triều, đem hỏi các đại thần mộng như vậy là nghĩa thế nào? Tể tướng Địch Nhân Kiệt lâu: Thần đoán mộng ấy là chẳng lành cho nước - Bệ hạ mộng thấy cùng Đại la thiên nữ đánh cờ, ván cờ có một con cờ xoay chiếu tướng, Bệ hạ thua liền

máy ván: thế nghĩa là trong ván cờ có người con, không được ở cái ngôi của mình, cứ xoay chiếu tướng mất cái mình làm chủ. Nay thái tử Lư Lăng Vương bị đổi ra Phong Châu xa nghìn dặm, ấy là nói trong ván cờ có người con không được ở cái ngôi của mình, mới xui ra có giấc mộng như thế. Thần xin đưa ngôi thái tử lại, mau chóng lập Lư Lăng Vương lên làm vua dự bị, chứ lập Võ Tam Tư thì rốt cuộc là không xong.

Như cứ xem trong tiểu thuyết thông tục của người đời Tống hiện còn thì cũng với cái ý khuyên răn, cuối đời Đường có hơi khác mà chính là từ trong thuyết thoại trong tạp kịch mà ra. Thuyết thoại là gì? Là kể miệng chuyện xưa nay nghe ra kinh lạ, không bình thường, cách kể miệng đó thời Đường đã có rồi, Đoàn Thành Thức trong sách *Đậu dương tạp trở* (tập tục thêm 4 thiên Biển ngộ) có nói: "Cuối niên hiệu Thái Hòa, nhân ngày sinh nhật của người em, tôi có xem tạp kịch, có vở tiểu thuyết của người kể chợ, gọi Biển Thước là Biển Thác, theo thanh thượng của hai chữ ấy... Lý Thương Ẩn trong *Kiểu nhi thi* tập một cũng có nói: "Hoặc đùa râu Trương Phi, hoặc cười Đặng Ngãi nói lấp" thì hình như bấy giờ đã kể chuyện Tam quốc, song chưa rõ. Nhà Tống đóng đô ở Biện. Nhân dân yên vui, của cải phong phú, việc chơi bời giải trí rất nhiều, ở thành thị cũng như ở nông thôn có những trò văn nghệ lặt vặt, trong đó có lối thuyết thoại, người làm nghề đó gọi là người thuyết thoại. Người thuyết thoại cũng có kẻ chuyên môn, Mạnh Nguyên Lão trong sách "*Đông kinh mộng hoa lục 5*" đã có nêu ra các mục chuyên môn đó là thuyết hợp sinh, thuyết hồn thoại, thuyết tam phân, thuyết ngũ đại sử. Sau khi qua sông xuống Nam rồi, phong cách đó cũng chưa thay đổi, theo sách *Mộng luong* của Ngô Tự Mục chép thì có bốn khoa như sau:

Thuyết thoại, gọi là thiệt biện (dùng lưỡi mà biện bác, biện luận) tuy có con số bốn nhà song mỗi nhà có môn định, hay cửa nhà riêng.

Tiểu thuyết mà tên gọi là Ngân Tự nhi gồm những chuyện biến thái, phát tích, bóng can hay dùi gậy, phác dao hay đánh dao, công án hay việc xét xử, truyền kỳ linh quái yên phấn... đàm luận xưa nay, như nước chảy.

Đàm kinh tức diễn thuyết về sách Phật, thuyết tham thỉnh tức việc

khách chủ đi tu, giác ngộ theo đạo... Lại còn thuyết hồn kinh nữa.

Giảng sự tức giảng giải sách Thông giám và các việc chiến tranh thịnh suy trong sử, sách các đời Hán Đường.

Hợp sinh với khởi kim, tùy kim đều gần giống nhau, mỗi môn chiêm nghiệm một việc.

Quán Viên Nại Đắc Ông trong sách *Đô thành kỷ thắng*, thuật những việc thịnh sự ở Lâm An cũng nói thuyết thoại có bốn nhà là: tiểu thuyết, thuyết kinh, thuyết tham thỉnh, thuyết sử và hợp sinh nhưng chia tiểu thuyết ra làm ba loại tức: một là ngân tự nhi như yên phán, linh quái và truyền kỳ, thuyết công án đều là chuyện đánh đắm, cầm dao vác gậy đuổi nhau, cùng chuyện phát tích biến thái, thuyết thích kỵ nhi tức chuyện quân lính ngựa bên trong chiêng. Sách của Chu Mật (*Võ lâm cựu sự* 6) nói bốn khoa lại hơi khác: diễn sử, thuyết kinh hồn kinh, tiểu thuyết thuyết hồn thoại, vô hợp sinh, lại nói tiểu thuyết có hùng biện xã (quyển 3) thì lúc đó người thuyết thoại không phải chỉ ở nhà mình mà còn tập hợp nhau lại để rèn luyện kỹ năng nữa.

Công việc thuyết thoại tuy mỗi người thuyết thoại đều phải vận dụng cái khéo léo hay ho của mình, tùy lúc mà sinh ra và phát huy lên nhưng vẫn có sách vở để làm chỗ tựa, sách vở đó gọi là thoại bản. Sách *Mộng lương lục* 20, dưới mục ảnh hý có tên: Thoại sách cùng sách giảng sử gần giống nhau, đại để là nửa thật nửa giả, lại dưới mục tiểu thuyết giảng kinh sử có ghi: tiểu thuyết là giảng được chuyện một triều, một đời trong chốc lát kết hợp lại. Sách *Đô thành kỷ thắng* cũng nói thế, chỉ kết hợp lại nói ra “đề phá” mà thôi. Cho nên biết rằng cái thể giảng sử là lần lượt kể sự thực lịch sử mà xen lộn vào những hư từ, còn thể tiểu thuyết là kể một chuyện cũ mà lập tức biết kết cục, sách *Ngũ đại sử bình thoại* và sách *Thượng phúc tiểu thuyết*, những bản nát tàn còn lại đều là thực dòng ba loại thoại bản đó, thể thức của chúng chính là như thế.

Sách *Tân biên ngũ đại sử bình thoại* cũng là một sách giảng sử. Mạnh Nguyên Lão gọi là thoại bản để thuyết Ngũ đại sử cũng là gần như vậy. Sách nói về mỗi đời Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu đều hai quyển,

quyển nào cũng bắt đầu bằng thơ, tiếp đến là chính văn, song lại cũng kết thúc bằng thơ. Chỉ có *Lương sử bình thoại* là bắt đầu từ buổi khai thiên lập địa, tiếp đến là tóm tắt việc các triều đại dấy lên và mất đi như thế nào, lập luận khá kỳ quặc và cũng có xen vào thuyết nhân quả quái đản dở gần.

Rồng tranh hổ chiến mây xuân thu, Ngũ đại Lương, Đường, Tần, Hán, Chu; suy thịnh ngọn đèn dần dỗi tắt, đổi vua biến nước tựa đèn cũ. Từ thuở hồng hoang đã chia đôi, phong khí bắt đầu mờ, vua Phục Hy bắt đầu vạch ra tám quẻ, rồi văn tự sách vở sinh ra, vua hoàng đế rũ áo xiêm mà thiên hạ thái bình thịnh trị... Thời đó chư hầu đều đã thuận tòng, chỉ có Xuy Vuô cùng Viêm đế hung bạo xâm lược các nước, không phục tùng đức hóa của nhà vua. Hoàng đế mới dẫn đầu chư hầu, dấy binh trăm họ giết chết Viêm đế, bắt sống Xuy Vuô, muôn nước được bình định. Cái ông Hoàng Đế đó dẫn đầu cho việc giết chóc dạy thiêng hạ đời sau sử dụng can qua... Vua Thang đánh vua Kiệt, vua Võ vương đánh vua Trụ đều là bọn tôi mà giết vua, cướp đoạt thiêng hạ của nhà Hạ, nhà Ân. Vua Thang, vua Võ làm cách đó là không hợp, sau đến lúc nhà vua suy vi, chư hầu lớn mạnh lên, đời Xuân Thu hai trăm bốn mươi năm, trong khoảng đó tôi giết vua cũng có, con giết cha cũng có, Khổng Tử là thánh nhân thấy ba cương chìm đắm, chín phép nát tan, cầm cây bút thẳng kia, làm ra một cuốn sách gọi là sách *Xuân Thu*, khen ngợi người kia thiện, trách phạt người nô ác. Bởi vậy Mạnh Tử nói: "Khổng Tử làm sách *Xuân Thu* mà bọn loạn thần tặc tử sợ". Chỉ có vua Hán Cao Tổ, họ Lưu tên Quý, lấy thiêng hạ của vua Tần Thủy Hoàng mà không dùng đến mưu soán nghịch giết người cướp ngôi.

Tay cầm ba thước kiếm long tuyền. Cướp hết trung nguyên bốn trăm châu. Lưu Quý giết xong Hạng Vũ, dựng nước đứng tên là Hán, chỉ vì nghi ngờ các công thần như bọn Hán Vương Tín, Bành Việt, Trần Hy mà họ không tránh khỏi trù di ba họ. Ba người công thần đó ôm khổ ngậm oan, kiện với thiên đế, thiên đế thương ba người công thần vô tội mà bị giết, bảo họ xuống thác xin làm ba kẻ hào kiệt. Hán Tín xuống nhà họ Tào, thác sinh làm Tào Tháo, Bành Việt xuống nhà họ Tôn thác sinh ra làm Tôn Quyền, Trần Hy xuống nhà một tên thất kia thác sinh ra làm Lưu Bị. Ba người đó chia thiêng hạ ai có phần nấy... Ba nước đều có sứ cả, ấy gọi là *Tam quốc chí*.

Từ đấy cho đến nhà Tấn với nhà Đường, đến Hoàng Sào nổi loạn, họ Chu dựng nước, quyền hạ nay không có, tất đến nhà Lương mất. Cả cuốn sách tự thuật, rườm rà giản dị không đều nhau, nói chung những việc lớn, không có phát huy thêm gì, bỏ qua chuyện nhỏ, tô điểm nhiều vào, dùng văn đối biến ngẫu, dàn chứng thơ ca, lại xen bông đùa, để rộng cười cợt, như đoạn Hoàng Sào thi hỏng cùng với bạn Chu Ôn làm kẻ cướp, toan đi cướp nhà Mã Bình Sư ở Hầu gia trang mà bình phẩm cảnh trên đường đi là một ví dụ:

... Hoàng Sào nói: Nếu đi cướp cha kia mà em không hạ thủ được nó thì anh ta có một lưỡi kiếm tang mòn, đó là của Trời cho Sào đây, ta đưa kiếm chỉ một cái, xem nó là người thế nào chắc là nó không chống cự nổi. Nói vậy rồi đi, đi qua một ngọn núi cao, tên gọi là chóp treo dao, đi hết nửa ngày đường mới xuống hết núi. Thật là một tòa núi đẹp chắn quanh gốc đất, đỉnh sát chân trời, xanh xanh cây cối quét tầng mây, đuồn đuột Tùng kia chèn sông Hán, gà núi cùng gà trời cùng đá, sông trời với nước trời chung, dòng thác cao xối nước đang cùng mưa, đá quái lắn mây đầu cùng lắn, làm gì mà thấy núi cao được bao năm xô đẩy một tiều phu. Đến nay chưa hề xô nó được. Bọn anh em Hoàng Sào bốn người qua được tòa núi cao đó, trông thấy Hầu gia trang kia. Một tòa trang xá đẹp chỉ thấy đá chạy mây bay, núi liền khe nước, bên bờ liêu rũ, gió đùa vương vấn cầu khe, cạnh lối hoa rừng, lấp lánh rậm rì che bến nước. Bốn anh em nhà kia thấy trang xá còn xa khoảng năm dặm, trời đã xế chiều, cùng nhau vào một lùm cây ngủ, đợi mặt trời lặn thật sẽ kéo đến nhà họ Mã.

Sách *Kinh bản thông tục tiểu thuyết* không biết nguyên có mấy quyển, nay chỉ còn quyển mười đến quyển mười sáu, mỗi quyển một chương là: chương Triệu Ngọc quan âm, chương Bồ Tát man, chương Tây sơn nhất quật quỳ, chương Chí thành trương chủ quản, chương ảo tưởng công, chương Thác trầm Thôi Hình, chương Phùng Ngọc Mai đoàn viên v.v... chương nào cũng đủ cả đầu đuôi, có thể xem trong chốc lát, cùng với của Ngô Tự Mục chép giống nhau, tư liệu dùng phần lớn lấy ở thời gian đây, hoặc chọn từ loại tiểu thuyết khác ra, cốt để mua vui, thỉnh thoảng xen vào lời răn bảo, lối viết thì mười phần đến chín phần là trước tiên nói chuyện

lung tung hay một sự việc gì khác, sau mới kết luận lại đi vào chuyện thật sự. Chẳng hạn chuyện *Tiểu ngọc quan âm*, cốt là muốn thuật việc. Hàm Án quan vương đi chơi xuân thôi mà bắt đầu là đưa vào đến hơn mươi bài thơ xuân đã:

Sắc núi trời trong cảnh đẹp thay, ám lên rồi, nhạn đầy bái sa: ruộng đồng dần thấy hoa dâng mắt, đường nam lau cỏ tựa nhú mầm ra. Đề rặng liễu, án chưa nhòa, tim thơm leo núi đến nhà xa, đầu thúng mấy gốc mai hồng rụng, hạnh nở đầu cảnh chưa nở hoa.

Bài từ *Giá cò thiên* đó, tả cảnh trí mạnh xuân tháng 3, lại chưa hay bằng bài từ trọng xuân sau đây.

Cả ba bài từ trên, lại không bằng khi Vương Minh Công thấy hoa tùng cành tùng cành gió thổi rơi xuống đất, nguyên mùa xuân đi về là do gió đông đưa cả, có thơ rằng:

Ngày xuân gió xuân có khi tốt. Ngày xuân gió xuân có khi xấu. Không có gió xuân hoa không nở. Hoa nở lại rơi là vì gió. Tô Đông Pha nói: không phải gió đưa đứt xuân đi mà là mưa xuân đưa xuân đi hay về. Có thơ rằng:

Trước mưa vừa thấy hoa còn nhụy

Mưa tạnh dưới lá nào thấy hoa

Ông bướm rộn bay qua giậu mất

Nghĩ rằng xuân sắc ở nhà kia.

Tần Thiếu Du nói: cũng chẳng tại gió, cũng chẳng tại mưa mà là tại tơ liễu hay đưa xuân sắc đi, có thơ rằng: Tháng ba bông liễu nhẹ bay mất. Lơ lửng phơ phất tiên xuân đi. Một vật vô hình hoa là thế - Cái hướng đông bay cái hướng tây.

Vương Nham Tâu nói: cũng chẳng phải tại gió, cũng chẳng phải tại mưa, cũng chẳng phải tại tơ liễu, cũng chẳng phải tại bướm, cũng chẳng phải chim đỗ quyên, cũng chẳng phải tại chim én, ấy là vì chục xuân quang đã qua rồi nên xuân nó đi thôi. Có thơ rằng:

*Oán gió trách mưa chuyện trái đời
Không mưa không gió cũng xuân thôi
Hồng bên má nhạt mai xanh quặt
Vàng khó miệng phai én nhỏ bay
Hồn thực cuộn vào hoa bóng khuất
Tầm Ngô cổ gấm lá dâu giày
Chỉ buồn xuân mất tìm đâu nữa
Giang hồ nỡ phụ áotoi này*

Người thuyết thoại sao cứ đưa ra những bài tự nói xuân đi? Khoảng năm hiệu Thiệu Hưng, ở nơi hành tại cửa vua, có một người, người phủ Diên An, thuộc Điện châu miền Quan tây, vốn là Hàm An quận vương, làm tam trấn tiết độ sứ lúc đó sợ xuân đi, nên ngài định đem gia quyến khá đồng đi chơi xuân...

Lối vào chuyện đó, so với giảng sử bắt đầu kể chuyện khai thiên lập địa có hơi khác, đại để là ngoài thơ từ cũng có dùng chuyện cũ có thực, hoặc lấy chuyện giống nhau, hoặc lấy chuyện không giống mà phần lớn là thời sự. Lấy chuyện không giống thì do phần mà vào chính, lấy chuyện giống nhau thì có cạn có sâu, bỗng hai mặt giằng kéo nhau, chuyển vào chuyện định kể, cho nên chuyện mới bắt đầu kể mà chủ ý của nó đã rõ rồi, lối mà đại đắc ông gọi là đề phá, Ngộ Tư Mục gọi là niết hợp, chẳng qua là nói lối ấy thôi. Đại phàm nửa trên của chuyện, gọi là đắc thắng đâu hồi, đâu hồi còn gọi là tiền hồi³, tức hồi trước, hồi đầu do đám người nghe thuyết thoại có nhiều quân dân, cho nên mào đầu bằng một lời tốt lành là đắc thắng, không phải vì vào giảng trong cung mà nói thế. Đến như cách thức viết văn thì so với *Ngũ đại sử bình thoại* phô bày chuyện vật có nhiều chỗ giống nhau trông rõ ràng hơn. Chuyện Tây Sơn nhất quật quỷ, thuật việc tú tài họ Ngô, từ lần đầu bị quỷ ám đến lúc gặp không một ai là không phải quỷ, chắc là gốc ở chuyện Phàn Sinh trong sách *Quỷ đồng* (4) mà miêu tả khúc chiết, chi tiết hơn lên mà thôi, như vậy thì các chuyện Diễn nghĩa đời Minh Thanh

cũng không có gì hơn được, chẳng hạn như chuyện *Dính hôn* sau...

... Sau khi mở trường có hơn một năm, tôi nghiệp những nhà ở đường phố đó đều đem bọn trẻ nhỏ nhờ ông ta dạy, có những người chạy cho mau nữa kia. Hôm đó đang chính lúc ông ta ngồi trong trường giảng sách thì chỉ nghe tiếng lạc trên chiếc màn che bằng vải xanh rung, để cho một người vào, thầy giáo họ Ngô nhìn xem là ai; thì ra không phải ai khác mà là bà Vương hàng xóm mà cách đây mươi năm đã dọn nhà đi rồi, nguyên lai bà ấy là một bà mối, chuyên nghề làm mối để sinh sống. Thầy giáo Ngô vái chào xong thì nói: "Lâu lắm không thấy bà, bây giờ bà ở đâu kia ạ?". Bà trả lời: "Tưởng thầy giáo quên mất bà chị dâu già rồi, nay tôi ở trong cửa Tiền Đường, gần thành ấy", thầy hỏi: "Bà tuổi thọ đã bao nhiêu?" Bà đáp: "Tôi tuổi chó ngựa đã bảy mươi lăm rồi. Thầy tuổi xanh nhiều ít?" Thầy giáo nói: "Cháu hai mươi hai". Bà bảo: "Thầy mới hai mươi hai mà giống ba mươi trở lên, hẳn vì hàng ngày dạy dỗ hao phí tâm tư tinh thần nhiều, cứ như ý kiến ngu дại của già thì không nên để thiếu một cô làm bạn với", thầy nói: "Tôi cũng đã mấy lần hỏi người về, nhưng đều không được như ý bà nói". Bà nói đó là bọn oan gia lấy người ta để phá nhà người ta. Rồi mách thầy: "Đây có một nhà muôn kén rể, nhà ở thuê nghìn quan, có một cô gái chồng được, là một nhân tài, có cả một giường nhạc cụ, thường họp mặt bạn bè chơi, biết viết biết tính lại ăn nói mực thước, con nhà quan lớn mà ra, chỉ muôn gả cho một người đọc sách, làm quan, thầy giáo có muôn hay không?". Thầy nghe nói xong, mừng như từ trên trời mà xuống, mặt mày tươi rói, luôn mở miệng cười, nói: "Được người như thế thật thì tốt quá đi rồi, chỉ một điều là hiện nay cô ấy ở đâu?"

Nhà Nam Tống mất, tạp kịch tiêu ma, thuyết thoại không hành nghề nữa, song thoại bản vẫn còn khá nhiều, người sau mắt thấy nhìn quen, bắt chước làm sách, tuy không còn kể miệng nữa, mà hay còn lè lối cũ, dòng phái tiểu thuyết có loại chuyện *Phách án kinh kỳ*, Túy tinh thạch, dòng phái giảng sử có loại *Liệt quốc diễn nghĩa*, *Tùy đường diễn nghĩa*, chỉ một điều là đối với hai khoa ấy, người ta dần dần không biết phân biệt rõ ràng dứt khoát cho nên đều gọi là tiểu thuyết tất.

Chương 13

PHỎNG THOẠI BẢN⁽¹⁾ ĐỜI TỔNG NGUYÊN

Thuyết thoại phát triển mạnh rồi, thì đương thời có bao nhiêu trước tác cũng tự nhiên chịu ảnh hưởng của thoại bản. Thời Bắc Tống một viên tú tài tên là Lưu Phủ, không phân biệt thể loại, cứ tập hợp tất cả các tiểu thuyết cổ cũng như kim lại làm ra hai pho *Thanh toán cao đàm* và *Thanh toán chích di*, văn từ tuy vụng về thông tục nhưng chưa đúng là thoại bản và dưới đây đề mỗi chuyện, đã có chắp vào một câu thất ngôn, chẳng hạn:

Lưu Hồng ký: Lá thắm đè thơ cưới Hàn Thi.

Triệu Phi Yến ngoại truyện: Kẻ có đầu đuôi chuyện Phi Yến.

Hàn Ngụy Công: Không trách người đốt râu đập chén.

Vương Tạ: Gió sóng tạt vào nước Ô y.

Cứ một đầu đề là một câu thơ giải ý, rất giống với đề mục cùng chính danh trong lối kết thúc kịch bản đời Nguyên. Nghi rằng thể tài, tiêu đề của thuyết thoại ở vùng Biện kinh hoặc giả là thể nên tập tục thấm nhuần dần, đến cả trong văn chương. Đến như toàn thể quyển chuyện biến đổi khác đi thì ngày nay còn có hai bộ *Đại đường Tam Tạng pháp sư thủ kinh ký* và *Đại Tống Tuyên hoà di sự* đang lưu truyền, cả hai đều bắt đầu và kết thúc bằng thơ, giữa chuyện thì có thi và từ tô điểm vào, câu lời đều quê tục, cho

⁽¹⁾ Phỏng là mô phỏng. Nguyên văn: Nghỉ thoại bản. ND.

nên lại không giống thoại bản, gần với giảng sứ mà không phải khẩu đàm, giống tiểu thuyết mà không có lời niết hợp, còn Tiểu targas trong *Tuyên hòa di sự* thì đưa cả những chuyện *Đăng hoa bà bà*, tất cả có mười lăm loại vào và gọi chung là từ thoại (sách *Dã thi viên thư mục* 10) lấy cớ là có từ lại cổ thoại, song trong đó hai loại như chuyện Thác trầm, Thôi Ninh và chuyện Phùng Ngọc Mai đoàn viên, cũng thấy trong sách kinh bản thông tục tiểu thuyết, hai chuyện đó vốn là một khoa của thuyết thoại, từ các chuyên gia thuyết thoại truyền ra nói phô như nước chảy, cả thiên cân xứng nhau, không là điều mà sách *Tuyên hòa di sự* theo kịp được, lý do là *Tuyên hòa di sự* tuy cũng có từ có thuyết nhưng không phải tất cả đều từ người thuyết thoại mà ra mà do tác giả nhặt rút trong các sách cũ, thêm vào tiểu thuyết và víu chắp nối, cố hoàn thành một cuốn sách cho nên hình thức tuy giống mà tinh thần màu sắc kém đi, vẫn lại không phải tự mình nghĩ ra mà viết, không đáng để gọi là sáng tác. Chuyện *Thủ kinh ký* tự càng cầu thả giản đơn, chỉ được một điều là thuyết thoại tiêu ma rồi, mà thoại bản cuối cùng lột xác thành trước tác, là nhờ những việc như vậy làm cái bản lề mà thôi.

Đại Đường Tam Tạng pháp sư thủ kinh ký, ba quyển bản cũ ở Nhật Bản, lại có bản nhỏ là *Đại Đường Tam Tạng pháp sư thủ kinh thi thoại*, nội dung giống y hệt nhau, cuối quyển có một hàng chữ “Trung ngôa tử Trương gia in”. Trương Gia là cửa hàng sách ở Lâm An, thời Tống người đời thấy vậy cho là triều Tống in ra song đến triều Nguyên, Trương Gia hoặc giả vô sự thì sách đó hoặc giả do người đời Nguyên làm, chưa biết được, ba quyển chia thành mươi bảy chương, việc tiểu thuyết mà chia thành chương như chúng ta thấy ngày nay là bắt đầu từ đó. *Mỗi chương thế nào cũng có thơ, vì thế gọi là thi thoại...* Chương đầu cả hai bản đều khuyết, chương thứ hai thì kể bọn Huyền Trang gặp Hầu Hành Giả.

Hành trình nơi gặp Hầu Hành Giả ở chương thứ hai. Sư đi sáu người, đến ngày lên đường... tình cờ vào một hôm giờ ngọ, thấy một người ra vẻ văn nho, mặc áo trắng từ phương chính Đông đi lại, đến nơi thì liền chào hỏi thượng “vạn phúc vạn phúc” Hoà thượng bây giờ định đi đến xứ nào, không phải lại trở sang Tây Thiên lần nữa để lấy kinh sao? Pháp sư chắp tay nói: kẻ bần đạo này vâng sắc vua, vì chúng sinh đất phương Đông chưa có

Phật giáo mà đi lấy kinh thật đó. Người văn nho nói: Hòa thượng trước khi sống đã hai lần đi lấy kinh, giữa đường gặp nạn, lần này mà đi nữa thì ngàn chết, muôn chết. Pháp sư hỏi: Chàng sao mà được biết? Người văn nho nói: Tôi không phải ai khác mà là Di Hầu Vương ở động Tử Vân núi Hoa quả, vua của tám vạn bốn nghìn bợn đầu đồng trán sắt, nay tôi lại giúp Hòa thượng lấy kinh. Chuyến đi này trăm vạn đoạn đường, đi qua ba mươi sáu nước, lăm chô tai họa hoạn nạn. Pháp sư đáp: quả được như vậy thì là ba đời có duyên, chúng sinh đất phương Đông được nhiều lợi ích. Ngay đó đổi cách xưng hô, gọi là Hầu Hành Giả. Vậy là có bảy người hôm sau cùng đi, bên tả bên hữu lo hầu hạ, Hầu Hành Giả nhân để lại bài thơ:

*Trăm vạn cùng đường nhắm néo kia
Nay ta đến giúp đại sư ta
Một lòng cầu chúc gặp chân giáo
Cùng đến Tây Thiên núi cẳng gà.*

Tam Tạng pháp sư làm thơ đáp:

*Chúc duyên kiếp được thấy hôm nay
Gặp đại minh tiên buổi sáng này
Đằng trước nếu gặp chốn ma quái
Mong thần thông giúp Phật ra tay.*

Làm thơ qua lại xong, nhờ phép thần thông của Hành Giả, cả đoàn vào cung vua Đại phật thích vương, pháp sư giảng kinh xong, được ban cho 1 chiếc mao ẩn hình, một chiếc gậy kim hoàn tích trưng, một cái bát, ba thứ đầy đủ. Lại trở lại hạ giới, qua chùa Hương Lâm, đi trên mọi chô nguy hiểm trong núi Đại xà hồ Cửu long, đâu cũng nhờ có pháp lực của Hành Giả mà đi tới được yên ổn. Lại được cái thần của thần thâm sa hóa làm chiếc cầu vòng, qua sông lớn, ra khỏi nước quỷ tử mẫu, nước nữ nhân rồi đến chô hồ vương mẫu, Pháp sư muốn ăn đào, sai Hầu Hành Giả ăn cắp về.

Vào chô Hồ Vương Mẫu, chương thứ 11.

Pháp sư nói: Nguyện hôm nay cây bàn đào ra quả, có thể ăn cắp dăm ba quả mà ăn - Hầu Hành Giả bảo: Tôi lúc tam trăm tuổi đã ăn cắp ăn mươi quả, bị vương mẫu bắt xuống, phán bảo đánh sườn bên trái tam trăm, sườn bên phải ba ngàn dùi sắt, bắt giam trong động Tử Vân, núi Hoa quả, đến nay dưới sườn còn đau, nay tôi nhất định không dám ăn cắp. Khoảng trước mặt trên đường đi, thình lình thấy có vách đá chót cao muôn trượng, lại thấy một tảng đá bằng phẳng rộng đến bốn, năm dặm, lại có hai cái hố vuông rộng vài chục dặm, nước đầy ắp lênh láng muôn trượng, chim qua không bay, bảy người vừa ngồi xuống, trong lúc nghỉ ngang đâu nhìn xa thì thấy giữa khoảng muôn trượng vách đá có vài cây đào cao xanh, trên bát trời xanh, cành lá tươi tốt mặn nồng, dưới đầm trong nước hồ... Hành Giả nói: trên cây này có hơn chục quả, vì thần đất chuyên coi chô ấy giữ chặt, không có cách nào đi lấy cắp được. Sư bảo: Người thần thông lớn rộng, đi chắc phỏng ngại gì. Nói chưa dứt lời thì ba quả bàn đào rụng xuống, chìm mất trong hồ. Sư kinh hoàng, hỏi là cái gì rụng xuống, Hành Giả trả lời: Sư không nên kinh (đây viết tắt là chữ kinh⁽¹⁾). Chỉ là đào chín mõm rụng xuống nước đấy thôi. Sư nói: Đi tìm lấy lại mà ăn cũng được...

Hành Giả lấy gậy đánh vào đá, trước sau hiện ra hai đồng tiếu, một cậu nói là ba ngàn tuổi, một cậu nói năm ngàn đều giơ tay bảo đi cả đôi.

Lại đánh khẽ vài cái nữa, thình lình hiện ra một đứa bé hỏi: Mày tuổi nhiều ít? Nó trả lời bảy ngàn tuổi, Hành Giả quăng gậy sắt xuống, gọi bắt đứa bé ôm vào trong tay hỏi Hòa thượng rằng: thầy có ăn không? Hòa thượng nghe nói kinh sợ bỏ chạy. Bị Hành Giả lăn trong tay vài vòng đứa bé hóa thành một cành táo sữa, lúc đó nuốt và trong miệng, sau về đất phương Đông, dưới triều nhà Đường mới nhỏ ra ở Tây Xuyên, đến nay miền đất đó sản ra nhân sâm. Giữa tảng không, thấy có một người, bèn ngâm thơ.

Một tài tử ở Hoa quả sơn, hồi nhỏ từng đến đó phá cây vườn. Mà nay nhờ vây di Thiên Trúc. Kẻ trộm đào xưa lại quá giang... Rồi đi đến Thiên Trúc... xin được sách kinh ba ngàn bốn trăm quyển nhưng thiếu kinh Đa tâm, về đến chùa Hương Lâm được Phật Định quang đem cho. Bảy người

⁽¹⁾ Nguyên văn là chữ kính (trọng). Trong ngoặc là Lỗ Tấn giải thích.

về, Hoàng đế ra đến ngoài kinh thành mà đón, các châu đều tuân theo phép đến ngày 15 tháng 7, lúc đang ngọ, trên thiền cung đưa xuống chiếc thuyền Thái liên, Pháp sư lên ngồi, hướng về phương Tây lên tiên. Sau vua Thái Tông lại phong Hầu Hành Giả làm đại thánh gân đồng xương sắt.

Sách *Đại Tống tuyên hòa di sự* nhiều người cho là người đời Tống làm nhưng trong sách có Tuyên Hòa giảng chương của Lữ Tinh Nguyên và Vịnh sử thi của Nam nho, Tỉnh Nguyên Nam nho đều là tiếng đời Nguyên nói, thế là sách do người đời Nguyên làm, hoặc là bản cũ của người đời Tống mà đời Nguyên có thêm vào, điều đó không thể biết được, giọng văn có khi rất giống đời Tống, song đó là do sao chép sách cũ mà nên thế, chứ không phải là văn của người sáng tác làm, sách chia làm hai phần tiền và hậu, bắt đầu nói về Nghiêu Thuấn kết thúc lúc Cao Tông định đô ở Lâm An, theo từng năm mà kể chuyện, cách thức rất giống với giảng sử, song chỉ lục chép từng chương tiết mà làm thành sách, chưa gia công đúc kết lại nên thể văn trước sau so le nhau, thấy khá rõ ràng. Những sách lấy chuyện có đến mươi loại. Tập đầu nói trước tiên đến tội lỗi hoang dâm của đế vương các triều đại, đó là loại một, cũng giống như chương mở đầu của sách giảng sử đời Tống, tiếp đến là thuật cái tai họa biến pháp của Vương An Thạch, đó là loại hai, nội dung cũng chỉ là ý kiến sáo mòn của dư luận của các sĩ nhân cuối đời Bắc Tống, tiếp đến là thuật sự của từ khi An Thạch dẫn Thái Kinh vào triều cho đến thời Đồng quán Thái du di tuần biên cương, đó là loại ba, phần đầu theo ngữ thể, phần thứ hai bằng văn ngôn xen thơ, loại bốn thuật đầu đuôi việc tự nghĩa ở Lương Sơn Bạc, đầu tiên là việc Dương Chí bán dao giết người, Tiều Cái cướp lẽ vật ngày sinh nhật, rồi hẹn nhau hai mươi người cùng vào vùng đồng cỏ Lương Sơn Bạc thuộc Thái Hàng Sơn, rồi Tống Giang cũng vì giết Diêm Bà Tích mà phải chạy, nằm phục trong miếu thờ Cửu Thiên Huyền Nữ dằng sau nhà, thấy quan binh rút lui rồi thì ra tạ Huyền Nữ... thì thấy trên hương cửu một tiếng trong trẻo rõ ràng, lắng nhìn một lúc thì ra có cuốn sách ở trên đó. Tống Giang dở ra xem, nhận ra là cuốn sách trồi, lại có viết ba mươi lăm họ tên, lại có đề bốn câu rằng:

Phá nước nhân son mộc.

Binh dao dùng thủy công.

Một mai làm tướng lĩnh

Cả nước khiếp oai phong.

Tống Giang đọc xong, miệng không nói, lòng suy nghĩ: bốn câu ấy rõ ràng nói họ tên mình, lại cầm giở cuốn sách trời ra xem đọc kỹ, thì thấy tên họ của ba mươi sáu tướng. Ba mươi sáu người đó là có ý nghĩa thế nào?

Trí đa tinh (Ngôi sao đa trí) Ngô Gia Long, Ngọc Kỳ Lân (con kỳ lân bằng Ngọc) Lý Tiến, Nghĩa Thanh diện thú (con thú mặt xanh) Dương Chí, Hỗn Giang Long (con rồng quấy đục sông) Lý Hải, Cửu Văn Long (rồng chín vần) Sử Tiến - nhập vân long (rồng vào mây) Công Tôn Thắng, Lăng Lý Bạch Điều (quạ trắng giữa sóng) Trương Thuận, Tích Lịch hỏa (lửa chớp) Tân Minh, Hoạt diêm la (diêm vương sống) Nguyễn Tiểu Thất, Đoán mệnh nhị lang (chàng hai chết non) Nguyễn Tiến Đại, đạo quan Tất Thắng, Báo Tử đầu (đầu con báo) Lâm Xung, Hắc Toàn Phong (gió sóng đen) Lý Quỳ, Tiểu thị phong Sài Tiến, Kim Thương Thủ (tay súng vàng) Từ Ninh, Phổ thiên điều (dánh khắp trời) Lý Ứng, Xích phát quỷ (quỷ tóc dỏ) Lưu Đường, Nốt trực chàng (đâm thẳng) Đổng Bình, Tháp xí hổ (Hổ chắp cánh) Lôi Hoành, Mỹ tu công (ông râu quai nón đẹp) Chu Đồng, Thần hành Thái bảo (thần đi) Đái Tôn, Trại quan sách Vương Hùng, Bệnh uất Trì Tôn Lập, Tiểu Lý Quảng (Lý Quảng bé) Hoa Vinh, Một vũ tiến (cái tên bắn mất lông) Trương Thanh, Mộc gia lan (Miệng lép xếp) Mục Hoành, Lăng tử (con lồng bông hư thân) Yên Thanh, Hoa hòa thượng (Hòa thượng hoa) Lỗ Trí Thâm, Hành giả Võ Tùng, Thiết Tiên Hồ (roi sắt kêu) Diên Chước, Cấp tiên phong Sách Siêu, Biền Mệnh tam lang Thạch Tú, Hoà thuyền công Trương Sầm, Mô trướng Vân (mò vào mây) Đỗ Thiên, Thiết thiên vương (thiên vương săt) Tiểu Cái.

Tống Giang xem xong bảng danh sách, cuối bảng có một hàng chữ nói: Thiền thư giao cho viện thiền cang 36 viên mãnh tướng, gọi báo nghĩa Tống Giang làm chỉ huy, rộng làm việc trung nghĩa, trừ diệt bọn gian tà.

Thế là Giang dẫn bọn Chu Đồng chín người đến sơn trại, vừa lúc Triều Cái chết rồi, Giang bị cử làm thủ lĩnh, chỉ huy mọi người, cướp châu trộm huyện, đốt nhà giết người, đoạt lấy đất Hoài Dương, Kinh tây Hà Bắc.

Tất cả là ba Lộ, hai mươi bốn Châu, hơn tám mươi Huyện, bắt bọn con gái cướp ngọc lụa, bắt bớ rất đông. Tiếp đến bọn Lỗ Trí Thâm cũng đến gia nhập, làm đủ số ba mươi sáu người.

Một hôm Tống Giang cùng Ngô Gia Lạng thương lượng: bọn ta ba mươi sáu mảnh tướng, đều có tên trong sổ cả rồi, không được quên ơn che chở của Đông Nhạc, phải tìm đi để đốt hương tế và cùng nhau thề nguyên. Khi chọn ngày xong ra đi, Tống Giang làm bốn câu viết lên cờ:

Lúc đến ba mươi sáu, ra đi mươi tám đôi. Nếu thiếu chỉ một người, là không về làng nữa.

Tống Giang thống lĩnh 36 tướng đến châu núi Đông Nhạc, đốt lò hương vàng tế và thề nguyên. Triều đình không làm thế nào được, chỉ biết yết thị chiêu dụ bọn Tống Giang. Có quan nguyên soái họ Trương tên Thúc Dụ là con nhà đời đời làm tướng, đến chiêu dụ Tống Giang cùng bọn ba mươi sáu người kia qui thuận triều đình nhà Tống, đều được làm chức Đại Phu, bổ đi làm tuần kiêm các lộ, nhân thế giặc cướp ở ba Lộ đều dẹp yên hết. Sau triều đình lại sai Tống Giang thu tiền tế lễ tháng chạp các địa phương có công được phong làm tiết độ sứ.

Loại năm nói chuyện vua Huy Tông đến thăm nhà Lý Sư Sư, Tào Phu dâng lời can ngăn, đến chuyện Trương Thiên Giác đi ẩn. Chương sáu kể chuyện đạo sĩ Lãm Linh Tôn được tiến dùng rồi chết, chôn kín như thế nào. Chương bảy, kể chuyện tháng chạp được dự xem hội đêm nguyên tiêu và đêm nguyên tiêu đi xem đèn đông vui làm sao, đến thế là bình thoại hết. Thuật tả đêm nguyên tiêu xem đèn như sau:

Năm thứ sáu niên hiệu Tuyên Hòa, tháng giêng đêm 14 cách cửa đại nội một quãng có một cái dây bằng gốm treo thẳng, trên dây bay xuống một con hạc tiên, miệng ngậm một đạo chiếu thư, một viên Trung sứ đón lấy mở ra rồi vâng theo thánh chỉ tuyên bố với trăm họ: có một tên lính tay cầm thẻ bài chữ vàng, quát to lên: Tuyên bố với trăm họ. Một chốc dân Kinh Đô như mây như sóng, ai nấy đều đội hoặc Mai Ngọc hoặc liễu tuyết hoặc bướm bướm, thẳng đến dưới núi Ngao sơn xem đèn. Rồi cách cửa Tuyên Đức, trên cao có bốn vị quan to... Được thánh chỉ rồi vung tiền vàng

tiền bạc xuống, cho trăm họ giành nhau cướp tiền vàng và viên đại sứ giáo phuơng là viên Đào Tăng làm bài Từ đặt tên là Vung tiền vàng.

Vừa xem lẽ, Mừng Thăng bình lại gặp nguyên tiêu đẹp đẽ, núi cao xanh ngao nghê. Đối Đoan môn Ngọc ngà dùng chế. Giống Hằng Nga, rời cung tiên vừa xuống trần thế.

Mưa móc Ơn đậm, tựa lan can Thánh thượng ngự xem, vung tiền vàng rơi tung tóe, muôn họ xô giành xấu ngây hội. Cáo quan nhẹ, hỏng lễ nghi nhưng rồi tha tội.

Đêm ấy, sau buổi vung tiền vàng, muôn binh kéo nhau đạo khắp trong thành, ngoài các cửa ô. Thật là:

Đèn lửa sáng trưng trời chẳng tối

Đàn ca xen lẫn đất thường xuân

Tập sau bắt đầu từ khi người Kim đến chở lương thực cho đến khi kinh thành bị chiếm đóng là loại thứ tám, lại từ khi quân Kim vào thành, Vua và Hoàng Hậu lên phương Bắc chịu nhục cho đến lúc vua Cao Tông đóng đô Lâm An là loại thứ chín, thứ mười, mấy loại đó là lấy từ các sách *Nam Tân kỵ văn*, *Thiết Phẫu lục* và *Tục lục* mà có dọn bớt đi đôi chút; hai sách này nay còn cả, có khi đề là của Tân Khí Tật làm, song người Tống đã cho là sách giả ngụy rồi. Cuối sách lại có kết luận nói rằng:

Các nhà Nho trong đời bảo rằng vua Cao Tông mất cái cơ hội khôi phục lại Trung Nguyên là do hai điều làm: Buổi đầu niên hiệu Kiến Viên, bỏ mất cơ hội là do ngài thân thiện với Bá Ngạn để tạm được yên trước mất. Khoảng sau niên hiệu Thiên Hưng mất cơ hội là do Tân Cối vì giặc, nghe chúng phản gián. Bỏ mất hai cơ hội đó thành ra bờ cõi Trung Nguyên không khôi phục được, mỗi thù của vua của cha không báo được, nỗi sỉ nhục lớn của nước nhà không rửa đi được. Những kẻ trung thần nghĩa i sở dĩ tức tối, giận không được ăn thịt giặc, lấy da giặc mà không phải vi thế sao. Đó cũng chỉ là lời sáo thường trong dư luận của lớp sĩ phu sau khi phe cánh Tân Cối đã thất thế.

Chương 14

TIỂU THUYẾT GIẢNG SỬ TỪ ĐỜI NGUYỄN MINH TRUYỀN LẠI (THƯỢNG)

Người thuyết thoại đời Tống, kể chuyện tiểu thuyết và giảng sử đều có nhiều tay giỏi (tên thấy trong *Mộng lương lục* và *Võ lâm cựu truyện*) nhưng không nghe nói có trước tác gì. Đời Nguyễn rối loạn, văn hóa chìm đắm thì không nói gì rồi. Kho sách của nội các Nhật Bản có cất giữ năm loại bình thoại in với bản in toàn tướng (cũng như toàn đồ tượng thêu hiện nay) của Ngư Thi ở Tân An, khoảng niên hiệu Chí Trị nhà Nguyễn (1321 - 1323). Năm loại là: Võ vương phạt Trụ Thư, Nhạc nghị đồ Tề thất quốc Xuân Thu hậu tập, Tân tính lập quốc, Lữ Hậu trảm Hàn Tín tiền Hán thư tục tập, Tam Quốc Chí, mỗi tập đều ba quyển (sách Tư văn tập 8, hiệu 6; chương Tam ngôn sách Quan vu Minh đích tiểu thuyết của Diêm Cốc Ôn), nay chỉ Tam Quốc Chí là có bản in (Bản in chụp của bác sĩ Diêm Cốc và bản phiên ấn của Thương vụ ấn thư quán) còn bốn loại kia thì chưa thấy được. Bản *Toàn tướng Tam quốc chí* bình thoại chia làm hai tầng, tầng trên là đồ họa, tầng dưới là kể chuyện, lấy tích Đào Viên kết nghĩa làm đầu, tích Khổng Minh chết làm cuối. Chương mở đầu vẫn kể chuyện Hán Cao Tổ giết công thần, Ngọc Hoàng xử án, phán cho Hàn Tín chuyển sinh thành Tào Tháo, Bành Việt làm Lưu Bị, Anh Bố làm Tôn Quyền, còn Cao Tổ thì làm Hiến Đế, lập ý cùng với Ngũ đại sử bình thoại không khác gì, chỉ văn viết thì thua xa, lời không đạt ý, chỉ cốt cho đủ những điều đại cương mà thôi, chẳng hạn đoạn *Xích bích ao bình* sau đây:

Nay kể việc Võ Hầu qua sông đến Hạ Khẩu, Tào Tháo trên thuyền kêu to: Thôi ta chết rồi!

Bọn quân lính nói: Đo Tướng Cán cả. Các quan huơ dao chặt Tướng Cán ra muôn đoạn. Tào Tháo lên trên tầng thuyền, hoảng hốt vội vàng cướp lấy đường, chạy ra Giang Khẩu, thấy bốn phía trên thuyền đều là lửa hết. Thấy mươi chiếc, trên có Hoàng Cái nói rằng: Chém thằng giặc Tháo đi, để cho thiên hạ yên như núi Thái Sơn. Tháo cùng trăm quan, không thạo thủy chiến, mọi người nỏ tên bắn nhau. Nay kể Tào Tháo trở tay không kịp, bốn mặt lửa lên cao, trước mắt lại bắn nhau. Tháo muốn chạy, song phía Bắc có Chu Du, phía Nam có Lỗ Túc, phía Tây có Lăng Thống Cam Ninh, phía Đông có Trương Chiêu Ngô Bảo bốn mặt nói giết. Sử quan nói: "Nếu nhà Tào Công không có cái phận của Ngũ Đế, thì Mạnh Đức đã không thoát được." Tào Tháo được mệnh, nhầm Tây Bắc mà chạy; lên được bờ, mọi người ôm ông lên ngựa. Lại nói hoàng hôn lửa phát ra, thì ngày sau vừa ăn chay, Tào Tháo ngoảnh lại nhìn, còn thấy ở Hạ Khẩu, trên thuyền khói lên nghi ngút, quân trong tay không được một vạn. Tướng công họ Tào cứ nhầm Tây Bắc mà chạy, chưa đến năm dặm thì trên bờ sông có năm ngàn quân, nhìn ra là Triệu Văn người Thường Sơn, bị chặn lại, các quan nhất tề đánh giết, tướng công họ Tào xông qua trận địa mà đi...

Đến chiều đến một cái rừng lớn, ông tìm lối tron rậm mà đi, chưa được hai mươi dặm, thì thấy năm trăm lính tay dao, tướng Quan Công chặn lại. Tướng công họ Tào dùng lời tử tế nói với Văn Trường:

Xem Tào chức đinh hầu là có ơn. Quan Công nói: Quân lệnh phải nghiêm. Tào Công xông qua trận địa mà đi. Trong lúc chuyện trò bỗng sinh ra bụi mù nên Tào Công được thoát. Quan Công đuổi theo vài dặm thì trở lại; đi về phương Đông mười lăm dặm thì gặp Huyền Đức và quân sư. Ấy giặc Tháo chạy mất không phải là lỗi của Quan Công. Nói khiến người ta... (xét câu này không thể hiểu được nguyên văn) Chúng hỏi vì sao? Võ Hầu trả lời:

"Tướng Quan Công là người nhân đức, trước có mang ơn tướng công họ Tào, vì thế mà Tào thoát được". Quan Công nghe nói thì giận dữ lên

ngựa, nói với Chúa Công là mình lại đuổi theo. Huyền Đức nói: “Em ta là người kiên định, quen gian khổ không hề mỏi mệt.” Quân sư nói: Gia Cát cũng đi (chữ cũng mà viết sai) muôn điều không một điều sai... (Quân trung tờ 18 đến tờ 19).

Thấy văn đơn giản通俗 thì đã có thể nghi là thoại bản, người thuyết thoại dùng thoại bản đó rồi suy diễn ra, thêm thắt vào, là đủ để cho người nghe thích thú nhưng trang tờ lại có họa đồ thì tất là cuốn sách, người ta xem duyệt được nữa. Bốn loại còn lại e cũng đều như thế cả.

Kể chuyện Tam Quốc trong đời Tống đã thịnh lẩm. Có thể vì thời đó lẩm người anh hùng, vô dũng và mưu trí, kỳ lạ cao quý đến động lòng người mà công việc, sự nghiệp họ làm không có cái đơn giản của thời Sở Hán, lại cũng không có cái phiền phức của thời Liệt Quốc Xuân Thu, cho nên càng thích hợp với lối giảng giải và kể chuyện. Tô Đông Pha trong *Chí lâm lục* 6 nói rằng: Vương Bành từng kể trong ngõ đường bọn trẻ con kém cỏi, trong nhà lấy làm chán chường khổ sở, đem cho chúng tiền, bảo ngồi quay lại để kể chuyện đời xưa cho nghe, nghe chuyện Tam Quốc hễ thấy nói Lưu Huyền Đức thua thì chúng cau mày lại, có đứa chảy nước mắt; thấy nói Tào Tháo thua thì chúng liền mừng và kêu là khoái. Ấy mới biết cái tốt của người quân tử, cũng như cái xấu của kẻ tiểu nhân tham cảm đến người ta trăm đời chưa hết. Ở Ngõa Xá thì Thuyết tam phần là một chuyên khoa trong thuyết thoại, cùng với giảng Ngũ đại sử xếp ngang hàng (Theo Đông kinh mộng hoa lục 5). Tạp Kịch đời Kim, đời Nguyên cũng thường dùng các chuyện trong Tam Quốc như Xích Bích ao binh, Gia Cát Lượng thu phong ngũ trưng nguyên, Cách giang đấu trí, Liên hoàn kế, Phục Đạt thụ thiền dài v.v... Hiện nay những chuyện đó được diễn ra làm văn vui đùa ngày càng nhiều đủ biết chúng được người ta thích kể. Đối với các tiểu thuyết thì nhân có bản của La Quán Trung mà tiếng tăm của chúng càng thêm lớn.

Quán Trung tên là Bản, người Tiền Đường (Sách *Thất tu loại cáo hai mươi ba* của Long Oanh. Sách *Tây Hồ du lâm chí dư* 25 của Diền Như Thành, sách *Thiếu thát sơn phòng bút túng* 41 của Hồ Ứng Lân, cả ba đều người đời Minh) lại có nói tên là Quán, Tên tự là Quán Trung, sách tục văn hiếu của Vương Kỳ cũng người Minh lại có nói là người Việt sinh khoảng

đầu niên hiệu Hùng Võ (Theo sách Thư ảnh của Chu Lặng Công) như vậy là người khoảng giữa đời Nguyên và đời Minh (khoảng 1330 - 1400). Làm tiểu thuyết rất nhiều, thời Minh nói là có vài chục loại, (Theo sách Chí dụ) nay còn, ngoài Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tam toàn binh yêu chuyện Thủy hử truyện nữa, cũng giỏi từ khúc, và có các tập kịch Phong Hồ Long Vân hội (theo mục kiến: Nguyên nhân tạp kịch tuyển) nhưng những tiểu thuyết lưu hành hiện nay đều đã nhiều lần do người sau thêm bớt, bộ mặt thật của chúng thật không sao lấy lại được nữa.

Tam Quốc Chí diễn nghĩa của La Quán Trung mà chúng ta thấy ngày nay thì bản in năm Giáp Dần niên hiệu Hoằng Trị là xưa nhất (1494). Cả bộ hai mươi bốn quyển, chia ra hai trăm bốn chục hồi, đề là *Tấn Bình Dương Hầu Trần Thọ sử truyện, hậu học Bản Quán Trung biên thứ*. Chuyện bắt đầu Từ Linh Đế nhà Hán, năm đầu niên hiệu Trung Bình, với chuyện tế trời đất kết nghĩa đào viên, và kết thúc vào đời Võ Đế nhà Tấn. Đầu niên hiệu Thái Khang với chuyện Vương Duệ mưu lấy thành Thạch Đầu, cả thảy là chín mươi bảy năm (1841 - 1280) đều là chuyện có thực, chuyện đều có sự bày xếp theo chú giải của Bùi Tùng và Tam Quốc Chí của Trần Thọ, ở giữa thỉnh thoảng cũng có chọn đưa vào bình thoại cũ, lại suy diễn thêm mà làm. Luận đoán thì có lấy của hai họ Trần, Bùi và bắt chước lời của TẠ XỈ TÔN THỊNH, lại dẫn nhiều thơ của sứ quan và người đời sau. Song cứ theo sử cũ thì pha tạp xen lời văn suông vào thì dễ thêm lộn xộn, cho nên TẠ TRIỆU CHẾ đời Minh với sách Ngũ tập tổ mười lăm đã cho là thực quá thì thành ra hủ lậu, Chương Học Thành đời Thanh với sách Bính thìn tháp ký thì lại ngại rằng bảy thực ba hư thì có khi làm rối loạn người xem. Đến lối tả người thì cũng có chỗ không được, chẳng hạn muốn tả Lưu Bị cho ra người đôn hậu thì lại hóa ra như giả dối, muốn tả Gia Cát cho là kẻ lăm Trí mưu thì lại hóa ra gần giống yêu ma; chỉ có tả Quan Vũ là đặc biệt có nhiều lời nói tốt, có cái khí khái nghĩa dũng thật, cứ làm cho người xem nghe như thấy người vậy, như đoạn nói về xuất thân, phong thái và dũng lược của Vũ sau đây:

... Dưới thềm một người nói lên rất to rằng: Tiểu tướng này xin đi chém đầu Hoa Hùng mang về đây dưới trướng. Mọi người nhìn xem thì thấy con người mình dài chín thước năm tấc, râu quai nón dài một thước tám

tắc, đôi mắt phượng đỏ, lông mày tăm nầm, mặt như quả táo nặng, tiếng giống tiếng chuông to, đứng trước màn. Thiệu hỏi là ai? Công Tôn Toản nói:

- Đó là người họ Quan, em của Lưu Huyền Đức.

Thiệu hỏi là làm chức gì?

Toản nói: Đi theo Lưu Huyền Đức làm tay cõi ngựa bắn cung. Tên tướng Viên Thuật quát to:

- Mày khinh các chư hầu chúng tao không có tướng to sao? Là một tay cung thủ mà sao chơi leo? Hãy cùng ta đánh côn xem.

Tào Tháo vội ngẩn nói rằng:

- Công Lộ hãy nguôi giận, người đó đã nói ra lời nói lớn, tất là có học rộng. Cứ thử sai lên ngựa đi, nếu không thắng, giết cũng chưa muộn...

Người họ Quan nói:

- Nếu không thắng, xin chém đầu tôi đi.

Tháo sai người đem lọc lại một chén rượu hâm nóng đưa cho họ Quan uống rồi lên ngựa.

Họ Quan nói: Rượu cứ rót ra, tôi đi là về ngay.

Thế là trong trường bước ra, tay cầm dao, bay người lên lưng ngựa. Các chư hầu nghe bên ngoài trại tiếng trống vang to, tiếng la thét lớn, như trời long đất lở, núi sụt đá bay, ai nấy đều thất kinh, muốn dò xem thử. Lại reo inh ôi, ngựa đến giữa quân, Vân Trường xách cái đầu Hoa Hùng, vứt xuống giữa đất, rượu còn đang ấm... (Tào Tháo dấy binh đánh Đổng Trác hồi thứ 7).

Lại như Tào Tháo thua trận Xích Bích rồi, Khổng Minh biết rằng Tháo số chưa phải đã hết, bèn sai Vũ chặn đường Hoa Dung, để cho Tháo chạy được, song lại cố đưa quân phép ra mà ép Vũ, bảo phải làm tờ quân lệnh đã rồi mới được đi, thế là kể Khổng Minh thì chỉ thấy là tay giảo hoạt, còn Vũ thì tỏ ra người khai lớn lao, so với bản bình thoại khắc in thời Nguyên cách xa nhau nhiều lắm.

... Trên đường Hoa Dung, có ba nhóm người ngựa, một nhóm ở lại sau, một nhóm lấp các hầm hào, một nhóm theo gót Tào Tháo qua các chỗ dốc hiểm, đi đường khá yên ổn. Tháo quay đầu nhìn, chỉ có hơn ba trăm kỵ binh theo sau mình, không có ai áo nón tè chỉnh cả. Lại đi chưa được vài dặm nữa, Tháo ngồi trên lưng ngựa ra roi quất và cười to. Các tướng hỏi sao thừa tướng lại cười, Tháo nói: Ai cũng bảo Gia Cát Lượng, Chu Du túc trí đa mưu, ta cười là họ chả làm được gì, nay thua trận này rồi, ta mới thấy khinh kẻ địch sai lầm. Chứ nếu họ biết đặt ở đây một lũ phục binh thì chúng ta tất phải bó tay để họ trói cả. Nói chưa dứt lời thì một tiếng súng nổ, hai bên có năm trăm lính tay giáo xếp hàng, ở giữa là Quan Vân Trường cầm thanh long dao, cười ngựa xích thố, đứng chặn mắt đường đi. Quân của Tháo thấy vậy thì đều hồn xiêu phách tán, mắt liếc nhìn nhau mồm không nói được. Tháo ở giữa đám người nói: Đã đến nước này thì chỉ còn cách liều chết đánh một trận. Các tướng nói: Tuy nhiên người không khiếp sợ, thì ngựa cũng không đủ sức, đánh thì nhất định là chết mất thôi. Trình Dực nói: Tôi biết Vân Trường ngạo với kẻ trên mà không nỡ lòng với kẻ dưới. Khinh kẻ mạnh mà không lăng loàn với kẻ yếu, ai mắc hoạn nạn thì nhất định cứu cho, nhân nghĩa rộng khắp thiên hạ. Thừa Tướng trước kia có ơn với ông ta ở nơi kia, sao không tự mình đến nói với ông ấy, chắc là thoát được nạn này thôi. Tháo nghe theo, tức thì phóng ngựa lên trước, cúi mình nói với Vân Trường rằng: Tướng quân lâu nay vẫn khoẻ? Vân Trường cũng cúi mình đáp: Họ Quan này theo tướng lệnh của quân sư, đợi Thừa Tướng ở đây đã lâu. Tháo nói: Tháo tôi quân thua thế nguy, nay thật cùng đường mong tướng quân lấy lời năm xưa làm trọng. Vân Trường đáp lại rằng: Ngày xưa họ Quan này tuy có đội ơn Thừa Tướng song họ Quan này đã có dịp giải cái nguy ở Bạch Mã để đền đáp lại Thừa Tướng rồi. Hôm nay làm theo mệnh lệnh, há dám tư tình sao? Tháo nói: cái lúc năm cửa quan chém tướng, tướng quân còn nhớ chứ? Dời xưa kẻ đại trượng phu ở đời, hẳn lấy tín nghĩa làm trọng, Tướng quân rất giỏi sách Xuân Thu, há không biết việc Diên Công, Chi Tư đuổi theo Tử Trạc nhử tử hay sao? Vân Trường nghe vậy thì cúi đầu hồi lâu, không nói gì. Dang khi Tào Tháo nhắc đến sự kiện trên, nói còn chưa dứt thì Vân Trường vốn là kẻ trọng nghĩa như núi, lại thấy quân Tào sợ sệt, tên nào cũng muốn rời nước mắt, nên nhớ lại cái ơn năm cửa

chém tướng mà lại thả mình ra, sao mà không động lòng được, thế là kéo đâu ngựa lại thét quân: Tản ra bốn bên, rõ ràng là ý muốn thả cho Tào Tháo đi; còn Tháo thấy Vân Trường kéo ngựa quay đầu thì liền cùng các tướng nhất tề xông lên toan đi, Vân Trường quay mình lại thì các tướng tá đã hộ vệ đưa Tháo đi qua mất. Vân Trường quát to một tiếng, chúng đều xuống ngựa khóc lạy tận đất, Vân Trường không nỡ giết, đang còn do dự thì Trương Liêu phóng ngựa đến, Vân Trường thấy cũng động lòng xưa cũ thả dài một tiếng rồi thả hết.

Sau Sử quan có thơ rằng:

*Lòng dạ luôn nhớ nghĩa,
Trọn đời lo báo ơn,
Oai phong ngang nhặt nguyệt
Danh dự động càn khôn,
Trung dung nhất Tam Quốc,
Muu trí hạ bảy đồn
Đến nay ngàn đời nữa,
Quân hổ lạy anh linh.*

(Hồi thứ 100: Quan Vân Trường vì nghĩa tha Tào Tháo)

Từ sau niên hiệu Hoằng Trị, bản khắc rất nhiều, chỉ nói ngay đời Minh thôi, cũng đã không biết được là đến mấy loại (thấy rõ trong tiểu thuyết nguyệt bao quyển 20, số hiệu 10, sách *Tam Quốc chí diễn nghĩa diễn hóa* của Trịnh Chấn Đạt). Đến thời Khang Hi nhà Thanh (Mao Tôn Cương người Mâu Uyển, tự là Tự Thủy mới theo kiểu Kim Nhân Thụy phê cải *Thủy Hử truyện* và *Tây Sương Ký*, thế là bản cũ bị sửa đổi khắp, bảo là do bản xưa, phê bình và khắc in ra cũng gọi là Thánh Thán ngoại thư, thế là nhất thiết bản cũ không lưu hành lại nữa. Phàm những chỗ cải định đều có thể thấy trong tựa và mục lục, chỉ nhìn những nét lớn, thì một là cải đổi đi, chẳng hạn hồi thứ 159: Bỏ Hiến đế, Tào Phi cướp ngôi Hán, vốn nói Hoàng

hậu họ Tào giúp anh ruồng bỏ Hiến Đế, còn bản của họ Mao thì lại giúp Hán ruồng bỏ Tào Phi. Hai là nói tăng thêm, chẳng hạn hồi 167: Tiên chúa đêm chạy đến Bạch Đế Thành, vốn không đả động gì đến Tôn phu nhân, mà bản của họ Mao thì lại nói Phu nhân ở Ngô nghe tin quân ở Hạo Đinh thua, và tin láo nói tiên chúa chết, bà liền đưa quân đến bên sông trông về phương tây mà khóc rồi gieo mình xuống nước mà chết. Ba là tước bớt, chẳng hạn hồi thứ 205; Khổng Minh đốt cháy trại Mộc Sách, vốn có chuyện lúc Khổng Minh đốt Tư Mã Ý ở hang Thượng Phương cũng muốn đốt luôn cả Ngụy Diên. Hồi thứ 234: Gia Cát mong đánh Đặng Ngãi, rồi Đặng Ngãi đưa thư khuyên hàng, xem xong ngờ vực con là Thương Trách, mới quyết liều chết mà đánh, các chuyện trên có cả mà trong bản của họ Mao lại không.

Ngoài những sự thay đổi trên thì về chi tiết hoặc một là chỉnh đốn các hồi mục, hai là sửa đổi lại hồi văn, ba là bỏ các lời luận bàn, bốn là thêm hoặc bớt chuyện vặt, năm là thay đổi thơ văn khác vào mà thôi.

Sách *Tùy Đường chí truyện* thì nguyên bản chưa thấy. Năm thứ 14 đời Khang Hi nhà Thanh người Trường Châu là Chủ Nhân Hoạch có bản cải chính đổi tên là *Tùy Đường diễn nghĩa*, lời tựa có nói: Tùy Đường chí bắt đầu từ họ La, đến họ Lâm thì tập hợp lại mà làm, và có thể nói là làm tốt, song chuyện bắt đầu từ Tùy cung cắt dài lụa thì đoạn trước đó sơ lược thiếu sót quá, sau có bổ sung thêm một, hai chuyện cuối đời Đường thì lại thành ra linh tinh không dính gi với nhau, rồi người xem còn có ý kiến, chỉ nêu ra như vậy thì toàn bộ cuốn sách cũng biết được.

Còn sách *Tùy đường diễn nghĩa* thì kể đến một trăm hồi mở đầu là chuyện vua Tùy đánh nước Trần, tiếp đến là chuyện nhà Chu chuyển sang nhà Tùy, nhà Tùy mất vì nhà Đường, rồi Võ Hậu làm vua, Minh Hoàng vào Thục, Dương Phi thất cổ ở Mã Ngôi, khi thu phục được hai kinh, thì Minh Hoàng lui vào ở Tây nội, sai đạo sĩ cầu hồn Dương Phi, được gặp Trương Quả, nhờ thế mà biết được Minh Hoàng Dương Phi, là kiếp sau của Tùy Đường đế và Chu Quý Phi rồi sách chấm hết. Các anh hùng khoáng giữa Tùy Đường như Tân Quỳnh, Đậu Kiến Đức, Đơn Hùng Tín, Vương Bá Dương, Hoa Mộc Lan...

... Thị sự tích của họ đã được đưa ra trong bảy mươi hồi trước cả. Còn chuyện Minh Hoàng Dương Phi kiếp sau lấy nhau thì lời tựa nói là thấy được trong một cuốn dật sử của Viên Vu Linh cất giữ, thấy mới lạ nên thích thú và đưa vào sách. Đến như các sự tích khác thì phần lớn lấy từ Ký truyện của chính sử ra rồi thêm vào những tạp thuyết đời Đường đời Tống, chẳng hạn việc đời Tùy thì như Đại nghiệp Thập di ký, Hải Sơn Ký, Mê Lâu Ký, Khai Hà Ký, việc đời Đường thì như Tùy Đường giai thoại, Minh Hoàng tạp lục, thường thi ngôn chỉ, Khai thiên truyền tín Ký Đại Liễu thâm văn, Trường hận ca truyện... tự thuật thường có lai lịch đâu đuôi có thể là không kém gì Tam Quốc Chí diễn nghĩa chỉ có điều là lối viết văn thì giống hệt như lối cuối Minh, phù hoa đẹp đẽ mà như phớt ngoài da, thiếu tính chất sâu lắng, mực thước của họ La hầu như mất rồi, đã thế lại thích bông đùa và tinh thần của chuyện thành ra tiêu điều xơ xác. Nay cử ra một ví dụ:

... Một hôm vua Huyền Long ngồi chơi trong cung Triều Khanh có Lộc Sơn ngồi chầu bên cạnh, vua thấy Lộc Sơn bụng phệ quá gối, thì chỉ bụng nó mà nói đùa:

Bé này bụng to hơn ôm cái vò, không biết trong đó chứa cái gì, Lộc Sơn vòng tay lại thưa: không có gì lạ đâu, chỉ có tấm lòng son mà thôi, thần nguyện đem hết lòng son đó mà thờ bệ hạ. Huyền Tông nghe Lộc Sơn nói vậy thì trong bụng rất thích. Ấy mới biết: Người giấu lòng đi, không dò biết được. Nói là lòng son mà lòng như mực. Huyền Tông đãi An Lộc Sơn. Thật là tâm phúc thế mà An Lộc Sơn ăn ở với Huyền Tông lại toàn là lòng giặc lòng sói lòng chó, thế mới thật là phụ lòng, mất hết lương tâm, người đời ai có lòng đều nghiên răng đau ruột giận không mổ ngay được bụng nó ăn lòng nó. Thế mà nó còn đùa người ta, bảo là lòng son. Đáng cười Huyền Tông không biết là lòng lang dạ sói, còn tin nó là thật lòng và không si tình. Thôi bỏ chuyện gẫu, hẵng nói Huyền Tông hôm đó ngồi chơi cả buổi với An Lộc Sơn, ngoảnh nhìn bên tả bên hữu, hỏi nàng phi đâu. Bấy giờ chính lúc giữa xuân, trời đã ấm dần lại, Quý Phi đang còn ngồi ở hậu cung dùng nước thang lan tắm rửa. Cung nhân trở lại nói với Huyền Tông là bà Phi tắm gội vừa xong, Huyền Tông cười mỉm nói: người đẹp mới tắm chính như hoa phù dung trong nước vừa ra, sai cung nhân đi đòi bà Phi lại ngay, không cần

chải chuốt trang điểm lại nữa. Một chốc thì Dương Phi đến. Quý Phi vừa tắm xong thì ra sao? Có khúc ca *Hoàng Oanh* tả rất đúng:

*Trắng ngần như ngọc, nõn nà như búp sen, người cũng tỏa thơm.
Tóc mai thấy đẹp nhờ biếng chải, quần là hơi cao, áo cánh mát sao. Đứng
trước gió tinh thần thoái mái. Ngẫm kỹ vào, Phù dung nhú khỏi nước, sánh
kèp gái xinh sao?* (Hồi thứ 83).

Sách *Tần Đường ngũ đại sử diễn nghĩa* chưa thấy, thư mục của văn khố nội các Nhật Bản nói là hai quyển, sáu mươi hòi, đề là La Bản soạn, Thang Hiển Tổ phê bình.

Sách *Bắc Tống tam toại bình yêu truyện*, nguyên bản cũng không thấy được, bản tương đối trước hơn cả có bốn quyển hai mươi hòi, lời tựa nói là Vương Thận tu sửa lại và bổ sung thêm, chép truyện Vương Tắc người Bối chân dùng yêu thuật làm loạn. Minh Cảo truyện trong *Tống sử* (292) nói Tắc vốn người Trác Nhân, gặp năm đổi lưu lạc đến An Châu (đời Đường là Bối Châu) năm Khánh lịch 7 tiếm hiệu là Đông Bình quận vương, đổi tên hiệu là Dắc Thánh, được 66 ngày thì bị dẹp. Chuyện gốc ở việc đó, chương mở đầu chuyện Hồ Hạo ở Biện Châu được bức tranh tiên, người vợ đem đốt đi, tro quyện vào người mà có mang, sinh con gái đặt tên là Vĩnh Nhi, được con cáo yêu là Thánh Cô Cô dạy cho phép thuật là Đàm Tử, hòa thượng Trương Loan, thầy bói Tả Tuất đều đến gặp, bảo Tắc lên làm vua, vừa lúc đó viên tri châu tham lam, có tài làm được người giấy ngựa bằng đậu. Vương Tắc làm chức quân bài ở Bối Châu, sau cưới Vĩnh Nhi làm vợ, người có thuật pháp là Đàm Tử, hòa thượng Trương Loan, thầy bói Tả Tuất đều đến gặp, bảo Tắc nên làm vua, vừa gặp lúc có viên tri châu tham lam tàn ác, bèn dùng thủ thuật lấy gạo tiền của kho ra thuê quân nổi loạn. Sau rồi Văn Ngạc Bắc đem quân đến đánh, lúc đó mấy người trên thấy Tắc vô đạo đã bỏ đi trước cả rồi, thế mà quân của Văn Ngạn Bai vẫn không dẹp được, may được Đàm Tử cùng hòa thượng hóa thân làm Gia Cát, Toại Trí giúp cho việc ván, trấn áp khuất phục được phép tà ma. Mã Toại giả hàng, đánh Tắc rách môi, làm cho không ngâm được cái chén sừng bò tót, Lý Toại lại đem quân đào đất làm địa đạo vào thành, thế là bắt được Tắc với Vĩnh Nhi. Báo công về triều, cả ba người đều tên Toại vì thế mà đặt tên chuyện là *Tam Toại bình yêu*.

Binh yêu truyện bản thông hành hiện nay có mươi hai quyển 40 hồi, có tựa của Trương Võ Cửu người Sở Hoàng nói đã có Long Tử Do bổ sung thêm. Sách làm xong năm đầu niên hiệu Thái Xương nhà Minh (1620), trước có thêm vào mươi lăm hồi, chép việc Viên Công đạo pháp với Cửu Thiên huyền nữ, bị Đàm tử hòa thượng ăn trộm mất, với việc yêu cáo Thánh Cô Cô luyện pháp. Năm hồi khác thì chép rải rác vào các hồi của bản cũ, phần lớn thuật chép các đạo thuật của những kẻ cuồng dại. Sự tích trong sách ngoài phần suy nghĩ mà đặt ra, cũng có phần lấy từ cuốn tạp thuyết khác, phụ họa đưa vào, như hồi 29 kể chuyện Đỗ Thất Thánh bán phù phép, đồng thời trình diễn ảo thuật, chặt đầu đứa bé xong lấy chăn trùm lại, đầu lại liền vào cổ. Song tình cờ nói câu khoác lác, bị Đàm Tử hòa thượng nghe được chụp mất sinh hồn đứa bé, đưa vào Đỗ Thất Thánh đọc phù chú hai, ba lần đứa bé vẫn không sống lại.

Đỗ Thất Thánh hoảng lên, nhìn các khán giả mà nói:

Các ngài ngồi xem trên, tuy so với chúng tôi có khác, xong lo cho gia đình thì ai cũng thế, chỉ vì việc nhà mà sinh ra làm lắn. Vừa rồi ăn nói không được đúng mong các ngài tha tội đi cho. Lần này để cho tôi chấp được cái đầu lại xuống uống một chén rượu, trong bốn biển đều là quen biết cả.

Đỗ Thất Thánh nhận lỗi nói lại:

- Ấy vì tôi không phải, lần này thì chấp được thôi.

Nói vậy rồi ra sức niệm chú, xong giở chăn xem, thì lại chưa chấp. Đỗ Thất Thánh sốt ruột nói:

Anh làm tôi không chấp được cái đầu cho đứa bé, tôi đã đôi lần xin lỗi anh, nhận là tôi không phải, xin anh tha thứ cho, thế mà anh cứ khăng khăng thế; Thế rồi đi ra cái cũi đằng sau lấy ra một cái bao giấy, mở lấy ra một quả bầu để trên mặt đất, rồi đào tung đất lên, vùi quả bầu lại, miệng vẫn lẩm bẩm niệm chú, rồi hớp một ngụm nước phun vào và quát:

Nhanh lên! Trời như mưa, thật quái lạ: dưới đất một dây mây mọc lên, dài to dần, đậm cành mọc lá rồi ra hoa, liền đó hoa hé và thấy một quả

bầu nhỏ. Người xem thấy vậy đều la: giỏi!

Đỗ Thất Thánh hái quả bầu xuống, tay trái cầm cái quả, tay phải cầm dao nói:

Anh ở không đúng trước, lấy mất hòn vía đứa bé của tôi, khiến tôi chắp lại đâu cho nó không được, anh đừng tưởng cứ sống được mãi trên đời.

Rồi ngoảnh nhìn quả bầu co lung chém một nhát, đứt ra nửa quả. Nay nói hòa thượng ở trên lầu, thò mặt định lấy ăn thì đầu ông cứ từ từ trẹo xương cổ, cứ lăn lông lốc xuống, người ở trên lầu ai nấy vẻ mặt đều khủng khiếp, kẻ nhát gan thì bỏ xuống lầu chạy mất, kẻ to gan thì đứng lại xem. Chỉ thấy hòa thượng kia vội vã vắt hắt dưa, rồi cứ mò mò trên sàn lầu mò mãi được cái đầu, hai tay nắm lấy hai cái tai đem để lên trên cổ, để ngay ngắn rồi lui đưa tay xoa một cái và nói:

- Ta chỉ muốn ăn, quên mất hòn vía đứa bé, dang tay đỡ cái chấn lên, giờ thì đứa bé của Đỗ Thất Thánh đã nhảy dậy. Người xem đều kêu lên. Đỗ Thất Thánh nói:

- Tôi xưa nay làm cái phép này, hôm nay dụng phải sư phụ (hồi thứ 27: Đỗ Thất Thánh hận hành tục đầu pháp).

Trên là chuyện cũ tương truyền lại. Uất Trì Óc trong sách Trung Triều cổ sự nói rằng trong niên hiệu Hàm Thông đời Đường, Tạ Triều Chế trong sách Ngũ tạp tể 6, lại cho là chuyện đời Gia Tĩnh Long Khánh triều nhà Minh, chỉ khác là người làm thuật không có tên họ gì, hòa thượng cũng chết rồi, sách này thay đổi sơ qua mà dùng lại. Còn chuyện Mã Toại đánh giặc mà bị giết thì là chuyện thực đương thời. Trịnh Giải đời Tống có viết Mã Toại truyện.

Chương 15

TRUYỆN GIẢNG SỬ TỪ ĐỜI NGUYÊN ĐỜI MINH TRUYỀN LẠI (HẠ)

Chuyện Thủy Hử cũng là một chuyện truyền thuyết lưu hành từ đời Nam Tống trở đi, Tống Giang là người có thật. *Tống sử* (22) chép: Năm thứ ba niên hiệu Tuyên Hòa Huy Tông, bọn cướp Tống Giang ở Hoài Nam xúi phạm đến đao quân Hoài Dương, sai tướng đánh bắt lại, lại phạm đến Kinh Đông, Kinh Bắc, vào địa giới Hải Châu đất Sở, khiên cho tri châu Trương Thúc Dạ chiêu hàng. Sự việc sau khi hàng rồi thì thế nào sú không nói đến, còn Bài sứ thì nói: Do bắt Phương Lạp có công, được phong Tiết độ sứ (thiên 13). Bắt Phương Lạp là việc của Hàn Thế Trung (truyện Thế Trung trong *Tống sử*) đối với bọn Tống Giang không can dự gì; chỉ có *Hầu Mông truyền* trong *Tống sử* (351) lại nói: Tống Giang cướp Đông kinh, Mông dâng thư lên triều đình nói Tống Giang cả bọn ba mươi sáu người hoành hành ở đất Tề Ngụy, quan quân vài vạn mà không ai dám kháng cự lại, chỉ bằng tha Giang, sai đánh Phương Lạp để chuộc tội. Hình như bài sứ căn cứ theo đó. Chắc đương thời có ý kiến như vậy nhưng chưa làm, và bọn Giang cuối cùng đều bị giết cả. Hồng Mại trong sách *Di Kiến Át chí* 6 nói: Năm Tuyên Hòa 7, chức thị lang bộ Hộ là Thái Cư Hậu bị bãi, đổi đi làm tri phủ Thanh Châu, có bệnh không đến trụ sở được, về Kim Lăng, mắc bệnh ung thư phát ra ở lưng rồi mất. Chưa bao lâu, có người thân là Vương Sinh chết rồi tỉnh lại, thấy Thái bị dưới âm ty khiển trách dặn lên nói với vợ Thái là nay Thái chỉ cùng trông coi công việc ở Vận Châu mà thôi. Vợ khóc thảm thiết nói:

- Quan thị lang năm ngoái chỉ huy ở Vận Châu, có bọn cướp Lương Sơn Bạc năm trăm người ra hàng mà sau giết hết, tôi đã nhiều lần can gián mà ông ta không nghe... Sách Ât Chí làm xong năm Càn Đạo 2, cách sau năm Tuyên Hòa 6 chỉ khoảng hơn bốn mươi năm, tai nghe mắt thấy rất gần việc dưới âm ty khiển trách vốn là điều tiểu thuyết gia hay nói, việc giết kẻ đầu hàng thì không thể đặt bày ra, chung cục của các hảo hán Sơn Bạc chắc chỉ như vậy thôi.

Tuy nhiên thời bọn Tống Giang kêu gọi tụ nghĩa ở Lương Sơn, thế họ rất mạnh. Tống sử 353 cũng nói: Chúng chuyên đi cướp đoạt mười quận, quan quân không ai dám gần chúng. Do đó có những chuyện kỳ lạ sinh ra trong nhân dân, rồi biến hóa rắc rối thêm, đến thành ra như chuyện đời xưa, lại có những kẻ lăm chuyện, viết lách tô vẽ vào, thế là có sách chuyện ra đời. Một ẩn sĩ đời Tống là Cung Thành Dữ làm sách Tống Giang tam thập lục nhân tán, trong lời tựa có nói: Chuyện Tống Giang thấy kể ở ngoài đường trong ngõ, không đâu để nhặt lượm chép việc lại, tuy có bọn Cao Như, Lý Tung viết ra và các bậc sĩ đại phu cũng không truất bỏ đi (sách Quý tân tạp thức của Chu Mật, tập tục thượng). Ngày nay sách của họ Cao họ Lý làm tuy thất lạc tản mác, song cũng đã thấy rằng cuối đời Tống đã có sách viết ra. *Tuyên Hòa* di sự do sự sao chép tóm tắt sách cũ mà làm ra, cho nên trong tập đầu nói về đầu đuôi sự việc Lương Sơn Bạc tụ nghĩa hoặc giả cũng là một loại viết ra lúc đó, tiết mục của họ như sau:

Bọn Dương Chí áp tải Hoa Thạch cương bị tuyết ngăn trở mà không đúng kỳ hạn. Dương Chí đi đường nghèo túng, bán dao giết người, bị đày đi Vĩ Châu. Bọn Tôn Lập bắt Dương Chí cùng đi đến chỗ đầm cổ ở Thái Hoàn Hàng Sơn. Triều Cái thôn Thạch Kệ, cùng bọn bắt Sinh Li Thần cương. Tống Giang tin cho Triều Cái chạy trốn - Tống Giang giết Diêm Bà Tích, đè thơ lên vách - Tống Giang được cuốn sách có tên họ ba mươi sáu tướng. Tống Giang chạy đến Lương Sơn Bạc tìm Triều Cái, ba mươi sáu tướng của Tống Giang làm phản, Tống Giang chầu Đông Nhạc Tế rồi phát lời tâm nguyện, Trương Thúc Dạ dụ hàng ba mươi sáu tướng của Tống Giang - Tống Giang bắt được bọn Phương Lạp có công được phong làm Tiết độ sứ.

Có điều là những chuyện sách *Tuyên Hòa di sự* chép, cùng với Tân

của Cung Thanh Dữ đã có nhiều chỗ sai nhau: Trong ba mươi sáu người mà Tân có nói đến là có thì Tống Giang lại không có, kể thêm ngoài. Trong Di sự thì chép Ngô Gia Lạng, Lư Tiến Nghĩa, Lý Hải, Nguyễn Tiến, Quan Tất Thắng, Vương Hùng, Trương Thanh, Trương Sầm; trong Tân thì lại chép: Ngô Học Cứu, Lư Tiến Nghĩa, Lý Tuấn, Nguyễn Tiểu Nhị, Quan Thắng, Dương Hùng, Trương Thanh, Trương Sầm, Trương Hoành. Tên dùa cũng có khi khác. Lại trong tạp kịch của người Nguyên cũng nhiều lần lấy chuyện trong *Thủy Hử* làm tư liệu Tống Giang, Yến Thanh, Lý Quỳ là được chọn nhiều nhất. Tính cách thì so với bản *Thủy Hử* hiện nay sai khác đi nhiều, nhưng về điểm nhân nghĩa, dôn hậu thì giống nhau hết, mà Trần Thái (người Trà Lăng, tiến sĩ khoa Ất Mão, niên hiệu Diên Hựu đời Nguyên) ghi lời người cầm sào chống thuyền thì nói:

Tống Giang là người dũng hán, ngông cuồng và hào hiệp (*Sở an di tập bồ di*, sách *Giang Nam khúc tự*).

Lời nhận định đó so với sách khác thì lại trái ngược. Có lẽ các loại chuyện xưa đó, đương thời ghi ở cửa miệng rất nhiều, tuy có khi đã có sách nọ sách kia viết ra rồi nhưng hoặc là giản lược quá, hoặc là suy suyển trái ngược nhau nhiều, thế là lại có người đứng ra tập hợp lại tất cả rồi lựa chọn lấy hay bỏ đi, sắp lại làm pho sách to, để cho tương đối có thứ lớp mạch lạc, người ta xem được, ấy bộ chuyện *Thủy Hử* lớn về sau là như thế. Người làm công việc thu nhặt dàn xếp lại đó, người thì bảo là La Quán Trung (Vương Kỳ, Diễn Nhữ Thanh, Lương Anh) người thì bảo là Thi Nại Am (Hồ Ứng Lân) người thì bảo Thi tác La biên (Lý Chi), người thì bảo Thi tác La tục (Thi Nại Am làm, La Quán Trung viết thêm) (Kim Nhân Thụy).

Chuyện *Thủy Hử* nguyên bản nay không có, Chu Lặng Công (Sách *Thư ảnh* 1) nói: Theo các bộ lão nói lại thì họ La làm chuyện *Thủy Hử* một trăm hồi, hồi nào cũng lấy những câu nói yêu quái, lạ lùng nêu lên, thời Gia Tinh, Quách Vô Định không in lại, tước bỏ những câu dạo đầu đó đi, chỉ để chuyện. Những chỗ tước bỏ đại đế như:

“Các việc Bà dăng hoa, *Thủy Hử* truyện toàn thư phát phàm, đó cũng là lời mở đầu của các chương của người Tống (Sách *Dã thị viễn thư*

mục 10) mà họ La làm theo, các chỗ tước bỏ khác thì không khảo xét được.

Chuyện Thủy Hử hiện nay còn biết được sáu bản khác nhau mà quan trọng nhất là bốn.

Một là *Trung nghĩa Thủy hử truyện*, một trăm mươi lăm hồi, đằng trước đề: Đông nguyên La Quan Trung biên tập, cuối niên hiệu Vĩnh Trinh đời Minh in chung với *Tam Quốc diễn nghĩa*, đặt tên là *Anh Hùng Phổ*, bản in riêng Thủy Hử chưa thấy. Sách bắt đầu khi Hồng Thái Úy làm đuổi ma, tiếp đó là một trăm linh tám người cứ dần dần tụ họp lại ở Sơn Bạc, nhưng rồi nhân đầu hàng, đánh bại Liêu, dẹp bọn Phương Lạp, Điền Hồ, Vương Khánh, lúc đó Trí Thâm mới ngô hóa ở Lục Hòa, Tống Giang uống thuốc độc chết, thường hiển ứng thiêng liêng sau làm thần. Bàn chuyện đó, văn viết vụng và què quặt, thứ lớp lộn xộn, thơ ca xen vào cũng nhiều chỗ què kệch tục tằn, giống hệt như mới thảo ra, chưa hề sửa chữa nhuận sắc gì cả, đâu không phải là nguyên bản thì cũng có thể gần giống nó rồi. Đoạn chép việc Lâm Xung trái ý Cao Cầu bị xử đày đi Thương Châu trông coi kho cỏ của Đại quân, trời đang lúc tuyết dữ mà đi ra khỏi cái nhà sấp đồ để đi tìm rượu viết như sau:

... Nay nói chuyện Lâm Xung bỏ hành lý xuống, nhìn bốn bề đều lở nát hết, bụng nghĩ: Nhà này làm sao mà qua được mùa đông, đợi tuyết tanh gọi thợ nề đến sửa. Ngồi bên lò lửa hơ một chốc, thấy mình cứ rét lạnh, liền nghĩ đến người lính vừa rồi, nói: đi ra năm dặm có phố, sao mình không đi ra mua ít rượu về uống. Nghĩ thế rồi liền cầm chiếc gậy hoa kèu cái bầu đựng rượu xuống, thơ thẩn đi về hướng Đông, chừng chưa được nửa dặm thì thấy một ngôi miếu cổ, Lâm Xung vội lạy mà khấn: Xin thần linh hộ trì cho, mai sẽ đến đốt vàng bạc. Xong lại đi một dặm nữa, thấy một cùm nhà hàng, Lâm Xung đi tắt đến một nhà. Nhà hàng hỏi:

- Ông khách ở đâu đến?

Lâm Xung nói:

- Ông không nhận ra cái bầu này à?

Nhà hàng nói: Ông là người trong kho để cỏ. Ông anh đã ra đây thì

mời ngồi để tôi dãi một tiệc đã, gọi là để lấy may.

Lâm Xung uống xong một tuần thì mua một đùi thịt bò, một bầu rượu, đưa cái gậy hoa ra gánh về, đến chiều chạy ra xem sân cỏ, thì chỉ biết kêu khổ. Nguyên lai lê trời rất rõ, che chở cho những kẻ trung thần nghĩa sĩ, trận tuyết vừa rồi đã cứu cho tính mạng của Lâm Xung; hai gian kho cỏ kia đã bị tuyết đe dọa mất (hồi thứ 9: *Báo đầu đám Lục Khiêm Phú An*).

Lại có bản Thủy Hử truyện một trăm hồi cùng nằm nhau trong bản anh hùng phô nội dung cùng với bản một trăm mươi lăm hồi gần như nhau (Lời của sách *Hồ Thích Văn tồn* 3).

Riêng có bản một trăm hai mươi bốn hồi, chữ mất, lấm chỗ khó đọc, cũng thuộc loại các bài trên.

Hai là bản *Trung nghĩa Thủy hử truyện một trăm hồi*, đầu sách đề: Bản của Thi Nại Am người Tiền Đường, La Quán Trung biên thứ, xếp đóng (Sách *Bách Xuyên thư chí* 6). Đó là bản lưu truyền trong nhà Võ Định Hầu Quách Huân đời Gia Tinh triều Minh, đầu sách có tựa của Uông Thái Hảm, giả hiệu là người bè tôi nghèo ở đó (sách *Dã họach biên* 5). Bản đó nay chưa thấy. Riêng có một bản cũng một trăm hồi, có Lý Chi đề tựa và chấm phê; bản này cũng là từ bản của họ Quách ra nhưng đổi đề lại là: Thi Nại Am tập soạn, La Quán Trung toàn tu. Nhưng bản này cũng khó mà tìm được chỉ ở Nhật Bản còn có mươi hồi khắc in trước năm Mậu Thân (1728) của Hương Bảo, cùng với bản từ hồi 2 đến hồi 20 khác in tiếp năm Bửu Lịch 9 (1759), các bản này cũng bắt đầu từ chuyện lâm đuổi yêu ma rồi tiếp đến sự tích của Lỗ Đạt, Lâm Xung, cùng với bản một trăm mươi lăm hồi giống nhau. Hồi thứ 5 về Lỗ Đạt có hai câu: Làm cho danh tiếng lan ải Bắc ba ngàn dặm. Chứng quả đệ nhất Châu Giang Nam: đó chỉ là chuyện của Lục hòa ngồi hóa, vậy thì kết thúc cũng không khác gì.

Chỉ có về mặt văn từ thì hơi khác, thêm bớt rất nhiều, cơ hồ thay đổi hẳn, trừ bỏ thơ để thêm nhiều biện văn, miêu tả cũ đi và nhiều chỗ nhỏ nhặt tinh vi hơn, như đoạn thuật chuyện Lâm Xung đi mua rượu giữa mưa tuyết, dài hơn trong bản một trăm mươi lăm hồi đến hơn gấp đôi.

... Chỉ nói Lâm Xung đến giường bỏ chiếc chăn trong bao ra, rồi ngồi chỗ còn chút lửa. Cạnh nhà có một đống than củi, cầm mấy cục bỏ vào trong cái lò dưới đất, ngừa mặt xem cái nhà để cỏ thì thấy bốn bề lở nát hết, lại có gió bắc thổi lay chuyển và thành tiếng kêu, Lâm Xung nói: Nhà này làm sao qua nổi mùa đông, đợi tuyết lạnh sẽ đi vào trong thành gọi một người thợ nề đến sửa. Hơi lửa một hồi thấy trong mình rất lạnh liền nhớ khi nãy có người lính già nói đi năm dặm thì có chỗ phố kia, sao mình không đi mua một ít rượu về uống. Rồi bỏ trong bao ra một ít tiền nhỏ, lấy gậy xốc cái bầu đựng rượu để khênh, vùi than còn đỏ đi lấy chiếc nón lông đội lên, rút lấy chìa khóa ra, kéo cửa nhà cỏ lại, ra đến đầu cửa lớn, lại cầm hai cánh cửa sào cỏ kéo lên, khóa lại, đeo lấy chìa khóa, lững thững đi về cửa đông, tuyết giữa đường bị dập nát ra óng ánh như ngọc vụn, lệch theo hướng gió bắc mà đi, tuyết rơi lại càng dày hơn. Đi chừng chưa đến nửa dặm thì thấy một ngôi miếu cổ. Lâm Xung cúi đầu làm lễ khấn: Xin thần linh che chở cho, ngày mai sẽ đến đốt tiền giấy. Lại đi một chặng nữa, trông thấy một cụm nhà, Lâm Xung dừng chân lại thì nhìn thấy giữa hàng dậu tre gai một người vác một cái chổi cỏ ở giữa trời. Lâm Xung đi tắt vào hàng, người chủ hỏi:

- Ông nhận ra cái bầu này chứ?

Người chủ xem rồi nói:

- Cái bầu này là lính trong sân cỏ đấy.

Lâm Xung nói: Thế nào mà nhận ra?

Chủ hàng nói:

- Đã là ông anh trông coi sân cỏ, thì xin mời ngồi một chút, khí trời lạnh lẽo để tôi rót ba chén tạm gọi là đón tiếp ông anh.

Nhà hàng thái ra một mâm thịt bò chín, hâm một bình rượu, dọn mời Lâm Xung. Lâm Xung lại mua thêm ít thịt bò chín, hâm một bình rượu, dọn rồi, Lâm Xung uống thêm vài chén nữa, rồi lại mua cả một bầu rượu nữa, gói hai cục thịt bò kia lại, để lại một ít tiền vặt, xong lấy gậy treo bầu rượu vào để khênh sờ nắn gói thịt bò trong bụng, nói to: Quấy quả nhau

quá, rồi ra khỏi cổng tre y cũ ngược gió bắc mà về. Tuyết kia về chiều càng xuống dày. Thời trước có một chàng thư sinh, làm một bài từ đề là kẻ nghèo khổ giận tuyệt:

Đồng rộng gió to bào đất, tuyết rơi đố không cần gì sất. Như tấm bông băng cái khăn to. Thấy ven rìa nhà vẹo tre tranh. Nhanh tay giúp cho không đổ lật. Nào kẻ giàu sang bảo che chắn thế chưa vừa gì sất. Nhà giàu than lò nóng. Mặc áo rộng, áo chật. Tay cầm hoa mai. Hát chúc nước nhà phát đạt. Nghỉ gì đến dân nghèo chật vật. Năm khension kẻ tránh đời. Gì cũng thơ được tất.

Lại nói Lâm Xung đạp lên tuyết lạnh đó, đi ngược lại gió bắc đó, chạy như bay đến cổng sân cỏ, mở khóa ra, vào bên trong xem rồi chỉ kêu khổ. Nguyên lai lẽ trời rất rõ, hộ trì những kẻ thiêng nhân nghĩa sĩ, nhân trận tuyết lớn đó mà cứu được tính mệnh cho Lâm Xung: hai gian nhà cỏ đã bị tuyết vùi sập rồi... (Hồi thứ 10: họ Lâm giữa gió tuyết vào miếu sơn thần).

Ba là bản *Trung Nghĩa Thuỷ hử toàn thư* một trăm hai mươi hồi cũng đề: Thi Nại Am tập soạn, La Quán Trung toàn tu; cùng với bản một trăm hồi đó, Lý Chí đề tựa giống nhau. Đầu sách có tựa của Dương Định Kiến người Sở. Tựa đó nói: bản thân thờ Lý Trác Ngô, nhân việc Viên Võ Nha xin mà khắc chuyện này, tiếp đó là đưa ra mươi điều phàm lệ của cuốn sách, tiếp đó là kể đầu đuôi chuyện Lương Sơn Bạc chép trong sách *Tuyên hòa di sự* cùng với quê quán, lai lịch xuất thân của 108 người, cả cuốn sách từ đầu cho đến cuối ra hàng đại sự việc giống với bản một trăm mươi lăm hồi, đoạn đánh Liêu có hơi khác, lại ít thơ từ hơn: con Điền Bình Hồ và Vương Khanh thì ngay sự việc đại khái cũng khác, mà việc bắt bọn Phương Lạp thì lại giống tất cả văn từ so với bản một trăm hồi hầu như không có gì khác, chỉ về cách đặt câu có sửa lại khác đi chút ít mà thôi. Chẳng hạn trong bản một trăm hồi, Lâm Xung nói: A ra thế! Thơ và từ cũng có nhiều hơn, đó là lúc sau khắc đưa thêm vào, cho nên trong Phàm lệ nói: bản cũ bỏ thơ và từ đi để tránh phiền phức rã, chỉ lo một là làm cho câu chuyện khỏi như đứt đoạn, lại một lần nữa là làm cho mắt xem khỏi rối loạn lên, lại cắt bớt đi cho rõ ràng, miễn là có đủ để hình dung được nhân vật, và những câu những đoạn văn có thể ức chế tỏa chiết tinh ý người ta, cũng chưa có

thể trừ bỏ hết được.

Nay lại tăng thêm vào làm cho sách được nhất định đi hoặc là vứt bỏ nguyên bản đi nhưng chọn lấy cái nào đã có. Hoặc là làm trái lại ý cũ mà thêm vào cái còn không, tất cả để cho đây đủ việc khuyên răn, lại vui đùa nữa. Lại những lời bình của Lý Chí cũng không giống trong bản một trăm hồi mà trong cả hai bản đều là rối rắm nghĩa khó hiểu lại là hủ lâu quê kệch, có thể là của bọn Diệp Trú làm giả vào (nói kỹ trong sách *Thư Ánh I*).

Phàm Lệ còn nói: bản cổ có lời nói đầu của họ La nói tương truyền các truyện như Đăng hoa bà bà, đã lâu không có thể lấy lại được nữa, đó là do người sau nhân việc “Bốn tên cướp lớn” bị bắt mà châm chước bớt đi, cũng có do ngại một trăm hai mươi hồi quá rườm rà mà đào thải, nói vậy đều sai cả. Định bản của Quách Võ tức là bản cũ bỏ chuyện Diêm bà đi, như thế là rất tốt, còn như trong bọn cướp mà bỏ Vương Điền, thêm vào chuyện nước Liêu thì chỉ là phương pháp chiếu ứng của những tay bình thường, còn những tay bút lớn thì không bao giờ làm thế - cho hay Thủy Hử có một trăm hồi, bây giờ đã không lấy lại được nữa rồi, lại có bản cũ giống một trăm hai mươi hồi, trong đó bốn tên cướp là nói Vương Chánh Điền, Hổ Phương Lạp và Tống Giang, tức là Sài Tiến cho người đưa thư vua cho Bạch Bình Long (thấy trong hồi 67 của bản 115 và trong hồi 72 của *Thủy Hử toàn thư*). Bản của họ Quách mới phá vỡ việc bắt tước bỏ Vương Điền mà thêm vào nước Liêu, thành ra một trăm hồi, *Thủy Hử toàn thư* lại thêm Vương Điền, mà vẫn để nước Liêu lại, trở lại một trăm hai mươi hồi và Tống Giang mới bắt đầu rút lui ra ngoài “Bốn tên cướp”. Song cái sách *Tuyên Hòa di sự* gọi là kẻ cướp ở ba Lộ Hoài Bắc, Kinh Bắc và Hà Bắc, những người mạnh đó đều thuộc Tống Giang, không biết người nào đọc đã rồi đem bọn Vương Khánh Điền Hổ thế vào. Tuy nhiên chuyện đánh bại nước Liêu e cũng không phải sáng tác ra từ đời Minh, đời Tống giặc ngoài tràn lan, việc nước bê trễ, nghĩ đến nơi chàm cổ, cũng là tình thường, cho nên việc đặt ra ca dao tục ngữ để tự an ủi cho mình, lại có nhiều thuyết khác nhau, không thuyết nào phù hợp với thuyết nào, thế là các tiểu thuyết sau do việc bỏ hay lấy và thành ra mỗi nhà đi một nẻo lung tung, những điều chọn lấy lại do các thoại bản không phải nhất luật như nhau mà thành ra xa lạ trái ngược

nhau, đưa Điền Hồ và Vương Khánh trong một trăm hồi cùng với bản một trăm mươi bảy hồi lên thì là một mà văn thì khác xa, cũng chỉ là do vậy mà thôi. Chỉ có sau khi dẹp yên Phương Lạp thì các bản mới giống hệt nhau, điều đó làm cho người ta nghi rằng trước bản của họ Quách căn cứ theo bản cũ, còn có bản khác nữa, tức là cho bản làm sau khi dẹp hết các Phương Lạp và nhận chiêu an, như sách Tuyên Hòa di sự ghi chép lại, về sự lý thì thấy sit sao thỏa đáng hơn, nhưng về chứng cớ đáng tin thì còn thiếu, nên chưa khẳng định được.

Gộp năm bản nói trên lại mà xem thì biết hiện nay chuyện Thủy Hử có hai loại, một loại đơn giản sơ lược, một loại rườm rà dài dòng. Hồ Ứng Lân (sách *Bút tùng 41*) có nói rằng: Tôi, hai mươi năm trước thấy chuyện Thủy Hử xem khá lý thú, mươi năm lại đây chuyện do phường buôn ở Mân Trung khắc in mà bỏ bớt đi, chỉ lục chép sự thực thôi, những chỗ có ý gửi gắm tâm tình, những lời bóng gió bông lông, những vần thơ văn đều nhất thiết bỏ hết, thành ra không đáng để nút hũ, lại vài chục năm nay, không có nguyên bản để so sánh lại nữa, sách chắc là sẽ vĩnh viễn bỏ. Bản mà Hồ Ứng Lân thấy, không biết được là thế nào, còn như bản đơn giản một trăm mươi lăm hồi, thì chắc là làm xong trước bản rườm vì nó dùng chữ đặt câu so với bản rườm có sai khác, đều là khắc in còn để lại, thì cũng không nên sửa đổi làm gì nữa cho thêm phiền. Lại nữa bản đơn giản, chỉ đề là La Quán Trung soạn, Chu Lạng Công nghe các cố lão cũng chỉ nói là họ La, đến khi bản của họ Quách ra mới đề là Nại Am, do đó mà nghĩ rằng họ Thi chỉ là tên mượn của người diễn ra bản rườm, bản này là sau, không phải là bản xưa đã có. Người sau thấy bản rườm đó đề là Thi làm La biên, chưa kịp biết ra là giả thác, hoặc giả là có ý phô diễn nên nó dứt khoát rằng Nại Am với Quán Trung là cùng quê, người Tiền Đường cả. (Sách *Bách xuyên thư chí* của nhà Minh Cao Nho 6) lại là thầy của Quán Trung nữa. Hồ Ứng Lân (sách *Bút Tùng 41*) cũng tin vào lời tựa bản Thủy Hử mình thấy, bảo rằng Nại Am nhiều lần vào hàng chợ, tra xem sách cũ, trong mớ giấy loại tìm được một bản gọi là hàng bắt giặc của Trương Thúc Dạ, ghi đầy đủ lý do nổi dậy của một trăm lẻ tám người, rồi nhuận sắc thêm làm thành chuyện. Lại nói: Việc ấy của họ Thi thấy chép trong sách Tây Hồ Chí Dư của Điền Thúc Hòa, song

trong sách Chí Dư đó thực ra không có, có thể là ghi nhầm. Gần đây Ngô Lai làm sách Cố Khúc Trần Đàm có nói sách *U Khuê ký* là của Thi Quân Mỹ làm. Quân Mỹ tên là Huệ tức là Thi Nại Am, làm chuyện Thủy Hử. Xét ra Huệ cũng người Hàng Châu nhưng nói rằng chính là Nại Am cư sĩ thì không biết căn cứ vào sách nào, cho nên chưa có thể nhẹ dạ tin được.

Bốn là *Thủy Hử truyện* bảy mươi hồi. Chính truyện bảy mươi hồi, thêm vào một hồi phụ, thực ra là bảy mươi mốt hồi có một thiền nguyên tự đề là Đông Đô Thi Nại Am soạn, do Kim Nhân Thụy, tên tự là Thánh Thán truyền lại, bảo là được bản xưa, chỉ có bảy mươi hồi, sau khi Tống Giang nhận cuốn sách rời, thì lấy tích Lư Tuấn Nghĩa mộng thấy cả bọn bị Trương Thúc Dụ trói là kết thúc, và chỉ ra rằng tích chiêu an kêu gọi đâu hàng trở đi là của La Quán Trung tục thêm vào, gọi một cách ghét bỏ là *ác trát*. Sách này so bảy mươi hồi đầu trong bản một trăm hai mươi hồi không khác gì lăm, chỉ có bỏ bớt đi, đặc biệt nhiều văn biền ngẫu, bản một trăm hai mươi hồi trong phàm lệ có câu: Bản cũ bỏ đi vì thơ từ quá nhiều, khá giống bản xưa mà Thánh Thán tìm được thật, song do văn bỏ bớt thơ từ đi nhiều nên ngữ khí chỉ hơi xê xích nhau, vậy là cái bản dùng làm căn cứ cũng vẫn là bản 100 hồi mà thôi. Chu Lặng Công (sách *Thư Ánh I*) chép về Thủy Hử truyện có nói: Mới đây Kim Thánh Thán đoán rằng từ hồi 70 trở đi là của ông La tục vào, rồi nhân đó hết lời chê bai ông, lại mượn tên ông Thi viết tựa, thế là sách thành ra của ông Thi làm. Hai ông sống đồng thời, nói vậy cũng có thể tin được, song chữ dùng cảnh đặt cũng có một ít chỗ hay, chẳng hạn hồi thứ năm, đoạn kể chuyện Lỗ Trí Thâm thách sư chùa Ngõa Quang sau đây: Trí Thâm chạy đến trước mặt, hòa thượng ta kính sợ hết hồn nhảy một cái đứng dậy nói: Xin mời sư huynh ngồi, uống với nhau một chén đã. Trí Thâm túm lấy cây gậy nhà sư nói: Hai gã chúng mà, làm sao mà bỏ chùa phế trễ như thế. Hòa thượng ta nói: Xin sư huynh ngồi nghe tiểu targas... Trí Thâm trợn mắt lên nói: "Mày bảo, mày bảo... rồi lại nói: Trước kia chùa chưa hỏng nát, 10 phần tốt đẹp đầy chừ, ruộng vườn rộng, sư ni đông, chỉ vì dưới hành lang kia mấy thằng cha hòa thượng uống rượu vung vãi, đem tiền nuôi gái, người già lớn ngăn chúng không xong, lại còn chê bai thưa kiện để cho họ đi đi, do đâu để chùa đến phế trễ..."

Thánh Thán dưới mẩy chữ Nghe tiểu tăng... chú: Nói chưa hết. Dưới chú... Nói, lại giải thích dài dòng hơn nhiều, rồi cuối cùng khen là: Chương Pháp kỳ thuyết, từ xưa chưa có. Chúng ta nghi rằng cái kỳ thuyết đó của Thánh Thán làm lầy, cách ông ta phê bình sửa đổi Tây Sương Ký cũng như thế. Đoạn văn đó trong bản một trăm hồi là: Hòa thượng ta nói: Mời sư huynh ngồi. Nghe tiểu tăng nói, Trí Thâm trợn mắt nói: Mày nói, mày nói; Hòa thượng ta nói: Trước kia khi chùa chưa hỏng nát, ruộng vườn rộng có, sư ni đông...

Trong bản một trăm mươi lăm hồi thì tuyệt không có câu Trí Thâm trợn mắt mà chỉ nói: Hòa thượng ta nói: Sư huynh nghe tiểu tăng nói: Trước kia khi chùa chưa hỏng nát, ruộng vườn rộng có, tăng ni cũng đông... Thế thôi.

Đến cái lý do khắc in mà bỏ bớt thì mươi lần đến chín là vì cuộc đời thay đổi. Hồ Thích (Sách Văn Tôn 3) nói: Thánh Thán sống trong thời đại bọn giặc lưu động đi khắp đất nước, mắt thấy Trương Hiến Trung, Lý Tự Thành, một lũ cưỡng đạo thả độc ra khắp đất nước, cho nên ông hiểu ra rằng cưỡng đạo là không thể tuyên truyền giải thích được mà phải dùng miệng mà giết, dùng bút mà đánh. Vì vậy đến đời Thanh, tình thế đổi khác, lại có cơ làm được, tuy mới đầu chưa tốt, song biết mạnh dạn hối cải, thay dây cung đổi cỗ xe đi, để tu sửa tốt, như vậy là ý chí vốn đáng khen mà công lao không thể mất; ông cắt lấy từ hồi 67 cho đến hồi cuối, trong bản một trăm hồi, gọi là *Hậu Thủ Hử*, lại gọi là *Đặng bình tứ đại khấu truyện*, phụ in vào sau bảy mươi hồi để lưu hành, đầu sách có tựa của Thưởng Tâm cư sĩ, đê năm Nhâm Tí Càn Long (1792).

Buổi đầu đời Thanh, có Hậu Thủ Hử truyện bốn mươi hồi nói là của “người di dân” nhà Tống làm, Sơn Tiều Nhạn đăng bình mà dám để tục vào bản một trăm hồi. Sách nói Tống Giang chết rồi, những người còn lại vì Tống mà chống Kim, song không kết quả, Lý Tuấn bèn dẫn đầu chúng vượt biển, sang làm vua Tiêm La, kết thúc khá giống chuyện Cù Nhầm của Đỗ Bình Quang. Còn người di dân nhà Tống xưa thì bài Luận lược ở quyển đầu của sách nói: không biết là ai, căn cứ vào thời đại mà xét thì phải cách họ Thi họ La không sai, hoặc là đồng thời, không chịu thấp kém hơn, cũng

chưa biết được. Song thực ra thì người đó là Trần Thẩm. Thẩm tên tự là Hà Tâm, người Trình, Chiết Giang, trước tác của ông mất hết, chỉ còn sách này: làm người di dân thời cuối Minh (sách *Lưỡng Chiết du hiền lục* bỏ đi một, sách Quang Tự Hưng Phủ Chí 53) thành ra tuy là trước tác mua vui, mà cũng thấy được cái ý tránh đất, tránh đồi trong đó. Nhưng đến khoảng giữa Đạo Quang, có người Sơn Âm là Du Vạn Xuân làm sách *Kiết Thủy hử* truy truyện bảy mươi hồi, một hồi kết thúc cũng đặt tên là *Đăng khẩu chí*, lập ý của sách lại trái ngược hẳn với sách kia, nói người thủ lĩnh của Sơn Bạc không phải chết thì cũng bị giết, cốt chứng minh rằng lúc ấy Tống Giang tuyệt không có chuyện nhận chiêu an đầu hàng vì đi dẹp bọn Phương Lạp, mà chỉ có chuyện bị Trương Thúc Dụ bắt và xử tử, để kết thúc bản bảy mươi hồi. Du Vạn Xuân tên tự là Trọng Hoa, biệt hiệu là Hốt lại đạo nhân, có theo cha làm quan ở đất Việt. Trong việc biến loạn của Châu Dao, đi đánh có công được xét khen thưởng, sau làm thuốc ở Hàng Châu, về già thờ Đạo và Phật, năm Kỷ Dậu Đạo Quang (1849) mất. Hồi Đăng khẩu chí bắt đầu năm Bính Tuất, hết năm Đinh vị, trước sau có hai mươi hai năm “chưa kịp rảnh rang trong người để sửa chữa nhuận sắc thì mất” năm đầu Hàm Phong (1851) con là Long Quang mới làm việc đó rồi khắc in (sách *Bản thư chí ngữ*). Sách dựng chuyện hành văn, có chỗ hầu như hơn nguyên tác; lụa chép lại hình tượng cũng có những điều mà họ Thi họ La chưa thử đến, so với những tiểu thuyết cùng loại, do sửa chữa nguyên tác mà làm ra, sách này cũng có thể cho là tốt lắm.

Ngoài những sách nói trên, loại tiểu thuyết giảng sử còn có nhiều, đời Minh đã có *Khai Tịch Đường Ngu truyện* với *Hữu Hạ chí truyện* của Chung Tín, Đông Tây Chu có *Đông Chu liệt quốc chí*, Tây Chu chí, Tứ hữu truyện, Lưỡng Hán có Viên Hoàng Đạo bình *Lưỡng Hán diễn nghĩa truyện*; Lưỡng Tấn có Tây Tấn diễn nghĩa; Đông Tấn diễn nghĩa; Đường có Hùng Chung Cốc *Đường thư diễn nghĩa*; Tống có Xích Cước Trai bình *Lưỡng Tống chí truyện*, bình thoại các sử sự. Từ đời Thanh đến nay cũng không dứt, hoặc viết về toàn sử như Nhị thập tứ sử thông tục diễn nghĩa, hoặc chữa lại hay bổ sung sách cũ như các sách Lưỡng Tấn, Lưỡng Hán, Tùy Đường... song nói chung so với Tam Quốc Chí diễn nghĩa thì không bằng,

tuy là hạng trên cũng vẫn câu nệ về sự thực lịch sử, quen dùng lời sáo, cho nên dã vựng dốt về di văn, lại ngại ngùng khi kể chuyện; Thái Ngao trong sách Đông Chu Liệt Quốc chỉ độc pháp có nói: Nói là sách chính kinh mà rốt cục lại ra sách tiểu thuyết...

Nhưng nếu nói đó là tiểu thuyết thì lại có từng việc từng việc trong Kinh truyện cả: nói vậy là để khen, nhưng cái bệnh của giảng sứ cũng là ở đó.

Nếu như thuật chuyện cũ, chuyện đời xưa của một thời mà chú trọng vào một người hay vài ba người, thì theo sách Mông lược lục 20, dưới mục giảng sứ có ghi: Có quan Đại phu Vương Lực, vào khoảng niên hiệu Hàm Thuần phô diễn phụ họa với Trung Hưng danh tướng truyện, thính giả đông. Như vậy thì cũng nên đặt vào giảng sứ. Truyện Thủ Hử là một chuyện loại đó. Về sau loại đó lại càng nhiều. Rõ rệt hơn cả là *Hoàng minh oanh liệt truyện*, còn có tên là *Vân hợp kỳ tông* nữa, sách của nhà Vũ Định Hầu Quách Huân còn giữ được chép vô công đời Minh lúc mới lên mà đặc biệt nêu công lao của ông tổ là Quách Anh, sau có *Chân Anh liệt truyện* thì kể lại sự việc trái ngược để mắng nhiếc. Có Tống võ mục vương diễn nghĩa do Hùng Đại Bản làm, có Nhạc vương truyện... diễn nghĩa do Du Ưng Ngao làm. Lại có Tinh Trung toàn truyện do Trâu Nguyên Tư làm, cả mấy cuốn đều chép lại công trạng của Tống Nhạc Phi cùng với vụ án sau của ông. Sau có *Thuyết Nhạc toàn truyện* thì theo sự việc mà diễn ra. Đời Thanh có Nữ Tiên ngoại sử tác giả là Lã Hùng (Sách tại viện tạp chí của Lưu Đình Kỳ nói), thuật chuyện Đường trại nhi ở Thanh Châu làm loạn, có Đào Ngột Nhân (bình không đề tên tác giả) chép về tội ác của Ngụy Trung Hiền và Môn khách. Về chuyện Võ Dũng thì có sách thuật lại chuyện nhà họ Tiết đời Đường (*Chính đông Chính tây*) toàn truyện nhà họ Dương đời Tống (*Dương gia Tương toàn truyện*) cùng với bọn Địch Thanh (*Ngũ Hổ bình Tây bình Nam truyện*) văn cũng như ý đều dốt vụng, song lưu hành mạnh trong các ngõ xóm đường làng, ngoài ra có những chuyện nói là xưa cũ, có thực nhưng chẳng qua mượn tiếng để phỉ báng bão oán, loại trước tác đó cũng nhiều, nay không nói lại nữa.

Chương 16

TIỂU THUYẾT THẦN MA ĐỜI MINH (THƯỢNG)

Việc thờ Đạo thờ Tiên long trọng nhất là vào đời Tuyên Hòa nhà Tống. Đời Nguyên tuy theo đạo Phật song cũng rất tôn sùng Đạo, tư tưởng huyền ảo mê hoặc tràn khắp dân gian, đầu đời Minh có giảm sút, nhưng đến giai đoạn giữa lại rất thịnh hành, thời Thành Hóa có các phuơng si Lý Tư, Thích Kế Hiểu, thời Chính Đức có người mắt có màu (sắc mục) Vu Vĩnh, đều là người thuộc tạp lưu biết phù phép mà được bổ làm quan, vinh hoa lừng lẫy, ai cũng mong muốn, như vậy thuyết yêu ma càn quấy tự nhiên phải thịnh và ảnh hưởng đến cả văn chương. Vả lại từ trước đến nay, ba giáo tranh nhau đều không giải quyết được, đến phải dung thứ, chịu đựng lẫn nhau, nói đồng nguyên là nói nghĩa và lợi, chính và tà, phải và trái, thật và giả, tất cả đều mối đó hỗn hợp lại, rồi lại phân tích ra, gộp lại gọi là Nhị Nguyên, tuy không có tên để chuyển gọi, nhưng gọi là Thần Ma là bao quát được cả.

Về mặt tiểu thuyết thì chuyện Bình yêu đầu đời Minh là chuyện mở đầu, kế đó thì chuyện ra đời ngày càng nhiều. Chuyện phô diễn tự thuật lại không phải là những chuyện mà từ đời Tống trở đi, có đạo sĩ bày bịa ra mà chỉ là ý của nhân dân trong các ngõ xóm đường làng, rậm rì lonen xonen, nồng cạn quê kệch, tuyệt không có gì là khả quan. Tuy nhiên cái sức mạnh của các chuyện đó đối với lòng người là rất lớn, lại có khi có những văn nhân

đứng lên đúc kết nhuận sắc lại, thì cũng là cái phôi thai của tác phẩm lớn trong văn chương.

Hạng tiểu thuyết đó mà xếp lại thành tập thì hiện nay có tập *Tứ du ký* lưu hành. Sách gồm bốn loại, do ba người làm không biết ai sắp xếp, chỉ xem cách thức của bản khắc thì thấy là làm trong đời Minh mà thôi. Loại thứ nhất là *Thượng động nhật tiên* chuyện, cũng có tên mới là *Bát Tiên xuất sử*, *Đông du ký truyện*, hai quyển năm mươi sáu hồi, đề là Lan Giang Ngô Nguyên Thái làm. Chuyện nói Thiết Quải (họ Lý tên Huyền) tu dắc đạo, độ cho Chung Ly Quyền, Quyền độ cho Lã Động Tân; hai người lại độ chung cho Hàn Tương, Tào Hữu; Trương Quản Lam Thế Hòa, Hà Tiên Cô thì đã thành đạo theo cách khác rồi, thế là Bát Tiên. Một hôm cả tám vị đến dự đại hội bàn đào trên đường về, vị nào cũng đứng trên bảo vật mà vượt biển có người con rồng thích tấm ván ngọc của Lam Thế Hòa, đứng chụp cướp đi. Thế là xảy ra một trận đại chiến, tám vị tiên “phóng lửa đốt biển Đông”, Long Vương thua trận xin binh trời xuống giúp, cũng thua sau được Quan Âm giải hòa, ai nấy từ tạ đi, và cái thời “trời vừa xa cách, thiên hạ thái bình” bắt đầu từ đó. Sách dùng văn ngôn tục ngữ xen nhau, sự việc cũng lầm lúc không dính nhau, là vì lấy một cách tạp nhạt truyền thuyết dân gian mà làm.

Loại thứ hai có *Ngũ Hiền Linh quan đại đế hoa quan quang thiên vương truyện*, tức là *Nam du ký*, bốn quyển mươi tám hồi đề là do Tam Thái Sơn Nhân ngưỡng chỉ di Tượng Đầu làm, Tượng Đầu là một người buôn sách cuối đời Minh, trên bảng khắc Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, còn thấy tên người đó. Sách kể chuyện có thằng bé Diệu Cát Tường vì giết quí Độc Hỏa mà trái ý Như Lai, bị giáng làm con của Mã Nhĩ nương nương, thế là làm Linh Quang ba mắt, đù năm thần thông, trả thù cha, đi chơi cõi linh hự, vì trộm gậy vàng, bị Đế giết: phục sinh vào nhà Viêm Ma Thiên Vương, thế là thành linh diệu, thờ Thiên Tôn làm thầy, lại nói đổi lấy dao vàng của thầy, rèn lại làm viên gạch vàng để làm đồ pháp bửu, cuối cùng lên náo Thiên Cung, cõi trời sôi sục như vạc, Huyền Thiên Thượng Đế lấy nước dập đi, bảo chạy xuống nhân gian thoát sinh ra ở nhà họ Tiêu, thế là thành Hoa Quang, vẫn có phép thần thông như cũ, đánh nhau với ma thần, trung giới

cũng sôi lên như vạc, để tha cho Hoa Quang, nhân thế mất tẩm gạch vàng, muốn rèn tấm khác, nên đi tìm thú vàng, gặp công chúa Quạt sắt, bắt về làm vợ, lại hàng phục được mọi yêu, đến đâu là vô địch ở đó. Vì nhớ mẹ nên đi thăm hỏi địa phủ, lại nhân tranh chấp mà đại náo âm ti, hạ giới cũng sôi sục như vậy. Xong xuôi đâu đó thì biết ra mẹ để mình là yêu thật, tên hiệu là Cát Chi Đà Thánh Mẫu, đã ăn thịt vợ Tiêu trưởng giả, biến ảo hình dáng mình đi mà để ra Hoa Quang song vẫn cứ ăn người, bị Phật bắt, nay ở địa ngục, chịu ác báo, Hoa Quang cứu đưa đi.

... Nay Hoa Quang ba lần xuống Phong Đô, cứu được mẹ ra, mười phần vui sướng. Cát Chi Đà Thánh Mẫu nói:

"Con ta ơi, con cứu cho mẹ ra được thật là tốt, mẹ muốn đi bắt Kỳ Nga để ăn đây."

Hoa Quang hỏi: "Kỳ Nga là gì, mẹ con ta đều không hiểu được." Mẹ nói: "Kỳ Nga là gì, không hiểu được đâu, có thể đi hỏi Mắt ngàn dặm và Tai thuận gió." Hoa Quang lập tức hỏi hai người đó. Hai người trả lời:

- Kỳ Nga là người, nó cũng nghĩ việc ăn người.

Hoa Quang nghe xong, nhìn mẹ nói:

"Mẹ ạ, mẹ ở trong Phong Đô chịu khổ, con là con mẹ, con đã tìm ra trăm phương nghìn kế, cứu được mẹ ra, sao mẹ lại còn đòi ăn người, việc đó vạn lần không được làm."

Mẹ mắng: "Tao cần ăn, đồ con bất hiếu, mà không có Kỳ Nga đưa cho tao ăn, thì ai bảo mà cứu tao ra?"

Hoa Quang không biết làm thế nào chỉ nói đùa rằng:

- Hãy để cho con hai ngày, con sẽ bắt đưa cho mẹ ăn...

(Hồi thứ 17: Hoa Quang ba lần xuống Phong Đô.)

Thế là treo bảng Yết thị tìm thuốc, có người mách chỉ có đào tiên là chữa được. Hoa Quang lập tức biến thành Tề Thiên Đại Thánh, ăn cắp đào đưa cho mẹ. Cát Chi Đà mới thôi không nghĩ đến chuyện ăn người, xong Tề

Thiên bị nghi, hỏi Phật Mẫu, biết ra là Hoa Quang, đến đánh, bị hỏa đòn đốt cháy, thua trận. Con gái ông là Nguyệt Bột, có cái xương sọ người chết, đánh vào đó là đâu kẻ địch đau ngay, hai ngày thì chết. Hoa Quang bị phép đó, tưởng không dậy được nữa, thì có Hỏa viên vương quang Phật ra dàn hòa, Nguyệt Bột cao cái vết sẹo bị đánh ở cái xương đó, Hoa Quang mới lành, rút cục quy y đạo Phật. Ấy chuyện Hoa Quang là thế.

Tạ Triều Chế đời Minh (sách *Ngũ Tạp trở* 15) đem tiểu thuyết Hoa Quang ra so sánh với *Tây du ký* và nói: "Cả hai chuyện đều là cái lý ngũ hành sinh khắc cả, lửa to mạnh, thì trên trời dưới đất đều to mạnh cả, không sao đậm tắt được thế mà Chân Võ lấy nước chế ngự, là nó về chính đạo ngay.

Lại nói chuyện Cát Chi Đà ra khỏi ngực là nghĩ ngay đến việc của người cho chuyện đó là để khiến người ta nghĩ đến việc khó khăn của việc Khả Khảng Khái bỏ ác sang thiện và nhân chuyện này cũng biết ra rằng thời Vạn Lịch, sách này đã có. Tri Đức Phu luận về kịch khúc (sách *Dã hoạch biên* 25) cũng có câu: Chuyện Hoa Quang hiển thánh thì quái đản quá, như vậy là loại chuyện đời xưa nay, thời đó còn diễn ra làm kịch bản nữa.

Loại thứ ba là Bắc phương chấn võ huyền thiên đại đế xuất thân chí truyện, tức *Bắc Du Ký*, bốn quyển, hai mươi bốn hồi cũng có Du Tượng Đầu biên soạn, chép về bản thân Châu Võ thành đạo và hàng phục được các yêu quái. Thuyết cho Thượng Đế là Huyền Thiên đời Hán đã có rồi, (Quách Chu Lễ, Thiên Đại Tông ba, Trịnh Thị chú) song so với Huyền Đế đời sau thì bắt đầu có từ khi đạo sĩ đời Tống nổi ra, tức là lời chép trong các sách *Nguyên Động Ngọc Lịch Ký*, tam giáo sư thần đại toàn, I dẫn) nói rằng: Nguyên Thủ thuyết phán Ngọc Thanh, bên dưới thấy gió độc đầy biển ải, liền sai Chu Võ Vương đánh vua Trụ để trị dương. Huyền Đế bắt ma để cai trị âm, trên ban cho Huyền Đế được phép xả tóc đi chân không, lại ban cho giáp vàng áo bào màu huyền, cờ tà đạo trắng, cờ màu huyền, thống lĩnh Đinh Giáp, giáng xuống trần thế, cùng với Lục Thiên Ma Vương đánh nhau ở động nội Đông Âm: khi ấy Ma Vương lấy hai thứ khí Khảm Ly, hóa thành rùa xanh, rắn lớn, biến hóa vừa xong, thì thần lực của Huyền sẽ thu cả lại

dưới chân, khóa chúng quỷ lại trong động lớn Phong Đô, thế là nhân dân được yên ổn, bờ cõi được thanh tĩnh nghiêm túc. Lời đạo sĩ thời Tống nói tức là những lời trong hai sách kia vậy. Huyền Đế thần võ, triều Nguyên có sắc phong: Triều Minh cũng tôn thờ. Chuyện này kể có chỗ phù hợp với thuyết cũ, song cũng có khi lấy cắp chuyện Phật, trộn vào những lời thô bỉ, tâng bốc việc cảm ứng đúng như ý nghĩ của bọn đồng bóng ở thôn quê, bọn thầy cúng ở các đền miếu. Ban đầu nói thời Tùy Dương Đế, Ngọc Đế đang yến tiệc, bỗng nghĩ đến chuyện phàm tục, bèn lấy một trong ba hồn làm con của họ Lưu, Như Lai Tam Thanh đều đến khuyến hóa nên vào ở ẩn trong Bồng Lai; rồi lại lấy lòng phàm tục, sinh ra Ca Đề Quốc, tiếp đến sinh Tây Hà, đều là con vua cả hai, đội ơn trời, tôn sùng đạo, bỏ nước xuất gia đi tu, công đức đã tròn, lên yết Ngọc Đế, được phong làm Đăng ma tiên tôn, sai bắt thiên tướng! Khi ấy lại sinh ra làm con vua nước Tịnh Lạc, được Đầu Mẫu nguyên quán giáo hóa, vào tu trong núi Võ Dương thành đạo. Huyền Đế vừa lên Thiên cung thì bỗng thấy có yêu khí nổi lên ở trung giới, biết đó là thiên tướng quấy rối nhân gian, nên lại xuống trần, bắt yêu rùa rắn đầu hàng. Triệu Công Minh quy phục, bắt thần sấm, Nguyệt Bột cùng các thần tướng khác dâng họ lên chầu trời. Ngọc Đế tức thì phong các thần kia làm bộ tướng huyền thiên, kể có ba mươi sáu viên; Song hai yêu ở sông Dương Tử là Hữu Oa và Trúc Lâm đều xổng mất cả, không bắt được, Châu Võ trở một yêu bắt hóa thân vào cõi người lại, trấn thủ ở núi Võ Đường. Cuối chương thì chép việc năm Vĩnh Lạc 3, Huyền Thiên giúp nước đánh lui được giặc mà dưới đó lại có mấy chữ. Đến nay đã hơn hai trăm năm, hình như sách này phải lưu hành vào thời cuối Minh, song bản khắc cũ không có câu sau, cho nên biết được rằng bản có là bản mới tăng đính sau.

Loại bốn là *Tây Du Ký truyện*, bốn quyển bốn mươi mốt hồi đề là Dương Chí Hòa người Tề Văn biên soạn, Triệu Cảnh Châu người Thiên Thủy hiệu đính, thuật chuyện Tôn Ngộ Không đắc đạo, Dương Thái Tông vào âm ty, Huyền Trang vấn chiếu đi cầu kinh, giữa đường gặp nạn, cuối cùng đến đất Tây được và lấy được kinh về Đông. Việc Thái Tông thấy mộng, người Đường đã có nói rồi. Trương Trạc làm sách *Triệu dã thiện tài* nói: Vua Thái Tông đến nửa đêm thì tự nhiên nhập định, thấy một người nói: Bệ hạ hãy

tạm nhắm mắt lại, về tức là đi đấy. Đế hỏi: Người là người nào? - Thưa rằng: Thần là người sống mà xét hỏi việc âm phủ... Thái Tông vào gặp quan tòa, hỏi việc ngày 4 tháng 6, xong là bảo về, người gặp khi nãy lại tiễn chân dẫn đường ra. Lại có bản tục văn cũng chép việc đó, mà có câu sách hỏng nát tìm được trong động Ngàn Phật ở Đôn Hoàng (Thấy chép kỹ hơn ở chương 12). Đến việc Huyền Trang sang Tây Trúc, thực không phải là vâng theo chiếu vua, sự việc có đủ trong *Đường thư* 191.

Phương kỳ truyện, lại có truyện tên là *Đại Từ Ân Tự Tam Tạng pháp sư truyện*. Trong sách Phật tạng ban đầu không có những chuyện kỳ lạ đặt bầy, thế mà về sau các tiểu thuyết nói đến chuyện tinh quái khá nhiều. Sách *Đại Đường Tam Tạng thủ Kinh thi thoại* đã có Hầu Hành Giả, Thân Sa Thần cung, những cõi lạ. Viện bản của người Kim cũng có sách Đường Tam Tạng (Theo thuyết canh lục của Đạo Tông Nghi). Tập kịch đời Nguyên có vở Đường Tam Tạng Tây Thiên thủ Kinh (Sách lục quỷ bạ của Chung Tự Thành).

Vở đó cũng có tên là Tây Du Ký (Hiện nay có bản Diêm Cốc Ôn người Nhật Bản hiệu đính và in) trong đó bớt Tôn Ngộ Không đi, thêm vào Giới Cô, Sa Tăng, Trư Bát Giới, Hồng Hài Nhi, còn bọn Thiết Phiến Công Chúa thì đều đã thấy cả rồi, như chuyện cũ lấy kinh. Từ cuối Đường cho đến Tống Nguyên cứ dần dần diễn thành chuyện thần dị, là vì chuyện có thứ lớp mạch lạc nên các tác giả tiểu thuyết cũng hay lấy làm Ký truyện.

Chín hồi đầu của bộ sách kể chuyện Tôn Ngộ Không từ khi được gặp Tiên cho đến khi bị đày xuống, nói có con khỉ Thạch hú do trù được nguồn nước, được quần chúng cử lên làm vua, sau lại ra khỏi núi, tìm được thầy và giác ngộ về đạo, dùng phép đại thần thông, làm rối loạn trời đất, Ngọc Đế bất đắc dĩ phong là Tề Thiên Đại Thánh. Lại quấy phá đại hội bàn đàو, Đế sai Quán Khâu Nhị Lang Chân Quân đánh, thành Đại chiến. Ngộ Không bị bắt, sách thuật trận chiến đấu đó biến hóa như sau:

Con khỉ nhỏ kia thấy Chân Quân đến thì vội đi báo cho Hầu Vương biết, Hầu Vương tức khắc giật lấy chiếc gậy Kim Cô, bước lên mây đi. Hai người thấy nhau đều xưng họ xung tên ra, rồi bày thế trận ra đánh, qua hơn

300 hợp, cả hai đều biến thân ra muôn trượng, vào trong mây mà đánh, xa mươi cửa động... Đại Thánh đang đánh thì bỗng thấy đám khỉ ở núi mình kinh sợ chạy toán loạn. Đại Thánh tách mình ra chạy, Chân Quân sải bước rượt theo, bên chạy bên đuổi. Đại Thánh hốt hoảng biến thân một cái và nhảy xuống nước. Chân Quân nói: "Cái con khỉ này xuống nước tất là biến làm tôm cá, để ta biến thành con bói cá đuổi theo". Đại Thánh thấy Chân Quân rượt đến, lại biến thành con chim bay lên đỗ trên cây, bị Chân Quân giương cung bắn một phát, rơi xuống trên bờ cỏ, nhưng rồi tìm khắp không có. Chân Quân quay về doanh trại Thiên Vương báo tin Hầu Vương thua trận này nọ cùng việc mình đuổi theo mà không thấy dấu vết gì. Thiên Vương lấy chiếc gương chiếu yêu chiếu vào, vội nói: "Con khỉ yêu đã đi đến vùng Quán Khẩu của ông rồi". Chân Quân về Quán Khẩu, Hầu Vương né một né, biến lại hình cũ, rồi hai người đều đưa mọi thủ đoạn ra xem ai hơn ai kém, Hầu Vương có ý muốn về núi, song bốn mặt đều có Thiên Vương vây và niệm chú. Bỗng nhiên Chân Quân cùng Bồ Tát ở trên mây nhìn, thấy Hầu Vương tinh lực sắp đuổi, Lão Quân vứt xuống chiếc vòng kim cương, đụng vào trên đầu Hầu Vương một cái. Hầu Vương ngã lộn nhào ra giữa đất, bị chó thần của Chân Quân cắn chặt lấy bụng Hầu Vương vừa kéo vừa di, nhưng rồi bị anh em Chân Quân lấy gậy gậy thần đâm giữ lấy, đem thẳng sắt ra cột lại (Hồi thứ 7: Chân Quân bắt được Hầu Vương).

Song chặt không bị thương, thui không chết, Như Lai mới cho vào dưới núi Ngũ Hành để núi đè lên, bảo đợi người đi lấy kinh. Bốn hồi tiếp theo kể việc Ngụy Trung chém rồng, Thái Tông xuống âm phủ, Lưu Toàn dâng dưa, đến việc Huyền Trang đi sang Tây, nói lý do của việc cầu kinh.

Hồi thứ 14 trở đi kể việc Huyền Trang giữa đường lấy thêm đồ đệ và gặp tai nạn như thế nào, và kết thúc là được chứng quả gặp Phật được kinh và trở về Đông. Đồ đệ có ba là Tôn Hành Giả, Trư Bát Giới, Sa Tăng, lại được cả Long mã, tai nạn thì hơn ba mươi, trong đó lớn nhất là ở Ngũ Trang quán, núi Bình Đinh, động Hỏa Vân, sông Thông Thiên, núi Động Địch, con khỉ sáu tai chùa Tiểu Lôi Âm v.v...

Chuyện kể thường là đơn giản sơ lược nhưng cũng có khi xen lẫn những câu hài hước để thêm vui cười như tả trận đánh ở động Hỏa Vân sau:

... Các thô địa đằng trước núi đằng sau núi đều đến cúi đầu bão danh? Chốn này gọi là suối Khô tùng, bên suối có một tòa Sơn Động tên là Hỏa Vân Động, động có một vị ma vương là con của Ma Vương Trâu, tên gọi là Hồng Hài Nhi, Hài Nhi có tam muội Châu hỏa rất là lợi hại. Hành Giả nghe nói quát bảo thô thần lui ra... Cùng với Bát Giới tiến vào trong động tìm... Ma Vương dặn yêu nhỏ bảo đẩy ra xe nhỏ nấm bánh, bày ở năm phương rồi cầm thương ra, sát khí bùng bùng, cùng Hành Giả đánh nhau đã mấy hợp, có Bát Giới hỗ trợ. Ma Vương chạy ngoặt lại, đẩm vào mũi một đẩm, trong mũi lửa phut ra, các xe nấm bánh cùng bùng cháy một loạt, Bát Giới nói: Ông anh mau mau chạy đi. Suýt nữa thì con lợn già này đã bị thuỷ cả con thêm gia vị nữa cho nó ăn cả. Hành Giả tuy tránh khỏi bị thiêu, nhưng sợ khói, hai người chỉ còn cách chạy trốn... (Hồi thứ 32: Đường Tam Tạng bắt được yêu, qua sông Bắc Hà).

Lại mời Quan Thế Âm đến, hóa dao làm tòa sen, dỗ mà bắt khỉ, đã hàng phục được rồi thì lấy nấm sợi lạt vàng vòng lại, lấy nước cam lồ mà tưới, mới bắt đầu chắp hai tay lạy về núi Lạc Giã. Trong tạp kịch Tây Du Ký, màn quỷ m矃 quy y bắt đầu với chuyện cũ, dùng cái bát cứu đứa trẻ, trong đó có nói:

Thưa Thế Tôn, xin hãy bằng lòng phát sức từ bi ra. Tôi cùng với Đường Tam Tạng Tây Du rồi về. Loài yêu quái Hài Nhi đã phóng sinh nó. Đến phía trước phải được hai thánh lang cứu Thế Tôn (Quyển 3). Mà đây lại đổi ra là con của Ngưu Ma Vương mà cùng với đứa trẻ có tài lành đã tham gia hiểu biết điều thiện cùng lẩn lộn.

Chương 17

TIỂU THUYẾT THẦN MA ĐỜI MINH (TRUNG)

Lại có *Tây Du Ký* bản một trăm hồi, đó là từ bản bốn mươi mốt hồi, in vào sau *Tây Du Ký* truyện mà ra, mà nay đặc biệt lưu hành mạnh và cho là của Khẩu Xử Cơ đạo sĩ đầu đời Nguyên làm, Xử Cơ vốn có đi Tây thật, Lý Chí thường ghi chép sự việc của ông làm sách *Trường Xuân Chân Nhân Tây Du Ký*, hai quyển này vẫn còn trong sách *Đạo Đàng*, chỉ vì cùng tên Chí nên người ta cho là một sách ấy cả. Buổi đầu đời Thanh người khắc in tiểu thuyết *Tây Du Ký* lại lấy bìa tựa sách *Trường Xuân Chân Nhân Tây Du Ký* của Ngu Tập làm mà in lên đầu sách, rồi câu chuyện không có căn cứ lại không thể dẹp bỏ đi được nữa.

Nhưng đến cuối đời Càn Long nhà Thanh, có Tiền Đại Hân viết lời bạt cho *Trường Xuân Chân Nhân Tây Du Ký* (*Tiềm nghiên đường văn tập* 29), đã có nói tiểu thuyết *Tây Du Ký* do người đời Minh làm, Kỷ Quân làm sách Như Thị Ngã Văn 3, lại nhân sách trên có những cẩm y vệ của nước Tế Trai, Tư Lễ Giám của nước Chu Tử Đông thành, binh mã ti của nước Diệt Pháp, Đại học Hàn lâm Viện Trung Thư khoa đời Đường Thái Tông đều là của đời Minh cả nên quyết đoán là sách của người Minh giả thác làm ra, chỉ một điều là còn chưa biết tác giả là người nào. Lại nữa, chuyện của quê hương, người ta càng thích nói, cho nên sau đó người Sơn Dương như các ông Đinh Án (Sách *Thạch Đinh Ký sự tục biên*), Nguyễn Quí Sinh (Sách

Trà Dư Khanh thoại) đều đã lục tìm tài liệu cũ và biết rằng tác giả của *Tây Du Ký* là Ngô Thừa Ân rồi. Ngô Ngọc Tấn (Sách *Sơn Dương chí di*) cũng nói vậy, chỉ còn nghi là Thừa Ân diễn sách của Khưu Xử Cơ ra, cũng như La Quán Trung diễn Tam Quốc Chí của Trần Thọ, chỉ do chưa thấy bản hai quyển nên còn nói là nghi. Lại nói có người bảo có sách *Hậu Tây Du Ký* mà do Xạ Dương tiên sinh làm nói thế chỉ là do tục thuyết mà thôi.

Ngô Thừa Ân tên tự là Nhữ Trung, hiệu là Xạ Dương Sơn nhân tính người lành lợi khôn ngoan, đọc rộng hết mọi sách, lại giỏi khôi hài, có viết một số tạp ký, nổi tiếng một thời. Là tuế cống sinh năm Giáp Thìn niên hiệu Gia Tinh, sau làm thừa lại huyện Trường Hưng. Đầu niên hiệu Long Khánh về Sơn Dương, đầu niên hiệu Vạn Lịch thì mất (Khoảng 1510 - 1580). Một trong những tạp ký của ông là *Tây Du Ký* (Thấy trong sách *Thiên Khải Hoài an phủ chí* 16, 14 và sách *Quang Tự Hoài an phủ chí cống cử biểu*), ngoài ra chưa rõ. Ngô Thừa Ân lại hay thơ. Thơ ông theo lời tựa của Trần Văn Chúc: “Lời tinh mà hiểu được, ý rộng mà sâu”, là nhà thơ hàng đầu vùng Hoài quận trong cả thời gian triều Minh, nhưng một đời nghèo, già rồi không có con nối dõi, bản thảo của ông mất đi nhiều. Khưu Chính Cương có thu thập được một số tàn khuyết làm thành bộ *Xạ Dương tồn cảo* bốn quyển, tục một quyển, Ngô Ngọc Tấn đưa cả vào Sơn Dương kỳ cựu tập (Sách *Sơn Dương chí di* 4). Song đến khoảng Đồng Trị, những người tu sửa Sơn Dương huyên Chí, bỏ câu giỏi khôi hài, viết tạp ký trong Nhân vật Chí di, còn trong Nghệ Văn chí thì không xếp mục *Tây Du Ký*, từ đó tính cách và hành trang của họ Ngô mất đi phần chân thật, và những kẻ biết rằng *Tây Du Ký* là do họ Ngô mà ra cũng càng ít đi.

Tây Du Ký về thứ lớp sắp xếp toàn bộ cuốn sách này với bản bốn mươi mốt hồi của Dương Chí Hòa làm hầu như ngang nhau: 7 hồi đầu nói chuyện Tôn Ngộ Không từ khi đắc đạo cho đến khi bị đày xuống là ngang với chín hồi đầu của bản họ Dương. Hồi 8 chép việc Thích Ca làm ra kinh, so với tập nói chuyện A Nan Kiết trong kinh Phật không khớp nhau. Hồi 9 chép việc bố mẹ Huyền Trang gặp nạn, việc Huyền Trang trả thù cũng không có, chỉ là của họ Ngô thêm vào. Hồi 10 đến hồi 12 tức là phần kể chuyện Ngụy Trung chém rồng đến chuyện Huyền Trang vâng chiếu đi Tây

là ngang với hồi 10 đến hồi 13 của bản họ Dương. Hồi 14 đến hồi 99 thì đều chép việc đi đường vào Tây Trúc gặp nạn như thế nào, Cửu (chín) tức là cứu (cứu cánh - ND), vạn vật chấm hết ở số 9. Vận hết, 9 lần 9 là 81 cho nên gặp 81 nạn, mà hồi 100 chuyện trở về Đông thành chân tu là hồi kết thúc.

Chỉ khác nhau ở chỗ bản của Dương Chí Hòa tuy rằng đại thể là tốt nhưng văn từ thô lỗ, cũng có thể nói là tạm thành cuốn sách mà thôi. Còn họ Ngô thì là một cây bút tài hoa, người lanh lợi khôn ngoan, uyên bác tao nhã, nói về mặt tài liệu thì tìm kiếm hết sức rộng rãi. Trong sách *Tây Du Ký* thì cũng lấy *Hoa Quang truyện* và *Chân vô truyện*, trong cái tích cũ Tây Du thì cũng lấy sách *Tây Du Ký tạp kịch* cùng sách Tam Tạng thủ kinh thi thoại (?). Trong những truyện đã đổi thay làm lại thì cũng lấy các sách như *Dại Dương tạp trổ*, *Dị văn tập* trong chuyện truyền kỳ đời Đường. Về mặt châm biếm trêu cợt thì lấy ở nhân tình thế thái đương thời, rồi gia công miêu tả phô trương, hầu như là thay đổi hẳn, chẳng hạn hai chàng ở Quán Khẩu đánh với Tôn Ngộ Không bản họ Dương chỉ vền vẹn hơn ba trăm chữ mà của họ Ngô thì gấp mười. Trước tiên kể việc hai người hiện ra pháp tượng, tiếp đó kể việc Đại Thánh hóa thành chim sẻ, hóa thành đại tự lão, thành cá, thành rắn nước, Chân Quân thì hóa thành tước ưng, thành đại hải hạc, thành chim bói cá, thành hạc màu tro. Đại Thánh lại hóa thành chim bão. Châu Quân cho là chim hèn, không thèm đánh với, tức thì hiện lại nguyên hình, dùng hòn đá bắn rơi xuống.

...Đại Thánh ta lợi dụng cơ hội chạy trên sườn núi xuống như lăn, nấp vào một chỗ rồi lại biến, biến thành một ngôi miếu thờ thổ địa: há to mồm ra giống như cái cửa miếu, răng bị biến thành cánh cửa, chót lưỡi biến thành một ông Bồ Tát. Con người mắt biến thành hoa văn tròn cửa sổ, chỉ còn cái đuôi cuốn không kỹ, dựng đứng lên đằng sau, nhưng rồi biến thành một cái cán cờ. Chân Quân đuổi theo đến sườn núi, không thấy con chim bão mình đang đuổi mà chỉ thấy một gian miếu nhỏ, vội tròn đoi mắt phượng lên, nhìn kỹ, thấy cái cán cờ cắm đằng sau, cười mà nói: Chính là khỉ đây rồi. Bây giờ nó lại trêu ta ở đây. Ta đã thấy nhiều miếu đền, mà chưa thấy miếu đền nào lại cắm cờ ở đằng sau. Hắn là con súc sinh đó trêu ta rồi. Nếu nó lại trêu ta mà bỏ chạy thì chắc nó lại cắn ta một miếng đă, còn ta, ta

mà lại bỏ chạy? Hãy đợi đó, ta sẽ giơ nắm tay đấm cái hoa văn ở cửa song, rồi đá cái cánh cửa, Đại Thánh nghe được.... Nghe một tiếng quặt như hổ nhảy, rồi lên giữa tầng không, bao trùm đi không thấy... Chân Quân chạy dồn trước rồi chạy dồn sau, đuổi lung tung... lên nửa lung trời thấy Lý Thiên Vương giơ cao gương chiếu yêu, cùng với Na Tra đứng trên đám mây, Chân Quân nói: "Thiên Vương có thấy Hầu Vương kia không?", Thiên Vương đáp: "Có lên đây đâu, tôi ở đây soi tìm nó đây". Chân Quân đem tất cả các chuyện thấy nó biến hóa, chơi đùa với phép thần thông, bắt bọn khỉ v.v... nói hết rồi nói: "Nó biến thành ngôi miếu, ngay lúc tôi định đánh thì nó chạy mất". Lý Thiên Vương nghe vậy thì lại giơ gương chiếu yêu lên soi khắp bốn phương một lượt, cười khà khà mà nói: "Chân Quân, mau đi đi, đi đi, con khỉ kia nó dùng phép ẩn thân chạy ra ngoài vòng vây, đến chỗ cửa khẩu Quán Giang kia của ông rồi...". Lại nói chuyện Đại Thánh ta đã về đến cửa Quán Giang rồi rùng mình một cái biến thành hình dáng hai anh chàng, trên mây nhầm xuống đi tắt vào trong ngôi miếu. Các quan Quỷ phán không nhận ra, quan nào quan nấy rập đầu lạy mà đón tiếp. Đại Thánh ngồi vào căn giữa, kiểm tra việc thờ cúng thề nguyên, thấy lễ Tam Sanh của Lý Hổ bái trả lại, giấy bảo phúc của Trương Long Hứa đưa xuống, văn thư cầu tự của Triệu Giáp, giấy của Tiểu Bình cáo ốm. Đang còn xem thì có người báo: Có một ông nào đến, các quỷ phán vội nhìn xem thì không ai không kinh hồn. Chân Quân bèn nói: "Có một tay Tề Thiên Đại Thánh nào vừa đến đây phải không?" các quỷ phán trả lời không thấy Đại Thánh nào cả, chỉ có một cái ông ở trong đó kiểm tra mọi việc. Chân Quân xông đến cửa... Đại Thánh thấy, biến lại nguyên hình nói: Ông già này; Đừng ồn, ngôi miếu mang họ Tôn rồi". Chân Quân tức thì lấy cái giáo thắn ba xỉa hai mũi nhầm mặt định đâm cho rách toạc ra. Hầu Vương dùng phép né mình, giáo thắn đâm không trúng, lấy ra một tấm thêu, choàng một choàng, đâu Chân Quân giống hệt một cái bát, rồi chạy lên trước, hai bên đối diện nhau. Cả đôi ồn ào lung tung, ra ngoài cửa miếu, nửa mù nửa mây, vừa đi vừa đánh, cho đến núi hoa quả. Đại Thiên Vương thấy hoảng lên, càng đè phòng kỵ, các chức thái úy Khang Trương rước lấy Chân Quân, đồng lòng ra sức vây vòng lấy Hầu Vương. Chuyện tạm ngừng... (Hồi thứ 6 phần cuối: Tiểu Thánh ra oai hàng phục được Đại Thánh).

Song tác giả cấu tứ huyền ảo là đại để ở trong tám mươi mốt nạn, như trận đánh ở núi Kim Đâu (Từ hồi 50 đến hồi 52). Sự tranh chấp giữa nhị tâm (Hồi 57 và hồi 58). Trận đánh ở núi Hỏa Diệm Sơn (Từ hồi 59 đến hồi 61), biến hóa ra làm điều này điều nọ, hết sức kỳ lạ phóng túng. Hai chuyện trước trong sách họ Dương đã có rồi, còn chuyện sau thì thấy trong Tây Du Ký của tạp kịch, cùng với chuyện Thiết Phiến Công Chúa trong *Hoa Quang truyện*.

Phối hợp với chuyện Ngưu Ma Vương là vai chỉ thấy cái tên ở trong *Tây Du Ký truyện*, đã cho chuyện của mình càng thêm phần quái lạ như thế. Thuật chuyện Ngưu Ma Vương khi đã làm cho các thần phục mình rồi, thì sai La sát nữ dâng quạt ba tiêu, rồi dùng mà diệt lửa Hỏa Diệm Sơn, giúp vào việc Huyền Trang đi Tây thiên như sau:

... Con trâu già kia lòng kinh gan sợ... Trông lên thấy là chạy, may gặp có Thác tháp Lý Thiên Vương cùng với Na Tra thái tử linh lấy cái kéo thuốc ruột cá và cái màn cự linh thần tướng ở trên không... Ngưu Vương vội vàng, rùng mình biến một cái như trước, biến thành một con trâu bạc to, giơ hai cái sừng sắt ra húc Thiên Vương, Thiên Vương đưa dao ra chặt. Theo sau có Tôn Hành Giả lại đến, nói: Con vật hèn này thần thông không nhỏ, lại biến thành cái thân xác to thế, ta làm sao bẫy giờ? Thái Tử cười bảo: Đại Thánh đừng nghi ngờ, xem tôi bắt nó đây. Thái Tử ta tức thì quát một tiếng biến, rồi biến thành ba đầu, sáu tay bay người lên, nhảy lên lưng Ngưu Vương, giơ gươm Trảm yêu nhẹ lén cổ nó vẩy một vẩy, bất giác đầu trâu bị chém đứt ra, Thiên Vương vứt dao rồi cùng Hành Giả hai bên gặp mặt nhau. Còn Ngưu Vương kia thì từ trong bụng lại lòi ra một cái đầu, miệng phì ra khí đen, mặt phóng ra ánh sáng ngời vàng. Na Tra lại chặt cho một chặt, chổ đầu rơi ra, lại thò ra một đầu khác nữa, Na Tra chém liền mười hai nhát, thì mười hai cái đầu lại liền thò dài ra, Na Tra lấy ra cái bánh xe lửa, móc vào sừng trâu, rồi thổi lửa phép lên, lửa hừng hực, đốt cho Ngưu Vương phát diên gào rống, lắc đầu vẩy đuôi. Đang còn muốn biến hóa để thoát thân thì lại bị Thác tháp Thiên Vương giơ gươm chiếu yêu lên chiếu vào, hình tượng thế nào cứ nguyên thế đó, nhảy kéo không được. Hết kế trốn đi, chỉ kêu: Đừng làm hại tính mạng tôi, tôi xin thuận theo đạo Phật. Na Tra nói:

“Đã tiếc mạng muối sống thì mau đem cái quạt ra đây”.

Ngưu Vương nói: “Cái quạt là do vợ tôi ở quê trong núi lấy mà”. Na Tra nghe nói, mở cái thùng yêu ra... Xỏ vào cái lỗ mũi, cầm dắt đi... Về đến động Ba Tiêu, trâu già ta lại bảo: “Phu nhân, đưa cái quạt ra đây, để cứu mạng tôi”. La Sát nghe gọi vội lột bỏ trâm cài, vòng đeo cởi áo mầu đang mặc ra, kéo sợi tơ xanh như dạ đạo cô, mặc đồ tang giống như Tì Khảm, hai tay nâng cái quạt ba tiêu cán dài có đến một trượng hai, chạy ra cửa. Lại thấy cả các thánh Kim Cương cùng cha con Thiên Vương, hoảng hốt quỳ xuống giữa đất, rập đầu lạy và nói: mong Bồ Tát tha mạng cho vợ chồng chúng tôi, đem quạt này dâng chủ Tôn, chúc chủ di thành công... di gần đến bên núi cầm, lấy hết sức ra quạt một quạt núi Hỏa Diệm Sơn êm đềm tắt lửa, lảng lặng hết người. Lại quạt một quạt nữa, thì chỉ nghe những tiếng khì mau khì chậm, rồi gió mát thoả nhẹ nhàng, quạt cái thứ ba thì đầy trời mây bay man mác, mưa bụi rắc đầy, có thơ sau làm chứng.

*Núi này xa lắc tám trăm đường
Núi lửa lừng danh, nổi bốn phương
Lửa nấu nấm canh đan chẳng chín
Lửa soi ba cửa lối còn vương
Móc mưa nhờ quạt ba tiêu giúp
Thần công may được tướng trời ban...*

HÒI 11 - Hạ (Tôn Hành Giả ba lần dùng quạt ba tiêu).

Lại nữa, tác giả tính người hài hước, cho nên tuy thuật biến ảo hoảng hốt mà cũng xen vào những câu dí dỏm, làm cho thần ma cũng có nhân tình, tình yêu cũng rõ thế thái, và cái ý nghĩa khinh dời, không cung kính với ma quỷ cũng rõ hơn, thấy rõ hơn (Thấy rõ hơn trong sách *Tây Du khảo chứng* của Hồ Thích). Chẳng hạn đoạn văn kể chuyện Tôn Ngộ Không bị con quái vật trên rừng động Kim Đâu đánh cho thua to. Mất chiếc gậy Kim Cô, phải lên yết kiến Ngọc Đế, xin ra quân đánh bắt nó sau đây:

... Lúc ấy bốn mươi mốt hiền sư ra lệnh tâu lên linh tiêu, dẫn đến

ngọc bệ. Hành Giả ngẩng mặt lên chầu, vái chào và nói: “Bẩm quan lớn, xin làm phiền ngài. Tôi là lão Tôn bảo vệ Đường Tăng sang trời Tây lấy kinh, trên đường lành ít dữ nhiều, điều đó không cần nói. Giờ đây là từ động Kim Lâu trong núi Kim Đâu mà đến. Ở trong động đó có con quái vật trâu rừng, nó bắt Đường Tăng vào trong động, không biết để nấu, để hầm hay để phơi khô. Lão Tôn này tìm đường lên cửa nó, cũng có đánh trận, con quái đó có phép thần thông rộng, nó cướp mất cái gậy Kim Cô của lão, vì thế khó trói được yêu ma. Con quái lại nói có hơi nhận ra được lão, lão nghĩ nó là hung tinh trên trời vì nhớ phàm trần mà xuống, vì thế mà phải lên tâu bày. Kính xin Thiên Tôn rủ lòng từ bi, đèn trời soi xét, xuống chiếu sai tra khám xét các hung tinh, ra quân bắt yêu ma, lão Tôn này khôn xiết run sợ kinh hoàng. Thế rồi lại còn khom lưng nói hai tiếng kính tâu nữa. Bên cạnh có Cát Tiên ông. Ông cười mà nói: Con khỉ sao lại trước thì ngạo nghẽ, sau lại cung kính. Hành Giả trả lời: “Dám đâu, dám đâu, không phải trước thì ngạo nghẽ, sau lại cung kính đâu, lão Tôn tôi nay có gậy Kim Cô đâu nữa mà đùa...” (Hồi thứ 51 thượng: tâm vượn có ngàn kế).

Bình luận sách này có người đời Thanh là Ngộ Nhất Tử, Trần Sĩ Bân ở Sơn Âm viết sách *Tây Du Chân toàn* do Vưu Đông đề tựa năm Bính Tý Khang Hi. Trương Thư Thân ở Tây Hà viết sách *Tây Du chính chỉ* có tựa đề năm Mậu Thìn Càn Long, và Ngô Nguyên Lưu Nhất Minh viết sách *Tây Du nguyên chỉ* có tựa đề năm Gia Khánh 15, người thì bảo đó là sách khuyên người ta chăm học, người thì bảo đó là sách bàn về đạo Phật, người lại bảo đó là sách bàn về đạo giáo. Ai cũng cố đưa lý lẽ và phương pháp để chứng minh, lời văn rất rườm. Nhưng tác giả sách này tuy là nhà Nho, mà sách làm thực ra là chỉ để mua vui, cũng không phải nói về đạo giáo, cho nên trong toàn bộ cuốn sách chỉ thỉnh thoảng gặp một số câu thường đàm về thuyết ngũ hành định khắc mà thôi. Tác giả lại càng chưa biết đến Phật giáo cho nên trong hồi cuối có những tiết mục Kinh Phật thậm chí hoang đường, không căn cứ vào đâu. Sở dĩ như thế chỉ là do nền tôn giáo hỗn đồng, lưu hành đã lâu, cho nên các sách làm ra cũng cho Thích Ca với Lão Quân là cùng dòng phái, thuyết chân tính với thuyết nguyên thần xen lẫn nhau, dẫn đến việc đồ đệ của tôn giáo, bên nào cũng tùy ý phụ họa vào được

mà thôi. Giả sử muôn tìm cho cái đại ý của chủ đề cuốn truyện thì Tạ Triệu Chế trong sách *Ngũ tạp tố* 15 của mình có nói: Chuyện Tây Du Ký dài dòng, hư không và quái đản, lại biến hóa tung hoành, trên trời dưới đất, không gì cầm đoán được, cuối cùng áo thắt thông lọng được một con trâu rừng mà khiến được con vượn lòng thuần phục, đến chết cũng không đổi khác. Đó chỉ là cái ví dụ về thuyết tìm lại cái phóng tâm, không phải là một tác phẩm lãng mạn, nói suông, không có chủ đích.

Mấy câu của Tạ Triệu Chế đó cũng đủ nói hết ý rồi. Còn chính tác giả thì cũng chỉ nói: Các Tăng ni bàn luận về ý định của cửa Phật. Về lý do đi Tây lấy kinh... Tam Tạng ngậm kín miệng không nói, chỉ lấy tay chỉ tim mình, gật đầu mấy cái, chúng tăng không ai hiểu ý thế nào... Tam Tạng nói: Tâm sinh thì mọi loại ma sinh, tâm diệt thì mọi loại ma diệt, bọn đệ tử ta đã từng ở trong chùa Hòa Sinh thề nguyễn trước Phật, nay không phải là do ta không hết cái lòng đó, chuyến đi này nhất định phải đến Tây Thiên chầu Phật xin Kinh, làm thế nào để cho bánh xe phép Phật trở lại, cơ đồ của Đức Vua vĩnh viễn vững bền (Hồi thứ 13) mà thôi.

Hậu Tây Du Ký sáu quyển bốn mươi hồi không biết của người nào làm trong đó bảo núi hoa quả lại sinh ra con Thạch Hầu, vẫn được phép thần thông, xưng là tiểu thành, giúp hòa thượng Đại Diên, được ban cho hiệu Bán kê đi Tây Thiên lần nữa để kính cẩn xin sự giải đáp chân thật, dọc đường thu nạp Trư Bát Giới, được Sa Di, cũng gặp các ma, nhiều lần bị nguy nan, song cuối cùng cũng đến được chỗ núi thiêng, được sự giải đáp mà trở về. Còn việc cho Nho Thích là một thì cũng như trong Tây Du, nhưng dựng chuyện viết văn đều khiêm tốn hơn, đem cái trong đẹp của thơ văn Ngô Thừa Ân mà nâng cao chuyện lên, tỏ ý là không phải tự mình sáng tác lấy. Lại có *Tục Tây Du Ký* mô phỏng diễn tả quá thật thành ra câu chuyện không linh hoạt, thêm thắt vào sự linh thiêng hư ảo của Tỉ Khưu, càng ra vẽ rắn thêm chân mà thôi.

Chương 18

TIỂU THUYẾT THẦN MA ĐỜI MINH (HẠ)

Chuyện *Phong thần* một trăm hồi, bản hiện nay không đề tên người soạn. Lương Chương Cự làm sách *Lãng tích tục đàm* 6 có nói: Lâm Việt Đình (xét ra tên là Kiều Âm) tiên sinh cùng tôi nhiều lần nói chuyện, nói sách *Phong thần truyện* do một túc nho đời Minh trước kia làm ra có ý muốn để cho chuyện của mình cùng với chuyện Tây Du, chuyện Thủy hử cùng đứng vững như một bộ ba, nhưng tình cờ đọc thiên Võ Thành, sách *Thượng thư* thấy có câu: Duy nhì hữu thần thượng khắc tương dữ, rồi diễn ra thành chuyện đó. Sự việc Phong thần là căn cứ ngầm ở các sách Lục thao (Lời tựa của *Lễ nghi chí* trong sách Cựu Đường thư). Sách Âm mưu (Tựu sách Thanh Bình Ngự Lâm). Sách Sử ký, sách Phong Thiện thư, sách Đường thư, sách Lê nghi chí, chuyện phô trương nhưng chừng chắc hay, lạ. Không phải là không có căn bản tất cả. Song tên của vị túc nho nói trên thì chưa nói ra. Bên Nhật Bản có bản khắc đời Minh thì đề là Hứa Trọng Lâm làm (Mục lục sách chữ Hán, bộ thứ: kho sách của nội các, nay chưa thấy được lời tựa không thể định được làm vào thời nào). Song Trương Võ Cửu làm tựa cho *Bình yêu truyện* có nói qua về chuyện Phong thần thì có thể là làm xong vào khoảng Long Khánh Vạn Lịch (nửa sau thế kỷ 16). Bài thơ của chương mở đầu có câu: Thương Chu diễn nghĩa xưa nay truyền, thế thì hình như sách này cũng cốt nhầm diễn sử nhưng lại nói về chuyện thần quái quá nhiều... mười phần đến chín phần là bày đặt thực ra chỉ là mượn sự Thương

Chu tranh giành để tả lại cái ảo tưởng của mình, so với Thủy hử thì kém vì không có sự thật. Với Tây Du thì kém về mặt hùng tráng phóng túng, cho nên mãi đến ngày nay chưa có ai cho là bộ ba chân vạc cả.

Phong Thiện thư trong *Sử ký* nói: tám thần tướng là làm ra từ Thái Công về sau này. Trong Lục Thao và Kim quỷ cũng có chỗ ghi chép về phép thần của Thái Công. Đắc Kỷ là Hồ tinh thì thấy trong chú giải sách *Mông cầu* của Lý Hân đời Đường, đó là chuyện thần dị thời Thương Chu, vốn đã cũ rồi. Song Phong Thần cũng là chuyện kể ngoài đường ngõ đời Minh, đã thấy trong *Chân Võ truyện*, chứ đâu phải gốc từ sách *Thượng Thư* mà ra.

Chuyện Phong Thần bắt đầu với việc vua nhà Ân là Tân dâng hương ở cung Nữ Oa, làm thơ nói quá nhiều đến thần, thần nhân đó sai ba con yêu làm mê hoặc vua Trụ để giúp cho nhà Chu. Từ hồi thứ 2 đến hồi thứ 30 thì thuật những chuyện vua Trụ bạo ngược, việc Tử Nha bỏ nơi ẩn mà ra, việc Tây Bá thoát khỏi tai họa, việc Võ Công của Võ Vương Thành rồi là phản lại nhà Thương đi đến cuộc chiến giữa Ân và Chu. Sau đó nói nhiều về chiến tranh Thần và Phật hiện ra lẩn lộn, bên giúp nhà Chu là phái Xiển giáo, đây tức là hai đạo Phật và Đạo, bên giúp nhà Ân là phái tiệt giáo không hiểu là thế nào. Tiền Tịnh Phương làm sách tiểu thuyết tùng khảo (thượng), cho là như trong thiên Khắc Ân của Chư Thư nói, Võ Vương bèn đi đánh bốn phương, kể các nước tin theo có 99. Chặt đầu cắt tai ma phỏng chừng mười bảy ngàn bảy trăm bảy mươi chín, bắt sống ba úc vạn, hai trăm ba chục (xét ra là đoạn văn trên là ở trong chương Tề Phù, họ Tiền tình cờ ghép sai) chữ ma và chữ nhân hiểu tách ra, rồi do đó mà cho là tiệt giáo. Song hai chữ ma ra là tiếng Phạn, đời Chu chưa phiên ra, đã thế rồi chữ Ma trong thiên Thể phù lại viết chữ mà là Mài³, đó là chữ chép lầm nhưng thực ra cũng chưa rõ. Còn trong các trận đánh thì bên nào cũng có đua tài phù phép, bên nào cũng có tử thương nhưng tiệt giáo rút cuộc thua. Chuyện kết thúc với việc vua Trụ tự đốt chết. Võ Vương nhà Chu vào đất Ân. Tử Nha về nước được Phong Thần Võ Vương phân phong các nước. Phong làm vua một nước là để đền ơn công thần, phong thần là để thỏa lòng các quỷ cổ công, mà việc

³ Âm Hán Việt cũng đọc là ma - ND.

thần người chết đi thì giao cho số kiếp. Trong câu chuyện có khi đưa tên Phật ra, tình cờ cũng nói đến danh giáo, hồn hợp ba Tôn giáo đại khái cũng như Tây Du, song ở đây về căn bản thì chỉ là kiến thức của các phuơng sĩ mà thôi. Về chiến sự thì chỉ có thông thiên giáo chủ của Tiết giáo hay ra trận vạn tiên, các tiên chiếu giáo hợp nhóm lại phá đi, trận đó là ác liệt nhất.

Chuyện kể Lão Tử cùng với Nguyên Thủy xông vào trong trận Bát Vạn Tiên, trùm bọc thông thiên giáo chủ lại. Kim Linh Thánh mẫu thì bị ba đại sư vây lại trong đó... Dùng Ngọc như ý vây ba đại sỹ một chặp lâu, không dè làm cho mū Kim quan trên đầu rơi xuống giữa đất bụi, tóc tung ra, Thánh mẫu để tóc xõa vạy mà ra sức đánh. Đang lúc đánh như thế thì gặp Nhiên Đăng đạo sỹ, đạo sỹ khấn khứa sai Đinh Hải Châu đánh trả, đánh trúng ngay cái con mắt trên đỉnh đầu. Thương thay thật là:

Phong Thần ngôi chính làm sao đầu,

Cửa Bắc khói thơm còn muôn thuở.

Nhiên Đăng tướng Đinh Hải Châu đánh Kim Linh Thánh mẫu chết. Quảng Thành tử khấn khứa sai Lục Tiên Kiến, Đạo Hành Thiện Tôn khấn khứa sai Hâm Tiên Kiến, Ngọc Đinh Châu nhân khấn khứa sai Tuyệt Tiên Kiếm, thế là hai, ba luồng khí đen xông lên tầng không, trùm kín trận Bát Vạn Tiên lại: Những ai có tiếng tăm trên đài Phong Thần đều bị giết chết, khác nào cưa bị chặt, rau bị thái ra. Tử Nha khấn khứa sai Đã thần tiên tùy ý ra roi quất. Giữa trận Vạn Tiên lại bị Dương Nhâm quạt Ngũ hỏa quạt đưa lên cao nghìn trượng, khói đen ngút trời... Na Tra hiện ra ba đầu, tám tay xung đột đâu đó. Thông Thiên Giáo chủ thấy Bát tiên bị tàn sát như vậy thì trong bụng rất căm, vội hô rằng: Trương Nhĩ Định Quang tiên mau đưa phuơn lực hồn ra đây! Định Quang tiên nhân tiếp dẫn đạo nhân có sen trắng bọc thân, xá lợi hiện tia sáng. Lại thấy đệ tử hai đời người nhà Huyền Đô ai cũng có chuỗi ngọc đèn vàng hoa sáng chùm người thì biết họ xuất thân trong sạch chính đáng, Tiết giáo rút cuộc là tầm bậy. Thế là chàng thu lá cờ lạc hồn lại, nhè nhẹ ra khỏi trận Bát Vạn Tiên, tấp vào dưới đám lau sậy ẩn mình. Chính là:

*Căn sâu nguyên vốn khách phương Tây
Ẩn trong lau sậy dâng cỏ báu.*

Chuyện kể Thông thiên giáo chủ... Không ưa đánh đấm chỉ muốn lui về hậu phương. Lại sợ đồ đệ của mình chê cười, chỉ miên cưỡng ở đó vậy thôi. Nhưng lại bị Lão Tử phang cho một gậy, nên đám hoảng, khấn khứa sai Tử Điện Chùy đến đánh Lão Tử. Lão Tử cười nói: "Cái thứ ấy sao mà đến gần ta được?". Rồi thấy trên đầu ông hiện lên ngọn tháp bửu lung linh. Chùy kia sao mà xuống được?... Thấy hai mươi tám vị tinh tú quan đã giết gần hết, chỉ có thầy Khưu Dẫn thấy thế mình không lợi, độn thổ chạy được. Nhưng bị Lục Áp nhìn thấy, sợ đuổi không kịp nên vung mình lên không, mở cái bầu hò lô thả ra một luồng sáng trắng, bên trên có vật gì bay ra.

Lục Áp cúi mình một cái, ra lệnh: "Bửu bối chuyển mình". Thương ôi Khưu Dẫn, đầu đã rơi xuống đất... Hãy nói chuyện Tiến dân đạo nhân ở trong trận Vạn Tiên mở cái túi hiền khôn ra bắt nhét vào ba ngàn khách hồng khí. Ai có duyên đến nơi cực lạc đều được bắt vào trong túi. Chuẩn Đề Động Không Tước minh vương ở trong trận hiện ra hai mươi bốn đầu, mươi tám tay, bốc các vật chuỗi hạt ngọc, leng tàn chuỗi hoa, gươm ruột cù, nỏ vàng, lao bạc, búa trắng, phướn, chủy già trì thần, lò than bằng ngọc, bình bạc tất cả đến đánh Thông thiên giáo chủ. Giáo chủ nhìn thấy Chuẩn Đề liền sai Tam muội Châu hỏa... và mắng to rằng: "Đồ vô lại, sao mà dám coi thường ta đến thế, lại đến làm loạn trận này của ta". Rồi thả Khiên Ngưu xông ra, mình thì chống gậy đứng mà bắt, Chuẩn Đề đưa cây thắt bảo ra đỡ. Thật là:

Tây Phương cực lạc vô cùng phép

Mỗi phép là hoa sen hóa ra.

(Hồi thứ 84)

Sách *Tam Biểu Thái giám Tây Dương Ký* thông tục diễn nghĩa cũng là một trăm hồi đề là Nhị Nam Lý nhân biên thứ.

Dầu sách có ghi Vạn Lịch Đinh Dậu (1579). Ngày lành tháng 9. La Mậu đăng tự. La Mậu là tác giả. Sách kể việc thời niên hiệu Vĩnh Lạc Thái giám Trịnh Hòa Vương Cảnh Hoàng thu phục được ba mươi chín nước man di bên ngoài, nước nào cũng bắt triều cống. Trịnh Hòa theo Minh Sử (304, *Hoạn quan truyện*) nói là người Văn Nam, người mà người ta gọi là Tam Bảo Thái giám ấy. Năm Vĩnh Lạc thứ ba, triều đình sai Hòa cùng bè bạn là bọn Vương Cảnh Hoàng, đi sứ Tây Dương đem theo quân lính hơn vạn bảy nghìn tám trăm người, mang nhiều vàng lụa, sắm thuyền lớn... Từ sông Lưu Gia Hà đi biển, đến Phúc Kiến, lại từ Phúc Kiến, tại Ngũ Hồ môn giương buồm trước hết đến Chiêm Thành, sau đó lượt lần đi khắp mọi nước, tuyên chiếu ở cửa thiên tử và ban cấp cho người trưởng quốc nếu không chịu phục thì dùng vũ lực mà uy hiếp. Trước sau đi sứ bảy lần, trải qua hơn ba mươi nước, lấy những đồ vật quý giá mà không biết tên gọi là gì, nhiều không kể xiết mà Trung Quốc hao tổn cũng không tính được. Sau Hòa, phàm những kẻ đi ra phía ngoài biển xa, không ai không xưng tụng Trịnh Hòa để khoe khoang với các phiên thuộc. Cho nên tục thường kể chuyện *Tam Bảo Thái Giám Hạ Tây Dương*, cho là một chuyện Thịnh sự.

Vì lẽ Trịnh Hòa ở đời Minh tiếng tăm lừng lẫy, người đời thích nhắc đến, thế mà từ Gia Tĩnh về sau, cái nạn lùn rất nguy, dân gian thường cảm nỗi yêu hèn hiện tại, lại do chuyện cũ tập trung vào, thành ra không nghĩ đến việc tướng soái mà nghĩ đến việc chức Thái Giám hơn, rồi hái lượm những điều truyền văn quê mùa mà làm ra sách, cho nên lời tựa có nói: Hiện nay việc phía Đông cấp bách, làm sao được như việc Tây nhung đến ngay, không ví được với việc Tây nhung đến ngay thì làm sao mà để ông Vương ông Trịnh thấy được. Một điều là sách nói nhiều đến chuyện quái lạ, thích chuộng hoang đường so với lời tựa khẳng khái thì không cân xứng: Hồi thứ nhất đến hồi thứ 7 là chuyện Bích Phong trưởng lão hạ sinh xuống trần, xuất gia đi tu và hàng phục được ma. Hồi thứ 8 đến hồi thứ 14 là chuyện Bích Phong và Trương Thiên Sử đấu phép với nhau, từ hồi thứ 15 trở xuống thì việc Trịnh Hòa treo ấn, chiêu mộ binh lính đi Tây chinh, có Thiên Sử cùng Bích Phong giúp, chém trừ yêu nghịch, các nước vào triều cống. Trịnh Hòa cất dựng nhà thờ. Thuật chuyện đánh nhau thì lai tạp của

Tây Du Ký và Phong Thần truyện, song văn từ không thông, lại thường thêm chi tiết rườm rà, đặc biệt có nhiều chuyện kể ở các làng quê như Ngũ quỷ náo phán, Ngũ thủ náo Đông kinh, muốn khảo xét thì trong sách này có thể tìm được cả, âu cũng là sở trường của nó. Chuyện Ngũ Thủ hình như từ tích việc tranh giành của “hai lóng” trong *Tây Du Ký* mà thoát thai ra. Chuyện Ngũ Quỷ thì chép việc các nước ngoại cùng nhà Minh đánh nhau xong, những kẻ tử trận ở dưới âm ty nhận tội, phần nhiều là bị ác báo, vì vậy mà làm loạn, thẳng tay đánh quan tòa. Hai bên cãi cọ như sau:

... Ngũ Quý nói: “Đã không phải vì tư tình mà bắn luật pháp đi, thì lại là tra xét xử lý không công minh”.

Diêm La Vương nói: “Cái gì là tra xét xử lý không công minh, mà nói ta nghe nào”. Đầu hết là Khương lão tinh nói: “Kẻ nhỏ mọn này là một ông quan Tổng binh của nước Kim Liên Tượng, vì nước quên thân, vì chức trách tội con, sao lại nói tôi đáng đưa sang ty phạt ác? Lấy việc đó mà suy ra lại không phải vì nước nhà mà đưa sức lực ra làm hay sao?” Thôi Phán quan nói:

“Nước nhà không khổ vì nạn lớn thì đưa sức lực ra vì nước nhà làm gì?” Khương lão tinh nói: “Người Nam thuyền quý nghìn hiệu, chiến tướng nghìn viên, hùng binh trăm vạn, thế nguy như trứng chồng, thế mà bảo là nước nhà khổ không gấp nạn lớn à?” Thôi Phán quan nói: “Người Nam đã khi nào diệt xá tặc của người ta, nuốt đất đai của người ta, tham tiền của người ta chưa? Sao lại nói thế nguy như trứng chồng?” Khương lão tinh nói: “Quốc thể không nguy, mà tôi đi giết người không gớm à?” Phán quan nói: “Người Nam có đến thì chỉ một tờ giấy bảo hàng là được, họ đã uy hiếp ai đâu nào, toàn bị các anh một bên ham đánh đó thôi, thế không phải là giết người không chán à?” Giảo Hải Can nói: “Phán quan Đại Vương sai sai. Nước Qua Oa tôi 500 tên quân ngư nhân bị chặt đôi ra hai khúc, ba ngàn tên quân bộ bị nấu làm một nồi, thế là chúng tôi hăng đánh à?” Phán quan nói: “Bạn các người đều là mình làm mình chịu cả”. Viên nhẫn thiếp mộc thi nói: “Bạn tôi cứ một người bị chém làm tư, đó là chúng tôi ham đánh nhau à?” Phán quan nói: “Cũng là do các người mình làm, mình chịu cả”. Bàn Long tam thái tử nói: “Tôi lấy đao tự vẫn, không phải vì bị uy bức sao?”

Phán quan nói: “Cũng là do các người mình làm mình chịu cả”. Bách Lý Nhận nói: “Bạn tôi bị đốt thành con quỷ đâu như que củi, há không phải vì họ bức bách phải làm hay sao?” Phán quan nói: “Cũng là mình làm mình chịu cả”. Năm con quỷ nhất tè rống lên nói: “Ông nói mình làm mình chịu cái gì, từ xưa người ta bảo: giết người thì đèn mạng, thiếu nợ thì trả tiền, bọn họ cầm giáo giết oan bạn tôi, sao ông còn xử bệnh cho họ?” Phán quan nói: “Ta đây nắm pháp luật không riêng tư, sao lại bảo là bệnh?” Ngũ quỷ nói: “Bảo là nắm pháp luật, không riêng tư,... sao không xử họ đèn mạng cho bọn tôi?” Phán quan bảo: “Luật không xét cho đèn mạng các người”. Ngũ quỷ nói: “Ba chữ luật không cho tức là tư tình che lấp rồi”. Năm con quỷ đồng người lầm móm, kêu la loạn xì, thành một đám inh ôi lung tung. Phán quan thấy bọn họ quá hung hăng, không biết làm thế nào, chỉ đứng lên quát: “Cút, đứa nào dám ở lại đây nói bậ? Ta có tư tình, thì cái bút của ta để đây cho tư tình à?”. Năm con quỷ một loạt chạy lên nhầm tay Phán quan giật một cái, cướp lấy cái bút nói: “Bút sắt kia mới vô tư, còn cái bút râu nhện nhà ông, chằng chịt lấy nhau là tư cả, thế ông dám bảo là nó không dung tư, không để cho tư vị à?” (Hồi thứ 90: Linh diệu phủ Ngũ quỷ náo phán).

Tây Du bổ mười sáu hồi Thiên Mục Sơn tiêu đề tựa nói là của Nam Tiềm làm. Nam Tiềm là pháp danh của Đổng Thuyết người Ô Trinh sau khi xuất gia đi tu. Thuyết tên tự là Nhược Vũ, sinh năm Canh Thân, niên hiệu Vạn Lịch (1620). Tuổi nhỏ đã thông minh dĩnh ngộ, tự nguyện tụng kinh Viên Giác trước rồi sau mới đọc Tứ thư ngũ kinh, lên 10 đã giỏi văn, 13 tuổi vào trường Quốc Tử Giám, đến khi thấy bọn Lưu khấu làm loạn Trung Nguyên thì thôi, không có ý tiến thủ nữa. Nhà Minh mất, cắt tóc đi tu, mang pháp danh là Nam Tiềm, hiệu là Nguyệt Hàm, ngoài ra còn rất nhiều biệt hiệu nữa, hơn ba mươi năm không đặt chân đến thành thị, chỉ làm bạn với dân chài phường quỷ, đời gọi là một bậc tôn kính nơi cửa Phật, có làm sách *Thượng đường văn tham xướng thù ngũ lục*.

Theo sách *Hồ đăng tục biên* của Nữu Tú, sách *Giáp Thân triều su tiểu ký* của Bảo Dưỡng Sinh người Chi Giang và sách *Phong thảo am tạp trước*, mười loại thi văn tập mấy quyển. Sách *Tây Du bổ* làm ra nói để đưa

vào sau hồi ba lần dùng quạt ba tiêu, thuật chuyện Ngộ Không tu chay tinh
thì bị Chinh ngư tinh làm cho mê đi, đi dần vào cảnh mộng, định đi tìm
Tần Thủy Hoàng mượn cái chùy Khu Sơn để xua đuổi núi Hỏa Diệm Sơn đi,
duy lúc chần chờ thì tiến vào lâu Vạn Kính, và liền choáng váng diên đảo
mạnh, hoặc thấy lại quá khứ, hoặc tìm biết vị lai, thoát hóa làm gái đẹp, lại
thoát hóa làm diêm vương, được hư không chủ nhân gọi một tiếng, mới lia
cõi mộng biết ra rằng Chinh ngư vốn ra đời đồng thời với Ngộ Không, trú ở
Ảo Bộ, tự đặt hiệu là Thanh Thanh thế giới, nhất thiết mọi cảnh giới, đều do
kẻ kia tạo ra, mà thực ra là không có, đó là Hành Giả tinh, cho nên muốn
giác ngộ thông hiểu cái đạo lớn, thì trước hết phải phá cái tình căn cho
thành ra hư không, mà muốn phá cái tình căn thì trước hết phải đi vào
trong cái tình, đi vào đủ được trong cái tình thì sẽ được thấy cái hư không
của cái tình căn của thế giới, khi đó mới đi ra ngoài cái tình và nhìn nhận
được cái thực của đạo căn (Quyển đầu bộ sách *Thiên đáp vận*) gọi là Chinh
Ngư Trinh, là Thanh Thanh thế giới, là Tiểu Nguyệt Vương, đều là nói cái
tình cũ. Có kẻ thấy trong sách có những câu, những từ ngữ sát thanh đại
tướng quân, đảo trí lịch nhật v.v... thì cho đó là nhân sau này, lúc mới cũ đổi
thay, muốn gởi gắm những lời tinh vi kín đáo, song toàn cuốn sách dụng ý
chê bai dàn hặc cái không khí cuối Minh nhiều, mà đau thương cho tôn
miếu xã tắc thì ít, do đó nghi rằng cái ngày làm xong sách là còn vào cuối
thời nhà Minh mất, cho nên chỉ có sự lo lắng về biên cương mà chưa đi vào
những chỗ sâu sắc kín đáo của nhà Phật, chủ ý trước mắt cũng như trào lưu
đương thời là cốt nói Hành Giả có ba sư phụ: một là Tổ sư, hai là Đường
Tăng, ba là Mục Vương tức là Nhạc Phi “qui tụ thành toàn thân tam giáo”
(Hồi thứ chín) mà thôi, có điều là chuyện cấu tạo, văn diễn đạt đều phong
phú, lấp lối lạch, khéo hư ảo lanh lẹn, có những chỗ kỳ lạ đột ngột, đủ làm
kinh người, thỉnh thoảng xen vào những chỗ dí dỏm khôi hài, cũng thường
là vui hay tuyệt diệu, tuyệt đối không phải những cây bút đồng thời có thể
mong làm được.

Hành Giả (lúc đó hóa làm Ngu mỹ nhân, cùng bọn Lục Châu yến tiệc
xong, cáo từ ra về) tức thì hiện lại nguyên hình, nghển đầu xem xem, thì ra
là ở trước cửa Nữ Oa, Hành Giả cả mừng nói:

Chỗ trời nhà tôi bị Tiểu Nguyệt Vương sai một đoàn Đạp không sứ giả đến đào giếng vụn tung ra cả, hôm qua lại gán tội cho tôi nữa chứ... Nghe nói Nữ Ô quen vá trời đã lâu, hôm nay tôi phải yêu cầu Nữ Ô vá hộ lại cho tôi thật tốt, vá xong hẳn khóc mà lên linh tiêu tẩm rửa sạch sẽ, đó là một dịp hết sức hay. Thế rồi đi đến bên cửa, xem xét cẩn thận, chỉ thấy hai cánh cửa sơn đen đóng chặt, trên cửa dán một mẩu giấy viết: Ngày 20 đến nhà ông Hiên Viên nói chuyện chơi, mười hôm lại về, có ai khinh nhờn tôn khách, sẽ kể tội trước. Hành Giả xem xong, ngoảnh đầu định đi trong khi chỉ nghe gà gáy ba tiếng, trời đã sắp sáng, đi được vài trăm dặm, Tân Thủy Hoàng chả thấy đâu cả (Hồi thứ 5).

Bỗng thấy một người đèn ngồi trên gác cao, Hành Giả cười nói: Trong thế giới người xưa cũng có bọn giặc, đầy mặt bôi than đèn ngồi đó để làm cho người ta sợ. Đi mấy bước nữa lại nói: Không phải là giặc làm loạn, nguyên lai đây là miếu thờ Trương Phi. Lại ngâm nghĩ và nói: Đã là miếu thờ Trương Phi, thì lẽ ra phải đeo một khăn trùm chứ... Đeo mũ Hoàng Đế, lại là mũ màu huyền, người này hẳn là Đại Vũ huyền đế. Tiện đây ta lên yết kiến ông ta, xin chút bí quyết trị chấn ma, không cần tìm Tân Thủy Hoàng nữa. Vừa nhìn vừa đi đến trước, thấy treo một lá cờ trắng pháp phái, trên cờ viết sáu chữ màu tia: Danh sĩ đời Tiên Hán: Hạng Vũ.

Hành Giả xem xong vang một trận, nói: Việc chưa đến thì đừng nghĩ đến, nghĩ rồi rối cuộc chẳng vừa lòng. Lão Tôn cứ nghi đi nghi lại... Ai ngờ là không phải, té ra là anh chồng xã của Lục Châu ở trên lầu thật. Rồi lại chuyển nghĩ khác đi mà nói: Lão Tôn ta cốt đi tìm Tân Thủy Hoàng, để mượn y cái chùy khu sơn (đục núi), vì thế chui vào thế giới người xưa. Sở Bá Vương ở đằng kia, nay thì đã thấy rồi, thế mà sao y lại không thấy? Ta có một cách là đi tắt lên trên đài gặp Hạng Vũ vậy, hỏi y tin tức của Thủy Hoàng, thế cũng là tin chứ sao. Hành Giả tức thì nhảy lên xem, chỉ thấy bên dưới gác cao, ngòi đó một cô gái đẹp bên tai chỉ nghe gọi Ngu mỵ nhân... Hành Giả lập tức lay mình một cái, như lần trước biến thành một cô gái đẹp, rồi lên gác cao, rút trong tay áo ra một vuông lụa trong sạch như băng, che mắt chỉ để hơi hé ra nửa mặt, nhìn Hạng Vũ như oán như giận. Hạng Vũ cả kinh, hoảng mang quỳ xuống, Hành Giả quay lưng lại, Hạng Vũ

lại chạy như bay đến quỳ trước mặt Hành Giả gọi: Giả vẫn không lên tiếng, Hạng Vũ không biết làm thế nào chỉ khóc thêm, Hành Giả lúc đó mới ứng đở đôi má hoa đào lên, chỉ Hạng Vũ mà nói: Thằng giặc ngu, mày là một tướng quân lừng lẫy, thế mà không chở che cho được một người con gái, mặt mũi nào mà còn ngồi trên cái dài cao này. Hạng Vũ chỉ khóc, không dám nói gì. Hành Giả để lộ một chút cái thái độ không nỡ, đưa tay lên đỡ dậy mà nói: "Thường nghe đâu: Nam nhi hai đầu gối có vàng. Từ nay về sau không được quỳ lạy bậy nữa" (Hồi thứ 6).

Chương 19

TIỂU THUYẾT NHÂN TÌNH THẾ THÁI ĐỜI MINH (THƯỢNG)

Trong lúc tiểu thuyết thần ma đang thịnh hành, những người ghi chép nhân sự cũng phát triển đột ngột, chuyện họ viết lấy đề tài cũng như tiểu thuyết. “Ngân tự nhi” (chữ vàng chữ bạc) của người kẻ chợ đời Tống, nhìn chung là chuyện hợp tan, vui buồn cùng chuyện làm nên công danh phú quý, ăn ở thiếu thủy chung, cố xen vào lẽ nhân quả báo ứng mà không nói lầm về việc quái đản thần linh, rồi miêu tả thói đời, thấy lòng ấm lạnh, cho nên cũng gọi là thế tình thư (sách tình đời).

Trong các sách thế tình, có chuyện *Kim Bình Mai* là có tiếng nhất. Ban đầu chỉ có bản chép lưu hành, Viên Hoằng Đạo có thấy được vài quyển, liền đem ghép với *Thủy Hử truyện*, gọi là sách Ngoại diễn, (theo sách Thương chính) do đó mà nổi tiếng mau, các đời sau lại ghép thêm *Tây Du Ký* vào nữa, gọi là ba cuốn sách lạ lớn. Năm Canh tuất Vạn Lịch (1610), ở Ngộ Trung bắt đầu khắc bản in một trăm hồi, trong đó từ hồi 53 đến 57 đã khuyết mất rồi, lúc khắc mới bổ sung (thấy trong *Dã hoạch biên* 25). Tác giả không biết là ai, Thẩm Đức Phù nói là một đại danh sĩ thời Gia Tĩnh (cũng theo *Dã hoạch biên*) người ta nhân thế mới nói là Vương Thế Trinh, người Thái Thương, cũng có người nói là học trò ông ta (tựa của Tạ Di đề năm Ất Hợi Khang Hi). Lại do lời úc đoán đó mà sinh ra sự vu vã, bảo rằng Thế Trinh làm sách *Kim Bình Mai*, bỏ thuốc độc vào giấy để giết kẻ thù là

Nghiêm Thế Phồn, có người bảo kẻ thù là Đường Thuận Chi, cho nên trong đời Khang Hi triều Mân Thanh, người Bành Thành là Trương Trúc Pha bình luận về bản khắc in đó mới làm “Khổ hiếu thuyết” và đặt lên đầu bình luận của mình.

Kim Bình Mai, muogn tên Tây Khánh trong Thủy Hử làm thành như sợi dây xuyên khắp toàn chuyện, nói rằng Khánh hiệu là Tứ Truyền, người Thanh Hà không ưa đọc sách, suốt ngày rong chơi lồng bông, có một vợ ba hầu, lại chơi thân với bạn lêu lổng cãi lung tung, không giữ thể thống gì, kết bè làm mươi hai anh em; lại thính Phan Kim Liên, bỏ thuốc độc giết chồng nàng là Võ Đại, rồi lấy nàng làm vợ hầu. Võ Tòng báo thù, giết làm Lý Ngoại Phố, đâm giết Phổi Mạnh Châu, Tây Môn Khánh vẫn không can gì, thế là ngày càng buông tuồng, thông dâm cả với người hầu gái của Kim Liên, lại với Lý Bình Nhi và đem vào làm vợ lẽ. Lại được hoạnh tài hai ba món, của nhà giàu có. Vừa Lý Bình Nhi sinh con, Khánh thì nhở hối lộ Thái Kinh mà được chức Kim Ngô vệ phó Thiên hộ, rồi buông tuồng hơn nữa, tìm thuốc để thỏa dâm dục hơn, nhận của đút làm sai pháp luật không việc gì không làm. Nhưng Phan Kim Liên ghen Lý Bình Nhi có con, nhiều lần tìm cách làm cho nàng phải kinh sợ, còn nàng thì cuối cùng sinh bệnh điên cuồng, run tay run chân rồi con chết, mẹ đau xót cũng chết luôn. Kim Liên thì ra sức làm cho được lòng Tây Môn Khánh. Khánh một hôm uống thuốc quá liều cũng chết thình lình. Kim Liên, Xuân Mai lại thông dâm với rể của Khánh là Trần Kinh Tế, việc bị phát giác rồi bị đuổi và đem bán, Kim Liên phải ra ở nhà Vương Bà để đợi bán gả, Võ Tòng tình cờ gặp người đàn bà được tha ra đó và giết chết á, Xuân Mai thì bán làm vợ hầu cho quan thủ bị họ Chu, được chồng yêu lại có con, được làm vợ cả, phong là phu nhân. Vừa gặp Tôn Tuyết Nga, bị bọn mẹ mìn bắt đem bán, Xuân Mai giận cô ta có lẩn xui Trần Kinh Tế đánh mình, nên mua về để hành hạ làm nhục để trả thù, sau lại đem bán cho nhà hàng rượu làm diếm, Xuân Mai lại giả gọi Kinh Tế là em, tìm cách để cho đến nhà và cũng thông dâm như cũ. Thế rồi quan thủ bị họ Chu đi đánh Tống Giang có công, được đề bạt làm Tế nam binh mã chế trí, Kinh Tế cũng dùng trong quân nên được thăng làm tham mưu. Sau người Kim vào lấn cướp, quan thủ bị đi đánh chết trận, Xuân Mai đã

thông dâm với con của vợ trước, nay cũng vì dâm loạn quá mà đột ngột chết. Đến lúc quân Kim sắp đến Hà Nam, vợ của Khánh mang Hiếu Ca, đứa con mình đút ruột đẻ ra, muốn chạy đến Tế Nam, dọc đường gặp hòa thượng Phổ Tịnh, hòa thượng dẫn đến chùa Vinh Phúc đem lê nhân quả hiện vào trong mộng mà giáo hóa cho, Hiếu Ca bèn xuất gia đi tu, pháp danh là Minh Ngộ.

Tác giả về thế tình hết sức thông tỏ, những điều mô tả hình dung ra, có khi nói trực thẳng ra, có khi quanh co khúc chiết, có khi bộc lộ mà rõ nét, có khi kín đáo mà hàm ý chè cười, cũng có khi xen lẫn cả hai, khiến cho lối này làm nổi lối kia lên, mà cái tình hình biến ảo do đó như hiện ra trước mắt thật, đồng thời câu chuyện lớp lang, không có ai kể hơn, cho nên người ta nghĩ là không phải Vương Thế Trinh thì không ai làm được, đến như nói sách này làm ra cốt để tả cái bọn *trai dâm gái điếm ở nơi đô hội* thì tuyệt không phù hợp với sách này, vì lẽ Tây Môn Khánh vốn là con nhà gia thế, thuộc hàng thân sĩ, không những giao du trong hàng quyền quý, mà cả trong trí thức nho sĩ nữa, cho nên viết ra chuyện này là chửi mắng hết bất kỳ hạng người nào, chứ không phải chỉ độc miêu tả, độc dùng ngòi bút mà công phạt ngôn ngữ hành vi của một hạng hạ lưu mà thôi.

“Người đàn bà (Phan Kim Liên) nói: “Đồ quý, lại đây, nghĩ ra một việc định nói lại quên mất”. Rồi bảo Xuân Mai: “Mày lấy chiếc giày kia đưa cho ông ta xem”, đồng thời hỏi sang Tây Môn Khánh: “Ông có nhận ra là giày của đứa nào không?” Khánh nói: “Biết của đứa nào”. Người đàn bà nói: “Ông xem nó thế mà còn làm như con gà xù lông lên kia chứ. Nó dối tôi là con mèo vàng đen đuôi, ông thử giả vờ là không biết. Chỉ có giày hôi thối của một con ranh con mà coi như châu ngọc không bằng, đem cất vào cái tráp mồi đựng danh thiếp, lộn phèo cả giấy chữ và hương thơm, của hiếm hoi quý báu thế mà đem đốt quách mẹ nó đi, hay là sợ con đĩ kia chết phải xuống ngục A ti?” Nói vậy rồi lại chỉ con Thu Cúc mà mắng: “Con ranh này, tao giao cho chiếc giày, lại đem đánh tráo đi đâu, làm tao cứ tìm?” Rồi giao với Xuân Mai: “Đem vứt đi cho tôi sớm sớm”. Xuân Mai cầm giày vứt xuống đất nhìn Thu Cúc nói: “Cho mày giữ lấy mà đi”. Thu Cúc nhặt lên nói: “Chiếc giày này của cô, chỉ vừa đút đầu một ngón chân của tôi thôi”. Người

đàn bà kia mắng: “Con ranh con, mày gọi cô cô cái gì, nó là vợ trước của con chủ nhà mày phỏng? Không thể sao lại đem giày cất một cách nồng nàn giữ giá thế? Để đến mai bảo thay đi. Đồ vô liêm sỉ”. Thu Cúc cầm giày đi ra ngoài, bị mụ ta gọi giật lại bảo: “Lấy cho tao con dao, đợi tao chặt băm làm mấy miếng, sẽ đưa vắt vào nhà xí lợp tranh kia, để cho con đĩ đàng sau núi Âm Sơn đừng hòng đời kiếp nào được siêu sinh tinh độ nữa. Rồi ngoanh về Tây Môn Khánh mà nói rằng: “Ông xem đau lòng bao nhiêu thì tôi càng băm ra nhiều mảnh bấy nhiêu để ông xem”. Tây Môn Khánh cười nói: “Thôi đem vứt đi, tôi đâu có thể...” (Hồi thứ 28).

... Đến giờ các người giữ đèn được lên đèn, thì quan Ngự Sử họ Thái liền nói: “Quẩy quả một ngày rồi, rượu xong thì thôi vậy”, và đứng dậy đi ra. Những kẻ bên tả bên hữu cứ muốn thấp đèn lên, Tây Môn Khánh: “Hãy thôi đừng thấp. Xin mời Lão tiên sinh ra đàng sau thay áo”. Thế rồi... Nhường bước đi đến hiền Thúy Phi... Tại các cửa góc trên cổng, chỉ thấy hai người xướng hát trang sức lộng lẫy, đứng ở dưới thềm, hướng về trước, y như kiểu chắp thêm vào, lạy bốn lạy... Thái Ngự sử thấy vậy, muốn tiến không tiến được, muốn lùi không lùi xuống được: “Tứ Tuyền, sao anh cứ thích làm ra hậu hĩnh thế! E không hay đấy!” Tây Môn Khánh cười mà nói: “Đây so với đạo chơi ở Đông Sơn, có khác gì nhau?”. Ngự Sử nói: “Sợ tôi không được bằng cái tài hoa của An Thạch, mà anh thì lòng đầy cái cao cả của Vương Hữu Quân...”. Rồi đi vào trong hiên, thấy đồ đạc trưng bày y cũ, ông đòi giấy bút định làm một bài thơ để lưu tặng. Tây Môn Khánh lập tức sai Thu Đồng lấy cái nghiên Đoan Khê đưa ra, mài mực thật đặc và vuốt tờ giấy hoa tiên đặt xuống. Thưa ra quan Ngự Sử họ Thái là tay có tài trạng nguyên, ngài cầm bút lên viết, văn không hề sửa, chữ chạy tựa rắn rồng, dưới đèn ngoáy một ngoáy là xong, làm một bài thơ (Hồi thứ 49).

Tiểu thuyết đời Minh mà nêu lên cái xấu, các nhân vật đều ám chỉ người thực cả, vì là dùng văn chương để báo thù riêng đã sẵn có trong bụng, còn phải hay không thì tuyệt khó dò ra. Trần Đức Phù bảo chuyện *Kim Bình Mai* cũng là chỉ trích thời sự, cha con Thái Kinh là chỉ Phân Nghi, Lâm Linh Tố là chỉ Đào Trọng Văn, Chu Miêu là chỉ Lục Sinh, các nhân vật khác, nhân vật nào cũng đều có việc chỉ người thực như vậy cả. Thế thì nhân vật

chủ yếu như Tây Môn Khánh nhất định là có ai đó, mà ai đó tức là cái người mà chuyện ngay từ đầu đã nói: có một người, người ở xứ nọ, trước kia phú quý ra thế nào, mà đến sau cảnh nhà lại cực kỳ quạnh quẽ lạnh lùng, quyền mưu thuật trí của ông ta, mảy may đem ra dùng cũng không được, anh em bè bạn, không một ai là có thể tựa nương, có hưởng được vinh hoa mấy năm, thì ngược lại tạo ra bao nhiêu chuyện xì xào bàn tán. Trong chuyện lại có một số đấu yếu tranh mạnh, bán sắc đẹp rước gian dâm, đầu tiên cũng còn biết không làm ra vẻ nâng niu chiều chuộng lắm, sau lại không tránh khỏi chết chóc, xác che bóng đèn, máu dây gối chiếc (Hồi thứ nhất), dần dà đến mỗi chuyện lại dùng lời nhà Phật, nói đứa con còn để lại trong bụng mẹ là Hiếu Ca đang ngủ trong buồng các sư ở chùa Vĩnh Phúc thì Phổ Tinh cùng các người khác nữa vào, giơ gậy Phật mà chỉ, Hiếu Ca lật mình lại thì ra là Tây Môn Khánh, cổ đeo gông nặng, lưng trói thừng sắt. Phổ Tinh lại giơ gậy chỉ lần nữa, thì lại Hiếu Ca ngủ trên giường như trước... Số là Hiếu Ca tức là Tây Môn Khánh sinh ra kiếp khác nữa (Hồi thứ 100). Chuyện nghe như hiếm lạ, xong cũng chỉ để nói một điều là cái nghiệp giống nòi cứ còn lại mấy đời như mệt, *con đường để thoát ly cái nghiệp đó chỉ ở trong sự “minh ngộ” mà thôi*. Còn nếu nói rằng đứa con hiếu ngậm oan, làm thế để báo thù thì tuy là mưu lạ việc ghê, đủ làm cho sách thêm hay nhưng chứng cứ thì khuyết thiếu, không tin được.

Cho nên đứng về mặt văn tự cùng ý tưởng mà xem xét chuyện *Kim Bình Mai* thì không ngoài việc miêu tả thế tình, nói cho hết cái tình giả hay thật: lại nhân đời suy, muôn việc đều không có kỷ cương, *nên phát ra lời buồn khổ nghe hết sức nghiêm khắc cấp thiết* song cũng pha tạp xen kẽ những lời nhảm nhí, thô bỉ thời thượng. Về sau có kẻ lược bớt văn vẻ, chỉ chuyên chú vào điểm sau, người ta nhân đó mà gán cho cái tên xấu là sách nói chuyện dâm (dâm thư). Song sách đó đương thời đúng là sách thời thượng. Thời Thành Hóa, phuơng sĩ Lý Tư và nhà sư Kế Hiếu nhờ dâng cái thuật trong buồng mà được làm to nhanh, đến khoảng Gia Tinh, Đào Trọng Vân nhờ tiến thứ chì son vẽ môi hồng mà được vua Thế Tông quý trọng, làm đến Đặc tiến Quan Lộc đại phu trụ quốc, thiếu sư thiếu phó thiếu bảo Lê bộ thượng thư cung thành bá. Thế là cái phong khí đòi bại lây dần ra cả

bọn sĩ phu, quan đô Ngự sử Thịnh Đoan Minh và quan Bố Chính Sứ tham nghị Khả Học đều nhờ đồ tiến sĩ mà nên gia nghiệp, thế mà vẫn mượn cái “thu thạch phương” để lên chức to. Nháy mắt được sang giàu, trò đời ai cũng mong muốn, cho nên những kẻ cầu may hay đem hết trí tuệ sức lực ra tìm kiếm những phương thuốc, những phép thuật kỳ lạ, rồi dần dần xã hội không còn coi việc bàn chuyện thuốc thang, pháp thuật dùng trong buồng the là xấu hổ nữa. Phong khí đã biến đổi, tràn lan đến cả bọn nhà văn, cho nên từ khi các phương sĩ được tiến dụng, thì bài thuốc đưa ra rất nhiều, lòng yêu tà nổi lên mạnh mà tiểu thuyết cũng nói nhiều về thần ma, lại cũng nói luôn đến cả chuyện chăn gối nữa.

Song *Kim Bình Mai*, được tác giả là người có văn tài, cho nên tuy câu chuyện có xen lẫn những lời bỉ ổi, nhưng những chỗ hay chỗ tốt vẫn có và không bị ảnh hưởng nhiều, đến như hạng văn sĩ mạt lưu chỉ chú ý mô tả việc trai gái ăn nằm, vượt quá thói thường, như mắc bệnh điên cuồng, chỉ có tích Nhục Bồ Đoàn khá giống với Lý Ngư là còn tương đối hơn cả. Hạng tác giả tệ hơn nữa thì muốn dùng những lời tiếng lôa lô song vì còn kém văn nên chỉ làm ra những tập sách nhỏ, khắc in rồi cho lưu hành, nhưng nửa chừng bị cấm đoán, cho nên không thấy mấy.

Thời Vạn Lịch lại có chuyện tên là *Ngọc Kiều Lê* nữa, cũng nói là từ tay tác giả *Kim Bình Mai* mà ra, Viên Hoành Đạo đã có nghe đại lược, bảo: Sách này với sách trước đều đặt ra chuyện nhân quả báo ứng, Võ Đại kiếp sau hóa làm dâm phu, thông dâm với cả đàn bà ở vai trên mình, và lại bị ác báo một kiếp nữa. Phan Kim Liên cũng làm vợ Hà Gian, bị cực hình mà chết; Tây Môn Khánh thì làm người đàn ông si ngốc, ngồi nhìn vợ và hầu minh theo trai, tất cả đủ để cho thấy sự luân hồi là không sai. Sau Thẩm Đức Phù thấy quyển đầu, cho là “sách trăm mối dơ bẩn tục tặc, trái ngược luân thường, khinh miệt đạo lý... Hoàng đế của nước mình thì gọi là Hoàn nhan đại tịnh, mà Quý Khê (Hạ ngôn), Phàn Nghi (Nghiêm Trung) cấu kết với nhau cũng là ám chỉ có người. Đến năm Gia Tĩnh Tân Sửu thì các chức vụ thứ thường đều viết thẳng họ tên, càng đáng kinh hãi quái lạ. Song ngồi bút tung hoành thông suốt say sưa, hình như càng hơn *Kim Bình Mai* (đều thấy trong *Dã họach biên* 25 cǎ).

Hiện nay sách đã mất, tuy cũng có kẻ tình cờ thấy, song văn chương cũng như cốt chuyện đều không có gì giống với họ Viên họ Thẩm nói cả, có thể là người sau nghe kể rồi làm ra, không phải là bản thấy thời trước.

Tục Kim Bình Mai, hai tập trước và sau cộng tất cả có 64 hồi, đề là Tử Dương đạo nhân biên. Đạo nhân đó tự nói thời Đông Hán, ở đất Tam Hàn Liêu Đông có người tiên tên là Đinh Linh Uy, năm trăm năm sau (ở Tây Hồ Lâm An) lại có một người tên là Đinh Dã Hạc nữa (sáu người đó là hậu thân) khi sắp hóa, có trói lại nói: năm trăm năm nữa sẽ lại có một người tên Đinh Dã Hạc, người đó là hậu thân kiếp sau của tôi, hãy đến đó thăm nhau. Sau đến đời cuối Minh, quả có một người ở Đông Hải, tên họ như vậy, đến đó rồi thôi quan mà đi, tự xưng là Tử Dương đạo nhân, (Hồi 62) Đầu sách có thiên thái thượng cảm ứng thiên, âm dương vô tự giải, ký tên là Lỗ Chủ Áp Định diện cang tham giải, có lời tựa nói: Từ khi cây kỷ gian đốt sách Thiên sử của ta cháy ở Nam Đô, biển dâu đã biến đổi, không giảng lại việc nhân quả nữa; nay thánh thiên tử ban xuống Cảm ứng thiên tự, người viết lấy lời tựa, để răn dạy trăm quan bè tôi. Như vậy thì sách *Tục Kim Bình Mai* phải làm xong khoảng đầu đời Thanh và Định Diệu Cang chính là Định Diệu Cang đó.

Diệu Cang tên tự là Tây Sinh, hiệu là Dã Ngọc, người Chu Thành Sơn Đông, hai mươi tuổi là một thư sinh, di Giang Nam cùng các danh sĩ kết thành văn xã, sau vì tức bực về văn chương lại ra người bất đắc chí, làm sách Thiên tử mười quyển. Năm Thuận Trị thứ bốn đời Thanh vào Kinh, khai quê quán ở Thuận Thiên và được tuyển làm bạt công sinh, sung chức giáo tập Tương Bạch Kỳ, rất có tiếng về thơ. Sau lại làm giáo dụ Dung Thành, đổi đi tri huyện Diên Huệ, không đến trụ sở, sau đến 60 tuổi thì bị đau mắt, tự xưng là Mộc Kê đạo nhân, 72 tuổi thì mất (khoảng 1620 - 1691) trước tác có một tập thơ hơn mươi quyển, truyền kỳ bốn loại (sách *Chu thành chí* đời Càn Long 13 và 36). Sách Thiên Sử của ông là xếp loại mọi việc lành dữ của các đời kế tiếp nhau mà thực ra, làm rồi đem đốt ở Nam Đô, việc này chưa tường hư thực thế nào, sách Chu thành chí nói: đem hiến cho Chung Vũ Chính ở Ích Đô. Vũ Chính xem cho là kỳ mà thôi.

Sách *Tục Kim Bình Mai* thì chủ ý rất đơn giản, tập đầu nói chuyện

Phổ Tinh là địa tạng bồ tát hóa thân ra, một hôm làm phép thi thực, đưa cuốn sổ luân hồi lớn ra chỉ cho quỷ, khiến chúng biết cái ác báo tương lai của mình, sau quả đúng hết. Tây Môn Khánh làm con một nhà giàu ở Biện Kinh là Thẩm Việt, đứa con đắt là Kim Ca, vợ của Việt có em làm chức chỉ huy, họ Viên, nhà ở ngay trước cửa, có con gái là Thường Thư, là hậu thân của Lý Bình Nhi, Thường Thư hay chơi du trong vườn họ Thẩm, Lý sư sư trông thấy cho là đẹp, giả chì vua, bắt về đổi tên là Ngân Bình. Người Kim vây hãm Biện Kinh, dân chúng lưu ly, Kim Ca phải đi ăn mày, Ngân Bình thì làm gái điếm, lấy Trịnh Ngọc Khanh, sau lại gả cho chức viên ngoại họ Dịch làm vợ hầu, nhưng lại cùng với họ Trịnh trốn đi Dương Châu, bị đem bán cho Miêu Thanh rồi tự thắt cổ chết.

Tập sau kể chuyện con gái của Thiên Hộ họ Khổng ở Đông Kinh là Mai Ngọc, vì đẹp lại ưa giàu sang, cam tâm làm vợ lẽ của người Kim là Kim Cáp Mộc Nhì, bị vợ cả ghen một cách hung ác, cướp đem về chỗ riêng và ngược đãi, Mai Ngọc muốn tự kết liễu đời mình, nhưng nhân nằm mộng thấy mình là hậu thân của Xuân Mai, còn vợ cả là Tôn Tuyết Nga tái sinh, mà lo trường trai niệm Phật, không sinh lòng oán giận nữa, và cuối cùng được thoát ly. Đến như Phan Kim Liên thì lại sinh ra kiếp khác, làm con gái của chức chỉ huy họ Lê ở Sơn Đông, tên là Kim Quế, lấy chồng tên là Lưu Quý Tử mà kiếp trước chính là Trần Kinh Tế, do nghiệp dẫn, thân thế không toàn vẹn, Kim Quế oán giận, mà gọi yêu trùng đến, lại do kinh sợ mà thành ra bị cái tật không chữa được nữa. Ngoài chuyện trên thì cả cuốn sách đều là thuật những chuyện người khác bị nghiệt bão dây mơ rẽ mà này khác, thỉnh thoảng lại xen vào những việc quốc gia đại sự và dẫn điều Phật, kinh Đạo, sách Nho lẩn lộn nhau để giải thích thêm, hễ động đến là có hàng trăm lời, cho nên chín phần mười cuốn sách là lấy Cảm Ứng thiên làm mối quy tụ đúng với cái ý bảo rằng: Muốn nói về Phật, về đạo, về lý học thì phải bắt đầu từ chỗ nói về nhân quả, nhân quả chưa đủ bằng chứng thì lại bắt đầu từ chỗ nói chuyện *Kim Bình Mai* (Hồi thứ nhất). Tất cả tác giả các sách gọi là dâm thi đời Minh đều muốn lấy việc mở rộng, hiểu rõ thuyết nhân quả để tự giải đáp cho mình, nhưng đến sách này thì nhận thấy: chỉ có một luân hồi vợ chồng thôi mà biến cố đã cực nhiều... tạo ra không biết bao

nhiều oan nghiệt, đời này đến đời khác phải đền, rõ thật là tự đắm mình trong sông Ái Hà, tự đem nǎu mình trong lửa dục, một bộ chuyện *Kim Bình Mai nói rõ chữ sắc*, một bộ chuyện *Tục Kim Bình Mai nói rõ chữ không*, từ sắc trở về không, tức không cũng là sắc, thế là từ quả báo mà chuyển vào phép Phật vậy (Hồi 43). Tuy nhiên gọi là phép Phật lại rất không thuần nhất mà là hỗn hợp cả đạo Nho, cùng với ý tưởng các tác giả tiểu thuyết mà không khác gì lăm, chỉ khác là đây giống như có coi trọng và ra sức thực hành phép Phật hơn, lại muốn không câu chấp một mặt nào nên cũng chê bai cái tệ đương thời bàn suông vấn đề tam giáo nhất trí và chia càn tam giáo thành thứ bậc khác nhau, như việc thuật chuyện Lý sư sư, vườn nhà cũ bị tịch thu làm của nhà nước, để dựng chùa Đại gia sư, mà nhà nho lại đứng ra tranh cãi lung tung, chuyện đó là một ví dụ:

... Trong chuyện đó, chùa Đại Giác làm cho việc Phật hưng thịnh thêm, thì không nói. Nhưng sau nhân đạo quan Thiên Đàm và sinh viên Hộ Học tranh giành nhau đắm đất đó, quan trên xử không xong, bên nào cũng đưa lên dinh của Ngột Truật thái tử một lá đơn nói: Chỗ phủ đệ của Lý sư sư đó rộng lớn, nhà sư và gái điếm ở lẩn lộn, mà chỉ lợp chùa cho ni cô mà thôi, thì sợ lâu rồi sinh chuyện, cho nên lấy làm công sở. Nửa cái vườn hoa đằng sau nên chia hai ra, một nửa làm Tam giáo đường, là nơi giảng đường của ba tôn giáo Nho, Thích và Đạo. Đức ông Thái tử chuẩn y, và việc tranh tụng của ba bên chấm dứt ngay. Song viên đạo quan kia thấy mình không lối, được cả mà lại phải chia năm xẻ bảy ra như thế thì không đến nhận. Bọn học trò ở phủ Khai Phong có Ngô Đạo Lý và Bốc Thủ Phân là hai sinh viên vô sỉ muốn lấy chuyện đó làm cơ, viết thiếp phân bổ thu mỗi người ba tiền, thế mà thu được ba, bốn trăm lạng. Thế là không đầy mấy hôm thì lợp xong, ba gian điện lớn, nguyên trước là Phật Thích Ca ở giữa, Lão Tử bên trái, Khổng Tử bên hữu, nay chỉ vì không chịu thay đổi mặt cửa của nhà mình mà thành ra để Khổng Tử ở gian giữa, Phật lão thì ở bên trái với bên phải, mà đó cũng còn là để tỏ ra cái ý chí giáng truất những đạo dị đoan không phải đạo Nho. Lại đem các đài tạ hồ ao trong vườn, hiện tại Ngân Bình còn lấy làm phòng ngủ, cùng với hai gian gác lấy làm nơi trang điểm tất cả đổi ra làm thư phòng. Cái đắm học trò phong lưu, nhà văn cao

hứng đó, cùng cái đám con em phù phiếm lêu lổng kia, đạo Phật không giảng bàn, đạo Lão cũng không, hàng ngày ở trong Tam giáo đường uống rượu làm thơ, thế mà lại hiểu rõ ra được chữ sắc, và đậm ra ưa cái lối sống vui thích cũ. Họ để chô thư phòng đê là thư viện tam không, không ngoài nói cái ý cả ba tôn giáo đều là không hư cả... (Hồi thứ 37 thượng: Lầu xanh của Tam giáo đường, thành ra nơi Tinh phồ của Phật).

Lại có chuyện *Cách liêm hoa ảnh* 48 hồi nữa. Người ta cũng cho là bản sao của chuyện *Kim Bình Mai*, song thực ra là thay đổi tên nhân vật cùng hồi mục trong chuyện *Tục Kim Bình Mai* (chẳng hạn đổi Tây Môn Khánh ra Nam Cung Cát) và bỏ bớt những điều nói lồng nhằng không dứt về nhân quả mà làm ra, cuối chuyện chưa xong, có lẽ còn định tiếp tục, song chưa được lưu hành.

Sách còn tên là *Tam Thế Bảo* nữa, chắc là kể cả phần còn định tiếp tục làm, cũng có kẻ cho rằng Võ Đại bị đầu độc chết cũng là nghiệp săn, cho nên kể chung vào cũng là tam thế, ba đời.

Chương 20

TIỂU THUYẾT NHÂN TÌNH THẾ THÁI ĐỜI MINH (HẠ)

Những chuyện như *Kim Bình Mai*, *Ngọc Kiều Lý* đã được đời khen là chuyện hay, kể học đời nổi lên đông, mà một mặt lại sinh ra lưu phái khác, chuyện lấy nhân vật, kể sự trạng đều không giống nhau, chỉ có tên sách là còn theo lối cũ nhiều như *Ngọc Kiều Lê*, *Bình Sơn Lãnh Yến* v.v... đều thế cả, đến như cốt chuyện thì đại để là chuyện giai nhân tài tử, chắp nối lại bằng những tình tiết văn nhã phong lưu, lấy việc lo công danh, xây dựng dôi lửa làm chủ, ban đầu thì hoặc có dở dang trắc trở cuối cùng phần nhiều đều được như ý muốn buổi đầu, vì vậy mà đương thời cũng gọi là giai thoại. Đi sâu vào ý định thì nhiều khi cùng với chuyện truyền kỳ đời Đường có giống nhau, song lại không phải liên quan gì đến nhau, vì lẽ nhân vật đưa ra phần lớn là những kẻ tài hoa, cho nên thời đại tuy khác xa mà sự tích thì phải giống, tình cờ mà ăn khớp, không phải nhất định bắt chước mà thành. *Ngọc Kiều Lê*, *Bình Sơn Lãnh Yến* vốn có bản dịch ra *Pháp văn*, và lại có truyện tên là *Hảo Cầu truyện*, (chuyện tốt đời), bản mang tên này có dịch ra cả tiếng Pháp và tiếng Đức, cho nên ở nước ngoài thì đặc biệt có tiếng hơn ở chính Trung Quốc⁴.

Ngọc Kiều Lê, nay có khi đổi tự là *Song Mỹ kỳ duyên*, không có tên tác giả. Toàn chuyện có hai mươi hồi, kể chuyện niêm hiệu Chính thống

⁴ Nguyễn văn: Cố lai ngoại quốc đặc hữu danh, viễn qua ủ kỳ tại Trung quốc - ND.

triều Minh có viên Thái thường khanh tên là Bạch Huyền không con mài khi tuổi già mới sinh được một gái đặt tên là Hồng Ngọc rất có tài văn chương, nhân thay bố làm thơ Hoa Cúc mà khách biết ra, quan ngự sử Dương Đình Chiểu muốn xin cưới làm vợ cho con trai là Dương Phương, ông Huyền mời Phương đến nhà, dặn em vợ là Hàn Lâm Ngô Khuê thử tài.

... Vị Hàn Lâm họ Ngô cùng Dương Phương đứng bên hiên, Dương Phương ngẩng đầu lên, bỗng thấy một bức tranh đề ba chữ Phát Cáo Hiên. Dương Phương biết ba chữ đó rồi nên chỉ dán mắt mà xem, Ngô Hàn Lâm thấy Dương Phương xem kỹ thế thì nói: "Ba chữ đó là của vị học giả đã được triều đình mời ra làm quan, tên là Ngô Dữ Bật viết đấy, nét chữ diêu luyện cứng cáp, thật là chữ có tiếng". Dương Phương muốn khoe hiểu biết nên đáp: "Quả là chữ có tiếng thật, chữ Hiên còn thường thôi, còn hai chữ Phát Cáo thì thật viết đã nhập thần", nói rồi đọc to lên mà lại đọc chữ Phát thành Khứ thanh, không biết hai chữ Phát Cáo là chữ *Kinh thi*, cả câu là Phát huyên phát cáo mà chữ cáo đây nên đọc là Cốc thì mới đúng. Ngô Hàn Lâm nghe đọc thì trong bụng rõ rồi, chỉ ồm ờ không nói gì... (Hồi thứ hai).

Thế là Bạch Huyền không đồng ý gả. Họ Dương lấy làm oán và để trả thù, tiến cử Bạch Huyền đi đến doanh của Dã Tiên để đón thượng hoàng, Huyền gửi con gái cho Ngô Hàn Lâm mà đi. Ngô Khuê dắt Hồng Ngọc về Kim Lăng, gặp thấy Ngô Hữu Bạch làm thơ đề trên vách, yêu tài muốn đem Hồng Ngọc gả cho. Hữu Bạch xem tướng người vợ mới nhầm, nên cuối cùng không chịu lấy. Khuê giận, dặn học quan cách chức Tú tài của Hữu Bạch, viên học quan còn chần chờ thì vừa cõi tin Bạch Huyền trở về triều được thăng quan về làng, thì lập tức đồng ý cách chức. Hữu Bạch bị cách định vào Kinh gặp chú, đọc đường thấy mấy người tuổi trẻ vất vả làm thơ, thì họ đang họa bài Liễu mới của Bạch Hồng Ngọc, Khuê bảo ai họa... ợc vẫn thì sẽ gả cho ngay. Hữu Bạch cũng họa hai bài nhưng có Trương Quỹ Như ăn cắp đem dâng Bạch Huyền. Huyền giữ Như ở lại dạy học trong nhà. Ít lâu sau lại có một người là Tô Hữu Đức đổi tên là Hữu Bạch, xin cư si con họ Bạch, đương buổi họp mặt thấy Phương, hai bên công kích bêu xấu nhau nhưng đều thua cả. Hữu Bạch thấy được bài thơ Liễu mới của Hồng Ngọc thì lấy làm mến nàng, qua sông lên Bắc muôn nhờ Ngô Khuê để cầu hôn.

Giữa đường gấp cướp, tạm trú lại ở nhà họ Lý, tình cờ gặp một người tuổi trẻ tên là Lư Mộng Lê, Lê rất phục tài của Hữu Bạch, đem việc trăm năm của em gái gửi cho Bạch, Bạch vào Kinh lấy chân giám sinh đi thi, đỗ thứ hai, hỏi thăm họ Lư thì đã đi Kim Lăng trước, đến nương nhờ họ Bạch. Bạch Huyền khó lòng không biết chọn ai làm rể, đổi họ đổi tên đi chơi Sơn Âm, đến chùa Vũ Tích thấy một thiếu niên họ Liêu, tài trí phi thường, hôm sau trở lại hỏi thăm và tuyên bố hứa hôn ngay cho cả con gái mình, cả con gái cháu vợ, về nhà nói rõ vì sao mà làm như thế.

... Bỗng gặp một chàng thiếu niên họ Liêu, cùng là người Kim Lăng. Cậu ta là một nhân vật phong lưu, đúng như người ta thường nói, cây ngọc của nhà họ Tạ... Tôi xem thấy cậu tinh thần thanh cao, cốt cách tuấn tú, học rộng tài cao, chỉ khoảng sớm chiều là liệng bay trên bàn uyển... Tôi có ý muốn đem Hồng Ngọc gả cho cậu ta, song lại sợ cô cháu ngoại nói mình thiên vị, muốn gả cô cháu, thì lại e Hồng Ngọc bảo bộ làm bộ, không thiệt tình. Mà ngoài Liêu sinh ra thì muốn tìm một anh thật là muôn lần không tìm được. Tôi nghĩ Nga Hoàng Nữ Anh hai chị em cùng thờ vua Thuấn, thánh nhân xưa dã có bàn như thế rồi, ta lại thấy hai chị em này thương mến nhau, không khác gì một đôi bạn tốt, ta không nỡ lòng để mỗi đứa mỗi nơi, cho nên ngay tại chỗ ta đã tuyên bố gả cả hai cho cậu ta. Việc đó ta đã làm một cách hết sức thỏa thuận sung sướng (Hồi thứ 19).

Mà cả hai cô gái đều mến Hữu Bạch, nghe nói thì lòng riêng nghe ra chưa thật đầy đủ. Không lâu họ Liêu đến nhà họ Bạch, tự nói mình thật ra là Tô Hữu Bạch mà vừa rồi cũng là đổi họ tên mà đi chơi Sơn Âm. Bạch Huyền cũng mách họ tên thật của mình, ai nấy đều kính và mừng vui khôn tả, rồi làm lễ thành hôn. Còn Lư Mộng Lê thực ra là gái, trước kia cải trang để ở với Hữu Bạch đó thôi.

Bình Sơn Lãnh Yến hai mươi bốn hồi đề là Địch Ngan Sơn Nhân Biên thứ. Nhưng Thịnh Bách Nhị đời Thanh làm sách *Du Đường tục bút đậm* cho là của Trương Bá Sơn đời Gia Hưng làm lúc mới 14, 15 tuổi và bổ là Chấp Mô làm tục thêm cho xong. Đức Sơn tên là Thiệu, người thời Khang Hi nhà Thanh, lúc nhỏ đã có con mắt thần đồng, 9 tuổi làm bài phú hoa mai, thầy học lấy làm kinh. Nguyễn Nguyên làm sách *Lưỡng chiết du hiên*

lục, bảy lần dẫn lời của Lý Nhương Thẩm rằng: Vì Thiệu thông minh sớm, cho nên người ta đem gộp sách này phụ vào với sách kia, song ý vẫn cũ kỹ, tuyệt không giống với của trẻ con làm. Sách nói rằng ghi chép việc triều vua trước thịnh trị ra sao, song lại không biết làm vào thời nào, cho nên cũng không biết triều vua trước là vua nào. Bấy giờ quan Khâm Thiên giám chính đường tâu rằng sao Khuê rời sáng, tan khắp thiên hạ, thiên tử lấy làm vui sướng xuống chiếu cầu tìm chân tài; vua lại nhận thấy chim yến trắng bay quanh quất không bỏ đi, nên bảo một trăm quan làm thơ yến trắng, ai cũng từ tạ rằng không làm được, quan Đại Học Sĩ là Sơn Hiến Nhân phải đem dâng bài của con gái mình là Sơn Đại làm, bài thơ đó như sau:

*Chiều hôm đạo cảnh vốn không ua,
Trốn đến vườn Lê bởi lối đưa,
Theo qua trôi xuôi e lộn sắc,
Gày thân có tuyết đắp lại vừa,
Đêm nay về tối còn hình bóng,
Xuân ngậm muôn hòng vẫn áo xưa,
Phú quý cửa son quen homet hinh,
Riêng mình thân sạch trở về chưa.*

Xem thơ xong, Hoàng đế tức khắc triệu Sơn Đại vào bệ kiến, bảo rằng làm một bài châm để dâng lên. Xem bài châm vua cũng lấy làm vừa lòng, ban cho một cái thước ngọc bảo là để đo tài thiền hạ, một cái như ý bằng vàng bảo là “Về văn thì dùng để chỉ huy bút mực, về võ thì dùng để phòng ngự cường bạo, sau lớn lên kén chồng, có đứa nào cần đỡ muốn ép duyên thì cầm mà đánh vào đầu nó, đánh chết không xét xử gì”, lại ban cho một tấm biển chính tay Hoàng đế viết đề là Hoằng Văn tài nữ. Bấy giờ Đại mới 10 tuổi, ông bố cất một ngôi lầu để cái thước ngọc đặt tên là Ngọc Xích Lâu, và cũng là để làm nơi Đại xem sách. Thế là cái tiếng tài nữ nổi lên lan tràn, những ai cần thơ văn đều tập hợp về đó như mây. Sau Đại làm thơ trêu một anh chàng con nhà quyền quý, anh ta oán, nhờ người nói vu là thơ văn

không phải của chính mình làm ra, Hoàng đế lại sai các văn thần đến lầu Ngọc Xích so tài thử, văn thần không có ai theo kịp, kẻ vu cáo bị tội và tiếng Sơn Đại nhân thế càng lên. Dương thời lại có một thôn nữ tên là Giáng Tuyết, cũng đang bé và đã hay thơ, có làm trái ý một chức sơn nhân tên là Lý Tín. Tín bày kế hâm hại, đến nỗi cô bé bị quan bắt đem bán cho nhà họ Sơn làm gái hầu. Giáng Tuyết đi đường làm thơ, gặp một người tài hoa quê ở Lạc Dương tên là Bình Như Hành, song chỉ mới gặp nhau trong chốc lát đã mắt hút. Giáng Tuyết về nhà họ Sơn rồi thì tự trổ tài và được mọi người kinh mến, lại cũng nhờ bài thơ mà được Thiên tử biết đến. Bình Như Hành đi đến Văn gian hỏi thăm các tài sĩ, gặp Yến Bạch Hàm, con nhà sang giàu mà có tài lớn hay thơ. Quan địa phương muốn tiến cử hai người vào triều, nhưng cả hai không muốn xuất thân bằng con đường tiến cử, nên đưa nhau vào kinh dự thi. Lại đổi họ tên mong tìm gặp Sơn Đại. Sơn Đại đã sớm thấy thơ chê bai phúng thích của hai người rồi, nhân thể cùng với Giáng Tuyết ăn mặc giả làm con đồi, làm thơ thử hai chàng, đôi bên xướng họa hai ba lần, hai chàng phải chịu kém, từ tạ đi. Lại có người tên là Trương Dần, cũng có ý cầu hôn nên đến nhà họ Sơn, rồi chịu để cho thử ở dưới lầu Ngọc Xích, Trương không biết đến văn chương, bị một phen trêu đùa là ngu dốt, lại vì đường đột leo lên lầu, suýt bị đánh với cây như ý, đến nước phải lạy cầu mới khỏi được. Trương bèn nhờ quan coi việc lễ nghi tâu lên vua, nói Đại cùng với bọn thiếu niên xướng họa trêu chọc người ta có hại đến phong hóa. Thiên tử liền bắt tra. Trương còn cáo phát hai chàng thực ra là Bình Sơn Hành và Yến Bạch Hàm mà lấy tên giả, song vừa lúc thi xong ra bảng, thì Bình Nguyên Hành đỗ Hội nguyên, Yến Bạch Hàm đỗ Hội khôi. Thiên tử hết sức mừng, dụ Bảo Sơn Hiền Nhân chọn cả hai làm rể. Hiền Nhân liền đem Sơn Đại gả cho Yến Bạch Hàm, Lãnh Giang Tuyết gả cho Bình Như Hành. Ngày thành hôn, mọi việc không có gì không mỹ mãn.

... Hai cô lèn kiệu, phù dâu hầu hạ đi theo có trên trăm, suốt dọc đường, tiếng pháo nổ, tiếng nhạc, tiếng trống inh tai, cờ hoa đèn lồng lóa mắt, quả thật là đám cưới của Thiên tử ban cho, của Tể Tướng gả con, của Trạng Nguyên, Thám hoa lấy vợ, phú quý một thời, chiếm hết mọi sự đẹp đẽ giàu sang ở đời...

Nếu không chân chính có tài thì làm sao được thế? Đến nay ở kinh thành ai nấy đều kể chuyện *Bình Sơn Lãnh Yến* và cho họ là 4 tài tử, ngồi nhà xem sử, khôn xiết ngưỡng mộ hân hoan, đem chép lại chuyện của họ ra như vậy (Hồi thứ 24).

Cả hai cuốn sách *Ngọc Kiều Lê* và *Bình Sơn Lãnh Yến* đại ý đều đề cao phụ nữ, ca ngợi tài năng của họ, lại có ý coi thường nghệ thuật sắp xếp, chuộng lời lẽ văn hoa, trọng người tài hoa anh tuấn, mà khinh cười hạng tục sĩ, song gọi là tài thì chỉ là tài văn thơ, gọi là đoạn hay, lại nhiều câu thô bỉ bội bạc, như của hạng học trò đi thi ở các xóm làng hẻo lánh làm ra. Lại nữa, kén vợ, kén chồng thì phải thông qua thi cử, thành hôn thì chờ chiếu chỉ của nhà vua, thế là thời đó người ta bị cái tư tưởng khoa cử ràng buộc lao lung, nếu tác giả không có cái tài phóng khoáng bất kỳ, thì hẳn không có thể xung phong quyết tâm mà cất cánh bay cao được.

Hảo Cầu truyện mười tám hồi, có tên là Hiệp Nghĩa Phong Nguyệt truyện nữa, đề là Danh giáo trung nhân biên thứ, đại ý cũng như hai sách trên, chỉ văn từ có hay hơn, tính cảnh nhân vật cũng có hơi khác, đúng như chuyện tả đã đẹp lại tài, đẹp mà lại nghĩa hiệp nữa. Sách kể có vị tú tài tên là Thiết Trung Ngọc người phủ Đại danh thuộc Bắc Trực lệ. Sinh ra phong lưu tuấn tú, có vẻ giống một cô gái đẹp vì thế trong làng đặt cho một cái tên đùa, gọi là Thiết mỹ nhân. Nếu nhân phẩm y mà tốt thì tính tình y đáng lẽ phải ôn tồn. Không dè y sinh ra tuy xinh xắn thế, mà tính tình lại giống sắt nguội chẳng khác gì, mười phần cố chấp, gàn dở chẳng nghe lời ai, lại có đôi phần gân sức, đúng hay không cũng nổi nóng lên. Bình thường không dễ thấy người nói... Song cũng có một chỗ tốt ai có việc gì cần nhờ đến... thường khảng khái giúp đỡ ngay, còn nếu là a dua nịnh hót, để mong được ơn huệ thì y không thèm để tai nghe. Sở dĩ như vậy ai cũng cảm kích y mà ai cũng không dám vô cớ mà ghen gùi y (Hồi thứ nhất).

Bố là Thiết Anh làm Ngự sử, Trung Ngọc lo cho cha vì cứng cỏi thẳng thắn mà mắc họa nên vào kinh để can, gặp lúc Đại quán hầu Sa Lợi cướp vợ của Hàn Nguyên, Trung Ngọc liền bày mưu cướp lại để trả về cho Nguyên, rất được tiếng khen là nghĩa hiệp. Song Trung Ngọc cũng sợ mắc họa, không dám ở lại kinh đô, mà đi Sơn Đông để học. Thủy Cử Nhất, người Lịch

Thành, làm thị lang bộ binh, xin thôi về có một người con gái tên là Băng Tâm rất đẹp mà tài năng tri thức lại hơn cả con trai. Cùng huyện có Quá Kỳ Tổ, con quan Đại học sĩ, muốn ép hỏi làm vợ, Kỳ Tổ rất giận, lập mưu hãm hại Cư Nhất, lại dùng trăm phương nghìn kế để lấy cho được Băng Tâm, song Băng Tâm đều dùng trí thoát được cả. Quá Kỳ Tổ lại nhờ quan huyện giả chỉ vua bắt ép Băng Tâm, vừa lúc Trung Ngọc ở Lịch Thành, vạch sự giả ngụy và mưu kế của chúng lại hỏng. Băng Tâm nhân thế rất phục Trung Ngọc, Trung Ngọc thịnh linh ốm nặng, nàng đón về chăm sóc, qua năm ngày mới đi. Sau đó Kỳ Tổ hai lần bày kế hỏi Băng Tâm nhưng lần nào cũng không được. Nhưng Trung Ngọc trót đã thành hôn với Băng Tâm mà không làm lễ hợp cẩn, thế là quan học sĩ họ Quá nhờ quan Ngự sử Văn Ngọc tâu lên việc hai họ làm thông gia, trước tiên nói: “Một đứa con trai xa cha mẹ, một đứa con gái chưa chồng, mà ở chung một nhà không khỏi có tình ý ám muội, nay cha mẹ lại còn tùy chúng, rêu rao ra đường ngõ, tán thành việc chúng nó làm, cho là thành hôn, thật là hại đến danh giá”. Có chỉ vua xuống bảo phúc tra. Sau hoàng đế biết rằng hai người tuy có làm lễ thành hôn rồi mà chưa ăn ở chung với nhau, bèn triệu Băng Tâm vào để Hoàng hậu xét nghiệm, thì ra Băng Tâm quả thật là con gái trinh, thế là bọn vu miệt đều bị cật vấn, khiển trách và hai hộ Thủy và Thiết được khen là “xuất một loại bất tuy trong sự hảo cầu” sai đốt đuốc hoa lần nữa để làm rạng danh giáo và dặn thêm rằng: Khanh về nên gắng tu tâm đức tốt hơn nữa để phong hóa được rạng rõ thêm.

Lại có sách *Thiết Hoa Tiên Sử* hai mươi sáu hồi, đề là Văn phong sơn nhân biên thứ, kể chuyện Thái Kỳ Chí người Tiền Đường với người bạn thân là Vương Duyệt đi chơi vườn Chôn Gươm của tổ tiên để lại, thường hoa phù dung cho đến khi hoa rụng mới chia tay nhau. Sau vào kinh lại gặp nhau lại, mà cả hai đều đã có con bể ăm được cả rồi, hai bên hứa làm suối già với nhau rồi đi lại càng thân hơn. Còn Vương Duyệt tên là Nho Trần, bảy tuổi đã biết làm thơ, mười ba tuổi đã cùng bạn học cùng tuổi là Trần Thu Lan vào học trường Quốc học, cả hai đã nhiều lần vào trong vườn Chôn Gươm, dồn bạn bè vào đó thưởng hoa và làm thơ ngâm vịnh. Thu Lan đang đêm gặp một người con gái, nói tên là Phù Kiếm Hoa, sau thì tới nhiều lần, đến một hôm

mưa to gió lớn làm trốc mấy cây ngọc phù dung thì thôi, không thấy nữa. Về sau họ Vương sa sút đi, Nho Trần thi không đỗ, họ Thái ngại nghèo khó muốn đem con gái gả cho Hạ Nguyên Hư. Bấy giờ Thu Lan đã đỗ giải nguyên, vội bày mưu tính kế với bạn thân là Tô Tử Thần, rồi nhờ mối lái hỏi được cô gái kia về, định để rồi đưa cho Nho Trần làm vợ, nhưng con gái của Thái Kỷ Chi là Nhược Lan lại bỏ nhà đi và được người chú của Tử Thần là Thành Trai đem về nuôi. Còn Hạ Nguyên Hư vốn là con nhà gia thế nhưng vô hạnh, giận em gái là Dao Chi hay chê bai nói xấu mình, đưa cô ra dự tuyển vào cung, Dao Chi trúng và bị đưa vào kinh, giữa đường thuyền hỏng, lại được Thành Trai cứu, Thành Trai mới Nho Trần về làm gia sư; Thái Kỷ Chi về già, một mình hiu quạnh, cũng thường đến đón Vương Nho Trần về nhà chơi, nuôi Nho Trần làm con, Nho Trần cũng đỗ giải nguyên và hỏi con gái Thành Trai là Hình Nhi làm vợ. Trần Thu Lan thì hỏi Hạ Dao Chi, Thành Trai chưa gả nhưng một hôm Dao Chi tự mình đến với Thu Lan rồi cùng nhau trốn. Lúc ấy Tử Thần đã dẹp xong cướp biển, thành thần tiên rồi, bỗng có thư cho cả Vương cả Trần nói cô Dao Chi thật vẫn còn ở nhà họ Tô Minh, còn Dao Chi đi trốn với Thu Lan chỉ là yêu hoa hóa ra mà thôi, bảo hai người dùng phép ngũ lôi mà trị, yêu liền bỏ đi mất, và cuối cùng Thành Trai cũng gả Dao Chi cho Thu Lan. Một hôm Nho Trần đến nhà họ Tô, tình lính thấy người hầu gái cũ là Nhược Lan, rất lấy làm kinh ngạc, Thành Trai mới biết chắc chắn rằng người con gái của Thái Kỷ Chi mà mình gặp đem về nuôi trước đây là vợ, hỏi rồi mà chưa cưới của Vương Nho Trần nên đưa về cho Nho Trần. Về sau, vợ chồng cả hai bên đều sống đến ngoài tám mươi, do uống cái kim đan của Tử Thần tặng, mà một hôm không ốm đau gì hết mà mất, người đời cho là thi giải⁵.

Chuyện *Thiết Hoa Tiên Sứ* ra đời sau hơn các chuyện kia, hình như muốn thoát ra khỏi cái lối cũ lâu nay cho nên đặt cốt chuyện hết sức cầu kỳ. Tác giả lại có ý tự phụ, trong lời tựa có nói: Chuyện truyền kỳ cốt mô tả nỗi buồn vui tan hợp của tài tử giai nhân, là để cung cấp cho người ta thích mắt vui lòng, thế mà sách làm xong, đặt tên lại lầm khi không để ý lầm,

⁵ Thi là thi thể, giải là giải thoát.

như chuyện *Bình Sơn Lãnh Yến* thì đem họ của các giai nhân tài tử mà đặt tên sách, đến như chuyện *Ngọc Kiều Lê* thì lại trích lấy một chữ trong tên của họ mà đặt, cẩu thả đến thế, thật ra không phải vì thực lòng đường đột với tài tử giai nhân mà vì lo sao cho tiện xoay trở để làm xong sách, không xem gì khó cả. Còn sách này thì có khác hơn... khiến người ta đọc thì đọc là sắt, là hoa, là tiên mà chuyện của tài tử giai nhân thì khi che đi, khi sáng ra trong đó... Tựa nói vậy, chứ văn viết thì dốt vụng, thiếu trọn tru linh hoạt, tình tiết câu chuyện rườm rà lôi thôi, lại đưa lẩn lộn vào việc chiến tranh, việc thần tiên yêu quái, như vậy là trượt ra ngoài phạm vi tiểu thuyết nhân tình mất rồi.

Chương 21

TIỂU TUYẾT ĐỜI MINH MÔ PHỎNG

TIỂU THUYẾT THỊ DÂN ĐỜI TỔNG

VÀ CÁC TUYỂN TẬP DO NGƯỜI ĐỜI SAU LÀM

Thuyết thoại của người đời Tống mà ảnh hưởng đến các đời sau, nhiều nhất không thể loại nào bằng thể loại *giảng sử*. Các trước tác giảng sử trùng điệp ra đời như đã nói trong hai chương 14, 15 trước. Nguồn gốc thuyết thoại đời Minh phần lớn cũng do *giảng sử* mà nổi tiếng, trong bọn họ cũng có người giảng kinh, đưa về kinh, còn giảng tiểu thuyết thì rất hiếm. Nhưng đến khoảng cuối Minh thì thể loại tiểu thuyết của người kể chợ của đời Tống lại trỗi dậy lại, thỉnh lình được lưu hành rộng rãi, nhưng tên cũ đã lu mờ, không còn gọi là tiểu thuyết người kể chợ nữa.

Loại sách đó mà có nhiều nhất, trước tiên là sách *Toàn tướng cổ kim tiểu thuyết*, bốn mươi quyển, cửa hàng sách Thiên hứa trại có giấy cáo bạch nói rằng: “Cửa hàng chúng tôi mua được sách diễn nghĩa của các danh nhân cổ làm ra đến một trăm hai mươi loại, đầu tiên mới nhắc in được một phần ba”. Còn cửa chủ nhân quán Lộc Thiên thì nói: Nhà Mậu Uyển đã sưu tầm giữ các tiểu thuyết thông tục đời xưa đời nay rất nhiều, nhân có người buôn xin, nên đem lựa ra những chuyện có thể khen hay, vừa tai của nhiều hạng người, cũng có đến bốn mươi loại, đem khắc in một loạt. Đó là khắc in loạt đầu, còn có tiếp tục loạt khác nữa hay không thì không nghe nói đến. Thế rồi ít lâu sau thì có Tam Ngôn, Tam Ngôn là thế nào? Một là Dụ thể

minh ngôn, hai là Cảnh thế minh ngôn, đến nay đều chưa thấy, chỉ biết các mục lục thế thôi. Minh Ngôn hai mươi bốn quyển và hai mươi mốt chương của nó là lấy trong cổ kim tiểu thuyết ra còn ba chương nữa cũng thấy cả trong thông ngôn và cả trong Tinh thế hằng ngôn nữa, vậy thì như lấy cái tên bản của sách Cổ Kim tiểu thuyết mà làm thành cuốn sách này. Thông ngôn thì bốn mươi quyển có lời tựa của Dự chương Vô ngại cư sĩ đề niên hiệu là Thiên Khải Giáp Tý (1624), sách lấy bảy chương trong sách Kinh bản thông tục tiểu thuyết (thấy trong sách Quan Vu Minh tích tiểu thuyết Tam Ngôn) và trong sách Tống Minh thông tục tiểu thuyết lưu truyền biếu của Điền Cốc Ông, nhân thế mà biết rằng loại sách sắp xếp lại rồi khắc in ra đó có thể cũng là chọn từ các sách cũ ra rồi đem gộp lại làm thành sách mới chứ không phải toàn là sách nghị tác, mô phỏng mà làm ra cả. Còn ngôn thứ ba trong tam ngôn Tinh thế Hằng Ngôn cũng bốn mươi quyển, có tựa của Lũng Tây kha nhất cư sĩ, đề niên hiệu Thiên Khải Dinh Mão (1627), tựa đó nói... Ngoài Lục Kinh và Quốc Sử ra thì trước tác gì cũng là tiểu thuyết cả, nhưng trước tác chuộng lý thì mắc cái bệnh thâm kín, viết văn thì mắc cái bệnh văn hoa tô vẽ, không đủ để xúc động đến tai người ta, động viên cỗ vũ lòng hùng của người ta, vì lẽ đó mà Cảnh thế hằng ngôn tiếp bước Minh ngôn và thông ngôn mà làm như vậy. Thế là biết Hằng ngôn ra đời sau nhất trong tam ngôn lại trong Hằng ngôn này có chuyện Thập ngũ quán hí ngôn thành xảo họa, chuyện đó tức là chuyện Thác Tràm Thôi Ninh trong quyển 15 của sách Kinh bản thông tục tiểu thuyết, vậy là Hằng Ngôn cũng là có lấy trong sách cũ mà làm ra, không khác gì với thông ngôn lâm.

Tùng thiền lão nhân đề tựa cho sách kim cổ kỳ quan có nói: Mặc Hàm Trái bổ sung thêm cho sách Bình yêu đã ra công đến cùng, biến đổi cực độ, mà không làm mất cái bản sắc của sách đi... đến như việc làm sách Tam ngôn Du thế, Cảnh thế và tinh thế thì mô tả hết mọi đường nét của thế thái nhân tình, nói hết những cái cảnh trí buồn vui tan hợp. Bình yêu truyện có tựa của Trương Võ Cửu nói rằng đó là sách mà bạn tôi là Long Tử Do đã có sửa chữa bổ sung thêm, trang đầu có đề tên, thì nói là Phùng Do Long tiên sinh tăng định, nhờ thế mà biết rằng Tam ngôn cũng là Phùng Do Long làm, còn như nói Long Tử Do thì đó là sấp ngược hai chữ Do Long

mà đặt thành tên khác mà thôi. Do Long tên là Mộng Long, người Trường Châu (sách Khúc Phẩm nói là người Ngô huyện, sách Ngoan Đào thi thoại nói là người Thường Thục) vì thế mà chủ nhân là Lục Tiên quá gọi là Mậu Uyển dã sử, trong niên hiệu Sùng Trinh, đỗ cống sinh được tuyên bố làm tri huyện Thọ Ninh. Về thơ, có Thất lục trai cao nhưng theo sách Minh thi tổng bảy mươi một của Chu Di Tôn thì khéo làm lời mở đầu cho hay, vui rồi giữa lại xen vào những lời quê mùa thô bỉ, cho nên không được kể là nhà thơ. Song Mộng Long chuyên giỏi từ khúc, có làm sách Song Hùng ký truyện kỳ, lại đem in sách Mặc hám trai truyền kỳ định bản mười loại, những sách này đều được đương thời xem, các tập vạn sự túc, Phong lưu mộng, Tân quán viên đều là của ông làm, Mộng Long cũng thích tiểu thuyết, ông đã sửa chữa bổ sung, Bình yêu truyện lại làm Tam Ngôn, và nhiều lần khuyên Thẩm Đức Phu đem bản sao Kim Bình Mai cho thuê phương khắc in, nhưng việc đó chưa làm được (theo Dã hoạch biên 25).

Kinh bản thông tục tiểu thuyết lục chép bảy chương trong đó có năm là chuyện đời Cao Tông, xa nhất là đời Thần Tông, những chuyện tai nghe mặc thấy đó cả, cho nên trình bày mô tả dễ dàng với sự thật. Tình thế hằng ngôn thì lại làm khác đi, đem xen lộn vào chuyện đời Hán 2, chuyện đời Tùy Đường II, thường lấy tài liệu trong tiểu thuyết Tấn Đường như Tục lè hài kí, Bác dị chí, đậu Dương tạp trổ, Tùy di lục... Phong tục nay xưa, thay đổi đã nhiều, đem lời văn trống không mà diễn dịch ra thành ra mất hết sinh khí. Nhưng chuyện đời Tống 2 chương thì khá sinh động, nghi rằng ngoài chuyện Thác trầm Thôi Ninh thì hoặc giả có những chuyện lấy từ thoại bản của người Tống ra nhưng điều đó chưa rõ. Chuyện đời Minh mười lăm chương thì đều là chuyện mới có, nhân tình thế thái, không đợi hư cấu nữa, cho nên so với sách Đàm luận cao xa về Hán Đường thì hay, tốt hơn. Một chương tốt hơn của quyển thứ chín đề là Trần Đa Thọ sinh tử phu thê kể chuyện hai người họ Châu và họ Trần nhân việc đánh cờ với nhau mà thành thông gia, con nhà họ Trần sau mắc bệnh hủi, họ Châu hồi hận định tử hôn, nhưng người con gái ấy không chịu, cuối cùng nàng về nhà họ Trần nuôi nấng, chăm sóc người mắc bệnh, ròng rã ba năm, sau cả hai vợ chồng đều uống thuốc độc mà chết. Chuyện thuật hai người đính hôn, việc mẹ vợ

oán hờn này khác, đều không dụng ý trang điếm mà tình tiết như là một bức tranh.

... Vương Tam Lão và Chu Thế Viên thấy cậu bé tiểu học kia đi đứng thư thả khoan thai, giọng trong trẻo lại vái chào có lớp lạng rất đúng thứ bậc, thì trong bụng khen lao không ngót. Rồi Vương Tam Lão hỏi: "Cậu mấy tuổi?" Trần Thanh trả lời: "Cháu lên chín". Vương Tam lão nói: Nhớ lại năm kia, trong bữa ăn ba ngày cúng mụ thì y như mới hôm qua, mà chốc lát đã là chín năm, thật là ngày tháng chim bay, làm sao bọn ta không già được". Lại hỏi Chu Thế Viên và nói "Già này nhớ được là cô bé nhà ta cũng sinh một năm ấy đây. Chu Thế Viên bảo: "Đúng là con cháu có phúc, nay cũng là chín tuổi rồi". Vương Tam Lão nói: "Đừng bảo già này lăm mồm nhé, hai người các ông đã là bạn cõi với nhau một đời, sao không làm thông gia đi luôn? Ngày xưa có cái thôn Châu Trần, trong cả thôn chí có hai họ, đời đời làm thông gia với nhau, bây giờ hai người các ông lại khéo trùng họ thế kia, phải coi là duyên trời mới được. Huống hồ lại trai ngoan, gái ngoan, anh thấy tôi biết, có gì là không đẹp đẽ nào". Chu Thế Viên đã nhìn rõ cậu học sinh rồi, không đợi Trần Thanh mở mồm đã lên tiếng nói: "Việc đó thì tốt quá, chỉ sợ anh Trần không muốn thôi, chứ nếu anh ta hạ cố đến, thì tôi đâu dám nói gì". Trần Thanh nói: "Được anh Chu không cho là hàn vi mà không bỏ thì cháu là bênh trai, cháu có từ chối gì? Và thế thì xin mời Tam Lão là người mối cho".

Vương Tam Lão bảo: "Ngày mai là ngày trung dương, Dương cữu không lợi. Ngày kia là ngày hết sức tốt, già sẽ đến, hôm nay một lời đã quyết thì bản tâm hai vị già này chỉ lo uống vài chén, coi là chúc mừng không cần phải tạ ơn người mối".

Trần Thanh nói: "Tôi xin kể một chuyện cũ để các người nghe, Ngọc Hoàng đại đế muốn làm thông gia với Nhân Hoàng, thương lượng rằng: Hai bên thông gia đều là hoàng đế cả, vậy phải có hoàng đế làm mối mới được. Thế là mời hoàng đế Táo quân xuống trần làm ông mối đi nói, Nhân hoàng thấy táo quân thì cả kinh nói: Người làm mối sao lại đen thế? Táo quân nói: xưa nay người mối có ai trắng mà đi làm đâu?".

Vương Tam Lão và Chu Thế Viên bặt cười cả đôi. Hai người Châu Trần lại đánh cờ đến chiều mới tan.

(đây có ý chơi chữ mà không nói ra:
mai, mồi, người làm mồi, làm mai
Mai, mồi, than đá, mồ hóng, suy muội).
Chỉ nhân một ván hơn thua đó,
Mà định ba sinh duyên gái trai..

Chu Thế Viên có vợ là Liễu Thị, nghe biết con rể mắc bệnh như vậy thì khóc lóc kêu la rầm nhà. Chị đau lòng oán chồng mà nói: “Nào phải con nó xấu xa ế ẩm gì cho dang, mà mới chín tuổi đầu đã vội vàng vàng đem cho người ta đi. Bây giờ thì làm ao đây? Đằng nào cho ra một đằng đi, các con ễn ương hủi đó mà chết đi được thì con gái mình thoát nợ, đằng này chết không chết, nếu không ra sống, con bé cứ mỗi ngày một tuổi cao người lớn, muốn gả cho ai thì cũng không được, muốn nhờ vả ai thì cũng không xong, làm thế nào bây giờ, không lẽ cứ ở vậy hầu cái thằng hủi, chồng sống sờ sờ đó mà làm con gái gó sao? Đến nồng nỗi thế, toàn là tại cái thằng cha mọc sừng Vương Tam Lão kia thu vén xếp đặt cả, làm hại cả một đời con gái tao”.

Chu Thế Viên nguyên có bệnh sợ vợ, nên đã mặc chị ta vặc người này rồi vặc người kia, mắng chửi rồi lại nín thịnh, không hề thò móm vào ngồi buồn thiu. Một hôm Liễu Thị thu dọn cái chặn ở bếp, tinh cờ thấy bàn cờ tướng và con cờ, nỗi giận đúng đùng. Chồng rằng: “Hai thằng nhà anh chỉ vì mấy con cờ này đi được rồi nói ra cũng được nước, tìm được thông gia rồi bán con bà đi, còn để cái đồ sinh ra tai họa này làm gì”. Miệng nói, chân chạy ra cửa, đem cả bàn cờ, con cờ vứt tung tóe ra trên đường, cái bàn cờ vứt vỡ thành mấy miếng, Chu Thế Viên là người biết thủ phận thấy vợ như diên, chặn lại thì không chặn được, giả bộ nhơn nhơn tránh đi mất còn gái Đa Phúc thì vừa thẹn, vừa sợ, không tiện lại khuyên can, mặc cho nói dai, mãi chán thì thôi.

Thời đó lại có phách án Kinh kỳ, ba mươi sáu quyển, mỗi quyển là một chương, chuyện đời Đường sáu quyển, đời Tống 6, Nguyên 4, Minh 20, đều là lấy chuyện xưa, việc xưa vào cả, giống như sách Tam Ngôn trên quyển đầu có tựa của Túc không quán chủ nhân nói: “Ông Long Tử Do làm các sách dụ thế, nội dung còn giữ lại cái nhã đạo, thường chép lấy những quy tắc tốt lành, phá bỏ cái tập quán quê lậu hiện nay; như các loại cũ đời Tống Nguyên thì cũng được tìm tòi góp nhặt vào gần hết... Nhân thể chọn lấy được những sự việc tạp nhạp nhỏ nhặt, làm mới lại những điều thấy nghe, rồi mượn lối hài hước mà diễn tả ra thông suốt, được từng ấy quyển, sau đó khắc in hai lần ba quyển, chuyện đời Xuân Thu một quyển, đời Tống mươi bốn quyển, Nguyên 6, không rõ niên đại 5, phụ lục Tống công Minh nào nguyên tiên tạp kịch một quyển nữa, năm Nhâm Thân Sùng Trinh (1632) tự đề tựa lấy, đại lược nói: Mùa thu năm Đinh mão... tình cờ đùa chọn lấy những chuyện xưa mà mình nghe được, đem một, hai chuyện ra, đáng ghi chép, diễn ra thành,... được 40 loại... ngay cả gỗ thừa bá Lương, tre Võ Xương còn lại, cũng không phải ít, nghĩ không đáng để quên, cho nên cũng đem chép thuật bốn mươi tắc... năm Đinh mão tức là năm thiên Khải bảy, sách tình thế hăng ngôn khắc in vào khoảng ấy, vậy là sách nói đây cũng vừa in ra và đưa tài với nhau, song tự thuật phẳng bằng, dẫn chứng nghèo nàn khổ sở, không kịp sách kia được. Túc không quan chủ nhân là biệt hiệu của lăng Mông Sơ, Mông sơ tự là Sơ Thành, người Ô Trình sách làm ra có thi dực, Thi nghịch, Quốc môn tập và tạp kịch Cù tu ông.... (theo sách Tam Ngôn, tiểu thuyết đời Minh).

Sách Tây Hồ nhị thập ba mươi bốn quyển, có sách Tây Hồ thu sắc một trăm vần đóng phụ thêm đề là Võ Lâm Tế xuyên Tử, thanh nguyên phủ toàn. Mỗi quyển một chương, cũng là diễn chuyện cổ kim lẫn lộn, và chắc là có liên quan đến Tây Hồ. Xem tên sách, thì phải có tập đầu nữa nhưng chưa thấy. Đăng trước có tựa của Hồ Hải Sĩ, gọi Thanh nguyên là Chu tử, đã có làm sách Tây Hồ thuyết, các sự việc khác thì chưa rõ, đời Khang Hi nhà Thanh có người thái học sinh tên là Chu Thanh Nguyên, tên tự là Hoãn Sơ, nhưng lại là người võ tấn (sách Quốc Tử Giám chí 82 và sách Hạc Chinh lục 1), đời Càn Long thì có Chu Dực, tên tự cũng Thanh Nguyên, người Tiên

Đường (sách Lưỡng Chiết do hiên lục 23) nhưng thời đại xa, phải là hai người khác nhau. Sách làm cũng là lấy việc trong sách khác mà vẫn làm văn minh, gọi là dẫn tử; dẫn tử có khi nhiều đến ba, bốn số bởi sách kia ít nhiều không giống; văn viết cũng xuôi chảy, lanh lợi, song ưa ca tụng công đức Thượng đế, đưa ra giọng giáo huấn của kẻ bè trên, đó hẳn là như trong lời tựa thuật lại câu nói của Thanh Nguyên, do cái tư tưởng cho rằng: Số mệnh làm khổ quá đáng, cáo chuột kinh nhὸn ta một cách không lý do mà ra, chẳng hạn như đoạn mượn tên thi nhân đời Đường gọi là Nhung Dực mà phát huy mối hận bất đắc chí của nhà văn sau đây:

... Nay nói chuyện một ông quan cấp dưới của Hàn Công, họ là Nhung tên là Dực làm thứ sử Chiết Giang; Nhung Dực có cái dáng đẹp của Phan An, cái tài hoa của Tử Kiến, hạ bút xuống là làm cho người ta kinh, viết nghìn lời xong ngay lập tức, tự thị có tài, tính tình cực kỳ ngạo nghễ, coi người bằng nửa con mắt, khổ thay gặp bước loạn ly, đời trọng văn mà không trọng võ, nếu như ai có vài trăm sức lực... Không phải nói mười tám ban võ nghệ gì cũng tinh thông, chỉ là biết được một đôi ngón gì đấy cũng đủ cho trên đầu có mũ sa đội ngất nghễu... Trước ngựa có người dẹp đường, tiền hộ hậu ứng. Không oai phong lâm liệt, diều võ giương oai như vậy thì làm sao mà hiểu được bốn chữ Thiên Địa Huyền Hoàng. Nhung Dực ta tự phụ là tài ba, đến cái thời coi trọng võ này, thì không nói đến chuyện ngồi giữa chợ bán mũ bình thiên, cái nghè buôn bán đó ai là kẻ đến mua nữa, mắt đã thấy rõ người ta không thích gì mình nữa rồi. Anh tự phụ là tài hoa, anh bắt nạt được ai. Cho có làm được hàng trăm hàng nghìn bài thơ mà ra trận không được, không giết được thằng giặc nào, làm cho nó lui đi không xong, trấn áp nó cũng không được, thế thì được tích sự gì? Nhung Dực mang lấy cái túi thơ đó, không có chỗ nào bán tống đi được thì bị một ả giang hồ bắt được. Ả giang hồ đó là ai? Họ Kim tên Phượng, tuổi vừa mười chín, mặt mũi dáng vô song, hát múa giỏi, tính người trầm lặng thanh nhã, không ưa những việc ồn à lung tung, chỉ thích một điều là hai chữ thơ phú. Ả thấy cái túi thơ Nhung Dực thì rất thích, Nhung Dực đang lúc không có chỗ mà để bán tống, thấy Kim Phượng thích thú với cái túi đó của mình thì lập tức thấy phấn khởi mở ra, như mở một cái quầy tạp hóa, bày ra cái này,

cái nọ. Cả đôi hết sức tương đắc, chị tham anh yêu, không rời nhau ra. Từ đó Kim Phượng không tiếp khách làng chơi nữa. Thật là buồn chán gì bằng sống ly biệt – vui chẳng gì bằng mới tương tư. Từ đó Nhung Dực mỗi khi việc quan rảnh rồi là đi chơi vui trên Tây Hồ, cùng Kim Phượng hàng hoàng không rút... (quyển 9 : Hán tấn công tìm tặng cả người lẩn của).

Chuyện Túy Tỉnh Thạch mười lăm hồi, đề là Đông cổ cuồng sinh biên tập, chuyện chép chỉ có Duy Lý Vi hóa cợp là chuyện thời Đường, ngoài ra đều là chuyện đời Minh cả, mãi đến triều Sùng Trinh mới ra sách, văn minh bạch khá sắc rõ, song vì quá u gián dị diêu luyện, thành ra cái lối đưa ra những lời răn dạy, với giọng kẻ cả người trên, cái khiếu thích nghị luận phê bình thì lại quá đáng, hơn cả Tây Hồ nhị thập. Tiểu thuyết kể chợ đời Tống, tuy cũng xen vào những lời huấn dị, song chủ yếu là thuật lại chuyện thành thị, chuyện nông thôn, cốt để mua vui. Đến hạng tác giả mạt lưu đời Minh mô phỏng viết lại thì răn bảo lu bù, ồn ào làm mất cả chú ý, lại thường hay ca ngợi trầm trồ nhưng sự gấp gô vinh hoa may mắn, bênh vực bao che cho hạng sĩ nhân, cho nên hình thức tiểu thuyết kể chợ thì gần như còn mà tinh thần so với đời Tống thì đã khác xa lắm. Như hồi thứ 14 chép chuyện Mạc ông đem con gái gả cho người họ Tô, lâu rồi người con gái sợ nghèo, tự xin đi lấy chồng khác, làm vợ nhà hàng rượu. Rồi họ Tô thi đỗ liên tiếp thành một ông tiến sĩ, vinh qui đi qua trước hàng rượu, thấy người con gái còn trông lò, Tô xuống kiệu vái chào, người con gái mặt cứ tự nhiên mà lòng thì rất khổ, lại không chịu nổi người ta cười mắng, nên thắt cổ tự tử, thế là cái cách làm cho kẻ học trò nghèo được vui lòng đó.

... Thấy bên cái chặn một người đàn bà ra bộ đứng đắn èo lả ngồi, thì ra đúng là cô Mạc. Ông nghè Tô thấy thì nghĩ bụng: Ta hãy xuống gặp cô ta một tí, xem cô đối đãi với mình thế nào. Rồi bảo dừng kiệu lại, trưng giọng ra, mặc áo tiến sĩ mới được ban vào, đi vào trong hàng. Người chủ hàng đang ngồi bên chải đếm tiền, mặc cái áo quàng vai, thấy ông quan vãi thì trốn. Còn cô Mạc ta thấy xuống kiệu, nhận thấy là vị tiến sĩ họ Tô rồi mà vẫn không thấy xấu hổ, không sầu não, cứ giơ mặt ra. Ông nghè Tô đến trước mặt cũng cung kính vái chào một cái. Cô ta bảo: "Anh cứ việc làm quan của anh, tôi bán rượu của tôi. Thân hình không động đậy". Ông nghè

Tô cười một tiếng mà ra đi..

Nước đỗ rồi khó bốc, vợ đi xong không về. Gặp nhau cười một tiếng – Chỉ dừng bước trù trừ.

Ta nghĩ lòng cô Mạc lẽ nào không động được, có điều làm ra mình đây tuyệt nhân tuyệt nghĩa như thế, để cho mặt mũi ra vẻ cứ tươi, gặp nhau vẫn vui vẻ, không nghĩ gì đến việc trở lại với nhau nữa. Sau đó lại ngậm buồn nuốt tủi, kéo ai chấn nước mắt nghĩ là vì mình mà ra, liệu không thể nào được người ta thương mà đưa về lại nữa, chi bằng cứ làm ra vẻ cung cỏi, dằng nào cho ra một dằng, thế là yên chuyện. Tâm lý ấy cũng của cô ta, không phải không hối tiếc là lúc bỏ đi mình đã quá gấp vội thiếu suy nghĩ, song rốt cuộc cũng đều là không biết làm thế nào.

Cuối truyện lại còn có lời bình luận cho là: Sống bị chê cười, chết để tiếng xấu lại, đây là một người vợ nữa sau vợ Chu Mại Thần xưa. Lời bình luận cũng có ý dung tha hình như buộc tội là tại người đàn ông không chịu yên phận nghèo hèn mà sinh ra thế. Song kết luận vẫn nghiêm khắc không tha.

Nhược bằng luận về người đàn bà thì đọc sách vở ít hiểu đạo lý không được bao nhiêu, làm sao mà có được cái kiến giải lớn, cái chí lo xa của cuộc đời mình. Huống hồ rồi có thể đến đói rét khổ vào thân, thấy người ta thế mà mình thì thế, xóm giềng chê cười không chịu nổi, bà con họ mặc nóng lạnh không chừng, chồng thì cáo bảng mãi vẫn không thấy tên mình, giặt giũ mà vẫn không hết được màu chàm của cái manh áo che thân, làm gì, nói gì cũng không kích động lên được cái ông chồng đã quen thói thi không đỗ, cứ nằm dài ở nhà, chịu hết khổ nhục, khóc hết nước mắt, thế thì làm sao bảo người ta không oán giận khóc than được chứ. Tuy nhiên : Chết đói là việc nhỏ, thất tiết với chồng là việc lớn. Mắt thường trơ ra thấy anh tú khổ còn sờ sờ ra đó mà lại di ôm ấp một anh khác, không lẽ lại không có một chút ân tình sớm chiều gì hết, thật sao. Thật là khinh miệt, vứt bỏ cả luân thường đạo lý. Sở dĩ thế mà cô vợ Chu Mại Thần để lại sự cười chê cho muôn đời.

Loại sách như dụ thế trong Tam Ngôn khoảng đầu đời Thanh còn lưu

hành. Vương sĩ Trinh làm sách Hương Tổ bút ký 10 có nói sách Cảnh thế thông ngôn có chuyện ảo tưởng công, thuật chuyện Vương An Thạch bị bãi chức tể tướng ở Kim lăng, người ta xem thấy làm khoái hết sức, cho nên nhân có việc Lư Đa Tốn bị trích đi Linh Nam mà đưa phụ thêm vào... Cho nên biết được rằng đó không phải là sách khác. Về sau dần dần ăn năn là đã làm như vậy, cái phần nhỏ của sách thì lại do có bản tuyển mà lưu hành đến nay. Bản này nói là Kim cổ kỳ quan có bốn mươi quyển bốn mươi hồi, tựa bảo là Tam Ngôn, cùng với phách án kinh kỳ họp lại, cộng tất cả lại có hai trăm chuyện, xem đọc khó hết được, cho nên Bảo Ứng lão nhân tuyển lại và khắc in ra làm bản này. Căn cứ theo Minh thông tục tiểu thuyết lưu truyền biếu thì bản tuyển bối lấy trong sách Cổ kim tiểu thuyết, 18 thiên, Tình thế hằng ngôn 11 chương (các hồi 1, 2, 7, 8, 15 đến 17, 25 đến 28) lấy trong Phách án kinh kỳ 7 chương (các hồi 9, 10, 18, 29, 37, 39, 40), hai lần khắc ba chương, Tam Ngôn nhị phách, bản in này hỏi khó tìm thấy. Tìm được thì có thể nhờ nó mà thấy các đại lược của công việc. Đến như cái thời gian chính xác làm xong sách, thì phải vào khoảng niên hiệu Sùng Trinh, thế là có quan hệ với thời đại của Tam Ngôn nhị phách, Diêm Cốc Ôn đã từng vì việc đó mà lập ra cái biếu (theo sách Minh Đích tiểu thuyết Tam Ngôn) như sau:

Thiên khải 1 Tân dậu	Cổ kim tiểu thuyết Dụ thế minh ngôn Cảnh thế thông ngôn		
4 Giáp lý 5 6 7 Đinh Mão	Tình thế hằng ngôn	Phách án kinh kỳ (đầu)	
Sùng trinh 1 2 3 4 5 Nhâm thân		Phách án kinh kỳ (2)	
17			Kim cổ kỳ quan

Sách Kim cổ kỳ quan hai mươi hai quyển, mỗi quyển một chuyện đề là Đồng Bích sơn phòng chủ nhân biên thứ. Việc lục chép khá phức tạp: có văn của Tinh thế hăng ngôn bốn chương (theo các sách Thập ngũ quan hý ngôn thành đại họa, Trần Đa Thọ sinh tử phu thê, Trương Thực nhi xảo trí thoát dương sinh, Lưu tiểu quan thư thùng huynh đệ, một thiên khác nữa là chuyện Mai dữ hận tích trong Tây hồ giai thoại, ngoài ra nữa thì chưa tường lấy từ đâu ra. Trong văn có chữ Phát nghịch (vụ nổi loạn về đầu tóc), cho nên phải là sách thời Hàm phong Đồng Trị mới được.

Tục kim cổ kỳ quan ba mươi quyển, cũng mỗi quyển một truyện, không có tên tác giả: Sách toàn lấy chuyện Kim cổ kỳ quan tuyển bỏ ra, như hai mươi chín chuyện cũ Phách án kinh kỳ, rồi lấy một chuyện của Kim cổ kỳ văn (chuyện khinh tài trọng nghĩa dắc hoa danh của Khương Hữu Nhân viết) để cho đủ số quyển, như vậy thì thật không đáng gọi là bản tuyển, năm Đồng Trị 7 (1868) tuần Vũ Giang Tô là Đinh Nhật Xương từng nghiên cứu các tiểu thuyết dân từ, Phách án kinh kỳ cũng nằm trong danh sách cấm, cho nên có lẽ sách này là do kẻ buôn sách làm ra sau hồi cấm kia.

Chương 22

TIỂU THUYẾT MÔ PHỎNG

ĐỜI TẤN ĐƯỜNG CỦA ĐỜI THANH

CÙNG VỚI CÁC DÒNG PHÁI CỦA NÓ

Tiểu thuyết của người đời Đường chỉ có một bản thô, đến đời Minh, mười đã mất hết chín, nhà Tống làm sách Thái Bình quảng ký, làm xong lại cắt không ban bố ra; những tiểu thuyết ít ỏi được lưu truyền, đời sau tình cờ thấy, thì bắt chước làm, người đời lấy làm kinh ngạc, cho là kỳ tuyệt. Đầu đời Minh có người Tiên Dương là Cù Hựu, tên tự là Tông Cát, có tiếng về thơ, làm một cuốn tiểu thuyết tên là Tiên đăng tân thoại, đặt tên chuyện, cấu trúc sách đều bắt chước theo đời Đường, song văn viết yếu ớt rườm rà không đúng với ý định, chỉ do tö vê tình gái trai cho hay, đặt câu dùng chữ cho đẹp mà đương thời rất lấy làm thích thú, người học đời làm hết sức động, đến khi bị cấm thì cái phong khí tiểu thuyết đó mới suy đi. Đến khoảng Triều Gia Tĩnh, tiểu thuyết người đời Đường lại ra lại, hàng người buôn sách, thường thường trích lấy văn trong Thái bình quảng ký, đem lộn với sách khác, khắc in làm từng tập, thật giả rối mù nhưng lưu hành rất mạnh. Các văn nhân vốn không có dính gì đến tiểu thuyết cũng đem những dị nhân, hiệp khách, đồn nô cho đến cả hổ, chó sáu kiến ra làm thành chuyện đặt vào giữa tập luôn. Có thể nói cái không khí truyền kỳ vào cuối đời Minh là dày rẫy cả thiên hạ, cho đến khi sang triều đại khác rồi mà vẫn chưa thay đổi gì.

Cái chuyện tập có tiếng nhất là Liêu trai chí dị của Bồ Tùng Linh. Tùng Linh tên tự là Lưu Tiên, hiệu Liêu Tuyền, người Tri Xuyên Sơn đông, lúc nhỏ đã có tài hơn người, già rồi vẫn không đỗ đạt làm quan được, chỉ là một thư sinh dạy học ở nhà, đến năm Tân Mão Khang Hi mới được tuyển làm tuế công (theo tựa và bạt của Liêu trai chí dị) được hơn bốn năm thì mất, tuổi 86 (1630 – 1715) trước tác có văn tập bốn quyển, Thi tập sáu quyển, Liêu trai chí dị tám quyển. (Văn tập có phụ lục các trước tác: bia mộ của Trương Nguyễn làm, cùng với Tinh thần lục, Hoài hình lục, Lịch tự văn, Nhật dụng tục tự, Nông tang kinh (theo sách Kỳ hiến loại trưng của Lý Hoàn, 431). Liêu trai chí dị cũng có chia làm mười sáu quyển bốn trăm ba mươi mốt chương, Tùng Linh đến tuổi 50 mới viết xong và cho là dứt khoát, tự viết lấy lời đề nói: Tài không được như Can Bửu, thường thích việc sưu thần, tình giống với Hoàng Châu, ưa nghe nói chuyện qui. Rồi thì cầm bút, nhân chép thành chương; lâu rồi tất thảy người bốn phương lại dùng ống bưu trạm mà gửi đến cho, nhân thế mà sự vật tụ tập được tốt, tích lũy được nhiều thêm. Thế là nói việc góp nhặt dành dụm đã lâu rồi, song trong sách cũng có nhiều sự tích lấy từ truyền kỳ đời Đường rồi chuyển hóa ra (chẳng hạn chuyện Phương dương sĩ nhân, chuyện Tục hoàng lương), điều này không tự nói ra, đó là bắt chước ngoài xưa mà giấu đi vậy. Đến như nói tác giả tìm kiếm chuyện lạ mà dọn sẵn chè thuốc trước cửa, đón những ông lão nhà quê, những người dân cày, mời họ kể chuyện rồi vẽ phác thành tranh thì chẳng qua là chuyện ngoài đường ngõ mà thôi, không đáng nghe lầm.

Liêu trai chí dị tuy cũng có sách cùng loại đương thời, không ngoài những chuyện đời xưa nói về thần tiên, ma cáo, yêu tinh song mô tả cũng khác, thứ lớp rõ ràng, dùng phương pháp truyền kỳ mà viết theo lối chí quái, tình tiết biến ảo, như bày ra trước mắt thật. Lại có khi đổi điệu thay dây, thuật hành vi lạ, tả người đặc kỳ hiếm thấy, ra cõi mộng ảo, vào thế gian tình cờ có thuật chuyện vặt thì cũng giản dị trong sáng, cho nên tai mắt độc giả cũng thấy mới và hay. Lại tương truyền rằng người ẩn sĩ ở Sơn dương (Vương Sĩ Trinh) khen ngợi sách muôn mua mà không được, cho nên tiếng tăm lại càng lên, người ta đua nhau kể và sao chép. Tuy vậy hết đời tác giả rồi mà sách vẫn chưa in ra, đến cuối triều Càn Long mới bắt đầu khắc ở

Nghiêm châu, sau Đản Minh Luân, Lã Thậtm Âu đều có chú giải cả..

Các sách chí quái cuối đời Minh, đại để đều sơ lược, lại lấm điếu hoang đường quái đản. Không ra tinh người, chỉ một mình Liêu Trai chí dị là tường tận mà lại bình thường, khiến cho yêu hoa tinh cáo đều giống người ta, hiền hòa, giản dị dễ thân, quên mình là giống khác, mà nếu tình cờ thấy hò đồ, ngõ ngắn, thì cũng biết là không phải người: Như chuyện Hồ hài nói Vạn Phúc ở Bắc Hưng cưới người con gái trinh ở Tế Nam làm vợ, mà người con gái đó lại nhã nhặn, khôi hài hay áp đảo tất cả, trong một buổi ngồi tán chuyện, sau thình lình ra đi, đều như người thường hết. Chuyện Hoàng Anh chép chuyện Mã Tử Tài lấy Đào Thị Hoàng Anh làm vợ, nhưng thật ra là tinh của hoa cúc, tích trữ bon chen, không khác gì người thật, song có người em say rượu ngã hóa ra hoa cúc ngay, thế nghĩa là khí có biến, không thường thì liền hiện ra thật.

...Một hôm có tiệc rượu sang, ông Vạn ngồi ghế chủ nhân, Tôn cùng hai người khách chia nhau ngồi hai bên tả hữu, dằng dưới đặt một cái chông có ý để Hồ thị chịu lép. Hồ từ chối nói không biết uống nhưng cũng xin ngồi nói chuyện như mọi người. Cả tiệc đồng ý cho. Rượu được vài tuần, thì gieo súc sắc làm cái tửu lệnh cuống dưa. Khách gieo được màu dưa thì phải uống, đưa cầm chén dưa ra giữa tiệc mà nói: bà Hồ còn tỉnh lǎm, xin tạm mượn một chén... Khách đều nói: "Kẻ mắng người là bị phạt". Hồ cười nói rằng: "Còn tôi mắng thì sao?". Cả tiệc nói: "Được". Rồi nghiêng tai cùng nghe, Hồ nói: "Ngày xưa một vị đại thần, đi sứ nước Hồng Mai đội chiếc mũ nách cáo mà yết kiến quốc vương của họ. Quốc vương nhìn cái mũ, lấy làm lạ và hỏi lồng con gì vậy, dày và ấm lǎm phải không. Vị đại thần thưa là cáo, hò". Vương nói: "Con vật đó cả đời tôi chưa được nói đến. Chữ hò mấy nét?". Sứ thần viết giữa không mà tâu: "Bên hữu là một quả dưa lớn, bên tả là một con chó nhỏ" (Bên hữu là chữ qua, bên tả là bô khuyển). Chủ khách lại cười vang... ở vài tháng, cùng Vạn đi về... Hơn một năm sau, vạn lại có việc di Tế Nam, Hồ lại đi theo. Bỗng có một vài người đến, Hồ cùng họ nói chuyện, kể hết mọi sự hàn huyên; xong thì nói với Vạn rằng: "Tôi vốn là người Thiểm trung, cùng anh có duyên nợ săn, nên mới lấy anh. Nay có anh tôi đến, tôi sẽ đi theo để về, không thể ở với anh đến cuối". Vạn lưu lại

không được, Hồ ra đi (quyển 5).

...Đào uống rượu vốn giỏi, chưa khi nào thấy say; có người bạn là Tăng sinh tửu lượng cũng không ai địch nổi; vừa qua nhà Mã, đã bảo uống thi với Đào. Hai người bắt đầu uống từ giờ thin, uống luôn bốn tiếng đồng hồ, mỗi người hết 100 bình, Tăng say khuất như con nô, ngủ muỗi, ra cửa đạp phải bờ cúc, non bộ nghiêng đổ, áo vứt xuống một bên, Đào hóa ra hóa cúc tại đó, cây cao bằng người, hoa có đến hơn mươi đóa to bằng nắm tay, Mã kinh hãi hết sức, mách với Hoàng Anh, Anh vội ra bảo Mã cùng đi và dặn là đừng có nhìn. Đến sáng rồi mới trở lại thì thấy Đào nằm bên bờ cúc, Mã biết ra Đào là yêu cúc và thêm yêu kính vợ. Còn Đào lộ ra rồi thì uống rượu lại phóng túng hơn... Vừa buối mai hoa nở, Tăng đến thăm hỏi, hai người đầy tớ khênh một choé rượu đậm thuốc, định cùng nhau uống hết... Tăng say đến vã cả người, đầy tớ cõng đi. Đào nằm dựa đất lại hóa ra cúc lại; Mã thấy đã quen không kinh hãi nữa, dùng phép nhổ lên như lần trước, đứng một bên giữ lấy để xem biến hóa thế nào. Chập sau thì lá tiêu tụy thêm, Mã sợ quá, nói với Hoàng Anh, Anh nghe thì sợ liền nói: "Thế là giết chết em tôi rồi", chạy lại xem thì càنه rẽ đã khô. Anh đau lòng quá, ngắt một càنه, đem vùi vào trong cái chậu và bưng vào trong buồng nằm. Qua vài ngày nghe tin tăng say rượu chết rồi, càنه cúc trong chậu cứ dần dần nảy mầm, đến tháng 9 thì đã ra hoa, cuống ngắn, đóa hoa có phấn, ngửi nghe có mùi rượu, đặt tên là túy đào, (Đào say). Lấy rượu tươi thì tươi... Hoàng Anh sống đến già rồi mất, không có gì lạ khác người. (quyển 4).

Lại nữa tự thuật việc dân gian thì cũng chẳng qua là hình dung bề ngoài, có khi mất cả cái bình thường, như thiên Mã giới phủ trích sau, kể chuyện Dương thị có người vợ hung hân ngược đai chồng, coi nhὸn khách khứa, còn anh em thì sợ, đến nỗi đứng trước mặt khách thì lúng túng cuống quít.

... Chừng nữa năm sau, Mã bỗng dắt cả đồng bộc đến nhà Dương, gặp khi Dương còn ở ngoài cửa ười nắng bắt rận, tưởng là đầy tớ sai vặt trong nhà, nên nói tên họ ra, bảo vào nói với chủ; Dương mặc cái áo rách bướm vào và đi, có người mách với Mã: "Đây là ông Dương rồi đây". Mã đang còn sững sốt thì có anh em của Dương ra đón, vào nhà vái một vái rồi liền xin để

chào ông cha. Ông vạn Thạch từ tạ, nói mình ốm, bắt ngồi nói chuyện, cười không ngớt, trời chiều. Ông nhiều lần nói đến cơm nhưng cơm mãi không thấy ra, anh em Dương cứ thay đổi nhau vào lại ra, ra lại vào. Sau mới thấy đưa ở gầy nhom cầm một bình rượu ra, rót xuống một chốc thì hết, rồi ngồi rình mãi đã khá lâu, ông Vạn Thạch cứ đứng lên ngồi xuống gọi giục, mồ hôi nhẽ nhại cả trán cả má. Bỗng đưa ốm gầy bụng mâm cơm ra, cơm gạo, thức ăn hâm di hâm lại, thật chẳng ngon bùi một tí nào. Ăn xong ông Vạn Thạch lèm thèm luộm thuộm dậy đi; Vạn Chung ôm chiếc chǎn rách lại để nǎm ngủ với khách (quyển 10).

Sách lại cứ mỗi quyển lại chép những đoạn văn nhỏ, kể chuyện cực ngắn, cực đơn giản, không thích hợp với văn truyền kỳ, vài hàng là hết, gần như chuyện chí quái đời Lục triều. Lại có sách Liêu Trai chí dị thập di, một quyển hai mươi bảy chương nữa... sách này do người sau lượm nhặt chép lại, chuyện tuyệt đối không có gì hay, nghi là do tác giả nhặt bỏ di, hoặc người khác bắt chước mà làm.

Cuối đời Càn Long, có người Tiền Đường là Viên Mai là sách tân Tề hai mươi bốn quyển, Tục mươi quyển nữa, ban đầu đặt tên là Tử bất ngữ, sau thấy trong thuyết bộ của người Nguyên đã có chuyện đặt tên như vậy rồi nên thôi và đặt tên như hiện nay. Tựa nói:

“Nói bậy, nghe bậy, rồi nhở mà ghi lại để đó cho sau tránh sự trau tria trang sức, ngược lại gần như cứ tự nhiên, song quá khô nát cẩu thả, lại lấm chỗ hoang rậm uế tạp tự đẽ là viết đùa chơi mà quả là đúng như tết. Còn như thực sự bắt chước Liêu trai thì bây giờ kể có Trầm Khởi Phương người Ngô môn làm sách Hài đặc mươi quyển (tựa đẽ năm Càn Long 56) song ý quá ra tuồng trò, văn quá lôi thôi trúc trắc; Hoa Bang Ngạch người Mân châu làm sách dạ Đàm tùy lục mươi hai quyển (tựa cũng đẽ năm 56), có mượn tài liệu của sách khác (chẳng hạn sách Đồng ỷ Giác, sách Dạ tinh tử, sách Dương y, các sách này đều gốc từ Tân tề hai mà ra cả; sách Dạ Đàm tùy lục lời văn cũng lấm khi thô bạo song miêu tả cảnh vật phương Bắc và tình hình thành thị nông thôn thì đặc biệt khả quan. Ngoài ra còn có sách Huỳnh song di thao, ba tập 12 quyển, của Hạo Ca Tử người Trường bạch (hình như làm khoảng giữa niên hiệu Càn Long, song lại có bốn tập bốn

quyển của Quản Thế Hạo người Hải Xương (tựa đề năm Gia Khánh 6). Sách Tích liêu trích đậm tám quyển của Phùng Khởi Phượng người Bình hổ. Gần đây hơn thì sách Nhiêu Sâu tập tám quyển của Trần Thao người Kim quỹ (tựa đề Năm quang tự 3) cũng là sách chí dị và đều không ra khỏi khuôn sáo liêu trai. Chỉ có sách Lục hợp nội ngoại toàn ngôn hai mươi quyển của Duệ Tôn người Thủ dư (hình như làm khoảng đầu Gia Khánh), còn đặt tên là Bảo Cát tạp ký nữa) sách cổ viết cho tân kỳ độc đáo, thể thức trước đó chưa hề có tác giả nào làm thử, song ý tứ thì nồng cạn khinh bạc không ra sao. Cứ như Kim Võ Tường nói trong Giang âm nghệ văn chí thì sách của Đồ Thán, tên tự là Hiền Thư người Giang âm làm. Thêm còn có làm sách Ngạc đình thi thoại một quyển, văn tự khá giản dị, cũng không phải ghi chép chuyện hiếm lạ tất cả, song xét về phong cách thì cũng thuộc loại này.

Sách Liêu trai chí dị lưu hành như gió dã hơn 100 năm, người mô phỏng, kẻ tân tụng đều đông, nhưng đến Kỷ Quân mới có những lời kín đáo. Thịnh Thời Ngạn (lời bạt viết cho sách Cô vông thính chí) thuật lại lời của Quân rằng: Liêu trai chí dị thịnh hành một thời, song song ngòi bút của người làm sách từ đầu đời Ngu trở xuống, từ đời Thiên Bửu trở lên, sách cổ, đã mất mát đi nhiều rồi, còn thấy được cả pho trợn vẹn, chỉ có dị ngôn của Lưu Kính Thúc, Tục sưu thần ký của Đào Tiêm, đó là loại tiểu thuyết, còn loại truyện ký thì chỉ có Phi yến ngoại truyện, Hội tiểu thuyết đã thuật kiến văn, tức thuộc thể tự sự, không phải như trên sân khấu, cốt cho người ta xem mà tùy ý trang điểm... Đàng này những lời thân mật âu yếm, những cử chỉ quen nhìn xuống săn ở trong buồng thế nào mà đem kể ra cặn kẽ, mô tả rất sâu, bảo là lời mình nói thì giống như phi lý, bảo là tác giả nói thay cho nhân vật thì hỏi là nghe thấy ở đâu, đó là những điều chưa giải được. “Nói thế tức là chê rằng Liêu trai chí dị đều có cái tường tận của truyền kỳ đời Đường, lại xen lộn vào cái đơn giản sơ lược của chí quái hời Lục triều, đã không phải là văn tự thuật, tự mà lại miêu tả rạch ròi, hết mọi ngóc ngách như thế? Kỷ Quân tên tự là Hiếu Phong, người Hiến huyện Trực Lệ, cha là Dung Thư, làm tri phủ Diên An, Quân từ bé đã dĩnh ngộ, 24 tuổi đã giải nguyên trường Thuận Thiên song đến 31 tuổi mới đỗ tiến sĩ, làm quan từ biên tu lên đến thị độc học sĩ, mắc tội tiết lộ cơ sự, dày đi làm linh thú ở Ô

lỗ mộc tè, hơn ba năm thì được triệu về làm biên lu lại, lại ba năm nữa được thăng thị độc, giữ chức tổng toán tú khố toàn thư, liên quan đến thư cục đã mười ba năm, tinh lực một đời đều đổ vào trong bảng mục lục cùng bảng đề yếu của tú khố toàn thư, cho nên trước tác được rất ít. Sau lần lượt được thăng thượng thư bộ lễ, song vào kinh làm giảng quan, từ đó lại làm tổng hiến trông coi cả bộ lễ cả tòa Kinh diên hết năm năm, làm trưởng bộ lễ hết ba năm nữa (theo sách Quốc triều tiêu chính sự lược 20 của Lý Nguyên Độ. Năm Càn Long 54, do công việc biên chép xếp sắp hộ tịch bí mật mà phải đi Nhiệt hà).

... "Thời gian đó làm việc sửa sang, việc quản lý lâu mới xong, chỉ là xem xét đôn đốc các quan lại ghi chép, niêm phong kho tàng mà thôi, ngày dài không có việc gì", ông mới truy lục lại kiến văn của mình, viết thành bài thuyết như tên gọi đời xưa, được sáu quyển, đặt tên là Loan dương tiêu hạ lục. Qua hai năm, lại viết thêm sách Như thị ngã văn, năm sau lại viết sách Hòe tây tạp chí, năm sau nữa sách Cô vong thích chí, sách nào cũng bốn quyển cả; năm Gia Khánh 3, lại đi Nhiệt hà lại viết xong sách Loan dương tục lục 6 quyển, bấy giờ tuổi đã 75. Hai năm sau, người nhà là Thịnh Thi ngan gộp cả lại đem khắc in, đề tên là Duyệt vi thảo tường bút ký, năm loại (theo sách này) Tháng giêng năm Gia Khánh 10 lại điều về bộ lễ, phong Hiệp biên đại học sĩ, gia phong thái tử Thiếu Bảo, trông coi công việc Quốc tử giám, ngày 14 tháng 2 mất tại chức, tuổi 82 (1740 – 1805) được đặt tên Thụy là Văn Đạt (sách Sự lược).

Sách Duyệt vi thảo thường bút ký tuy nói là sách để tiêu khiển qua ngày, song lập ý và kết cấu rất nghiêm túc,

Chỉ nói điều quan trọng nhất thời thì sách cốt ở chất mà không cốt ở văn hoa, theo dấu chân Tấn, Tống mà tiến. Lời tựa của chính tác giả viết nói: "Nghĩ xưa các tác giả như Vương Trọng Luân, Ứng Trọng Viễn dẫn sách kinh, căn cứ vào sách cổ, biện luận rộng, thông hiểu nhiều; Đào Uyên Minh, Lưu Kính Thúc, Lưu Nghĩa Khanh chỉ một vài lời đơn giản đậm bậc mà tự nhiên thần diệu xa xôi, thật không dám sánh cản phong hóa". Tác giả nói thế tức là nói ra điều quan trọng đã nhận xét trên. Áng sách mục thước như vậy nên so với Liêu trai theo cách thức của truyền kỳ thì đường lối mỗi bên

một khác. Tuy nhiên đem so sánh với sách các đời Tấn Tống thì sách Duyệt vi lại quá thiên về nghị luận. Đó là vì không bằng lòng chỉ làm tiểu thuyết mà còn muôn ích cho nhân tâm, thế là tự nhiên xa trái với cái tinh thần chí quái của Tấn Tống. Đã thế mà hễ đem việc hèn hạ gán thêm vào nữa thì dễ sa vào cái lối nói suông về chuyện nhân quả báo ứng, một điều lý Kỷ Quản vốn có tài văn chương, đã đọc được nhiều sách hiếm, lại tính tình phóng khoáng, bình thản cho nên thăm dò được cái tình trạng của quỷ thần, tìm ra được cái u uất của người đời, rồi thì mướn tiếng ma cáo để nói ra ý kiến của mình, ý tốt lời hay thường đủ để bán buồn mua vui; ở giữa có xen vào những lời khảo xét biện luận, ý kiến cũng rõ ràng tươi tắn. Cách tự thuật thì ung dung khiêm nhã, lý thú tự nhiên, vì thế mà mãi sau không ai giành được ngôi thứ của ông và, không phải do chức vị cao, danh vọng lớn mà sách ông được lưu truyền. Dưới đây nêu lên ba đặc điểm đối đơn giản hơn cả:

Quan đình úy Lưu Ất Trai lúc làm Ngự sử, có thuê một ngôi nhà ven Tây Hà, thường đêm có đặt vài người đánh mõ canh, tiếng lộc cốc nghe tận sáng... Nhìn thì không thấy gì, nhưng cứ nghe inh tai lên không ngủ được chút nào cả. Ất Trai vốn là tay cứng cổ, ông tự soạn lấy một bài văn, vạch trần tội trạng của chúng, viết thành chữ to dán lên vách để xua đuổi, tối hôm đó thế là yên. Ất Trai tự khoe là mình không kém gì Hàn Xương Lê xưa xua được cá sấu đi. Tôi bảo: “Ông thì văn chương đạo đức hình như chưa địch được Xương Lê song tính cương trực, khí cường thịnh cả đời còn chưa làm điều gì ám muội, cho nên dám mạnh dạn không sợ quỷ; lại đời nhà đến các cứ lấy chỗ này, bây giờ sức kiệt không thể dời nhà lần nữa, không còn cách gì để lại di đâu, chỉ có liều chết giằng co với quỷ mà thôi, như vậy là ở ông chỉ là con thú khổn rồ cồn đâu, còn ở quỷ chỉ là giặc cùn rồi thì không đuổi theo nó nữa mà thôi...”. Ất Trai cười, thụi vào lưng tôi nói: “Ngụy Thu khinh bạc quá, nhưng là kẻ biết tớ đấy”. (Loan dương tiêu hạ tập 6).

Điền Bạch Nham nói: Hay cùng bạn hữu cần tiên, tiên lên tự xưng là Chân Sơn Dân, một kẻ quân tử ở ẩn đời cuối Tống”. Sướng họa vừa ăn ý nhau thì ở ngoài báo có khách là ông nợ ông kia đến, bất thình lình dừng

lại, bất động. Hôm sau lại lên, hỏi vì sao hôm nọ lại bỏ đi một cách vội vã như thế. Tiên pháp rằng: Hai ông kia, một ông thì hiểu biết chuyện đời quá sâu, tặc thù đi lại quá thạo, gặp nhau nhất định nói a dua, nịnh hót đến vài trăm câu, con người nhàn tản nước mây, ứng đối vụng về, chi bằng tránh đi là hơn; còn một ông thì tâm tư kỵ quá, lề độ quá rành, chuyện trò với ai thì thôi xao tung tiếng, trách cứ mãi không thôi, hạc nội mây ngàn chịu phiền hà thế sao nổi, cho nên chạy trốn thế vẫn sợ chưa mau. Sau An Công ở Tiêu diêu nghe kể lại thì nói: Ông Tiên đó rốt cuộc cũng chỉ là một kẻ sĩ quyên giời mà thôi, khí lượng còn hẹp hòi (Hè tây tạp chí 1).

Câu thơ của Lý Nghĩa Sơn: “Tý dạ cuồng nghe quỷ hát buồn” là dùng điển quỷ hát khúc Tý dạ đời Tấn. Câu của Lý Xương Cốc: Mồ thu quỷ hát thơ ông Bão thì lấy việc Bão Tham Quân có bào Hao lý hành, hát đưa ma để cho lời thơ nghe huyền ảo xa xỉu mà thôi. Nhưng thế gian thường vốn có việc đó”. Điền Hương Thẩm nói: ‘Thường đọc sách trong cái nhà riêng ở xa quê, một hôm gió lạnh trăng trong nghe có tiếng ai hát nhiều bài luộn, giọng cao trong uyển chuyển, nghe mà lòng tê tái, người rung rời, nghĩ lại thật kỲ thì ra là bài trong truyện Mậu đơn đình và chuyện Khiếu họa. Quân không nghĩ đến ai hát nữa, cứ lắng tai nghe đến xong, thình lình nhìn ra ngoài tường, thì thấy toàn là bến bờ hoang, chán người ít đến. Bài hát từ đâu lại? Mở cửa nhìn ra, chỉ có lau lách đìu hiu quanh quẽ mà thôi (Cô vông thính chí 13).

Kỷ Quân lại là người cô độc và thẳng, không thích đưa chuyện tâm tính ra nói suông để có tiếng và đứng đầu là một môn phái (lời tựa của Trịnh Thị Ngạn) xử sự thì cốt khí khoan an hồng, luận về người thì muôn dung thứ, cho nên, về sự nét nghiêm khắc của Tống Nho, ông đặc biệt phản đối, xem sách gấp chỗ xúc động thì nói ra ngay, cũng ngang như gấp trong Tứ khố toàn thư đề yếu.

Lại đối với những đàm luận không thấu tình, người quen rồi nên không xem xét lại ông đều đặt thành nghi vấn, vạch rõ chỗ câu chép, quanh co, đó là những điều mà các tác gia trước và sau ông chưa ai có thể mà người đời không hiểu, lại nhao nhao khen là ông luôn có sách khuyên răn hay.

Ngô Huệ Thức nói: “Thấy thuốc là ông nọ vốn cẩn thận dôn hậu. Một đêm, có một bà lão cầm một đôi xuyến vàng vào nhà mua thuốc làm sẩy thai, ông thầy rất kinh hãi nghiêm khắc cự tuyệt bà ta. Đêm sau, bà lại cầm một đôi hoa tai bằng hạt châu nữa. Thầy càng kinh hãi thêm, ra sức huơ tay bảo bà ta đi. Qua hơn nữa năm, bỗng năm mơ thấy bị âm ty lên bắt, bảo là có kẻ tố giác giết người. Xuống thi thấy có một người con gái tóc xõa, cổ mang cái khăn hồng, khóc trình việc xin thuốc không cho. Ông thầy bảo: “Thuốc là để cứu sống người, há lại dám giết người kiếm lợi sao. Chị bị hỏng vì gian thối chứ tôi nào có lỗi gì vào đó. Chị con gái nói: Lúc tôi xin thuốc, có mang chưa thành hình, nếu được sẩy đi, thì tôi có thể khỏi chết, đó chỉ là phá một cục máu vô tri thôi, mà bảo toàn một mạng người chờ chết. Không xin được thuốc thì không thể không đẻ, đến nỗi con bị bóp chết, chịu mọi đau khổ, tôi không chịu nổi cũng thắt cổ chết luôn, thế là thầy muốn bảo toàn một mạng thành giết hai mạng luôn, không quy tội cho thầy thì quy cho ai? Quan âm ty bùi ngùi nói: Như thầy nói là chăm chước sự thế; còn cô kia bắt vạ là theo lý. Từ đời Tống đến nay, cứ cố chấp một cái lý mà không luồng sự thế lợi hại ra sao, như vậy chỉ có mình thầy đâu. Thôi, thầy về thôi đi, quan vỗ ghê một cái thành tiếng, thầy thuốc sợ mà tỉnh dậy (sách Như thị ngã văn 3).

Ở Đông Quang có sông Vương Mãng, tức là sông Hồ Tô, trời hạn thì khô, có nước là lụt, người ta lấy làm khổ vì việc qua sông. Ông câu Chu Lục ở Mã Công nói: Cuối triều Ung Chính có người đàn bà ăn mày, một tay ôm đứa con, một tay đưa mẹ chồng lội qua sông đó, ra giữa dòng, bà mẹ khuỵu chân ngã sấp xuống, người đàn bà buông con ra giữa nước, ráng sức cõng mẹ lên. Bà mẹ mắng chị rất dữ, nói: “Ta là bà già 70 tuổi, chết có hại gì? Còn họ Trương hai, ba đời nay chờ thằng bé đó để kéo dài hương khói, chị sao lại bỏ con để vớt ta. Cắt việc thờ cúng tổ tông đi là chị đó”. Người đàn bà khóc, không dám nói gì chỉ quỳ thế thôi. Qua hai ngày bà vì khóc cháu không ăn mà chết. Người đàn bà nức nở không thành tiếng, ngồi ngày người ra, hai, ba ngày rồi cũng héo hon đi.

... Có người luận rằng: Cháu so với bà thì bà trọng, bà so với tổ tông thì tổ tông trọng. Giả sử chị đàn bà hoặc còn chồng hoặc còn có anh em thì

bỏ con đi là được; đằng này cả hai đời cùng cực góa bụa, khi có đứa con mồ côi như một sợi dây, thì bà trách mắng thế lại là đúng; người đàn bà tuy chết, nhưng lòng ăn năn cũng vẫn còn. Diêu An công nói, ông thầy giảng sách trách người thì cứ trách mãi không thôi. Ôi! Nước sông chảy xiết, tung tóe cả lên bờ, buông lơi ra một chút là trôi ngay đi, lúc đó lá lúc có thể nghĩ kỹ, lo xa không? Thế không bảo toàn được cả hai, thì bỏ con cứu mẹ chồng là việc làm đúng với lẽ trời và yên được lòng người vậy. Giả sử mẹ chồng chết mà con còn... thì không có tiếng trách mắng là yêu con bỏ mẹ sao... Vả chăng con còn bé ấm, nuôi được hay không cũng chưa biết thế nào giả sử mẹ chồng chết rồi con lại không nuôi được nữa thì ăn năn hối tiếc đến mức nào kia? Người đàn bà ấy làm như vậy, đã là vượt qua khỏi thường tình nhiều quá rồi, chẳng may mà mẹ chồng lại chết và chị cũng chết theo thật đáng thương thay. Thế mà còn nhóp nhép cái mồm... tự chị là cái học tinh nghĩa, không lẽ để xương trắng mang oan, suối vàng ngậm giận sao? Tôn Phục làm sách Xuân Thu tôn vương phát vi, suốt hai trăm bốn mươi năm chỉ có chê mà không có tiếng khen. Hồ Trí Đường làm sách độc sứ quân kiến, từ Tam đại xuống không có một con người hoàn toàn, nói ra lẽ thật đúng, song đây không phải là cái lẽ mà ta muốn nghe (sách Hòe tây tạp chí 2).

Sách Loan Dương tiêu hạ tập, nháp vừa xong thì cửa hàng sách khắc in cho lưu hành và ngay sau đó cùng với Liêu trai chí dị cùng đứng sừng sững. Rồi Như thị ngã văn nói tiếp ra, lưu hành càng thêm rộng rãi. Ảnh hưởng của chúng là làm cho các nhà văn bắt chước làm theo, tuy cũng còn có cái phong cách của Liêu trai, nhưng sức miêu tả của ngòi bút bỗng giảm sút xuống, và cuối cùng là giống những sách nói chuyện quái lạ của người đời Tống đời Minh. Như sách đồng thời thì có Nhị thực lục mươi hai quyển (Tự đê năm Càn Long 57). Nhị lục tam quyển (Tự đê năm 59) của Nhạc Quân người Lâm Xuyên; sách ra sau thì có Như văn kiến dị biện, hai quyển Hứa Thu Trạch người Hải Xương (Tự đê năm Đạo quang 26), Dực quynh bài biên tam quyển của Thanh dụng Trung ở Võ Tiến (Tự đê năm 28)... đều thuộc loại đó cả. Đến lúc Vương Thao ở Trường Châu làm sách Động quật lan ngôn (xong năm đầu năm Đồng trị), sách Tùng ẩn mạn lục (Xong thời

dầu Quang tự), sách Tùng tân tản thoại (tựa đề năm Quang Tự 13), sách nào cũng mười hai quyển cả; Tuyên Đình ở Thiên Đường làm sách Dạ vũ thu đăng lục mười sáu quyển (Tựa đề năm Quang Tự 21); tất cả các sách kể trên, từ lời văn đến cách sắp xếp đều hoàn toàn thuộc dòng Liêu trai cà và trong một thời truyền bá khá xa rộng, song ghi chép thì chuyện quỷ cáo ít dần đi, mà chuyện hoa khôi phấn son đã nhiều thêm lên.

Thể thức làm mà gần với năm cuốn sách của họ Kỷ thì có sách Tam dị bút đàm bốn quyển của Hứa Nguyên Trọng, người Văn Gian (Tựa đề năm Quang Tự 7), sách Án tuyết hiên tùy bút bốn quyển của Du Hồng Tiêm người Đức Thanh (Tựa đề năm Đạo Quang 25). Sau đó người ta vẫn đề cao sách Duyệt vi và nói: Hơi ngại là sách bài xích Tống nho quá nhiều lời (quyển 2), như vậy thì chí thú đã khác đi rồi... Khoảng giữa đời Quang Tự, Du Việt người Đức Thanh làm sách Hữu Thai tiên quán bút ký mười sáu quyển, chỉ thuật chuyện mà không nói đến nhân quả; lại có Dương Chu Ông (cũng là Du Việt) làm sách Nhị Bưu bốn quyển, tự ghi là viết đùa chơi, tựa thì nói: Dùng ý đặt lời giống như có nói, thật ra đến việc thiện ác báo ứng nhưng chỉ để tiêu khiển cho qua ngày, không phải dám có ý khuyên răn gì hết. Vả lại sách giống như sách Tân tè hài làm mâu tu thuật, ghi chép lại giản dị, trang nhã giống sách Duyệt vi nhưng nội dung rất khác, chuyện ma quỷ mười phần không quá một phần mà thôi. Các trước tác khác như Khách song ngẫu bút bốn quyển (Tựa đề năm đầu Gia Khánh) của Kim Hồng Dương người Giang Am, Trì thượng thảo đường bút ký hai mươi bốn quyển (Tựa đề năm Đạo Quang 28) của Lương Cung Thần, người Phú Châu, Lý Thăng mười quyển (Hình như cũng làm khoảng giữa đời Đạo Quang) của Hứa Phụng Ân người Đồng Thành, các sách này ghi chép những chuyện lạ, như dòng phái chí quái, song lại nói nhiều đến phúc họa, chuyên chủ về việc khuyên răn, không còn gọi là tiểu thuyết được nữa.

Chương 23

TIỂU THUYẾT CHÂM BIẾM ĐỜI THANH

Trong các sách bài sú chép, những việc nhỏ bé vặt vãnh mà có ý chê bai đàm hặc thì từ đời Tấn đời Đường đã có, nhưng đến đời Minh mới nhiều, nhất là trong tiểu thuyết nhân tình, loại tiểu thuyết đó đại để là đặt ra một người tầm thường, cực tả cái quê lậu kém cỏi của nhân vật, coi như nền lót, hay ký thác cho kẻ tuấn sỹ làm nổi bật tài hoa của nhân vật này lên, vì vậy mà thường thường mô tả quá đáng, không hợp tình thường giống như bông đùa để mua cười, như kể chuyện tiểu lâm. Những sách tương đối khác thì mô tả cũng có chỗ sâu sắc, châm chọc thiết thực mà đau, có khi hơn cả mũi nhọn thực sự; ngoài sách Tây Du bổ ra, thì các sách khác tập trung vào một người hay một nhà, làm cho người ta nghi là có oán thù riêng, rồi đưa đòi nói ra những lời nói độc ác, không phải có bất bình gì về thế sự mà chỉ là bối lồng tìm vết để đả kích đấy thôi; còn sách mà gần như chửi rủa toàn cả bầy thì có Chung Quỳ tróc quỷ truyện mười hồi nghi còn là của người Minh làm, đem ra mọi hạng người, ví như một bầy quỷ, rồi xóc lóc từng người một đưa ra những điều riêng kín, song lời ý nồng cạn, trần truồng ngang với mắng chửi gọi là uyển khúc, thì không phải là điệu đã biết đến. Cho đến khi Ngô Kính Tử làm sách Nho Lâm ngoại sử thì mới biết giữ lòng công bằng, chỉ trích tệ nạn của thời đại mũi nhọn xỉa vào khắp, nhất là vào đám học trò Nho; còn văn thì giọng lo buồn mà cũng có khi hài hước, lời uyển chuyển mà chứa nhiều ý chê rắn; chỉ đến khi đó, trong loại tiểu thuyết mới bắt đầu, có quyền đủ gọi là sách phúng thích Ngô Kính Tử tên tự là Mẫn Hiên, người

Toàn tiêu An tuy tuổi nhỏ đã thông minh khác người, nhát giời, vừa lớn lên thì được làm đệ tử viên trưởng quan học, rất giỏi sách văn tuyển, làm thơ, làm phú cầm bút lèn là xong. Song không biết lo việc nhà, tính lại hào phóng, không được vài năm đã phung phí hết tài sản, có khi đến đút cả bữa, năm Ất Mão Ung Chính quan tuần Vũ An Huy Triệu Quốc Lân cử đi thi khoa bác học hồng từ, không đi, dời nhà đi Kim Lăng, làm minh chủ một văn đàn, lại tập hợp những kẻ đồng chí dựng nhà thờ các tiên hiền ở sườn núi Vũ Hoa, thờ từ Thái Bá xuống hai trăm ba mươi người, tiền của không đủ bán nhà ở đi để làm xong. Thế là lại nghèo thêm. Về già tự hiệu là Văn Mộc lão nhân làm khách trọ ở Dương Châu, sống phóng túng bừa bãi, uống rượu cũng nhiều, năm Càn Long 19 mất ở ngay đất khách. Tuổi 54 (1701-1754). Sách làm có Thị Thuyết quyển, Văn Mộc Sơn phòng lập năm quyển, thơ bảy quyển, tất cả đều ít ai biết đến (Xem rõ hơn trong Tân tiêu điểm bản Nho lâm ngoại sử quyển đầu).

Trước tác của Ngô Kính Sử đều số lẻ cả, Nho Lâm ngoại sử cũng theo lệ đó có 55 hồi làm xong có lẽ vào khoảng cuối đời Ung Chính, lúc tác giả vừa mới trú ngụ ở Kim Lăng. Thời gian cách nhà Minh mất chưa đến một trăm năm, tầng lớp nho sĩ có thể còn có phong thái đời cuối Minh, ngoài việc lo học lối văn bác cổ kinh nghĩa để đi thi ra thì không để ý đến một điều gì khác, nói rằng cổ trở nên thánh, cổ trở nên hiền cũng chỉ là kiểu cách giả dối mà thôi. Kính Tử miêu tả chính là hạng người đó, đã căn cứ vào những điều mình nghe thấy, lại ngồi bút cũng đủ sức để viết ra, cho nên soi rõ được đến chỗ u tối, tìm ra được những nét kín đáo, con người cũng như sự thật không thể giấu được mình, từ ông quan, người thầy, nhà nho, người học trò có tiếng, kẻ ẩn dật, đến những dân thường ở thành thị hay ở nông thôn cũng có xen vào, tất cả đều hiện thân trên mặt giấy, tiếng nó, cử chỉ thái độ, tóm lại là cái tướng dáng ở đời như thấy rõ trước mắt, chỉ có một điều chuyện không có nhân vật chính mà cho hoạt động tất cả, như xếp hàng mà đến, kể đến là có chuyện, mà đi thì chuyện cũng hết luôn, tuy là tiểu thuyết trường thiêng mà rốt cuộc cũng như đoàn thiêng, truyện ngắn mà thôi. Tuy vậy cũng như góp những mảnh gấm vụng lại, đem ghép thành một bức tranh, tuy không phải to lớn gì nhưng có lúc quý lạ, làm cho người

ta ngắm nhìn bằng con mắt khác biệt với thường ngày. Kính Tử lại yêu thích kẻ sĩ có tài, bảo là “hấp dẫn ghê gớm, chỉ ghét bọn nhà văn hợp thời như là kẻ thù, càng giỏi bao nhiêu càng ghét bấy nhiêu” (Lời trong truyện của Trịnh Tấn Phương làm). Cho nên trong sách Kính Tử công kích kẻ tôn thờ kinh nghĩa bác cổ cũng nư công kích những kẻ nhờ bác cổ (văn 8 vế) mà thi đỗ làm quan một cách kịch liệt. Chẳng hạn cùng đoạn văn thuật chuyện, Mã nhị tiên sinh Lịnh tuyển, Giu Hả nói Kính nghĩa bác cổ vì sao mà đáng quý như sau:

... Hai chữ cử nghiệp, là từ xưa đến nay ai aia cũng phải làm (cử nghiệp là cái nghè thi cử). Đến như đức Khổng Tử, sống trong thời Xuân Thu, thời đó dùng “Lời nói được nêu lên, việc làm được cử ra” để làm quan, cho nên đức Khổng Tử hiểu rõ cái điều: Nói ra ít làm lối, làm xong rồi ít phải ăn năn, bỗng lộc là ở trong đó. Đó là cử nghiệp của đức Khổng Tử. Đến triều Hán mở khoa thi hiền lương phương chinh, sở dĩ thế mà Công Tôn Hoằng, Đổng Trọng Thư đỗ hiền lương phương chinh. Đó là cử nghiệp của người đời Hán. Đến nhà Đường thì dùng thơ phú mà chọn kẻ sĩ, bọn này nếu đọc sách Khổng Mạnh thì không có quan mà làm, vì vậy người đời Đường phải biết làm ít câu thơ, đó là cử nghiệp của người đời Đường. Đến triều nhà Tống, lại tốt rồi, được dùng làm quan toàn là người có ít nhiều lý học cả. Đó là cử nghiệp mà thầy Trình, Thầu Chu đều phải học lý cả. Đó là cử nghiệp của người đời Tống. Đến triều vua ta hiện nay, dùng văn chương mà chọn kẻ sĩ, đó là cái phép cực tốt. Nếu đức phu tử mà sống đến ngày nay, thì cũng phải học văn chương, làm cử nghiệp chứ dứt khoát là không học cái lối nói ít lối, làm ít ăn năn kia. Sao vậy? Vì cứ ngày ngày giảng cứu cái “nói ít lối, làm ít ăn năn kia” lấy gì cho anh có quan mà làm? Rồi cái đạo của đức Khổng cũng sẽ không hành được nữa kia (Hồi Tưởng).

Các nhân vật mà Nho lâm ngoại sử nói đến, nói chung đều có người thật cả, nhưng trong sách dùng các lối tượng hình, hài thanh khảo những văn tập của người người thời Ung Chính, Càn Long thì thường thường mười nhân vật được đến tám, chín người có thật. (Thấy rõ hơn trong lời bạt của Kim hòa người Thượng nguyên đề cho sách). Cái ông Mã Nhị tiên sinh, tên tự là Thiện Thượng, người Xứ châu ấy, là ông Phùng Tụy Trung, người Toàn

tiên, bạn thiết cốt của tác giả, ăn nói chân thật, thô suôt, lại chuộng điều trước tiên phải biết rõ thời Xuân Thu, thời Hán Đường; trong sách đám văn sĩ thời thượng. Tụy Trung thực ra còn thuộc hàng những kẻ sĩ thành thực, biết dốc lòng, uyên bác và thông đạt, có điều là nghị luận của ông ta thì không những đã phơi bày cách nhìn của đương thời mà còn để lộ rõ mồn một gan óc của đám nhà nho ra nữa. Đến như tính hạnh của ông ta, thì vẫn là quân tử. Chẳng hạn trong cuộc đi chơi Tây Hồ, tuy không phải hoàn toàn có ý thức nhưng cũng hơi tục, không được thanh nhã, rồi cứ thế mơ mơ màng màng, nhảm nháp thường thức tất cả mà về, cái bản sắc của nhà Nho khoáng đạt, thiếu thực tế không am hiểu thế thái nhân情 vốn là thế thật.

Mã Nhị tiên sinh thùng thũng một mình mang theo một ít tiền, bước ra khỏi cửa Tiền đường, vào cái quán trà uống mấy chén rồi đến trước lầu Thượng bái ven hồ ngồi xuống; thấy từng chiếc thuyền, từng chiếc thuyền đàn bà con gái các làng đến thấp hương.... Đằng sau, họ cứ đi theo ông đàn ông là mình ... lên bờ, đi tản vào các miếu. Mã tiên sinh nhìn qua một lượt, không để ý lắm. Rồi dậy, đi một chặng khá dài, trông thấy ven hồ liên tiếp có mấy cửa hàng rượu... tiên sinh không có tiền mua.... chỉ lại một cái quầy, bỏ ra mười sáu đồng uống một bát nước, nghe trong bụng chưa đói, lại đến một quán trà một gian thung vách, uống một bát trà, mua hai đồng xử phiến (?) nhai, nhai lãi nghe ra cũng có chút mùi vị. Ăn uống xong lại đi qua 6 cái cầu, quanh một cái eo, thấy như một chỗ thôn trang nào ấy. Lại có cái quan tài nhà ai, quàn trên một cái nền, coi như ở gian giữa cái nhà, đi thì đi không được, trông thật là ghê. Tiên sinh định về thôi, gặp một con đường đi, hỏi: "Đằng trước còn có chỗ nào đứng xem nữa không?". Người kia nói: "Đi quanh lại là Tịnh từ rồi Lôi phong đài. Sao lại không đứng xem?". Thế là Mã tiên sinh lại đi... Qua Lôi phong xong, trông xa xa thấy cứ cao cao thấp thấp, nhấp nhô có nhiều căn nhà lợp ngói lưu ly... Mã nhị tiên sinh đi đến phía mặt trước thấy một cổng chùa cực cao, một bức hoành đè mấy chữ bằng vàng, có nghĩa là: Vua ban cho chùa Phật tịnh từ. Bên cổng chùa đó có một cửa nhỏ, Mã tiên sinh đi đến... Đám đàn bà con gái phú quý khi nây cứ từng đoàn từng đoàn, ở trong, ở ngoài, đi đi lại lại không dứt... Mã nhị tiên sinh thân hình lại cao, đội một cái khăn cao mà vuông, mặt đen như quạ,

bụng phệ ra, đi đôi giày cao cổ rách, cứ cúi ngang người xuống mà chạy bừa đi, chỉ e dãm phải vào trong cái ổ người. Bọn con gái không nhìn ông, ông cũng không nhìn bọn con gái. Bước lên trước, lùi lại sau một vòng rồi lại ra ngồi trong cái đình trà... Uống xong một bát trà. Trên cái chạn có khá nhiều khay; bánh quýt, kẹo mè, bánh gai, bánh nướng, xú phiến, táo den, hột dẻ luộc; Mã nhị tiên sinh mua mỗi thứ ít đồng tiền, không cần tốt xấu, ngon dở, ăn đến no, ăn xong nghe mệt, thẳng chân đi ra đến cửa Thanh ba; đến chỗ thấp nhất, đóng cửa lại nằm ngủ. Vì đi đã nhiều rồi, nên ở lại nơi thấp đó ngủ một ngày, ngày thứ ba dậy, định đi đến núi Thùng Hoàng... (hồi 14).

Đến đoạn thuật chuyện ông Phạm Tiến, nhà vốn hàn vi, sau khi đỗ khoa hương rồi giàu sang lên mau, vừa có tang mẹ, cung cung kính kính làm đủ mọi lễ nghi, không thấy có một lời chê trách nào, nhưng cái tình giả dối cứ lộ ra, thật là lời văn tế nhị, kín đáo, chọn chữ đặt câu tuyệt diệu, mà cũng có thể cho là một tay rình mò đánh lén tuyệt vời.

... Hai người (Trương Tình Trai với Phạm Tiến) tiến lại, trước tiên là Tình Trai chào và giới thiệu qua, rồi Phạm Tiến bước đến trình bày về lễ thầy trò. Quan Tri huyện họ Thang hai, ba lần khiêm tồn từ tạ rằng không dám mời ngồi uống nước, cùng với cả Tình Trai nữa nói vài ba câu về chuyện lâu ngày không gặp nhau; rồi đem văn chương của Phạm Tiến ra khen tán tụng một hồi và hỏi: "Vì sao không đi thi Hội?" Phạm Tiến nói là mẹ mất, tuân giữ phép tắc nhà nước ở nhà chịu tang, nói xong thì quang huyện Thang cả kinh vội bão thay bận áo thường vào, quàn vai đưa vào nhà sau, dọn rượu ra... Quan huyện mời ngồi và mình cũng ngồi vào tiệc, chén đũa đều nạm bạc cả. Phạm Tiến cứ thụt thụt thè thè không bụng chén cầm đũa lên, quan huyện hiểu vì sao, Tình Trai cười nói: "Thầy cứ thế giao của tôi tuân giữ phép để tang, nghĩ không nê dùng chén đũa này". Quan huyện vội gọi người đổi đi, đưa ra một cái chén kiểu, một đôi đũa ngà, Phạm Tiến vẫn không chịu bụng, chịu cầm lên. Tình Trai nói: "Đũa này không dùng được", lại lập tức đổi, đưa ra một đôi đũa tre màu trắng, khi đó mới xong. Quan huyện nghi nghi hoặc hoặc nghĩ bụng: Anh ta để tang hết lễ như thế nếu lại không ăn đồ mặn, không uống rượu nữa thì biết đâu mà sắm săn ra. Mãi sau thấy anh ta nhìn vào bát yến sào, chọn gấp một viên

tôm to đút vào mồm mới yên tâm. (hò thứ 4).

Ngoài những chuyện trên thì trong sách, những chỗ khắc nỗi kẻ gian nguy nịnh hót còn nhiều, những đoạn đả kích tật tục xấu cũng lăm. Như đoạn thuật việc con gái Vương Ngọc Huy đã chết theo chồng, Ngọc Huy rất lấy làm mừng, nhưng đến khi đưa vào nhà thờ để thờ và xây cất để kỷ niệm cô ta và nêu gương trong phường thì bảo là thấy đau lòng, không chịu được, sau đó còn nói là ở nhà thấy vợ đau buồn không nỡ (hòi 48). Chỉ mấy câu mà miêu tả sự xung đột giữa lương tâm và lẽ giáo một cách rõ ràng và sâu sắc ra thế nào (Xem tựa sách do Tiền Huyền Đồng đề). Tác giả sách in trong khoảng đầu triều Thanh, lại bỏ mình trong lẽ giáo thế mà trong lòng còn có sự nhập ngàng, không dứt khoát, mượn tiểu thuyết để giữ cảm thái của mình thì hẳn là đối với vấn đề có suy xét t sâu mới được... Còn hạn người quân tử thì trong sách ông cũng có đây: Đỗ Thiếu Khanh là vài ví dụ cho bản thân, rồi còn có Đỗ Thận Khanh mà anh là Thanh Nhiên, có Ngô Dục Đức (Ngô Mộng Tuyền) có trong Thượng Chí (Trình Miên Trang), những người này đều là hạng kẻ sĩ trung trinh cả; nhưng việc làm mà quân tử đến cực độ là việc tế tiên hiền; đến khi hạn danh sĩ ở Nam kinh đã tiêu ma dân thì nhà thời tiên hiền cũng để hoang phế, thế mà hạng người kỳ cựu chưa mất hẳn, ở thành thị cũng như ở nông thôn, một người là “người viết được chữ”; một người là “người bán ống giấy lửa”, một người “mở hàng nước chè”, một người là “làm thợ may”. Người cuối cùng này, người mạt nhất lại càng điềm đạm, ở phố Tam Sơn, tên gọi là Kinh Nguyên, đánh dàn, làm thơ được, may vá xong rồi rải, thường lấy hai việc đó để tiêu khiển; có khi cũng đi thăm kẻ cùng cảnh với mình.

Một hôm Kinh Nguyên ăn qua quýt xong, ngâm nghĩ không có việc gì, theo lối tắt, thẳng thỉnh đến núi Thanh Lương... Ông có một người bạn cũ họ Vu, ở dangle sau lưng núi. Ông Vu đó không đọc sách, cũng không buôn bán gì... đốc suất năm đưa con tui vườn... Hôm đó, Kinh Nguyên đến, ông ra đón nói: “Đã lâu lâu, không thấy ông anh đến, làm ăn bận lắm à?”. Kinh Nguyên đáp: “Có thể, hôm nay hơi được rảnh rỗi, lại thăm ông bác một chút”. Ông Vu nói: “Khéo vừa đun xong một bình trà đây, để mời ông anh một chén”. Nói rồi rót đưa lại. Kinh Nguyên bụng lấy, ngồi xuống uống, nói:

"Chè này, màu sắc, hương vị đều tốt cả. Chứ ông bác lấy nước đâu mà tốt thế này". Ông già Vu trả lời: "Chỗ phía Tây Thành chúng tôi đấy không phải như chỗ phía Nam của các ông, ở đây, giếng suối nào cũng uống được cả". Kinh Nguyên bảo: "Người xưa động nói từ cứ Đào nguyên với tránh đời... hỏi thì tôi nghĩ, đâu là Đào nguyên. Chỉ như ông bác thanh nhàn tự tại thế, ở một chỗ nửa thành thị, nửa lâm tuyền như thế, là thần tiên sống, hiện tại đó rồi". Ông lão Vu nói: "Vì tôi dốt nát vụng về, việc gì cũng không làm được, chứ như ông anh biết chơi đàn chẳng hạn đánh một bài là tiêu khiển được một ít. Mấy lâu nay, tôi nghĩ chơi đàn là tốt, không biết rồi đây tôi nhờ ông dạy cho một ít có được không?".

Kinh Nguyên nói: "Việc ấy dễ thôi, nếu ông bác không ngại là rác tai thì ngày mai tôi mang đàn đến xin dạy.

Ông Vu đỡ lấy đàn cho Kinh Nguyên, đem để lên chiếc ghế đá, Kinh Nguyên lấy chiếu trải ra giữa nền nhà ngồi. Ông lão Vu cũng ngồi xuống một bên, Kinh Nguyên từ từ so lại dây, gẩy lên, tiếng nghe như tiếng kim tiếng thạch vang vọng cả núi rừng...

Đàn một chặp, bỗng đổi sang tiếng biến chuy nghe gấp, trong nhà uyển chuyển. Ông Vu nghe đến chỗ sâu kín, bất giác ngậm ngùi rơi lệ. Từ ấy, hai người thường qua lại nhà nhau, còn hôm đó thế là Kinh Nguyên về (hồi thứ 55).

Song họ không thích lui tới với hạng sĩ nhân, và họ cũng biết là bọn sĩ nhân không thèm kết bạn với họ. Họ vốn không phải người trong Nho Lâm. Còn như sau đó có hiền nhân quân tử nào được đưa vào Nho Lâm ngoại sử nữa không thì tác giả chỉ đánh một dấu hỏi để lại mà thôi. Sách Nho Lâm ngoại sử lúc đầu chỉ lưu hành những bản sao chép, sau có bản Khắc khắc nữa. Đã có người sắp các nhân vật trong bộ sách làm thành một cái bảng gọi là bảng dưới âm ty bảo là vua Thần Tông nghi thiên tai hạn lụt riêng trong nước, làm cho dân xiêu bạt đầy đường nên ngài mong nêu những nhân tài bị đè nén chìm đắm lên như vậy để cầu phúc lợi, ngài còn ban cho họ học vị tiến sĩ cập đệ, lại sai quan Bộ Lê đến nhà Quốc Tử giám tế họ nữa. Lại còn trích cắt những câu có đối nhau trong sách của tác giả ra

đem chữa lại như người ta chữa lại áo xống để dùng làm loại văn chiêu biếu (Lời bạt của Kim Hòa).

Những câu trích cắt đó đem gộp lại làm một hồi chép vào sau cuối, vì thế có một bản năm mươi sáu hồi. Lại có người tự làm ra bốn hồi, chuyện đã không bằng, văn lại bỉ ổi quê lậu, thế mà cũng đem vào trong bảng năm mươi sáu hồi đó, in ra và cho lưu hành, vì thế mà có bản lại đến sáu mươi hồi.

Sau Nho lâm ngoại sử, ít có sách lấy công tâm mà châm biếm răn dạy đời như thế nữa.

Chương 24

TIỂU THUYẾT NHÂN TÌNH THẾ THÁI ĐỜI THANH

Giữa đời Càn Long (khoảng 1765) có cuốn tiểu thuyết gọi là *Thạch Đầu ký*, thấy thịnh hành ở Bắc Kinh, sau năm, sáu năm thì lưu hành nhiều, song đều là viết tay cả, bán ở các nơi miếu, đèn hoặc ở chợ, vài chục vàng một cuốn. Bản nói đó chỉ có tám mươi hồi, thiên đầu nói cuốn sách do đâu mà có, kể chuyện Nữ Oa vâ trời, để lại một hòn đá chưa dùng, hòn đá cứ thương thân trách phận, bỗng thấy một thầy sư, một đạo sĩ nói: “Hình dung thể xác thì là một bùu vật đấy, chỉ vì không có cái gì tốt thật sự, cần được khắc lại trên mặt mây chữ, để cho người ta thấy thì biết ngay là một vật kỳ, như vậy mới là diệu. Rồi sau sẽ mang mày đến một nước lớn giàu sang thịnh, một hộ thi lê trâm anh, một nơi hoa liễu phồn vinh, một làng ấm êm phú quý, để cho mày an thân lạc nghiệp”.

Nói vậy rồi nhặt hòn đá bỏ vào trong tay áo mà đi. Không biết sau qua bao kiếp nữa, có Không Không đạo nhân nhận thấy hòn đá lớn đó, trên mặt lại có khắc chữ và theo lời đã nhớ, sao chép lấy để hỏi thế gian. Đạo nhân cũng nhân không mà thấy sắc, nhân sắc mà sinh ra tình, truyền tình vào sắc, từ sắc mà giác ngộ được không, vì vậy mà đổi tên là Tình tăng hay thầy sư có tình, cũng đổi cái tên *Thạch Đầu ký* làm tên *Tình tăng lục*. Khổng Hải Khê ở Đông Lỗ thì đề tên sách là *Phong nguyệt bảo gím*, sau nhân Tào Tuyết Cần mở đọc suốt mười năm ở hiên Điện Hồng, thêm vào, bớt bỏ đến năm bận, xếp thành mục lục, chia ra chương hồi và đề tên là *Kim Lăng*.

thập nhị thoả, với một bài tứ tuyệt “Đây giấy lời hoang đường, cay chua bao giọt lệ. Đừng bảo tác giả si... Ai hay đây ý vị?”.

Theo sách kể thì chuyện xảy ra ở thành Thạch Đầu (không phải là Kim Lăng) trong phủ họ Giả, nhân vật là con cháu Ninh quốc công trước kia. Cháu trưởng Ninh quốc công tên là Phu chết sớm, cháu thứ là Kinh tập tước mà tính thích đạo giáo, nhường tước mình cho con là Trân, bỏ nhà đi học tiên. Trân nhân thế mà buông tuồng, có con là Dung, lấy vợ là Tân Khanh. Còn cháu trưởng của Vinh quốc công là Xá, có con là Liễn lấy vợ là Vương Hi Phượng, Xá còn con trai nữa là Chính, và con gái tên là Mẫn, gả cho Lâm Như hải nhưng nửa chừng thì mất, chỉ để lại một gái là Đại Ngọc. Giả Chính lấy vợ họ Vương, sinh con là Châu, chết sớm, lại sinh con gái tên là Nguyên Xuân, sau được tuyển làm Vương Phi, rồi lại sinh con trai để ra thì miệng ngậm ngọc, viên ngọc có khắc chữ, vì thế mà đặt tên là Bảo Ngọc, ai cũng cho là lai lịch không nhỏ và mẹ Giả Chính là Sứ Thái Quán càng yêu cháu thêm. Bảo Ngọc dã bảy, tám tuổi, thông minh tuyệt vời, song tính ưa con gái, thường nói: “Con gái xương thịt làm bằng nước, con trai xương thịt làm bằng bùn”, vì thế người ta lại cho sau sẽ là một con quỷ ham sắc; Giả Chính cũng không yêu quý cậu ta lắm, kìm giữ hết sức nghiêm, đó cũng do không biết lai lịch của cậu ta... Nếu không phải là kẻ có học thức, đọc sách nhiều, có gia công về trí tri cách vật, có cái sức giác ngộ đạo và tham khảo lẽ huyền bí thì không thể biết được (lời Giả Vũ Thông nói trong hồi thứ hai, bản Thích bản). Vả họ Giả thực ra cũng là một họ mà trong khuê các đời nào cũng có người, ngoài người chủ và những kẻ tùy tùng ra, thì bà con thông gia dây mơ rễ má cũng đông, chẳng hạn Đại Ngọc, Bảo Thoa đều ở ăn, nhờ vả trong nhà, Sứ Tường Vân cũng thường đến, Diệu Ngọc là ni cô thì sống chay tịnh ở vườn sau. Trang trước là đại lược gia phả, bà con, vợ chồng có dấu hoa thị là tên của 12 kim thoả, dấu nhân là quan hệ vợ chồng, tất cả đều ở trong bộ sách gọi là Kim Lăng thập nhị thoả của Tào Tuyết Cân.

Chuyện bắt đầu từ việc Lâm phu nhân (Gia Mẫn) chết, Đại Ngọc mồ côi mẹ, lại luôn luôn đau ốm, thành ra phải đến nương nhờ họ ngoại, bấy giờ cùng tuổi với Bảo Ngọc cả hai đều mười một. Thế rồi con gái của em gái của Vương phu nhân cũng đến, tức Tiết Bảo Thoa lớn hơn một tuổi, lại cực

kỳ đoan trang diễm lệ. Bảo Ngọc chất phác hiền hậu, yêu cả hai cô ngang nhau, không coi cô nào hơn kém cô nào. Bảo Thoa hồn nhiên không biết nhưng Đại Ngọc thì tỏ ra hơi tức. Một hôm Bảo Ngọc mệt nằm trong phòng Tân Khả Khanh mộng thấy mình vào trong cõi thái hư gặp nàng tiên Cảnh Ảo đang duyệt Kim Lăng thập nhị thoả, cả bản chính liền bản phụ, có đồ họa có thơ, nhưng không hiểu Cảnh Ảo sai người tấu khúc Hồng Lâu mộng mười hai chi mới soạn ra bài sau cùng: Phi điểu các đầu lâm (Chim bay con nào cũng vào rừng cả), lời như sau:

Làm quan a, cơ nghiệp diêu tàn, giàu sang a? Bạc vàng tan hết, có ơn a, chết là trốn đi, vô tình a, báo ứng đúng cả. Thiếu mệnh a mệnh về rồi. Thiếu lệ a, lệ đã cạn,... Hiếu rồi a, trốn vào cửa khôn, si mê a, chết uổng mất tính mạng. Nào có khác ăn xong chim vào rừng. Tàn rụng đất mênh mang yên tĩnh (bản nhà chùa hồi thứ năm).

Nhưng Bảo Ngọc lại không hiểu, sau đến cơn mộng khác mới tỉnh ra. Mãi đến lúc Nguyên Xuân được tuyển làm Vương Phi, phủ Vinh công càng thêm sang trọng, đến khi về thăm bố mẹ, thì lập vườn hoa Đại quan viên để mở yến tiệc và vui chơi, những nơi thân tình đều đến hết, thật là vui sướng hết mức trong đời. Bảo Ngọc cũng đã lớn dần lên, ra ngoài thì chơi thân với Tân Chung, Tường Ngọc Hàm, về nhà thì cứ quanh quẩn với chị em nội ngoại cho đến cả với bọn con gái hầu như Tập Nhân, Tình văn, Bình Nhi, Tử Quyên gần gũi nhưng lẽ độ, cứ sợ phạt ý người ta, yêu khắp cả nhưng mệt bụng, và lo lắng cũng cứ ngày một hơn lên.

Hôm ấy Bảo Ngọc thấy Tường văn đã dần dần lành được nên sang thăm Đại Ngọc. Vừa lúc Đại Ngọc đang ngủ trưa, Bảo Ngọc không dám làm cho nàng thức giấc. Nhân thấy Tử Quyên trong hành lang, tay còn mang đàm, chàng đi tới hỏi: "Hôm qua cả họ có đỡ ra chút nào không?". Tử Quyên nói: "Có đỡ rồi đấy". Vâ Bảo Ngọc tiếp: "Cậu cũng khấn Phật, thật mới". Bảo Ngọc cũng cười và nói: "Bệnh nặng thì vái thập phương như tục ngữ nói chứ sao?". Miệng nói nhưng thấy Tử Quyên mặc cái áo bông mỏng bọc the có hoa đen hình viền đan, ngoài chỉ khoác thêm một chiếc áo đoan xanh thì đưa tay ra vuốt trên mình cô ta một cái nói: "Mặc phong phanh thế lại ngồi ở chỗ gió lùa, gió xuân đã có, tiết trời rất không tốt rồi ốm lại đấy, làm thêm

khó khăn". Khi đó Tử Quyên mới nói: "Từ nay bạn tôi mới nói được, đừng có động tay động chân đấy, một tuổi một lớn, không còn nhỏ dại gì nữa, mà làm người ta dòm vào, người ta không coi ra sao, lại rồi bạn đi ăn xin ngoài kia cũng lại nói câu thế này thế nọ. Cậu không để ý để từ giờ cả, làm như hồi còn bé không bằng, như thế coi sao được. Cô thường bảo bạn tôi là không được cùng cậu nói cười. Cậu đến thăm cô, đi ngang gần người ta, tránh xa cậu ra, e tránh cũng không kịp kia".

Nói xong là đứng dậy, mang cả kim chỉ, đi vào một phòng khác. Bảo Ngọc thấy tình huống ra thế, trong lòng bỗng nghe như dội một chậu nước lạnh, chỉ đứng nhìn bụi trúc đờ người ta một hồi. Nhân có bà Chúc đi lại đào lỗ ở gốc cây măng để nắn cho nó được thẳng, mới vội vàng bỏ đi, mắt hồn vía. Đì một lúc, không biết gì cả thấy có một hòn đá thì ngồi xuống đó, định thần lại rồi bất giác chảy nước mắt ra. Lại ngồi đờ người ta đến khoảng năm, sáu bữa ăn, suy nghĩ lung tung mà vẫn không biết thế nào là phải. Tinh cờ gặp Tuyết Nhạn theo Vương phu nhân đi vào trong phòng lấy nhân sâm ra, ngay qua chỗ đó... bèn đi lại, ngồi xổm xuống cười hỏi:

- Mẹ vào trong đó làm gì thế?

Rồi bỗng thấy Tuyết Nhạn, hỏi:

- Chị lại làm gì mà đến vậy gọi tôi? Thế chị không phải là con gái ạ? Chị mau mau về nhà đi.

Tuyết Nhạn nghe vậy, chỉ cho là Bảo Ngọc lại bị Đại Ngọc nũng nịu bắt bẻ thế nào đó, nên di vào phòng, Đại Ngọc chưa dậy, đưa nhân sâm giao cho Tử Quyên... Tuyết Nhạn nói: "Cô chưa dậy, thế thì ai làm cho Bảo Ngọc hờn dỗi, ngồi dằng ấy mà khóc?".

Tử Quyên nghe được, vội bỏ kim chỉ xuống... đi tìm Bảo Ngọc ngay. Đến nơi, đứng trước mặt Bửu Ngọc mỉm cười mà nói:

- Chẳng qua tôi nói vài điều, cũng là hay cho tất cả thôi, thế mà cậu lại giận, đến chỗ lầm gió này mà khóc, lỡ sinh ốm thì đến oan cho tôi.

Bảo Ngọc cười mà nói: - Ai giận? Tôi nghe chị nói có lý, tôi nghĩ rằng bạn

của chị đã nói thế thì tự nhiên người khác cũng nói thế nữa, và rồi đây dần dần không ai còn chơi với tôi nữa. Tôi vì thế mà nghĩ là rồi mình phải buồn lắm... (bản nhà chùa hồi thứ 57) (câu đặt trong dấu ngoặc là theo bản của họ Trịnh sửa thêm. Riêng bản dịch có nhiều chỗ bỏ đi vì quá rật, đoạn này cũng thế).

Bên phủ Vinh công tuy nói là thịnh vượng hơn, nhưng “miệng ăn ngày một đông hơn, công việc ngày một nhiều ra, chủ nhà đầy tớ, kẻ trên người dưới, những kẻ sinh giàu sang quen thân là nhiều, mà người toan tính vận trù thì không có một ai, việc ăn tiêu bày biện trong nhà lại không sao bớt giảm, tiết kiệm được, cho nên bè ngoài tuy chưa thấy đổ vỡ gì lầm mà bên trong thì cái túi đã rỗng đến nỗi rồi” (hồi thứ 2).

Cái vận suy đang đến, biến cố cứ nhiều dần; Bảo Ngọc trong sự phồn hoa giàu có cũng đã nhiều phen sát mặt với những điều “vô thường”, trước tiên có Khả Khanh chết; tần Chung chết non đi; lại khi người vợ hầu của ông chú trù yểm người ta mà tưởng chết; kế đến Kim Xuyến gieo mình xuống giếng, cô Hai Vưu nuốt vàng tự tử; rồi con bé hầu mình yêu là Tình Văn bị đuổi đi và chết, đám mây mù đau thương buồn bã trùm khắp cả cánh rừng vinh hoa, song thở hít mà linh hội được chỉ có một mình Bảo Ngọc.

... Cậu ta đem theo hai đứa người hầu nhỏ đi đến dẵng sau một hòn đá, vẫn không thấy có gì, chỉ hỏi hai đứa: “Sau khi ta đi rồi, cô Tập Nhân chúng mày có sai người đi xem xem cô Tình Văn đi chưa phải không?”. Một đứa nói: “Sai má Tống đi xem”, Bảo Ngọc nói: “Má ấy về nói gì?”. Đứa hầu nhỏ thưa: “Về nói là Cô Tình Văn cứ vươn cổ ra mà kêu cả đêm, sáng ra dậy thì mắt nhắm lại, miệng ngậm khít, không biết gì nữa cả, cũng không nói được một tiếng gì, rồi tắt hơi luôn”, bảo Ngọc hoảng hốt hỏi: “Kêu cả đêm là gọi ai?”. Đứa nhỏ nói: “Gọi là gọi cô đấy”, Bảo Ngọc lau nước mắt nói: “Rồi gọi ai nữa?”. – đứa hầu thưa: “Không thấy nghe gọi ai nữa”. Bảo Ngọc bảo: “Mày nói hồ đồ, chắc là không nghe rõ tất cả”. (...Nhân đó lại nghĩ) Tuy vậy lúc chết không gặp, bây giờ ta đến chỗ thờ lạy một lạy, gọi là cái tình với nhau năm, sáu năm nay... Thế rồi đi tắt ra khỏi vườn, đến cái chỗ trước, coi như có quần quan tài ở đó. Không ngờ chỉ đâu cậu ta thấy, cậu ta chép miệng một cái là liền về định kiểm vài lượng đem cúng viếng. Vương phu

nhân nghe biết chuyện, đưa cho ngay mươi lạng bạc lại bảo phái túc khắc đưa ra phía ngoài mà hỏa táng đi. Con bé chết bệnh lao đầy dứt khoát không được để. Cô chị đâu nghe thế, một mặt thuê người đem liệm khiêng ra cái xưởng đốt xác người ở ngoại thành... Bảo Ngọc đi đến nơi tung hửng... đứng một hồi không có cách gì, chỉ quay mình đi vào vườn lại để về phòng mình, trong bụng nghe chẳng ra sao nên lại luôn đường đến tìm Đại Ngọc, thì cô ấy lại không có trong phòng... lại vào trong viện Hành vu, cũng như trước, lại cũng Đại Ngọc còn chưa về. Đang lúc không biết vì sao ra thế bỗng thấy người hầu của Vương phu nhân đến tìm mình nói: "Ông về rồi, tìm cậu đấy, lại có bài hay đem về đấy. Đi mau đi mau". Bảo Ngọc nghe vậy, chỉ biết đi theo ra về.

Trước kia, Giả Chính cùng với những người cùng làm đêm, luận về cái thú tìm thu, có lần ông ba lại nói: "Lúc sắp tan cuộc bỗng nhiên lại nói đến một chuyện hay từ ngàn xưa chưa có, trong đó có chữ Phong lưu tuấn dật trung, nghĩa khảng khái đủ cả. Một cái đâu đẽ hay đến thế, ai nấy đều phải làm một bài văn tế". Mọi người nghe nói, vội xin cho biết rõ hơn. Giả Chính mới kể: "Mới đây có một vị vương như một vị vương thường khác ra trấn đất Thanh Châu. Vị vương đó rất thích nữ sắc, lại khi việc công rảnh rỗi thì ưa võ nghệ, nên lụa khá nhiều gái đẹp, ngày ngày cho tập việc võ. Trong các cô gái đó có một cô tên Lâm hàng Tứ, nhan sắc đã đứng đầu, mà nghề võ lại sành hơn cả, ai cũng gọi là Lâm Tứ Nương, Vương đặc ý hết sức để bạt cô ta cho cai quản tất cả các cô, lại gọi cô là Qui hoạch tướng quân" (Tướng quân đẹp và diềm tĩnh).

Đám khách nhà có tài nghệ, chuộng sự thanh cao đều khen là hay và thần kỳ tuyệt diệu, rồi thêm vào chữ Qui hoạch hai chữ tướng quân nữa, và như vậy lại thấy ra cô ta phong lưu dễ mến hơn. Thật là văn chương kỳ diệu, ở đời có một không hai ngẫm xem vị vương thường đó quả là con người phong lưu hạng nhất... (bản nhà chùa hồi thứ 78: câu trong dấu ngoặc là bản của họ Trình thêm vào – Bản dịch bỏ bớt).

Thạch đầu ký kết thúc thế nào tuy đã thấy thấp thoáng trong giấc mơ của Bảo Ngọc kể trên mà 80 hồi của quyển chuyện cũng chỉ để lộ ra cái âm thanh bi đát thế thôi, rất khó mà đón chắc được cái kết cục.

Cho đến năm Càn Long 57 (1792) thì lại có bản in một trăm hai mươi bốn hồi xuất bản, đổi tên là Hồng Lâu Mộng, câu chữ cũng có khi không giống. Trình Vĩ Nguyên có tựa đề ở trước nói: ...Nhưng nguyên bản mục lục có một trăm hai mươi hồi..., bèn hết sức tìm kiếm từ các nhà có cất sách thậm chí các đồng giấy loại, không chỗ nào là không để ý. Vài năm nay cũng chỉ nhặt tìm cất giữ được hơn hai mươi quyển.

Một hôm tình cờ thấy trên cái giá trống được hơn mươi quyển, liền trả giá gấp đôi mua lấy. Song nhau nát không sao sắp xếp được, mới cùng với người bạn cất bỏ chỉnh lý lại tý mỷ, bớt chỗ dài bù chỗ ngắn sao chép lại thành một bộ đầy đủ rồi đưa khắc in ra để ai thích đều được xem.

Thạch đầu ký lúc đó mới hoàn toàn cả bộ. Người bạn nói đó là chỉ Cao Ngạc, Cao Ngạc cũng có tựa, cuối bài đề năm Tân Hợi Càn Long, sau đồng chí một ngày, trước tựa của họ Trình một năm.

Bốn mươi hồi sau tuy số lượng chỉ bằng nửa bản đầu, song trong đó các biến cố lớn cứ luôn xảy ra, hỏng nát chết chóc liên tiếp, thật đúng như câu trong chuyện: ăn hết chim bay chỉ còn đất trống, chỉ đoạn kết lại có hơi phấn chấn hơn. Bảo Ngọc trước thì mất viên ngọc thông linh đi, người như mất hồn. Vừa lúc Giả Chính sắp đi làm quan ở ngoài, muốn cho Bảo Ngọc cưới vợ rồi sẽ lo việc học hành sau, thấy Đại Ngọc gầy yếu nên mới phải cưới Bảo Thoa. Việc cưới hồi này do Vương Hy Phượng liệu toan vạch kế hoạch, tiến hành rất kín đáo, song cuối cùng Đại Ngọc cũng biết ra, ho ra máu, bệnh mỗi ngày một nặng, đến hôm Bảo Ngọc thành hôn thì mất. Bảo Ngọc biết là sắp đưa vợ về thì cứ chắc là Đại Ngọc hân hoan dự lễ, đến khi thấy vợ mới là Bảo Thoa thì buồn thường than thở rồi ốm lại. Bấy giờ Nguyên Phi đã băng hà trước rồi, Giả xá thì do “quan hệ với quan ngoài ở địa phương, ý thế lân hiếp kẻ yếu” bị cách chức để tra xét, liên lụy đến cả phủ Vinh, Sử Thái Quân lại mất vào lúc đó nữa, Diệu Ngọc thì lại bị cướp bắt mất, sau không biết thế nào, Vương Hy Phượng thất thế bực tức đau buồn rồi chết, Bảo Ngọc cũng ốm nặng thêm, có một hôm tưởng tắt hơi, bỗng có một thầy sư cầm ngọc đến thì tỉnh lại, nhưng thấy sư thì lại tắt hơi lại, vừa trải qua một giấc mơ kinh khủng nữa mà tỉnh ra, từ đó thay đổi tính nết một cách thình linh.

Căm giận muốn làm tết nào để chấn chỉnh lại nghiệp nhà, năm sau đi thi Hương đê trúng thức thứ 7. Bảo Thoa cũng có chứa, nhưng Bảo Ngọc bỗng đi đâu mất. Giả Chính sau khi chôn cất mẹ ở Kim Lăng xong thì trở về kinh đô, đêm có tuyết xuống, đỗ thuyền ở trạm Tí Lăng, thấy một người đầu trọc đi chân không, mình choàng một chiếc chăn bông dưới ướt đẫm người đó đến dùi lấy cùng đi, lại không biết người nào làm ra bài ca gọi là Qui đại hoang – Về cõi đại hoang, đuổi theo không có người chỉ thấy trắng phếch mènh mang đồng không mông quanh mà thôi. Người sau thấy bản truyền kỳ này cũng đê thêm bốn câu, làm cho lời của tác giả nói về nguồn gốc câu chuyện lại tiến cao thêm một bước nữa: Chuyện cay chua nói đến. Hoang đường mà đáng bi, Nguyên lại mà mong hết, chê cười kẻ khác bi (Hồi thứ 124).

Cứ cuốn truyện mô tả, tuy không không ngoài cái tình buồn vui cái vết tan hợp, song nhân vật, sự cố đều trút lối sáo cũ, cùng với tiểu thuyết nhân tình trước rất không giống nhau, chẳng hạn chương đầu:

Ông thầy pháp Không Không ngoảnh về phía hòn đá mà nói: “Ông anh đá này, cái câu chuyện đời xưa của ông đó, theo ý tôi thì: thứ nhất là không có triều đại, niên kỷ gì tra khảo lại được cả, thứ hai là tuyệt không ai là kẻ đại hiền, đại trung, có những chính sách tốt để sắp xếp triều đình, sửa sang phong tục, mà trong chuyện chẳng qua là mấy cô gái khác đời hoặc vì tình, hoặc si mê, hoặc có cái tài mọn, cái điều giỏi vặt gì đấy, chứ cũng không có cái tài cái đức cái của ả Thái nàng Ban; nếu tôi sao chép mà đưa ra, sợ người đời cũng chẳng ưa xem gì”.

Hòn đá cười mà bảo:

“Sao thầy lại ngốc đến thế? Bảo là không có triều đại không tra khảo lại được gì thì thầy cứ mượn năm tháng của Hán Đường chẳng hạn mà thêm vào, việc đó có gì là khó? Và tôi nghĩ đã sử tôi không theo cái khuôn sáo đó, mà lại thành ra mới mẻ độc đáo, chẳng qua chỉ chọn cái tình, cái lý của sự việc mà thôi... giả sử xưa nay hoặc là chê bai, nói xấu vua tướng, hoặc bêu riếu vợ con người ta, gian dâm hung ác, không thiếu một cái gì... đến như các sách nói về tài từ giai nhân thì nghìn bộ như mọt, đều theo một lối

sáo cũ. Vả lại trong đó cũng không thể không đi đến chỗ quá đáng, lạm dụng; đến nỗi mặt giấy tràn đầy những Phan An Tử Kiến, những Tây Tử Văn quân... Rồi nữa, bọn con hầu mỏ miệng là dã già chi hồ, không phải làm văn thì là nói lý, cho nên xem một lượt thì thấy đều mâu thuẫn với nhau hết, quá ư chẳng hợp tình hợp lý một chút nào. Cuối cùng chẳng bằng tôi nửa đời tận mắt thấy, tận tai nghe, bấy nhiêu cô gái đó tuy không dám nói là họ giống người trong sách vở đời trước lắm, song đâu đuôi sự tích của họ cũng có thể làm cho ta bán buôn mua vui... Đến như việc tan hợp, buồn vi, thịnh suy gặp gỡ, cũng là theo chân giấm gó mà biết, không dám xuyên tạc thêm một chút nào, để làm lòe mắt người ta mà trái với sự thật truyền lại (hồi thứ nhất bản của nhà chùa).

Như vậy điều tự thuật đều giữ lấy điều có thật thấy nghe, đều do mắt tai mình có trải qua, chính nhở tả thực mà thành ra mới mẻ. Người đời vội quên điều đó cứ nhân tim tội thêm cái nghĩa sâu của câu chuyện thành ra những thuyết suy đoán cứ ngày một nhiều thêm. Vậy thải bỏ những thuyết suy đoán cứ ngày một nhiều thêm. Vậy thải bỏ những thuyết hoang đường xa xôi coi như không đáng bàn cãi như bảo rằng đó là sách Đàm doanh thất bút ký của Lạt hòa Thân, là sách Ký oa tàn nhuế của Tàng sấm Vĩ, là sách Kim ngọc lục, bình ngũ của Minh Dịch Tượng... Mà chỉ chép lại những điều suy đoán được truyền đi rộng rãi như sau.

1. **thuyết gia sự** của Nạp Lan, Thành Đức; Lâu nay người tin thuyết này rất đông. Hương tỏa lục chép, thuyết của Trần Khang Kỳ trong sách Yến hạ hương thỏa lục năm chép việc Khương Thành Anh ra trông coi khoa thi hương tại Thuận Tiên năm Ất Mão (hiệu là Liêu Tuyền) có nói: Cuốn tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng là sách ghi chép việc nhà của quan tể tướng đã quá cố là Minh Châu, mươi hai kim thoa đều là người của quan Thị Ngự nạp Lan nuôi trong nhà làm thượng khách cả, Bảo Thoa là chỉ Cao Đạm Nhân, Diệu Ngọc là chỉ tây Ninh tiên sinh, Diệu là do hai chữ thiếu và nữ ghép lại. Khương cũng là tiếng gọi có ý làm đẹp lòng đàn bà. Như ngọc, như anh cùng nghĩa ... Quan Thị Ngự nói rằng: con của Minh Châu là Thành Đức, sau đổi tên ra Tịnh Đức lấy tên tự là Dung Nhược, trưởng Duy Bình trong sách Thi nhân Hưng lược nói: Giả Bảo Ngọc là

Dung Nhược đấy. Chuyện mà sách Hồng Lâu Mộng nói là chuyện thời sự của Bảo Ngọc thời lúc còn bé. Du Viết trong sách Tiểu phù mai nhân thoại cũng bảo: Nói dỗ cử nhân chỉ mới 15 tuổi là phù hợp với sách nói. Thế nhưng có sự tích khác lại không khớp, Hồ Thích làm sách Hồng Lâu Mộng khảo chứng (theo sách Văn tồn 3) đã định chính lại nhiều chỗ sai. Chỗ không ăn khớp hơn cả một là Khương Thần Anh có bài văn tế Nạp Lan thành Đức, xem thì mới biết mối tình thân giữa hai bên, không phải mối tình của Diệu Ngọc đối với Bửu Ngọc có thể ví được. Hai là Thịnh Đức lúc chết là ba mươi mốt tuổi, chính là lúc Minh Châu còn đang phú quý.

2. Thuyết cổ sự giữa vua Thanh Thế Tổ với bà Đồng Ngạc Phi, thuyết này thấy trong sách Hồng Lâu Mộng sách ẩn do Vương Mông Nguyên và Trần Bình Am là chung.

Đại ý nêu lên là: Thường nghe thấy các cổ lão chung ở kinh đô nói rằng sách đó toàn vì Thanh Thế Tổ và Đồng Ngạc Phi mà làm ra, rồi nói ra đến các vị Vương có tiếng tăm và các người phụ nữ kỳ lạ, khác với người thường. Đó là đại ý, nhưng lại còn chỉ ra rằng Đồng Ngạc Phi tức là Đồng Tiểu Uyển, nguyên là một gái điếm trên sông Tần Hoài sau gả làm vợ lẽ cho mạc Tương quân. Nhà Thanh xuống Giang Nam cướp đưa về bắc, được Thanh Thế Tổ yêu, phong làm quý phi, được ít lâu thì chết non đi, Thế Tổ thương tiếc đau đớn, bỏ vào Ngũ thai sơn ẩn náu làm thầy tu. Nhưng Mạnh Sum làm sách Đồng Tiểu Uyển khảo (theo tâm sử trùng san tập 3) đã lần lượt đưa ra những điều lầm lẫn của thuyết này, lầm lẫn nặng hơn cả là Tiểu Uyển sinh năm Giáp Tý Thiên khai đầu Minh nếu vào cung năm Thuận Trị thì đã 28 tuổi rồi bấy giờ Thanh Thế Tổ mới 14.

3. Thuyết tình hình chính trị thời Khang Hi – thuyết này bắt nguồn ở Từ Thời Đống, đến sách Thạch đầu ký, sách ẩn của Thái Nguyên Bồi thì rõ ràng đầy đủ tất cả. Mở đầu sách này nói ngay: Thạch đầu ký là cuốn tiểu thuyết nói về chính trị thời Khang Hi nhà Thanh. Tác giả kiên trì chủ nghĩa dân tộc rất gắt gao, việc căn bản trong sách là buồn viếng nhà Minh, vạch sai trái của nhà Thanh và đối với những danh sĩ người Hán thì ngụ ý tiếc thương đau xót...

Do nêu lên như vậy nên cứ so sánh, dẫn chứng thêm cốt cho ăn khớp, như dùng chữ Hồng (đỏ) để chỉ chữ Chu; dùng chữ Thạch Đầu để chỉ Kim Lăng; dùng chữ giả để bài xích triều ngụy, gọi là Kim Lăng thập nhị soa để ví các danh sĩ Giang Nam trong buổi đầu nhà Thanh: như Lâm Đại Ngọc là chỉ Chu Di Tôn, Vương Hi Phượng là chỉ Dư Quốc Trụ, Sử Tương Văn là chỉ Trần Duy Tung, còn Bảo Thao Diệu Ngọc thì theo thuyết của họ Từ, chứng cứ nhiều dẫn ví dụ rộng, dùng sức óc cần cù. Tuy nhiên Hồ Thích đã khảo xét được bình sinh của tác giả và thuyết của họ Thái thành ra không đúng vững được. Chứng cứ có sức hơn cả là Tào Tuyết Cần là quân nhân người Hán và Thạch Đầu Ký quả là một câu chuyện tự thuật, nói về bản thân mình.

Song Hồng Lâu Mộng là chuyện tác giả tự thuật, cùng với chương đầu của nguyên bản phù hợp... thì thuyết đó sai sự thực trước đã rồi mãi sau mới được xác định là đúng. Thời đầu Gia Khánh, Viên Mai trong sách Tùy viên thi thoại 2 đã nói: Thời giữa Khang Hy, Tào Luyện Đình giữ chức Tạo Giang ninh... con là Tào Tuyết Cần làm một cuốn sách gọi là Hồng Lâu Mộng, ghi chép đầy đủ cuộc sống gió trăng phồn hoa như thế nào trong truyện cổ nói đến cái Đại quan viên, cái vườn Đại quan viên đó tức là cái vườn Tùy viên của tôi. Hai câu cuối tác giả lại nói không đúng sự thực, bản thân tôi cũng có những điều làm nhỏ, như chữ luyện (cây xoan) thì làm ra chữ luyện (rèn luyện), chữ tôn tử, nhưng chứng ấy cũng đã cho thấy rằng sách của Tuyết Cần ghi chép là những điều nghe thấy. Thế mà người tin cũng chỉ có ít thôi. Vương Quốc Duy trong sách Tĩnh Am văn tập cò hỏi vặt rằng, nói là mình mắt thấy tai nghe, cũng có thể là từ mồm một kẻ bàng quang mà nói ra thôi, chưa hẳn là nhân ật sống trong câu chuyện thật sự, mãi đến khi Hồ Thích có khảo chứng rồi mới thật là rõ ràng, biết rằng Tào Tuyết Cần quả thực sinh con nhà vinh hoa về sau mới sa sút khổ cực, nửa đầu sinh sống nào khác “hòn đá”, viết sách ở ngoại ô cửa Tây chưa xong đã chết, bộ sách ra muộn là do có Cao Ngạc làm tiếp và hoàn thành cho.

Tuyết Cần tên Triêm tự là Cần Khê, một tự nữa Cần Phố, là thân nhân người Hán trong hiệu Bạch Kỳ của Mân Thanh. Ông nội là Dân, tự là Tử Thanh, hiệu là Luyện Đình, khoảng giữa Khang Hy làm Chức Tạo Giang

ninh, Thanh Thế tổ đi Nam tuần, năm lần dùng dinh chức tạo hành cung, bốn lần sau đó đều có Dần, đang làm quan cả. Song Dần vốn ưa phong nhã, đã từng khắc sách xưa hơn mươi loại. Được đương thời khen, cũng hay văn, có làm sách Luyện định thi sao năm quyển. Sách từ sao một quyển (Theo từng khổ thư mục), sách Truyền kỳ hai mươi mốt loại (theo sách tại viện Tạp chí) con của Dần là Phủ, tức là cha của Tuyết Cần, cũng làm chức Tạo Giang ninh cho nên Tuyết Cần sinh tại Nam Kinh. Bấy giờ là khoảng cuối triều Khang Hy. Năm Ứng chính 6, Phủ thôi chức, Tuyết Cần cũng về Bắc Kinh, lúc đó mới chừng lên 10 tuổi.

Song không biết vì sao, sau đó thì họ Tào hình như gặp biến cố lớn, cửa nhà sa sút, Tuyết Cần đến khoảng ngoài 40 thì nghèo khổ, ở ngoại ô cửa Tây, ăn cháo nhịn bữa, nhưng vẫn ngạo nghễ quật cường không a dua theo thói tục, nhiều khi lại uống rượu làm thơ, viết Thạch Đầu ký có thè cung vào khoảng đó. Năm Càn Long hai mươi bảy đứa con chết yểu đi, Tuyết Cần thương cảm thành bệnh, đến hôm trù tịch thì mất, tuổi hơn 40 (1719-1763).

Thạch Đầu ký viết chưa xong hiệ nay để lại chỉ có tám mươi hồi (xem kỹ hơn trong sách Hồ Thích văn tồn).

Vì vấn đề bốn mươi hồi sau là của Cao Ngạc viết tiếp thêm Du việt trong sách Tiểu Phù Mai nhàn thoại nói: Trong sách Thuyền sơn thi thảo có một bài đè: "Tặng bạn đồng niên tên là Ngạc ở biệt thự Cao Lan" với câu: Người tình tự kể chuyện Hồng Lâu và chú rằng: Chuyện Hồng Lâu Mộng từ hồi thứ tám mươi đến cuối do Lan Thự thêm vào.

Thế thì sách đó không phải là do một người làm ra, xét ra thi hương, thi hội mà có thêm vào thơ năm chữ tám vẫn là bắt đầu từ thời triều Càn Long, mà trong sách nói chuyện thi cử đã có thơ, thì việc cho rằng ông Cao viết thêm là có chứng cứ thật. Song Cao Ngạc viết lời tựa chỉ nói rằng bạn là Trịnh Tử Tiểu Tuyền đưa tôi, đưa cả cuốn sách mua được cho tôi xem, và bảo: "Đây là nỗi lòng cay chua mà tôi gom góp, tích lũy trong hai, ba năm, bắt đầu từ cái nhỏ nhất, định đem khắc in ra, để ai muốn xem thì xem. Cậu rảnh rồi lại buồn và uể oải, sao không chia nhau gánh với tôi". Tôi cầm lấy

sách... xem nó cũng còn chưa trai với danh giáo... Thế là giúp vào công việc. Cao Ngạc không muốn nói rõ là mình làm, nhưng bạn hữu không muốn có nhiều người biết. Ngạc tức là người có tên tự là Lan Thự, quân nhân người Hán thuộc hiệu Trương Hoàng Kỳ của Mân Thanh, đỗ cử nhân khoa Mậu Thân Càn Long, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mão vào Hàn lâm viện hàm quan Thị độc, lại làm đồng khảo quan trường thi hương Thuận Thiên, Khoa Tân Dậu Gia Khánh. Việc ông chữa Hồng Lâu Mộng chắc là vào khoảng năm Tân Hợi Càn Long, lúc chưa đỗ tiến sĩ, nhàn rỗi uể oải, nên đối với Tuyết Càn nghèo cực tiêu điều, hoặc giả có thông cảm. Song tâm chí chưa nguội lạnh thì cùng với thái độ nói là già đến nỗi rồi, lại nghèo và đau yếu, nên cứ dần dần để lộ cái quang cảnh đời đi xuống ấy, lại tuyệt đối khác nhau (bản nhà chùa hồi thứ nhất). Vì vậy mà mấy chục hồi của cuốn chuyện viết tục thêm, tuy cũng buồn bã thê lương, song họ Giả cuối cùng vẫn được “Lan quê thơm đều”, nghiệp nhà lại được khôi phục lại, rõ ràng không giống cái cảnh tượng đất trống mém mang, sạch ráo không còn lại một tí gì như trong bản trước.

Bản tục Hồng Lâu Mộng 80 hồi còn một điều nữa là không phải chỉ có một mình Cao Ngạc. Du Bình Bá đã thấy trong lời bình cũ, nhận xét bản 80 hồi do Thích Lục Sinh đề tựa có nói trước đã có một bản tục 30 hồi, hình như thuật tình trạng con cháu họ Giả phân tán lưu lạc, Bảo Ngọc nghèo khổ đến bất kham, y như “Trên sườn núi cao, tay không bìu nứa mà thả ra” cuối cùng đi làm thầy tu, song sự thực thế nào thì không thể tra cứu lại được (sách Hồng Lâu Mộng biên, đằng sau có bài chuyên luận). Có người nói ông Đái Thành Phu có thấy một bản của đời cũ, không phải sách giả, đằng sa 80 hồi thì cũng với bản bây giờ không giống nhau, sau khi hai phủ Vinh, Ninh bị tịch thu thì cảnh nhà hết sức tiêu điều, Bảo Thoa cũng chết sớm, Bảo Ngọc không sao xây dựng cơ nghiệp lại được, đến nỗi rơi xuống làm hạn người giữ cổng, đánh mõ rau làng như Mạnh Tử nói. Sử Tương Văn phải đi ăn xin về sau lại cùng Bảo Ngọc làm vợ chồng như trước. Người đời lại nói nghe rằng nhà quan Tùng Thừa Ngô Nhuận Sinh còn cất một bản đó (sách tiểu thuyết khảo chứng của Tưởng Thụy Táo, bảy lần dẫn sách Tục duyệt vi thảo đương bút ký). Bản nói đây cũng là bản viết tục thêm nữa. Những điều mà cả bản bổ sung vào, có lẽ điều chưa hợp với cái ý đầu tiên của tác giả

song đêm trường không sáng thì những điều đó cũng không đến nỗi trái ngược với cái tuyếng ngầm với những nhân vật tình tiết chưa nói rõ trong sách trước.

Ngoài bản tục nói trên, thì các bản tục khác còn rất nhiều, như Hậu Hồng Lâu Mộng, Hồng Lâu Hậu Mộng, tục Hồng Lâu Mộng, Hồng Lâu Phục Mộng, Hồng Lâu Mộng Bổ, Hồng Lâu Bổ Mộng, Hồng Lâu Trung Mộng, Hồng Lâu Tái Mộng, Hồng Lâu Áo Mộng, Hồng Lâu Viên Mộng, Tăng Bổ Hồng Lâu, Quý Hồng Lâu, Hồng Lâu Mộng Anh... Nhìn chung thì tất cả đều theo bản tục của Cao Ngạc mà thay đổi, bổ sung những điều thiếu sót, những cảnh tù hâm rồi kết thúc câu chuyện bằng một cảnh sum họp đoàn viên, thậm chí có kẻ còn nói tác giả vốn cho trong chuyện không có một người nào là tốt rồi vì thế mà xoi mói, bối lông tím vết, đánh đập không tiếc lời. Song cứ theo sách của tác giả nói thì chỉ là theo sự thực mà kể lại, kể ra mà thôi, tuyệt không có lời chê bai, bàn bạc gì, chỉ đối với bản thân thì rất lấy làm ăn năn hối lỗi. Đấy chính là điều mà thường tình khen cho nên chuyện Hồng Lâu Mộng đến nay vẫn được người đời yêu trọng, mà cũng điều đó lại làm cho thường tình quái lạ, vì thế mà có người không vừa ý, đứng ra sửa chữa, làm cho câu chuyện trở nên tròn trịa hơn. Sự trái ngược này cho thấy độ lượng của con người cách nhau xa và âu cũng vì thế mà Tào Tuyết Cần không thể làm vừa lòng cho tất cả. Để chấm hết bài này, xin chép lại lời của người nọ như sau:

Tác giả tự nói rằng: Nhân sau khi trải qua một phen ảo mộng, cho nên đem việc thiệt giấu đi, rồi mượn cái thuyết thông linh, mà soạn ra cuốn chuyện Thạch Đầu ký này... lại tự nói ra rằng: Nay làm một kẻ phong trần phàm tục việc gì cũng chẳng nên, bỗng nhớ để đưa con gái của mình trước đây, xem xét so sánh kỹ từng nét, từng điều một thì thấy cử chỉ kiến thức của nó đều hơn mình nhiều. Sao mình đường đường mài râu mà thật ra lại không bằng đức con gái quần tho thế kia. Thật là thiện hổ thì có thừa, mà ăn năn lại vô ích, đúng là một ngày rất đối không biết làm thế nào... Thế rồi nghĩ muốn đem cái thời dĩ vãng mình được nhờ ơn trời đức tổ, cái thời bạn áo gấm quần sa, cái ngày chán ngon ngày béo, phụ cái công cha anh nuôi dạy, quên cái ơn thầy khuyên răn, đến nỗi bay giờ một nghè không biết,

mắc cái tội lận đận nửa đời, muốn đem tất cả những cái đó ra, thuật thành một tập, để nói cho thiên hạ biết. Tôi mình thì vốn không khỏi được rồi, song trong khuê các vốn đời nào cũng có người, tuyệt không được vì mình bất hiếu, không ra gì, tự mình che giấu cái xấu kém của mình để họ đến phải mai một cả. Tuy hiện giờ nhà gianh vách đất, lợp ngói giường dây, gió sớm mù chiều, liễu thần hoa ngô, cũng không hại gì đến hoài bão của mình, mà phải gác bút vút nghiên. Tuy mình chưa học, viết chẳng thành câu, cũng không hại gì mà dùng lời quê tiếng kệch, phô diễn lại chuyện xưa, cũng có thể để cho đám khuê các soi mình, truyền miệng lại, lại cũng thè để cho đời vui mắt, phá tan sầu muộn trong lòng, như vậy không tốt sao? (Bản nhà chùa hồi thứ nhất).

Chương 25

VIỆC ĐỜI THANH DÙNG TIỂU THUYẾT ĐỂ BIẾT TÀI NĂNG VÀ HỌC VẤN

Việc dùng tiểu thuyết làm cái công cụ để đo học vấn, văn chương của con người, cùng với việc dùng nó để ngụ ý khôn răn là cùng một ý nhưng công dụng thì khác nhau, việc đó không có cuốn tiểu thuyết nào trước cuốn “Dã tẩu bộc ngôn” (ông già nhà quê phơi nắng lời nói). Cuốn sách đó đến đầu Quang Tự mới ra, lời tựa nói là của họ Hạ ở Giang Âm, đời Khang Hi làm, họ Hạ đó lấy chân một chư sinh được tuyển làm cống sĩ vào học trường Thành Quân, sau không được vừa ý, nhận lời đại nhân tiên sinh mời, được làm chức tế tửu ở dưới trường, rồi đi khắp Yên, Tấn, Tần, Lũng... sau lại mướn đường Khâm Thục, từ sông Tương lên sông Hán, ngược sông Giang mà về, qua lẩm nơi từng trải nhiều, rồi mới phát ra thành văn chương nên có thêm khí lạ... nhưng đầu tóc đã đốm bạc rồi. Từ đó bỏ hết ý tiến thủ, chuyên tâm làm sách, làm được cuốn Dã tẩu bộc ngôn, hai mươi quyển nhưng chỉ đưa cho bạn xem, không muốn chào đời, đến khi đưa in để lưu hành, thì đã có khuyết thiếu mất mát: chỉ có một bản toàn vẹn, nghi là người khác bổ túc vào; hai bản không có tên người soạn, Kim Võ Tường trong sách Giang Âm Nghệ Văn Chí, phần Phàm lệ thì nói là Hạ Nhị Minh làm, Nhị Minh là tên hiệu của Hạ Kính Cử; sách Giang Âm truyện chí đời Quang Tự (17, sách Văn uyển truyện) nói: Kinh có tên tự là Mậu Tu, chân chư sinh, thông minh lanh lợi, học rộng, thông kinh sử, đều cả sách bách gia chư tử, sách lê nhạc, binh hình, thiên văn toán số, không sách nào

không hiểu thấu... Ngày thường đi khắp bốn bề, giao du toàn những kẻ hiền hào. Sách làm ra có các cuốn: Lương mục cử chính, Kinh sử dư luận, Toàn sử ước biên, Học cổ biên, cùng thi văn tập đến mấy quyển. Điều này khá phù hợp với lời tựa, song tên ông xếp sau tên Triệu Hi Minh, thế thì khoảng giữa Càn Long ông phải đang còn.

Sách Dã Tẩu Bộc Ngôn quả là một bộ sách lớn, số hồi có đến một trăm năm mươi bốn, phải dùng đến hai mươi chữ là phần võ quỹ văn thiên hạ vô song chính sử dụng kinh chú sử dân gian đệ nhất kỳ thư để đánh số quyển, mà những chữ đó cũng là ý tác giả dùng để tóm tắt chung lại cả ý bộ sách. Còn nội dung của sách thì như Phàm Lệ nói là tự sự, thuyết lý, đàm kinh, luận sử, dạy đạo hiền, khuyên lòng trung, vận trù, quyết sách; đưa các nghề như việc bình, làm thơ, làm thuốc, tính toán, tình cảm như mừng giận, đau thương, sợ sệt, rồi giảng đạo học, bài xích tà thuyết..., không gì không có ở trong, mà tất cả để Văn Bạch làm chủ. Bạch tên tự là Tố Thần, còn con người thì, như trong sách nói, một chàng trai săt, gõ tiếng coong coong, lối lạc có kỳ tài, miệng ngậm khấp núi sông, bụng như lưỡi búa bắt được cả sao Ngưu, sao Đầu. Bảo rằng chàng không cần thi đỗ làm quan, mà ra lý của chàng đ tình như Tống Ngọc. Chàng hoa bút làm phú thì bay lượn trên dưới Tương Như; chàng võ tay bàn việc binh thì em hoặc anh Gia Cát. Sức giò nổi vạc mà như áo mang còng nặng, hiền khô, mạnh giết được rồng mà như sợ rót xuống hang, ném nớp, hiểu thông lịch số, một liếc mày hàng, biết phép kỳ hoàng, gánh theo Trọng Cảnh. Coi bạn bè như tinh mạng, trọng danh giáo như thần linh. Thật là một nhà nho có huyết tính, một kẻ sĩ không kể đến thói viêm lương. Tố Thần bình sinh có một bản lãnh lớn là chỉ tôn nền học chính, không tin các dị đoan, một lối làm việc tài, là giải được điều người ta không thể giải, nói được điều người ta không thể nói (hồi thứ nhất). Thế nhưng có vua thánh ngồi trên, người hiền không cực, đê bạt làm to, thường đều vừa ý. Sách ra qui hết, tay huất yêu tan, trăm man di khiếp cái oai thần, bốn vật thiêng chung trong vườn cũ. Hai công văn võ, ở cả một người, thiên tử kính yêu, gọi là Tố. Lại còn có phép lạ nữ: đã biết biến hình đổi dạng, lại giỏi làm vừa ý đàn bà: vợ hầu la liệt, đẻ hai mươi bốn con trai, trai lại làm to, sinh ra một trăm cháu, và có đến chít rồi.

Mẹ là họ Thuỷ tuổi đã 100, được thấy lục đại đồng đường, đến mừng thọ có đến 70 nước; hoàng đế ban câu đối, gọi bà là Trấn quốc vê thánh nhân hiếu từ thọ tuyên thành văn mẫu thuỷ thái quân (hồi thứ 144). Tất cả những vinh hoa của kẻ làm tội mà ý tưởng của người học trò có thể với đến, sách này đều chép đủ, chỉ có một điều là còn chưa dám mong làm đế vương. Đến như bài xích dị đoan thì Tổ Thân ra công còn mạnh hơn nữa, người thờ đạo già, kẻ tin đạo Phật Thích ca phần đông bị tru di, đàn trường hoang lạnh, chùa tháp nát hư, chỉ có nhà bố Tổ là phúc lành đầy đủ được trăm đời nghìn dòng tôn sùng tin ngưỡng mà thôi.

Sách Dã tẩu Bộc Ngôn nói tác giả hoài bão không tầm thường, chưa được áo xiêm rạng rỡ, già rồi mà chủ trương của mình không thi thoả được, vì vậy mà cầm bút khác gì “Ông già nhà quê ngồi không, tắm nắng bàn suông” (Lời trong bản Phàm Lệ). Cho hay khoe khoang học vấn để gửi gắm tâm tình, kỳ thực là nói về mình cả, còn coi là thánh mà tôn bắc lên thì tâm tình cảm khái kia lại thành ra hoài bão, so với tiểu thuyết thần ma, tiểu thuyết giai nhân tài tử đời Minh thì mặt mũi giống như khác mà cản bản văn giống nhau, có điều là đem dị đoan mà thay thế cho tà ma, đem thánh nhân mà thay thế cho tài tử mà thôi. Ý đã khoẻ khoe khoang kỳ quái, văn lại vô vị, thật không đáng gọi là văn nghệ, song muốn biết cái tâm lý của những kẻ bây giờ gọi là nhà lý học thì cũng có thể khảo xét để tìm thấy ở trong đó dăm bảy điều. Cuối đời Ưng Chính, có người ở Giang Âm là Dương Danh Thị làm tuần vũ Vân Nam. Danh Thị lại có người làng, một bậc công sinh tên là Hạ Tông Lan thường thường đi theo mình mà hỏi về Kinh Dịch, cho Danh Thị là môn nhân của Lý Quang Địa nên lại đem gộp chữ Tông vào với hai chữ Quang Địa mà thuyết càng quái lạ thêm. Buổi đầu Càn Long, Danh Thị về Kinh, làm Thương thư bộ lễ, Tông Lan cũng do chán kinh học mà được giao cho làm trợ giáo trường Quốc tử giám, lại thường giảng thay cho Danh Thị và suốt đời vẫn coi Danh Thị là thầy (theo Tứ khố thư mục 6 và 10, Giang Âm chí 16 và 17). Ít lâu sau lại có một chư sinh Hạ Tổ Hùng cũng là tay “học rộng khắp cả mọi kinh, mà dốc sức nhất về cái học tính mệnh, lo thuyết của hai họ lòng thông, nên lại khảo xét biện luận lại để đưa về chỗ đúng đắn” (Giang Âm chí 17). Như vậy là ở Giang Âm từ

khi có Dương Danh Thì (mất rồi được tặng là Thái tử thái phó, thụy là Văn Định) là ảnh hưởng đến sĩ phong ở làng ông; từ khi có Hạ Tòng Loan thờ Dương Danh Thì làm thầy thì ảnh hưởng lại đến cái học của nhà họ Hạ, đại để là cùng với cái người làm to, có quyền thời đó cùng một tư tưởng, tôn Chu Trinh mà bài xích Lục Vương, lấy việc “Dã kích tăng lữ, chửi mắng đạo gai” làm cái nghè quan trọng duy nhất, vì vậy cho nên từ ngôn ngữ hành vi cho đến sự gắp gỡ này khác của những người như Văn Bạch, vốn không phải là lý tưởng độc nhất của tác giả đặt để nói mình, nó tách chữ Hạ () ra mà đặt; lại có Thi thái sư, tức là Danh Thì, việc tôn sùng ngưỡng mộ là theo cái nói của Hạ Tòng Lan mà ra, song chính vì thế mà thành ra làm, làm cho sách Dã tẩu bộc ngôn là của Tòng Lan làm.

Còn trong tiểu thuyết mà muốn thấy được cái tài viết văn hay thì sách Đàm sử của Đồ Thân hai mươi quyển. Thân tên tự là Hiền Thư, hiệu là Hốt Nhâm, cũng người Giang Âm, nhà mấy đời làm nghè nông. Thân tuổi nhỏ đã mồ côi, tư chất thông minh nhạy bén, mười ba tuổi vào trường huyện, hai mươi đỗ Tiến sĩ và được bổ ngay Tri huyện huyện Sư Tông Vân Nam, đi chấm thi hương năm khoa, được khen là lấy học trò đỗ đúng, con làm Đồng Tri Quảng Châu, năm Gia Khánh sáu do sung chân hậu bổ mà ở Bắc Kinh, ốm thình lình mất ở nhà trọ, tuổi 48 (1744 – 1801). Thân tính hào phóng, ghét thế tục, bình sinh mến Thang Hiển Tổ về cách ăn ở, nhưng làm quan thì hơi dữ; lại có tính thích đàn bà, vợ hầu đồng (thấy trong Ngạc Đinh thi thoại, phần phụ lục) viết văn thì chuộng lối xưa xắc, khúc mắt, đẹp và lạ, thành ra tối nghĩa, sách Chí Quái thì có Lạc hợp nội ngoại trong chương 21), mà văn đều như thế cả. Đàm sử là một cuốn trường thiêng, đề là Lôi Khả Sơn Phòng nguyên bản, Kim Võ Tướng nói là của thân làm (Si túc hương tuỳ bút 2). Trong sách có chữ tang Trọc Sinh là tên tác giả đặt để nói mình, Trọc Sinh có nói: “Tôi sinh năm Giáp Tí cùng một năm với Thân”. Chương mở đầu thì nói: “Trước kia Ngô Nông làm quan ở Việt Linh, tuổi năm mươi có lẻ, đi gốc bể nếu có được gì, sẽ đem lời lạ của những điều nghe thấy hay nghe lỏm người ta kể không sắp xếp theo loại làm ra một cuốn”. Lại mướn việc Phó Nại đánh người Miêu (Năm Càn Long 60) là cốt chuyện, thế thì khi bắt đầu làm phải vào khoảng đầu Gia Khánh không

đầy vài năm là xong, có tựa do Tiểu đình đạo nhân đê tháng 4 năm thứ 5: Năm sau thì Thân chết.

Sách Đàm sử ngay ở đầu nói người đất Mân là Tang Trọc Sinh đi biển, thuyền hỏng bị đắm, trôi đến cái vũng ngoài hòn đá Giáp Tí, được người chài cứu, dẫn đến ra mắt Cam Đinh, Đinh là quan chỉ huy vừa vâng lời theo hịch bảo xây thành để phòng giặc, đang tìm người chuyên về địa hình, thấy Trọc Sinh thì rất mừng, đồng ý theo kế hoạch của chàng, tựa vào đá Giáp Tí làm tường mà sau thành ra một cái thành thần kỳ, địch không dòm ngó được, lại được một cái hầm đất ba tráp sách, tráp thứ nhất đến hai mươi quyển, đê tên là Triệt Thổ tác giả chi văn qui khu dã phù thị hoạ (văn đào hết rẽ để cấy trồng, họ chim le le đồng nội về gò, vè). Tráp thứ hai là đồ bản trời, người đê là Nhãn Tàng Tu Di tăng đạo làm (Mắt giấu sự Tu di đạo làm). Còn sách nữa là sách các thuật phép đê là Lục Tử Huề trì cực lão nhân khẩu thụ (Ông lão hết sức già sáu con dắt cầm truyền miệng cho). Trọc Sinh bảo quan chỉ huy: sách này rõ ràng là cho chủ khách chúng ta. Sách nói gì? Nhổ rẽ, theo điển trong sách cũ là nói cây dâu, tác giả cũng theo điển là ngọt... Làm một khóm thờ ở trong nhà mà cất, đi đâu thì mang theo như sách đầu gường khi cần mở ra xem thì lạy rồi cả hai cùng mở, cả hai rất lấy làm vui lòng (Hồi thứ nhất) thế rồi có người tên là Quảng Vương Long làm loạn, tự xưng là Quảng Chân Vương, có đồng đảng là Lâu Vạn Xích có thuật phép lạ giúp Cam Đinh đánh, có con gái Long đến giúp, bắt được thiên lợn g, Vạn Xích thoát mất – Đinh có công được phong làm Trần vũ, theo Thạch giác hợp lực đánh bọn giặc biển như trước, sau lại đánh bại được người Giao, Vạn Xích ở Giao Chỉ, thì vẫn không bắt được. Không lâu lại được thăng làm Bình mã thống soái, đi các đất Sở Thục khâm Quang Phòng, trải qua nhiều sự kỳ lạ nguy hiểm song đều thắng cả, một trong những sự kỳ lạ đó là như sau:

Giây lát rồi quân Miêu lớn tiếng gọi bảo: Tướng Hán không dám nhìn thấy đánh nhau sao? Quý Tôn dẫn 500 người chia cánh ra mà tiến. Hai lá cờ bỗng rơi xuống, từ trong đất bay ra sáu con gà độc chọc tiết, bay tới quân Hán mà kêu. Lại có sáu con chó màu lửa đứng sửa như chó sói. Quân lính mặt như tro sợ đến chết, đứng như gỗ chỉ dùng khí giới để chống như

chống gậy.

Cự Nhi phóng cái chuỳ bay đâm vào óc sáu con chó, vỡ đầu cả sáu con. Mộc Lan giấu con rắn thuốc trong tay, cho ra mổ một con gà, con gà há mồm chết, năm con khác liền đậu lại mà không kêu nữa. Chỉ thấy ngôi tấm có vẽ hình gà chó ngắn ngang giữa đất, thực chứ không phải có hai vật... Lại đến doanh quan Đô đốc Kim Đại, thì thấy trâu hùi ngựa ốm, mỗi thứ đến sáu con, con nào cũng có da mà không lông, quân lính ai bị sừng húc, cẳng giẫm phải đều chết cả. Một con trâu nhai chân của Đô đốc Kim Đại, răng mắc vào xương. Cự Nhi hoa hai chiếc thích lên làm rụng đầu trâu, mà răng vẫn mắc lấy không ra, Mộc Lan vội sai thằn lằn Hỏ khoét bỏ cái răng đi, nhưng xương chân Đô đốc cũng gãy luôn, sai bên tả bên hữu khiêng mình về đại doanh. Trâu ngựa chạy lồng lên không gì ngăn lại được. Mộc Lan cầm cái khăn choàng vẩy cá chép tản chúng nó đi, một con chép thò ra một cây gươm, chém chết một chục trâu ngựa.

Cái gì cũng phun lửa ra dài bốn, năm thước, gươm của cá cũng bị đốt ném đi, lửa cứ cháy lan ra, trâu ngựa đều kêu rống ồn lên, vẻ đắc ý. Thấy một con đười ươi ném mình vào dơ tay làm ra cái tiếng sét, mưa thình lình trút xuống làm tắt lửa, đất bằng nhợn nước đến hơn một trượng, trâu ngựa đều chết chìm, Mộc Lan mừng nói: "Minh vốn biết là con của lạc vương truyền được phép của vị chân nhân diệt lửa: Nước rút thấy trâu ngựa gì cũng không, thì ra là chữ trâu chữ ngựa của bốn cuốn sách đó để trong mảnh sành vỡ nát vách. Đó là cái phép cùng thân tận hoả của yêu cá..." (quyển 9).

Lâu Vạn Xích cũng có mặt trong đám dân Miêu, hiết Giao chỉ sắp có chuyện, lúc về, Cam Đinh đến Quảng Châu cùng với viên vũ quân là Khu Tình tiến đánh Giao chỉ. Họ Khu dùng mưu của Quảng Nhi, đánh Nghi kinh chém tướng giở cửa mà vào bắt vua, dân Giao hàng hết. Cam Đinh theo đường thuỷ mà tiến, lập doanh trại ở phía bắc cầu.

...Lâu Vạn Xích cùng với thầy của họ là Lý Trường Cước hai bên thi phép đánh nhau ở phía nam Cầu... Lý Trường Cước biến làm cái giếng vàng lửa Vạn Xích, Xích liền rơi xuống. Bỗng có một cây bằng sắt mọc ra, khuông

giếng muôn vở. Quảng Nhị dẫn Khánh Hi đến, giờ chiếc khăn the trắng ném ngọn cây, nghe toạc một tiếng như lóc thịt ra khỏi xương, cây sắt không thấy đâu nữa. Lý Trường Cước biến lại nguyên hình, trừ Vạn Xích, Xích nằm giữa đá cát bên cầu. Nó rút trong tay áo ra một cái bình trắng giơ lên trên xương sọ của Xích, nguyên rồng... Nguyên xong hoa tay thành một tiếng sấm, Vạn Xích tĩnh khí như đã nung chảy ra nhảy xuống sông định theo sóng ra biển. Mộc Lan gọi một trăm quân loài cá loài rùa bơi đuổi theo, Xích ở đâu cũng bị la ó nêu hoá ra con tài kiết, thấy một con cua biển bụng rỗng, chui vào làm chỗ giấu mình kiên cố. Người Giao Chỉ giỏi mò cua, nay được một con to như cái thúng thì rất mừng, đem mổ mà ra tưởng để lấy gạch, thì một con sâu theo tay người mổ mù ra, thoát rơi xuống đất hoá ra hình người, và trong giây lát to cao lên, thì nghiêm nhiên thành một ông sư mù, hỏi không chịu nói, có anh hàng thịt cầm dao lại xem, than thở bảo: "Bụng cua tự nhiên có người tiên cũng gọi là hoà thượng nữa, thật là chuyện đùa cợt. Nếu không có cái bụng nào khác để cho con vật yêu quái này vào, lại không giết chết đi, thì đất Nam Giao ta chưa hết tai họa". Thế rồi hoa tay lên chém đầu ông sư. Bấy giờ ngài Cam đã vào trong thành rồi, đang cùng với ngài phủ quân họ Khu bàn việc rút quân về.

Anh hàng thịt lại dàn quân lính của hai vị, xách cái đầu ông sư mù đưa lên báo cáo với hai vị nguyên nhung ông trưởng sự hạ tang tiến lên thừa: Đây hẳn là đầu của Vạn Xích rồi, tôi nhớ trong bức đồ Trời Người thứ hai, nó là con cua lớn bơi trên mặt biển, bức đồ có hàng chữ triện nói: Hoành hành mà chết. Lúc đầu tôi nghĩ là Vạn Xích sẽ chết trước, nay mới thấy đúng. Vừa Lý Trường Cước vào chào để đi, xem thấy cái đầu thì cười mà nói: Cái thằng giặc này dùng thuỷ hoả âm dương làm hại Trung Quốc, không chết dưới lưỡi búa thép vàng của thiên tử mà chết dưới lưỡi dao anh hàng thịt, dù biết nó chỉ thuộc dòng chó lợn mà thôi, có cái cốt tiên sao được... (quyển 20).

Từ đó Giao Chỉ yên, Tng Trọc sinh về đất Mân, Cam Đỉnh cũng bỏ quan đi, nói là sắp đi qua Đầu lĩnh, sách kể thế.

Sách Đàm sử, cứ theo cái hơi văn, thì phảng phất thấy rất kỳ lạ, song xét đến căn bản thì thực ra chưa thoát khỏi lối tiểu thuyết thần ma, còn việc

đưa vào những lời những câu nói thường, thô bỉ thì đó là do cái bẩm tính của tác giả, mặt khác cũng là do còn thừa kế cái lè thói của tiểu thuyết thế tình đời Minh. Đặc biệt do gắng tạo ra những từ nghe lấn cấn, cứng cỏi có bắt chước sách xưa, làm thành một lối văn trực trặc khó nghe thì như thế mới che khuất được cái nội dung thiển cận phàm tục, Hồng Lạng Cát trong sách Bắc Giang thi thoại, phê bình thơ trong Đàm sử nói rằng: Như hoa hồng được trồng trong chậu, như cá cảnh nuôi trong ao. Uông Tuyền đề tựa Ngạc Đình thi thoại thì nói: dáng uyên bác u uẩn, ảo mà thực thì bình dị... ngòi bút khúc chiết nhiều vẻ dáng ưa. Lời hai nhà nói thế tức là nói văn hoa diễm lệ nhưng mất cái thú tự nhiên, chỉ là cầu kỳ, khó hiểu mà không có ý tứ gì sâu sắc. Đàm sử cũng vậy, chỉ có cái thể văn chưa ai thử viết đến, nên dáng gọi là dôc đáo mà thôi.

Dùng văn đối ngẫu để viết thử tiểu thuyết thì có Yên sơn ngoại sử tam quyển của Trần Cầu. Cầu tự là Uẩn trai, chán chư sinh ở Tứ Thuỷ, nhà nghèo, bán tranh để sống, giỏi văn biền ngẫu, thích truyền kỳ, do đó mà có sách này (sách Gia Hưng phủ chí đời Quang tự 52). Tự nói ra rằng: Thể sách sử xưa nay không dùng văn từ lục, nay tôi làm như cổ, rất biết là quá lạm và càn quấy... song viết dã sử, tiểu thuyết thì cũng mong rằng lối đó được bớt nhẹ đi. Như vậy là Trần Cầu chưa thấy sách Du tiên quật của Trương Trác (xem chương 8) nên tự cho mình là người độc nhất và sáng tạo ra. Bản sách này làm xong khoảng giữa đời Gia Khánh (chừng năm 1810). Chuyện trọng về lời văn hoa, cũng có chỗ gửi gắm cảm khái, như vậy lá lấy cuốn Đậu sinh truyện của Phùng Mộng Trinh đời Minh làm cốt cán, rồi phô diễn thêm vào, có đến ba vạn ngàn lẻ chữ. Truyền đại khái nói đời Vinh Lạc có Đậu Thắng Tố, vốn là người Yên, đến Gia Hưng học, ưa một người con gái nghèo tên là Lý Ai Cô, đón về ăn ở chung; sau lâu, bố buộc cưới một con nhà quan ở Tri Xuyên, mới thôi đi. Ai Cô bị một tay buôn muối ở Kim Lăng lừa, rồi lẩn lóc thế nào rơi vào nhà thổ, sau được hiệp sĩ mã lân giúp, lại trở về với họ Đậu, song vợ cả quá ghen, ngược không sống nổi. Đậu sinh cùng với Ai Cô bỏ trốn, gặp lúc Đường Trại Nhi làm loạn, lại lạc mất nhau. Đến khi Đậu sinh tri 73 về thì gia sản đã sạch không, người vợ cả cũng đòi đi, tro trọi còn lại một mình, mà Ai Cô bỗng đến kể rằng ngày ấy ẩn trong cái am của bà vãi,

nay trở về. Năm ấy Đậu thi đỗ, làm quan lần lượt đến tuần vú Sơn Đông; quan tuần đó Ai Cô vào trong dinh và coi như mệnh phụ. Không lâu thì anh con trai tìm vú, có người xin ở thì ra là người vợ cả trước kia, người này sau khi lấy chồng khác thì chồng chết, con sinh ra cũng chết yểu luôn, thế là phải chịu khổn đốn, làm những việc hèn hạ, song Đậu sinh vẫn dùng và đối xử tử tế. Song chị ta lại bày mưu làm hại Mã Lân, Đậu cũng bị liên lụy, nhưng cuối cùng được minh oan và phục chức, rồi cùng Ai Cô cùng lên tiên. Câu chuyện nghe ra quá u ám thường quê kệch không khác gì cái sáo thường của tất cả mọi chuyện tiểu thuyết tài tử giai nhân, thế mà tác giả phần khởi cho là sáng thuật lại, thì hẳn chỉ vì nó ngoặt ngoẹo lăm khúc nôi, đủ để trổ tài viết văn của mình thôi. Song văn phải viết theo tú lục, tuỳ chỗ mà phải câu nệ kéo dài ra cho nên tả vật, trữ tình, đều mất hết sinh khí, hẳn không bùn đến văn biền ngẫu của Lục triều, chỉ so sánh với tác phẩm của Trương Trác thôi, tuy không có lối hà hước tuồng trò mà cũng còn kém cái sinh động của nó nữa. Nay chép ra sau đây đoạn kể chuyện Đậu sinh bị bố dục về, lời Ai Cô ngậm ngùi mình thất sở, để làm thí dụ:

Bố cậu trong lòng có tình yêu nghè, mặt ngoài làm thế đánh trâu, ném chuột sá gì sợ đụng đồ, đánh vậy không khỏi làm uyên sợ, lén ra khỏi nhốt, bắt được nhốt vào, chó lạc mất nhà, quát về nhà lại, đuổi nhanh mà thân yêu như dê, bắt bò phải dùng cái kế, nghêm cấm mà người phòng giông hổ, thoát cùi chẳng có lúc nào. Chỉ lo rằng tính khó thuần, dùng vào cột sắt, lại sợ vương lòng dễ động, nhất với roi nắn. Bởi cô ấy, cạnh giậu tường vi, mày xanh sấp nhíu, bên tường tiết lệ, hoa hồng muối khô, trên cành đinh hương gửi ý, mà ý ai hay; ở ngọn đậu khấu gãm tình, tình mình mình biết đến nỗi tim sen riêng đắng, nước trúc sấp khô. Rồi hiềm bong liễu tình nào, lung tung giống tuyết, lây giận hải đường không sức, kín đáo buông tơ, vừa đón xuân sang, đã hè quá nửa. Hải rau phong cát, hẹn ước thành suông, gieo quả mận đào, đều ấm úc đáy lòng, cỏ sinh trai deo uổng. Chứa hay không giận, sao được quên lo. Đàn sắt gửi dứt tơ đồng, hay nào chắp mối; gương ấu đập nát trên lầu, bao thuở được về. Há biết kẻ đi xa mãi, trông chỉ mất công, xưa tuy tin tức lầu thưa, còn chung một chỗ, sau đến hồn mơ cách biệt, lại trở núi sông, xa gần người xa, thêm khổ ba thu mới

cảm; sao dời vật đổi, chỉ thêm thương nhớ đôi nơi... (quyển 2).

Đến khoảng đầu Quang Tự (1879) có Phó Thanh Cốc người Vĩnh gia chú thích, nhưng cũng bỏ bớt, không phải hoàn toàn nguyên bản.

Từ đời ung càn về sau, nhân sĩ Giang Nam sợ mắc cái nạn văn tự, mà tránh không nói đến sử sự, chỉ phân tích khảo chứng các sách kinh, cho đến cả cách lâm cho bậc tiểu học, trọng công việc đó, nhưng điều tính vi về nghệ thuật, họ cũng không bỏ; họ nói là có chứng thực, kiêng kỵ việc nói suông, cái phong khí uyên bác do đó mà lên mạnh. Những khi phong khí đó đã thật mạnh rồi thì mặt mày dám học giả cũng có ý tự đắc, theo họ thì tiểu thuyết là sách của những kẻ vào lỗ tai ra lỗ miệng làm ra, “sử là sách không có gì đáng xem”, cho nên họ cũng không thèm mó đến. Tuy vậy cũng còn có một người là Lý Nhữ trân làm sách Kinh hoa lục. Nhữ Trân tự là Tùng Thạch, người Đại Hưng Trực Lệ, nhỏ tuổi đã thông minh khác đời, không thích làm lối văn thời thượng. Năm Cà Long 47 nhân theo anh đi làm quan ở Hải Châu chố lăng Đình Kham làm thầy, mỗi khi bàn về văn xong, rảnh rồi thì bàn đến cả âm vận, tự cho là “học bổ ích hết sức nhiều” bấy giờ tuổi mới 20. Trong bạn bè giao du, có khá đông người nghiên cứu về thanh vận; Nhữ Trân cũng đặc biệt sở trường về môn đó, mà lại chăm đến cả các nghệ thuật lật vặt khác như độn toán, xem sao, bói, cho đến cả phép viết chữ, cách đánh cờ, phần nhiều đều sành cả. Song rồi bất đắc chí, cứ vẫn là chân một chư sinh già ở Hải Châu, cuối đời buồn khổ, bèn viết tiểu thuyết để tiêu khiển, viết hơn mười năm mới xong, đến năm Đạo quang 10 mới có bản khắc in. Chưa được vài năm thì Nhữ Trân cũng mất luôn, tuổi hơn sáu mươi (khoảng 1763 – 1830). Về âm vận, có làm sách âm giám, cốt để thực hành, coi trong âm hiện đại mà lại cả gan biến đổi âm cổ đi nữa (từ đây trở lên theo trong Dẫn luận củaa Hồ Thích, đầu sách Kinh hoa lục, bản tiêu điểm mới. Thế là Nhữ Trân tinh thông môn thanh vận mà lại dám biến đổi thanh vận cổ, lại nữa đứng trong hàng ngũ học giả, kiến thức uyên bác, giỏi nhiều đứng trong hàng ngũ học giả, kiến thức uyên bác, giỏi nhiều nghè mà lại làm tiểu thuyết lại cứ luận về việc học, nói về các nghề rồi giảng diễn, bàn về kinh, cứ tập này chương nọ không thôi, thành ra học rộng lăm tài mà trở lại có hại.

Kinh hoa lục có một trăm hồi, đại lược kể chuyện Võ hậu trời rét mà muốn chơi hoa, xuống chiếu bảo một trăm hoa đưa nở, thần hoa không dám chống lại mệnh vua, phải theo nhưng lại bị trời khiển trách, dày xuống dân gian làm hoa, nhưng bị viên quan giữ chức vụ đàn hặc, bảo là có tình cũ với kẻ phản bội là Từ Kính Nghiệp, nên bị truất mất thám hoa; Đường Ngao nhân thế cảm khái, cố ý rời bỏ trần tục theo thuyền buôn biển của người em vợ là Lâm Chí đi ngao du trên biển, phiêu bạt đến những nơi xa lạ, có khi gặp lại những người gọi là kỵ nhân, lại thấy nhiều tục kỳ vật lạ, may được ăn cổ tiên, thành ra “vào thánh vượt lên trên phàm” rồi vào núi không trở lại nữa. Con gái là Tiêu Sơn lại theo thuyền đi tìm cha, đi khắp nơi cha đã có đến, trải qua lăm gian nan nguy hiểm nhưng cuối cùng vẫn không gặp; chỉ do một ông tiều trong núi mà được cuốn sách của cha, đê là Khuê thần, hẹn bảo “trung bình hơn các tài nữ” thì sau có thể gặp nhau. Cõi đi nữa, thì thấy một nấm mồ hoang, gọi là mồ Hoa gương, đi nữa thì thấy vào trong thôn Thuỷ Nguyệt, đi nữa thì thấy cái đình Khắc Hồng, ở trong có bia, khắc tên họ một trăm người, đứng đầu là sứ quan, đã xét trong u tối, tất cả đều là toàn trinh mà Đường Khuê Thần đứng thứ mười một. Sau danh sách có lời tổng luận có đoạn viết:

Chủ nhân đình Khắc Hồng nói rằng: nói quan sử xét trong u tối lấy làm thươn xót cho những kẻ đứng đầu mọi hoa, là nói chủ nhân .tā đọc xem hết dã sử, đã từng có thấy, tiếc mai một không có tiếng tiếc thương các hoa đều không được truyền lại, nên ghi chép lấy... Kết luận cho rằng hoa mà thơm lại, hẳn là toàn trinh. Nghĩa là mọi hoa lưu lạc trầm luân, hầu như tiêu diệt không ai nghe nói đến, nay nhơ đẩy mà thành bất hu, thì không phải như hoa lại thơm lại hay sao? Một trăm người trong số này, không ai không phải cây quỳnh rừng ngọc, bích trọn chân đôi, cho nên nói là toàn trinh (hồi thứ 48).

Khuê Thần bất đắc dĩ phải trở về, gặp Võ Hầu mở khoa thi tài nữ, được dự thi, và cũng trúng tuyển, thứ bậc như trong văn bia. Thế là một trăm người cùng họp ở phủ Tòng Bá, lại yến tược mấy ngày liền, đánh đàn, làm thơ, chơi cờ, trao đổi về phép bắn, đá cầu, chơi cờ, chơi tú, luận bàn văn chương, bình sách vần, giảng thơ họ Mao, tận hưởng thú vui thơ rượu.

Giữa cuộc có hai cô gái đến, bảo là mình được xếp tài nữ thứ tư, thực ra là dù gió chi trăng hoả thân, nhưng hiềm vì văn chương chữ nghĩa mà sinh chuyện với nhau, thổi gió lên làm kinh cả buổi họp; sao khôi tinh hiện hình xuống giúp các cô cung hoá làm đạo cô, đến hòa giải, rồi đọc thơ hay tại chỗ, thơ đều bao hàm thân thế của mọi người, từ quá khứ đến hiện tại, đến cả tương lai, thỉnh thoảng có xen vào những tiếng bi ai người nghe đều có vẻ ảm đạm, song không để ý tìm hiểu lâu, lại vui cười như lúc đầu. Đến cuối thì văn đàn dậy binh, mưu toan việc khôi phục lại ngôi vua, tài nữ cũng có người ở trong quân, có người chết, và uân họ Võ cuối cùng thua. Thế là vua Trung Tôn lên ngôi lại, vẫn tôn người đàn bà họ Võ làm thái hậu như cũ, và gọi là Võ Tắc Thiên Đại Thánh hoàng Đế. Không bao lâu, Tắc Thiên xuống chiếu, nói năm sau lại mở khoa thi sứ như cũ, đồng thời bảo các tài nữ khoa trước lần nữa đến dự tiệc Hoàng Văn, và thế là cảnh hoa lục chấm hết. Song trở lên chỉ là một nửa của tôn cục, tác giả muốn nói là muốn biết “Toàn cảnh trong gương, hẳn đợi duyên sau” như thế thì chắc là sách tục thêm nữa nhưng cùng vẫn chưa làm.

Lý do tác giả làm sách đã thấy trong đoạn ký về “Đình Khốc Hồng” trên, đó là đối với các cô gái, thương số phận bị tiêu mòn chìm đắm, nên mượn lỗi các bài quan xưa, chép truyện để truyền tiếng thơm về công lao của họ. Trong sách lời bàn luận có quan hệ đến phụ nữ cũng nhiều, cho nên Hồ Trich cho là một bộ tiểu thuyết thảo luận vấn đề phụ nữ, lời giải đáp của vấn đề ấy là nam, nữ nên được dài ngộ bình đẳng, giáo dục bình đẳng, tuyển cử bình đẳng (nói rõ trong dẫn luận về cuốn sách 44) còn về chế độ xã hội cũng có chỗ bất bình, cho nên nhiều chỗ đặt thành câu hỏi để nói lên tư tưởng của mình, tiếc vì thời thế hạn định nên vẫn còn những điều câu chấp, viển vông, chẳng hạn mối tình giữa kẻ có quyền vị và dân trong nước, rất được tác giả ưa thích khen ngợi, nhưng nhân nhượng mà tranh giành, làm bộ giả dối đã quá lố, sống trong cảnh đó, thì cũng mệt, chi bằng dùng giọng khôi hài, thì còn được cười và có dịp mở mặt ra được... Vừa chuyện trò vừa đi đã đến chợ, ồn ào bát nháo, chỉ thấy một anh lính lệ mua đồ ở trong đám, tay cầm lấy hàng mà nói: ông anh bán hàng tốt thế này mà lại nói giá rẻ thế, bảo thằng em mua đi, thì coi sao được, mong ông anh nói thêm lên

đi thì thăng em mới tuân lệnh, nếu lại cứ nói quá rẻ thì là ông anh không chịu bán mua, cho hay họ tử tế đấy. Chỉ nghe người bạn đáp: Đã được chiếu cố thì đâu dám không nể nhau.

Nhưng vừa rồi đã càn quấy, đòi giá cao, đã nghe mặt dày mày dạn rồi, không dè ông anh lại bảo hàng cao giá thấp, thế không làm cho em lại then thùng xấu hổ nữa à? Huống hồ hàng em không phải khi nào cũng bảo là không nói hai giá, nói thế đã có chỗ dối trong đó rồi. Người ta nói: Trời cứ nói giá thách đòi giá cao, tùy đất trả lấy, nay ông anh đã không bớt lại còn bảo thêm lên, ông anh cũng bằng như thế, em chỉ còn cách là mời ông anh lại nhà khác mà mua thôi, em thực khó lòng tuân lệnh ông anh được. Đường Ngao nói với người chung quanh: Tôi cứ nói thách là câu từ trước đến nay người mua thường nói, đến câu không nói hai giá nhu vậy, là câu nói của người mua, không ngờ nay đều tự người bán nói ra cả, thế mà nghe cũng lý thú. Rồi chỉ nghe anh lính lệ lại nói: Ông anh bán hàng tốt mà đòi giá rẻ, lại nói rằng em công bằng, thế không sợ sai cái đạo trung thứ à? Đại phàm việc gì cũng cần bên này bên kia không dối nhau, thì mới được người ta chấp nhận. Thủ hỏi cái bụng nào không có một cái bàn tính trong đó; em làm sao chịu được cái ngu của người khác? Lời qua tiếng lại hồi lâu, người bán hàng cứ giữ ý kiến mình không chịu tăng. Anh lính lệ phát cáu, cứ đếm hàng mà trả tiền, lấy hết một nửa định đi. Người bán lê nào chịu cho, cứ bảo giá tiền nhiều, hàng có ít, níu lại không buông. Bên đường đi qua hai ông già, họ làm tinh làm tội lấy lẽ công bằng mà cân nhắc rồi quyết định bảo anh lính lệ với số tiền trả, chỉ lấy tám phần mười số hàng anh cầm, thế là mua bán xong rồi hai ông đi... Đường Ngao nói: Xem thế thì cảnh mua bán nay giờ, không phải là một bức tranh mua vui họa cảnh nhường nhịn không tranh giành đó sao? Bọn ta còn nghe ngóng gì nữa? Thôi, hẳn đi lên phía trước dạo chơi cho thư thái ra và học thêm ít sòng khôn nữa là tốt (Hồi thứ 2: xem phong hóa nhã nhặn, đi chơi suông trong nước quân tử).

Lại cái lối trong sách bày la liệt những điển cổ xưa, những tài nghệ này khác cũng rậm rì có nhiều khác thường, kể cuộc đi của cha con họ Đường, cuộc tụ họp vui cười của một trăm nữ tài tử đã choán gần bảy phần mười cuốn sách, không đoạn nào không dùng rộng rãi chữ sách cũ (lược

trích sách Tiểu thuyết tùng khảo, chương của Tiểu Trình Phương); nói đến các nghệ chỉ là chuyện một lúc mà cũng có khi suốt vài hồi luôn. Thế mà tác giả rất lấy làm thích mượn cái lối bông đùa của Lâm Chi Dương, mà tự nói về sách mình làm rằng: Cái cuốn sách quèn này là ra đời trong đời thái bình của triều vua thánh; nó là của người đọc sách của thiên triều ta làm ra đấy. Người đó là dòng giống của Lão Tử. Sách Lão Tử là sách Đạo đức kinh nói toàn lẽ nguyên hư ảo diệu, có ngầm ngụ ý khuyến thiêng, không ngoài cái ý của phong nhân đi nhặt hái thơ ngày xưa. Nội dung chép sách Chư Tử Bách Gia, chép người vật hóa chim, thư họa cầm kỳ, thuốc bói tướng số, âm vận toán pháp không gì không đầy đủ. Lại còn chép về các kiểu đèn, các loại câu đố, các cách chơi túc lệnh, cho đến cách đánh song lúc đánh bia đá cầu, chơi cỏ chơi đầu hồ cùng cái loại chơi trăm thứ, gì gì cũng làm cho hết buồn ngủ được, cũng khiến cho người ta cười phun cơn ra (hồi thứ 23), nghĩa là sách ấy là cái nơi mấy ngả sông đổ lại, cái hàng sách văn nghệ, song đồng thời nó cũng cùng với sách Vạn Bửu Toàn Thư làm xóm giềng kề nhau, có điều là qua bàn tay khéo léo của tác giả, cắt xén vận dụng, nên tuy có bị xiển cố bó buộc mà vẫn còn cái phong cách dẻo mềm, nay lược dẫn một đoạn sau đây:

... Đa Công Cửu nói: "Anh Lâm hình như đói bụng, may lại gặp ở đây có cái để ăn no". Nói rồi đi lại cái bụi cỏ biếc, ngắt mấy nhánh cỏ non... Lâm Chi Dương cầm lấy, thấy nó mềm mại như lá hẹ, đằng trong có cái cọng mềm, như ra mấy nụ hoa xanh, tức thì đút vào mồm bất giác gật đầu bảo: Cỏ này có một mùi thơm nhẹ nhàng, hẳn là ăn tốt, xin lỗi Cửu Công nó gọi là gì nhỉ?... Dương ngạc nhiên nói: "Tiểu đệ nghe nói ở núi Thước sơn ngoài biển có thứ cỏ xanh, hoa như hoa hẹ gọi là Chúc Dư, ăn khỏi đói, có thể là cây này đây". Đa Cửu Công gật đầu liên tục. Thế rồi lại nhầm trước mà đi.

Thấy Đường Ngao bỗng bẻ bên đường một nhánh cỏ xanh, lá như lá thông, xanh nõn khác thường, trên lá sinh một cái hạt, to bằng hạt cải, gỡ lấy cái hạt tay cầm nhánh cỏ nói: "Anh (con cậu) vừa ăn lá Chúc Dư xong, tiểu đệ chỉ có thể đưa thêm cái này thôi". Nói rồi nuốt quách vào bụng. Song lại nhả cái hạt cải ra trên lòng bàn tay, thổi một thổi, tức từ trong hạt thổi ra một nhánh cỏ xanh như khi nãy, mà cũng giống lá thông dài chừng

một thước, lại thổi một thổi nữa, lại dài ra một thước nữa; thổi luôn ba thổi cộng lại dài cỡ ba thước, đem dắt vào một bến mồm, rồi ăn mất. Lâm Chi Dương mà nói:

- Dương (chồng em gái) ăn cách đó, thì e cỏ xanh ở đây bị dương ăn hết mất. Mà cái hạt cải biến thành cỏ xanh, là thế nào nhỉ?

Đa Cửu Công nói: - Đó là cỏ nghiệp không – đi giữa không – lại có tên là Chưởng trung giới – cải trong lòng bàn tay – nữa. Lấy hạt nó đặt trong lòng bàn tay thổi một thổi thì dài ra một thước, thổi lần nữa lại dài ra thước nữa, đến ba thước thì thôi. Người ta ăn vào thì đúng được giữa không, cho nên gọi là Nghiệp Phong thảo.

Lâm Chi Dương nói: - Nó có tốt như thế, tôi cũng ăn lấy mấy nhánh, sau hai ngày về nhà, giả sử trên buồng có giặc, tôi sẽ lên giữa không mà đuổi nó, như vậy không gọn việc à?

Nói thế rồi đi tìm khắp mọi chỗ một hồi lâu, mà đâu cũng chả có dấu tích. Đa Cửu Công nói:

- Anh Lâm bất tất phải tìm. Cỏ đó không thổi thì không sinh ra. Ở bên núi này không có ai thổi hơi trồng nó? Khi nãy anh Đường không ăn, đại khái là hạt đó do chim chóc mổ ăn, nó có cái hơi hô hấp vào môi rồi xuống đất mà sinh ra, không phải là vật thường thấy đâu, vậy anh biết đâu mà tìm. Anh già này ở các nước ngoài đã nhiều năm, mà nay cũng là lần đầu thấy nó. Nếu không có anh Đường thổi, thì già này vẫn không biết nó là cỏ nghiệp không đâu (Hồi thứ nhất).

Chương 26

TIỂU THUYẾT HIỆP TÀ ĐỜI THANH

Người đời Đường, đi thi đỗ rồi thường có làm buổi dạ du, cuộc đi chơi có cả gái điếm, tập tục lâu ngày thành quen, cho là giai thoại, cho nên những chuyện trong nhà thổ, các văn nhân cũng có khi đem viết thành chuyện. Đến nay mà đang còn thì có *Giáo phường ký* của Thôi Lệnh Khâm và *Bắc lý chí* của Tôn Khải. Từ Minh đến Thanh, tác giả càng đông. Mai Đĩnh Tộ đời Minh làm *Thanh nê liên hoa ký*, Dư Hoài đời Thanh làm *Bản kiều tạp ký* là có tiếng hơn cả. Sau đó thì những chuyện phong lưu ở Dương Châu, Ngô Môn, Châu Giang, Thượng Hải đều có người ghi chép lại. Lại tiểu sử các gái điếm cũng dần dần xâm nhập các loại sách chí dị. Song nhìn chung thì chỉ là những chuyện vặt vè, không có mạch lạc thứ lớp gì với nhau, chẳng qua là tình cờ múa bút làm chơi, để tiêu khiển tẩm tình văn vẻ mà thôi còn như đưa nhân vật trong đám tà hiệp vào làm vai trò chủ chốt của cả cuốn sách, lại sắp xếp thành một chuyện dài hàng chục hồi thì mới có cuốn đầu tiên là cuốn *Phẩm hoa bảo giám*, song lại ghi chép chuyện người làm tuồng trò.

Đời Minh tuy có giáo phường nhưng cấm hạng sĩ đại phu bước chân đến, lại không cho mang theo gái, chỉ chưa nói đến cấm gọi kè làm tuồng trò tới mà thôi. Hạng quan to kè sĩ có tiếng, để tránh lệnh cấm, thường gọi con hát đến hò hét rượu, vào ca múa, nói chuyện vui chơi; kè có tiếng về văn chương thì tảng bốc nhau, khen láo, lầm khi say sưa phát cuồng, cái thói đó nhân thế cứ mỗi ngày một thêm mạnh. Buổi đầu đời Thanh, ngọn lửa

tuồng trò có hơi tàn, rồi sau lại cháy lên rồi dần dần càng thêm bỉ ổi, gọi là “Tượng cô”, địa vị xã hội và phẩm cách con người ví như gai diếm. Sách *Phẩm hoa bửu giám* khắc in năm Hàm Long 2 (1852), lấy sự tự thuật về dám người tuồng trò ở Bắc Kinh từ đời Càn Long trở đi làm việc chuyên môn; ghi chép thường đưa vào những lời thô bỉ, cho rằng hạng tuồng trò cũng có kẻ tà kẻ chính, làng chơi cũng có người nhã người tục, cho nên phô bày cả cái tốt cái xấu vốn cũng là cái ý khuyên dạy, răn đe, thuyết của họ cùng với các tác giả sách thế tình đời Minh đại khái giống nhau. Còn nói đến phong cách tự sự hành văn thì hình như họ muốn tỏ ra sở trường về lối viết triền miên dai dẳng cốt cho phong nhã; mà sách miêu tả nhi nữ thì xưa nay đã có nhiều rồi, nên họ không có thể thoát ra khỏi khuôn sáo cũ; tuy gọi là thượng phẩm mà nhân vật lý tưởng của tác giả như hạng Mai Tử Ngọc, Đỗ Cầm Ngôn cũng không ngoài kẻ tuồng trò gọi là giai nhân, khách làng chơi là tài tử, tình ma chuyện mảnh, chép mãi không ngừng, chỉ có giai nhân không phải gái là sách chưa tả được mà thôi. Đoạn tả tình trạng vai “đào có tiếng” là Đỗ Cầm Ngôn đến nhà Mai Tử Ngọc thăm chàng ốm như sau:

... Nay nói chuyện Cầm Ngôn khi đến nhà họ Mai, lòng nàng mười phần sợ hãi, cứ nghĩ thế nào cũng bị sỉ nhục một phen. Đến khi đã gặp qua bà phu nhân họ Nhan, thấy bà chẳng những không trách mắng gì, ngược lại còn có lòng thương xót nữa, lại bảo nàng vào an ủi Tử Ngọc, đó là điều nàng chưa hề nghĩ đến, nên trong lòng vừa mừng vừa buồn. Có điều không rõ bệnh tình Tử Ngọc nặng nhẹ ra sao, thì an ủi thế nào đây. Chỉ còn cách cứ tuân lệnh phu nhân chịu mặt dạn mày dày đi vào buồng Tử Ngọc, thấy màn che không cuốn, bàn ghế bụi lem, một chiếc giường con gỗ lát mắc chiếc màn sa. Vẫn nhí vắt màn lên, rồi gọi bảo: “Cậu ạ, Cầm Ngôn đến thăm cậu đây”. Tử Ngọc đang còn nằm mơ, trả lời ấm ớ vài tiếng. Cầm Ngôn lại ngồi lên mép giường, thấy Tử Ngọc mặt gầy gò vàng vọt, người tiêu tụy đến bất kham; Cầm Ngôn cúi tận bên gối, gọi một tiếng nho nhỏ, nước mắt trào ra không dứt, nhỏ vào mặt Tử Ngọc. Chỉ thấy Tử Ngọc cười kha kha một tiếng và nói:

Mồng 7 tháng 7 diện Trường sinh

Nửa đêm không người riêng trò chuyện.

Tử Ngọc ngâm xong, lại cười luôn hai tiếng nữa. Cầm Ngôn thấy chàng mê man như thế, mồm phèn khó nhitizen, giơ tay lên trên mình chàng hai lần, vì tưởng có phu nhân ngoài đó, không dám gọi to, đổi ra gọi “cậu”⁶. Tử Ngọc đang suy nghĩ trong giấc mơ, đợi đến mồng 7 tháng 7 đến chô Tố Lan, vừa nghe Cầm nói, mà có cả ba người, để nói ra hết nỗi lòng, thì đó là điều Tử Ngọc mỗi phút mỗi khắc không quên, cho nên đọc ra hai câu thơ trong thơ Đường trên. Hồn mộng đã say, một lúc khờ tinh, lại thấy chàng cười to lên một lúc và ngâm:

Ta bảo suối vàng ráng biếc khó tìm nhau...

Ngâm xong trở mình lại, nằm quay mặt vào phía trong mà ngủ. Cầm Ngôn thấy chàng hôn mê đi đến mức ấy, thì nước mắt lại trào ra nhiều hơn, chỉ ngây người sợ sệt nhìn thôi, không gọi nữa.

(Hồi thứ 29)

Nhân vật trong *Phẩm hoa bửu giám*, đại để có thực, cứ theo họ tên tính nết suy ra thì biết được: Chỉ có hai người Mai và Đỗ là giả thiết ra, chữ Ngọc và chữ Ngôn là ý nói ngũ ngôn, vì lê tác giả cho là cao tuyệt rồi, đời không còn ai đủ để ám chỉ nữa. Trong chuyện có Cao Phẩm, thì là để ví với mình, thực ra là chỉ Trần Sam Thư người Thường Châu (Bản nháp tay *Mai hoa truyền ký* của tác giả, tự ký tên là Tỳ Lăng Trần Sum, chữ Thư có lê viết lầm thừa ra) hiệu là Thiệu Dật, khoảng giữa Đạo Quang, trọ ở Bắc Kinh vào ra trong cung Cúc bộ cũ, nhân đem những điều thấy nghe được ở đó làm cuốn sách ba mươi hồi song nửa chừng lại bỏ, rời kinh đô đi chơi nhiều nơi, năm Kỷ Dậu (1849), ở Quảng Tây lại về Kinh lại, và bắt đầu làm xong nửa sau, cộng cả là sáu mươi hồi, những kẻ thích bày chuyện đua nhau sao chép truyền bá ra, hơn ba năm sau thì có bản khác (Sách *Mộng hoa tỏa bộ* của Dương Mậu Kiến).

Đến như kết cục lý tưởng của tác giả thì đủ nói ra đầy đủ trong hồi

⁶ Nguyên văn: Thiếu da.

cuối, đó là người danh sĩ với tay đào hát có tiếng gặp nhau trong vườn Cửu Hương, vẽ hình người tuồng trò làm thần hoa, các danh sĩ viết lời tán; các người làm tuồng trò lại chép việc các danh sĩ được trường sinh, hưởng bỗng lộc và có chức vị, rồi ai nấy lại có lời tán và tất cả đều đem khắc vào đá, đặt dưới lâu Cửu Hương để cúng bái. Bấy giờ các người làm tuồng trò đã thoát ly khỏi Lê Viên, thế là đáng ghi tên tuổi họ lên trước các danh sĩ, nung chảy trâm cài hoa dắt, đốt cháy áo quần của họ đi, khi các đồ này đã ra tro thì “Bỗng luồng gió thơm thoảng tắt cả lên giữa từng kh้อง, bay bay chấm chấm, ngồi ra như một áng mặt trời hồng, giống vô số hoa và bướm múa liệng, vàng mê giấy say, mùi thơm sực nức càng xoáy càng cao, đến nửa lung trời, thành muôn điểm sáng như vàng, rồi nháy mắt không thấy nữa”.

Sau *Phẩm Hoa Biểu Giám* lại có *Hoa Nguyệt hán*, mươi sáu quyển năm mươi hai hồi, đề là Miên hạc chủ nhân biên thứ, năm Mậu Ngọ Hàm Phong (1858) đề tựa, mà đến giữa đời Quang Tự mới lưu hành. Sách này tuy không tà hiệp tất cả, song với gái điếm cũng có liên quan, ẩn ẩn hiện hiện trong tất cả bộ sách, phôi hợp với các danh sĩ, cũng vẫn như kiểu định sẵn của các tiểu thuyết tài tử giai nhân khác. Chuyện đại lược kể Vi Si Châu và Hàn Hà Sinh đều là hạng tài cao học rộng, cùng làm chức gì với một vị quan to ở Tịnh Châu, hai bên thân nhau hết sức, lại cũng cùng nhau chơi như trong một điệu, ai cũng có gái điếm yêu nấy, của Vi là Thu Hán (vết thu), của Hàn là Thái Thu. Vì phong lưu văn vẻ, hơn cả một thời, nhưng không gặp thời, khổn cùng ở nơi đất khách, Thu Hán tuy lòng mong mỏi nhưng cuối cùng vẫn không lấy được Vi. Thế rồi vợ Vi mất trước, Vi cũng chết luôn, Thu Hán chết theo. Hàn thì làm thượng khách dưới trướng vị quan lớn sớm hơn, tham gia vào những việc cơ mật quan trọng, lại có công dẹp giặc, từ chầu cũ được thăng chức cấp sự trung binh khoa, lại lập được chiến công nữa nên thăng luôn và được phong hầu. Thái Thu lấy Hàn đã lâu cũng được phong nhất phẩm phu nhân. Sau khi rút quân về và được phong xong, là “Mở tiệc tưng bừng tám ngày, từ đại tướng xuống đến tên lính chạy hiệu, không ai không vui nhộn như chim sẻ”. (Hồi thứ 50). Còn Vi thì chỉ một thân lênh đênh, đeo áo quan vợ xuống Nam mà thôi. Chuyện sắp đặt cố cho thăng trầm làm mỗi cảnh trái ngược nhau, hành văn cũng lấy lối dai

dâng triền miên làm chủ, chỉ thỉnh thoảng lại đưa những lời thê lương ai oán xen lẩn vào trong, ý muốn trong lúc vui cười, cũng thấy luôn cả cái màu sắc ảm đạm, lại nữa thơ từ, thư tín đầy rẫy trong sách, văn chương tô vẽ đã phiền, tình tiết cảnh trí lại do đó mà thành ra mịt mờ tăm tối. Phù Triệu Luân phê bình nói: Tuy thơ phú có tiếng, nhưng không phải tiểu thuyết nên dàn dựng, giọng lâm ly quá mức, cũng lại từ trong thơ phú mà ra nghe bị ai cảm động mà cũng đẹp đẽ bông đùa.... Lời bình tuy có nịnh nhưng cũng trúng chỗ lỗi lầm. Đến đoạn kết thúc kể chiến công của Hạ Sinh bỗng xen chuyện yêu quái vào, thì ra chuyện tình chưa xong đã nghe lời quý, làm cho suốt chuyện cứ mãi rậm rì.

... Thái Thu nói: Diệu Ngọc gọi là người ngoài song cửa sổ, Bảo Ngọc gọi là người trong song; chỗ ở của Diệu Ngọc là am Lũng thủy, chỗ ở của Bảo Ngọc là viện Di Hồng.... Trong sách trước tiên nói Diệu Ngọc trong sạch thế nào, Bảo Ngọc thường thương minh cặn đục thế nào. Không thấy rằng tương lai người trong thành đục, đục lại cực thanh. Si Châu thở dài một cái, cao giọng ngâm: “Một sai đủ để muôn đời giận...”.

Rồi nói tiếp: “... Cứ lấy lời Giả Vũ Thôn nói trong sách làm ví dụ: Tiết tức là Thiết, đặt ra giả thiết, Đại tức là đại - thay thế. Đặt ra người ấy thay Bảo Ngọc để tả chàng, cho nên hai chữ Bảo Ngọc. Chữ Bảo ở trên là ghép với chữ tha, tức là Bảo Thoa. Chữ Ngọc dưới ghép với chữ Đại, tức là Đại Ngọc, Thoa Đại chỉ là Tử Hư, là Ô hữu (Người không có thực, Người đâu có); Không kể làm gì; lại như Diệu Ngọc, thì là tấm gương chiếu lại con người Bảo Ngọc, cho nên đặt tên là Diệu. Một thầy sư, mộ cô vãi, ngầm thấy là một người, chị thấy đúng hay không đúng? Thái Thu trả lời... Si Châu lại nói: “Sắc tức là không, không tức là Sắc”. Rồi gõ bàn ngâm to:

“Tiếng bạc đan ra tiếng tâm hương.

Anh hùng việc đó vẫn xem thường.

Tới nay đều muốn xem không cả.

Chỉ ước hoa trời làm đạo tràng.

Trong khúc hái sen đoán hạt sen.

Dàn anh đứng giữa quẽ đôi bên.

Bỏ hoa lên ngựa cần gì thế.

Trót đã mười năm bén lửa duyên.

Hạ Châu Sinh không đợi Si Châu ngâm xong, cười khanh khách mà nói: “Thôi được, ta uống rượu thôi.” Nói cười một chap thì trời sáng. Si Châu ăn sáng qua loa, lên xe của Thái Thu ngồi, đi trước. Khoảng trưa, được thư của Hạ Sinh, thư nói:

“Vừa rồi thấy Thu Hán, nói chuyện thì nước mắt trào ra, đáng thương đến cực điểm. Đệ khuyên giải mãi, bảo cứ lo tính dần đi. Lúc bước ra, có dặn Đệ chuyển lời đến các hạ, mong các hạ nên tĩnh dưỡng. Tâm lòng canh cánh như thế, hẳn là có ý đền đáp tình xưa. Biết rằng tin đó có quan hệ đến ý nghĩ của các hạ nên mạo muội đưa ngay”. Lại đưa trình luôn bốn bài thơ nhỏ, xin họa lại:

Thơ là 4 bài thất tú tuyệt... Si Châu xem xong, liền y vẫn họa rằng:

Chuyện hoa bỗng chốc hóa gay go

Nhuỵ rửa tim tàn nhánh gãy khô

Tớ muối vì hoa tim cõi tình

Lại e gió ác chẳng giúp cho.

Lỡ làng ngày tận cảnh chiêu tà

Hồ biển hai mươi năm chìm nổi

Ngựa lạc, cảnh dương đầu hết cả...

Lúc đem ra viết, lại quay cái đầu trọc lại nói: “Nhà họ Lý ở phố chợ rau sai người lại mời, bảo là cô Lưu Ốm có thể nặng”. Si Châu kinh ngạc, lên xe đến viện Thu Tâm ngay. Thu Hán đầu trùm chiếc khăn sô, ngồi xếp bằng trên giường, bên mình có để vài cuốn sách, mắt đăm đăm như có chuyện gì phải lo nghĩ, thình lình thấy Si Châu thì như nín cười, hạ giọng nói: “Tôi nghĩ phải mười mươi hôm mới đến, song vội gì cho khổ vậy?”. Si Châu

giảng giải mãi: “Họ nói cô ốm rồi, bảo tôi không đến sao chịu được.” Thu Hán than thở: “Hiện tại mời một tiếng là đến, chứ sau rồi rầy ra khó xử đấy!” Si Châu cười mà bảo: “Sau thì lại bàn sau.” Từ đó, Si Châu lại y cũ qua lại luân. Hôm ấy Si Châu tiếp tục họa cho xong mấy bài thơ, bài cuối có câu:

Thấy được mày ngài cam một chết

Biết ra tri kỷ thuộc nghiêng thành.

Đến nay còn truyền tụng... (Hồi thứ 25)

Tạ Chương Dĩnh người Trường Lạc làm sách *Đỗ Kỳ Sơn trang thi tập* có ba bài ngũ tuyệt đề sau sách của Ngụy Tử An làm, một là Thạch Kinh khảo, một là Cai Nam Sơn quán thi thoại và một là Hoa Nguyệt hán (Sách tiểu thuyết khảo chứng của Tưởng Thụy Tạo 8 dǎn sách Lôi điện bút ký), nhân thế mà biết rằng sách này do Ngụy Tử An làm. Tử An tên là Tư Nhân người Hầu quan, Phúc Kiến, lúc nhỏ đã tự phụ có tiếng hay văn song đến 28 tuổi mới vào quốc học, liên đỗ khoa hương Bính Ngọ (1846) nhưng thi tiến sĩ mấy khoa không đỗ, bèn đi chợ chơi các tỉnh Sơn Tây, Thiểm Tây và Tứ Xuyên, cuối cùng làm viên trưởng thư viện Phù dung Thành đô, nhân có loạn trốn về rồi mất, tuổi 56 (1819 - 1874), sách làm ra đầy nhà, nhưng chỉ có *Hoa Nguyệt hán* lưu hành ở đời. (Sách *Đỗ Kỳ Sơn trang văn tập 5*). Tử Nhân lúc trọ ở Sơn Tây, dạy con tri phủ Thái Nguyên là Bảo Miêu Cầm, được tiền khá nhiều, lại nhiều thì giờ rỗi, nhưng khổ vì buồn bã, nên viết tiểu thuyết, lấy Võ Si Châu để nói về mình, họ Bảo tình cờ thấy cả mừng, ra sức giúp cho làm xong, nhờ thế mà thành một pho sách lớn. (Sách *Khóa dư tục lục* của Tụ Chương Dĩnh). Song được nhờ vả không phải chỉ có thế, đầu cuốn có Lưu Vũ Phượng truyện, chuyện một ca kỹ ở Thái Nguyên, trong chuyện người ca kỹ có nói: “Đã dốc lòng cho khách giang hồ, thì muốn gửi thân luân, nhưng vì đòi hỏi cao quá nên nửa đường thì thôi, rồi tức bức, gầy mòn mà chết”. Vậy Thu Hán là hình ảnh người ấy mà khách nói là họ Ngụy. Vì và Hán lại là hình ảnh của người khách đó, đặt ra hai đường cùng đạt, đều là nói cái cảnh bản thân có thể gặp sau này cùng thì như họ Vi, đạt thì phải như họ Hán, cho nên tuy là tự ví với một mình mà cũng tự tách ra làm hai người thật.

Còn như cả sách *lấy một người gái điếm làm chủ* thì có cuốn *Thanh Lâu mộng 64 hồi*, đề là của người ở núi Mộ Châu đỉnh Triều Phong làm, lời tựa thì nói là của Du Ngâm Hương. Ngâm Hương tự là Đạt, người Trường Châu Giang Tô, thời trung niên cũng có làm dạ du, sau muôn bở, song việc dời lôi kéo ràng buộc, lại không vội bở được, năm Quang Tự 10 (1884) mắc bệnh phong mà chết. Sách làm ra có những cuốn Túy Hồng hiên bút thoại, Hoa Gian báng, Ngô Trung khảo cổ lục và Nhàn âu tập (Sách Tam tá lô bút đàm 4 của Trâu Thao). Cuốn *Thanh Lâu mộng* làm xong năm Quang Tự 4, chuyện đưa một gái điếm đất Ngũ Trung làm nhân vật chủ chốt, rồi phát huy cái lý tưởng lớn của nàng là đi chơi trong nước hoa quốc, giúp người đẹp, hái rau cần thơm, thi đỗ cao, ra gánh vác việc nước, đèn đáp ân tình, ở trọng nghĩa bạn bè, gắn bó tình chồng vợ, nuôi dạy con, hòa thuận với xóm giềng, bỏ thói phồn hoa, tin đạo (Hồi thứ nhất). Những sự vật mô tả không phải thật, xem là đủ biết. Chuyện đại lược nói Kim Ấp Hương, tên tự là Xí Châu, người huyện Trường Châu, phủ Tô Châu, nhỏ đã giỏi làm văn, lớn lên càng thông minh và đẹp, nhưng không lấy vợ, bảo là muôn tìm được người hữu tình. Song, đời đang cuồn cuộn, người ấy là ai, rốt cuộc để một kẻ nhà nho nghèo, ôm tài chẳng gặp, công khanh đại phu không một ai biết đến mình, hóa ra không bằng một gai lầu xanh, còn có những con mắt tinh đời, nhận ra kẻ anh hùng khi họ chưa gặp thời (Đề cương của cuốn sách). Vì vậy mà Ấp Hương ngao du trong đám hiệp tà, lại được gái điếm yêu trọng, mặc y chỉ huy như ông vua quay mặt hướng Nam. Ví dụ:

... Ấp Hương cùng với hai người bạn và mười hai người gái điếm đến giữa hiên, ba người ngắm đi ngắm lại, thấy trong hiên trang sức, khéo léo khác người. Ngoài hiên thì bông hoa tươi đẹp, cây cỏ có tinh thần. Giữa hiên đã trải chiếu tiệc, Nguyệt Tố đã định sẵn ngôi thứ, ba người ngồi giữa, đám người đẹp cũng theo thứ tự ngồi vào.

Vị thứ nhất là Chủ Ái Phương, chủ nhân quán Uyên Ương, vị thứ hai là Vương Tương Vân người núi Yên Liễu, vị thứ ba là Viên Xảo Văn, tiên sáo sắt, vị thứ tư là Chu Tố Khanh, ái sò nữ sứ, vị thứ năm là Lục Lệ Xuân, sứ giả tiếc hoa xuân ngủ dậy sớm, vị thứ sáu là Thám Mai nữ sĩ Trịnh Tố Khanh, vị thứ bảy là Tiên sử tẩm hoa Lục Văn Khanh, vị thứ... mười một là

Khanh Mai Tuyết giành nhau có mặt trước Hà Nguyệt Quyên. Vị cuối là chủ nhân lâu Hộ Phương tự mình ngồi vào, hai bên bốn cặp con hầu châm rượu. Dám người đẹp chuyền chén nâng cốc, hết tình gắn bó triều mến nhau. Ấp Hương quay lại Tuệ Quỳnh nói: Hôm nay đông và vui nhộn thế này, nên bày ra chơi túu lệnh, cho khôi phụ cái buổi tốt lành. Nguyệt Tế nói: Chị nói rất phải, xin ra lệnh ngay đi thôi. Ấp Hương nói: Xin cô chủ ra trước. Nguyệt Tố nói: Lê nào lại thế, thì xin mời chị đây. Ấp Hương bị không từ chối được, phải lên tiếng nói: Thôi được, tôi có sẵn rồi. Dám người đẹp nói: quan cầm lệnh là phải uống trước rồi ra lệnh mới đúng. Thế là cả hai mươi cô, mỗi người một chén, đưa dâng Ấp Hương uống một hơi hết tốt, rồi mở mồm bảo: Túu lệnh là hơn cả quân lệnh, ai làm trái phạt uống ba cốc sừng to. Các cô dạ dạ tuân lệnh... (Hồi thứ 5).

Ấp Hương cũng rất có tình, đỡ đần mọi việc, săn sóc người ốm không khi nào tỏ ra chán. Ví dụ:

... Một hôm, Ấp Hương đến gác Lưu Hương, Ái Khanh đang đau bụng, ăn uống không được, Ấp Hương rất lấy làm thương, bỗng nhớ ra ông Thanh Diêu có làm cuốn Y môn bản bốn quyển còn có trên giá sách trong phòng khách, trong sách các bài thuốc đau bụng khá nhiều, thế là đi lấy đến, tra đến bài hương úc tán thấy hợp nhất, sai người hầu góp các vị, xong thì tự mình trông sắc lấy; lại không đến phòng khách mấy hôm liền, cứ sáng chiều ở lại nơi gác với Ái Khanh và phục vụ nàng. Ái Khanh càng thêm cảm kích, tức khẩu một bài tuyệt cú để cảm ơn Ấp Hương... (Hồi thứ 21).

Sau là được “thi đỗ cao”, rồi lấy năm cô gái điếm, một làm vợ bốn làm cô hầu. Lại để phụng dưỡng bố mẹ thì quyền tiền, ra làm quan ở Dư Hàng, rồi được thăng quan tri phủ, thế là thực hiện điều *Ra gánh vác việc nước*. Sau cả bố mẹ đều cõi hạc lên tiên tại ngay phủ nha, Ấp Hương cũng giác ngộ về đạo, sấp vào núi.

... Trong bụng suy tính: Mình muốn khám phá bụi hồng, không thể nói rõ ra cho bọn họ biết được, mà chỉ có cách để riêng trong bụng, đánh lừa họ, cứ dùng dằng khi đi khi về, để rồi đi luôn là xong. Hôm sau viết ba phong thư gửi cho Bá Lâm, Mộng Tiên và Trọng Anh, thư nào cũng nói

việc chia tay với họ, lại dặn Bá Lâm sớm sớm thay Ngân Mai hoàn thành việc hôn nhân của y đi. Rồi sau mấy hôm nữa, Ấp Hương lại mang theo mấy chục lạng bạc, tự tay đi mua sắm lấy áo đạo dài, áo quần đạo, mũ cỏ, giày mát⁷ đem gửi nhà người ta rồi lại về nhà, lại đến quán Mai Hoa vừa khéo cả năm cô đều có dò, thấy họ không hay biết gì cả, cứ như cũ cười hi hi trong nhà, thì trong bụng nghe ra thế nào với họ ấy. Nhưng suy nghĩ một hồi rồi than thở nói: “Đã giải thoát khỏi lối nhà, còn bịn rịn luyến tiếc gì nữa!” (Hồi thứ 60).

Thế là đi, thành tiên tại núi Thiên Thai, lại trở về nhà, độ cho vợ, hầu cũng đều thành tiên cả; bấy giờ nhà họ Kim hai đời giữa ban ngày lên trời... (Hồi thứ 61).

... Đứa con thì được tuyển sớm và trước hết, bạn cũ thì do Ấp Hương hấp dẫn lôi cuốn mà đều thành tiên cả; và ba mươi sáu cô gái quen biết trước kia, cô nào cô nấy đều trở về, bởi bọn họ hầu hết là gái tiên trước kia chủ vườn táo hoa, sau mắc tội ty hoa, lại vì có tư tưởng nhớ phàm trần, cho nên bị đày xuống cõi bụi, nay duyên trần đã đầy đủ, nên được trở về, rằng đã khác với tiên nhân, mà ảnh hưởng của Hồng Lâu Mộng đối với tiểu thuyết tà hiệp cũng từ đó hết đứt.

Sách Hải Thượng Hoa liệt truyện nay có sáu mươi bốn hồi đề là của người mà “Hoa trên mây cũng thương xót” làm. Có kẻ bảo người đó là Hàn Tử Văn, người Tùng Giang, cao số, nghiền a phiến, ngụ ở Thượng Hải, đã rất lâu, đã từng làm biên tập viên báo chí, tiền thù lao nhuận bút bao nhiêu đều vung vãi vào những nơi hoa liễu, lịch duyệt sâu nêu thông suốt hết mảnh lối các nơi đó (sách Tiểu thuyết khảo chứng 8 dẫn sách Đàm doanh bút ký); song biết thế mà tên thì chưa biết, tự đề là Văn Gian (trong mây) thì là người Hoa Đình. Sách thấy bắt đầu lưu hành năm Quang Tự 18 (1892), cứ bảy ngày in hai hồi, bán khắp các chợ, lưu hành khá rộng. Đại lược lấy Triệu Phác Trai làm nhân vật chính trong cả cuốn truyện, nói Triệu năm 17 tuổi, do đi thăm người cậu là Hồng Thiệu Khanh mà đến Thượng Hải, rồi nhân thể đi chơi lầu xanh, còn nhỏ chưa từng trải, đắm đuối đến

⁷ Lương hải: giày mát, tức xăng-dan - ND.

nỗi hết sức khốn đốn bị ông Hồng bắt về nhà, nhưng lại lén trở lại, lại càng khốn khổ thêm, đến nỗi phải làm nghề kéo xe. Đến đó là hồi thứ 28, rồi bỗng không in nữa. Tác giả tuy mặt trước sau không rời Triệu, nhưng sự tích thì cũng chỉ có thể, chỉ một điều là Triệu lại dính đến bọn con buôn ở Tô Giới và bọn thanh niên lông bông nên lại xen vào trong chuyện những việc chạy theo nhau, cùng chung nhau cảnh chìm đắm, cho đến cả chuyện “đầu điểm” từ “nhà chứa” đến “tiệm hút” có đủ hết, đại khái cũng như sách *Nho Lâm Ngoại Sử*, dứt rồi lại nối, chắp lại thành truyện dài. Đến việc chê gái điểm không có tình sâu nghĩa nặng gì thì tuy chê trách không phải chô, song ghi chép như thật, tuyệt không cho nên bị đầy xuống cõi bụi, nay duyên trần đã đầy đủ, nên được trở về ban tiên. (Hồi thứ 64).

Chuyện *Hồng lâu mộng* vừa in ra thì những người viết tục thêm cùng những người viết có thay đổi khác đi đầy lên rất đông, ai nấy đều đưa hết trí xảo ra, làm cho câu chuyện về sau có cảnh đoàn viên sum họp, lâu rồi thì dân dã hết hứng, đến cuối đời Đạo Quang thì hạng sách đó mới không ai viết nữa. Song dư ba của nó vẫn còn xa rộng, chỉ một điều là nhà bình thường, số người ít, sự cố này nợ không nhiều, đâu có viết lan tràn ra, thì cũng không thích hợp với ngòi bút viết *Hồng Lâu Mộng*, vì thế lối viết có sự biến đổi, tức là lấy việc thuật chuyện tà hiệp của gái trai tạp nhập để phát tiết ý nghĩ tình cảm của mình. Như ba cuốn nói trên, tuy ý tứ có cao thấp, lời văn có hay dở khác nhau, song đều là mô tả vẽ tó những tình cảm mềm yếu, phô bày những sự tích phong lưu, về mặt tinh thần thì thực không có gì khác trước. Chỉ có nói chuyện Soa Đại Lâu thì phát chán, nên đổi hướng đi tìm giai nhân trong đám tuồng trò ca xướng, biết vườn Đại quan nhiều thì rời mờ cái trường tình ở Bắc Lý đó thôi. Tuy nhiên, từ khi có Hải Thượng Hoa liệt truyện ra đời thì mới bắt đầu tả nhà thổ, gái điểm thật sự, phô bày cái gian tà quý quyết của nó ra, bảo đó là hiện thân thuyết pháp cho người đọc “xét tìm cái tông tích rồi trong lòng thông suốt cái ý của sách, thấy trước mắt được. Tây Tử yêu vì thì có thể biết sau lưng bị Dạ Xoa hắt nước bẩn, thấy hôm nay tình vợ chồng mật thiết thì có thể đoán chắc năm nào đấy sẽ bị rắn, bò cạp cắn và phun độc cho”. (Hồi thứ nhất).

Như vậy là cái tông chỉ vạch ra lúc đầu, cái nghĩa định rõ tuyệt không

mấy khi thêm thắt vào, cho nên vẫn giữ được cái nguyên tắc đề ra là “vẽ truyền thần, đặt lời tùy việc, tô đậm hay nhạt tùy lúc sao cho như sống thật” (Lời trong hồi thứ 1), chẳng hạn đoạn sau đây thuật lại lúc Phác Trai mới đến Thượng Hải, cùng với Trương Tiểu Thôn đến tiệm hút a phiến... Vương A Nhị thấy Tiểu Thôn thì xoắn xuýt lân la bảo: “Cậu giỏi nha, lừa tớ, đúng không? Bảo là đi đâu vài ba tháng, thế mà mãi đến nay, có lẽ hết chỗ rồi mới chịu đến. Thế là vài ba tháng da? Hai ba năm thì có...”. Tiểu Thôn cứ bối rối cười nịnh mà nói: “Cô đừng giận, để tôi nói mà nghe” rồi ghé miệng vào tai Vương A Nhị, nói gì thầm thầm. Nói chưa được 4 câu thì A Nhị bỗng nhảy dựng lên, sa mặt xuống bảo: “Cậu sai chết mất thôi. Cậu tưởng đưa cái áo vải ướt cho người khác mặc à, cậu không ở tràn được đâu. Đúng không?”. Tiểu Thôn cuống lên nói: “Đừng có thế, để tớ nói xong câu chuyện đã rồi hẵng hay”. Vương A Nhị lại bò lại tận bụng Tiểu Thôn mà lắng nghe, rồi cũng lâu bàu thầm thì nói gì đấy, chỉ thấy Tiểu Thôn nói lại, lại căng miệng ra, Vương A Nhị nheo một mắt lại, một mắt liếc nhìn Phác Trai, tiếp đó Tiểu Thôn lại nói mấy câu nữa. Vương A Nhị hỏi: “Cậu không bằng lòng giá ấy à?”. Tiểu Thôn bảo: “Tớ thì cứ giá cũ thôi”. Vương A Nhị khi ấy mới thôi đứng dậy, khêu sáng cây đèn lên, hỏi tên họ Phác Trai là gì, mà lại gọi tango bốc là quý danh tôn tính? Lại nhìn chàng chi li từ đầu đến chân. Phác Trai quay mặt đi nhìn phía khác, giả vờ xem cái đơn hàng. Lúc ấy một chị đã hơi già, một tay cầm cái siêu nước, một tay nắm hai hộp thuốc phiện... thất thủ bước lên lầu... để hộp thuốc vào cái khay hút, thắp ngọn đèn hút lên, pha ấm chè, xong lại xách siêu xuống lầu đi. Vương A Nhị tựa vào người Tiểu Thôn hơ nướng thuốc phiện, thấy Phác Trai cú một mình ngồi, thì bảo: “Giường chông tử tế, nằm xuống”. Phác Trai không nói được một tiếng, chỉ chống tay nằm xuống trên chiếc giường hút. Khi A Nhị nướng xong một mồi, tiêm vào lọ điếu, trao cho Tiểu Thôn, Tiểu Thôn hút ro ro đến hết.... Đến mồi thứ ba, Tiểu Thôn bảo: Không hút nữa. Vương A Nhị quay điếu đi, đưa cho Phác Trai. Phác Trai hút không quen, mới được nửa điếu thì lỗ điếu tịt mất... Vương A Nhị lấy que tiêm soi ra, cầm điếu giơ lên đèn cho Phác Trai. Phác Trai tiện thể bóp tay nàng một bóp, A Nhị giật tay lại, nhầm dùi về của Phác Trai, ráng hết sức phát cho một phát, mạnh đến nỗi Phác Trai vừa té, vừa đau lại vừa nghe sung sướng. Phác Trai hút xong, mới đưa mắt

nhin trộm Tiểu Thôn, thấy Tiểu Thôn mắt nhắm lại, xem bộ mơ mơ màng màng, tựa ngủ mà không ra ngủ, Phác Trai hạ giọng gọi: “Anh Tiểu Thôn”. Gọi hai tiếng liền mà Tiểu Thôn chỉ xua tay không lên tiếng. Vương A Nhị bảo: “Say thuốc đấy, cứ để thế”, Phác Trai thôi không gọi nữa... (Hồi thứ 2).

Đến năm Quang Tự 12 thì hồi thứ 1 đến hồi thứ 16 đều đã ra cả rồi, đến đoạn tự thuật việc Hồng Thiện Thanh tình cờ thấy được Triệu kéo xe, lập tức gửi thư nói cho chị biết. Họ Hồng không biết làm thế nào, chỉ có người con gái tên là Nhị Bửu còn nghĩ ra, cùng với mẹ đi Thượng Hải thăm, tìm được, nhưng rồi cả ba mẹ con lại cứ nán ở lại không vội về. Hồng Thiện Thanh hết sức khuyên bảo về đi cũng không nghe nên thôi và bỏ mặc. May mẹ con lùng vốn hết dần, muôn về cũng không được nữa. Nhị Bửu phải làm gái điếm, tiếng tăm ồn lên. Sau gặp chàng công tử Sử Tam, nói là nhà giàu to, hết sức yêu Nhị Bửu, đón về biệt thự nghỉ mát mùa hè bảo là sẽ cưới làm vợ, hiện tại về Nam Kinh thu xếp qua cho ổn rồi trở lại đón, dặn vội rồi đi. Nhị Bửu nghe thế thì từ tuyệt không tiếp ai khác nữa, lại vay tiền may sắm áo quần cùng đồ trang sức nhiều, để làm đồ cưới, nhưng công tử Sử Tam thì chờ mãi không thấy đến. Bảo Phác Trai đi Nam Kinh hỏi tin tức thì nghe nói công tử mới cưới vợ, đang đi Dương Châu để đón dâu về. Nhị Bửu nghe tin thì ngất xỉu đi, cứu mới tỉnh lại, nhưng nợ đã đến ba bốn nghìn đồng, không làm nghề cũ lại thì không lấy dâu mà trả, thế là lại phải đón tiếp khách làng chơi, đến khi gặp Ngạc Mộng thì sách dừng lại. Trong lời bài có nói là sẽ viết tục thêm song rồi không có. Nửa sau sách nói là tả những tập tục phong nhâ của hạng thượng lưu Thượng Hải thì mô tả đặc biệt tinh tường nhưng hơi thất thiệt; đến như mô tả cái tình trạng các hạng người khác đua đòi nhau tiêu xài, lừa dối lẫn nhau thì lại không kém gì 30 hồi đầu. Như đoạn sau đây, thuật chuyện công tử Lại thường cô gái ca hát thì rất đúng với cái thói đời thời bấy giờ:

... Văn Quân cải trang ra sân khấu, một tay mòn khách xấn đến, hô: Hảo! Không ngờ rồi cứ liên tiếp, người này hô: Hảo!, người kia hô Hảo, òn đến long trời lở đất, biển động sông nhào.... Chỉ có công tử Lại là ôm bụng cười vang, hết sức đắc ý. Hát được nửa bài, thì bão tay đương say phát tiền thưởng. Tay này đưa ra một xấp giấy bạc các nước Âu Châu, đặt vào một cái

đĩa, đưa cho công tử Lại xem qua, rồi nhầm trên sân khấu vung một vung, nghe rật một tiếng, rồi cả sân khấu lộn tung phèo, lung tung như bao nhiêu con đom đóm pháp phoi bay; phía dưới sân, cả đám khách chàu rìa giúp vui đồng thanh hô lên một tiếng. Văn Quân đoán chắc công tử Lại đã đến lúc muôn mê sùng sục, liền nhanh nhảu suy nghĩ, và liền này ra một kế: cô ở trên sân, cứ để ý chăm chú hát, hát xong lại vào. Cô mỉm cười, vào tiệc.... Bất đồ công tử Lại một tay kéo Văn Quân vào lòng; Văn Quân hoảng sợ đẩy ra và đứng lên giả vờ làm mặt giận, nhưng rồi lại bò lại sau vai chàng, vẻ buồn buồn, ghé miệng vào tai nói mấy câu, công tử Lại gật đầu lia lịa bảo: Biết rồi mà... (Hồi thứ 44).

Nhân vật trong sách, cũng nhiều người có thực mà giấu tên tuổi địa chỉ không chữa tên của Triệu Phác Trai. Tương truyền Triệu vốn là bạn thiết cốt của tác giả, thường giúp tác giả tiền, nhưng lâu rồi chán, không chơi với nhau nữa và Hàn làm sách này để nói xấu Phác Trai, in bán đến hồi thứ 28 Phác Trai vội đưa cho một món tiền to, Hàn mới thôi không viết nữa, nhưng sách lưu hành rộng rãi. Thế rồi Phác Trai chết, Hàn lại viết tiếp, làm nghề đổi chác kiếm tiền, đến nỗi phóng bút tả em gái của Phác Trai làm điểm. Ấy tương truyền thế. Nhưng việc Nhị Bửu luân lạc, thực ra là bối cục tác giả đã dự định sẵn rồi, cho nên trong chương đầu, lúc Triệu Phác Trai mới gặp Hồng Thiện Khanh, đã kể việc Thiện Khanh hỏi: Cháu có đứa em gái... đã nhận chè của ai chưa? Còn Phác Trai trả lời thì đã nói: Chưa! Năm nay cũng 15 tuổi rồi đấy. Đoạn văn đó là cái tuyển phụ cho các phần sau. Từ cuối đời Quang Tự đến khoảng đầu đời Tuyên thống, ở Thượng Hải loại tiểu thuyết này ra cũng nhiều, mà cuốn nào cuốn nấy cứ được vài ba hồi lại thôi nửa chừng, đó là do kiêm được tiền đút lót rồi. Song những tác giả không để ý tìm cách lấy tiền, chỉ muốn phơi bày tội ác của hạng gái điếm mà thôi cũng dấy lên đông, nhưng phần lớn là khéo tìm tội thêu dệt, nên viết ra những điều quá đáng, mong làm chấn động kinh khủng tai mắt người ta, rõ cuộc chưa có cuốn nào như cuốn *Hai Thượng hoa Liệt truyện*, bình thường vừa phải mà gần tự nhiên hơn.

Chương 27

TIỂU THUYẾT HIỆP NGHĨA VÀ NHỮNG VỤ ÁN NGHĨA HIỆP⁸ ĐỜI THANH

Từ cuối đời Minh trở đi, người ta gọi *Tam Quốc*, *Thủy Hử*, *Tây Du* và *Kim Bình Mai* là tứ đại kỳ thư, đứng đầu các tiểu thuyết. Đến đời Càn Long nhà Thanh, Hồng Lâu Mộng thịnh hành, cướp mất ngôi thứ của Tam Quốc, mà lại được các văn nhân khen hơn. Còn hạng dân thường thì vẫn thích thú Tam Quốc và Thủy Hử như trước. Thời thế lăm phen thay đổi, lòng người ngày một khác với xưa, lâu rồi cũng hơi chán và dần dần sinh ra những trường phái khác, tuy cũng là bắt nguồn từ vài cuốn sách trước mà ra, nhưng tinh thần thì hoặc là trái ngược hẳn lại, tảng bốc sự dũng hiệp, tán thưởng bọn thổ hào, song lại nhất định không trái với lòng trung nghĩa. Sở dĩ thế, một là vì hạng văn nhân có chỗ ân hận về Hồng Lâu Mộng, đại biểu là chuyện *Nhi Nữ-Anh Hùng*, một là do lòng dân không thông lầm về chuyện Thủy Hử, đại biểu là chuyện *Tân Hiệp Ngũ Nghĩa*.

Sách *Nhi Nữ-Anh Hùng* truyện bình thoại, bản năm mươi ba hồi nay hỏng nát, còn bốn mươi hồi, đê là Yên Bắc nhàn nhã trước (Người nhàn ở Yên Bắc làm). Mã Tòng Thiên đề tựa có nói: Sách từ tay Văn Khang mà ra, bản thảo viết xong và cho là dứt khoát vào khoảng giữa đời Đạo Quang. Văn Khang, họ Phi Mạc, tên tự là Thiết Tiên người Tương Hồng Kỳ Mãn Châu, cháu thứ của quan đại học sĩ Lặc Cồn. Quyên tiền làm chức lang trung viện

⁸ Nguyên văn là Công á, chúng tôi dịch nghĩa - ND.

lý phiên, rồi ra làm chức quận thú, đê bại lần thứ hai lên chức quan sát, có tang bố mẹ về làng, hết tang được đặc cách điều làm trú Tặng đại thần - song ốm không đi được và mất ở nhà. Nhà vốn giàu sang đông đúc nhưng con cái không ra gì, nên nửa chừng sa sút rồi đi đến chõ cùng quẫn tiêu diêu. Văn Khang về già sống hiu quạnh một mình, hút mực thì đang còn nên làm sách này để tiêu khiển. Lên xuống thịnh suy, đều đã trải qua cả, “cho nên về vận đời đổi thay hình người tráo trở, để ý suy nghĩ nhiều” (Văn lời tựa). Vinh hoa dâng hết, lòng nặng thương đau, cầm bút ghi lời, tình huống cùng với Tào Tuyết Cần khá giống. Chỉ khác ở chõ người kia tả thực, coi là chuyện mình, người này là tưởng tượng ra kể chuyện người ta, thêm vào đó, từng trải khác nhau, nên thành tựu cũng khác nhau xa mà thôi. Đầu sách có tựa của quan Giám Nghì Trai, đê năm Giáp Dần Ung Chính, cho là sách cách trí, làm trái lại những sách như Tây Du, nói chuyện “Quái lực loạn thần”, và uốn nắn cho chúng trở nên thẳng ngay đúng đắn; tiếp sau có lời ghi của Đông Hải Ngô Liêu Ông, nói là sách mua được ở chợ Xuân Minh, không biết tác giả là ai, đọc kỹ vài bốn lần, cuối cùng lại phải tìm ở chõ không có chữ, mới biết là nói đều có vật, nhân đó sửa chữa, bổ sung những điều sai sót, ghi lên trên một vài lời v.v.... Bao nhiêu lời đều là bấy nhiêu điều tác giả đặt để ra, mở đầu chương thì nói: Bộ bình thoại này... lúc đầu đặt tên là *Kim Ngọc lục*, vì chuyện chép lại là một bản án xử ở kinh đô gương mẫu cho sự lương thiện, lại có tên nữa là *Nhật hạ tân thư*. Trong thiêng từ ý nghĩ đến lời nói ra, đâu lời văn không hay cũng tẩy rửa bớt chữ tục lời dâm, không trái với cái đúng đắn, vì thế lại có tên nữa là Chính pháp tang ngũ thập tam tham mà không phải là của nhà chùa đặt. Về sau Đông Hải Ngô Liêu Ông sửa chữa lại, đặt là Nhi Nữ Anh Hùng truyện bình thoại... (Hồi đầu). Đặt nhiều tên lạ, bay bổng vật vờ thành thói quen, âu cũng vẫn thuộc môn phái Hồng Lâu Mộng.

Bảo là một vụ án ở kinh đô, vì có một hiệp nữ tên là Hà Ngọc Phương, vốn con nhà danh vọng, mà khôn ngoan dũng mãnh tuyệt vời, cha trước đó bị người ta giết hại, nên đưa mẹ tránh vào núi rừng, muốn dò la để trả thù. Kẻ thù là Kỷ Hiến Đường, có công lớn với nước, thế rất mạnh. Ngọc Phương không thể báo thù một cách vội vã, đổi tên họ là Thập Tam Muội,

qua lại các nơi thành thị cũng như nông thôn, để ra vẻ phóng túng khinh đời. Tinh cờ ở một nơi gặp một người con hiếu thảo tên là An Ký khốn cùng, nguy hiểm, cứu người đó, rồi nhân thế mà biết nhau, sau thân dần. Thế rồi Ký Hiến Dương bị triều đình giết, Hà tuy chưa tự tay đâm được kẻ thù song thù cha đã được trả, muôn xuất gia đi tu, song nghe lời người khuyên can, lấy An Ký làm chồng. Ký thì đã có vợ là Trương Kim Phượng, cũng đã có lần được Ngọc Phương cứu sống, cả hai sống hòa thuận như hai chị em và đều có thai cả. Vì thế mà đặt tên sách là Kim Ngọc Duyên.

Nhân vật trong sách cũng thường lấy người đồng thời làm mẫu, cũng có khi lấy người đời trước, như Ký Hiến Dương, Tưởng Thúy Tảo (sách Tiểu thuyết khảo chứng 8) nói: Ý tôi, đặt chữ Ký là lấy nghĩa Năm (Niên), chữ Hiến thì sách Khúc lê nói: "Chó gọi là Canh Hiến", còn chữ Dương là niên hiệu của Đế Nghiêu, ba chữ hợp lại là Niên Canh Nghiêu.... Sự tích của Ký Hiến Dương với những điều chép trong sách chuyện đều khớp với nhau cả. Còn An Ký thì là để nói mình, hoặc giả, do cảm khái về con cái mà tả ngược lại. Thập Tam Muội thì chưa rõ thế nào, hoặc hoàn toàn do tác giả đặt ra, vì muốn cho cái khái niệm anh hùng nhi nữ được trọn vẹn, đầy đủ trong một con người và do đó mà đi đến chỗ tính cách con người đó thất thường, lời nói và cử chỉ kỳ lạ, cái nói uốn nắn không thật, lúc nào cũng thế. Chẳng hạn đoạn kể việc An Ký lần đầu gặp Hà ở quán trọ, sợ cô ta vào nhà, gọi người vác đá bịt cửa lại, người đóng không ai làm được mà Hà vẫn đi được để vào, là một ví dụ:

... Người con gái ấy nói: "Dời cái tảng đá đó cần gì mà xăng xít ồn ào lên đến thế?" Trương Tam tay cầm một cái xà beng, nhìn qua một cái, rồi nói: "Sao lại xăng xít ồn ào. Xem cái dám này, không làm thế hỏi có thể làm xé xích được nó không. Phải biết cho người ta chứ." Người con gái đi lại bên tảng đá, nhìn nó một lát... ước chừng không dưới hai trăm bốn mươi, hai trăm năm mươi cân. Nguyên đó là một cái bàn nghiền lương thực, một hòn trên mặt lại có một lỗ xoi thông tròn như một con mắt.... Cô ta xắn tay áo lên một xắn... nǎm tảng đá vật ngã ra trên mặt đất bằng, rồi đưa tay phải ra quay nó lại một quay, cái lỗ như con mắt ấy, thò hai đầu ngón tay vào móc chặt lấy nó, rồi ngẩng lên một cái, là cái bàn nghiền hơn 200 cân đă xách

lên băng chỉ một bàn tay xòe ra. Xong cô nhìn bọn Trương Tam, Lý Tứ mà bảo: “Hai người bạn anh đứng có đứng không thể, hãy đem đặt trên tảng cao di cho sạch”. Hai chàng vắng cút vãi rái ra, vâng dạ một tiếng, rồi liền vội vã lấy tay cao phủi một lần, xong rồi nói: “Được rồi!”. Cô gái ta ngoảnh đầu lại, mặt tràn xuân tươi, nhìn công tử An mà nói: “Này cậu, tảng đá này cậu định đặt ở đâu?” Công tử An xấu hổ, mắt nhìn xuống mũi, mũi nhìn xuống trái tim, mở miệng trả lời nói: “Làm cô khó nhọc, thôi thì đặt vào trong nhà vậy”. Cô gái nghe xong, liền một tay xách tảng đá lên, lon xon đôi chân nhỏ, leo từng bậc thềm, lên đến nơi, tay kia vén bức rèm băng vải, bước qua cửa vào, nhẹ nhè đem tảng đá đặt xuống chân tường phía nam trong nhà. Xong, quay đầu lại, miệng không thở dốc, mặt không đỏ lên, trống ngực không đánh. Đám người rướn cổ ra, gãi đầu gãi tóc dòm vào nhà, không ai không lấy làm kinh lạ. (Hồi thứ 4).

Chuyện kết thúc nói An Ký thi đỗ Thám hoa, sau lại do chức tế tử Quốc tử giám, được đặc cách bổ đi làm tham tán đại thần miền Ô lý nhà Tô dài, chưa đi thì lại đổi làm chức học chính, bái tạ vua xong thì liền di nhận chức, đến nhiệm sở, giải quyết xong mấy vụ án to còn nghi ngờ, tiếng nổi khắp là một vị quan giỏi, cao sang tốt bức trên đời, không sao kể hết. Vì vậy lại có người làm tục thêm 32 hồi nữa, nhưng vẫn cũng như ý đều dốt vụng, lại cũng chưa xong, bảo là có hai bản tục, tự đê là bất kể niên Nguyệt vô danh thị (Người vô danh, không kể đến năm tháng). Chắc là sách của bọn buôn sách làm ra, vào một khoảng thời gian ngắn năm Quang Tự 20.

Sách *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa* ra năm Quang Tự 5 (1879), nguyên tên là *Trung Liệt Nghĩa Hiệp truyện*, một trăm hai mươi hồi, đầu sách đê là Thách Ngọc Côn thuật, tựa thì nói nguyên là của Văn Trúc chủ nhân cất giữ, do Nhập mê đạo nhân hiệu đính biên soạn, song không biết cả hai là người thế nào. Đại khái loại sách này, tuy cốt kể việc các tay dũng hiệp, ngao du khắp thành thị nông thôn, giúp cho dân lành được yên, trừ bỏ bọn bạo ngược, vì nước mà lập công nhưng thế nào cũng lấy một vị quan to có tiếng làm như cái bản lề, thống lĩnh hết mọi bậc hào hoa anh tuấn. Trong *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa* thì vị quan đó là Bao Chửng. Chửng tên tự là Hy Nhân - mong ước làm người có đức nhân, xuất thân là tiến sĩ, làm quan đến

thị lang bộ Lễ, đã qua các chức đai chế ở các Thiên chương, học sĩ ở các Long Đồ, quyền tri phủ Khai Phong, ở trong triều thì cương nghị, mộc női không đến nơi, người đời ví với vua Diêm La, trong *Tống sử* có chép truyện (316). Còn theo dân gian hay kể thì Bao Chửng làm việc gì cũng đều kỳ quái, lạ lùng, trong tạp kịch người đời Nguyên đã có các chuyện lạ Bao Công, quyết đoán lập Thái hậu, Bao Công xét xử quỷ Ô Bèn, người đời Minh thì làm sách ngắn, mười quyển, gọi là vụ án Long Đồ, còn gọi *Bao Công án*, chép chuyện Bao Chửng nhờ tài riêng, hỏi điềm mộng, lời quỷ... mà xét ra những vụ án kỳ lạ, cả thảy 63 chuyện, song lời văn cũng như nội dung quá dốt, chắc là do những kẻ chỉ mới biết mặt chữ thôi làm ra. Sau lại có diễn thành cuốn lớn, vẫn gọi là *Long Đồ Công Án*, thì cấu trúc chuyện có chặt chẽ hơn, đầu đuôi ăn khớp nhau, đó là cái mẫu cho truyện *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa*.

Tam Hiệp Ngũ Nghĩa mở đầu là kể việc Tống Chân Tông cuối đời có con, mà cả hai bà phi đều có thai, vua hứa sẽ lập thái tử, người có con được cử làm chính cung. Bà phi họ Lưu bàn cùng với người giám là Quách Hòe bày mưu kín, đợi khi bà họ Lý đẻ, thì đem một con mèo giống cáo lột da rồi mà thay vào, bảo là sinh ra quái vật, còn đứa con thì giao cho cung nhân tên là Khấu Châu thắt cổ chết rồi đem vứt xuống nước, Khấu Châu không nỡ lòng, lén đưa cho Trần Lâm đem giấu vào chỗ vua ở, nói là đứa con thứ ba, thế là đứa con này được nuôi lớn. Lưu lại gièm pha cho Lý bị bỏ, nhiều người giám trung thành bị chết. Chân Tông không con, chết rồi thì người con thứ ba của Bát Vương được lập vào nối nghiệp, tức là Nhân Tông. Sách do đó đem kể chuyện Bao Chửng giáng sinh chỉ dùng vụ án làm cái tuyển phục cho phần sau mà thôi. Tiếp đến kể sự tích Bao Chửng cho các quan giám lấy vợ và xử án này khác, thường là chuyện kể về người khác đem chép thêm vào. Cho đến lúc ra làm tri phủ Khai Phong, thì gặp bà phi họ Lý trong dân gian và biết ra cái án cũ “Đưa mèo đổi con”. Bấy giờ Nhân Tông mới biết bà Lý là người mẹ đẻ thật sự của mình, và đón về. Chửng lại lấy những hành vi trung thành, mà cảm hóa hàng hào khách như ba người hiệp sĩ, tức Nam hiệp Triển Chiêu, Bắc hiệp Âu Dương Xuân, song hiệp Đinh Triệu Lan, Đinh Triệu Huệ, cảm hóa đến cả năm con chuột tức chuột Xoi

trời Lư Phương, chuột Thấu đất Hàn Chương, chuột Đục núi Từ Khánh, chuột Lật sông Tương Bình, chuột lòng gầm Bạch Ngọc Đường, tất cả là bọn trộm cướp hiệp khách ngang dọc giang sông hồ, cũng có khi đột nhập kinh đô, dùa lấy trộm vật của vua chúa, con người cũng không chế ngự được nổi, nhưng sau cả năm trước sau đều về với triều đình, trung thành qui hàng và nhận chức làm quan hợp lực trừ diệt bọn cường bạo, nhân dân được yên ổn. Sau Tương Dương Vương Triệu Giác mưu đồ làm phản, giấu bản minh thư của phe đảng ở lầu trong triều, năm chuột t. theo quan quân đi tuần phòng, nhìn mặt tra hỏi, tản đi dò la, nhưng Bạch Ngọc Đường lại một mình vội đến lấy trộm, bị rơi vào trận lưới đồng mà chết. Sách đến đó cũng là xong. Những nhân vật trong chuyện mà sử nói đến thì chỉ có vài người là Bao Chửng, Bát Vương mà thôi, cho nên sự việc thì phần lớn cũng không phải là có thực: năm con chuột thì trong Long Đồ Công Án và trong Tây Dương Ký của người đời Minh đều có chép cả thực nhưng cũng đều gọi là vật quái, so với năm con làm nghĩa sĩ này không giống gì nhau, việc các tông phiên làm phản thì thực ra đời Nhân Tông chưa hề có, ở đây chỉ là theo việc Thần Hào trước mà thêm thắt bông chiếu, tiếng vang vào mà thôi. Đến như đặt bày câu chuyện cũng mang cái bệnh ấu trĩ yếu ớt, chỉ có mô tả kẻ hào kiệt, người anh hùng ở chỗ đồng quê là đẹp, có thần, ở giữa lại thỉnh thoảng xen vào những đoạn những câu nói về thế thái nhân tình, sự mô tả do đó được nổi hơn, hoặc xen vào giọng khôi hài, như vậy cũng làm cho người dân quê an phận xem, nghe mà nở mày nở mặt. Vừa lúc người ta đã chán chuyện yêu quái, chuyện phấn son, thì đưa ra chuyện những tay hào hiệp tuy có thô bỉ nhưng phóng khoáng, không hay câu nệ là thấy hay là sách được nổi lên trong các loại tiểu thuyết.

... Mã Hán nói: “Uống rượu là việc nhỏ, chỉ không biết chuột lông gầm là con người thế nào thôi... ”. Triển Da liền đưa chuyện các người ở đảo Hâm Không ra nói, lại đem cả chuyện Chước Hiện Nhi nói cho mọi người nghe. Thầy Công Tôn ở cạnh đó, nghe rõ ràng cả, nghiêm nghị ra vẻ tinh ngộ, nói: “Người ấy đến tìm ông anh, thế là muốn cùng ông anh cũng làm lành lại đấy!” Triển Da nói: “Anh ta với tôi vốn không có thù hận hiềm khích gì ông anh bảo làm lành gì kia?” Công Tôn Sách nói: “Ông anh, ông

cứ nghĩ xem, bọn họ năm người lấy hiệu là năm con chuột, thế mà ông anh lại tự xưng là Mèo vua, lý nào lại có cái lý mèo mà không bắt chuột? Thế là rõ họ giận ông vì ông xưng hiệu Mèo vua (Hay mèo chống chuột, giữ chuột?) Vì vậy mà biết người kia đều là để làm lành." Triển Da bảo: "Hiền đệ nói nghe ra giống như có lý, song cái hiệu Mèo vua của tôi là do Thánh thượng ban cho, chứ không phải người anh kém cỏi này có ý xung minh là mèo, để hòng đổi lừa, dọa dẫm bè bạn. Người kia nếu quả vì việc làm lành mà đến, thì người anh kém cỏi này sẽ nghe theo ngay, và từ đấy trở đi sẽ không xung là Mèo Ngự nữa, như vậy chắc là được rồi." Mọi người còn chưa lên tiếng nói gì, chỉ có Triệu Hổ đang hào hứng đánh chén.... Có kẻ không vừa lòng, bung cả chén rượu đứng lên nói: "Ông anh, ông từ xưa vốn là đảm lượng hơn người, hôm nay sao lại tự hạ mình xuống như thế? Hai chữ Mèo Ngự đó là của Thánh thượng ban cho, sao mà đổi đi được? Nói giả phỏng, nếu là chuột đường trắng đường đen gì đấy không đến thì thôi, chứ đến thì tôi đem một bình nước nong nóng, thả nó vào mà cho uống, cũng khử được cái hôi hám không lưu thông trong người tôi đi." Triển Da liền vội vã khoát tay mà nói: "Chú Tư nói nho nhỏ, không nghe nói vách có tai hay sao?" Mới nói đến đó thì nghe "Cách" một tiếng, từ ngoài bay vào một vật gì, không sai không trêch, trúng ngay vào miệng chén rượu Triệu Hổ đang nâng trên tay, nghe xoảng một cái, chén rượu nát vụn ra. Ông Triệu kêu lên và nhảy một nhảy, cả đám người không ai kinh hãi, chỉ có Triển Da thì đã sớm rời khỏi tiệc che hờ cửa sổ lại, lại quay lại thổi tắt đèn đi, xong thì cởi áo ngoài ra, mọi sự đã đâu vô đấy cả rồi. Ông len lén lấy thanh bảo kiếm cầm trong tay, rồi lại bên cửa sổ mở ra, nghe soạt một tiếng, lại một vật gì đánh vào cánh cửa. Khi ấy Triển Da mới mở thật cửa ra ráng sức nấp mình xuống để lén ra. Nghe một hụt gió lạnh tạt vào mặt, lại vù một tiếng thì ra một lưỡi dao, Triển Da giơ kiếm lên chặn, rồi xấn lên đánh, vừa đánh vừa đỡ, vừa rán mắt nhìn kỹ dưới ánh sao, thì thấy ra một con người mặc một cái áo đi đêm màu xanh, chân bước lanh lợi phảng phất giống cái người thấy tụ tập ở nhà người Miêu trước kia, cả hai không nói năng gì, chỉ nghe tiếng dao tiếng kiếm canh cách loạn xạ. Triển Da không ngừng đánh đỡ, không kịp nghỉ tay, thấy dao kẽ kia đánh rất, đường dao lại sành và kỹ, còn Nam hiệp thì cứ len lén gặm rau. Ông nghĩ: Cái anh bạn người kia này chắc không

biết đường tiến thoái. Thôi ta tha cho anh ta, không muốn làm anh bị thương. Mà cần gì đuổi hết giết hết? Không lẽ ta mà lại sợ anh ta. Rồi tự nói trong bụng: Song cũng nên làm cho anh ta biết. Nghĩ thế rồi liền cầm kiếm đưa ngang một cái, đợi dao anh ta đến gần, dùng miếng võ Hạc kêu lồng trời, ra sức phất một nhát, nghe một tiếng như tiếng chuông thì dao người kia đã ra hai đoạn, nó không dám tiến lên nữa, chỉ thấy văng mình một cái, đã lén trên tường nhà, Triều Da nhảy một nhảy, nó cứ thế bò leo lên... (Hồi thứ 39).

Đang lúc Du Việt trú ngụ ở Ngô Hạ thì Phan Tố Âm từ Bắc Kinh về, đưa bản ấy cho xem, ban đầu cho là một cuốn sách tục tadem thường thô thiển, đến khi xem hết rồi thì mới khen là: Sự tích mới lạ, văn viết say sưa phóng túng mô tả tinh vi tế nhị, tố điểm lại đúng lúc đúng nơi, đúng như Liễu Ma Tử nói về chuyện Võ Tòng vào quán ban đầu thì không có người, bỗng gầm lên một tiếng thì nồi không, chõ không đều coong coong lên tiếng cả, ngồi không vê vời ra mà thần tình hết sức (Lời trong tựa của Du Việt), chỉ ngại chương đầu kể chuyện đưa mèo mà đổi con vua là một chuyện nghe quá đáng, không bình thường, nên soạn ra một hồi khác, căn cứ vào sử chuyện mà định chính lại chuyện dân gian kể. Lại nói trong sách có Bắc Hiệp, Nam Hiệp với Song Hiệp, như vậy là bốn hồi, không phải là Tam nữa, thêm vào tiểu hiệp Ngũ Hồ nữa thì thành năm, và lại yêu đồn Hồ Trí Hóa là thầy của Tiểu Hiệp, còn như Gia Cát nhỏ Trầm Trọng Nguyên thì trong hồi thứ 100 đã khen lấy khen để là từ trong chơi bời đùa cợt mà sinh ra nghĩa hiệp, thế thì hai người này không phải là hiệp thì là gì? Vì vậy, lại đổi tên là Thất Hiệp Ngũ Nghĩa và năm Kỷ Sửu Quang Tự (1889) đẽ tựa và in ra bán, thế là bản này cùng với bản ban đầu đều lưu hành cả, ở vùng Giang Chiết thì đặc biệt mạnh.

Cũng năm ấy, tháng 5, ở Bắc Kinh lại có ra cuốn *Tiểu Ngũ Nghĩa*, tháng 10 lại ra thêm cuốn *Tục Tiểu Ngũ Nghĩa*, cả hai đều 120 hồi. Lời tựa bản hai cuốn này cùng với cuốn *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa* đều là của Thạch Ngọc Côn, và nay thấy được ở học trò ông ta. Vốn có đến 3000 chương, chia làm ba bộ thượng, trung, hạ, tên gọi chung là *Trung Liệt Hiệp Nghĩa* truyện, đầu tiên không có phân biệt *Đại*, *Tiểu* gì cả, chỉ vì trong bộ *Thượng*, *Tam*

Hiệp Ngũ Nghĩa là người làm trước tiên, cho nên gọi là Đại Ngũ Nghĩa, còn trong hai bộ Trung và Hạ thì Ngũ Nghĩa là người sau mà khác hơn đời cho nên gọi là Tiểu Ngũ Nghĩa mà thôi. Tiểu Ngũ Nghĩa tuy là tục bộ Thượng mà lại chỉ bắt đầu khi Bạch Ngọc Đường lấy trộm cái bắn minh thư, nên lược bỏ một trăm lẻ một hồi của bộ Thượng đi, toàn bộ cuốn sách lấy việc Tương Dương Vương mưu phản các nghĩa hiệp sĩ đua nhau dò la thám thính mưu đồ làm cốt chuyện. Bấy giờ Bạch Ngọc Đường đã bị giết hại trước rồi, tôi cũng đã suy lão, mà lớp sau nối tiếp dấy lên, đều có phong cách của cha anh cả. Con Lư Phương là Trần, con Hàn Chương là Thiên Cầm, con Từ Khánh là Lương, cháu Bạch Ngọc Đường là Vân Sinh, tất cả đều không ngờ mà tập lại nơi quán khách, lại thêm Tiểu Hiệp Ngũ Hổ nữa họ kết nhau làm anh em. Mọi người đi đây đi đó, lầm khi cũng trùng trị bọn hào cường, cuối cùng tập họp lại ở Võ Xương, bàn cùng nhau phá thế trận lưới đồng, chưa phá được thì sáu chấm hết. Sách *Tục Tiểu Ngũ Nghĩa* là tiếp tục thuật vụ án trước, lưới đồng bị phá trước, vị vương làm phản phải chạy trốn, các hiệp sĩ vẫn ở lại giữa chốn giang hồ, diệt trừ bọn trộm cướp. Sau Tương Dương Vương bị bắt, Thiên Tử xét công, các nghĩa hiệp sĩ đều được phong thưởng cả, cả bộ chuyện đến đó là xong. Lời tựa tuy có nói là cả hai cuốn đều là bản cũ có sẵn của Thạch Ngọc Côn, song đem so lại với bộ Thượng thì bộ Trung thấy hoang đường thô sơ quá đáng, đến bộ Hạ mới thấy có ý tinh vi tế nhị dần, vì thế mà nghi rằng khởi đầu viết ra có thể là một người, còn sau nhuận sắc lại thì do nhiều tay kém giỏi khác nhau, do đó mà bản chính bản tục có khác nhau như nói trên.

Nay nói chuyện Từ Khánh, con người rất tự nhiên, bụng dạ trống rỗng, không hay suy trước nghĩ sau gì, trái ý một tí là mặt khác đi, lời cá cãi bàn mà giật, nghe xoảng một tiếng là bát chén đều vụn tan. Chung Hùng thì là con người bùn mà lại còn chút tính tình đất, anh ta tóm bọn này lại, trổ mắt nhìn hiền lành, bày rượu ra mời uống, bảo bọn bay như thế, chả trách ông ta nỗi giận. Rồi trả ông Ba nói: "Còn ông thì thế nào?" Ông Ba nói: "Tốt thôi." Chủ trại nói: "Không tốt thì làm thế nào?" Ông Ba nói: "Thì đánh anh", chưa nói xong đã dẫm một đầm. Thế là Chung Hùng đưa một ngón tay vào dưới sườn ông ta bấm một bấm. "Ái chà! Đau quá!" Ông Ba

liền nầm ra giữa đất. Nào có biết chủ trại họ Chung đã dùng phép thập nhị chi giảng quan, phép đó cũng gọi là phép Bế huyết (đóng máu lại) và tiếng thường thì nói là điểm huyết. Ông Ba trong người thì tinh táo, chỉ không cựa quậy được thôi. Chung Hùng giơ chân đá một đá và bảo trói lại. Ông Ba toàn thân nhúc nhích cựa quậy được rồi, lại bảo đem cái dây thừng lớn nấm hoa buộc thêm nữa. Triệu Nam Hiệp tự mình bắt tay hai cánh tay ra sau lưng bảo: Các anh cột lại cho tôi. Đám người có kẻ không chịu cột, nhưng không cột cũng không được. Chung Hùng ra lệnh đẩy đến cầu Đan Phượng bêu đầu. Có tiếng người la lên: Đừng chém chết... (Hồi thứ 17 Tiểu Ngũ Nghĩa).

Nay nói chuyện con yêu đòn Hồ Trí Hóa và cậu Gia Cát nhỏ Trầm Trọng Nguyên bí mật bàn bạc với nhau đưa ra ý kiến riêng của mình, định đi đến phủ Vương lấy trộm bản minh thư (Sách thè)... (Trí Hóa) bò nấp trên chiếc khám treo. Bỗng có ngọn lửa nghìn dặm soi sáng: mặt trời là cái trán vuông... bên trên lại có một cái tráp chữ nhật bằng gỗ cứng, hai bên có thứ vòng vàng thấy vừa ý, thò tay ra lấy hai cái đem deo vào bụng, thì bỗng nghe một tiếng xoẹt, một luối liềm kiểu bán nguyệt hạ xuống. Trí Hóa nhắm mắt lại, không dám bò lên đằng trước để trốn, cũng không dám lui về đằng sau để co mình lại, đang thế thì nghe trong xương sống rãnh rắc một cái. Trí Hóa nghĩ là lung đút đôi ra rồi, từ từ mở mắt ra nhìn xem, song lại không nghe đau đớn gì cả, chỉ có không cựa quậy được thôi. Thưa các ngài, như vậy là do cái duyên cớ làm sao? Ấy là do cái liềm đó bên trong có một, cũng không đến nỗi to quá, lại cái lung ông Trí thì nhỏ, lại phải cắt cái túi bách bửu ra, lại nữa sau lung ông có đeo một cái đao, mà cái bao bọc đao lại bốn tấc, tất cả những cái đó che chở cho cái xương sống của ông.... Tóm lại là số ông Trí Hóa chưa chết. Có thể quát cho Trầm Trọng Nguyên phách lạc hồn bay đi... (Tục Tiểu Ngũ Nghĩa, Hồi thứ nhất).

Sách đại, Tiểu Ngũ Nghĩa ra cả xong, mới thấy sách *Chính Tục Tiểu Ngũ Nghĩa* in ra lưu hành, có cả thảy 15 quyển, 60 hồi, đằng trước có tựa của Tú Cốc cư sĩ đề năm Nhâm Thìn Quang Tự (1892), sách lấy cuốn Tiểu Ngũ Nghĩa và bản tục của nó hợp thành một bộ, bỏ các chỗ trùng lặp cùng những chỗ phô bày tràn lan đi, dọn lại thành 13 quyển 52 hồi. Hai quyển 8

hồi cuối thì nói Tương Dương Vương xuýt nữa bị bắt mà lại thoát được, đến núi Hồng La, cất quân đánh lại, sau đó mới thật thua và tan rã, điều này hai sách kia không có, thật là vẽ rắn thêm chân vào. Sách tự sự cũng như hành văn tuy có giản dị, rõ ràng hơn song những lời bồng bế, cái ý vị trong các bản trước bỏ bớt quá nhiều nên thần thái có kém đi.

Ngoài Bao Chửng và Nhan Tra Tán ra, việc đem người khác làm chủ chốt cho cả cuốn sách, trước đây đã từng có. Năm Đạo Quang 18 (1838), có sách *Thi công án*, 8 quyển 97 hồi, sách này còn một tên nữa là Bách Đoàn Kỳ Quan. Sách kể chuyện Thi Sĩ Luân thời Khang Hi (Thi Thế Luân thì phải hơn) làm tri châu Thái Chân, sau lên đến chức tào viễn tổng đốc, cả văn lẫn ý đều dốt, đại khái như Bao Công Án của người đời Minh viết, song khúc chiết hơn, một vụ án có khi kể đến mấy hồi, lại ngoài việc xử án, lại có gặp sự nguy hiểm, như vậy thì đã là tiên phong của tiểu thuyết hiệp nghĩa rồi. Đến năm Quang Tự 17 (1892) thì có *Bành Công án*, 24 quyển 100 hồi, là sách của Tham Lam đạo nhân làm, thuật chuyện Bành Bằng (Viết Bằng là chim bằng thì đúng hơn⁹), khoảng giữa thời Khang Hi làm tri huyện huyện Tam Hà sau được đề bạt lên tuần vũ Hà Nam, về kinh tra xét vụ án quan trọng là vụ đại đồng, những chuyện kể đó cũng không ngoài chuyện các quan to giả làm người thường, chuyện các tay hào kiệt lấy trộm chầu báu hay đồ quý giá gì khác, song đặt câu dùng chữ dốt, kém cỏi, cơ hồ bất thành văn.

Ngoài ra nữa thì loại sách như sách *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa* còn rất nhiều, mà lưu hành khắp thì có sách Vĩnh Khánh thăng bình chín mươi bảy hồi, do Trương Quang Thụy người Lê Hà chép lại, diễn thuyết của Cáp Phụ Nguyên, kể việc vua Khang Hi cải trang đi thăm hỏi riêng, đến các vụ án bài trừ tà giáo, dẹp yên nghịch phỉ, liền sau đó có bản tục một trăm hồi, cũng do Tham Lam đạo nhân làm. Lại có sách *Thánh Triều Đinh thịnh vạn niên thanh* tam tập, cộng cả thảy là bảy mươi sáu hồi, không có tên người làm. Sách này chép truyện vua Khang Hi đem công việc của vua giao cho Lưu Dung và Trần Hoành Lê tự mình đi chơi Giang Nam, đến đâu cũng gặp

⁹ Nguyên chú của bộ biên tập.

những việc bọn gian làm khắc luật pháp của triều đình, những kẻ anh hiệp hết lòng trung với Hoàng đế. Lại còn các sách Anh hùng đại bát nghĩa, Anh hùng tiểu bát nghĩa, Thất kiếm thập tam hiệp, Thất kiếm thập bát nghĩa, loại ấy còn rất nhiều, nhìn chung đều ra đời khoảng năm 20 đời Quang Tự. Sau đó lại có sách Lưu Công Án (Lưu Dung), Lý Công Án (Lý Bình Dần) - nhưng Bình Hành thì đúng hơn), và Thi Công Án cũng có tục thêm đến mươi tập. Bành Công Án đến mươi bảy tập, Thất Hiệp Ngũ Nghĩa thì đến những hai mươi bốn tập nữa, nghìn chương một kiểu, lời văn nhiều chỗ không thông, thậm chí tính cách một người mà trước sau không giống, chắc là trải qua nhiều tay, làm thành sách xấu, tràn lan không soát lại nên nhiều mâu thuẫn như thế.

Sách *Tam Hiệp Ngũ Nghĩa* với bản tục của nó, dùng tiếng tả vật, có cái khí vị quen thuộc của tiểu thuyết bình thoại trước, sách Nhị Nữ Anh Hùng truyện cũng thế, Quách Quảng Thụy viết tựa cho sách Vĩnh Khánh thăng bình có nói: "Tôi hồi trước đi ngao du bốn biển, thường thường nghe nhận xét và diễn kể về cuốn sách Vĩnh Khánh thăng bình... từ buổi mới đầu quốc triều đến nay, vẫn có việc làm đó lưu truyền lại. Khoảng niên hiệu Hàm Phong có Khương Chấn Danh tiên sinh, thì phê bình đậm luận về người kim cổ và thường diễn thuyết về sách ấy, mà chưa có ai sau khắc lại, để lưu truyền ở đời. Lớn lên tôi lại nghe Cáp Phụ Nguyên tiên sinh diễn thuyết. Tôi thuộc lòng và nhớ, nay nhân nhàn rồi đem chép thành bốn quyển".... Tựa của sách Tiểu ngũ nghĩa cũng bảo rằng sách này cùng với Tam hiệp ngũ nghĩa đều là nguyên bản của Thạch Ngọc Côn, hẳn cũng là người thuyết thoại thời Hàm Phong, cùng với Khương Chấn Danh mỗi người chuyên kể một loại chuyện. Văn Khung quen nghe kể chuyện, bắt chước lối nói đó, vì vậy mà Nhị Nữ Anh Hùng truyện đặc biệt mang cái phong cách diễn thuyết. Thế là loại tiểu thuyết hiệp nghĩa đời Thanh chính là tiếp lấy cái mạch chính của thoại bản đời Tống và nền văn học bình dân sau hơn bảy trăm năm, bấy giờ lại trỗi dậy, chỉ một điều là về sau chỉ có những tác phẩm mô phỏng và những bản tục vào sau sách cũ mà thôi, những tác phẩm ấy lại hay quá đáng, không tốt đẹp, con đường học do đó lại suy tàn lại như cũ.

Đến đời Thanh, bọn lưu khấu đã dẹp xong, dân di tản chưa quên vua cũ, họ dần dần nhớ lại những kẻ anh hùng nơi chǎm cỏ đã vì nhà Minh mà ra sức, cho nên Trần Thẩm làm *Hậu Thủy Hử truyện* thì để Lý Tuấn bỏ nước mà sang làm vua nước Tiêm La (thấy trong chương 15). Trải qua đời Khang Hi đến đời Càn Long, hơn một trăm ba mươi năm, uy lực đã rộng khắp, nhân dân khiếp sợ phục tòng thì hạng sĩ nhân cũng không hai lòng nữa, cho nên thời Đạo Quang, Du Vạn Xuân kết thúc *Thủy Hử truyện* thì để 108 người không có lấy một người may mắn được khỏi chết (cũng thấy trong chương 15). Song kết thúc như vậy là theo kiến giải của bọn quan lại tay sai mà thôi. Còn chuyện Tam Hiệp Ngũ Nghĩa cốt tả tâm trạng của người dân ở thành thị và nông thôn thì hình như đang còn hơi hướng Thủy Hử, dầu chỉ là bè ngoài mà không phải từ trong tinh thần. Thời gian cách nhà Minh mất đã xa, đất kể chuyện sách lại là Bắc Kinh, cho nên đầu tiên thường kể chuyện dẹp nổi loạn, dân xiêu bạt lại có dịp tòng quân, được công danh địa vị, trở về lại với xóm làng, như vậy cũng rất làm cho người dân quê hâm mộ, khen ngợi, cho nên anh hùng trong tiểu thuyết nghĩa hiệp, ở trong làng xóm thì luôn hết sức hào cường thô bỉ, đầy rẫy các thói lục lâm, rồi thế nào cũng làm như một tên lính lệ cho một tay quan liêu to, lấy việc chạy vạy hầu hạ làm sang, đó chắc cũng không phải phục tùng thật sự và vui lòng mà là đang lúc được làm tội тор, thấy vui rồi không phân biệt được đó thôi. Nhưng thời ấy đối với hạng sách ấy, thì cho là: người lành ắt được phúc, người ác rút cục đều gặp họa, kẻ tà nhát định gặp tai ương, kẻ chính cuối cùng đều được che chở và gặp lành, lẽ báo ứng là phân minh, rõ ràng mà không hề sai suyển, vì vậy người đọc có cái vui được đập bàn khen thưởng mà không có cái lúc bỗn xỉu than dài... (Lời trong tựa sách Tam hiệp ngũ nghĩa và sách Vĩnh Khánh thăng bình).

Thời ấy, lực lượng người Âu đã xâm nhập Trung Quốc rồi.

Chương 28

TIỂU THUYẾT KHIỂN TRÁCH CUỐI ĐỜI THANH

Sau năm Canh Tý Quang Tự (1900), thì tiểu thuyết khiển trách ra đời đặc biệt nhiều. Ấy là vì từ đời Gia Khánh trở đi tuy nhiều phen dẹp yên được nội loạn (Bạch Liên giáo, Thái Bình Thiên Quốc, Năm, Hồi) nhưng cũng nhiều phen bị giặc ngoài làm nhục (Anh, Pháp, Nhật). Dân đen mờ ám không hiểu biết gì, còn ngài nhầm trà nghe kẻ vô công dẹp loạn, kẻ có hiểu biết thì đã mạnh mẽ vùng lên nghĩ việc cải cách, dựa vào lòng căm thù giặc, hô hào duy tân và yêu nước mà đối với vấn đề giàu mạnh lại càng lưu ý hơn. Chánh biến Mậu Tuất không thành, hai năm sau, tức năm Canh Tý, thì có vụ Nghĩa Hòa đoàn, mọi người biết ra rằng chính phủ không đủ sức để cùng lo việc nước rồi liền có ý đả kích. Trong tiểu thuyết thì hoặc vạch rõ, hoặc nói úp mở kín đáo để làm cho người ta thấy rõ mọi tội ác của chính phủ, vấn đề chính trị trước mắt, còn phê bình đả kích nghiêm khắc hơn, có khi mở rộng đả kích đến cả phong tục. Tuy chủ ý là cứu nước, cứu đời, giống như cùng một mục đích với tiểu thuyết phúng thích, song lời văn, hơi văn xốp nổi lộ liễu, nói rất thẳng thừng, thậm chí nhiều khi còn nói quá đi để cho hợp với sự thèm muốn của người bấy giờ, cho nên độ lượng và kỹ thuật hai bên cách nhau quá xa và đây gọi riêng là tiểu thuyết khiển trách, tác giả loại tiểu thuyết này thì có đình trưởng Nam đình và Sơn Nhân Ngũ phật sơn là có tiếng hơn cả.

Đinh trưởng Nam đình là *Lý Bảo Gia*, tự là *Bá Nguyên*, người ở Vũ Tiếu Giang Tô, hồi còn trẻ đã giỏi văn kinh nghĩa và thơ phú, thi vào trường học là số một, nhưng sau thi mãi không đỗ, bèn đến Thượng Hải làm báo *Chí Nam*, rồi thôi và làm riêng tờ báo *Du Hí*, viết lối văn bông đùa chửi mắng. Sau lại đổi ra tên là báo *Phê* và bán đi cho nhà buôn và làm riêng tờ *Thượng Hải phòn hoa báo*, nói về cách ăn ở, sinh sống của hạng làm nghề tuồng trò ca hát và hạng gái điếm, báo cũng đăng thơ từ và tiểu thuyết và đặc biệt phát đạt. Và Sách làm ra thì có *Canh Tý quốc biến* đàn từ đến mấy quyển, *Hải Thiên Hồng Tuyết ký* 6 bản, Lý Liên Anh 1 bản, *Phòn hoa* mộng và *Hoạt địa ngục*, cả hai đều đến mấy bản, lại có *Văn minh tiểu sử* chuyện bài xích những tệ nạn đương thời, sách này có trích in vào trong sách *Tú tượng tiểu thuyết* và rất có tiếng. Bấy giờ là chính năm Canh Tý, chính lệnh lung tung, cả nước thất vọng, ai cũng muốn lần tìm cho ra cái nguyên do của tai họa và trách mắng kẻ có tội cho sướng. Bửu Gia cũng đáp ứng điều các nhà buôn giao nhau, soạn ra cuốn *Quan Trường hiện hình ký*, định làm mười tập, mỗi tập mười hai hồi, từ năm Quang Tự 27 đến 29 viết thành ba tập, hai năm sau đó thì viết thành hai tập, nhưng tháng 3 năm 32 thì *mất do bệnh lao phổi, tuổi 40* (1867 - 1906), sách không làm xong, *không có con*, Tôn Cúc Tiên đứng ra lo liệu việc tang ma, đèn ơn báo *Phòn hoa* trước đã khen thưởng mình. Bửu Gia còn được người ta tiến cử đi dự thi khoa thi đặc biệt về kinh tế, mà không đi, thời đó người ta cho là cao thượng, lại có tài khắc chữ triện làm con dấu, có làm sách *Vu hương ấn phả* lưu hành ở đời (thấy trong sách *Tân am bút ký* 3 của Chu Quế Sanh, sách *Độc thư tạp ký* của Cố Hiệt Cương và trong thư của Lý Tổ Kiệt gửi Hồ Thích).

Sách *Quan Trường hiện hình ký* đã làm xong có sáu mươi hồi là nửa bộ trước, tập 3 lúc mới in (1903) có lời tựa của bản thân tác giả, đại lược nói: Cũng thường được thấy qua ngoài việc đưa rước ra, thì không có thành tích việc công gì cả, ngoài tài cung phụng phô trương ra thì không có tài năng gì, nhện dồi, nhện khát, xông pha mưa nắng, đi cúng tế, lễ lạy gì thì cũng tảng sáng đã đến, đi bẩm báo tìm gặp ai thì xế bóng mới về, rút cục không biết vì việc gì mà đến, cũng chẳng biết vì sao mà ra về. Gặp năm mất mù,

có phát chấn, thì được viện cái lè cứu trợ, đợi việc trên khen thưởng khuyển khích rồi người đời gọi là quan, cứ mặt trời lên là ra đi, chưa biết ngày nào là thôi. Hễ khi triều đình có nói đến việc sa thải thì dưới trên che chở, đều như tinh cũ với nhau, hơn nữa mướn tay những kẻ luôn lọt bơm đưa, nói ý mình định riêng ra với kẻ tay chân, nhận quà cáp mà cảm thông vui vẻ cả, rồi nhân hối lộ mà được buông tha, trên không nói đến nữa: đó là muốn trừ bỏ cái tệ đi mà ngược lại là sinh ra cái tệ làm cho thêm tệ vậy.... Ấy vì thế mà các quan vơ vét, dân đen khổn cùng, dân không nói, quan lại thêm hăng. Đình trưởng Nam đình tôi có cái hài hước của Đông Phương, cái hoạt kê của Thuần Vu, lại biết rõ cái thói thường nhỏ nhen hèn mạt, cái tên chỉ đui diếc hò đồ cửa quan nhờ sự ấp ú hàm súc mà giữ lấy được lòng trung hậu, đem niềm say xưa sướt mướt mà nói ra hết những điều ẩn vị... cùng năm tận tháng, dùng hết tâm tư, đưa hết lòng chân thành, viết xong một cuốn sách, đặt tên là *Quan Trường hiện hình ký*.... Phàm những điều vua Thần Vũ không đúc vào vạc được, những cái mà Ôn Kiển không xoi được với chiếc sừng tê, sách tôi đều ghi chép đầy đủ hết. Tự thuật toàn là việc đoán ý để a dua theo, việc xu nịnh để được thăng quan tiến chức, việc ám muội hôn độn, việc thêu dệt bới móc, việc lấn áp lật đổ nhau, cho đến việc lớp sĩ nhân vì sao mà sốt ruột muốn ra làm quan, các ẩn tình của quan lại trong chỗ buồng the. Mạnh mẽ đã rối ren, kép đào lại đong đảo, sự việc thì bắt đầu kể của một người, và cũng hết với con người đó chuyện như đút như nồi, cũng na ná như trong Nho lâm ngoại sử. Song ức thuyết nhiều hơn, khó cho là thực lực, không có cái hàm súc ấp ú như tác giả tự cho trong lời tựa, thật không đủ để mong có được cái hương thừa của một Văn Mộc lão nhân. Huống chi những điều sưu tầm được lại cũng chỉ là những chuyện người ta kể lại, rồi đem chắp nhặt làm thành như một bản loại thư, cái tài giỏi, cái mảnh khóc của quan trường, vốn là đại đồng tiểu dị, đem sắp lại thành một cuốn to, thì nghìn chương như một. Chỉ do thời thế đòi hỏi, nên thấy có thì lấy làm khoái, cho nên *Quan Trường hiện hình ký* chóng được nổi tiếng, mà những sách bắt chước dùng cái tiếng hiện hình mô tả việc khác như thương giới hiện hình, học giới hiện hình, nữ giới hiện hình, cũng đều nổi gót ra đời. Nay trích chép ra đây hơn trăm lời trong tác phẩm của Nam đình trưởng để làm ví dụ và cũng là để cung cấp một khái niệm về các tác

gia khác.... Nay nói chuyện cậu ấm Giả Đại... Nháy mắt đã đến kỳ đi bệ kiến. Ngày đầu đến bệ để diễn tập lễ nghi, mọi chi tiết đều theo đúng như sách sổ đã ghi chú, không cần kể lại tì mỉ nữa. Hôm đó, cậu Giả thức dậy lúc nửa đêm, ngồi xe vào thành... Đợi suốt đến tám giờ mới có một ông quan coi việc dẫn người đi ra mắt đến dẫn mình đi, đến không biết một ngôi điện gì, ông quan huất tay áo một huất, một ban mấy con người ở dưới thèm rập quỳ xuống. Cách bên trên ước chừng hai mươi trượng, hiểu ra rằng ngồi trên đó là Đức Kim Thượng rồi... Ban đó gọi là đạo ban, đồng thời là những nhân viên bảo vệ thấy được... Hôm trước đã có chỉ xuống, bảo chuẩn bị, để hôm sau có buổi triệu vào ra mắt... Cậu Giả tuy là con nhà thế gia, song phen này là lần đầu tiên được thấy Hoàng Thượng, tuy đã có hỏi một số người, nhờ họ chỉ vẽ mà rút cuộc cũng cứ không yên tâm. Nay đến ngày dẫn kiến thực sự, thì trước hết là đến yết kiến ông Hoa Trung Đường. Hoa Trung Đường là người đã nhận một số đồ cổ của Giả Đại, đáng giá một vạn bạc, thấy mặt Giả thì hỏi chuyện nọ chuyện kia, nghe ra rất thân thiết. Sau Giả Đại mới thỉnh giáo, nói: Ngày mai triều kiến, bối cháu hiện là chức Án sát, cháu thấy Hoàng Thượng thì phải lạy rập đầu sấp đất hay không phải rập đầu sấp đất? Hoa Trung Đường không thấy mấy câu trước, chỉ nghe hai tiếng rập đầu thôi, và trả lời lia lịa: Rập đầu nhiều, nói chuyện ít, đó là cái bí quyết làm quan. Giả Đại lòng bối rối thưa: Cháu hỏi là hỏi nếu Hoàng Thượng hỏi đến bối cháu thì rập đầu đã đành, còn không hỏi thì có nên rập đầu không? Hoa Trung Đường trả lời: Nếu Kim Thượng không hỏi thì vạn lần không nên quên mà không rập đầu. Không nên chỉ lạy thôi, mà nên lại rập đầu nhiều vào, và không nên phân biệt ra hai cách làm gì. Nói đi nói lại một buổi, Giả Đại càng mơ hồ thêm, muốn hỏi lại nữa nhưng Trung Đường đã đứng dậy tổng tiễn khách ra. Giả Đại chỉ còn cách ra về, bụng nghĩ Hoa Trung Đường lầm việc, không tiện cảm phiền ông ta nhiều hơn, chi bằng đi tìm gặp quan đại quan cơ họ Hoàng... may ra ông ta chịu chỉ bảo cho một hai điều. Ai ngờ gặp mặt, cậu vừa nói xong, quan Hoàng đã hỏi đón trước: "Cậu đã gặp quan ngài Trung Đường chưa. Ngài bảo thế nào?" Giả Đại kể lại đầu đuôi hết, quan Hoàng nói: "Ngài Hoa từng trải nhiều, ngài bảo lạy nhiều nói ít, ý kiến của một bậc lão thành là không sai một tí nào..." Giả Đại không nói gì được nữa, chỉ còn cách đi tìm quan quân cơ họ Từ. Quan lớn

Từ này, tuổi đã cao, hai tai nghênh ngãng, có khi nghe được vài câu cho nên ngài giả vờ không biết luôn. Ngài thường ngày để tâm nghiên cứu khoa dưỡng tâm, có thu hoạch được hai phép: một phép là chẳng động lòng, một phép là chẳng để lòng... sau rồi cái bí quyết đó cũng bị bạn đồng nghiệp là Quan Trung Đô dò ra, và người ta đặt cho ông một cái biệt hiệu, gọi ông là trung thủy tinh... Hôm đó Giả Đại đến xin ngài chỉ giáo, sau mấy câu hàn huyên, cậu đưa vấn đề ra. Quan lớn Từ nói: "Xưa nay lạy rập đầu nhiều vốn là tốt nhất. Song không rập đầu cũng được. Cậu cứ xem khi nào nên rập đầu thì cậu rập đầu, khi nào không nên rập đầu thì cậu đừng rập đầu, thế là hay tuyệt." Cậu Giả lại đem những chuyện hai ngài Hoa, Hoàng nói mà kể lại, thì ngài Từ bảo: "Những điều hai ngài nói đều không sai, cậu cứ theo thế, nhìn công việc mà làm là thỏa đáng hơn cả." Nói chuyện mất một buổi mà vẫn như cũ, không tìm ra được mảy may đạo lý nào chỉ rõ thêm một nấc nữa thì có. Mãi sau, cậu đến tìm gặp một vị quân cờ nhỏ, lại là bạn của nhà cậu, mới biết rõ nghi lễ phải thế nào. Hôm sau là ngày triều kiến, đến nơi thì quả nhiên nghi lễ không sai sót chút nào... (Hồi thứ 26).

Còn Sơn nhân ở Ngã Phật sơn thì chính là Ngô Óc Nghiêu tên tự là Xuy Nhân, sau đổi ra *Nghiêu nhân, người Nam Hải, Quảng Đông*, ở trấn *Phật sơn nén xưng* là *Ngã Phật sơn nhân*, ngoài hai mươi tuổi thì đến Thượng Hải, thường viết bài cho các tờ nhật báo, bài đều ngắn, tiểu phẩm cả. Năm Quang Tự 28, mới được Lương Khải Siêu in cho bản Tân tiểu thuyết ở Hoành Tân Nhật Bản, mỗi tháng ra một quyển, năm sau (1903) Óc Nghiêu mới bắt đầu học viết chương dài, viết xong là gửi đi, trước sau có vài ba loại, gọi là Biện thuật kỳ đàm, là Cửu mạng kỳ san (Mỗi kỳ chín mạng), là *Nhi thập niên mục đồ chí quái hiện trạng* (Hiện trạng quái gở mắt thấy hai chục năm nay); từ đó tiếng ngày một nổi, mà cuối chuyện càng được người ta khen. Sau lên Sơn Đông đì Nhật Bản, ở đâu cũng không được đắc ý, rút cuộc lại trở về ở Thượng Hải. Trong 32 năm, làm chủ bút tờ Nguyệt nguyệt tiểu thuyết, soạn sách *Kiếp dư hội* (Tro tàn một kiếp), sách Pháp tài bí quyết, sách Thượng Hải du tham lục, lại có làm *Tân Thạch đầu ký* cho báo Chỉ Nam. Có một năm, lại chủ trì trường tiểu học Quảng Chí, tận lực cho việc trường, nên viết không được nhiều. Năm đầu Tuyên Thống mới viết

xong cuốn *Cận thập niên chí hiện trạng* (Hiện trạng mươi năm nay) hai mươi hồi, tháng 9 năm Tuyên Thống 2 thì mất thình lình, thọ 45 tuổi (1866 - 1910); ngoài ra còn có hai tập truyện Hận Hải (Biển giận), Hồ Bảo Ngọc, trước đều in riêng, lại có nghe theo các nhà buôn nhỏ, lấy ba trăm lượng bạc làm cuốn *Hoàn ngã linh hồn ký* (Trả lại linh hồn cho ta), và rao hàng thuốc cho họ, nên có thời gian bị người ta bàn tán chê cười mà sách cũng không lưu hành được (Thấy trong Taten An bút ký 3, trong lời tự sự của sách Hiện trạng mươi năm, và trong bản lời tựa của Uông Duy Phủ đề cuốn Ngã Phật sơn nhân bút ký). Văn tiểu phẩm không phải là sở trường của Ốc Nghiêu, sau do có tiếng lớn mà cũng có người góp nhặt lại làm thành các sách Nghiêu triều bút ký. Nhiều nhân thập tam chưởng, Ngã Phật sơn nhân hoạt kê đàm, Ngã Phật sơn nhân tháp ký tiểu thuyết.

Bản *Nhị thập niên mục đồ chí quái hiện trạng* (Hiện trạng quái dị mắt thấy trong hai mươi năm) in chung trong Tân tiểu thuyết, sau cũng cùng với Tân tiểu thuyết đình chỉ. Năm Quang Tự 33 có bản in riêng một mình, từ Giáp đến Đinh bốn quyển, năm đầu Tuyên Thống lại ra bốn quyển nữa từ Mậu đến Tân cộng cả có một trăm lẻ tám hồi. Cả bộ sách lấy tên hiệu tự đặt Chín chết một sống lại, sợi dây xuyên suốt bộ, ghi chép lại những sự vật, sự việc trong khoảng đất trời, ai nghe thấy cũng phải kinh hãi mà bản thân gặp, thấy, nghe rồi chấp nhận thành một cuốn sách, bắt đầu từ lúc tuổi nhỏ, đến cuối thì vẫn chưa kết thúc, tập hợp lọn xộn những mẩu chuyện giống chuyện trong sách Quan Trường hiện hình ký, có điều tác giả từng trải có nhiều hơn, cho nên những điều tự thuật cũng có phong phú hơn, từ quan, đến học trò, người buôn, đều có mặt trong sách hết. Ngoài cách tìm kiếm trong truyền thuyết đương thời, còn xuất tiền mua đặt các sách truyện cũ như loại sách Chung cùu tróc quỷ truyện để viết thành chuyện mới, tự nói rằng sống ở đời trong hai mươi năm, quay đầu nghĩ lại thì những cái bản thân gặp, tự mắt thấy chỉ có bốn loại: loại thứ nhất là rắn, sâu, chuột, kiến; loại thứ hai là lang sói, hổ báo; loại thứ ba là những con quỷ li, vị, vông, lượng (Hồi thứ nhất). Vậy là cả bộ sách tự thuật, có thể biết là không ngoài lời nói việc làm của loại nhân vật như thế. Tương truyền Ngô Ốc Nghiêu người cương nghị, không muốn thua kém ai, vì vậy mà cay cú

một đời, không có duyên tri ngộ, nói ra toàn giọng cảm khái bi thương. Tiếc rằng ông miêu tả quá phô trương, có chỗ lại tràn đầy ác ý, nói trái sự thật, thì sức cảm liền nhỏ đi, mà rút cuộc cả pho sách toàn là những mẩu chuyện chỉ đủ để cung cấp tư liệu cho những kẻ nhàn tản để đàm đạo vui cười mà thôi, nhưng đoạn tự thuật một kẻ ở cùng nhà tại Bắc Kinh tên là Phù Di Hiên ngược đãi ông của nó sau đây:

... Đêm đã khuya, mọi người đã yên nghỉ hết. Tôi nằm mơ mơ, nghe có tiếng ồn ào từ phòng bên phía đông vang lại... ồn một chặp, lại im đi một chặp, im đi một chặp, lại ồn lên một chặp; tuy nghe không ra là chuyện gì, mà nói theo tiếng nhà Phật, cái căn tại của mình không được thanh tĩnh, ngủ không yên giấc... cứ mãi đến khi đồng hồ báo thức báo 3 giờ rồi, mới thiêm thiếp ngủ đi. Ngủ thẳng một giấc tỉnh dậy thì chuông đã đánh 9 giờ xong rồi. Tôi vội vàng dậy, bận áo quần xong, chạy ra phòng khách, thì thấy Ngũ Lạng Thần, Lý Tại Tư và hai người học trò, một người đầu bếp, hai người sai vặt vây thành một vòng đang bàn nói riêng gì xem ra tha thiết lắm. Tôi vội hỏi là chuyện gì... Lạng Thần vừa mở mồm định nói thì Tại Tư bảo: "Để cho Vương Tam nói thôi, khỏi làm chúng ta nói uổng lời." Anh đưa ở sai vặt Vương Tam liền kể: "Là việc nhà ông Phù ở bên phòng phía đông đấy. Hôm qua lúc đã khuya đến nửa đêm, tôi dậy đi ngoài, nghe trong phòng đó có người to tiếng cầu gắt gì... Tôi mò mẫm đi lại dằng sau phòng, nhìn trộm vào trong: đầu đuôi là ông Phù và bà Phù ngồi đối diện nhau ở trên còn cái ông già hay đến chỗ bọn tôi xin cơm thì ngồi bên dưới, chính là hai cái mồm đang mắng ông già ấy đấy. Ông già ấy cúi đầu xuống mà khóc, nhưng chỉ khóc thế, không khóc to lên. Bà Thái mắng nhiếc nghe ra kỳ hơn, bà ta bảo: Con người ta sống đến năm sáu mươi tuổi, thì nên chết đi cho rồi, xưa nay chưa thấy có người đã ngoài tám mươi rồi mà vẫn còn sống nữa. Ông Phù bảo: Sống nữa thì cũng thôi, không nói làm gì, nhưng không kể là cháo hay cơm, có được mà ăn thì ăn đi, chịu yên phận thủ thường, thì thôi cũng được, dằng này nay chê cháo này, mai chê cơm này, ông nên biết rằng muốn ăn ngon, uống ngon, mặc áo quần đẹp thì phải tự mình đổ sức ra mà làm mà kiếm lấy chứ. Cái ông già nói: Tôi nghiệp cho tôi, tôi đâu có mộng ăn ngon, uống ngon, chỉ cần một chút dưa muối mặn thôi mà.

Ông Phù nghe vậy, liền nhảy dựng lên mà bảo: Hôm nay muốn đưa mǎn mǎn, ngày mai muốn thịt mǎn mǎn, rồi sau nữa thì muốn gà, ngỗng, cá, vịt, ít lâu nữa lại yến sào, vây cá đều muốn tuốt. Tôi là một anh quan quèn thiếu thốn cùng túng, tôi cung ứng không nổi. Nói đến đó thì đập bàn, vỗ ghế, mắng chửi rầm lên.... Mắng chửi chán một lúc thì u già bụng cơm rượu và đồ nhắm lên dọn ra trên chiếc bàn một chân (độc cước) đặt ở giữa phòng. Hai vợ chồng ông Phù ngồi đối túc nhau uống rượu, mà lại có nói chuyện và cười nữa, còn ông già thì ngồi ở dưới đó, chỉ co ro nghẹn ngào khóc. Ông Phù uống hai chén, mắng hai câu, bà Phù thì chỉ để ý nhất xương quăng cho chó mà thôi. Cái ông già khóc méo xệch cả mặt, rồi không biết nói một câu gì mà ông Phù nổi lôi đình, hất cả cái bàn độc cước lên, nghe ken két rồi rầm một tiếng, các thứ trên bàn lộn nhào xuống đầy cả mặt đất, rồi to tiếng bảo: Thì ông ăn đi! Ông già cũng không lấy làm bẽ mặt, bò giữa đất nhặt ăn cẩn thận. Ông Phù bỗng đứng phắt dậy, cầm cái ghế đầu đang ngồi, nhầm ông già mà ném. May sao u già còn đứng đó vụt ra cản một cản, tuy cản không được, mà cũng có đỡ đi không ít. Chiếc ghế đầu tuy vẫn ném vào đầu ông lão, nhưng chỉ ném toạc một mảnh da thôi. Nếu mà không cản thì e vỡ sọ ra rồi. Tôi nghe xong chuyện, bất giác cả người toát mồ hôi ra, im lặng tự mình nghĩ một cách làm. Đến giờ ăn cơm, tôi liền bảo với anh Lý Tại Tư là phải đi tìm ngay một gian phòng, bọn tôi phải dọn nhà đi ngay thôi.” (Hồi thứ 74).

Sách Ngô Ốc Nghiêu làm, chỉ có ba loại, gồm các cuốn Hậu Hải, Kiếp Dự Khôi và Điện Thuật Kỹ Đàm là diễn thuật lại bản dịch, tự cho là tiểu thuyết tinh, còn các sách thì đều là loại khiển trách này cả, nhưng mức độ khiển trách không thật ngang nhau. Đến như chủ ý của bản thân thì do mượn bút mực làm kế sinh nhai, mà như Chu Quế Sinh đã có nói (S. Tân Am bút ký 3) tùy người, tùy nơi, tùy lúc mà đều có thay đổi, nhưng xét về đại thể thì đều là chủ trương khôi phục lại đạo đức cũ (Thấy trong lời bình ngữ S. Tân Am dịch tiết) cả mà thôi.

Lại có sách *Lão tàn du ký* 20 chương đều là của Hồng Đô Bách Luyện Sinh làm, thực ra là của Lưu Ngạc, có lời tựa của chính họ Lưu viết, mùa đầu năm Bính Ngọ Quang Tự tại Thương Hải; có người nói sách nguyên

chưa xong, hai ba hồi cuối là do người con làm tục vào. Lưu Ngạc tên tự là Thiết Vân, người Đan Đồ, Giang Tô, lúc trẻ giỏi toán, biết đọc sách, song người phóng khoáng không theo quy củ, sau bỗng hối hận, đóng cửa về nhà hơn năm, rồi đi làm thuốc ở Thượng Hải, rồi lại bỏ mà tập nghè buôn, mất cả gia nghiệp. Năm Quang Tự 14, sông Hà vỡ ở Trịnh Châu, Ngạc với tư cách là đồng trị đứng ra xin với Ngô Đại Trừng cho mình thử sức trị thủy, quả có công, tiếng tăm rất lớn dần dà lên chức tri phủ. Ở Bắc Kinh hai năm, dâng thư xin đặt đường sắt, lại chủ trương khai mỏ Sơn Tây, làm xong thì người đời xùm nhau chỉ trích, cho là Hán gian. Thời loạn Canh Tí, Ngạc mua thóc của kho thóc kinh đô do người Âu bán giá rẻ, có người nói là để phát chẩn cho dân đói, cứu sống được rất đông. Sau đó vài năm, chính phủ bắt tội là mua riêng thóc kho, đày đi Tân Cương rồi chết ở đó (Khoảng 1850 - 1910). (Theo sách Ngũ thập nhật mộng côn lục của La Chấn Ngọc). Sách *Lão tàn du ký* là mượn việc du hành của một người tên là Thiết Anh, hiệu Lão Tàn, lần lượt ghi chép ngôn luận, kiến văn của người đó, đồng thời tả cảnh tả vật, lăm chõ cũng khá hay, tín ngưỡng của tác giả cũng thấy được trong đó, còn công kích quan lại thì rất nhiều. Chuyện Cương Bật nhận định lầm ông họ Ngụy cùng với con gái mưu giết chết một nhà mười ba mạng, việc người ở của họ Ngụy đưa hối lộ để cầu xin cho chủ khỏi tội, mà Cương Bật vui vào cớ này để chứng thực là đúng, không lầm. Chuyện đó nói lên một điều: Quan liêm khiết là đáng giận, có khi đáng giận hơn cả quan tham ô; điều này người ta chưa từng nói đến, nay nói ra, tác giả cũng rất lấy làm đặc ý, nghĩ rằng quan tham ô là đáng giận, ai ai cũng biết thế, còn quan thanh liêm càng đáng giận hơn thì phần đông chưa biết đến. Lý do là quan tham ô tự mình biết mình có tật, nên giật mình không dám làm càn, còn quan thanh liêm thì i mình không ham tiền thì làm gì lại không được? Cũng cỏi tự thị không thèm nghe ai, thành ra sai nhỏ là giết người, sai to là làm việc cả nước, điều đó chúng ta ai cũng có mắt thấy cả, không biết là bao nhiêu tấm gương rồi, thử xem Từ Đồng, Lý Bình Hành là gương rất rõ.... Xưa nay đều vạch cái ác của bọn quan tham ô, còn vạch cái ác quan thanh khiết thì mới bắt đầu từ sách *Lão tàn du ký* này thôi...

...Bạn nha dịch kia đã giải săn hai cha con ông Ngụy đến, cả hai đều

đã như chết đi một nửa rồi. Họ quỳ trước mặt quan, Cương Bật mò trong bụng rút ra tấm ngân phiếu một ngàn lượng bạc kia với giấy tờ hẹn đưa năm ngàn năm trăm lượng kia nữa... bảo lính đưa cho hai cha con ông Ngụy xem. Cả người cha, cả cô con gái đều nói: "Không biết thế là duyên cớ thế nào..." Cương Bật cười to khà khà bảo: "Chúng mày không biết, để ta nói cho nghe, thì rồi biết thôi: Hôm qua, có cái ông cử Hồ đến chào ta, đưa ra một nghìn lượng bạc và nói: cái án của cha con mày đó, nhờ ta tìm cách gỡ cho, lại nói: như gỡ cho khỏi tội được, thì đòi nhiều hơn nữa cha con mày cũng đồng ý chịu... ta lại nói thêm cho rõ ràng nữa để chúng mày nghe: nếu vụ án mạng kia không phải do cha con mày thì cớ gì mày lại chịu bỏ ra mấy nghìn lượng bạc mà chạy chọt? Đó là bằng cớ thứ nhất.... Nếu không phải là mày giết, thì khi ta bảo cử Hồ là tính một mạng là năm trăm lượng, sáu ngàn năm trăm lượng, thì cử Hồ lại nói: án mạng không phải do nhà đó làm, nếu nhờ ngài xử cho nhà đó được khôi oan thì bảy nghìn, tám nghìn giờ người ta cũng bằng lòng cả, còn sáu ngàn năm trăm thì người ta không muốn. Sao cử Hồ không nghĩ ngợi gì mà cũng nhận năm trăm lượng một mạng? Đó là chứng cớ thứ hai. Ta khuyên cha con mày sớm muộn rồi cũng phải khai ra và nhận thôi, miễn làm sao để khỏi bị tra tấn cho khổ." Hai cha con nhà kia khẩu đầu lia lịa nói: "Lạy quan lớn đèn trời, quả thực là oan uổng." Cương Bật đập bàn một cái, giận dữ bảo: "Ta đã giảng giải như thế, mà chúng mày vẫn không chịu khai? Lại kẹp chúng nó lại cho ta!" Bọn lính dì một loạt như sấm vang... Bọn lính đang sắp kẹp thì Cương Bật lại bảo: "Hãy khoan! Bọn lính chúng mày lại đây tao bảo đã... mánh khốe của bọn chúng mày tao biết cả rồi. Chúng mày thấy án không nặng, chúng mày kiếm được tiền, thì tra nhẹ nhàng để cho phạm nhân không đau. Hễ thấy án nặng, không khỏi được, thì kiếm được tiền rồi, lại tra dữ vào để cho phạm nhân chết ngay đi, thây xác được trọn vẹn, nhưng quan tao đây lại có cách xử phạt bọn lính tra tấn đến chết người. Bây giờ chúng mày kẹp ~~chá~~ con Giả Ngụy cho tao, không được kẹp chúng đến hôn mê đi, nhìn thần sắc không tốt thì buông ra, đợi tỉnh lại hãy kẹp lại. Cho đi mười ngày, vô luận chúng mày cứng đầu thế nào, cũng không sợ chúng mày không khai." (Chương thứ 16).

Sách *Nghịt hải hoa* thấy đăng vào báo Tiểu thuyết, làm năm Quang Tự 33, xưng là tiểu thuyết lịch sử, đề là “Ái tự do giả phát khởi - Đông Á bệnh phu, biên thuật” (Kẻ yêu tự do kể, người có bệnh ở Đông Á biên thuật). Tương truyền là của một cử nhân người Thường Thục, tên là Tăng Phác, tên tự là Mạnh Phác làm. Hồi thứ nhất còn như một bản mục lục để chỉ dẫn, mục lục kể cả thảy là sáu mươi hồi, bắt đầu từ Kim Quân Luân Nguyên, tức nhân vật dùng làm sợi dây xuyên suốt cả, tự thuật các dật sự di văn trong ba mươi năm cuối đời Thanh, sau thì hình như muôn lấy một cuộc cách mạng nghĩ săn ra mà kết thúc nhưng bỗng thôi nửa chừng. Kim Quân là chỉ Hồng Quân người Ngô huyện, từng làm chủ khảo các khoa thi ở Giang Tây, về nhà chịu tang, ngang qua Thượng Hải, lấy một gái điếm có tiếng, tên là *Phó Thái Vân* làm vợ hầu, sau di sứ nước Anh, đem theo xung là phu nhân, cũng có lầm chuyện. Lúc Hồng mất ở Bắc Kinh, Phó lại đến Thượng Hải làm điếm lại, xung tên là Tào Mộng Lan, rồi lại đến Thiên Tân, xung tên là *Trại Kim Hoa*, trong thời Canh Tí, được viên Thống Soái liên quân gần gũi, rất oai. Nói về Hồng và Phó, sách đặc biệt có nhiều lời hài hước và ác độc, lại mô tả các quan to và kẻ sĩ có tiếng lúc bấy giờ cũng rất lâm ly, có lúc lại theo lối khoa trương, vốn là thông bệnh của loại tiểu thuyết khiển trách. Được một điều là cũng kết cấu khéo, lời văn bóng bẩy đẹp đẽ, đó là sở trường của cuốn sách. Còn nhân vật trong chuyện thì hầu như không có nhân vật nào không ám chỉ người thực. Nếu đúng như người ta nói thì nhân vật Lý Thuần Khách chính là thầy học của tác giả Lý Tử Minh với tên tự là Thuần Khách (Thấy trong lời tựa của sách Biền thể văn tập của Việt Man Đường), do gần gũi học hỏi đã lâu, miêu tả thầy chắc là gần đúng như thật, thế mà lầm khi vẫn quá đáng, không được tự nhiên, đó là do chuộng tô vẽ thêm và coi thường việc mô tả đúng như thực. Tác phong thời bấy giờ vốn là thế, xem ví dụ sau:

... Nay nói chuyện Tiểu Yến ăn mặc như ngày thường ngồi xe nhẹ, bảo người phu xe kéo tết đến phố chùa Bảo An, ở phía Nam thành. Bấy giờ trời thu cao, khí thu trong sáng, đất mềm chân nhẹ, chỉ một chốc đã đến cổng nhà. Cho xe đỗ dưới bóng hai gốc đa to. Người nhà đang định bão cho chủ biết là có khách thì Tiểu Yến xua tay bảo không cần rồi tự mình nhẹ

nhàng nhảy xuống xe. Khi bước qua cửa, thoảng thấy một câu đối ở cửa bằng giấy màu chàm sa hồng nhạt mới dán lên, chữ viết tươi đẹp mà xương xẩu cứng cáp, hai hàng thanh thoát đều đặn khác thường, nói: Đường phố chùa Bảo An, cất sách mười vạn quyển - Quan viên ngoại bộ Hộ bổ khuyết một nghìn năm. Tiểu Yến cười một cười. Kè cửa có một bức tường đắp nên nhiều hình, quanh bức tường về phía đông có ba gian phòng khách bóng lộn. Theo hành lang ngoài phòng khách đi thẳng có một cửa động kiểu lá thu, phía trong cửa là một cái viện nhỏ vuông vuông, ngoài sân có một giàn tử đằng la tim xum xuê, trong viện trồng đầy Mộc phù dung hoa màu hồng đẹp, nồng nà say sưa, vì chính mùa hoa nở. Ba gian nhà lặng, buồng cả rèm trưởng, buồng không có tiếng người. May vừa có một luồng gió nhẹ nhẹ. Tiểu Yến nghe một mùi thuốc sắc từ trong khe rèm ra, thơm nhẹ phả vào mũi. Bắt màn lên đi vào thì thấy một cậu bé tóc dùng que vấn lên, đang cầm một chiếc quạt lác rách, sắc thuốc bên vách phía đông giữa nhà. Thấy Tiểu Yến đi lại cậu bé đứng dậy. Nghe trong phòng có tiếng ngâm to:

Mục nhạt khen thơ đèn canh chừ

Gió hiu nhạc lắc dáng trong mơ

Tiểu Yến bước qua bếp đi tới, cười và nói: Người trong mộng là ai đấy? Vừa hỏi và nhìn, thì thấy Thuần Khách mình mặc chiếc áo cánh vá quàng vai bằng lụa mềm đã nửa đời, chân đi dép cỏ, người cũng thường thường như mọi khi, một tay giơ lên vuốt chòm râu ngắn, ngồi trên một chiếc chông tre cũ xem sách. Nhìn thấy Tiểu Yến đi lại thì vội chùng người lại, cúi sấp xuống, úp mặt lên trên cuốn sách mà ho. Lên tiếng run run hỏi: "Này! Ông trẻ đến mà già này ốm, không dậy đón được, tha lỗi chứ, tha lỗi cho chứ?" Tiểu Yến nói: "Thuần Lão ốm xoàng thôi, bao lâu rồi đấy? Thế nào mà anh em không thấy bóng dáng đâu cả?" Thuần Khách bảo: "Từ cái hôm các ông làm lễ mừng thọ cho mình ấy. Mới hay già này phúc mỏng, không đáng nhận được tấm thịnh tình của các ông. Cái tập Văn ngoại viễn (vườn mây nằm), chỉ e hôm nay rồi không làm cho xong được nữa đấy." Tiểu Yến nói: "Trời gió rét, ốm xoàng, uống thuốc rồi là đỡ thôi, tôi còn muốn mời thầy đi ngay cho để khỏi phụ lòng các ông mong mỏi." Tiểu Yến vừa nói chuyện vừa đưa mắt nhìn trộm thì thấy trên chông lộ ra một tờ hoa

tiên dài, viết đầy cả, mà toàn là chữ có dài lên hết. Mà các chữ viết dài lại rất kỳ quặc, không phải là Cụ lớn, là Quý ngài, hay là anh, là chị gì đâu, mà hết dòng này đến dòng khác, toàn là hai chữ người giàn. Tiểu Yến rất lấy làm lạ, định để ý đọc hết một vài dòng xem thì bỗng nghe ngoài cửa lá thu có hai người vừa trò chuyện tay đụng tay, chân bước lên giấu chân nhau đi lại, lúc đó, Thuần Khách vừa mở mồm để nói thì nghe trên màn trúc rật một tiếng. Thật là: Mười trượng hồng trần chôn cốt hiệp. Một rèm thu sắc dưỡng hồn thơ. Chưa biết hai người đến đó là ai, hãy nghe hồi sau nói rõ. (Hồi thứ 19).

Sách *Nghịệt hải hoa* cũng có người viết tục thêm (Sách Bích huyết mạc, sách Tục nguyệt hải hoa) nhưng đều không xứng với nguyên bản.

Ngoài các sách nói trên thì những kẻ tự cho là chỉ trích các tội ác của xã hội, rồi lại viết lại tiểu thuyết như vậy còn đâu, nhưng mười người đến chín là học dỗi vài cuốn sách trước mà thua rất xa, chỉ viết ra thứ văn trách móc chê bai, không có sức cảm người đọc, vừa sinh ra lại vừa diệt mất cũng có nhiều khi viết không xong. Thấp xuống một bậc nữa là đến thứ văn chê cười kẻ thù riêng, ngang hàng với loại sách phỉ báng. Lại có kẻ có cái chí khinh nhơn chửi mắng, nhưng lại không có tài viết văn nên thành ra trụy lạc, viết loại tiểu thuyết gọi là Mâu đen.

LỜI GHI SAU

Trở lên là hai mươi tám chương sơ lược về lịch sử của nền tiểu thuyết Trung Quốc, từ chương thứ nhất đến chương thứ 15 thì tháng 10 năm ngoái đã in xong. Sau đó, đọc sách Minh Thi Tống, quyển 8 của Chu Di Tôn mới biết rằng Sơn Tiêu Nhạn đảng là Trần Thẩm, tên tự là Hà Tâm và Hồ Thích làm tựa cho sách Hậu Thủy Hử truyện, khảo xét được sự tích rất nhiều, đọc tập thứ nhất nói về hai văn hào lớn trong văn học bình dân của Tạ Di Lượng mới biết rằng sách Cựu thuyết Đường bản cũ đó để là Lư Lăng La bốn soạn, sách Phấn trang lâu tương truyền cũng là của La Quán Trung làm, tiếc rằng mới được thấy sau, không kịp thêm vào và sửa chữa lại. Còn từ chương 16 trở đi thì bản thảo cứ để mãi trên bàn, thỉnh thoảng có sửa chữa, song kiến thức eo hẹp, xem đọc không nắm được, chẳng những về tiểu thuyết đời Minh, đời Thanh thiếu sót còn nhiều, mà đến các tác giả mới đây thôi, có tiếng tăm như các ông Ngụy Từ An, Hàn Tử Vận cũng do công việc khác lôi kéo mà chưa có dịp hỏi thăm cho kỹ hơn. Lại nữa các tiểu thuyết buổi đầu khắc in phần nhiều có lời tựa lời bạt, có thể nhờ đó mà biết được niên đại làm xong cùng với tên người làm, xong bản cũ ít gặp, chỉ thấy bản mới, người buôn sách cầu thả, ngoài chữ của làng sách ra thì đai để bỏ mất hết, lúc dùng để tra cứu lục chép thì cũng căn cứ vào những điều ít ỏi sơ lược mà thôi. Cứ lúc sợ sai lầm thì cũng chỉ sửa đổi lại năm tháng, may ra thỏa đáng hơn đôi chút. Nay do phải gấp vội, cần đem in ra, chưa đầy đủ mà cứ phải để thế, thành ra điều lúc trước mong muôn, là giúp cho người nghe giảng nghe được đầy đủ, tỉ mỉ, cho người viết chép đỡ phiền hà khó nhọc, điều mong muôn đó phải dứt khi đưa in lần này.

Ngày 3/3/1924, hiệu đính xong ghi

QUÁ TRÌNH DIỄN BIẾN CỦA LỊCH SỬ TIỂU THUYẾT TRUNG QUỐC

Những bài tôi sắp giảng đây là giảng về sự biến đổi trong lịch sử của tiểu thuyết Trung Quốc. Nhiều nhà sử học đã nói: lịch sử loài người là một *quá trình tiến hóa*, thế thì đương nhiên Trung Quốc ta cũng không phải là ngoại lệ. Chỉ có điều xem tình hình tiến hóa của Trung Quốc thì lại thấy có *hai loại hiện tượng đặc biệt*, *một loại là: sau khi cái mới đã đến khá lâu rồi mà cái cũ lại còn trở lại nữa, tức là hiện tượng trở lại*, *một loại là: cái mới đã đến khá lâu rồi mà cái cũ cũng không bị bỏ đi, tức là hiện tượng đan xen lẫn nhau*. Như thế thì không tiến hóa gì cả sao? Không phải thế, mà chỉ là tiến hóa chậm, lâu so với kẻ khác, làm cho chúng ta là những kẻ nóng tính, có cái cảm giác một ngày ba thu đó thôi. Văn nghệ và một bộ phận của văn nghệ là tiểu thuyết tất nhiên cũng thế. Ví dụ như cho đến ngày nay mà trong các tác phẩm, những cặn bã trong các sách đời Đường, đời Tống, thậm chí trong tư tưởng hay cách làm của nhân dân nguyên thủy đều vẫn đang còn. Hôm nay giảng, định không tìm hiểu những cái cặn bã đó còn được xã hội hoan nghênh lắm - mà chỉ cốt từ trong những tác phẩm làm bậy bạ, những tác phẩm phức tạp lộn xộn đó tìm ra một con đường, một đường lối tiến hành. Tôi sẽ giảng trong sáu bài.

Bài giảng thứ nhất

TỪ THẦN THOẠI ĐẾN CHUYỆN THẦN TIÊN

Khảo xét ra thì danh từ TIỂU THUYẾT xưa nhất được thấy trong sách Trang Tử: “*Trau dồi tiểu thuyết (lời nói nhỏ) để, can dự, vào huyền lệnh*”¹⁰. Huyền có nghĩa là cao (treo), lệnh có nghĩa là đẹp là khen. Song đó chỉ là nhầm những lời nói nhỏ, vụn vặt, không quan hệ gì đến đạo thuật, hoàn toàn không giống với TIỂU THUYẾT về sau dùng. Vì lẽ học thuyết của các nhà Khổng Tử, Dương Tử, Mặc Tử theo cách nhìn của Trang Tử, đều có thể gọi là tiểu thuyết cả, mà ngược lại, các nhà Trang Tử, cũng có thể gọi Trước tác của ông là tiểu thuyết. Đến như *Nghệ Văn Chí* trong *Hán thư* thì nói: tiểu thuyết là lời nói, là thuyết của chuyện kể ngoài đường, lời nói trong ngõ¹¹. Nói vậy là đã gần giống với những chuyện mà hiện nay gọi là tiểu thuyết, chỉ khác là những mẩu chuyện nhỏ mà toàn đâm dân đen kể ngày xưa nói, và các chức bài quan góp nhặt lại, dùng để khảo sát dân tình, phong tục trong nước, đều hoàn toàn không có cái giá trị của những chuyện mà hiện nay gọi là tiểu thuyết.

Tiểu thuyết bắt đầu như thế nào? Căn cứ theo *Nghệ Văn Chí* của *Hán thư* thì dòng phái các nhà tiểu thuyết là từ các bài quan mà ra. Việc quan góp nhặt tiểu thuyết có hay không, là một vấn đề khác. Cho dù là có thật thì đó chỉ là khởi nguyên của sách tiểu thuyết, mà không phải là khởi nguyên

¹⁰ Nguyên văn: Sức tiểu thuyết dĩ can huyền lệnh.

¹¹ Tiểu thuyết giả, gai đâm hạng ngữ chi thuyết dã.

của tiểu thuyết, còn hiện nay thì phần nhiều những người trong các tổ chức nghiên cứu văn học sử đều cho tiểu thuyết bắt nguồn từ thần thoại. Vì lẽ dân tộc nguyên thủy ở hang, sinh sống ngoài đồng nội, thấy trời đất muôn vật biến hóa bất thường như gió mưa, động đất v.v... không phải sức người có thể nắm bắt được, chống đỡ lại được, thì hết sức kinh sợ, lạ lùng, nên cho là nhất định có một vị chúa tể, làm chủ cả mọi sự, mọi vật rồi đặt cho vị đó cái tên là Thần, lại tưởng tượng ra sinh hoạt, động tác của thần, như Trung Quốc có Bàn cổ Thị khai thiên lập địa, đặt ra thuyết đó là đã thành thần thoại rồi. Từ thần thoại mà diễn tiến lên, cho nên sự việc dần dần gần với tính người, xuất hiện đại để là nửa thần, như nói xưa nay những kẻ anh hùng lập nên công lớn, tài năng ở trên người thường, là do Trời trao mới có. Chẳng hạn là Giản Định nuốt cái trứng yến mà sinh ra nhà Thương, thời vua Nghiêу, mười cái mặt trời mọc lên một loạt, vua Nghiêу sai người Nghệ bắn di, những chuyện đó cùng với chuyện người thường, không giống. Các chuyện như vậy, bây giờ gọi là truyền thuyết. Do các chuyện đó mà diễn tiến lên lần nữa thì chuyện chính quy lại là sử, còn dặt sử thì biến làm tiểu thuyết đó thôi.

Tôi nghĩ, trong cái thứ tự phát sinh của các tác phẩm văn nghệ, có lẽ *thơ ca có trước, tiểu thuyết có sau*. Thơ ca bắt nguồn từ lao động và tôn giáo. Lê thứ nhất là trong khi lao động, một mặt thì làm lụng, một mặt thì ca hát, như vậy có thể quên mệt nhọc khổ sở đi, cho nên từ tiếng kêu la đơn thuần mà phát triển ra, đi đến chỗ phát huy cái tâm lý, cái tình cảm của mình lên, đều có vài vần điệu tự nhiên cả. Lê thứ hai là, dân tộc nguyên thủy đối với thần minh, đi dần từ sợ sệt đến kính mến rồi ca tụng cái oai linh của nó, ca ngợi cái công lao của nó, như vậy là tạo thành cái khởi nguyên của thơ ca. *Còn tiểu thuyết thì tôi nghĩ ngược lại, lại khởi nguyên từ sự nghĩ ngoi*. Con người khi lao động, đã dùng ca ngâm để cho vui, nhờ đó mà quên đi nỗi mệt nhọc cực khổ, thì đến lúc nghỉ cũng nhất định tìm một cách gì đó tiêu khiển khi nhàn rỗi. Cách đó là người này người kia, trao đổi với nhau, chuyện đã qua, việc bàn kể trao đổi chuyện cũ đó, chính là khởi nguyên của tiểu thuyết. Vì thế mà thơ ca là văn vần, từ lao động mà phát sinh, còn tiểu thuyết là văn xuôi, nhân lúc nghĩ ngoi mà phát sinh.

Hai bên phân biệt như thế, nhưng đời xưa, bất luận thơ ca hay tiểu thuyết, cái yếu tố của chúng đều không tách khỏi được thần thoại. Ở Ấn Độ, ở Ai Cập, ở Hy Lạp đều thế cả. Ở Trung Quốc cũng thế. Chỉ khác ở *Trung Quốc hoàn toàn không có trước tác lớn có hàm ý thần thoại mà thôi*. Còn như những thần thoại linh tinh thì hiện tại cũng chưa có một cuốn sách nào tập hợp lại thành chuyên thư cả. Chúng ta sưu tầm thì chỉ có tìm trong sách cổ hoặc giả có điểm nào chăng, mà cuốn sách cổ trọng yếu nhất loại ấy thì phải nói là cuốn *Sơn Hải Kinh*. Song sách này lại không có hệ thống gì, chuyên trọng yếu nhất trong đó mà có quan hệ cho đời sau là những mẩu chuyện nói về Tây Vương Mẫu, sau đây là cử ra một số:

Núi Ngọc Sơn là nơi ở Tây Vương Mẫu. Tây Vương Mẫu hình dáng như con người, đuôi báo răng hổ mà tài kêu, tóc bờm xồm cõ đội mũ như mào chim đái thang, đó là kẻ giữ lịch trời với sao ngũ tần.

Những mẩu chuyện như thế không phải ít, các điển cố đó mãi đến đời Đường mới bị Ly Sơn lão mẫu cướp mất địa vị. Ngoài rã lại có một loại “Mục thiên tử truyện” kể chuyện Chu Mục Vương ngồi xe tám ngựa đi về hướng Tây. Đó là một chương của cuốn sách trong ngôi mộ cổ ở Hấp quận. Tóm lại tài liệu về thần thoại đời cổ ở Trung Quốc rất ít, có chăng chỉ là những đoạn ngắn, không có thành chuyện trường thiêng, lại tựa hồ không phải do người đời sau làm mất mát đi mà vốn là ít có thực sự. Chúng ta nên tìm xem nguyên nhân thế nào, riêng tôi thì cho là do hai nguyên nhân trọng yếu như sau:

Nguyên nhân thứ nhất là do *lao khổ quá*. Dân tộc Trung Hoa đầu tiên ở trong lưu vực sông Hoàng Hà, tình hình giới tự nhiên hoàn toàn không tốt, do việc sinh sống, ăn lầm đã phải siêng năng chịu thương chịu khó một cách phi thường rồi, vì vậy mà sinh ra trọng thực tế, coi khinh việc suy nghĩ viễn vông, thần thoại do đó mà không phát đạt được để truyền lại đời sau. Lao động tuy nói là phát sinh ra văn nghệ nhưng cũng phải có điều kiện, điều kiện đó là không quá mức nhọc nhằn, thư thả, đều, vừa phải, hoặc giả ít thấy lao khổ, thì mới phát minh được thơ ca này khác, có rồi rã đôi chút thì mới kể chuyện được. Giả sử lao động quá nhiều, thì giờ nghỉ ngơi ít, không khôi phục lại được sức lực sau mỗi buổi mệt mỏi nhọc nhằn thì đến

cả ăn ngủ cũng còn không làm được, nói gì đến văn nghệ.

Nguyên nhân thứ hai là *đã bị bỏ quên*. Thời xưa ở Trung Quốc, nào thần trời, nào thần đất, nào người, nào ma, đâu đâu cũng có mà chung lộn cả, như vậy thì cái tín ngưỡng nguyên thủy nói trong truyền thuyết, ngày nào cũng có sinh ra và sinh ra không cùng, thế rồi cái cũ chết cứng di, người sau không dựa vào đâu mà biết được. Chẳng hạn Thần Đồ, Úc Lũy là những thần lớn đời cổ, theo truyền thuyết thì tay cầm một loạt dây thừng băng cây lách, dùng để trói hổ và dùng để phòng ngừa ma quỷ hung ác, vì vậy đời cổ coi hai vị thần đó là thần cửa. Nhưng về sau người ta lại đổi thần cửa ra là Tần Quỳnh và Uất Trì Kính Đức, lại dẫn nhiều sự thực để làm chứng, từ đó người đời sau chỉ biết có Tần Quỳnh và Uất Trì Kính Đức là thần cửa mà không biết đến Thần Đồ và Úc Lũy nữa, mà lại còn sáng tác thêm chuyện kể về hai vị thần mới này. Những ví dụ như vậy không phải là ít.

Thần thoại Trung Quốc đã không có bản trường thiêng nào, nay chúng ta hẳn xem lại các tiểu thuyết có ghi chép trong Văn nghệ chí của Hán thư. Những bản mục lục về tiểu thuyết khá nhiều ghi trong *Văn nghệ chí* của *Hán thư* hiện nay không có một bản nào có lục chép thần thoại, chỉ có một ít đoạn di văn, là còn có thể thấy được. Thí dụ chuyện Thanh sử tử mã, Đại đái lỗ, Thiên Bảo Phó có dẫn.

Người đời xưa 8 tuổi thì ra ở nhà ngoài, học các nghề nhỏ, tập những điều tiểu tiết, đến tuổi bó tóc thi vào Thái học, học các nghề lớn, tập những điều đại tiết. Thường ngày tập lễ văn, đi thì tìm cách cho ngọc đeo ở mình kêu lên, lên xe thì lắng nghe tiếng so hai cương ngựa, nhờ thế mà cái tâm sai trái lệch lạc không nhập vào mình được...

Loại chuyện Thanh sử tử nói đó, chính là tiểu thuyết đời cổ. Chỉ có điều cứ theo chúng ta xem thì nó cùng với chuyện sách *Lê ký* nói cùng giống nhau, không biết vì lẽ gì mà cho là tiểu thuyết? Hoặc giả là vì lẽ trong đó có những tư tưởng cùng với tư tưởng Nho gia không giống nhau? Đến như những tiểu thuyết hiện tại có, mà gọi là tiểu thuyết đời Hán thì có hai loại, nói là của Đông Phương Sóc làm: một là sách *Thần Dị ký*, hai là sách

Thập Châu ký; Ban Cố làm cũng có hai: một là *Hán Võ cố sự*, hai là *Hán Võ Đế nội truyện*. Ngoài ra còn có sách *Động Minh ký* của Quách Hiếu làm, sách *Tây Kinh tạp ký* của Lưu Hải làm. Văn chương của Thần Dị kinh là bắt chước văn chương của Sơn Hải kinh. Những điều nói trong sách phần nhiều là những sự việc quái đản. Hiện tại kể một điều làm ví dụ:

Trong núi hoang phía Tây Nam có loại thú nói dối: hình dáng giống con thỏ, mặt người, biết nói, thường lừa dối người ta: nói đông mà là tây, nói thiện mà là ác. Thịt ăn ngon, ăn vào thì nói không thật nữa. (*Tây Nam hoang kinh*).

Sách *Thập Châu ký* thì chép việc Hán Võ đế nghe Tây Vương Mẫu nói về mười châu. Sách đó cũng là bắt chước Sơn Hải kinh, chẳng qua so với Thần Dị kinh thì có hơi trang trọng hơn mà thôi. Sách *Hán Võ cố sự* và sách *Hán Võ đế nội truyện* đều là chép chuyện Võ đế từ lúc sơ sinh cho đến lúc chết chôn. Sách *Động Minh ký* thì nói về phép thuật phép thần tiên cùng với sự việc quái dị ở phương xa, sách *Tây Kinh tạp ký* chép những chuyện vặt của người đời. Vậy mà Thần Dị kinh, *Thập Châu ký*, Nghệ Văn Chí của Hán thư không ghi chép, thế là biết không phải của Đông Phương Sóc làm, do người sau giả tạo ra, còn sách *Hán Võ cố sự*, *Hán Võ đế nội truyện* thì so với văn chương trong các sách khác của Ban Cố, hơi văn không giống nhau, lại nữa có xen vào những câu những lời của nhà Phật.... Thời ấy đạo Phật còn chưa thịnh, vả lại xưa nay người Hán không thích cách nói có giọng Phật, vậy cũng thấy được là sách giả. Nói đến *Động Minh ký* và *Tây Kinh tạp ký* thì đã có người khảo xét là của người đời Lục triều làm. Thế là cuốn tiểu thuyết nói trên đây đều là sách giả cả, nhưng ngoài ra thì có sách *Liệt tiên truyện* của Lưu Hướng là sách thật. Cát Hồng đời Tống cũng đã có làm sách *Thần tiên truyện*, đời Đường đời Tống thì lại còn có nhiều hơn, mà những sách này rất có ảnh hưởng đến tư tưởng và tiểu thuyết đời sau. Lưu Hướng làm sách *Liệt tiên truyện*, đương thời hoàn toàn không phải có ý làm tiểu thuyết, mà là định viết truyện chân thực, chẳng qua chúng ta lấy cái nhãn quan hiện tại mà xem nên cho là tiểu thuyết đó thôi. Các chuyện thần thoại chép tùng mảnh và ngắn gọn trong hai cuốn *Liệt tiên truyện* và *Thần tiên truyện*, đến ngày nay còn hay lấy làm chuyện đọc cho trẻ. Hiện tại có

một vấn đề này ra là thần thoại như vậy có nên đem vào chuyện cho trẻ con đọc? Nhân tiện chúng ta cũng nên nói qua vài lời: Những người phản đối nói đem chuyện thần thoại dạy cho trẻ thì làm cho chúng thành ra mê tín như thế là rất có hại; còn những người tán thành thì nói: đem thần thoại dạy cho trẻ chính là hợp với tính tự nhiên của chúng, gây cho chúng nhiều hứng thú, không có hại gì hết. Riêng tôi thì nghĩ rằng cần xem cái tình hình giáo dục trong xã hội ra thế nào đã, rồi mới nên có ý kiến. Nếu chắc chắn trẻ sẽ tiếp tục học được để tiếp thu một nền giáo dục đầy đủ đẹp tốt thì trong tương lai, khi được học khoa học, tự nhiên trẻ sẽ hiểu ra thôi, không thành mê tín, cho nên cho đọc thần thoại là không có hại gì. Còn như trẻ không thể tiếp tục học, không tiếp thu được một sự giáo dục cao sâu hơn, học thức không tiến bộ lên được nữa thì những thần thoại đem dạy cho trẻ lúc còn bé, trẻ sẽ cứ tin mãi là chuyện có thật, như vậy thì rõ là có hại.

Bài giảng thứ hai
SÁCH CHÍ QUÁI CHÍ NHÂN
THỜI LỤC TRIỀU VÀ TÁC GIẢ CỦA NÓ

Bài trước đã giảng qua mấy điểm sau: 1/ Thần thoại, là mầm mống của văn nghệ. 2/ Thần thoại ở Trung Quốc rất ít. 3/ Những thần thoại ta có, đều không dài, không thành chuyện trường thiêng. 4/ Những tiểu thuyết có ghi chép trong Nghệ Văn Chí của sách *Hán thư* nay đều không còn nữa. 5/ Những tiểu thuyết của người đời Hán làm, phần lớn là sách giả.

Bài này chúng ta sẽ xét xem tiểu thuyết thời Lục triều là thế nào. Trung Quốc xưa nay vốn tin quỷ thần, mà quỷ thần với người là cách biệt, vì vậy muốn người và quỷ thần giao thông được với nhau, thế là có người làm nghề đồng cốt ra đời. Bọn đồng cốt sau lại chia làm hai phái: một phái là phuơng sī (thầy phù thủy), một phái thì vẫn làm nghề đồng cốt như cũ. Đồng cốt hay nói chuyện ma quỷ, phuơng sī hay đàm luận việc luyện kim và việc cầu tiên. Từ đời Tần đời Hán đến nay, cái phong khí đó cứ ngày một mạnh, đến đời Lục triều cũng không ngừng, vì thế mà sách chí quái đặc biệt nhiều; như chuyện trong sách *Bắc vật chí* đã ghi như sau:

Thái tử Đan nước Yên sang làm con tin ở nước Tần... muốn về, xin với Tần vương. Vương không cho, nói dối rằng: "Quạ trắng đâu bay ra, ngựa mọc sừng lên thì được". Đan ngả mặt lên trời than, quạ liền trắng đậu ra, cùi đầu xuống mà rên, ngựa liền mọc sừng. Tần vương bất đắc dĩ cho đi. (Sử bối quyển 8).

Chuyện như trên toàn là chuyện quái đản, đó là chịu ảnh hưởng của tư tưởng phương sĩ. Lại như trong sách *Dị Uyển* của Lưu Kính Thực chép:

Khoảng giữa niên hiệu Nghĩa Hi, đưa hầu gái nhà họ Từ ở Đông Hải bỗng mắc bệnh lụy hoàng (gây vàng) mà gai cào khác thường. Cả nhà nhìn xem, thấy cái chồi từ gốc vách rảo đến, họ lấy mà đốt đi, cô gái liền khỏi bệnh. (Quyển 8).

Xem thế thì biết rằng người đời Lục triều cho bất cứ đồ vật gì cũng đều thành yêu quái được cả mà đó chính là tư tưởng đồng cốt, tức cái gọi là vạn hữu thần giáo (tạo hóa muôn vật đều có thần). Tư tưởng đó, đến ngày nay vẫn còn như cũ, đại loại như: thường thấy trên cây treo cái bảng đề là, “Có cầu là nhất định có ứng”, thế đủ chứng minh rằng trong xã hội người ta còn cho cái cây là thần, đúng như người thời Lục triều mê tín, không khác gì. Thực ra thì tư tưởng đó, vô luận nước nào, thời cổ đều có cả, sau mới dần dần không có nữa mà thôi, còn ở Trung Quốc thì vẫn rất mạnh.

Tiểu thuyết chí quái thời Lục triều trừ cuốn *Bác vật chí* và cuốn *Dị Uyển* nói trên ra, còn có cuốn *Sưu Thần Ký* của Can Bửu, cuốn *Sưu Thần Hậu Ký* của Đào Tiềm. Nhưng *Sưu Thần Ký* phần lớn đã mất mát đi, phần còn hiện nay là của người đời Minh tập hợp những chuyện các sách, dẫn dụng lại, thêm vào các sách chí quái khác nữa mà làm thành, vậy đó là bộ sách nửa thật nửa giả. Còn *Sưu Thần Hậu Ký* cũng ghi chép những chuyện biến hóa linh thiêng chỉ có điều là *Đào Tiềm vốn người khoáng đạt, chưa chắc là người làm ra sách đó*, có thể một người nào khác mà mượn tên ông đó thôi.

Ngoài ra còn có một loại chuyện giúp cho tư tưởng chí quái của người Lục triều phát đạt, đó là tư tưởng Ấn Độ đem vào. Vì lẽ thời gian bốn triều Tấn, Tống, Tề, Lương, Phật giáo phát triển mạnh, kinh Phật dịch ra thời đó rất nhiều, đồng thời chuyện quỷ thần kỳ lạ xuất hiện, lẫn lộn với nhau, vì thế mà quỷ quái hai nước lúc đó hợp lại cùng nhau vào trong tiểu thuyết, làm cho nó phát đạt thêm như chuyện *Cái lồng ngỗng của Dương Tiên*:

Dương Tiên Hứa Ngạn đi trong núi Tuy An, gặp một thư sinh... nằm bên đường, nói là đau chân, xin vào ở nhờ trong lồng ngỗng. Ngạn cho là

nói dừa, nhưng chàng thư sinh vào lồng ngỗng thật, nghiêm nhiên ngồi với hai con ngỗng, ngỗng cũng không sợ. Ngạn gài lồng mà đi, không thấy nặng. Đến khi xin nghỉ lại dưới gốc cây, thì người thư sinh ở trong lồng ra, nói với Ngạn rằng: "Tôi muốn mời ông ăn một chút gọi là." Ngạn bảo: "Tốt thôi! Thế là chàng nôn trong mồm ra một cái hộp đồng, trong đây đủ các thức ăn...". Rượu vài tuần xong, chàng bảo Ngạn: "Trước đó đem một người đàn bà đi theo, bây giờ muốn đón cô ta...". Lại từ trong mồm nôn ra một cô gái... cùng ngồi ăn. Một chốc thì thư sinh say nầm, cô gái đó bảo Ngạn: "Trước cũng ăn cắp một chàng trai cùng đi"... tạm gọi cậu ta đến.... Cô gái cũng từ trong mồm nôn ra một người đàn ông...

Loại tư tưởng đó, không phải người Trung Quốc có sẵn mà hoàn toàn là chịu ảnh hưởng tư tưởng Ấn Độ. Và qua đó cũng biết đại khái rằng tiểu thuyết chí quái đời Lục triều cùng với Ấn Độ có quan hệ đến thế nào... chỉ nên biết là chí quái Lục triều đại để chỉ *như dòng ghi tin tức trên báo ngày nay* mà thôi, chứ đương thời hoàn toàn không có ý làm tiểu thuyết.

Tiểu thuyết chí quái thời Lục triều trên đã nói, bây giờ chúng ta nói tiểu thuyết chí nhân.

Tiểu thuyết chí nhân thời Lục triều cũng đơn giản một cách phi thường, cùng với chí quái khác nhau không mấy, sách *Thể thuyết tân ngữ* của Lưu Nghĩa Khánh đời Tống làm, có thể đại biểu cho loại tiểu thuyết chí nhân đó, xin đợi tôi đưa ra một vài ví dụ xem:

Nguyễn Quang Lộc ở đất Viễn, thường có xe tốt, không ai mượn mà không cho, có người đưa đám mẹ, ý muốn mượn mà không dám nói. Sau Nguyễn nghe nói, than rằng: "Mình có xe mà để cho người ta không dám mượn, thì có xe làm gì?". Thế là đốt xe đi. (Quyển Thượng, chương Đức hạnh).

Lưu Linh thường uống rượu quá sức và rất phóng túng khoáng đạt; có khi cởi áo, ở trường trong nhà. Người thấy thì cười chê, Linh nói: Tôi lấy đất trời làm nhà, lấy gian phòng làm áo choàng, các ngài vào trong áo choàng tôi làm gì? (Quyển Hạ, chương Nhâm đản).

Ấy cái mà người ta gọi là phong độ người đời Tấn là như thế. Lấy con mắt chúng ta ngày nay mà xem, thì việc Nguyễn Quang Lộc đốt xe, việc Lưu Linh phóng khoáng nghe kỳ quái thế nào, song là người đời Tấn thì lại không cho là kỳ quái gì hết, vì lẽ thời đó người ta lấy làm quý những hành động kỳ quặc, những lời bàn suông (thanh đàm) về lẽ huyền diệu này khác.

Việc bàn suông hay thanh đàm này vốn từ việc thanh nghị đời Hán mà có. Cuối đời Hán, chính trị đen tối, những kẻ sĩ có tiếng đều bàn chính trị cả, lúc đầu rất có thế lực trong xã hội, về sau bị bọn cầm quyền ghét bỏ, dần dần bị hại như bọn Khổng Dung, Nê Hành đều bị Tào Tháo bày kế giết hại, sở dĩ thế mà đến các kẻ sĩ có tiếng đời Tấn, thì không dám bàn đến việc chính trị nữa mà quay ra chuyện đàm luận về lẽ huyền; thanh nghị mà không nói chính trị, thế là thành ra cái gọi là thanh đàm. Có điều hạng danh sĩ thanh đàm này, đương thời vẫn còn rất có thế lực trong xã hội như hạng thanh nghị trước kia, còn không biết thanh đàm thì tựa như không đủ tư cách làm danh sĩ, và bộ sách *Thế Thuyết*, nói không đến nỗi quá, có thể xem như sách giáo khoa cho các bậc danh sĩ bấy giờ.

Trước *Thế Thuyết*, còn có sách *Ngữ luận*, sách *Quách Tử*, có điều là hai sách đó đến nay không còn nữa. Mà *Thế Thuyết* lại là tập hợp các văn cũ từ Hậu Hán đến Đông Tấn lại mà làm ra. Sau đó Lưu Hiểu Tiên chú giải cho sách *Thế Thuyết*, trong lời chú giải đó dẫn sách cổ có đến hơn bốn trăm điều, mà nay phần lớn là không còn, vì vậy mà người đời sau đối với sách *Thế Thuyết* này càng thêm quý trọng, đến bây giờ đây mà vẫn lưu hành nhiều.

Ngoài ra lại có một loại sách *Tiểu lâm* của Hàm Đan Thuần đời Ngụy làm, cũng sớm hơn *Thế Thuyết*. Văn chương *Tiểu lâm* có chất phác hơn đôi chút so với *Thế Thuyết*, nhưng ngày nay cũng không còn nữa, chẳng qua trong những sách loại thư đời Đường, đời Tống có dẫn di văn của nó, cho nên chúng ta còn biết được đôi chút, sau đây đưa ra một chuyện làm thí dụ.

Giáp bố mẹ còn cả, đi học xa ba năm về, người cậu hỏi học sở đắc được gì và nói chuyện mấy năm xa bố. Giáp trả lời: “Lòng nhớ đất Vị Dương, hơn vua Khang Công nước Tấn.” (Vua Khang Công cha mẹ chết cả rồi). Bố

nghe trả lời thế thì mắng răng: “Mày học có ích gì đâu nào?”. Giáp thưa: “Đang nhỏ mà mất sự dạy dỗ khi rảo bước qua sân; thành ra học không có ích gì”. (Sách *Quảng ký* 262).

Xem đó thì biết chuyện kể trong sách Tiểu lâm, đại khái không ngoài chuyện khôi hài.

Hai cuốn Tiểu lâm và Thế Thuyết nói trên, về sau đều không phát đạt thêm điều gì, vì lẽ chỉ là bắt chước thôi, không phát huy thêm. Như sách *Tiểu lâm quảng ký* lưu hành nhất trong xã hội, đương nhiên là chi phái của Tiểu lâm, chỉ khác là chuyện Tiểu lâm kể phần nhiều là chuyện hoạt kê gây cười về tri thức, nhưng đến Tiểu lâm quảng ký rơi vào lối hoạt kê gây cười về thân thể, chuyện mông dùng lời thô bỉ nhảm vào thân thể làm trò cười, thành ra khinh bạc, do đó mà cái vị hoạt kê hạ thấp đi nhiều. Đến như sách Thế Thuyết, thì về sau mô phỏng càng nhiều, từ Tục Thế Thuyết của Lưu Hiến Tiêu - thấy trong Đường chí - cho đến Kim Thế Thuyết của Vương Trác đời Thanh làm và Tân Thế Thuyết của Dịch Tông Quy hiện nay làm đều là sách bắt chước sách Thế Thuyết trước kia cả. Mà triều Tấn với xã hội ngày nay, tình trạng hoàn toàn không giống nhau, thế mà ngày nay lại bắt chước theo tiểu thuyết đời Tấn đó, thì thật là rất đáng cười. *Chúng ta biết rằng từ cuối Hán đến Lục triều là cái thời đại thoảng đoạt, bốn biển rối loạn lên, người ta phần lớn ôm cái chủ nghĩa yếm thế, thêm vào đó, hai tôn giáo Phật và Đạo thịnh lên một thời, đều giảng lê siêu thoát khỏi cuộc đời hiện thực*, người nước Tấn chịu ảnh hưởng đó trước hết, cho nên có một số người thành một phái đi tu tiên, nghĩ đến chuyện phi thăng (bay lên), rồi do đó mà thích dùng thuốc, còn một phái thì muốn mải chơi trong làng say, không hỏi đến việc đời, vì thế mà thích uống rượu. Những kẻ dùng thuốc mà người đời Tấn uống, chúng ta biết có Ngọc Thạch Tán, thuốc đó là dùng năm thứ đá mà chế ra, tính nó khô táo và mạnh - thân thể thường bị viêm lên, phải mặc áo cũ mới chịu được, vì áo mới dễ làm xát da, lại thường không tắm rửa, rận sinh ra hết sức nhiều, nên có câu: “Mò rận mà luận đàm”. Người uống rượu thì như lâng lâng ở ngoài hình hài xác thịt, sống say chết mộng. Tất cả những điều nói trên là cái tình trạng xã hội đời Tấn. Thế mà con người sống ở thời đại hiện nay, tình hình sinh sống hoạt động hoàn

toàn không giống, lại đi mô phỏng loại tiểu thuyết do bối cảnh của xã hội thời kia, há phải là chuyện tức cười sao?

Tôi đã có nói trên kia rằng người đời Lục triều tịnh không có ý làm tiểu thuyết, vì lẽ họ coi việc ma và việc người đều là một dạng cả, cả hai đều là việc thật; sở dĩ thế mà Văn nghệ chí của sách Đường thư không đưa ra, loại sách chí quái kia chép chung vào loại sách tiểu thuyết mà đưa chép chung với loại truyện ký của sách sử, mãi đến Âu Dương Tu đời Tống mới đưa chép chung với loại sách tiểu thuyết. Trong loại sách chí quái thì sách nói về chí nhân thời Lục triều lại còn cho là trọng yếu hơn loại sách chí quái, vì lẽ việc đó cùng với việc thành danh, có tiếng tăm, làm nên danh phận là rất có quan hệ với nhau, như đương thời, một học giả ở thôn quê mà muốn thành danh, thì phải đi tìm một danh sĩ, học giả có tiếng, trong thời đại triều Tấn, là phải đi tìm người như hạng Vương Đạo, Tạ An, đó chính là điều mà đã có câu nói: Lên được cửa rồng thì giá mình lên gấp mười. Song muốn được cùng với hạng người đó đàm luận, thì nhất định phải làm thế nào cho hợp với tì vị của họ, mà muốn hợp với tì vị của họ thì không đọc loại sách như Thế Thuyết, Tiểu Lâm là không xong. Ví dụ như thời đó, Nguyễn Tuyên Tử ra mắt thái úy Vương Di Phủ. Di Phủ hỏi: "Lão Tử, Trang Tử giống nhau, khác nhau thế nào?" Tuyên Tử trả lời: "Sắp không giống." Thế là Di Phủ kính phục Tuyên Tử một cách phi thường, cho Tuyên Tử làm quan, tức là cái chức quan mà người đời gọi là ông Đề lại ba chữ ấy. Nhưng ba chữ Sắp không giống, rút cuộc phải giảng thế nào? Có người giảng là: Há không giống! Tóm lại đó là một chuyện hai phải, nói dằng nào cũng được, một câu nói trong khi hốt hoảng, nói không phân minh, để kéo dài lê thê mãi. Muốn học nói lê thê ấy, không đọc Thế Thuyết cũng không xong.

Bài giảng thứ ba **CHUYỆN TRUYỀN KÌ ĐỜI ĐƯỜNG**

Tiểu thuyết đến đời Đường thì có một bước đổi khá lớn. Bài trước tôi có nói: “Văn chương của sách chí quái và chí nhân đều rất đơn giản, ngắn, và coi như chép sự thực, *đến đời Đường thì vì có ý thức làm tiểu thuyết thật mà viết*, điều đó trong lịch sử của tiểu thuyết đáng coi là một tiến bộ lớn. Lại nữa, chuyện viết rất dài, miêu tả được khúc chiết, so với cái văn thể giản đơn, xưa cổ trước rất không giống nhau, điều đó nói về văn thể cũng đáng coi là một bước tiến lớn nữa. Có điều những người làm văn cổ, xem thì rất lấy làm không vừa ý, gọi là lỗi văn truyền kỳ. Hai chữ truyền kỳ thời bấy giờ thực ra là ngụ ý chê cười, chứ hoàn toàn không phải như ý chúng ta hiểu danh từ truyền kỳ hiện nay. Có điều loại tiểu thuyết truyền kỳ như thế bây giờ thường không thấy, chỉ có sách *Thái Bình Quảng Ký* làm thời đầu nhà Tống - sách này có thể coi là bộ tự điển lớn để tra cứu tìm các sách tiểu thuyết, nó sưu tầm các sách tiểu thuyết từ đời Lục Triều cho đến đời Tống mà ra - chúng ta xem trong đó có thể biết được đại khái tiểu thuyết truyền kỳ đời Đường là thế nào. Khoảng năm đầu nhà Đường, có Vương Độ làm chuyện *Cổ kính ký*, đó là cuốn chuyện thuật việc mình được một tấm gương thần, chuyện rất dài, song chỉ có chắp nhặt nhiều chuyện lại với nhau, vẫn chưa thoát khỏi cái phong khí chí quái thời Lục triều. Ngoài cuốn ấy, lại có cuốn *Bạch viên truyện* của Vô danh thị làm, kể chuyện tướng nhà Lương là Âu Dương Hột đến Trường Lạc, vào sâu trong khe động, vợ bị con vượn trăng cướp bắt đi, sau được cứu đưa về, sinh một đứa con “hình dáng giống”

Hột, về sau bị Võ đế nhà Trần giết, con là Âu Dương Thân, thời đầu Đường rất có danh vọng, nhưng dung mạo giống loài khỉ, kẻ ghen ghét nhân đó làm ra chuyện này. Về sau, cái thói mượn tiểu thuyết để công kích người có thể thấy là bắt đầu từ thời đó.

Đến thời Võ Tắc Thiên có *Du Tiên Quật* do Trương Trác làm, sách kể chuyện mình đi từ Trường An đến Hà Hoàng, trời đã chiều, vào nghỉ một nhà, nhà đó có hai cô gái gọi là cô Mười, cô Năm, cùng khách uống rượu vui chơi. Chuyện không có gì rắc rối phiền phức nhưng kể bằng văn biền ngẫu. Tiểu thuyết viết bằng văn biền ngẫu, trước chưa hề có, cho nên cũng có thể coi là một loại tác phẩm đặc biệt. Sau lâu, Trần Cầu là người đời Thanh làm sách *Yên son ngoại sử* cũng dùng thể biền ngẫu, mà lại cho dùng văn biền ngẫu viết tiểu thuyết là do mình mở đường đầu tiên, tuyệt không biết là Trương Trác đã làm từ lâu rồi. Sách *Du Tiên Quật*, ở Trung Quốc đã mất từ lâu rồi, chỉ ở Nhật Bản hiện còn thấy có, lý do là Trương Trác thời đó có tiếng về văn, người nước ngoài cứ mỗi lần đến Trung Quốc đều bỏ ra một số tiền lớn mua sách của ông, sách *Du Tiên Quật* hoặc giả là sách người Nhật mua mang về thời đó. Thực ra thì văn chương của Trương là tài, có duyên, chứ không tinh tế hay, chẳng qua viết có cái điệu lanh lợi hoạt bát đỗi chút đó thôi.

Đời Đường từ Khai Nguyên, Thiên Hựu về sau, tác giả nổi lên đông lắm, so với trước thì rất không giống nhau. Những người trước coi tiểu thuyết không ra gì lắm, thì nay cũng làm tiểu thuyết, đó là do hoàn cảnh đương thời có quan hệ với việc này. Đời Đường, lúc thì rất coi trọng cái gọi là hành quyển. Hành quyển là khi người học trò thi, đến kinh đô thì trước tiên đem thơ từ mình làm, những bài đắc ý nhất chép thành một quyển, mang đi bái yết những người có tiếng đương thời, nếu được họ khen thì “thanh giá gấp mười”, có hy vọng thi đỗ, vì vậy mà hành quyển được coi là rất quan trọng. Nhưng từ Khai Nguyên Thiên Bảo trở đi thì đổi với thơ dần dần có ý chán, vì vậy có người đem bỏ tiểu thuyết vào hành quyển mà rồi cũng được tiếng. Vì vậy mà trong những kẻ trước không ưa tiểu thuyết, bây giờ cũng nhiều người làm tiểu thuyết và tiểu thuyết truyền kỳ, vì thế, cực thịnh một thời. Khoảng giữa Đại lịch, hầu hết có Trầm Ký Tế làm sách

Chẩm Trung Ký - cuốn này rất phổ biến trong xã hội - nói không quá lời, không có ai là không biết đến - nội dung đại lược là: Cô chàng Lư sinh, đang đi giữa đường phố Hàm Đan, than không được vừa ý, nhưng lại gặp Lã Ông, đem cho một chiếc gối. Chàng gối đầu ngủ, liền mộng thấy mình lấy con gái họ Thôi ở Thanh Hà - Họ Thôi ở Thanh Hà là một họ lớn, vì vậy mà lấy được con gái họ Thôi là cực kỳ vinh quang - lại đỗ tiến sĩ nên được thăng một mạch đến chức thượng thư kiêm chức ngự sử đại phu. Sau vì viên Tể tướng đương triều ganh ghét làm hại, bị giáng và đổi đến Đoan Châu, sau vài năm lại được về làm Trung thư lệnh, truy phong là Yên quốc công. Về sau suy lão có bệnh, nằm rên rỉ trên giường cho đến khi đứt hơi rồi chết. Đang mộng thấy mình chết, thì vừa tỉnh dậy và thấy ra chưa nấu chín một nồi cơm - Ấy là chuyện khuyên người ta không nên lên nhanh quá, về công danh phú quý, nên xem thường một chút. Sau này người đời Minh làm sách *Hàm Đan Ký*, Bồ Tùng Linh người Thanh là sách *Liêu trai* trong đó có chuyện *Tục Hoàng lương*, đều gốc từ Chẩm Trung Ký mà ra cả.

Ngoài ra lại có một người có tiếng nữa là Trần Hồng, vốn là bạn cũ của Bạch Cư Dị. Hai người sống qua cuộc loạn An Sử. Sau khi Dương Quý Phi chết, người đẹp đã chôn dưới đất, tang điếu chuyện cũ, khôn xiết thương tình, Bạch Cư Dị làm *Trường hận ca*, còn Hồng thì làm *Trường hận ca truyện*. Cuốn chuyện này ảnh hưởng đến đời sau, người đời Thanh là Hồng Thăng làm chuyện truyền kỳ *Trường sinh điện* là căn cứ theo Trường hận ca truyện đó. Cũng thời đó, còn có một người nổi tiếng nữa, em của Bạch Cư Dị là Bạch Hành Giản. Hành Giản làm *Lý Giai truyện*, truyện kể rằng: Uynh Dương là con cháu một họ lớn, đến Trường An, dắt đuôi theo thanh sắc, đến nỗi cùng khổn và ốm đau, phải lưu lạc làm người đưa ma thuê - dắt dỡ quan tài và hát đưa ma - sau được Lý Giai cứu, khuyên bảo học, nên thi đỗ, làm quan đến chức tham quân. Hành Giản vốn văn chương giỏi, những tình tiết về Lý Giai, kể rất triền miên xem được. Chuyện Lý Giai của ông đối với tiểu thuyết sau này cũng rất có ảnh hưởng, tiểu thuyết Phúc Giang Tử của người đời Nguyên, tiểu thuyết Tú Nhụ ký của Tiết Câu Duyên người đời Minh đều lấy chuyện Lý Giai làm gốc cả.

Lại nữa, tiểu thuyết đời Đường, không nói nhiều đến quý quái, thỉnh

thoảng có chặng thì chặng qua là điểm xuyết thêm mà thôi. Nói vậy song cũng có một bộ phận gồm những tập truyện ngắn, vẫn nói nhiều đến việc quỷ quái, đó cũng lại là do chịu ảnh hưởng của người Lục triều. Chẳng hạn các sách *Huyền quái lục* của Ngưu Tăng Nho, *Dại Dương tạp trổ* của Đoàn Thành Thức, *Tục Huyền Quái Lục* của Lý Phục Ngôn, *Tuyên Thất chí* của Trương Độc, *Đỗ Dương tạp biên* của Tô Ngạc, *Truyền kỳ* của Bùi Hình đều là thế cả, Tuy nhiên, phải là của người đời Đường làm thì so với của người đời Lục Triều mới khúc chiết và hay hơn.

Các tác giả tiểu thuyết truyền kỳ đời Đường, trừ những người đã nói trên ra, thì những người có ảnh hưởng rất lớn đến đời sau và đáng lưu ý hơn cả còn có hai người nữa: một người trước tác không nhiều mà ảnh hưởng thì rất lớn, lại rất nổi tiếng, đó là Nguyễn Vi Chi; một người thì trước tác nhiều, ảnh hưởng cũng rất lớn, nhưng về sau lại không có tiếng lăm, đó là Lý Công Tá. Böyle giờ tôi xin nói riêng qua mỗi người.

1/ Về trước tác của Nguyễn Vi Chi - Nguyễn Vi Chi tên là Chẩn, là nhà thơ, tiếng ngang với Bạch Cư Dị. Tiểu thuyết ông làm chỉ có một *Oanh Oanh truyện*. Kể truyện Trương Sinh với Oanh Oanh, đại khái ai cũng biết cả rồi, tôi không phải nói kỹ nữa. Thơ văn của Vi Chi, vốn có tiếng phi thường. Song truyện truyền kỳ này của ông thì lại không phải kiệt xuất gì lăm. Một điều nữa là cuốn chuyện kể việc Trương Sinh đoạn tuyệt với Oanh Oanh lại nói những gì.... Đức không thắng được yêu nghiệt, vì vậy mà nhẫn tâm bỏ được, văn hoa tò vê để che đậm lỗi làm sai trái, có thể nói *chuyện Oanh Oanh chỉ là một chương văn chương biện bạch phân trần mà thôi*. Thế nhưng về sau, có nhiều bài bản phổ nhạc hoặc đem diễn lại, từ nó mà ra. Như các bản *Huyền sách Tây sương* của Đổng Giải Nguyên - người Kim - Chuyện Tây Sương hiện tại thì diễn kịch, tuồng, còn *Huyền Sách Tây Sương* ký của Quan Hán Khanh, cả hai là người đời Nguyên, Nam Tây sương ký của Lý Nhật Hoa và Nam Tây sương ký nữa của Lục Thái, hai người đều là người đời Minh v.v... nhiều phi thường, tất cả đều bắt nguồn từ một chuyện Oanh Oanh đó cả. Có điều là so lại với Oanh Oanh truyện nguyên bản của họ Nguyên thì về tình tiết câu chuyện có đổi khác đi, đó là chỗ Trương Sinh và Oanh Oanh về sau lại đoàn viên sum họp với nhau. Sở dĩ thế

là do tâm lý của người Trung Quốc ta rất thích thú chuyện đoàn viên sum họp, vì thế mà câu chuyện nhất định phải đến như thế, chuyện đó rõ trong hiện thực của nhân sinh, đại khái người Trung Quốc cũng biết lầm, nhưng không muốn tự ý nói ra, vì lẽ một khi đã nói ra thì lại phát sinh ra vấn đề làm thế nào để bồi cứu, như vậy hoặc không tránh khỏi phiền muộn, mà lại cứ phải cải thiện luôn, sự tình rắc rối ra nhiều, mà người Trung Quốc lại không thích chuyện rối ren và buồn chán, hiện tại đây, nếu thấy trong tiểu thuyết kể chuyện đó rõ suy sụp, thì độc giả liền cảm thấy không khoái. Sở dĩ thế mà đại phàm về lịch sử không đoàn viên, thì về tiểu thuyết cứ làm cho thành đoàn viên, không có báo ứng thì cứ làm cho có báo ứng, đó thực ra là một vấn đề có quan hệ với quốc dân tính vậy.

2/ Trước tác của Lý Công Tá - Lý Công Tá xưa nay rất ít ai biết đến, ông viết tiểu thuyết rất nhiều, hiện nay chỉ còn có bốn cuốn, một là *Nam Kha thái thú truyện*, chuyện này có tiếng nhất, nó kể rằng: Góc phía Nam vườn của Thuần Vu Phản, người Đông Bình, có một gốc hòn lớn, một hôm Thuần say, nằm trong hành lang nhà, mộng thấy hai người bận áo màu tía, tới mời mình đến nước Đại Hòe An, được nạp làm phò mã, rồi ra làm thái thú quận Nam Kha, nhân có thành tích chính trị, lần lượt được thăng lên chức to. Sau cầm quân đánh với nước Đàm La bị thua trận, công chúa lại mất nữa nên triều đình cho về. Đến khi tỉnh dậy thì giấc mộng ngắn ngủi, mà như cả một đời. Ra xem cây hòn thì có một lỗ kiến, kiến bò ra bò vào lung tung. Nói là nước Đại Hòe An, là quận Nam Kha tức là ở đó. Chuyện này lập ý cùng với chuyện Chẩm trung ký không khác bao nhiêu, chỉ có cái “Lỗ kiến kết thúc, cái huyệt mà kiến phát” là để lại một dư âm dài dặc buồn bã, không phải Chẩm trung ký có thể so sánh kịp. Về sau, người đời Minh là Dương Biểu Tổ làm cuốn Nam Kha ký, là từ chuyện này mà diễn ra. Hai là *Tạ Tiểu Nga truyện*, chuyện này kể việc bối của Tạ Tiểu Nga, cùng với chồng của nàng, cả hai đều luôn qua lại giữa vùng sông hồ làm nghề buôn bán, bị cướp giết chết. Tiểu Nga chiêm bao thấy bối mách rằng kẻ thù là Xa Trung Hầu Đông Môn Thảo (Khỉ trong xe, cỏ cửa đồng), lại chiêm bao thấy chồng nàng mách rằng kẻ thù là Hòa Trung Tẩu Nhất Nhật Phu (Người phu đi một ngày giữa lúa ruộng). Người ta phần đông không hiểu ra được, sau Lý

Công Tá mới giảng cho rằng: Xa Trung Hầu Đông Môn Thảo là hai chữ Thân Lan; Hòa Trung Tẩu Nhất Nhật Phu là hai chữ Thân Xuân. Sau quả nhờ đó mà bắt được bọn cướp. Đây chẳng qua là chuyện đoán chữ đố mà bắt được giặc, không có nghĩa lý gì lăm, nhưng tư tưởng của cuốn chuyện thì lại ảnh hưởng rất nhiều đến tiểu thuyết sau này, như Lý Phục Ngân diễn ra mà đưa vào cuốn *Tục Huyền quái lục* mà đề là Diêu Tịch Ni, người đời Minh thì đưa vào chuyện Nam Kha mà làm bình thoại. Các sách khác như *Bao Công án* chẳng hạn cũng có kể nhiều chuyện giống. Ba là cuốn *Lý Thang truyện*. Chuyện kể thứ sử Sở Châu là Lý Thang, nghe người dân chài nói dưới chân núi Quy Sơn, thấy trong nước có chiếc khóa rất lớn đưa người với trâu đến kéo lên, thì sóng gió nổi lên rất dữ. Lại có cả một con thú quái lạ, giống như khỉ, răng như tuyết, vuốt bằng vàng, trồi dưới nước lên bờ vào bờ, người đứng xem chạy hết, nó lại kéo cái chìa khóa xuống nước và không lên nữa. Lý Công Tá giảng cho người chài rằng: con thú kỳ quái đó là thủy thần ở cái khu vực nước xoáy của sông Hoài tên là Vô Chi Kỳ, sức hơn 9 voi, tay bắt đánh, chân vọt nhảy, chạy tài, nhẹ nhàng lanh lẹ vụn vụt. Vua Đại Vũ sai Canh Thìn chế ngự nó, cổ buộc thừng to có khóa, đưa đến dưới núi Quy Sơn đất Hoài Âm, để cho sông Hoài chảy được yên ổn. *Chuyện này có ảnh hưởng rất lớn, riêng tôi thì cho rằng Tôn Ngộ Không trong Tây Du Ký chính là giống với Vô Chi Kỳ. Song vị giáo thụ trường Bắc đại là Hồ Thích Tiên Sinh thì lại cho là chuyện từ Ấn Độ truyền sang.* Người Nga là giáo thụ Cương Hòa Thái cũng từng bảo Ấn Độ cũng có chuyện kể như thế, nhưng tôi thấy thì: một là người làm chuyện Tây Du Ký chưa hề xem qua kinh Phật, hai là các kinh luân của Ấn Độ mà Trung Quốc dịch ra chưa có cuốn nào có chuyện giống với chuyện đó; ba là tác giả Ngô Thừa Ân - là người thuộc nhiều tiểu thuyết đời Đường, Tây Du Ký chịu ảnh hưởng của tiểu thuyết Đường không ít. Sở dĩ thế mà tôi cho rằng Tôn Ngộ Không là rập khuôn nhân vật Vô Chi Kỳ trong chuyện Lý Thang. Còn ngài Hồ Thích cũng phảng phất có ý cho Lý Công Tá có chịu ảnh hưởng của Ấn Độ, điều đó hiện nay tôi chưa có thể nói phải hay không phải thế nào. Bốn là cuốn *Lô Giang Phùng Ao*, cuốn này chuyện quá đơn giản, văn chương cũng không ra sao, chúng ta không nói đến cũng được.

Chuyện tiểu thuyết Đường, về sau đều đưa vào các bài hát hay bài nhạc, chẳng hạn như các bài Hồng Tuyến, Hồng Phất Cù Nhâm v.v... đều từ tiểu thuyết truyền kỳ của đời Đường mà ra, do đó mà truyền khắp trong xã hội, người bấy giờ đều biết hết. Còn bản thân truyền kỳ thì đến khi nhà Đường mất, cũng mất theo luôn.

**Bài giảng thứ tư
THUYẾT THOẠI ĐỜI TỔNG
VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ**

Bài trước đã nói, tiểu thuyết truyền kỳ, đến lúc nhà Đường mất thì cũng mất theo luôn. Đến đời Tống, tuy cũng có người viết truyền kỳ, song không có gì giống với truyền kỳ trước. Đó là vì người Đường đại để là mô tả thời sự, mà người Tống thì lại thường nói chuyện xưa. Tiểu thuyết của người Đường ít khi có lời dạy bảo mà của người Tống thì dạy bảo nhiều. Lại đại để thời Đường nói được tự do hơn đôi chút, tuy nói thời sự mà không đến nỗi mắng họa, còn đời Tống thì sự kiêng kỵ cứ dần dần nhiều thêm, các nhà văn tìm cách tránh né, chỉ kể chuyện xưa. Thêm vào đó đời Tống có một thời Lý học thịnh đến cực độ, nên làm cho tiểu thuyết cũng lý học hóa luôn, cho rằng làm tiểu thuyết mà không dạy bảo người ta thì không đáng nói đến. Có điều văn nghệ sở dĩ là văn nghệ, không phải quí ở chỗ dạy bảo, nhược bẳng biên tiểu thuyết thành sách giáo khoa dạy tu thân, thì còn gì là văn nghệ nữa. Người Tống tuy còn có làm tiểu thuyết truyền kỳ, mà tôi lại nói truyền kỳ mất hẳn rồi, là nói cái ý đó. Song tầng lớp sĩ大夫 phu đời Tống có công lao với tiểu thuyết là ở chỗ làm bộ sách *Thái Bình Quang Ký*, bộ sách này sưu tập các tiểu thuyết chép những câu chuyện nhỏ, những lời nói vụn vặt từ đời Hán đến đầu đời Tống, cộng cả thảy là năm trăm quyển, có thể gọi là bộ tiểu thuyết tập đại thành như gọi Khổng Tử là ông thánh tập đại thành vậy, chẳng qua đó không phải là do họ tự động làm, mà là chính phủ triệu tập họ đến và giao làm. Thời đầu triều Tống, thiên hạ thống nhất, trong nước Thái

Bình, nhà nước nhân đó với các danh sĩ trong cả nước đến, cung cấp hậu hĩnh cho họ, giao họ làm sách, họ làm xong bộ *Văn Uyển Anh Hoa*, bộ *Thái Bình Ngự Lâm* và bộ *Thái Bình Quang Ký*. Mục đích của chính phủ chẳng qua là lợi dụng sự nghiệp đó mà thu hút nuôi dưỡng các danh nhân, để mưu đồ giảm bớt sự phản động về mặt chính trị mà thôi, chứ vốn chưa hề để ý đến vấn đề văn nghệ, chỉ là vô tình mà để lại cho chúng ta ngày nay cả một rừng tiểu thuyết xưa cổ. Còn về phương diện sáng tác thì thực ra sĩ phu đời Tống hoàn toàn không có cống hiến được gì. May mà thời đó, trong xã hội lại có loại tiểu thuyết của lớp bình dân thay thế nổi lên. Loại tác phẩm đó, chẳng những thể tài không giống mà về mặt văn chương cũng cải tiến nhiều, ngôn ngữ nó dùng là bạch thoại, cho nên thực tế là một cuộc biến đổi lớn trong lịch sử của tiểu thuyết Trung Quốc. đương thời tầng lớp sĩ大夫 phu ai cũng nghiên cứu lý học, nhưng nhân dân vẫn muốn chơi vui, tiểu thuyết bình dân dấy lên thật không phải là việc đáng quái lạ. Nhà Tống lập kinh đô ở đất Biện, dân khỏe của cải phong phú, việc chơi vui do đó rất nhiều. Ở thành thị, ở nông thôn đều có loại tạp kịch, trong loại tạp kịch đó có cả loại gọi là thuyết thoại. Thuyết thoại chia thành bốn khoa: một là giảng sử, hai là thuyết kinh hội kinh, ba là tiểu thuyết, bốn là hợp sinh. Giảng sử là giảng các sự việc lịch sử, và kể về các danh nhân, đó là ngọn nguồn của tiểu thuyết lịch sử sau này. Thuyết kinh, hội kinh là dùng lời tiếng thông tục mà diễn giảng kinh Phật, tiểu thuyết là kể những mẩu chuyện ngắn đơn giản, còn hợp sinh thì trước hết đọc lên hai câu thơ lòn xộn, không rõ ý, tiếp theo là đọc mấy câu nữa, thế nào cho người ta hiểu được ý muốn nói gì, đại khái là châm chọc người đương thời. Cả bốn khoa mà sau có quan hệ đến tiểu thuyết thì chỉ có khoa giảng sử và khoa tiểu thuyết. Bấy giờ người làm loại công việc này gọi là thuyết thoại nhân và họ có tổ chức thành đoàn thể, gọi là Hùng biện xã. Họ có một loại sách ghi chép sẵn, để khi thuyết thoại thì dựa vào đó và phát huy thêm, sách đó gọi là thoại bản. Năm đầu Nam Tống, còn loại thoại bản đó lưu hành, đến khi Tống mất, người Nguyên vào Trung Quốc rồi thì tạp kịch tiêu ma, mà thoại bản cũng không lưu hành nữa. Đến đời Minh, tuy cũng còn có người thuyết thoại - như Liễu Kính Đình là một người thuyết thoại rất có tiếng lúc bấy giờ - song không còn là mặt mũi của người Tống nữa, và họ cũng thôi

không thuộc tạp kịch nữa, nên không còn có tổ chức gì. Đến bây giờ thì chúng ta đã hầu như không thể nào biết được thoại bản đời Tống rút cuộc là thế nào. May mà nay đã khắc in lại mấy loại sách, có thể xem mà biết được lê lối giảng sử. Thể lệ giảng sử đại khái là bắt đầu nói về khi khai thiên lập địa, rồi nói đến cái triều đại định giảng. Ngũ đại sử bình thoại cũng làm như vậy. Còn về văn chương thì đều bắt đầu bằng thơ cả, rồi mới vào chính văn bằng văn xuôi, kết thúc cũng lại bằng thơ, tóm lại mỗi đoạn đều có thơ để làm chứng. Cái bệnh của nó là việc hư cấu thì nhiều còn sự thực thì ít phát huy thêm được. Còn thơ thì tôi cho là đại khái do ảnh hưởng của người Đường. Đời Đường rất coi trọng thơ, ai biết làm thơ là người thanh phẩm, mà người thuyết thoại thì ngưỡng mộ những người đó, nên nói cho ngang với họ, sở dĩ thế mà trong thoại bản thường nhiều thơ từ, và lại đến ngay bây giờ cũng nhiều người làm tiểu thuyết mà còn không thay đổi. Lại như các tiểu thuyết, cứ cuối mỗi hồi đều có câu “Chưa biết chuyện sau ra sao, hãy nghe hồi sau phân giải”, tôi cho là cũng đại khái từ thuyết thoại mà ra, vì lẽ người thuyết thoại thì hẳn là mong lần sau người ta lại đến nghe giảng nữa, do đó dùng một câu nhắc rằng chuyện chưa xong, đang còn nữa để làm kinh tâm động hồn người ta mà kéo họ trở lại. Đến như các tiểu thuyết chương hồi hiện nay mà lại còn bắt chước họ, thì chỉ là một cái dấu vết rơi rớt lại, chính như cái ruột thừa (manh trường) trong bụng chúng ta, chẳng mảy may ích lợi gì hết. Một loại nữa là Kinh bản thông tục tiểu thuyết, nay không toàn vẹn nữa, nhưng cũng còn được mươi chương. Cái mà trong thuyết thoại gọi là tiểu thuyết, hoàn toàn không phải như tiểu thuyết nghĩa rộng mà chúng ta nói bây giờ mà là chuyện kể rất ngắn, xen nhiều thời sự vào. Bắt đầu nói một vài lời mào đầu, hoặc bằng thơ hay từ, hoặc là cũng bằng câu chuyện cũ, lời mào đầu đó gọi là Đắc thắng đầu hồi. Đầu hồi, nghĩa hồi trước nhất, đầu tiên, đắc thắng là lời chúc tốt lành, thắng lợi. Sau hồi đó mới vào chuyện thực sự, song cũng hoàn toàn không rắc rối dài dòng. Ngắn hay dài so với hồi đầu không nhiều lắm, chỉ một buổi ngắn là xong. Như vậy ta thấy được rằng cái gọi là tiểu thuyết trong thuyết thoại đời Tống, tức là có cái ý như đoán thiên tiểu thuyết tuy không toàn vẹn, song cũng đủ để biết đại khái loại tiểu thuyết kia là thế nào.

Trừ hai loại nói trên ra, thì còn có một loại nữa là *Dai Tống Tuyên Hòa di sự*. Đầu sách, đuôi sách đều có thơ cả, ở giữa có xen một số câu “ly”, gần như giảng sứ nhưng không phải lối nói miệng, khá giống tiểu thuyết nhưng không phải đơn giản, thuần nhất là tiểu thuyết, trong sách có nói đến sự việc Lương Sơn Bạc, thì ra là tiếng báo hiệu cho chuyện Thủy Hử sau này, đó là điều rất đáng chú ý. Lại có một bộ sách mới phát hiện hiện nay, gọi là *Dai Đường Tam Tạng pháp sư thủ kinh thi thoại* - bộ sách này ở Trung Quốc đã không có từ lâu rồi, mới được mang từ Nhật Bản về. Nó lại được gọi là thi thoại, nhưng không phải là thi thoại theo nghĩa chúng ta gọi bây giờ, mà là có thi, thơ và có thoại, chuyện, vậy chỉ là một cách gọi khác của loại tiểu thuyết chú trọng việc có thơ làm chứng đó thôi. Bộ sách đó tuy là tiếng báo hiệu trước cho Tây Du Ký, nhưng có những chỗ không giống nhau, chẳng hạn tích ăn trộm quả nhân sâm, trong Tây Du thì nói Tôn Ngộ Không muôn ăn trộm, nhưng Đường Tăng không cho, nhưng trong Thủ Kinh thi thoại này thì lại gọi là tiên đào và nói Tôn Ngộ Không lấy trộm mà Đường Tăng bảo đi lấy. Khác như thế mà bảo là do thời đại thì chỉ bằng bảo là do tư tưởng tác giả không giống nhau lại hơn. Vì lẽ tác giả Tây Du Ký là sĩ đại phu, còn tác giả Thủ Kinh thi thoại là dân thành thị. Các sĩ đại phu xét con người cực kỳ nghiêm khắc, cho rằng Đường Tăng lẽ nào lại đi ăn trộm nhân sâm, nên nhất định phải đem việc này đổ lên thân con khỉ, còn người dân kề chợ bình luận con người có khoan thứ hơn, cho rằng Đường Tăng có ăn trộm mấy quả đào quèn thì cũng chẳng có gì là quan trọng lắm, thế là không bận lòng để ý ăn giấu đi cho ông mà cứ phóng bút viết thẳng.

Tóm lại, thuyết thoại của người Tống có ảnh hưởng phi thường lớn, các tiểu thuyết sau, mười phần đến chín phần là gốc từ thoại bản ra. Chẳng hạn:

1/ Tiểu thuyết sau là *Kim cốt kỳ quan*, xem được một số đoạn thì tự thuật là bắt chước lối tự thuật của thuyết thoại đời Tống.

2/ Tiểu thuyết sau là tiểu thuyết chương hồi *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*, lối tự thuật trường thiêng của nó đều gốc từ giảng sứ mà ra. Mà ảnh hưởng của giảng sứ này ở trong chuyện lại càng lớn, lại nữa, từ Minh Thành cho đến hiện tại, bộ *Nhị Thập Tứ Sử* cũng đều đã diễn xong cả rồi. Trong

các tác giả lại nói lên một nhân vật trứ danh nữa đó là La Quán Trung.

La Quán Trung tên là Bản, người Tiền Đường, sống ước chừng vào khoảng cuối Nguyên đầu Minh. Ông làm tiểu thuyết rất nhiều, đáng tiếc là hiện nay chỉ còn lại có bốn loại, mà bốn loại đó phần nhiều đã trải qua nhiều người sửa đổi lung tung, không còn nguyên như buổi đầu nữa - vì lẽ người Trung Quốc xưa nay vốn cho tiểu thuyết bất túc khinh trọng, không phải như từ thư ngũ kinh, cho nên lầm kẻ thích tùy ý sửa chữa - đến cả sự tích bình sinh của La Quán Trung, hiện nay chúng ta cũng không có cách gì biết được. Có kẻ nói ông vì làm sách Thủy Hử mà con cháu ba đời mang tật câm, đó chỉ là một điều bịa đặt. Bốn loại tiểu thuyết của La Quán Trung là:

1- *Tam Quốc Diễn Nghĩa*.

2- *Thủy Hử truyện*.

3- *Tùy Đường chí truyện*.

4- *Bắc Tống Tam Toại bình yêu truyện*. Truyện này kể việc Vương Tắc ở Bối Châu dùng yêu thuật mà làm loạn, dẹp loạn có 3 người mà tên họ người nào cũng có một chữ Toại cho nên đặt tên là Tam Toại Bình yêu.

Tùy Đường chí truyện thì kể chuyện từ khi nhà Tùy truyền ngôi cho đến đời Minh Hoàng nhà Đường. Cả hai cuốn này kết cấu chuyện cũng như văn chương đều không tốt lắm, trong xã hội cũng không thấy lưu hành nhiều. Lưu hành mạnh nhất, mà cũng có thể lực nhất là Tam Quốc Diễn Nghĩa và Thủy Hử truyện.

Tam Quốc Diễn Nghĩa là nói chuyện đời Tam Quốc, song cũng không phải hoàn toàn bắt đầu từ La Quán Trung. Đời Tống, những người kể chuyện đời xưa ở các nơi ngõ hẹp hang cùng đã có kể tích *Thuyết Tam Phân*. Tích đó là kể chuyện Tam Quốc. Tô Đông Pha cũng có nói, Vương Bình đã từng nói: trẻ em trang ngõ... ngồi nghe kể chuyện đời xưa, đến khi kể chuyện Tam Quốc, nghe nói Lưu Huyền Đức thua, thì cứ cau mày lại, có đứa còn chảy nước mắt nữa; nghe Tào Tháo thua thì liền mừng và kêu khoái. Như vậy là biết, điều mà quân tử hay tiểu nhân để thầm về sau, trăm đời không mất. Và xem thế thì biết được rằng trước La Quán Trung, đã có

một loại sách Tam Quốc Diễn Nghĩa rồi. Do sự việc đời Tam Quốc, không phải rồi bời như đời Ngũ Đại, lại cũng không phải rồi ren, thích hợp cho công việc làm tiểu thuyết, lại nữa, anh hùng thời Tam Quốc mưu trí dũng cảm, phi thường cảm động người ta, cho nên người ta đều vui thích lấy làm tài liệu cho tiểu thuyết. Lại có Bùi Tùng chú giải sách Tam Quốc Chí, rất là tinh tường đó cũng là làm cho người ta chú ý đến sự việc của Tam Quốc nữa. Đến như vấn đề Tam Quốc Diễn Nghĩa của La Quán Trung, có phải hay không phải là một công trình sáng tác, hay chỉ là một công trình kế thừa thôi, thì hiện nay chưa dám cầu thả nói dứt khoát được. Có điều là thời Gia Tĩnh triều Minh, có một bản mà lời đề có dòng chữ: Tấn, Bình Dương hầu sử truyện Minh La Bản biên thứ, như vậy thì đúng là trực tiếp lấy Tam Quốc Chí của Trần Thụ làm bản mẫu rồi. Song Tam Quốc Chí hiện nay thì đã có nhiều người sửa đổi đi rồi, không còn nguyên vẹn như cũ nữa. Nếu đứng về mặt ưu khuyết điểm mà nói thì những người bình luận cho rằng khuyết điểm có ba: Một là sách dễ làm cho người ta hiểu lầm, vì lẽ những sự việc nó nói có *bảy phần là thực, ba phần là hư, thực nhiều hư ít nên người ta có thể không tránh khỏi tin hư là thực luôn*. Chẳng hạn Vương Ngư Dương là một nhà thơ có tiếng, lại là một học giả, mà có một bài thơ đầu đề là Lạc Phượng Pha điếu Bàng Sĩ Nguyên. Bài thơ Lạc Phượng Pha do chỉ có trong Tam Quốc Diễn Nghĩa mà thôi, không có căn cứ nào khác nữa, Vương Ngư Dương mà thấy thì chắc là phải choáng váng cả người. Khuyết điểm thứ hai là miêu tả quá sự thực. Tả người tốt thì toàn không có một điểm gì là xấu, tả xấu thì lại toàn không có một điểm nào là tốt mà thực ra trong thực tế không phải như thế, một cá nhân nào đó không thể gì cũng tốt cả, cũng không thể gì cũng xấu cả. Ví như Tào Tháo, về chính trị cũng có chỗ tốt của ông ta, và các ông Lưu Bị, Quan Vũ, cũng không thể nói là không có mảy may gì đáng dị nghị cả. Thế nhưng tác giả không nghĩ đến điều đó, chỉ theo chủ quan mà miêu tả, cho nên mới thành ra những con người kì ông hợp lý hợp tình. Khuyết điểm thứ ba là văn chương và chủ đề tư tưởng không phù hợp với nhau, nói cách khác là cái mà tác giả biểu hiện và cái mà tác giả tưởng tượng, hai cái không nhất trí với nhau. Chẳng hạn tả cái gian hùng của Tào Tháo mà kết quả thì Tào Tháo lại giống như người hào hoa, sảng khoái và nhiều mưu trí, tả cái trí của Khổng Minh mà kết quả Khổng

Minh lại ra con người ranh ma dối trá. Nhưng nói cho cùng thì Tam Quốc Chí có chỗ rất hay. Như đoạn tả Quan Vân Trường chém Hoa Hùng, thì thật là có thanh có sắc. Đoạn thả Tào Tháo trên đường Hoa Dung thì cái khí nghĩa dũng lồ lộ ra, như thấy con người thật. Về sau, người viết tiểu thuyết lịch sử rất đông, nào Khái Tịnh Diễn Nghĩa, nào Đông Tây Hán Diễn Nghĩa, Đông Tây Tấn Diễn Nghĩa, nào Tiền Hậu Đường Diễn Nghĩa, Nam Bắc Tống Diễn Nghĩa, Thanh Sử Diễn Nghĩa... nhưng không một cuốn nào theo kịp được Tam Quốc Diễn Nghĩa. Vì vậy mà ai cũng thích xem Tam Quốc và tương lai Tam Quốc vẫn giữ được giá trị của nó như thường.

Thủy Hử truyện là tiểu thuyết kể chuyện Tống Giang và những người cùng theo ông, chuyện này cũng không phải tự La Quán Trung làm ra đâu tiên, vì Tống Giang là một nhân vật có thực, làm kẻ cướp cũng là việc có thật, những sự việc, những câu chuyện về các con người đó, từ Nam Tống về sau đã thành ra truyền thuyết, thường nghe trong xã hội rồi. Khoảng giữa đời Tống và đời Nguyên, có Cao Nhu, Lý Tung đem những chuyện cũ ở các bến bờ sông nước mà người ta hay kể ra làm thành tiểu thuyết. Di dân nhà Tống Cung Thánh Dữ lại làm tập *Tống Giang tam thập lục nhân tán* (Lời tán bợn Tống Giang ba mươi sáu người), lại trong sách *Tuyên Hòa di sự* có những câu như Tống Giang bắt bợn giặc cướp địa phương, có công, được phong làm tiết độ sứ. Như vậy, dù biết những câu chuyện cũ như thế truyền miệng đã lâu rồi, hoặc giả đã có những bản sách sơ lược chép lại cũng chưa biết chừng. Mãi sau La Quán Trung mới góp nhặt mọi câu chuyện kể hoặc mọi tập sách chuyện Thủy Hử nhỏ ấy lựa lọc lại mà làm thành bộ Thủy Hử truyện lớn ngày nay. Nguyên bản Thủy Hử truyện hiện nay đã không có nữa rồi. *Thủy Hử truyện lưu hành bây giờ có hai bản: một bản bảy mươi hồi, một bản nhiều hơn*. Bản hơn bảy mươi hồi thì trước tiên kể việc thái úy họ Hồng lâm đuổi yêu ma, kế đó tám trăm người, tụ tập dần lại ở hồ núi Lương Sơn, đánh cướp nhà người ta, sau nhận chiêu an, triều đình dùng đi đánh giặc Liêu, dẹp yên được Điền Hồ, Vương Khanh, bắt được Phương Lạp, lập nên chiến công to. Nhưng cuối cùng bị triều đình nghi kỵ, Tống Giang uống thuốc độc tự tử, sau thành thàn. Việc chiêu an nói trong chuyện là tư tưởng từ thời đại cuối Tống đến đầu Nguyên, vì lẽ đương thời xã hội rối loạn, quan

binh áp chế bình dân, dân mà hòa bình thì đành cam chịu, không hòa bình thì ly khai với triều đình đi làm kẻ cướp, kẻ cướp một mặt chống trả quan binh, quan binh không thăng nổi, một mặt đi cướp bóc nhân dân, nhân dân tự nhiên cũng có lúc bị quấy phá, nhưng một khi có giặc ngoài đến, quan binh lại không chống cự nổi, thì nhân dân sinh ra cừu thị người nước ngoài, họ nghĩ đến việc dùng bọn cướp đã đánh thang quan binh kia ra chống cự lại giặc ngoài, sở dĩ thế mà bọn giặc cướp hay đạo tặc, đạo kiếp kia lại được đương thời khen ngợi, gọi là hạng người có đạo đức. Đến như chuyện Tống Giang uống thuốc độc tự tử, thì là của đầu đời Minh thêm vào. Thái Tổ nhà Minh thống nhất được thiên hạ rồi, thì đâu ra nghi ngờ ghen ghét các công thần, giết người bừa bãi, kẻ được trọng đời chết yên ổn không nhiều lắm, nhân dân đối với những người công thần bị sát hại, biểu thị đồng tình, thế là chuyện được thêm vào, việc Tống Giang tự tử rồi thành thần. Đó vẫn là cái lệ cũ, hễ thực tế mà có đỗ vỡ thì tiểu thuyết lại làm cho nó trở lại tròn trĩnh đoàn viên, như lần trước đã có nói.

Thủy Hử truyện có nhiều người cho là của Thi Nại Am làm. Đó là vì trong bản hơn bảy mươi hồi có cả hai loại viết nhiều và ít, mà trong đó có bản loại nhiều lại được tác giả là Thi Nại Am, nhưng Thi Nại Am đây e là tên mướn của người sau diễn chuyện thành bản nhiều, kỳ thực Thi Nại Am sinh sau La Quán Trung. Người sau thấy bản nhiều đẽ là của Thi Nại Am làm thì cho bản ít ngược lại là bản dọn bớt đi cho gọn rồi cho luôn Thi Nại Am là người xưa hơn, đem ông đặt lên hàng trước La Quán Trung. Đến thời đầu Thanh, *Kim Thánh Thán* lại nói *Thủy Hử truyện* đến chỗ Chiêu An mà dừng lại là tốt, ra sau nữa là rất dở. Thánh Thán lại nói ra rằng mình có được bản cổ, cho hết ở đoạn chiêu an là do Thi Nại Am, còn sau đó là của La Quán Trung tục thêm và thống mạ việc làm này. Thế rồi ông đem phần sau Chiêu An bỏ hết, chỉ để lại bảy mươi hồi trước - đó là bản lưu hành hiện nay. Nhưng Thánh Thán chẳng có bản cổ nào hết, mà chỉ là dựa vào ý riêng mình mà tước bỏ đi như vậy thôi, nói có bản cổ này khác, chẳng qua là thủ đoạn bày ra một lối thác cố khác nữa đó thôi. Có điều là văn chương mà trước sau có xê xích nhau thì lại đúng như Thánh Thán nói, nhưng trước đây tôi đã có nói, *Thủy Hử truyện* là gom góp nhiều điều truyền miệng,

nhiều bản Thủy Hử nhỏ lại mà làm thành, cho nên đương nhiên là không có thể nhất luật được. Huống chi văn chương mà miêu tả sự việc khi nó đã xong, so với miêu tả lúc đang làm kẻ cướp thì có khó hơn. Một bộ sách lớn, kết thúc không được phần khởi, là điều thường thấy, cũng không thể dựa vào đó mà nói dứt khoát là của La Quán Trung làm tục thêm. Đến như chuyện Thánh Thán vì sao lại bỏ phần sau đoạn Chiêu An đi, thì đó là do chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh thời bấy giờ. Ngài Hồ Thích nói: Thánh Thán sống trong thời đại mà bọn lưu tặc rộng khắp thiên hạ mắt thấy Trương Hiến Trung, Lý Tự Thành, một loạt kẻ cướp làm hại cho cả nước, cho nên thấy kẻ cướp là chuyện không nên quảng cáo thêm mà nên “mồm mắng, bút đánh” để dẹp chúng đi thôi. Nói vậy là đúng, song như vậy là Thánh Thán cho việc dùng bọn cướp để diệt giặc ngoài là việc không thể trông cậy được, vì thế mà ông không thích nghe chuyện nói Tống Giang lập công.

Có điều là khi nhà Minh mất rồi thì thế lực nước ngoài rất mạnh, những kẻ di dân ôm nỗi đau mất nước, liền quên đi cái nỗi khổ do lưu khâu làm, mà trở lại tổ đồng tình với kẻ cướp, như người di dân của triều nhà Minh là Trần Thầm, mướn cái tên Nhạn Đặng Sơn Tiêu mà làm một bộ *Hậu Thủy Hử truyện*. Ông ta nói: Tống Giang chết rồi thì các đồng chí còn lại của ông vẫn theo Tống để đánh lại Kim, sau không kết quả gì, Lý Tuấn chỉ huy tất cả vượt biển, đến Tiêm La, làm vua nước ấy. Đó là cái lý do nước nhà bị người ngoài chiếm thì quay lại tổ đồng tình với kẻ cướp đã nỗi ở trên. Thế nhưng sau lại, sự việc qua rồi, lòng người cũng thay đổi, ngay cả cái tình chung tộc cũng quên khuấy đi luôn: Khoảng triều Đạo Quang đã có Du Vạn Xuân làm ra kết Thủy Hử truyện, nói bọn sơn khấu Tống Giang, từng tên, từng tên một đều bị quan binh giết chết hết. Văn chương họ Du thì trong sáng đầy, miêu tả cũng không phải dở, chỉ có tư tưởng là thực ra chưa thoát khỏi cái cảnh giết chóc đáng buồn.

Bài giảng thứ năm HAI TRÀO LƯU LỚN VÀ CHỦ YẾU CỦA TIỂU THUYẾT ĐỜI MINH

Lần trước đã nói về đại thể của tiểu thuyết đời Tống. Đời Nguyên, từ khía cạnh phát triển, nhưng tiểu thuyết thì không có gì đáng nói. Hôm nay chúng ta nói đến tiểu thuyết đời Minh. Thời gian giữa đời Minh, tức khoảng trước và sau Gia Tĩnh, tiểu thuyết xuất hiện rất nhiều, trong đó có hai trào lưu chủ yếu lớn. Một là trào lưu tranh cãi về thần ma, hai là trào lưu nói về nhân tình thế thái, bây giờ chúng ta nói riêng về mỗi trào lưu một.

1- Trào lưu tranh cãi về thần ma nổi lên do chịu ảnh hưởng của tôn giáo và của các phuơng sĩ. Đời Tuyên Hòa nhà Tống, tôn sùng Đạo giáo một cách tuyệt đối, đời Nguyên thì tôn sùng cả Phật giáo lẫn Đạo giáo, thế lực của phuơng sĩ cũng không nhỏ. Thời Minh, vốn có suy kém đi, song đến đời Thành Hóa thì lại ngóc đầu lại, thời đó có phuơng sĩ Lý Tư nhà sư Kế Hiểu đời Chính Đức thì có người sắc mục¹² là Vu Vinh, mấy người đó đều do phù phép này nọ mà được bổ làm quan, thuyết yêu ma càm quấy cũng do đó mà ngày một thịnh, và ảnh hưởng đến cả văn chương. Huống nữa từ trước ba đạo cạnh tranh nhau, đã không giải quyết được mà đại để chỉ là điều hòa lẫn nhau, dung tha và chịu đựng nhau. Và cuối cùng cho nhau là đồng nguyên rồi thôi. Hễ có một phái mới tiến lên, thì tuy bên này bên kia cũng xem nhau là ngoại đạo, rồi phân tranh một chút, song một khi đã nhận nhau là

¹² Mắt có màu sắc, chỉ người ngoài Trung Quốc - ND.

đồng nguyên, thì thôi không kỳ thị nhau nữa, đợi khi nào lại có một phái khác trở lại, cả ba sẽ lại tự cho mình là chính đạo và công kích cái đạo chưa phải đồng nguyên kia là dị đoan. Tư tưởng bấy giờ là hết sức mơ hồ, trong tiểu thuyết mà tả là chính hay tà, thì điều không phải là Nho và Phật, hoặc là Đạo Phật, hoặc cả ba Nho, Đạo và Phật - và cả đến Bạch Liên giáo mà chẳng qua chỉ là mày tao chi từ cãi cọ tranh giành nhau thế thôi. Chúng ta hẳn đặt cho tất cả văn chương đó cái tên chung là tiểu thuyết thần ma. *Loại trào lưu chủ yếu lớn này có ba bộ tiểu thuyết làm đại biểu được là: 1/ Tây Du Ký, 2/ Phong Thần truyện, 3/ Tam Bảo Thái Giám Tây Dương truyện.*

1/ Tây Du Ký - Sách Tây Du Ký, người ta thường cho là của một đạo sĩ đời Nguyên tên là Khuu Trường Xuân làm, nhưng không phải. Khuu Trường Xuân bản thân có Tây Du Ký ba quyển thực, nhưng đó là nhật ký ghi hành trình của riêng mình, nay đang còn trong sách Đạo tàng, chỉ vì sách mang cùng tên nên người ta làm là Tây Du Ký kia, lại nữa, người đưa khắc tiểu thuyết Tây Du Ký đầu đời Thanh, lại đem lời tựa của Ngu Tập viết cho Tây Du Ký của Khuu Trường Xuân. Thực ra thì người làm Tây Du Ký là người Sơn Dương Giang Tô tên là Ngô Thừa Ân. Điểm này là thấy trong sách Hoài Nam Phủ Chí làm thời Minh. Đến đời Thanh, tu sửa các sách chí, người ta lại đem điều ghi chép đó bỏ đi. Tây Du Ký hiện giờ còn thấy là một trăm hồi, đầu tiên kể việc Tôn Ngộ Không tu thành đạo, tiếp đến kể lý do Đường Tăng đi lấy kinh, trải qua tám mươi mốt nạn, cuối cùng trở về được đất phương Đông. Bộ tiểu thuyết này cũng không phải Ngô Thừa Ân sáng tác ra cả, vì lẽ trong sách Đại Đường Tam Tạng pháp sư thủ kinh thi thoại mà trên đây có đề cập qua, đã có nói đến Hầu Hành Giả, Thâm Hà Thần và mọi cảnh lạ khác. Đời Nguyên trong tạp kịch cũng đã có lấy chuyện Đường Tam Tạng đi đến "trời Tây lấy kinh" làm tài liệu kịch. Ngoài ra, thời Minh cũng có một cuốn Tây Du Ký khác đơn giản và ngắn gọn thôi. Do những điều nói trên, chúng ta biết được rằng chuyện Huyền Trang đi lấy kinh ở "Trời Tây", từ cuối Đường đến Tống, Nguyên được nhân dân diễn thành chuyện thần dị, người ta thường kể, lại cũng đã thường viết thành những tiểu thuyết giản đơn, rồi đến đời Minh thì Ngô Thừa Ân đã gộp những chuyện, những tiểu thuyết đó lại, làm thành bộ Tây Du Ký lớn hiện nay. Thừa Ân vốn giỏi hoạt kê. Ông nói đến sự giận, mừng, thương, vui của yêu quái mà gần giống

như nói tình người thật, vì thế mà ai cũng thích xem, đó là bản lĩnh của ông. Lại nữa, chuyện khiến cho người ta xem xong là thôi, không để bụng nữa, không như chuyện Tam Quốc, thấy Lưu thắng thì mừng, thấy Tháo thắng thì tức, vì lẽ chuyện Tây Du là chuyện yêu quái, chúng ta xem xong chỉ thấy là thích, quên hết mọi sự hờn thua được mất, mà chỉ nhớ là xem thấy hay. Bản lĩnh của Thừa Ân chính là ở chỗ đó. Còn nói đến tôn chỉ, đến chủ đề tư tưởng của Tây Du, thì có người nói, cho rằng chuyện là để khuyên chăm học, có người cho là chuyện thuyết giáo đạo Phật, có người cho là tuyên truyền Đạo Giáo, bàn cãi lung tung, rồi bời lên, song *theo tôi thì thực ra chẳng qua tác giả làm để mua vui, mà vì ông chịu ảnh hưởng của thuyết Tam giáo đồng nguyên, Thích ca, Lão quân, Quan âm, vẫn đề chân tinh, vẫn đề nguyên thần, không có gì là không nói đến trong chuyện, nên bất kỳ giáo đồ của đạo nào cũng tùy nghi mà phù hộ thêm được cả đó thôi*. Mà nếu nhất thiết phải nói cho ra tôn chỉ, chủ đề, thì tôi thấy người đời Minh là Tạ Triệu Chế (?) có nói như sau: Tây Du Ký... lấy con vượn là cái thần của Tâm, lấy con lợn làm cái Ý cứ xông xáo chỗ này chỗ nọ; lúc đầu chúng buông tuồng phóng túng, thì trên trời dưới đất không ai ngăn cấm được, đến khi dùng một câu chửi roi chặt lại, thì khiến được con vượn Tâm thuần phục, đến chết vẫn một lòng. *Vậy đại khái chuyện Tây Du là một ví dụ về vấn đề “câu phỏng tâm”*. Tim cái Tâm, cái tâm trí đã buông lơi ra, đã thành buông tuồng phóng túng, làm cho nó có nề nếp, có quy củ trở lại. Chỉ mấy câu đó của họ Tạ là đã rất đủ để nói hết rồi. Về sau còn có các sách như *Hậu Tây Du Ký*, *Tục Tây Du Ký* nữa, nhưng tất cả đều không ra khỏi cái khuôn khổ của sách trước. Đến sách *Tây Du bổ* của Đồng Thuyết thì đã thành ra tiểu thuyết phùng thích, châm biếm rồi, cùng với các sách kia không có quan hệ gì lắm nữa.

2/ *Phong Thần truyện* - Phong Thần truyện rất thịnh hành trong xã hội, nhưng đến việc ai làm ra thì chúng ta không tìm đâu ra mà biết được, có người nói tác giả là một người nghèo, làm cho xong đi để bán, lấy tiền để lo cho con gái cưới và sắm sửa về nhà chồng, song đó chẳng qua là một truyền thuyết, không có bằng cứ nào. Tư tưởng vẫn là ảnh hưởng của tư tưởng mơ hồ Tam giáo đồng nguyên. Cốt chuyện là kể việc Thụ Tân dâng

hương ở cung Nữ Oa, đề thơ nói nhảm về thần. Thần bèn sai ba con yêu làm mê hoặc vua Trụ để giúp nhà Chu. Trong chuyện nói nhiều đến chiến tranh, thần, phật xuất hiện lần lộn, kẻ giúp nhà Chu là thuộc đạo Chiên giáo, kẻ giúp nhà Ân là thuộc Tiết giáo. Tôi ngũ Chiên có ý nghĩa là sáng sủa, sáng suốt và Chiên giáo tức là chính giáo, đao chính, còn Tiết thì nghĩa là dứt khoát, Tiết giáo hoặc giả là những kẻ trong đạo Phật cho là ngoại đạo, đoạn tuyệt đi không nhìn đến nữa. Tóm lại là : ẩn ảnh hưởng của tư tưởng Tam giáo đồng nguyên, cho tam giáo là Thần, con đạo khác là ma, thế thôi.

3/ *Tam Bảo Thái Giám Tây Dương Ký* - Đây là sách của thời Vạn Lịch nhà Minh, hiện nay ít thấy. Sách này kể việc viên thái giám triều Vinh Lạc là Trịnh Hòa thu phục được ba mươi chín nước man di, khiến họ triều cống cho Trung Quốc. Sách nói Trịnh Hòa đi đến Tây Dương, có Bích Phong trưởng lão giúp, dùng thuật pháp mà hàng phục được người Di, thành công hoàn toàn. Chuyện tuy nói việc một nước đánh nhau với một nước, song Trung Quốc thì gần như thần, mà cho ngoại di thì chỉ ở địa vị của ma, cho nên rõ ràng thuộc dòng phái tiểu thuyết thần ma đã nói đến trước kia. Chẳng qua sách làm thì có quan hệ đến hoàn cảnh đương thời và Trịnh Hòa là người đời Minh tiếng tăm lừng lẫy cho nên người ta thích nhắc đến. Lại nữa đời Minh đến khoảng sau Gia Tĩnh thì mặt Đông Nam, giặc lùn càn quấy hoành hành, nhân dân đau lòng về nỗi yếu hèn trước mắt, rồi lại nhân thế mà nhớ tiếc sự mạnh giàu trước kia và làm ra bộ sách này. Trong tâm trạng đó, họ *không nhớ đến tướng soái này nọ, mà nhớ đến viên thái giám, không ý vào lực lượng quân sự mà lại ý vào pháp thuật*, đó một mặt là vì họ như bị đóng khung lại trong cái tư tưởng truyền thống, mặt khác do viên thái giám đó thường làm giám quân thực sự, quyền lực hết sức lớn lao. Cái tư tưởng dùng pháp thuật mà đánh với nước ngoài, cứ lưu truyền mãi cho đến đời nhà Thanh, người ta tin là thực đến nỗi có Nghĩa Hòa đoàn thí nghiệm một phen.

2- Trào lưu chủ yếu lớn thứ hai là tiểu thuyết nói về thế thái nhân tình. Ngay lúc tiểu thuyết thần ma đang thịnh phong trào tiểu thuyết nói về thế thái nhân tình cũng đã nổi dậy rồi. Nguyên nhân đương nhiên cũng không ngoài tình hình của xã hội bấy giờ, nhưng cũng lại có một nguyên

nhân khác nữa là cũng như tiểu thuyết thần ma, có quan hệ rất lớn với tầng lớp phương sĩ. Loại tiểu thuyết này đại khái thuật những chuyện phong lưu phóng túng, và xen vào giữa cảnh buồn vui tan hợp, tả thói đời nóng lạnh thông thường. Nổi tiếng nhất trong loại tiểu thuyết đó, là chuyện *Kim Bình Mai*. Theo trong sách kể thì chuyện lấy nhân vật Tây Môn Khánh trong Thủy Hử làm chủ, rồi mô tả sự tích cả nhà nhân vật chính này. Tây Môn Khánh nguyên có một vợ chính và ba vợ hầu lại yêu Phan Kim Liên, bỏ thuốc độc giết chết chồng cô là Võ Đại, đem cô về làm vợ hầu, lại yêu con hầu của Kim Liên là Xuân Mai, lại thông dâm với Lý Bình Nhi rồi cũng đem về làm vợ hầu. Sau, Lý Bình Nhi, Tây Môn Khánh đều chết trước. Phan Kim Liên lại bị Võ Tòng giết, Xuân Mai cũng do dâm dục quá mà chết thình lình. Đến lúc Quân Kim đến Thành Hà, vợ cả của Khánh dắt Hiếu Kha, đưa con chồng chết rồi mới đẻ, muôn đi đến Tế Nam, dọc đường gặp hòa thượng Phổ Tịnh, hòa thượng đi đến đến chùa Vĩnh Phúc, lấy phép Phật cảm hóa Hiếu Kha, cuối cùng làm cho Hiếu Kha xuất gia đi tu, đổi tên là Minh Ngộ. Phan Kim Liên, Lý Bình Nhi và Xuân Mai đều là nhân vật quan trọng cả, cho nên tên sách đặt là Kim Bình Mai. Tiểu thuyết đời Minh mà nói chuyện bẩn thỉu xấu xa, nhân vật đều có ám chỉ người thật cả, đó là cái lối mượn văn chương mà trả thù riêng, như trong tiểu thuyết Kim Bình Mai này, Tây Môn Khánh là một thân sĩ, đại loại cũng không ngoài kẻ thù của tác giả nhưng nó ám chỉ người nào, thì hiện không khảo xét ra được, còn chính tác giả thì lại là ai, hiện nay chúng ta cũng chưa biết ra. Có người nói đó là Vương Thế Trinh báo thù cho bố mà làm ra. Cha của Trinh là Vương Dư bị Nghiêm Tung làm hại, mà con của Nghiêm Tung là Thế Phòn lại có thế lực lớn một thời, hễ có điều gì không lợi cho những sở tấu của Nghiêm Tung đưa lên làm vua là Phòn dẹp bỏ đi, không để tâu lên. Vương Thế Trinh dò biết Phòn thích xem tiểu thuyết, liền làm ra sách này để làm cho Phòn say sưa xem chuyện, không có thì giờ rỗi để ý đến việc khác, không tham gia ý kiến được vào các tấu sớ của Nghiêm Tung và các sự việc sẽ được tâu thẳng lên Vua. Vì lẽ đó mà bản khắc in lại đầu đời Thanh, trên đầu có ba chữ Khổ hiếu thuyết - đưa con hiếu khốn khổ nói - song đó chỉ là lời suy đoán căn cứ để tin. *Văn chương Kim Bình Mai* khá tốt, Vương Thế Trinh thì có tiếng văn hay nhất bấy giờ, vì vậy mà người ta đem tên của tác giả gán cho

Thế Trinh. Người sau chủ trì thuyết đó lại đem ba chữ Khổ hiếu thuyết đề lên trên đầu sách nữa, song thế cũng chỉ là cái thủ đoạn muốn giảm nhẹ sự công kích của xã hội mà thôi, và cũng không có bằng cứ gì để nói là Vương Thế Trinh làm ra truyện đó.

Tiểu thuyết nói những chuyện phong lưu phóng túng, mà còn hơn cả Kim Bình Mai, thì có chuyện *Ngọc Kiều Lý*, song sách này đến đời Thanh đã mất, có bản tình cờ thấy thì lại không phải là nguyên bản lúc đầu nữa. Lại có chuyện nói của người Chư Thành, Sơn Đông là Đinh Diệu Cang làm, tên là *Tục Kim Bình Mai*, nhưng so với sách trước thì không giống. Đó là sách kể chuyện báo ứng đổi lại sách Kim Bình Mai, tức là Võ Đại thì đời sau bị biến thành dâm phu, Phan Kim Liên biến thành người đàn bà Hà Gian, cả hai cuối cùng đều bị cực hình cả, Tây Môn Khánh thì biến thành một anh đàn ông si ngốc, chỉ biết ngồi nhìn vợ ngoại tình.... Tất cả là để cho thấy rằng thuyết luân hồi là không sai. Từ đây về sau thì tiểu thuyết thế tình hết sức rõ ràng là một lần biến thì thành ra tiểu thuyết báo ứng, biến thành sách khuyến thiện. Theo cách đó thì tiểu thuyết nói chuyện đời sau, nếu cứ suy diễn ra đến ba đời bốn đời cũng có thể làm mâu mà không song, rõ là một cách làm kỳ quái mà thú vị. Có điều là đời cổ, ở Ấn Độ đã từng có làm như “Uyên quật mara kinh” là một ví dụ.

Như trên đã nói, tiểu thuyết thế tình một mặt đã có một phen biến đổi lớn, thành ra tiểu thuyết nói về nhân quả, mặt khác lại dấy lên một lối phản động khác, đó là tiểu thuyết nói về cái gọi là ôn nhu độn hậu, có thể kể các cuốn *Bình Sơn Lãnh Yến*, *Hảo Cầu truyện*, *Ngọc Kiều Lê*... làm đại biểu. Chẳng qua các chuyện kể đó thường là theo cách cũ của Kim Bình Mai lấy tên họ các nhân vật trong chuyện ghép lại mà đặt tên sách, chỉ nội dung không phải là trai dâm gái đêmg mà lại là tài tử với giai nhân. Và gọi là tài tử, đại loại là biết làm một ít thơ, rồi tài tử giai nhân gặp gỡ nhau, đôi nào đôi nấy đều nhờ thơ từ làm môi lái, điều đó tựa hồ rất trái với lối hôn nhân theo mệnh lệnh bố mẹ và lời ông mai bà mối, đối lập với tập quán cũ thì có chút ý từ phản đối, song đến khi đoàn viên sum họp, lại thường là vâng theo chỉ của vua mà làm lễ thành hôn, như vậy là chúng ta biết rằng tác giả cố tìm cho được một cái mū che lớn nhất. *Loại sách đó, văn chương không có*

bộ nào tốt, mà ở nước ngoài thì lại rái có tiếng. Sở dĩ thế một là vì *Ngọc Kiều Lê* và *Bình Sơn Lãnh Yến* đều có bản dịch ra Pháp văn, Hảo Cầu truyện có bản dịch ra tiếng Đức, tiếng Pháp, vì thế những người nghiên cứu văn học Trung Quốc đều biết mấy cuốn đó, làm văn học sử cho Trung Quốc thì đại khái là có nói đến chúng cả, hai là nếu ở trong chế độ một chồng một vợ mà một giai nhân trở lên yêu chung một tài tử thì sẽ sinh ra chuyện lôi thôi to lấm, còn trong mấy chuyện tiểu thuyết đó thì lại không mấy may có chuyện gì, chỉ một chốc lát là kết hôn với nhau thôi, theo con mắt người họ nhìn thì có hơi mới lạ mà cũng thú vị.

Bài giảng thứ sáu
BỐN DÒNG PHÁI TIỂU THUYẾT
ĐỜI THANH VÀ SỰ TÀN TẠ CỦA NÓ

Tiểu thuyết đời Thanh, về chủng loại cùng với tình trạng đổi thay của chúng, so với đời Minh thì có nhiều hơn chỉ vì thời gian có quan hệ, nên bây giờ tôi chỉ chia làm bốn môn phái để nói qua đại khái thôi. Bốn môn phái là: 1/ Phái nghị cổ, 2/ Phái phúng thích, 3/ Phái nhân tình, 4/ Phái hiệp nghĩa.

1/ Phái nghị cổ - Gọi là nghị cổ, hay là bắt chước theo khuôn mẫu tiểu thuyết cổ, là chỉ bắt chước chí quái đời Lục triều, hoặc bắt chước truyền kỳ đời Đường. Tiểu thuyết từng bản một đời Đường, đến đời Minh đã mười phần mất hết chín. Tình cờ có thấy và bắt chước làm thì người đời xem cho là mới lạ. Cuối Nguyên đầu Minh, trước tiên có Cù Hựu người Tiền Đường, bắt chước truyền kỳ đời Đường, làm sách *Tiễn Đặng Tân Thoại*. Văn chương tuy không có sức, song dùng lời đẹp mà miêu tả tình yêu, nên được đương thời ưa thích đặc biệt, người bắt chước làm theo rất đông, đến nỗi bị triều đình cấm chỉ và phong trào suy dần. Đến khoảng Gia Tĩnh, tiểu thuyết truyền kỳ đời Đường lại nổi lên lại, từ đó người bắt chước đâu đâu cũng thế, các văn nhân đại đều thích viết một ít bài theo thể truyền kỳ. Còn chuyên làm tiểu thuyết hợp thành một tập, thì có *Liêu Trai Chí Dị* là của người Tri Xuyên, Sơn Đông, Bồ Tùng Linh làm. Có người nói Bồ Tùng Linh trước khi bắt tay vào làm sách, cứ ngày ngày dọn sẵn chè thuốc ở trước cửa, mời người qua đường vào chơi, kể chuyện đời xưa, để lấy tài liệu mà viết, song phần đông những người đó lại là bạn hữu của ông, họ đem những

chuyện đã nghe ở đâu, nhiều người còn đem chuyện mình đọc trong các sách xưa, hơn nữa chuyện truyền kỳ đời Đường, biến hóa đi mà kể - như chuyện Phượng Dương sĩ nhân, chuyện Tục Hoàng Lương v.v... vì thế mà xếp chuyện của ông vào loại nghị cổ. Chuyện trong sách kể, phần lớn là chuyện thần tiên, chuyện ma cáo, chuyện yêu tinh v.v... so với các sách cùng loại lưu hành bấy giờ không khác lầm, song sách của ông có mấy ưu điểm: 1/ Miêu tả rõ ràng mà thấu đáo, văn viết có biến hóa, nhuần nhị mà đạt ý, 2/ Nói chuyện yêu quái mà thường thấy đầy đủ tình người, thông suốt việc đời, làm cho người ta thấy gần gũi được không phải đáng sợ lầm, chỉ dùng điển cũ quá nhiều, làm cho một hạng người nào đó không dễ mà hiểu được.

Liêu Trai Chí Dị ra đời thì lưu hành khắp được chừng một trăm năm, trong khoảng thời gian đó, sách được tán tụng và mô phỏng làm ra rất nhiều. Nhưng đến năm cuối đời Càn Long có người Hiến huyện, Trực Lê là Kỷ Quân đứng ra phản đối. Kỷ Quân bảo *Liêu Trai Chí Dị* có hai khuyết điểm: Một là thể tài phức tạp. Nghĩa là bao trong một tác phẩm của một cá nhân, không nên có thể lệ của văn chương hai đời. Nói thế là vì trong *Liêu Trai Chí Dị* có văn chương dài là bắt chước văn truyền kỳ đời Đường lại có văn chương ngắn giống với văn chí quái thời Lục Triều. Hai là miêu tả quá rõ. Thế nghĩa là tác phẩm là thuật lại sự tích của người khác, mà sự tích gì cũng tả một cách tinh tế thấu đáo, không phải tự mình làm hay thấy thì không sao biết được. Vả lại có những điều người đó chưa chắc đã chịu nói ra, thế mà sao tác giả lại biết? Để tránh hai khuyết điểm nêu lên đó, trong sách *Duyệt Vị Thảo Đường bút ký* của mình, Kỷ Quân chỉ mô phỏng hoàn toàn thời đại Lục triều, chuộng chất phác, bỏ văn hoa, tự thuật giản đơn và xưa cũ, ra sức tránh cách làm của người đời Đường. Về tài liệu thì đại để là tự tạo lấy, mướn nhiều những chuyện về ma cáo, cốt để công kích xã hội; Theo tôi nhìn thì bản thân Kỷ Quân không tin ma cáo, dùng những chuyện đó chẳng qua vì nghĩ rằng đối với hàng dân ngu thi không dùng thần đạo để giáo dục là không được. Có điều Kỷ Quân có chỗ rất đáng khâm phục, ông sống trong thời đại mà pháp luật kỷ cương nghiêm khắc quá sức như thời đại Càn Long, thế mà dám mượn văn chương để công kích cái lẽ giáo bắt

thông, cái tập tục hoang đường làm lẩn, thì lấy con mắt đương thời mà nhìn, quả là một con người rất có khí phách, nghị lực. Rủi sao khi các lưu phái tiểu thuyết đã đến thời kỳ cuối và suy mạt, thì không ai hiểu được cái tinh thần công kích xã hội ở ông nữa, mà chỉ học đòi cái mặt thần đạo thiết giáo ở ông, vì thế mà cái môn phái tiểu thuyết đó, nói không quá, lại đã biến thành sách khuyến thiện mất rồi.

Tác phẩm của phái nghị cổ, sau khi hai sách nói trên ra đời đều học đòi bọn này, mãi cho đến bây giờ, chẳng hạn ở Thượng Hải còn có một bầy đang bắt chước viết, mặc dầu viết chẳng được tích sự gì, cái học đòi được đại để là cái cặn bã mà thôi, vì thế mà phái tiểu thuyết nghị cổ bị giãm chết ngay dưới bàn chân tín đồ của nó rồi.

2/ *Phái phúng thích* - Tiểu thuyết mà có ngũ ý chê cười, phúng thích từ đời Tấn đời Đường đã có rồi, đến tiểu thuyết nhân tình đời Minh thì ngũ ý phúng thích càng nhiều. Đời Thanh thì tiểu thuyết phúng thích lại ít. Cuốn có tiếng hẫu như duy nhất là cuốn *Nho lâm ngoại sử*. Nho lâm ngoại sử do người Toàn Tiêu, An Huy là Ngô Kính Tử làm Kính Tử mắt thấy nhiều, lại có tài biểu hiện, cho nên tự thuật cái gì thì trên mặt giấy như thấy được cả hơi tiếng dáng dấp của cái đó, mà tả hình dáng thái độ của nhà nho thì lại càng đặc biệt nhiều và đặc biệt rõ. Bấy giờ cách hồi Minh mất chưa đến một trăm năm, các phong khí đời Minh còn lại trong đám nho sĩ hây còn, ngoài văn chương bát cổ ra thì họ hoàn toàn không biết một cái gì, cũng hoàn toàn không lấy làm một việc gì. Kính Tử bản thân cũng là một kẻ sĩ, biết rõ hết tình hình trong bọn họ, nên bộc lộ được cái phong thái làm bộ, trò tuồng của họ một cách đặc biệt tỉ mỉ rõ ràng. Sách tuy tự thuật cứ từng đoạn, từng mảnh, không thành một chuyện dài có cấu kết, song biến hóa nhiều, thú vị nồng, trong tiểu thuyết phúng thích của Trung Quốc từ trước tới nay, không có cuốn nào hay hơn nó được. Mãi đến cuối triều Thanh ngoại giao thất bại, trong xã hội ai cũng thấy thế nước không lên nổi, hết sức suy nghĩ để biết vì sao mà ra thế, nhà làm tiểu thuyết cũng không muôn tìm xem nguyên nhân ở đâu. Bấy giờ có Lý Bảo Gia quy tội cho quan trường, lấy tên giả là Nam đình đình trưởng, làm bộ sách *Quan trường hiện hình ký*. Bộ sách này rất thịnh hành cuối đời Thanh, song văn chương so

với Nho lâm ngoại sử thua xa, lại nữa, tác giả đối với tình hình quan trường không thấu triệt lắm, cho nên có những điều nói thất thiệt. Tiếp theo Lý Bảo Gia, lại có người Nam Hải, Quảng Đông là Ngô Ốc Nghiêu, ông này thì quy tội có sự bỏ mất nền đạo đức cũ và cũng dùng cái tên giả Ngã Phật sơn nhân, làm bộ sách *Nhị thập niên mục đồ chí quái hiện trạng*. Bộ sách này cũng rất thịnh hành, song miêu tả mặt đen tối của xã hội, lời lẽ thường thường phóng đại, lại không đi được vào những chỗ tinh tế, chỉ như chiếu lệ dùng cái giọng khẳng khái hiên ngang mong kích thích người ta, cũng một khuyết điểm như người đình trưởng Nam Đình. Cả hai cuốn này đều dùng những câu chuyện riêng lẻ, đứt đoạn gộp lại mà làm thành sách, không có cốt chuyện và nhân vật chính nào, không khác gì Nho lâm ngoại sử lăm, song thủ đoạn nghệ thuật lại thua nó xa, cho nên hết sức dễ dàng thấy ra rằng Nho lâm ngoại sử mới là tiểu thuyết phúng thích, còn hai cuốn kia thì gần như mảng chửi thôi.

Tiểu thuyết phúng thích quý ở chỗ ý tứ thi tinh vi mà lời lẽ thi tế nhị uyển chuyển, còn giả phỏng nói quá đi thì mất ngay cái giá trị văn nghệ, song hạng tác gia mạt lưu thì không đoái hoài gì đến điều đó, vì vậy mà tiểu thuyết phúng thích từ Nho lâm ngoại sử về sau, có thể nói là hết tiếng vang.

3/ *Phái nhân tình* - Phái tiểu thuyết nhân tình này, có thể lấy cuốn *Hồng lâu mộng* làm đại biểu. Hồng lâu mộng lúc đầu tên là *Thạch Đầu ký*, có cả thảy tám mươi hồi, xuất hiện thình lình ở Bắc Kinh, vào đời Càn Long. Lúc đầu toàn là bản chép tay, đến năm Càn Long 57, thì có bản khắc in của Trịnh Vĩ Nguyên, có thêm bốn mươi hồi nữa, cộng cả là một trăm hai mươi hồi, và đổi tên là Hồng lâu mộng. Theo lời Vĩ Nguyên nói thì do gia đình cũ Cổ Đàm Thượng thu thập và tập hợp lại mới thành cuốn sách. Đến như bản đầu tiên thì hiện tại đã ít thấy, chỉ có một bản thạch ấn, song ưng không biết có phải là nguyên bản hay không. Chuyện Hồng lâu mộng là chuyện kể sự tình trong phủ đệ họ Giả, trong thành Thạch Đầu - chung chắc là Nam kinh ngày nay. Nhân vật chủ yếu là con của Giả Chính ở phủ Vinh quốc công, tên là Bảo Ngọc, thông minh hơn người, mà chỉ thích nữ tính. Trong phủ thực ra là lăm con gái, ngoài chủ nhà với người hầu hạ ra, thì thân thích cũng đông như Đại Ngọc, Bảo Thoa v.v... đều là đến ăn ở nhờ

trong phủ. Sử Tương Vân cũng thường đến, mà Bảo Ngọc với Đại Ngọc là mến nhau hơn cả. Sau Giả Chính cưới vợ cho Bảo Ngọc, lại cưới Bảo Thoa, Đại Ngọc biết được rồi thì thổi huyết mà chết. Bảo Ngọc cũng tức bực, không vui, bi thương mà thành bệnh. Về sau, Giả Xá bên phủ Ninh Quốc công bị cách chức, tịch thu gia sản, liên lụy đến cả phủ Vinh, gia đình từ đó suy sút, Bảo Ngọc cuối cùng lại sinh điên, sau bỗng lành và thay đổi hẳn, đi thi đỗ cử nhân. Song không bao lâu thì thình linh bỏ nhà, không biết đi đâu. Sau Giả Chính nhẫn tang mẹ, đi qua một nơi cồn mả, thấy một người đầu trọc chân đất, quay mặt về mình mà lạy, nhìn kỹ thì ra là Bảo Ngọc, đang định hỏi chuyện thì bỗng thấy một nhà sư, một thầy pháp kéo đi mất, đuổi theo tìm không có, chỉ thấy mènh mông trắng bạch một cảnh đồng không mà thôi.

Tác giả *Hồng lâu mộng* thì ai cũng biết là Tào Tuyết Cần, đó là vì sách có đề tên. Nhưng đến vấn đề Tào Tuyết Cần là con người thế nào thì lại ít có người nói đến. Hiện nay nhờ có khảo chứng của Hồ Thích tiên sinh, chúng ta mới biết được đại khái. Tuyết Cần tên là Triêm, có một tên tự nữa là Cần Phổ, là người Hán Kỳ quân, nghĩa là đã đầu hàng và nằm trong tổ chức bát kỳ của Mân Thanh. Ông nội tên là Dần, triều Khang Hi làm chức Chức tạo Giang ninh. Thời gian Thanh Thế Tổ Nam tuần, lấy chế tạo cục làm hành cung. Bố tên là Phủ, cũng làm chức tạo Giang ninh. Chúng ta nhờ đó mà biết rằng tác giả lúc nhỏ quả là một công tử con nhà sang giàu, lớn. Ông sinh ở Nam kinh, lúc lên mười theo cha đến Bắc Kinh. Sau đó thì không biết do biến cố thế nào, gia đình bỗng sa sút đi. Khoảng trong ngoài bốn mươi tuổi, Tuyết Cần lâm vào cảnh cùng cực, ở tại ngoại ô phía Tây Bắc Kinh, có bữa ăn không đủ no, mặc dù vậy, vẫn tha hồ uống rượu làm thơ, và sáng tác *Hồng lâu mộng* cũng là vào khoảng thời gian đó. Đáng tiếc là sau vì có đứa con chết non đi, ông đau thương quá rồi cũng mất luôn, tuổi mới hơn bốn mươi, *Hồng lâu mộng* thế là chưa làm xong, chỉ mới có tám mươi hồi. Bản chuyện mà sau Trình Vĩ Nguyên mới khắc in, có đến một trăm hai mươi hồi, tuy nói là từ nhiều chỗ sưu tập, song kỳ thực là do bạn ông là Cao Ngạc tiếp tục làm thêm cho xong, lại cũng không phải hoàn toàn là nguyên như ông viết.

Về ý nghĩa của cuốn sách thì các thuyết suy đoán rất nhiều. Nay nói những thuyết trọng yếu hơn cả:

1. Cho là sách ghi chép chuyện nhà của Nạp Lan Tính Đức. Kim Soa thập nhị (mười hai thoa vàng), là chỉ những kẻ mà Tính Đức tiếp đón như thượng khách. Sở dĩ thế là vì Tính Đức là một tử nhân (người giỏi thể thơ gọi là tử), là một người thi đỗ sớm, về sau nhà bị tịch thu, phảng phất giống như tình trạng của Bảo Ngọc, do đó mà đoán ra. Song chuyện bị tịch thu thì Bảo Ngọc bị khi còn sống, mà Tính Đức bị khi chết rồi, và những chỗ bắt đồng như thế rất nhiều, cho nên sự thực là hoàn toàn không giống nhau lắm.

2. Cho là sách chép chuyện người ta hay kể về vua Thuận Trị với Đổng Ngạc Phi, mà lại cho Đổng Ngạc Phi là Đổng Tiểu Uyển, một gái điếm cũ của Tần Hoài. Lúc đó, quân Thanh xuống Nam, bắt Tiểu Uyển đưa về Bắc Kinh, do đó mà có dịp được vua Thế Tổ nhà Thanh yêu, phong làm quý phi. Sau Tiểu Uyển chết non. Thanh Thế Tổ đau xót khôn cùng, xuất gia đi tu, lên núi Ngũ Đài làm hòa thượng. Trong Hồng lâu mộng Bảo Ngọc cũng làm hòa thượng, thế rõ ràng là ám chỉ một đoạn chuyện cũ đó. Nhưng Đổng Ngạc Phi là người Mân Châu, không phải là Đổng Tiểu Uyển được, lúc quân Thanh xuống Giang Nam, Tiểu Uyển đã 28 tuổi, còn vua Thuận Trị thì mới 14 tuổi, quyết không có cái lý đem Tiểu Uyển làm phi. Vì vậy, thuyết này cũng không thông.

3. Thuyết thứ ba cho rằng Hồng lâu mộng nói về tình hình chính trị dưới triều Khang Hi, tức là cho Thạch đầu ký là tiểu thuyết chính trị. Chuyện kể trong sách, cốt ở chỗ triều nhà Minh mất, nêu cái sai của nhà Thanh. Như lấy chữ Hồng để chỉ chữ Chu, lấy Thạch đầu để chỉ Kim Lăng, lấy chữ Giả để bài xích ngụy triều, tức là bài xích nhà Thanh, lấy Kim Lăng thập nhị soa để chê cười bọn danh sĩ đầu hàng nhà Thanh. Song thuyết này không khỏi gần như xuyên tạc, huống gì hiện nay đã biết Tuyệt Càn là người Hán Kỳ quân, quốc tịch Mân, tức là người Hán đã hàng và theo nhà Thanh rồi thì tựa hồ không đến nỗi lại làm cái việc thay người Hán mà ôm tấm lòng đau mất nước nữa.

4. Cho rằng Hồng lâu mộng là chuyện tự sự, kể việc của bản thân mình. Thuyết này có rất sớm, người tin thì lại rất ít, song hiện nay thì lại nhiều ra. Vì lẽ chúng ta đã biết, cảnh ngộ của bản thân Tào Tuyết Cần, nó rất khớp với chuyện kể trong sách. Cả ông, cả bố Tào Tuyết Cần đều có làm chức tao Giang Ninh cả, cảnh gia đình hào hoa, gần giống trong phủ họ Giả. Tuyết Cần lúc bé là một cậu ấm xinh xắn giống như Bảo Ngọc. Về sau bỗng trở nên nghèo khổ, cho là do bị tịch thu hay bị một sự cố gì gần như thế mà đến nồng nỗi thì cũng là hợp tình hợp lý thôi. Cho nên thuyết cho Hồng lâu mộng là chuyện tự sự là thuyết đáng tin hơn hết.

Đến như giá trị của Hồng lâu mộng, thì tuy vậy mà trong tiểu thuyết Trung Quốc thực ra không mấy bộ đạt đến. Cái điểm trọng yếu của nó là dám cứ thực mà miêu tả, hoàn toàn không kiêng kỵ tố vê gi, so với những tiểu thuyết trước, nói đến người tốt thì cứ hoàn toàn tốt, đến người xấu thì cứ hoàn toàn xấu, thật là không giống nhau, cho nên những nhân vật trong chuyện đều là những nhân vật thực cả. Tóm lại từ khi có Hồng lâu mộng về sau, tư tưởng cũng như lối viết truyền thống đều bị đập tan. Còn cái văn chương tha thướt triền miên của Hồng lâu mộng lại là chuyện không quan trọng bằng. Tuy vậy, người phản đối cũng rất nhiều, cho là có ảnh hưởng không tốt đến thanh niên. Nghĩ như vậy là vì người Trung Quốc xem tiểu thuyết, không biết dùng thái độ thưởng thức mà xem thôi, lại là tự thân xuyên sâu vào trong chuyện, nằm vào lý lịch, thân thế từng người. Thanh niên xem Hồng lâu mộng thì tự cho mình là Bảo Ngọc, Đại Ngọc, còn người có tuổi xem thì lại thấy đứng vào vị trí của Giả Chính quản thúc Bảo Ngọc kia, hạng nào cũng chỉ lo tính toán lợi hại mà thôi, ngoài ra gì cũng không nghĩ đến nữa. Hồng lâu mộng ra đời rồi thì người tiếp tục làm thêm hết sức đông, có *Hồng lâu mộng hậu*, *Tục Hồng lâu mộng*, *Hậu Hồng lâu mộng*, *Hồng lâu phục mộng*, *Hồng lâu bổ mộng*, *Hồng lâu trùng mộng*, *Hồng lâu ảo mộng*, *Hồng lâu viễn mộng*... đại khái đều là sửa chữa lại cảnh đỡ vỡ, kết thúc lại bằng cảnh sum họp团圆 viên. Cho đến khoảng giữa Đạo Quang, Hồng lâu mộng kể đã nghe chán. Có điều nói đến nhà người thường thì gia nhân ít khi có, sự việc cũng không nhiều. Thế là người ta đem dùng cái điệu bút Hồng lâu mộng mà miêu tả sự việc của gái điếm,

của kẻ làm nghề tuồng trò và cục diện tiểu thuyết lại biến thiên, đổi khác đi một lần nữa. Đến đây có cuốn *Phẩm hoa bão giám* và cuốn *Thanh lâu mộng* có thể làm đại biểu. *Phẩm hoa bão giám* mô tả những kẻ làm nghề tuồng trò tại Bắc Kinh từ đời Càn Long về sau. Nhân vật trong chuyện tuy so với Hồng lâu mộng không giống nhau, nhưng vẫn lấy triền miên làm cốt. Người cô đầu và khách làng chơi tả trong đó cùng với nàng giai nhân và chàng tài tử không khác gì nhau bao nhiêu. Còn *Thanh lâu mộng* thì toàn nói chuyện gái điếm chỉ không phải tả thực hoàn toàn mà theo lý tưởng của tác giả. Tác giả cho rằng chỉ có gái điếm là tri kỷ của tài tử, hai bên trải qua một số trắc trở nào đó rồi lại được đoàn viên sum họp với nhau, như vậy là họ cũng chưa thoát khỏi cái khuôn sáo cũ của tài tử giai nhân đời Minh mạt. Đến giữa niên hiệu Quang Tự, lại có sách *Hải thương hoa liệt truyện* xuất hiện, tuy cũng tả gái điếm, song không giống cái lý tưởng của *Thanh lâu mộng* kia. Đến năm cuối Quang Tự thì loại chuyện Cửu vĩ qui (Rùa chín đuôi) ra đời, gái điếm tả đây, toàn là bọn xấu, làng chơi thì giống đồ vô lại, so với Hải thương hoa liệt truyện lại không giống nhau nữa rồi. Như vậy là cách thức tả gái điếm biến đổi đến ba lần, lần đầu là tốt trân, giữa là gần thật, đến cuối lại xấu trân, lại cố ý cường điệu lên và đâm ra chửi mắng, có mấy cuồn lại thành ra cái công cụ để vu oan, nói dối. Tiểu thuyết nhân tình vào thời cuối mạt đến như thế, thực là điều đáng lè lùng.

4/ *Phái hiệp nghĩa* - Tiểu thuyết của phái hiệp nghĩa có thể lấy cuốn *Tam hiệp ngũ nghĩa* làm đại biểu. Nguồn gốc của sách này, sách để đọc mà kể chuyện lại trong các tiệm trà, sau có người hay văn đem viết lại, rồi sách được lưu truyền trong xã hội. Thời bấy giờ có các tiểu thuyết như Hồng lâu mộng nói chuyện tình mềm yếu, Tây du ký cùng môn phái của nó chuyên nói chuyện yêu ma, nói chung người ta nghe đã chán lầm rồi, chuyện *Tam hiệp ngũ nghĩa* xuất hiện là mở ra một cục diện hết sức mới lạ cho nên lưu hành đặc biệt mau, đặc biệt nhiều. Khi Phan Tổ Âm từ Bắc Kinh về Ngô, đưa sách cho Du Khúc Viên xem, Khúc Viên rất khen, chỉ ngại quá trái với lịch sử, nên sửa lại cho hồi thứ nhất. Lại vì trong sách có Bắc hiệp, Nam hiệp, Song hiệp thì thực ra đã bốn người, đặt tên là Tam hiệp thì không đúng, nên lại thêm vào Ngãi Hồ và Trầm Trọng Nguyên và đành đổi là Thất

hiệp ngũ nghĩa. Bản sửa đổi lại này, hiện nay lưu hành mạnh ở miền Giang Chiết. Song ngay cả Tam hiệp ngũ nghĩa cũng không phải là sách sáng tác ra một lần. Chẳng hạn chuyện Bao Chửng trong triều đình nhà Tống, cứng rắn ngay thẳng thế nào, trong Tống thư đã viết thành truyện, mà tiểu thuyết của dân gian thì đã tả ông ta xử sự quái dị đến thế nào; đến triều Nguyên thì chuyện *Bao Chửng* đã thành ra chuyện đời xưa người ta thường kể, và đời Minh thì đã dần dần diễn ra thành tiểu thuyết, tức là *Long đồ công án*. Về sau nữa, Long đồ công án lại kết cấu chặt chẽ thêm và thành ra pho sách Long đồ công án lớn, là bản mẫu của Tam hiệp ngũ nghĩa sau này. Rồi vì sách được xã hội hoan nghênh nhiều, nên lại có nào là Tiểu ngũ nghĩa, Tục tiểu ngũ nghĩa, nào Anh hùng đại bát nghĩa, Anh hùng tiểu bát nghĩa, nào Thất kiếm thập tam nghĩa, Thất kiếm thập bát nghĩa v.v.... bao nhiêu cuốn tiếp bước ra đời. Loại tiểu thuyết này, đại khái kể chuyện các tay hiệp nghĩa, diệt giặc cướp, dẹp yên những vụ phản loạn, trong đó chuyện nào cũng lấy một vị quan to, một kẻ bầy tôi có tiếng, cho thống lĩnh chỉ huy tất cả. Đầu tiên nên kể *Thi công án*, đồng thời với nó lại có *Bành công án* nữa, loại tiểu thuyết đó cũng thịnh hành một thời. Hiệp khách mà tất cả các tiểu thuyết này mô tả quá nửa là những tay thổ hào, rất giống các nhân vật trong Thủy Hử truyện cho nên tuy sự việc có thật thì từ Long Đồ Công Án mà ra những nguồn gốc thì vẫn từ Thủy Hử mà có, chỉ khác ở chỗ các loại tiểu thuyết này thì lại giúp chính phủ, đó là chỗ không giống nhau trong tư tưởng của các tác giả mà đại khái cũng là do bối cảnh xã hội không giống nhau đó thôi. Các cuốn sách này đại để ra đời vào năm đầu Quang Tự, đầu tiên cuốn nào cũng có mấy hồi nói về chiến tranh trong nước, như chiến tranh dẹp yên Trương Mao, dẹp yên phi Niệp, phi tôn giáo v.v.... khá đông những người ở nông thôn cũng như thành thị, những đồ thô bỉ vô lại, nhân tòng quân mà lập được công, nên rất được kính trọng, nhân dân thì thường thương mến họ, thèm muốn được như họ, rồi thích nghe kể như kể chuyện đời xưa những chuyện “vì vua mà đi tiên phong”, vì thế mà loại tiểu thuyết phát sinh trong các tiệm trà cũng tự nhiên chịu ảnh hưởng của tình hình xã hội đó. Hiện giờ đây chuyện Thất Hiệp ngũ nghĩa đã ra hai mươi bốn tập, chuyện Thi công án ra đến mươi tập và Bành công án mười bảy tập, mà đại để nghìn bài một kiểu, lời lẽ lăm le không thông, chúng ta đối với chỗ

này, không phê bình làm gì lắm mà chỉ thấy được rất rõ là tác giả cũng như khán giả dũng nào cũng có tài không sợ phiền đến thế, và như thế cũng là một cái kỵ tích đó thôi.

Bốn phái tiểu thuyết mà tôi giảng trên kia, đến nay vẫn đang rất thịnh hành. Ngoài ra lại còn những phái nhỏ vụn vặt với tác phẩm của họ nữa, như chỉ nên lược bỏ đi thôi. Đến như tiểu thuyết của phái mới phát sinh từ khi thành lập Dân quốc đến nay, thì tuổi còn rất trẻ - và chính vì đang lúc phát triển sáng tạo, chưa có trước tác nào là lớn lắm, cho nên cũng chưa đề cập đến.

*
* * *

Những bài Tình hình biến đổi trong lịch sử của tiểu thuyết Trung Quốc, tôi giảng đến hôm nay, giờ này là xong. Trong hai tuần giảng vội vã, chỉ nói được cái đại khái, được điều này thì mất điều nọ, tất nhiên là không tránh khỏi, thêm vào đó, hiểu biết của tôi lại ít thế, nói phô lái vụng thế, rồi trôi lại oй bức thế, mà các vị lại thủy chung đến nghe tôi giảng xong đồng thế, điều đó làm cho tôi vô cùng ái ngại và cảm tạ.

Phần thứ hai

HÁN VĂN HỌC SỬ CƯƠNG YẾU

I. TỪ VĂN TỰ ĐẾN VĂN CHƯƠNG

Thuở xưa cư dân nguyên thủy sống tùng bầy, chắc là chỉ dùng điệu bộ, thanh âm mà ngỏ tình ý cùng nhau. Thanh âm biến hóa nhiều ra, dần dần thành tiếng nói; tiếng nói nghe hài hòa, hay đẹp thời bắt đầu thành ca ngâm. Bấy giờ đang lúc sơ khai, con người thật thà chất phác, tâm trí dồn dập bên trong thì tự nhiên ca hát lên; thấy đất trời biến đổi ở ngoài thì kính sợ rồi ngợi ca chúc tụng, nhảy nhót ngâm than. Những lời lẽ xuất chúng hơn cả liền được mọi người tán thưởng, ghi nhớ không quên rồi kè tai hé miệng truyền đi cho đến mai sau. Lại có thầy bói, cô đồng, chuyên việc làm trung gian giữa thần và người, nâng lên thành ca múa để mong cầu ơn thiêng và tán dụng thêm ra với mọi người, do đó tác dụng càng thêm rộng lớn. Thủ xem những dân man rợ ngày nay, tuy còn rất là thú vật, chưa có áo quần, nhà cửa, chữ nghĩa gì hết, nhưng những bài ca tụng thần thánh, bộc lộ tình cảm, cũng như những người kêu hồn gọi quỷ đều có cả. Lã Bất Vi nói: "Xưa kia, nhạc của họ Cát Thiên là ba người nắm đuôi trâu, dẫm chân mà hát theo nhịp" (*Lã Thị Xuân Thu, Trọng hạ kỉ, Cổ nhạc*). Còn Trịnh Huyền thì nói: "Thơ bắt đầu có, chắc không phải trong đời Thượng hoàng" (*Tự - Thi phả*). Tuy thời cổ xưa không có chữ nghĩa gì ghi lại, khó có chứng cứ để chúng ta tin, nhưng cứ nhìn vào người man rợ ngày nay, lại quan sát tâm lý con người, thì nên cho lời của họ Lã là gần với sự thật.

Song lời nói cũng chẳng khác gì sóng gió, khi cơn bão, cơn mưa đã

qua, thì dấu vết còn lại chỉ lờ mờ; nếu chỉ nhỡ vào cửa miệng lỗ tai thì sao đủ để truyền xa hoặc truyền về sau được. Nhà thơ cảm xúc trước sự vật, phát ra thành thơ ca, ngâm nga xong là sự vật hết. Nếu muốn ghi lại lời nói việc làm, giữ lại công trạng mà chỉ nhỡ vào lời nói thì chỉ sợ quên mất, cho nên người xưa thường “thắt dây” để nhớ, rồi thánh nhân đời sau đổi thành *thư khế*. Phép thắt dây thế nào nay khó mà biết rõ, còn *thư khế* thì tương truyền: “Bào Hy xưa làm vua thiên hạ, ngừa mặt quan sát các hiện tượng trên trời, cúi đầu xem các phép tắc dưới đất, nhìn hình dáng chim muông cùng sự thích nghi với mặt đất của chúng, gần thì lấy từ mình, xa thì lấy từ vật, rồi bắt đầu làm ra tám quẻ” (*Kinh Dịch*, Hạ hệ từ); “Vua Thần Nông lại gấp đôi lên mấy lần làm ra 64 hào” (Tư Mã Trinh, *Bổ su kí*), việc ấy rất giống việc bắt đầu làm ra văn tự. *Quẻ* và *hào* nay còn đầy đủ trong *Kinh Dịch*, cứ xếp nhiều vạch lại với nhau thì thành ra hình (tượng), các vạch ngắn và các vạch dài tổng hợp lại theo nhiều cách biến hóa có hạn, cùng với văn tự sau này không có quan hệ gì.

Hứa Thuận cho rằng: “Thương Hiệt, viên quan của vua Hoàng Đế, thấy dấu chân của chim muông, biết phân biệt tách bạch ra thì thấy có những chỗ khác nhau, mới bắt đầu làm ra “*thư khế*” (*Tựa Thuyết văn giải tự*). Tóm lại, văn tự có được là phải qua nhiều năm tháng lâu dài, lại do nhiều người cùng làm, cả bầy người đều hiểu được thì văn tự mới có thể lưu hành; ai là tác giả? Khó mà nói cho đúng, qui công cho một ông thánh, cũng chỉ là một cách nói hoang đường mà thôi.

Hứa Thuận nói: “Thương Hiệt bắt đầu đặt ra chữ chắc là theo đúng loài mà vẽ (tượng) ra hình cho nên mới gọi là văn (vẽ). Về sau hình vẽ và thanh âm thêm vào nhau, mới gọi là chữ (tự). Tự có nghĩa là sinh đẻ nuôi nấng cho sinh sôi thêm. Viết lên tre lụa thì gọi là sách (thư). Cái gọi thư là như vậy...”. Sách Chu Lễ nói: 8 tuổi vào tiểu học, quan Bảo Thị dạy con các quan, trước tiên là dạy sáu thư. Thư thứ nhất là chỉ sự; chỉ sự thì xem mà biết được, xét mà thấy được, như chữ thương (trên) và hạ (dưới); thứ hai là tượng hình, tượng hình là vẽ ra cái vật, tuỳ hình thể mà quanh cảm ơnh như chữ nhật (mặt trời), nguyệt (mặt trăng); thứ ba là hình thanh, hình thanh là lấy sự vật làm cái tên đệm ví dụ vật này với vật nọ mà làm thành chữ như

giang, hà (sông); thứ tư là hội ý, hội ý là ghép những loại khác nhau lại bên nhau, phối hợp nhau lại mà ngầm nghĩ để thấy được cái chữ ấy chỉ ra cái gì, như chữ vô (bước chân) chữ tín (tin); thứ năm chuyển chú là đặt ra một bộ thủ, đồng ý chấp nhận, như chư khảo và chữ lão; thứ sáu là giả tá, giả tá là vốn không có chữ ấy, theo thanh âm mà gán gửi sự vật, như chữ lệnh, chữ tưởng. (Tựa: *Thuyết văn giải tự*). Chỉ sự, tượng hình, hội ý là việc của hình thể; hình thang, giả tá là việc của thánh âm; còn chuyển chú là việc làm huấn hổ (tức việc dạy chữ gồm mặt chữ, cùng âm thanh và nghĩa - ND). Thư kế đời Ngu, Hạ nay không thấy được, *Câu lâu* của vua Vũ là sách giả không đáng bàn. Từ đời Thương Chu trở đi thì chữ khắc vào xương thú, mai rùa, kim loại và đá rất nhiều, xuống đến Tần Hán văn tự càng phong phú, đem thu cả vào “lục thư” chỉ là gượng ép. Tóm lại có thể nói văn tự, tức là chữ lúc mới đầu đặt ra hẳn là vẽ theo hình, mắt thấy mà hiểu, không đợi phải dạy và học, sau tiến dần lên thì loại chữ hội ý, chỉ sự mới đặt ra. Văn tự ngày nay, loại hình thanh nhiều, song xét cách cấu tạo thì chín phần mười là lấy loại hình tượng làm gốc, học một chữ phải biết được hình, âm và nghĩa, cà ba: miệng đọc tai nghe cái âm, mắt nhận cái hình, bụng thông cái nghĩa; ba điều ấy đủ cả thì việc học một chữ mới gọi được hoàn tất. Còn nói đến văn chương thì tả núi cao vút hốc hiểm, tả nước nói sâu rộng dạt dào, nói chon von xanh rậm thì như nhìn thấy cỏ cây, viết các chữ mè, trấm, chép, rõ thì như nhìn thấy cá thật. Ấy cái hàm ý cái nghĩa của chữ phải đủ ba cái đẹp cái hay: cái âm hay để cảm lỗ tai, cái hình đẹp để cảm con mắt, cái ý hay để cảm tấm lòng. Chấp nối văn tự lại với nhau cũng gọi là văn hay (hay làm văn). Việc ấy thịnh đạt có lẽ do các thầy bói (vu) và quan giữ sách (sử), thầy bói làm để ghi lại việc của thần, các quan giữ sách thì ghi lại việc của người; song cũng để báo cáo lại việc với trời. Giờ *Kinh Dịch*, *Kinh Thu* ra thỉnh thoảng còn phảng phát thấy được cái ý ấy. Còn như cái thực trạng của đời thương cổ thì mịt mù không tra cứu vào đâu được: tên các vua chúa đúng đâu, cũng khó biết chắc. Người đời cho Tam hoàng là Thiên hoàng, Địa hoàng, Nhân hoàng là xếp theo thứ tự mà các bộ “tam tài” ấy bắt đầu có; kể đến nói có Hữu Sào, Toại Nhân, Phục Hy, Thần Nông là nói rõ cái lịch trình tiến hóa của loài người; những điều đó chỉ là do người đời sau đặt ra mà gọi, không phải là tên, hiệu có thật. Xuống đến đời Hiên Viên, mới có

nhiều truyền thuyết, đến đời Ngu, Hạ mới có thứ văn chép trên thẻ tre trong lụa giấy truyền đến ngày nay.

Thầy bói, quan giữ sách không phải là nhà thơ, chức trách của họ chỉ là truyền lại các sự việc, song lúc đầu cũng chỉ bằng vào lỗ miệng, lỗ tai, sợ sẽ sai lầm đi nên cũng luyện cầu, ghép vần để dễ ghi nhớ, dễ đọc. Văn tự có rồi, không còn mối lo sai lầm nữa, nhưng sách, thẻ nhiều và nặng; viết lách, xóa, gọt cũng mệt nhọc cho nên cũng phải bớt lời văn để tiết kiệm vật lực; cũng có lúc nhân thói quen cũ mà làm văn vần. Đến nay truyền lại có Đạo ngôn của Hoàng đế (xem *Lã Thị Xuân Thu*) Kim nhân minh (theo *Thuyết Uyển*) Đan thư của Chuyên Húc (theo sách *Đại dái lỗ kí*) Chính ngữ (theo sách *Giả Nghị tân thư* nói là của Đế Cốc). Những sách đó tuy đều do người Tần Hán đưa ra nhưng không đáng tin cậy, đại để lời văn cũng ghép vần (hiệp âm) từ cũng đối ngẫu, làm cho độc giả thuận miệng khi đọc, cũng là cách nói trên kia vậy.

Do những điều trên mà suy ra thì văn chương lúc đầu vốn đã có phần khác ngôn ngữ, nó có văn điệu để truyền tụng, “nói thẳng ra là ngôn, bàn luận là ngữ”, đó là điều phân biệt giữa ngôn và ngữ. Có điều theo *Nghệ văn chí* trong *Hán thư* thì đời Hán, phàm những cái viết lên tre lụa thì đều gọi là văn chương cả. Về sau lại mở rộng phạm vi ra, tất cả những gì viết ra, mô tả ra, mắt thấy được đều gọi là văn chương. Lưu Hiệp đời Lương đi đến chỗ cho rằng: “Văn bắt nguồn từ Đạo” (Nguyên đạo, *Văn tâm diệu long*) cái mà “tam tài” biểu hiện ra là do cái diệu huyền của “đạo”, “hình tượng thì thành; thanh phát thì văn sinh”, cho nên đường văn trên da hổ vẻ đẹp của ráng sa, tiếng rồng vi vu, tiếng suối róc rách đều là văn chương cả. Thuyết ấy nghe ra mènh mông, mờ mịt, khó mà thẩm tra cho chính xác. Xét theo nghĩa hẹp thì như *Kinh Dịch* nói: “Vật đan dệt vào nhau thì gọi là văn”. Sách *Thuyết văn giải tự* thì nói: “Văn là nét vẽ chằng chịt với nhau”. Như vậy thì có thể biết rằng, cái gọi là văn tất phải có sự sắp xếp chằng chịt; chằng chịt mà không rối loạn thì đã thành một hình tượng xinh đẹp. Đến như Lưu Hy thì lại nói: “Văn là tập hợp nhiều vẻ lại mà làm thành gốm thêu, tập hợp nhiều chữ mà thành là có nghĩa, như là vóc gốm vậy” (*Thích danh*). Nói thế thì rõ ràng văn chương phải là lời lẽ, có nghĩa lý, lại có văn

về màu sắc như vóc gấm thêu đùa vây. Sách *Thuyết văn* lại có chữ văn nói: “Văn, ấy là hoắc; hoắc ấy là văn chương vây”. Văn chương là như vậy. Song sau khi cần chữ ấy nữa mà chỉ viết hai chữ văn chương: hiện nay thì thường dùng văn học.

Lưu Hiệp trong thiền *Nguyên đạo* cho rằng con người “là cái đặc biệt khác lạ của ngũ hành, là tâm của trời đất, tâm sinh thì ngôn lập, lời nói thành thì văn sáng tỏ, đó là cái đạo tự nhiên vậy. Nói rộng ra đến muôn vật thì động (vật) thực (vật) đều là văn cả. Song từ Tán, Tống trở đi, sự phân biệt giữa văn và bút lại rất nghiêm ngặt. Thiền *Tổng thuật* của họ Lưu lại nói: “Nay thường nói có văn có bút, cho rằng không văn là bút, có văn mới là văn”. Tiêu Thích lý giải lại càng rõ hơn: “Môn đồ ngày nay, dạy học lẫn nhau, kẻ thông hiểu kinh của thánh nhân thì gọi là nho, còn bọn Khuất Nguyên, Tống Ngọc, Mai Thặng, Trưởng Khanh chỉ làm từ phú mà thôi thì gọi là văn... Đến như không tiện làm thơ như Diêm Toân, giỏi chương tấu như Bá Tùng, những kẻ loại đó đều gọi chung là bút. Những kẻ ngâm vịnh phong dao, triền miên thương nhớ thì gọi là văn”. Lại nói: “Bút lui thì chẳng qua chỉ cốt thành bài, tiến thì cũng không thể nói thành thân, thủ nghĩa, cái thân cái khéo chỉ ở đầu ngọn bút. Đến như văn thì phải gấm thêu hoa nở, tiếng cung cung tiếng chung nhuần nhuyễn, lưỡi miệng ăn nhịp, tinh thần rung động. Mà văn bút xưa cùng văn bút nay, nguồn gốc lại khác nhau”. Thiền *Lập ngôn* sách *Kim lâu tử* cho rằng: Thời ấy ranh giới văn chương rất có thể cũng dịch dắc; buông ra thì bao gồm hết hình và thanh của muôn bài, thắt lại thì vứt bỏ những lối tự, ký giản đơn, nhất định phải có lời đẹp câu hay cảm động lòng người thì mới gọi được là văn không được thế thì gọi chung là bút.

Người ta còn nói từ bút là thi bút, hai cái đối nhau; đời Đường vẫn dùng, đến Tống Nguyên thì nghĩa lấy lu mờ đi, từ đó những bài loại tản văn cũng gọi là văn, và đúng về công dụng thì văn ấy là để chở đạo; nó đề cao khoa học kinh huấn, gạt bỏ đi những lời đẹp câu hay, giảng giải, khuyên răn đề cao thành văn uyển. Nguyễn Nguyên đời Thanh làm *Văn ngôn thuyết*, còn là Phúc lại làm *Văn bút đối*, muốn làm sáng lại nghĩa xưa, nhưng thuyết của họ không thực hiện được.

II. KINH THƯ VÀ KINH THI

Sách *Chu Lễ* nói: Quan ngoại sử giữ sách của Tam Hoàng Ngũ Đế, nay chẳng biết sách ấy là sách ấy. Giả sử sách của Ngũ Đế là “Ngũ điển” thì ngày nay chỉ còn có *Nghiêu điển* trong sách *Thượng thư*. “Thượng là thượng vi vây trên làm ra dưới viết lại” (Thiên Tu tụng trong sách *Luận hành* của Vương Sung). Hoặc là nói: “Đó là sách từ thượng đại - đời trước, để lại đến nay”. (Sách *Thượng thư chính nghĩa* của Khổng Dĩnh Đạt). Các sách vĩ thư (sách mượn kinh nghĩa để bói toán - ND) thì nói: “Khổng tử tìm sách, được cuốn sách của người chít (huyền tôn - ND) của Hoàng đế là Đế khôi, chép đến Tần mục công, có đến 3240 thiên. Cắt dài lấy ngắn, để làm khuôn phép cho đời được 120 thiên; hợp 102 thiên thành *Thượng thư*, 18 thiên thành *Trung hầu*, bỏ đi 3120 thiên”. (Sách *Thượng thư truyền ki kiêm* là người đời Hán nói ngoa thêm, không thể tin được. Sách *Thượng thư* vốn có 100 thiên: *Ngu Hạ thư* 20 thiên, *Thượng thư*, *Chu thư* mỗi cuốn 40 thiên. Nay vốn có lời tựa, tương truyền là của Khổng Tử làm, nói cái ý làm ra sách như thế nào (*Hán thư*, *Nghệ văn chí*) nhưng cũng khó tin, vì văn viết không giống của họ Khổng. Nhà Tần đốt sách vỏ, Phục Sinh người Tế Nam ôm sách dấu trong núi nhưng rồi sách lại mất đi. Nhà Hán lện, Cảnh đế sai Triều Thác đến học miệng (khẩu truyền), song chưa được bao lâu thì Phục Sinh già chết, chỉ truyền lại được Thiên *Nghiêu điển* đến thiên Tần thẻ cả thảy 28 phiên, vì thế người đời Hán thường đem sánh với nhị thập bát tú (sao - ND).

Thể lệ *Kinh thư* có 6 là điển (phép) mô (mưu) huấn (dạy) cáo (mách) thẻ (thè) rất giống lối ký, còn ngoài ra thì đại khái ở dưới ở dưới lối huấn trên lối cáo, giống lời tấu nghị và lời chiếu mệnh đời sau. Văn *Kinh thư* chất phác, lại trực trắc khó đọc, đến như đem lời đẹp, có vần vào để trang sức thêm cho dễ học, tiện lợi lúc đi xa thì lối ấy cũng đã được làm từ lâu rồi. Vệ Hoành đời Tần có nói: “Phục Sinh già, không nói đúng được, nói ra không ai hiểu, cho nên sai con gái dạy cho Thác. Tiếng Tề nói khác tiếng Dĩnh Xuyên, Thác không hiểu, mười tiếng có đến 2, 3, chẳng qua lấy ý chép nhặt lại mà đọc thôi”, cho nên những chỗ nan giải quá nhiều nay ghi lại một đoạn nói chuyện trong Thiên *Nghiêu điển* để thấy được đại khái:

“... Đế nói: Than ôi, ai là người hiện giờ nên đưa lên để làm việc? Phóng Tề thưa: Nên đưa người con nối ngôi là Đan Chu lên, Đan Chu cởi mở, thông minh. Đế bảo: Hừ! Nó bất trung bất tín lại thích tranh cãi kiện tụng, người như vậy mà cũng đưa lên được sao? Đế lại nói: Than ôi! Ai là người cùng ta làm việc được? HoanẬt thưa: Tốt lắm, có Cung Công, y vừa tập hợp người lại mà đã thấy công việc có kết quả rồi. Đế bảo: Hừ! Cung Công khéo nói nhưng làm thì sai trái, tội ác của y khắp trời. Đế nói: Than ôi! Chư hầu bốn phương này, nước lụt chảy tràn tai hại, bọc quanh hết núi, ngập lút hết gò đồi, mênh mông, dọn đến tận trời, dân chúng thở than khôn xiết, ai có tài năng thì khiến ra trị (thủy). Mọi người thưa Ông Cổn tài năng làm sao! Đế bảo mình không thấy thế: Cổn hay trái mệnh, làm hỏng mọi công việc. Chư hầu thưa: Lạ quá nhưng cứ thử xem có làm được không rồi hãy thôi. Đế bảo: Được, đi làm đi. Kính vậy thay? Chín năm công việc chẳng thành. Đế bảo: Than ôi! Chư hầu bốn phương này, ta ở ngôi vua 70 năm rồi, anh dùng mệnh được, ta nhường ngôi ta cho. Chư hầu thưa: Tôi đức kém, không xứng đáng với ngôi vua. Bảo: Anh nên cử những kẻ có đức sáng, những kẻ ở trong chỗ hẻo lánh quê mùa, đừng cầu nệ sang hèn. Mọi người cùng đế nói: Có người không vợ ở dưới tên là Ngu Thuấn. Đế bảo: Ủ, ta có nghe. Thế nào? chư hầu thưa: Thuấn là con của kẻ có mắt mà như mù lòa, cha thì ngu dốt cùn dở, mẹ thì ăn nói không thật thà ngay thẳng, em là Tượng thì ngạo mạng. Thuấn lấy sự hiếu thảo của mình mà làm cho cả nhà ăn ở hài hòa, thịnh đạt và có thứ lớp, không có ai đến chỗ làm điều gian phi. Đế bảo: Thế thì ta nên thử xem. Các anh từ nay nên để ý xem Thuấn làm gương mẫu cho hai người con gái của ta thế nào. Và để đưa hai nàng gả xuống làm vợ người họ Ngu”.

Dương Hùng nói: “Ngày xưa, những người giảng *Kinh Thư* rồi viết lời tựa có đến hàng trăm... Sách đời Ngu đời Hạ chất phác, hòn nhiên, sách đời Thương phóng khoáng, không cầu nệ; sách đời Chu đứng đắn, nghiêm trang. Thiên Văn thần sách *Pháp ngôn* viết: vua đời Ngu đời Hạ, truyền ngôi cho người hiền; sách của họ chỉ nói nhiều về thành tích trị nước; phát triển, tuyên dương những công lao tốt đẹp, cho nên lời văn sâu và lớn; đời Chu nhiều cuộc chinh phạt, trên dưới tranh nhau, công việc nguy hiểm, lời

nói thiết tha thì văn nghiêm túc mà không a dua vay mượn. Chỉ các sách đời Thương là thỉnh thoảng có những âm thanh bi ai kích động, như leo sườn núi cao mà mất tay vịn; văn như vậy mà cho là yên vui khoáng đạt, thì thiệt là điều chưa rõ được, chẳng hạn đoạn *Tây bá diệt Lê* sau đây: “Tây bá đã diệt tộc Lê rồi, ông Tổ Y sợ, chạy mách với vương rằng: Thiên tử ơi! Trời đã coi mệnh của nhà Ân ta hết rồi; người có đạo, con rùa lớn, không dám viết đó là việc lành. Không phải các tiên vương không giúp bọn người sau là chúng ta đâu; chỉ do vương đam mê chơi bời, mình tự tuyệt lấy mình đó thôi. Vì thế cho nên trời bỏ ta, chẳng được yên vui, chẳng có gì ăn để sống, chẳng sáng tinh trời, chẳng đi đến chỗ tuân giữ Pháp điển. Nay dân ta không ai muốn mất đi; họ nói: Trời sao chẳng giáng oai, mệnh lớn chẳng giữ? Nay vương định thế nào? Vương nói: Hỡi ôi! Ta sinh ra không có mệnh ở trời hay sao? Tổ Y lại nói: Than ôi! Tôi ngài nhiều cái xen vào ở trên thế mà ngài còn có mệnh được sao? Nhà Ân mà nhất định mất là do việc làm của ngài; có thể không có sự giết chóc trong nước ngài được sao?”.

Thời vua Võ Đế, Lỗ cung vương hủy cái cũ của Khổng Tử, được cuốn sách do cháu xa của Khổng Tử là Huệ cất dấu, chữ viết đều là chữ xưa, Khổng An Quốc dùng kim văn (văn nay - ND) hiệu đính lại, được 25 thiên, trong đó có 5 thiên giống của Phục Sinh, đọc lại, nhân gộp lại với những bản cổ văn, đặt thành các thiên và sắp xếp thứ tự, dùng chữ lệ viết ra, hợp lại thành 58 thiên, nhân vụ án thuốc độc, không tâu lên được chỉ truyền riêng cho học trò, gọi là dòng học Thương thư cổ văn. (*Tùy thư. Kinh tịch chí*). Còn bản do Phục Sinh truyền miệng lại trước kia, do viết bằng chữ lệ đời Hán nên gọi là kim văn.

Sách họ Khổng truyền lại, do vụ thuốc độc à không lưu hành được, rồi có bọn Trương Bá giả mạo ra 24 thiên thư *Thuấn điển*, *Mịch tác*... cũng gọi là Kinh thư cổ văn, song lời lẽ thô thiển quê mùa không đủ cho người đời tin tưởng. Còn bản *Thượng thư cổ văn* của họ Khổng truyền lại ngày nay do Mai Trách người Dự Chương đời Tấn tâu lên vua thì chỉ mất có một thiên *Thuấn điển*. Đến đời Tùy mới quyền mua được thiên ấy, đời Đường Khổng Dĩnh Đạt chú giải thêm, thiên ấy mới lưu hành rộng rãi. Ngô Vực đời Tống bắt đầu ngờ vực, Chu Hy lại so sánh lời văn, cho rằng “kim văn thì

lắm chỗ khó mà cổ văn thì lại quá bình dị”, “giống với văn khoảng Tấn Tống thì phải hơn”, hơn thế cả lời tựa cũng chưa chắc đã là của An Quốc. Mai Trác đời Minh làm sách *Thượng thư khảo dị* cũng cố tìm ra những chỗ trùng lặp, bảo rằng: “sách *Thượng thư* chỉ có phần kim văn do Phục Sinh truyền miệng lại là cổ vật thật. Còn phần giấu trong vách nhà Khổng Tử thì hoàn toàn do hậu nho làm giả, đại để là dựa theo lời lẽ trong các kinh như *Luận ngữ*, *Mạnh tử* rồi đánh cắp cả chữ, câu mà tô điểm thêm”.

Thơ ca dấy lên, chắc là sớm hơn văn chép việc (ký sự), song Tám khúc của họ Cát Thiên, nhạc từ của Hoàng đế, nay chỉ còn lại cái tên. Sách *Gia ngữ* nói vua Thuấn gảy đàn 5 dây, làm ra thơ *Nam phong* rằng: “Gió nam thổi ấm chữ, làm nguội lòng giận của dân ta chữ; Gió nam thổi đúng lúc chữ, làm dồi dào thêm của cải của dân ta chữ”. Sách *Thượng thư* *dai truyền* lại chép bài ca *Khánh vân* (mây báo điềm lành - ND) của vua Thuấn rằng: “Mây lành sáng chữ, tan rồi lại hợp chữ, mặt trăng, mặt trời rực rõ chữ, sớm lại sớm chữ”. Lời chỉ đủ ý, lại có điệu xưa, nhưng đến Hán Ngụy mới truyền di, nghi rằng cũng do người đời sau làm ra cả. Phần có chúng có thể tin được lại ở trong *Cao Dao* mô sách *Thượng thư*, thiên *Ích Tắc* trong sách *Thượng thư* nói thác là Khổng Tử truyền lại, viết:

“... Ông Quỳ nói: Ôi! Ta gõ đá, vỗ đá, trăm thú đều múa, các quan hòa theo. Đế bèn làm bài ca rằng: Đón mệnh của trời, đúng thời đúng cơ. Rồi ca rằng: Bè tôi mừng thay, vua phấn khởi thay, trăm việc sáng sửa thay. Ông Cao Dao rập đầu xuống đất, nói to lên rằng: Hãy nhớ lấy thay! Ai làm việc này, lo giữ phép mình, kính thay! Hăng xít xem việc mình xong chưa! Kính thay! rồi ca tiếp: Vua sáng suốt thay, bè tôi giỏi thay, mọi việc ổn thay! lại ca rằng: Vua nhỏ nhất thay, bè tôi lười thay, muôn việc hỏng thay! Đế bảo: Du, đi làm đi, kính thay!”.

Đúng về thể thức mà nói thì rất là đơn giản, bỏ các trợ từ đi thì thực ra chỉ có 3 câu, đem so sánh với “Lời minh ngôn khắc ở chậu tăm” của vua Thang” (Thang chi bồn minh - ND) rằng: “Nếu ngày mới, ngày ngày mới, lại ngày mới” (cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân - ND) thì cũng một thể. Lại cũng đặt chữ sóng đôi, gieo vần, nhưng mộc mạc không văn vẻ, tuyệt đối không có gì hơn văn chép việc ký sự. Đó chỉ là lời vua tôi khuyên

nhau gắng sức, mong ai nấy giữ gìn cẩn thận phép tắc của mình, kính cẩn
chăm lo chức vụ của mình mà thôi, song giọng ngâm nga, lời cảm khái nên
gọi là hát, là ca, chứ vốn không phải là sáng tác của nhà thơ.

Từ nhà Thương đến nhà Chu thơ mới hoàn bị đầy đủ, còn lại đến nay
là 305 bài, gọi là *Kinh thi*. Trước tuy bị nhà Tần dốt, song người ta ngâm đọc
thuộc lòng, không phải chỉ chép trên tre, lụa mà thôi nên rất trọn vẹn. Từ
Mã Thiên trước cho là thơ xưa có đến hơn 3000 bài, đến Khổng Tử, bỏ
những bài trùng lặp, chọn những bài thi thố vào lẽ nghĩa được, trên lấy từ
ông Khiết ông Hậu Tắc, giữa thì thuật lại tình trạng hưng thịnh của nhà Ân
nhà Chu, đến những thiếu sót đời U vương, Lê vương. Song ngay từ đời
đường, Khổng Dinh Đạt đã lấy làm ngờ lời nói trên. Đến đời Tống thì Trịnh
Tiều bảo rằng, thơ đều do người đời Thương Chu làm ra cả, Khổng Tử thấy
được ở Thái Sư nước Lỗ, xếp thứ tự và chép lại. Chu Hy đối với thơ ý thường
trùng hợp với Trịnh Tiều, cũng nói: "Người ta nói Khổng Tử san thi, nhưng
xem ra thì chỉ là nhặt lượm được một số, ông không hề bỏ bớt, chỉ là san
định mà thôi". *Kinh thư có sáu thể*, còn *Kinh thi* thì có sáu nghĩa: Một là
phong, hai là phú, ba là tỉ, bốn là hứng, năm là nhã, sáu là tụng. Phong, nhã
và tụng là nói về tính chất: phong là thơ tình ở đường làng, ngõ xưa, nhã là
nhạc ca ở triều đình, tụng là nhạc ca ở tôn miếu, ba loại đó là ba kinh của
thi; còn phú tỉ hứng là lời nói về thể chế: phú là trực tiếp bày tỏ tình cảm, tỉ
là mượn vật mà nói chí, hứng là dựa vào vật mà mở lời, ba loại này là ba vĩ
của thi. Phong lấy bài *Quan thư* làm đầu; Nhã có đại nhã, tiểu nhã, tiểu nhã
lấy bài *Lộc minh* (hươu kêu) làm đầu, đại nhã lấy bài *Văn vương* làm đầu;
tụng lấy bài *Thanh miếu* làm đầu; bốn cái đó gọi là "tứ thủy" (bốn đầu mối).
Thời Hán, người giảng thi rất đông, nước Lỗ có Thân Bồi, nước Tề có Viên
Cố, nước Yên có Hàn Anh, tất cả đều là học quan, song sách của họ nay đều
mất hết, chỉ có *Thi* của Mao Trường người nước Triệu là được truyền lại,
theo ông ta nói thì học vấn của ông ta là do Tử Hạ truyền cho Hà gian Hiến
vương rất lấy làm ưa, thơ bài nào cũng có tựa; Trịnh Huyền cho rằng tựa lớn
của bài đầu do chính Tử Hạ làm, còn tựa nhỏ của những bài sau thì do Tử
Hạ cùng họ Mao làm chung. Song Hàn Dũ lại nói: "Tử Hạ không viết tựa
thơ", Chu Hy giải thích thì cũng chỉ tin thơ mà không tin vào lời tựa. Theo

thuyết của Phạm Hạp thì những tựa trên thực ra chỉ là của Vệ Hoằng đời Hậu Hán làm cả.

Tựa *Thi* của họ Mao đã không tin được, *Kinh thi* của cả ba nhà đều thất truyền, ý nghĩa việc làm thơ khó mà biết được. Thêm vào đó, thứ tự các bài mục của *Thi* lại không theo thời đại mà sắp xếp sau trước, cho nên về sau thuyết này thuyết nọ càng nhiều. Hà Khải đời mình làm sách *Mao thi thế bǎn cỗ nghĩa*, chép thi theo lối biên niên, bảo trên bắt đầu thời Thiếu Khang nhà Hạ như bài *Công lưu bài Thất nguyệt...* dưới đến đời Kinh vương nhà Chu; bài *Hạ tuyển* tuy so với thuyết tư nhân luận thế của Mạnh Tử có hợp ý nhưng cũng không chắc đã là ý nghĩa vốn có của nó. Tóm lại, năm bài trong *Thương tụng* sự tích rạch rời, lời văn cũng khúc chiết, giống với *Thương thư*, đem nó mà tiếp nối với bài ca *Cao Dao* của vua Thuấn, hoặc giả không phải đối trả sao? Nay chép lại bài *Huyền điểu* trong lời tựa *Mao thi* nói đó là bài thơ tế Cao Tông vậy.

“Trời khiến huyền điểu, xuống sinh nhà thương, ở đất Ân mênh mang. Xưa, để khiến Vũ Thang, Chính cõi kia bốn phương. Trái mệnh cùng vua, rộng lây chín châu. Vua trước nhà Thương, chịu mệnh chẳng lười nhác, ở con cháu Võ Đinh. Con cháu Võ Đinh, Võ Vương nhất định thăng. Cờ rồng mươi ngọn, cơm rượu nhận nhiều Đất nước nghìn dặm, là chỗ dân ở. Mở cõi ra bốn bề, bốn bề đến nghỉ ngơi. Đến nghỉ rất đông, giáo hóa tựa sông. Ân chịu mệnh là nên, trăm lộc là gì?”.

Đến như “Nhị nhã” thì hoặc khen hoặc chê, đủ thấy rõ được tình ý tác giả; không phải như Tụng, đại loại là ngợi khen cả. Như bài *Thái vi* trong *Tiểu Nhã*. Người lính đi thú phương xa, gian lao mà không dám nghỉ ngơi.

“Hái rau vi, hái rau vi. Rau vi mọc đó còn gì nữa kia. Nói sấp về, nói sấp về; Năm đã hầu hết còn về lúc nao. Cửa nhà tan nát đâu đâu, vì giặc Hiển Doãn nó vào đó thôi. Không yên đứng, chẳng yên ngồi, vì giặc Hiển Doãn đó thôi chứ gì... Kìa hoa nở rộ hoa gì? Ấy hoa đường lệ mình thì biết tên. Kìa xe cao lớn để bên, Hỏi ra tướng soái bè trên riêng dùng. Xe đà thăng ngựa ung dung, Bốn con ngựa đực oai hùng xiết bao. Dám đâu ở mãi nơi nào, Một tháng ba trận, tháng nào tháng hơn... Nhớ xưa kíc bước ra đi,

Hàng cây dương liễu xanh rì gió bay. Đường về cất bước hôm nay, Mưa sa
tuyết phủ một trời đông sang. Bước chân lững thững trên đường, Bụng đói
dạ khát chán chường cái thân. Lòng riêng đau đớn muôn phần, nào ai là kẻ
thấu tình cho ta!".

Thơ *Thái vi* là loại thơ mà người ta cho là oán mà không loạn lời lẽ ôn
nhu đôn hậu vậy. Song cũng có loại thơ kích động thiết tha như bài *Chiêm
ngưỡng* trong *Đại nhã*:

"Chiêm ngưỡng trời cao, Không thương ta nhỉ? Lâu rồi chẳng yên,
nay lại dịch tệ! Đất nước không ổn, Dân cứ ốm đau, sâu bệnh làm hại, mất
cả lúa màu. Hình pháp chẳng bở, yên lành ở đâu? Kẻ có đất ruộng, mày
cướp mất đi; kẻ có trăm dân, mày cướp bắt đi. Kẻ kia vô tội, mày lại bắt đi,
kẻ này có tội, mày lại yêu vì; Nam khôn nên thành, Nữ khôn nghiêng
thành... Suối chảy nước phun, vì nó sâu vây. Lòng lo ngay ngáy, phải đâu
hôm nay. Phải ta trước đâu, ta sau chẳng phải. Lòng lòng trời cao, gì không
thấy được. Chờ bêu tiên tổ, cứu lấy vua mày".

Lời thơ *Quốc phong* thì bình dị hơn bày tỏ tính tình cũng rành mạch
hơn. Ví dụ:

"Đồng có nai chết, Tranh bọc trắng tinh, Cô gái đang xuân, Cậu trai
tỏ tình. Rừng có cây hộc, Rừng có hươu gục, Tranh trắng chẳng bọc, Cô gái
như ngọc. Khoan thai diềm đậm, Đừng đựng khăn em, Đừng làm con xù
sữa vắng lên".

Đồng có nai chết - Thiệu Nam

"Sông Trăng sông Vĩ, Nước chảy mênh mông. Con trai con gái dập
đìu như nêm. Gái rắng: "Đi dạo cùng em", Trai rắng: "Mình đã đi xem được
rồi". "Thì đi lượt nữa mà chơi!" Bên ngoài sông Vĩ, rộng rãi đông vui. Trai
gái tay đôi, cùng nhau đùa cợt, tặng nhau bông thược dược".

Trăng Vĩ - Trịnh Phong

"Núi có cây xu, Đất có cây du, Người có áo xiêm, không ăn không
mặc. Người có xe ngựa, không cưỡi không đi, Y như chết vậy, người khác lại

khoái. Núi có cây thảo, Đất có cây nụu, Người có đình nội, không tưới không quét; Người có chuông trống, không đánh không đánh, Y như chết vậy, người khác giữ lấy. Núi có cây tắc, Đất có cây lật. Người có cơm rượu, sao không ngày ngày gầy dàn sắt, để mà mừng vui. Để ngày dài dằng dặc, Y như chết vậy, Người khác vào nhà mất!”

Sơn hưu xu - Đường Phong

Thứ tự *Kinh thi* thì Quốc phong đâu tiên rồi đến Nhã đến Tụng, thứ tự Quốc phong thì đâu tiên là Chu Nam, Thiệu Nam rồi đến Bội, Dung, Vệ, Vương, Trịnh, Tề, Ngụy, Đường, Tân, Trần, Cối, Tào và cuối cùng là Mân. Thứ tự sau trước đó, người đời Tống cho là ý chỉ của Khổng Tử, song thơ có lưu truyền lại lâu ngày, thứ tự bài này bài nọ chưa hẳn đúng như thuở trước, nay không căn cứ vào đâu mà nói dứt khoát được. Duy có điều là *Kinh thi* để thơ Phong bình dị lên trước, rồi dần dà các nhà thơ Nhã, thơ Tụng, là loại thơ điển nhã, trang trọng; riêng Quốc Phong thì để nhà Chu được tôn trọng lên trước, rồi sao rộng ra đến các nước khác chỉ thứ tự đó đại để còn suy ra được mà thôi.

Ba trăm bài *Kinh thi* đều từ Phương bắc mà ra, mà Hoàng Hà là trung tâm, trong 15 nước thì Chu Nam, Thiệu Nam, Vương, Cối, Trần; Trịnh là ở Hà Nam, Bội, Dung, Vệ, Tào, Ngụy, Đường là ở Hà Bắc; Mông, Tân thì ở vào khoảng sông Kinh sông Vị, đại khái bờ cõi tất cả không ra ngoài bốn tỉnh Hà Nam, Sơn Tây, Thiêm Tây và Sơn Đông ngày nay. Nhân dân tính tình đôn hậu, cho nên tuy nói thẳng lòng dạ nhưng vẫn còn dừng lại ở mức lẽ nghĩa, phần uất mà không sai trái, oán thán mà không giận dữ, thương xót mà không đau buồn, vui vẻ mà không dâm loạn, nói là thơ ca mà cũng là giáo huấn. Nhưng đó là lời hậu nho nói, chứ thực ra thì lời kích động, giọng phóng dâng, ngay trong Phong, Nhã cũng thường có. Khổng Tử còn nói: “Ba trăm bài *Kinh thi*, dùng một lời để khái quát, đó là suy nghĩ không bậy bạ”. Hậu nho lại nhân lời Khổng Tử nói với Nhan Uyên về việc trị nước: “Bỏ tiếng nước Trịnh”, “ghét nước Trịnh dâm, loạn nhã nhạc” mà ngỡ đến cả thơ Trịnh phong, cho nó là dâm dật, sai lạc mất cả ý chỉ của *Kinh thi*. Lòng không sạch thì thường hùa theo ngoại vật, Kê Khan nói: “Còn như tiếng Trịnh thì thật là một thứ âm thanh hay tuyệt, âm thanh hay thì cảm

động lòng người, khác nào sắc đẹp lay động cả ý chí, ham mê ăn uống, đưa đến mất sự nghiệp, không phải là kẻ chí nhân thì ai cũng không cưỡng lại được” (bàn về vấn đề âm thanh không có vui buồn - *Thanh vô ai lạc luận*). Sở dĩ đời muôn bỗn tiếng yếu điệu đi là vì lẽ đó, mà lẽ đó đem nói về văn chương cũng không phải là không thông.

❖ *Sách tham khảo*

- *Thượng thư chính nghĩa*, Khổng Dĩnh Đạt, Đường;
- *Mao thi chính nghĩa*, Khổng Dĩnh Đạt, Đường;
- *Kinh nghĩa khảo*, Chu Di Tôn, Thanh (quyển 72 đến quyển 76, quyển 98 đến quyển 100);
- *Chi na văn học sử cương*, Nhật Bản: Nhi đảo hiến cát lang (chương 2 đến chương 4 quyển 2);
- *Thi Kinh nghiên cứu*, Tạ Vô Lượng.

III. LÃO TỬ VÀ TRANG TỬ

Nhà Chu dần dần suy vong, việc các “phong nhân” đi hái lượm thơ ca đình chỉ. Cho nên nó: “dấu vết của Vương giả tiêu tan thì thơ hết”. Kẻ chí sĩ muôn cứu vãn tình thế thì đem hết tinh thần, trí lực ra nhắc lại những cái mình nghe biết. Song các nước chư hầu đang tranh giành thôn tính nhau, hậu đãi rước mời những kẻ sĩ đi du học. Trong những người này có kẻ tính toán làm sao cho các chúa chư hầu hợp ý với mình, để có thể thực hiện thuyết của họ, họ bèn ra sức bài xích người khác, cho điều mình chủ trì là cái đạo trọng yếu, đua tranh biện luận thuyết minh, công cuộc trước tác bắt đầu phồn thịnh từ đó. Tuy vậy, đương thời đáng để gọi là hiển học thật ra chỉ có ba nhà là Đạo, Nho và Mặc.

Sách Đạo gia, theo *Hán thư*, *Nghệ văn chí* chép có Y Doãn, Thái Công, Tân Giáp... nay đều không còn; Chúc tử, Quản tử là của người đời sau làm,

cho nên hiện tại những sách còn lại không sách nào xưa hơn *Lão tử*. Lão tử tên Đam, họ Lý, quê nước Sở, có lẽ sinh vào buổi đầu Chu Linh vương (chừng 570 trước CN) từng làm chức quan coi sách nhà Thủ tàng, ông thấy nhà Chu suy nên bỏ đi, đến quan ải, vì viên lệnh Doãn đất quan ải là Hỷ mà làm tập sách hai thiên thượng và hạ, nói cái ý của đạo đức, hơn 5 nghìn lời, làm xong thì đi, không ai biết về sau ông ra thế nào. Nay sách lại chia ra 81 chương, đó cũng là do người đời sau chia càn mà thôi, chứ nguyên bản thực ra chỉ là thuật lại tư tưởng của mình, các ý nghĩ không có mạch lạc gắn bó với nhau, có chỗ cũng đổi chữ, hiệp văn đề đọc cho dễ nhớ, sách ấy cũng cùng một thể thức như *Kim nhân minh* của Hoàng đế. *Đan thư* của Chuyên Húc của người đời Tần Hán truyền lại:

“Cái nhìn mà không thấy tên là Di, cái lắng tai mà không nghe tên là Hy, cái bắt mà không nắm được tên là Vĩ. Ba cái ấy không thể hỏi đến chỗ tách bạch rõ ràng được, cho nên để làm một. Cái một đó, phần trên của nó không sáng, phần dưới của nó không mờ, nó như cái dây không đứt mà không thể đặt tên gọi là gì được, trở lại phải quy vào cái vô vật. Vậy bảo đó là cái trạng không có trạng, cái tượng không có vật, vậy là hoảng hốt. Đón trước không thấy đầu của nó, đi theo không thấy phía sau của nó, giữ cái đạo ngày xưa để chống giữ cái có ngày nay. Biết được cái bắt đầu từ ngày xưa, ấy gọi là đạo kỷ”.

“Nắm cái tượng lớn, thiêng huyền tối. Tiền mà không hại, thì yên bình mãi. Vui lại có ăn, khách xa dừng chân; Đạo ra khỏi miệng thì nhạt, không có mùi vị, nhìn không đủ thấy, lắng không đủ nghe, dùng không bao giờ hết”.

Lão tử từng làm thủ thư của nhà Chu, đọc nhiều sách vở, lại từng trải việc đời, hiểu biết rất nhiều. Ban Cố cho rằng: “Giòng phái Đạo gia có lẽ từ sử quan mà ra, họ trải qua và ghi nhớ cái đạo thành bại, mất cồn, họa phúc, xưa nay, do đó biết nắm lấy cái chủ yếu, cái cơ bản, lấy sự thanh hư để giữ mình, lấy sự hèn yếu để giữ thân”, lý do là như vậy. Song lời Lão tử không thuần nhất: răn người ta chớ nói nhiều mà có khi lại có lời phẫn nộ, chuộng vô vi mà vẫn muốn trị thiên hạ. Cái “không làm gì” (vô vi) của ông là do muốn “không gì không làm” (vô bất vi).

“Đạo lớn bở, có nhân nghĩa. Trí tuệ xuất, có dối trá; gia tộc (lục thân) bất hòa thì có đức hiếu thảo, nhân từ, nhà nước hỗn loạn thì có bầy tôi trung”.

“Dân dối, vì bè trên của họ ăn thuế nhiều, vì thế mà họ dối. Dân khó trị vì bè trên của họ có làm (hữu vi), vì thế mà họ trở thành khó trị. Dân coi nhẹ cái chết, vì bè trên của họ coi nặng việc cầu sống, vì thế mà họ coi nhẹ cái chết. Ôi! Chỉ không lấy sống làm điều là hay hơn quý cái sống”.

... “Thánh nhân chăm lo cái sự không làm (vô vi) làm cái việc dạy dỗ mà không nói; muôn vật phồn vinh mà mình không từ chối, sống mà chẳng có, làm mà không ỷ, công thành rồi mà không tự cho là có công. Ôi! Chỉ do không kể công cho nên không bỗ mà đi”.

“Làm cái việc học mà ngày một thêm, làm cái việc đạo thì ngày một bớt. Bớt rồi bớt nữa, tiến tới chỗ không làm, không làm nhưng không gì là không làm. Lấy thiên hạ thường do vô sự; khi đã hữu sự thì không đủ để lấy thiên hạ nữa”.

Hai phái Nho, Mặc nổi lên sau Lão tử, cả hai đều muốn đem hết sức lực để cứu lấy đời loạn. Khổng tử sinh vào năm thứ 21 đời Chu Linh vương (551 trước CN) tại ấp Trâu, làng Xương Bình nước Lỗ. Lúc hơn 30 tuổi đã từng gặp lão Đam hỏi về lễ, nhưng rồi thuật lại Nghiêu Thuấn xưa, lấy đó để chữa cái tệ đương thời, đạo minh không thi hành được thì định lại sách Thi, Thư, hiệu đính sách *Lễ*, *Nhạc*, viết tựa cho sách *Dịch*, làm sách *Xuân Thu*. Sau khi ông mất (năm thứ 41 đời Kinh vương 479 trước CN) học trò ông lại cùng nhau tập hợp những lời nói việc làm của ông, luận bàn và chép lại thành sách đặt tên là *Luận ngữ*. Mặc tử cũng người nước Lỗ, tên là Địch, sau Khổng tử đến một trăm ba bốn chục năm (sinh vào khoảng từ năm đầu đến năm thứ mười đời Uy Liệt Vương). Nhưng ông ưa đạo nhà Hạ, thương yêu hết thảy mọi người và chuộng sự đồng đều, bài bác lê, nhạc thời xưa và bài bác cả đạo Nho, có làm sách 71 thiên, phần còn lại ngày nay chia làm 15 quyển. Tuy nhiên, nhà Nho tôn trọng sự thực, họ Mặc chuộng chất phác, cho nên cả *Luận ngữ* cả Mặc tử văn từ nhìn chung đều không trau chuốt, chí cốt đạt ý mà thôi. Dương thời còn có Dương Chu, chủ trương vì mình (vị

ngā) có lẽ chưa từng viết thành sách nhưng thuyết của ông cũng thịnh hành trong thời chiến quốc. Còn Mạnh tử tên là Kha, sinh năm 372, mất năm 289 trước công nguyên, người xứ Trâu, học với Tử tư, cũng tôn sùng Đường Ngu, tuyên truyền nhân nghĩa, đối với Dương, Mặc thì từ chối, bái bỏ đi, có làm sách 7 thiên gọi là *Mạnh tử*. Mạnh Kha sinh vào thời cuối Chu là thời mà văn chương đã dần dần có ý rườm lời, lối văn tự thuật của ông có khi đặc biệt tinh tế, diệu kỳ như đoạn “Xin ăn ở cồn mả” sau, Họ Ngô đời Tống trong cuốn *Lâm hạ ngẫu đàm* đã hết lời tán thưởng.

“Người nước Tề có gã có một vợ một hầu cùng ở chung. Anh chồng đi ra ngoài thì nhất định no say cơm rượu rồi mới về, chị vợ hỏi ăn uống với những ai thì anh bảo toàn là với kẻ giàu sang cả. Chị ta nói với người vợ hầu: chồng chúng ta đi ra thì nhất định no cơm say rượu rồi mới về, hỏi ăn uống với những ai thì nói toàn là người giàu sang cả, nhưng chưa hề thấy ai sang trọng đến nhà ta, tôi định rình xem chồng ta đi đâu. Sớm dậy lén theo chồng, khắp cả nước không ai cùng đứng nói chuyện, cuối cùng gã đi đến đầm tế ở gò mả Thành Đông, xin đồ ăn thừa, chưa đủ, lại ngóng nhìn mà đi đầm khác. Đó là cái đạo no say của gã vậy. Chị vợ về, nói với người vợ hầu rằng: chồng là kẻ ta nương tựa cả một đời, thế mà nay như thế. Rồi chị ta cùng với chị vợ hầu chê trách chồng và khóc với nhau ở giữa sân. Thế mà anh chồng vẫn chưa biết gì, vẻ thỏa thuê, từ ngoài về, lên mặt với vợ và hầu”.

Song văn chương mà hoa mỹ phong phú thực ra chỉ có Đạo gia. *Liệt tử*, *Hạt quan tử* là sách ra sau này, đều là của người đời sau làm giả, nay còn lại chỉ có *Trang tử*. Trang tử tên Chu, người đất Mông nước Tống, sau Mạnh tử một chút, từng làm chức lại ở đất Viên đất Mông. Ông làm sách hơn 10 vạn lời đại để là ngũ ngôn, tên người tên đất đều là bày đặt, không có thực, nhưng lời văn thì bát ngát sóng trào, khi khép khi mở, rộng rãi muôn phương, các tác giả cuối Chu, không ai hơn được. Sách *Trang tử* nay còn 33 thiên, trong đó *Nội thiên 7*, *Ngoại thiên 15* và *Tạp thiên 11*; *Ngoại thiên*, *Tạp thiên* nghi là đời sau thêm vào, nay lược ghi một đoạn *Nội thiên* để thấy cái đại khái:

“Khiết Khuyết hỏi Vương Nghê rằng, anh có biết vật là đồng nhất cả

không? Vương Nghê nói: “Tôi làm sao mà biết được. Anh có biết là anh không biết không? Trả lời “Tôi làm sao mà biết được. Thế thì vật không biết sao? trả lời: “Tôi làm sao mà biết được. Tuy vậy hãy thử nói xem: Có biết rằng ta gọi là biết không phải là không biết sao? Có biết rằng ta gọi là không biết phải là biết sao? Vả ta lại thử hỏi anh: Dân nầm nơi ẩm ướt thì mắc bệnh rồi chết, con cá thiu cũng thối sao? Ở trên cây thì nơm nớp lo sợ, khỉ vượn cũng thế sao? Cả ba loài nói đó, biết ở thế nào là đúng. Tự tôi xem thì cái đầu mồi của nhân nghĩa, con đường của phải trái, hỗn loạn như mớ bòng bong, ta sao mà biết phân biệt ra được. Khiết Khuyết nói, anh không biết lợi hại sao? Bậc chí nhân là thần, cái chầm lớn cháy mà không làm cho nó nóng lên được, sông Hà sông Hán đóng băng mà không làm cho rét được, rét đánh vỡ núi gió làm biển động mà không làm cho kinh hãi được, người như vậy đi trên hơi mây, cuối mặt trời mặt trăng mà dạo chơi ngoài bốn biển, chết sống không biến đổi được mình, huống hồ là đầu mồi của lợi hại?” (*Tề vật luận đệ nhị*).

“Suối khô, cá cùng nhau ở cạn, chuyền hơi để thấm ướt cho nhau, lấy nước bọt đầm cho nhau, chẳng bằng quên nhau đi trong sông hồ. Khen vua Nghiêu mà bài bác vua Kiệt, chẳng bằng quên đi cả hai mà hóa cái đạo của họ. Ôi cái khối lớn chở ta bằng cái hình, làm nhọc ta bằng việc sinh ra, để ta thong thả bằng cái già, làm cho yên nghỉ bằng cái chết; cho nên làm tốt cái sống của ta tức cũng là để làm tốt cái chết của ta vậy”. (*Đại tông sư đệ lục*).

“Vua Nam Hải là Du, vua Bắc Hải là Hốt, vua Trung ương là Hỗn Độn. Du và Hốt có lúc gặp nhau ở đất nước của Hỗn Độn, Hỗn Độn dài Du, Hốt rất thân. Du và Hốt tìm cách đền ơn Hỗn Độn, nói: “Người ta ai cũng có bảy lỗ để xem, nghe, ăn, thở, Hỗn Độn thì không có. Rồi chúng thử xoi, cứ ngày xoi một lỗ, 7 ngày là Hỗn Độn chết” (*Ứng đế vương, đệ thất*).

Phần cuối có thiên *Thiên hạ* (Hồ Thích bảo không phải của Trang Chu) nghiêm khắc phê bình “Những kẻ đam mê phương thuật” và suy tôn hết mức Quan Doãn, Lão tử, cho họ là “kẻ chân nhân rộng lớn của thời xưa” rồi tự thuật lời lẽ và nội dung như sau:

“Mênh mang vô hình, biến hóa vô thường, chết với sống ư, trời đất là

một ư, thần minh qua di ư, mơ màng đi đâu, thoát đến nơi nào? Muôn vật bầy khắp, chẳng đủ để về, đạo thuật ngày xưa có ở trong đó. Trang Chu nghe tiếng của người chân nhân ấy, lấy làm vui lòng. Song do những thuyết càn quấy, những câu nói hoang đường, những lời lẽ không căn cứ, có khi phóng túng mà không phải không ngờ cho nên vui lòng mà không lấy làm kỳ lạ. Cho thiên hạ là tăm tối cặn đục không thể cùng Trang bàn luận, cho những câu nói tùy lúc mà biến đổi là dây nhợ nườm rà, cho những câu nói lặp đi lặp lại là thật, cho ngữ ngôn là rộng. Một mình cùng trời đất, tinh thần qua lại mà không ngạo nghễ với muôn vật, không bắt tội phải trái, dễ cùng với thế tục. Sách của Trang tuy quanh cảm ơn nhưng uyển chuyển không hại gì. Lời văn tuy rườm rà, khi thế này, khi thế nọ, nhưng cũng kỳ lạ, xem được. Nó thật đầy đủ, không thể thêm được. Trên cùng đấng tạo vật ngao du, dưới làm bạn với kẻ ở ngoài sự sống chết, không cuối không đầu. Đối với cái gốc thì rộng lớn mà cỗi mỏ, sâu thẳm mà buông tuồng, đối với cái cành thì có thể gọi là thuận hòa mà tiến lên vậy”.

Cho nên từ Thái sử Tư Mã thiên đến nay, ai cũng bảo cái gốc trọng yếu của nhà Chu là qui vào lời của Lão tử. Song Lão tử còn muốn nói có và không, phân biệt dài và ngắn, biết trắng và đen và để ý đến thiên hạ; còn Trang Chu thì muốn gộp cả có không, dài ngắn, trắng đen lại làm một để rồi qui cả vào cái hồn độn. Nói không khiển trách phải trái, rằng ngoài chết sống, rằng không cuối đầu, đều là ý ấy. Thuyết xuất thế của Trung Quốc đến đó mới thật là hoàn bị đầy đủ.

Xét các trào lưu tư tưởng thời cuối Chu, đại để có bốn phái. Một là phái Trâu Lỗ, phái này đều đọc sách và theo khuôn phép tiên vương, nêu cao nhân nghĩa, cốt đáp ứng cái gấp rút trước mặt của xã hội. Nho thì có Khổng Mạnh, Mặc thì có Mặc Địch. Hai là phái Trần Tống, Lão tử sinh ở Khổ huyện là đất nước Trần, nói cách cai trị bằng thanh tịnh; đến khi Trang Chu sinh ra ở nước Tống thì cho “thiên hạ là cặn đục không thể cùng Trang chuyện trò” từ vô vi mà nhập vào hư vô. Ba là phái Trịnh Vệ; Trịnh thì có Đặng Tích, Thân bắt Hại, Vệ có Công TônƯơng, Triệu có Thân Đáo, Công Tôn Long, Hàn có Hàn Phi, tất cả đều nói về danh pháp. Bốn là phái Yên Tề. Phái này thì hay bàn những chuyện viễn vông, vu khoát, Trâu Diễn,

Trâu Thích, Diền Biền, Tiếp Tử nước Tề đều là những người nổi bật, họ là gốc nguồn của phuơng sĩ Tân Hán sau này:

❖ **Sách tham khảo**

- *Lão tử* - Vương Bật đời Tân chú
- *Trang tử* - Quách Tượng đời Tân chú
- *Sử ký, Khổng tử thế gia, Mạnh tử, Lão Trang liệt truyện...*
- Hán thư, Nghệ văn chí
- Tử lược Cao tự Tôn đời Tống
- *Chi Na văn học sử cương*. Nhi-Đảo-Hiến-Cát-Lang, Nhật Bản quyển 2 chương 6
 - *Trung Quốc đại văn học sử* Tạ Vô Lương. Quyển 2 Chương 7
 - *Trung Quốc triết học sử đại cương*. Hồ Thích. Quyển thượng.

IV. KHUẤT NGUYÊN VÀ TỔNG NGỌC

Thời Chiến quốc, nói về đạo thuật, đã có Trang Chu. Kinh miệt Thi, Thư, quý hư vô, dùng văn chương mà lấn át chư tử. Về văn vần thì có Khuất Nguyên nổi lên ở Sở, bị dèm pha ruồng bỏ, bèn làm ra *Ly tao*, diệu thoát lời hay, trác tuyệt một đời. Các thế hệ sau, kinh ngạc vì cái văn vẻ của ông, đua nhau mô phỏng, vì sản sinh ra từ nước Sở nên gọi Sở từ. So với *Kinh thi* thì lời lẽ dài hơn, từ thơ huyền ảo, văn rất đẹp, ý rất sáng, cứ theo lòng mà nói, không giữ qui cù nào. Cho nên bọn hậu nho đã thẩm nhuần cái giáo dục của *Kinh thi* thì có kẻ chê bai mà truất bỏ đi, nhưng ảnh hưởng của nó đối với văn chương đời sau thì lại lớn hơn 300 bài thơ nhiều.

Khuất Nguyên tên là Bình, cùng họ với vua Sở. Ông thờ Sở Hoài vương, làm chức Tả đồ, nghe rộng nhớ lâu, rõ lẽ trị loạn, giỏi từ lệnh. Vua sai ông thảo Hiến lệnh, quan Đại phu cấp trên muốn cướp bản thảo của ông

nhung không được, bèn dèm pha với vua; vua giận xa lánh ông. Khuất Nguyên chần chờ ở miền núi nhằm dạo xem đèn miếu các Tiên vương, nhà thờ các Công khanh, thấy các đồ họa vẽ từ thần linh, trời đất, sông núi, đẹp đẽ và kỳ lạ khôn nhường, cho đến thánh hiền, quái vật xưa kia sinh sống hoạt động. Nhân thế, ông viết lên vách, giận dữ mà hỏi, cho hả lòng buồn giận, đặt tên là *Thiên ván*. Câu văn thường làm bốn chữ, vì các bức vẽ đều nói chuyện đời xưa nay phần lớn thất truyền nên lầm chỗ rất khó hiểu;

... “Rắn Hùng chín đâu, thoát đi đâu rồi, sao không chết đi, người cao giữ gì? Hắc Thủy, Huyền chi, Tam Nguy ở đâu? Sóng mãi không chết, thọ hưởng bao lâu? Ở đâu cá Lăng? Ở đâu chim Kỳ mặt trời sao Nghệ bắn? Chim quạ sao trại lông...”

“... Cùng chăn dắt dân trên đất Trung Quốc, sao các vua lại giận dữ tranh giành nhau? Kiến ong là loài vật bé nhỏ, sao có sức chống cự bền lâu? Sự lời người phụ nữ, không dám hái rau. Vì sao được hươu giúp? Lần tới non Thú bên khúc sông phía Bắc, vui thích gì mà trú ngụ ở đó? Vua anh có chó dữ, sao vua em muốn xin. Nguyên đổi trăm cổ xe cũng không được; rút cuộc bị tước hết bổng lộc...”

Sau hình như lại được vua triệu về, từng có ý muốn liên hiệp với Tề để chống Tần. Không được vua nghe theo, Hoài Vương cùng Tần kết giao, Tử Lan khuyên vua sang Tần, ông ngăn lại, vua không nghe sau vua sang bị Tần giữ lại. Con trưởng là Khoảnh Tương vương lên ngôi, Tử Lan làm Lệnh Doãn, cũng dèm pha Khuất Nguyên. Vua giận mà đày ông đi. Ông ở vùng giữa sông Tương và sông Nguyên chín năm thơ thẩn ngâm nga trên bờ hồ; thân hình tiêu túy, viết thiền *Ly tao* cuối cùng ôm đá gieo mình xuống sông Mịch La mà chết, lúc đó vào khoảng Khoảng Tương vương năm thứ 14, 15 (285, 286 trước CN).

Về hai chữ *Ly Tao*, Tư Mã Thiên cho là “Ly ưu” (lo buồn về sự chia ly), Ban Cố cho là “Tao ưu” (gặp nỗi lo buồn) Vương Dật giải thích là sâu ly biệt, Dương Hùng lại giải thích là “Lao Tao” (uất ức, bất bình) cho nên làm bài *Phản Ly tao*, và bài *Bạn Lao tao* (Bạn là bên cạnh - ND). *Ly tao* thuật lại buổi đầu mình mới sinh, lúc khôn lớn cho đến cuối đời sắp chết, trong lòng

ưa cái tốt đẹp, trọng việc chau chuốt tài năng, thẳng theo đường chính mà mắc phải dèm pha, vì thế nói chẳng tiếc lời, mơ tưởng xa xôi, ca tụng các vua xưa, nhớ tiếc Thần sơn, gọi con long, con cù, thương nhớ người con gái cao khiết, làm cho lòng được thư thái, rõ được mình vô tội. Và nhân đó để can ngăn. Bài đến hai nghìn lời, ở giữa có đoạn:

“...Quỳ trên nệm trải để bày lời chử, rõ ta đã được điều trung chính đó. Đóng bốn con cù để lên xe chử, tung gió bụi tăng lên. Sáng xuất phát ở Thương Ngõ chử, chiêu ta đến Huyền Phố. Muốn dừng lại một chút nơi cửa cung ấy chử, ngày vội vã đã sắp tàn. Ta sai Hy Hòa nghỉ ngơi chử, nhẩm Yên Tử mà chờ vội. Đường dăng đặc xa lắc chử, ta toan lên xuống mà tìm hỏi. Cho ngựa ta uống ở Hàm trì chử, buộc dây cương vào cây Phù tang. Bé càm được mộc đẽ đánh xe mặt trời chử, hãy nhớn nhớ để cùng phấn khởi, cùng nhau xem khắp bốn cực chử, đi khắp trời rồi lại xuống, trông Giao Đài ngạo nghễ chử, thấy gái đẹp nước Hữu Nhung. Ta sai chim trâm làm mồi chử, trâm mách ta rằng không tốt. Chim Cưu trống bay qua chử, ta còn ghét nó khinh bạc ranh mãnh... Lý đuối mà kẻ làm mồi vụng chử, sợ lời chỉ dẫn nói ra không đúng. Thời vốn đục mà ghét hiền tài chử, thích chê đẹp mà khen xấu. Phòng khuê chốn sâu xa chử, vua hiền lại không tinh ngộ, ôm tình mà không nói ra chử, ta sao đành ở vậy được...”

Tiếp đến nói việc bói quẻ Linh phân, hỏi han Vu Hàm, dăng nào cũng khuyên nên đi xa, đừng nhớ thương đất cũ, lúc đó ông thấy nhẹ nhõm tấm lòng, toan bay toan liệng song rồi lại bịn rịn nước tổ, cuối cùng nghĩ thà chết chử không nỡ đi.

... “Nén chí mà nghỉ ngơi chử, Hồn ruỗi rong xa tí. Hát ca và múa thiều chử, Hằng mướn ngày để vui gượng. Lên cao nơi sáng sửa chử, thoát cui nhìn về làng cũ. Tên hầu thương ngựa ta buồn nhớ chử, giảm chân nhìn mà không chịu đi. Vẫn rằng, Than ôi! Thôi, nước không người, không ai biết ta chử, Còn quyền luyến gì cố đô, đã không đủ cùng làm việc chính trị tốt lành chử, ta toan theo Bành Hàm mà cùng đi”.

Trong *Sở tử lưu hành* ngày nay có 9 bài *Cửu chương* cũng là của Khuất Nguyên làm. Lại có bài *Bốc cù*, *Ngư phủ* thuật lời Khuất Nguyên. Khi

bị truất bỏ hỏi người thầy bói cùng người làng chài và lời đáp của họ. Những bài ấy cũng nói là do Khuất Nguyên viết, nhưng hoặc giả do người đời sau phóng tác. Việc đặt thành câu hỏi, văn thì cố gieo vần và đối ngẫu là tác giả bắt chước ông. Có những bài khác, gần thì như bài *Phong phú* của Tống Ngọc, xa thì như bài *Thượng Lâm, Tử hú* của Tương Như, *Lưỡng đô* của Ban Cố đều như thế cả.

Ly Tao ra đời tưới thấm rùng vần hết sức xa rộng, do đó bình phẩm cũng rối bời, người khen thì bảo nó có thể tranh sáng với mặt trăng mặt trời, kẻ chê thì cho là dẫu so sánh với hạng cuồng di cũng không xứng, đó là vì một bên thì có con mắt khoáng đạt và văn chương, một bên thì bo bo theo thi giáo, cho nên nhận xét đánh giá khác nhau đến thế. Sự thực thì *Ly tao* khác với *Kinh thi* chỉ là ở hình thức văn chương mà thôi. Thời khác, thói tục khác nên thanh điệu khác, xứ sở khác nên núi sông, thàn linh, động thực vật cũng khác. Chỉ có việc muốn lấy Giản Địch làm vợ và việc cầm hai gái họ Diêu ở lại có thể là việc mà nhân dân miền Bắc không dám nói ra, còn như những lời oán giận chê trách thì trong 300 bài có không ít còn mạnh mẽ hơn thế. Sở tuy là man di, song là một nước lớn và lâu đời, từ thời Xuân Thu đã biết thơ phú, cách giáo dục của Phong, Nhã tuy chưa quen, song may mà nền văn hóa vốn có của mình còn chưa mất hẳn nên thâm nhập vào nhau, văn chương tự nhiên mang vẻ hùng tráng. Lưu Hiệp lấy ngôn từ trong văn Sở đem so với Kinh điển bảo là có chỗ dị chỗ đồng củng cố thêm bọn uyên bác về Nhã Tụng, làm đầy đặn thêm Phong Nhã của thời Chiến quốc, “tuy nung nấu nghĩa của kinh sách mà cũng tự hun đúc được lời hay... cho nên hơi văn lướt qua mà xéo dày văn cổ, lời đến mà sát với việc kim, văn vẻ tuyệt đẹp, khó ai sánh được” (*Văn tâm diêu long, Biện Tạo*) lời trên có thể nói là biết thấm văn vậy.

Hình thức văn chương sở dĩ khác là do 2 nguyên nhân: thời gian và địa điểm. Người xưa giao tiếp với nước láng giềng, trong lúc vái nhường nhau, thường có đọc *Thi*. Cho nên Khổng tử nói: “không học *Kinh thi*, không biết lấy gì mà nói”; Nhà Chu suy rồi, việc thăm hỏi ngâm nga, không còn xảy ra giữa các nước nữa; phong cách du thuyết ngày một thịnh, bọn kẻ sĩ chủ trương tung hoành, muốn lấy mồm mép mà tấn công, đua nhau trau

chuốt cách ăn nói để làm động lòng các vua chúa. Ví như có người cùng thời với Khuất Nguyên là Tô Tần nói với quan Tư khấu nước Triệu là Lý Đoài rằng: “Tôi, Tô Tần người làng Thừa Hiên đất Lạc Dương, nhà nghèo, cha mẹ nghèo, không có lấy cái xe hỏng, con ngựa tồi, bánh xe bằng gỗ đâu, hòm đựng đồ bằng cỏ bông, tay xách nách mang, không quần bụi bặm, xông pha sương mù, vượt sông Chương hà, chân nặng, ngày trăm dặm mới vào quán nghỉ, đến cửa khuyết ngoài, muốn được giáp mặt, trực tiếp nói việc thiên hạ” (*Triệu Sách*, quyển mọt).

Nói việc mình đến thôi mà vẫn về đến thế, đến khi biện thuyết ăn nói thế nào cũng đủ suy ra. Ánh hưởng lan tràn, dẫn đến thơ văn, lời nhiều câu đẹp, tất nhiên không phải cái lề lối chất phác của Thi có thể chứa chở được nữa. Huống chi đất sản sinh *Ly Tao* cùng với Thi không giống nhau. Kia có sông Hà sông Vị thì đây có sông Tương sông Nguyên. Đó có cây phác cây tốc, đây lại có cỏ sái cỏ lan. Ở đây lại trọng đồng cốt, hát vang múa khéo đủ làm vui thần thánh, ca từ làm ra nhiều, dùng vào tế lễ. Trong *Sở từ cõi Cửu ca*, nói ấp Sinh miền nam nước Sở giữa khoảng sông Nguyên sông Tương, phong tục tín ma quỷ, thích tế tự. Khuất Nguyên bị đuổi đi, buồn giận uất ức, đi ra thấy lễ tế tự, nhạc múa ca của địa phương, lời lẽ quê mùa, nhân đó mà làm ra khúc *Cửu ca*, lời ý đẹp đẽ sâu xa, so với bài cũ của địa phương thì khác nhiều. Tuy nói là sáng tác nhưng cũng phải có gốc; các điệu ca lý kia không phải không thể tươi thắm đến nhà thơ, câu kéo thì không cầu nệ phải 4 chữ, thánh nhân thì không phải chỉ có Nghiêu Thuấn. Cái thói quen của đất Kinh Sở như vậy đã có từ lâu rồi. Sau đây lược ghi lại bài *Tương phu nhân*:

“Con vua xuống chừ nời bến Bắc, Trông không thấy chừ làm ta buồn. Vì vu chừ gió thu, Động Đình nổi sóng chừ lá tây rụng. Lên bèo trắng chừ đứng ngóng, hẹn người đẹp chừ chiều bay. Chim họp gì chừ giữa bèo, lưỡi uốn gì trên cây. Sông Nguyên có cỏ chỉ chừ, sông Lễ có lan, Nhớ chàng trai chừ chưa dám hỏi... Hoảng hốt chừ trông xa, xem nước chảy chừ từ từ. Nai ăn gì chừ giữa sân, thuồng luồng làm gì chừ ven nước. Sớm ruỗi ngựa chừ bờ sông, Chiều qua bái tây nợ. Nghe người đẹp chừ mời ta, Toan lên xe chừ đi với. Dụng nhà chừ giữa nước, Lợp nó lại với lá sen. Cỏ tồn làm vách chừ

màu tía, Vải tiêu thơm chờ đầy nhà. Cột quế chờ rừng lan, khung gỗ tân di chờ làm phòng thuốc. Cỏ chỉ lợp chờ sen trùm, lấy cỏ đỗ hành buộc lại, Hợp trâm cỏ chờ, đầy sân, gây thơm nức chờ nhà cầu. Núi Cửu nghi túm lum chờ đến đón, thần đi tới chờ như mây. Bỏ ống tay ta chờ giữa sông Giang, Để áo đơn ta chờ bến Lễ. Lấy ở còn chờ cỏ đỗ nhược, toan đưa tặng chờ người đi xa. Thôi không thể chờ vội được. Hăng tiêu dao chờ nhở nha”.

Cùng lúc có nhà nho người Triệu là Tuân Huống (ước chừng 315 đến 230 trước CN) 50 tuổi mới qua Tề du học, 3 lần làm tế túu sau khi bị dèm pha qua Sở. Xuân thân quân dùng làm chức lệnh lan lăng. Tuân Huống cũng làm phú, sách *Hán thư* nói là 10 bài, nay có 5 bài ở trong sách *Tuân tử* là Lê, Trí, Văn, Tâm và Châm. Bè tôi dùng ẩn ngữ để hỏi, đức vua dùng ẩn ngữ giải đáp. Văn cũng chất phác, đại khái một câu bốn chữ, không giống với điệu Sở. Lại có “quí thi” nói là thơ, kỳ thực cũng là phú, nói việc thiên hạ không yên ổn, ý muốn khiển trách Xuân phân quân, lời lẽ rất thiết tha kích động, hầu như không kém gì Khuất Nguyên, lẽ nào đến đất Sở, ở ăn làm thay đổi con người, cho nên cuối cùng sinh ra cái tâm tư sầu muộn?

“... Thiên hạ không yên, xin trình quý thi: Trời đất chuyển ngôi bốn mùa thay đổi. Các sao va rụng, mai chiếu tối tăm. Người hiền bị trói buộc, kẻ ác hung hăng. Thiên hạ tối tăm, sợ mất anh tài. Ly long thành con mồi, cú mèo ra phượng hoàng. Tỉ Can bị mổ bụng. Khổng tử bị khốn ở đất Khuông. Rõ ràng sao, trí sáng suốt của các người, tối tăm sao, việc các người gặp thời chẳng phải diêm lành. Thánh nhân bó tay, thời cơ trời mất. Kẻ ngu này ngờ, xin theo lời cãi. Ca rằng: nhớ kẻ phương xa, sao bế tắc thế. Người hiền bị buộc trói, kẻ ác cứ tràn lan. Tôi trung nguy khốn, kẻ dèm trở lại. Ngọc quỳnh hạt châu, thì không biết đeo, vải tạp với gấm, không phân biệt được... Cho mù là sáng, cho điếc là thông, cho nguy là an, cho cát là hung. Hỡi ôi trời cao, sao thế mà cùng...”

Sau ít lâu, nước Sở lại có bọn Tống Ngọc, Đường Lặc, Cảnh Sai, tất cả đều thích văn chương và đều do phú mà nổi tiếng. Song bọn họ tuy học văn từ của Khuất Nguyên, rốt cục vẫn không dám can gián thẳng, vì là họ chỉ nhặt nhạnh được cái buồn thương, tìm tòi lấy cái văn vẻ, còn cái khí khái “Chín chết chẳng chữa” thì mất rồi! Tống Ngọc thì Vương Dật cho là học trò

Khuất Nguyên, thờ con Hoài Vương là Khoảnh Tương Vương, làm đại phu song bất đắc chí. Văn ông viết vốn có 16 bài, nay còn 11, có lẽ phần nhiều do người đời sau bắt chước làm thay, bài có thể tin được là *Cửu biện*. *Cửu biện*, vốn là bài nhạc xưa, chọn lấy cái tên, sáng tác bài mới, tuy buông thả tưởng tượng rong ruổi với thần linh không bằng *Ly tao* nhưng tâm tình oán hận thê thảm thì thực là có một.

“... Hoàng thiên chia đều bốn mùa chữ, trộm thương một thu lạnh. Sương trắng phủ cây cổ chữ, cả cây đồng cây thụu. Bỏ ngày sáng sửa chữ, Gần ốm héo mà buồn rầu. Thu đã rấn trước băng mù sa, Đông lại phán xứ băng sương lạnh... Năm thoăn thoắt mà qua hết chữ, e tuổi thọ ta chẳng dài. Thương ta sinh không phải lúc chữ, gặp đời vội vã kinh hoàng. Đạm bạc ung dung một mình chữ, Tiếng dế kêu ở mái Tây. Lòng sợ sệt mà kinh động chữ, sao lo buồn đến nhiều phương? Trông trăng sáng mà thở than chữ, sao đang đi mà sáng rực”.

Lại có bài *Chiêu hồn*, ngoài thi trình bày cái xấu của bốn phương trong thi đề cao cái đẹp của nước Sở, muốn gọi hồn phách trở về cửu tu. Tu Mã Thiên cho là Khuất Nguyên làm, nhưng giọng văn rất khác, lời lẽ hoa mỹ, sở trường về trần thuật. Nói về sự hiểm trở gian nan thì trong trời đất chỗ nào cũng không có được thật; sự vui chơi, hưởng lạc thì từ việc ăn uống đến tiếng hay sắc đẹp miêu tả hết sức tinh tế, người đời sau làm phú đều bắt chước lối khoa trương như thế. Cuối câu đều dùng chữ ta cũng là một sáng tạo. Thẩm Tồn Trung đời Tống bảo: “Nay người Liêu hai bên Trường giang cùng các miền Quý, Giáp, Hổ, Tương, cuối cùng những lời trù ếm đều có tiếng “ta” thì đó là tục cũ của đất Sở vậy”.

... “Hồn ơi đi về, Phương Nam không thể ở “ta”. Trần xăm, răng đen, lấy thịt người mà cúng, lấy xương mà làm mắm ta. Rắn to nhung nhúc, cao lớn khắp nghìn dặm ta. Mäng xà chín đầu, qua lại thoăn thoắt, nuốt người cho ruột thêm đầy ta. Hồn ơi về đi, không thể vui lâu ta!... Hồn ơi đi về, vua không lên trời ta, Hổ báo đầy chín cửa, cắn hai người trần ta. Một thằng 9 đầu, nhổ cây 9 nghìn ta. Sài lang trổ mắt, giàn nhau lên trước ta. Treo người để chơi, vứt xuống vực sâu ta. Dâng mạng cho Đế, chết mới nhảm mắt ta. Hồn ơi đi về, vào cửa tu ta... Người nhà quý trọng, ăn nhiều món ta:

xôi nếp bánh mỳ, kê vừng nưa ta. Chua mặn đắng, lại ngọt cay ta. Gân bò béo ngọt, dùi thơm nưa ta. Hòa chua cùng đắng, bày canh Ngô ta. Dừng chuông thôi trống, làm bài ca mới ta. Qua sông hái quả lăng, nhổ cây sen lên ta. Người đẹp dã say, mặt đỏ lên ta. Mắt biết lung liếng, sóng mắt dâng ta. Áo hoa quần mịn, đẹp mà chẳng kỳ ta, tóc dài lỏa xỏa, đẹp như ngọc ta”.

Còn những bài gọi là phú thì có 9 bài, (*Văn tuyển* có 4 bài, *Cỗ văn uyển* 6 bài, nhưng trong đó *Vũ phú* thực ra là Phó Nghị lâm) đại để nói Tống Ngọc cùng Đường Lặc, Cảnh Sai cùng chầu vua Sở, nhân cảm hứng rồi tức cảnh làm ra, nhưng lời văn rườm rà, chồng chất, có khi cũng dính dáng đến thần tiên, cùng với các bài *Cửu biện*, *Chiêu hồn* của Tống Ngọc và tình cảnh đương thời trái ngược nhau, khác lạ nhiều, cho nên người ta ngờ rằng cũng giống như các bài *Bốc cự*, *Ngu phủ* của Khuất Nguyên, đều là do người đời sau dựa dẫm mà làm ra. Lại có bài trả lời Sở vương hỏi (xem *Văn tuyển* và *Thuyết uyển*) tự biện bạch vì sao mà không được mọi người khen, trước hết dẫn chứng các ca khúc, rồi đến dẫn chứng cá kinh chim phượng để nói rõ rằng kẻ tục sĩ là không thể biết được thánh nhân. Lời lẽ rất rườm, gần như bọn thuyết khách nói năng biện bác, hoặc là cũng cố dựa dẫm vào họ mà làm nhưng cùng với phú, những bài nói trên đều phải ra đời từ đầu Hán. Lưu Hiệp bảo phú nẩy mầm từ Tao, đến Tuân Khanh, Tống Ngọc mới đặt cho cái tên ấy, cùng với Thi phân chia bờ cõi, phồn thịnh như một nước lớn, lại bảo: “Tống Ngọc có tài mà tự nghĩ chưa thi thố ra được mới sáng tác ra lối đối văn”, rồi từ đó Mai Thặng với *Thất phát*. Dương Hùng với *Liên chầu*, loại văn bộc lộ sự oán giận ngày một nhiều. Như vậy thì thể Tao vốn cũng hấp thụ cái hay cái đẹp của 300 thiền, lại đặc biệt do cái phong cách du thuyết đương thời mà phát huy rộng lớn ra rồi do phong tục của đất Kinh Sở mà trở nên vĩ đại diệu kỳ. Phú cùng đối văn hồi đáp lại là con sông dài tràn lan ra cho đến cả các đời sau nữa.

Văn của Đường Lặc, Cảnh Sai truyền lại đến nay rất ít. Trong Sở từ có bài *Đại Chiêu*, muốn bắt chước *Chiêu hồn* nhưng kém xa, Vương Dật nói: “Đó là của Khuất Nguyên làm, hoặc có kẻ nói là của Cảnh Sai”. Xét về lời văn thì nói là của Cảnh Sai đúng hơn.

❖ **Sách tham khảo**

- *Sở từ tập chú*, Chu Hy, Tống;
- *Tuân tú*, cuốn 18;
- *Sử ký*, *Khuất Nguyên Giả Sinh liệt truyện*;
- *Văn tâm diêu long giảng sơ*, Phạm Văn Lan, Quyển 1: *Biện tao* quyển 2 *Thuyên phú*, quyển 3 *Tạp văn*;
 - *Chi Na văn học chi nghiên cứu*, Linh-mộc-hổ-hùng-Nhật bản.
- Quyển 1: *Tao, phú chi sinh thành*;
- *Sở từ tân luận*, Tạ Vô Lượng;
- *Sở từ khái luận*, Du Quốc Ân.

V. LÝ TƯ

Lúc đầu Tần Thủy Hoàng mới lên ngôi, tướng quốc là Lã Bất Vi nghĩ rằng Liệt quốc thường hạ mình dâng kẻ sĩ, mừng đón tân khách, lại có nhiều biện sĩ, thí dụ như bọn Tuân Huống, viết sách đem lưu hành trong thiên hạ, bèn tự mình cũng hậu đãi nuôi dưỡng kẻ sĩ, khiến ai nấy đều trước thuật lại những điều mình biết, tập hợp lại thành sách đến hơn hai chục vạn lời, gọi là *Lã Thị Xuân Thu*, đem bày ở cửa thành Hâm Dương, mời du sĩ khách khứa, chư hầu, bảo ai thêm bớt được một chữ thì biểu ngàn vàng. Thủy hoàng dâng lớn, truất bỏ Bất Vi, lại thôn tính dân Liệt quốc, tuy cũng có mời đón người làm văn học, đặt chức bác sĩ, song rốt cục thì dốt Thi, Thư, giết học trò rất nhiều, trọng dụng thừa tướng Lý Tư, dùng pháp luật làm phương thức cai trị.

Lý Tư người Thượng Thái, nước Sở, lúc trẻ cùng với Hàn Phi theo học Tuân Huống, học cái phép tắc của Đế vương, học xong vào Tần, làm người nhà của Lã Bất Vi, thuyết phục Thủy Hoàng, Thủy Hoàng cho làm trưởng sử, dần dần lên đến chức Tả thừa tướng. Năm thứ hai đời Nhị thế (208 trước CN), hoạn quan Triệu Cao vu cho Tư mưu phản, vua Tần giết Tư bằng cả

ngũ hình, tru di ba họ. Tư tuy là học trò của Tuân Khanh nhưng không tôn thờ đạo Nho, trị nước thì chuộng sự nghiêm khắc, gấp gáp, song đối với văn tự thì có công lao đặc biệt: thời Lục quốc, chữ viết khác nhau, Tư bèn nảy ra ý bai bỏ những chỗ không hợp với chữ của Tần, đặt ra một lối viết, viết sách *Thương Hiệt* 7 chương, chữ viết so với chữ xưa nhiều chỗ không giống, thứ chữ đó sau gọi là Tần triện (chữ triện nhà Tần). Lại cũng bắt đầu tạo ra thứ chữ Lê (Lệ thư). Thứ chữ ấy là do chốn ngực tù nhà nước làm việc mà đặt ra, dụng ý tiến tới sự giản dị để dạy cho hạng đồ lệ (nhà dịch cấp thấp). Phái Pháp gia nói chung ít văn vẻ, chỉ có bài Tấu nghị của Lý Tư có lời hoa mĩ, như bài *Can việc đuổi khách* (gián trực khách).

“... Nhất định là của nước Tần sản sinh ra mới được; nếu thế thì ngọc bích dạ quang không dùng để trang sức chốn triều đình, đồ đạc bằng sừng tê ngà voi, không dùng để ngắm nghĩa, con gái nước Trịnh nước Vệ không đưa vào hậu cung, giống ngựa qui “quyết đồ” không nuôi trong tàu ngựa, vàng thiếc đất Giang Nam không đem dùng, chất màu xanh đỏ đất Tây Thục không dùng để trang điểm... Ôi! Gõ cái còng, đánh cái phủ, gẩy chiếc đàn tranh, vỗ đùi mà hát hò ngân nga, nghe khoái tai thích mắt, đó thật là thanh âm của nước Tần. Còn các khúc *Võ Tượng*, *Chiêu Ngu*, *Tang gian* của nước Trịnh nước Vệ là nhạc của nước ngoài. Nay bỏ lối đánh còng, gõ phủ mà theo Trịnh, Vệ, bỏ đàn tranh mà lấy Chiêu Ngu, như vậy là thế nào; Cái khoái lạc đặt lên trước, cốt thích xem mà thôi vậy. Nay việc lấy người lại không thể: không hỏi xem được hay không, không bàn xem công hay thẳng, hễ không phải Tần là cho đi, ai là khách thì đuổi. Thì ra cái mình coi trọng là nơi sắc, nhạc, châu ngọc, mà cái mình coi nhẹ là ở nơi người dân. Đó không phải là cái thuật để ngồi lên trên thiên hạ kiềm chế các nước chư hầu...”

Năm thứ 28, Tần Thủy Hoàng bắt đầu đi tuần sát phía Đông, đến các quận huyện, bọn bè tôi bèn đua nhau ca tụng công đức của y khắc vào kim thạch để lưu lại đời sau. Văn cũng do Lý Tư viết, nay hãy còn lưu truyền, nó chất phác mà hùng tráng. Văn bia, các bài minh đời Hán, Tấn sau này thực ra đều từ đó mà ra. Ví dụ bài *Thái Sơn khắc thạch văn* (bài văn khắc trên đá ở núi Thái): “Hoàng đế lên ngôi, đặt ra phép sáng, bè tôi trau dồi. Hai mươi

sáu năm mới gồm thâu thiên hạ, thảy đều qui phục. Nay thân hành đi tuần sát dân đến thiên hạ, lên núi Thái này, nhìn khắp cõi Đông. Bè tôi đi theo, nhớ lại sự nghiệp, ca ngợi công đức. Đạo tri đem dùng, muôn vật thích nghi, đều có khuôn phép. Nghĩa lớn sáng tươi, đời sau được hưởng, thuận theo chớ thay. Hoàng đế minh thánh, đã bình thiên hạ, việc nước chẳng lười... Ngoài trong cùng sáng, đâu chẳng sạch trong, lan đến cháu con. Hóa đến vô cùng, tuân theo lời chiếu, nhớ mãi lời văn..."

Năm thứ 36 dân Đông quận khắc vào tảng đá lở, lời nguyễn rửa lời nguyễn rửa Thủy Hoàng, tra hỏi không ai nhận, bèn giết tất cả những ai ở quanh tảng đá. Thủy Hoàng rốt cục không vui, sai bác sĩ làm bài *Tiên chân nhân thi*, đến lúc du ngoạn thiên hạ, truyền lệnh cho nhạc sĩ đánh đàn và hát bài ấy, có lẽ đó là nguồn gốc của thơ du tiên đời sau, nhưng chính nó không được truyền lại. Thiền Nghệ văn chí sách *Hán thư* chép tạp phú đời Tần có 9 bài. Sách *Lễ nhạc chí* thì nói có bài *Phỏng trung nhạc*, đến đời Tần thì lại gọi là *Thợ nhân*, nhưng sau này đều mất cả. Cho nên căn cứ vào những bài hiện còn mà nói thì văn chương đời Tần chỉ có một mình Lý Tư mà thôi.

◆ *Sách tham khảo*

- *Sử ký* quyển 6: *Tần Thủy Hoàng để bắn ký*, quyển 85: *Lã Bất Vi* quyển 87: *Lý Tư liệt truyện*;
- *Toàn Tần văn*: Nghiêm khả quân (Thanh) sưu tập;
- *Trung Quốc đại văn học sử*: Tạ Vô Lượng, Chương 8 quyển 2.

VI. TIẾNG SỞ TRONG HÁN

Tần đốt Thi, Thư, chôn sống học trò ở Hàm Dương xong, bọn nhà nho lẩn hòi ẩn náu trong dân gian, hoặc đem thân khuất phục kẻ thù để bày tỏ nỗi oán giận. Cho nên Trần Thiệu là một thất phu nỗi dậy mà chỉ trong một tháng đã làm vua nước Sở mà các nhà nho nước Lỗ mang những đồ

thờ Khổng tử ra hàng. Khổng Giáp thì làm quan bác sĩ cho Thiệp, đến sau cùng Thiệp thua mà chết. Nhà Hán lên, Cao tổ không ưa Nho thuật, kẻ phụ tá lại phần nhiều là bọn thơ lại cạo giấy, chỉ có Ly Thực Kỳ, Lục Giả, Thúc Tôn Thông là kẻ văn nhã có phong thái bác học. Tuy nhiên, được tựa cột chầu rìa trong cung đình nhà Hán không phải toàn nhờ văn thuật cả. Lục Giả tuy ca ngợi Thi, Thư nhưng thường được khen nhờ tài biện luận; Ly sinh vốn tự cho là nhà nho, nhưng Cao tổ thì thực tình coi anh ta là một thuyết khách, đến như Thúc Tôn Thông thì chính là dùng cái học vấn quanh cảm ơn để a dua theo đời, lấy lòng người ta, chứ không phải được trọng vọng vì biết đặt ra nghi lễ trong triều, biết điển lễ. Cao tổ sau khi lên ngôi, đi qua đất nước Lỗ, tuy có dùng lễ “trung lao” để tế Khổng tử, song đó có lẽ chỉ là thủ đoạn anh hùng để lừa đời, mượn cơ để thu nǎm nhân tâm, khiến người ta chỉ biết có một việc nên làm là chống Tân mà thôi vậy. Cao tổ chết, nhà nho vẫn không được dùng. *Nho lâm truyện* trong *Hán thư* kể: “Thời Cao hậu vua Hiếu Huệ, công Khanh đều là công thần quan võ, Hiếu vẫn vốn thích thuyết hình danh đến Hiếu Cảnh thì không dùng nhà nho, Đậu thái hậu thì ưa thuật Hoàng Lão, cho nên các quan bác sĩ, chỉ gọi là có vị, chờ hỏi, nhưng chưa có người nào được tiến cử”.

Vì những lý do trên mà trong văn chương khoảng thời gian giữa Sở và Hán, thi giáo đã tàn, trong dân gian nhiều người thích diệu Sở. Lưu Bang xuất thân là một đinh trưởng mà lên làm Hoàng đế, tác phong hắn cũng chịu ảnh hưởng của cung đình. Lý do là Tân diệt 6 nước, bốn phương oán giận mà Sở càng sâu sắc nhất, thè rằng tuy chỉ còn ba hộ cũng nhất định sẽ diệt Tân, do đó những kẻ sĩ giang hồ khai bèn ưa chuộng diệu Sở. Hạng Tịch khi lâm nguy ở Cai Hạ ca rằng: “Sức nhỏ núi chử, khí trùm đời; không gặp thời chử, ngựa chùng không đi; chùng không đi chử, biết thế nào? Nàng Ngu hởi, Nàng Ngu, làm sao đây?” Đó là diệu Sở. Cao tổ bình định thiên hạ rồi, nhân đi đánh Kinh Bố mà qua đất Báu, mở tiệc rượu ở Báu cung, mời phụ lão con em cùng những người quen biết cũ đến uống rượu làm vui, tự mình đánh trống mà hát rằng: “Gió lớn nổi dậy chử, mây bay cao; Oai danh lừng lẫy chử, về làng quê; Sao được dung sĩ chử, giữ bốn phương!”. Đó cũng là diệu Sở. Bang còn đem đi 120 thiếu nhi đất Báu, dạy chúng hát, bọn

chúng đều tập hòa theo. Về sau Cao tổ muốn lập con của Thích phu nhân là Triệu Như Ý và phế truất thái tử. Việc không thành, Thích phu nhân khóc lóc, cũng sai diễn diệu múa Sở và tự mình làm bài Sở ca:

“Hồng hộc cao bay, một đi nghìn dặm, cánh lông đã đủ, liêng khắp bốn bề. Liêng khắp bốn bề, lại biết làm sao. Tuy có tên đây còn bắn làm sao?”.

Phòng trung nhạc bắt đầu có từ nhà Chu, để làm vui tổ tiên. Đầu đời Hán, người Phi của Cao đế là phu nhân họ Đường Sơn sáng tác lời, theo ý thích của đế, cũng là diệu Sở. Đến năm thứ 2 Hiếu Huệ (193 trước CN) sai quan nhạc phủ là Hạ Hầu Khoan thêm vào ống tiêu và ống quản, đổi tên là *An Thế nhạc*, 16 chương, nay chép 2 chương:

“Hoa cỏ tươi, nữ la dùng. Đẹp dường bao, nào ai về? Lớn chẳng lớn, mà thành thạo, dài chẳng dài, mà trùm khắp”.

“Cây đồ lệ thơm, ngọt ngào như hoa quế, hiếu tấu lê trời trăng trời sáng tỏ. Cưỡi bốn rồng huyền, quay lên bắc đi. Cờ mao pháp phổi, rợp trời mênh mông. Đạo hiếu tùy đời, ta ghi văn chương”.

Cao tổ lại lấy Bá cung làm nguyên miếu, bắt các ca nhi tập thổi bài ca *Đại phong* của mình, dùng 120 người làm thường trực. Hai vua Văn, Cảnh nối ngôi, các lê quan vẫn tập bài ấy. Diệu Sở trong cung Hán được coi trọng như thế cho nên về sau các đế vương có khi gấp vội làm thơ nói chí mình, cũng thường dùng nó mà riêng những bài từ của Võ đế lại hoa mỹ có một không hai. Trong lúc viếng đất Hà Đông, tế thần đất, doái trông kinh đô của mình, hân hoan giữa dòng, cùng quần thần yến tiệc, Võ đế tự làm bài *Thu phong từ*, triền miên hoa lệ, đâu là người làm từ chính công cũng không thể nào hơn:

“Gió thu nổi chữ, mây trăng bay. Cây cỏ da vàng chữ, nhạn về xuôi. Lan có hoa chữ, cúc thơm tươi. Nhớ người đẹp chữ, không thể nào nguôi. Thả ~~thuyền~~ rồng chữ, qua sông Phàn, ngang qua sông chữ, sông trong ngàn. Sáo đàn nổi chữ, hò chèo ngân. Vui tột cùng chữ, buồn lại đến. Trẻ trung mấy lúc chữ, già đến gần!”.

Xuống đến Thiếu đế, khi sắp bị Đổng Trác đầu độc, chia tay với vợ là Đường cơ đã hát: “Đạo trời đổi thay chờ, ta gian nan. Bỏ ngôi để chờ, làm phiền thần. Nghịch thần bức bách chờ, mạng sao còn. Phải xa nàng chờ, vào cõi u huyền!”. Đường cơ hát tiếp: “Trời sụp đổ chờ, đất lở mòn, thân hoàng đế chờ, mệnh chết non. Âm dương cách biệt chờ, từ đây đôi ngã. Thiếp cô quạnh chờ, đến héo hon”. Trong lúc lâm nguy bày tỏ nỗi lòng, lời lẽ quá lộ song thể thức thì đều là điệu Sở cả.

❖ *Sách tham khảo*

- *Hán thư: Đề kỷ, Lễ nhạc chí;*
- *Toàn Hán thi* (Đinh Phúc Bảo sưu tập);
- *Trung Quốc đại văn sử học*. Tạ Vô Lượng. Chương 1 quyển 3.

VII. GIẢ NGHỊ VÀ TRIỆU THÁC

Buổi đầu nhà Hán, người giỏi bàn việc trị nước và cũng là người giỏi hơn cả về văn chương trước hết là Lục giả, phò tá Hán cao tổ, thường ca ngợi Thi, Thư. Cao đế hạ lệnh làm sách nói do đâu mà Tân mất thiên hạ và vì sao mà xưa nay thất bại hay thành công, mỗi bài dâng lên, cao tổ chưa bao giờ không khen hay, đặt tên sách là *Tân ngữ*, sách này hay còn. Thời Văn đế thì có Giả Sơn người Dinh Xuyên thường lấy Tân làm ví dụ, bàn đạo trị loạn, sách làm ra đặt tên là *Chí ngôn*, về sau mỗi lần dâng thư, lời lẽ thường tha thiết cảm kích khéo chỉ rõ nội dung sự việc nhưng không được dùng. Những điều ông nói đến nay đã mất mát đi nhiều, chỉ có *Chí ngôn* là còn trong *Hán thư* ở phần truyện Giả Nghị.

Giả Nghị người Lạc Dương, đã từng theo bác sĩ nhà Tân là Trương Thương học *Xuân thu tả thị truyện*. Lúc 18 tuổi do thuộc Thi, Thư và viết văn được mà nổi tiếng trong quận, quan đình úy Ngô công tiến cử lên Văn đế, được vời làm bác sĩ, lúc ấy mới hơn 20 tuổi mà giỏi ứng đáp chiếu lệnh, bọn học trò không ai bì kịp. Văn đế lấy làm vừa lòng, một năm mà thăng

cấp vượt bực lên đến chức Đại trung đại phu, lại còn dự định cất nhắc lên làm công khanh. Bọn Giáng Quan, Phùng Kính chê là “người Lạc Dương tuổi trẻ, hiểu biết mới ở bậc sơ học mà luôn muốn chuyên quyền, làm rối loạn mọi sự”, do đó văn đế cũng xa ra, không nghe lời bàn luận của y, sau bỏ làm thái phó của Trường Sa vương. Bị biếm trích như vậy, Nghị có ý buồn chán khi qua sông Tương, làm bài phú viếng Khuất Nguyên, cũng là để ví mình vậy:

“Kính nhở ơn huệ chử, đợi tôi ở Trường Sa. Nghe tin Khuất Nguyên chử, chết ở Mịch La. Xin cậy giòng Tương chử, viếng tiên sinh. Gặp đời không cùng chử, bèn tự bỏ mình. Hồi ôi, thương thay chử, gặp thời chẳng lành, loan phượng trốn vào hang chử, cú mèo lượn lờ. Đứa hèn mọn làm to chử, kẻ siểm nịnh đắc chí. Thánh hiền bị lôi kéo chử, thẳng ngay đảo ngược... Thang ôi, đành cảm lặng, cuộc đời thật vô cớ. Vứt bỏ vạc đinh nhà Chu chử, quí lọ sành. Trâu bệnh kéo xe chử, buộc thêm lừa què. Ngựa kỵ cùp tai chử, kéo xe muối. Mũ chương phủ chử, giày cổ, không thể được lâu. Than ôi, tiên sinh, chí riêng mình không phạm lỗi ấy, thăm hỏi rằng: Thôi vậy, nước không ai biết mình chử, uất úc cùng ai bày tỏ. Chim phượng lững lơ cao bay chử, ôi tự ý mình mà đi xa. Đánh long thần nơi cửu uyên chử, không lặn sâu mà tự cho là quí. Chống lại thuồng luồng, rái cá mà ẩn cư chử, há phải theo tép tôm, giun, dế. Quí cái đức thần của thánh nhân chử, lánh xa đời dơ đục mà giữ mình. Nếu ngựa kỵ cũng buộc giắt được chử, thì có gì khác chó dê. Né tránh cái rối bời, xa lìa cái bậy bạ chử. Cũng là việc của phu tử. Đi khắp chín châu mà giúp vua mình chử, cần gì phải bịn rịn nơi kinh đô. Phượng hoàng liệng trên ngàn đợt chử, nhìn đức sáng mà đổ xuống. Thấy dấu hiệu nguy hiểm của đức mọn chử, xa đập cánh mà bỏ đi. Cái ngòi rãnh đọng bẩn kia chử, há chứa nổi con cá lớn nuốt thuyền. Con kình con chiên nằm ngang sông hồ chử, vốn là do lũ ong kiến cai quản.

Được ba năm, có con chim cú bay vào nhà Giả Nghị, đậu ở góc giường ngồi. Đất Trường Sa ẩm thấp, Nghị sợ không thọ, nhân thế làm bài *Phục phú* để cho thanh thản khỏi lo. Phục là tiếng Sở gọi con chim cú. Đại ý bài phú nói cái họa và cái phúc ràng rít lấy nhau, dữ lành cùng tồn tại, sống không đủ để mừng, chết không đủ để lo, buông mình mặc số mệnh,

bèn hòa minh cùng đạo, thấy cú do vậy là việc nhỏ nhặt, không đáng lo. Tư tưởng bỏ ngoài sự sống chết, thuận theo ý tạo hóa vốn là tư tưởng học được của Trang sinh. Hơn một năm, Văn đế vời Nghị về hỏi về thuật quỷ thần. Nghị than mình không hiểu nổi. Không lâu, Nghị được phong làm thái phó của Lương Hoài vương con út của Văn đế. Bấy giờ lại phong bốn người con của Hoài nam Lệ vương làm liệt hầu, Nghị dâng sớ can, lại do các vua chư hầu có ý chiếm đoạt, coi mình ngang vua, đất đai có khi vài ba quận liền nhau, không đúng qui chế xưa; Nghị nhiều lần dâng thư trần tình chính sự, sinh tước bỏ bớt đi. Chính sách trị an của ông dài đến 6 nghìn lời cho rằng trong thiên hạ “thế sự điều đáng khóc gào có một, đáng chảy nước mắt có hai, đáng thở ngắt thang dài có ba, còn các điều trái lẽ, có hại cho đạo đức thì chỉ kể sơ sơ cũng khó hết”, rồi ông nhân đó chỉ ra những lỗi lầm, nói khá tha thiết nhưng không được vua nghe theo. Được vài năm, Hồi vương ngã ngựa chết, không con nối dõi, Nghị tự lấy làm đau xót, cho mình làm thầy mà không được tích sự gì, buồn bã khóc lóc hơn năm rồi chết, mới 33 tuổi đâu (200 đến 168 trước CN).

Triều Thác người Dĩnh Xuyên lúc nhỏ học thuyết Hình danh của họ Thân, họ Thương ở Trương Khôi đất Chỉ. Thời Văn đế nhờ có văn học mà được làm chức Thái thường chưởng cố được phái đi học sách *Thượng thư* với Phục Sinh người Tế Nam, trở về, nhân dâng chính sách “tiện việc công thỏa đáng việc tư” cùng với sách giải thích mà được vua hạ chiếu cho làm môn đại phu trong nhà thái tử, rồi lên chức bác sĩ, phong “thái tử gia lệnh”. Lại nhờ giỏi lý luận, được thái tử yêu vì trong nhà đặt cho cái hiệu “trí nang” (cái túi khôn). Ông tiến cử những người hiền sĩ giỏi văn chương, thi đối sách đều đỗ cao, lại nhiều lần dâng thư lên vua để, tâu về việc cầu tước bỏ quyền hạn chư hầu và về việc pháp lệnh có thể sửa đổi. Vua không theo nhưng cho là bậc kỳ tài, thân làm trung đại phu. Cảnh đế lên ngôi, lấy làm nội sử hễ tâu việc gì vua đều nghe theo, được quý trọng hơn cả cữu khanh, pháp lệnh sửa đổi đều do Thác, bọn Viên Áng, Thân Đồ gia đều không ưa, nhưng Thác càng cao sang, thăng đến chức ngự sử đại phu. Thác lại xin tước bớt đất chư hầu, thu lại các quận mới thêm. Thư về việc tước bớt đất Ngô nói:

"Xưa Cao đế mới bình định thiên hạ, anh em ít, con còn thơ dại, phong người cùng họ rất đông, cho nên con giòng thứ là Đieu Huệ Vương làm vua đất Tề đến 72 thành, em thứ là Nguyên Vương làm vua đất Sở đến 40 thành, con anh làm vua đất Ngô đến hơn 50 thành. Ba vị giòng thứ đó làm vua đến nửa thiên hạ. Hiện nay Ngô vương có hiềm khích từ xưa với thái tử, giả ốm không vào hầu, theo luật pháp xưa là nên giết. Văn đế không nỡ nên cho ghế ngồi, gậy chống, như vậy là ơn hết sức hậu. Thế mà không sửa lỗi đổi mới, lại còn kêu ngạo buông tuồng, công khai lên núi đúc tiền, nấu nước biển làm muối, dụ dỗ những kẻ trốn tránh trong thiên hạ, toan nổi loạn chống đối. Nay tước bỏ việc làm phản sớm, không tước bỏ thì làm phản muộn mà tai họa lớn".

Lời tâu xin tước bỏ đất đai, các quý tộc không ai dám phàn nàn duy chỉ có Đậu Anh, do đó có hiềm khích với Thác. Các nước chư hầu thì vốn đã ghét việc Thác sửa đổi pháp lệnh 30 chương, cho nên bọn Ngô Sở 7 nước làm phản lấy cớ để giết Thác. Đậu Anh, Viên Áng lại đến thuyết phục Văn đế (nên là Cảnh đế - biên tập chú) Triều Thác mặc áo triều bị chém ở chợ phía Đông (154 trước CN).

Triều Thác và Giả Nghị ban đầu tính hạnh cũng giống nhau. Một người thì theo Phục sinh truyền cho sách *Thượng thư*, một người thì theo Trương Thương truyền cho sách *Tả thi*. Thác xin tước bớt đất của chư hầu lại sửa đổi pháp lệnh, Nghị thì muốn thay đổi màu y phục, cả hai đều bị bọn công thần cùng những kẻ được vua yêu vì dèm pha. Về văn thì cả hai đều thẳng thắn, không cần tế nhị, lời cảm động thiết tha, nói hết những điều mình muốn nói. Tư Mã Thiên nói: "Dã Sinh, Triều Thác hiểu rõ được thân, thương". Chỉ một điều là Nghị có văn vẻ hơn, mà về mặt trầm lắng, thiết thực thì hơi đuối, dẫu sao các bài *Trị an sách*, *Quá Tân luận* của ông cùng với các bài *Hiền lương đối sách*, *Ngôn binh sự sở*, *Thuỷ biện khuyến nông sở* của Triều Thác đều là những áng văn lớn đời Tây Hán.

Những bài đó tưới thấm cho đời sau, thật sâu xa. Tuy nhiên đem hai bài luận về Hung nô mà so sánh thì thấy được bài của Giả là quá thô sơ, trống rỗng không thể đứng ngang hàng với bài của Triều Thác về sự sâu sắc am hiểu.

Sở dĩ về sau hai người khác nhau xa có lẽ là vì Văn đế, là người ưa tĩnh, những điều Giả làm đều không được dùng, ông làm thái phó dạy Lương vương, uất ức mà chết. Triều Thác thì gặp được Cảnh đế, cải cách được chút ít, cho nên rất được ưa chuộng, được thực hiện chủ trương của mình, kết quả là tự chuốt lấp tai họa, bị chém ở chợ Đông. Đã thế lại sớm nhờ thuyết hình danh mà nổi tiếng nên bị chê là quá thẳng và khắc bạc. Giả sử người này ở vào địa vị người kia, lại gặp được những đức vua khác thì kết cục mỗi người cũng chưa biết thế nào mà nói. Điều biết được là Giả Nghị giỏi văn chương sinh thời lại bất đắc chí, Tư Mã Thiên thương ông vì nổi không may, chép cùng truyện với Khuất Nguyên, cho nên đời sau biết tên tuổi của ông hơn.

❖ *Sách tham khảo*

- *Sử ký* (quyển 84, 101);
- *Hán thư* (quyển 48, 49);
- *Toàn Hán thư* (Nghiêm Khả Quân, đời Thanh biên tập);
- *Trung Quốc đại văn học sử* (quyển 3 chương 2);
- *Chi na văn học sử cương* (quyển 3 chương 4).

VIII. VĂN HỌC⁽¹⁾ CÁC NƯỚC PHIÊN THUỘC

Hán cao tổ không ưa Nho, hai vua Văn đế, Cảnh đế thì thích thuyết Hình danh và đạo Hoàng lão, nhưng thời ấy trong các vua chư hầu cũng có nhiều người dốc lòng nuôi dưỡng kẻ sĩ để ý đến văn chương như các vua Sở, Ngô, Lương, Hoài Nam và 5 vua Hà Gian là những kẻ có tiếng hơn cả.

Sở Nguyên vương tên Giao là em cùng cha của Cao tổ, ham sách, lấm tài nghệ, lúc nhỏ cùng với Mục sinh nước Lỗ và Bạch sinh Thân công học

⁽¹⁾ Nguyên văn là Văn thuật. ND.

Thi với học trò của Tôn Khanh là Phù Khưu Bá, cho nên ham *Thi*, sau khi được phong làm vương nước Sở, con cái cùng đều học *Thi*, Thân công làm *Thi* truyền trước tiên, đặt tên là *Lỗ thi*, nguyên vương cũng làm thi truyền đặt tên là *Nguyên vương thi*. Buổi ban đầu nhà Hán, các vị đại sư nghiên cứu Thi đều ở Sở. Ngoài Thân công, Bạch công còn có Vĩ Manh, ông là thầy dạy của Nguyên vương, dạy cả con là Di vương, cả cháu là Vương Mậu. Mậu hoang dâm, không tuân giữ đạo, Mạnh làm thi để can gián, rồi bỏ chức vị dời nhà đến nước Trâu, lại làm một bài thi nữa, cách tự xếp lời, thành một thể riêng và đều mang cái phong cách cũ của Phong, Nhã. Từ Ngụy Tấn về sau, dời nào cũng học tập mô phỏng theo, làm những bài thơ kể công người trước, ơn đức tổ tiên, vì vậy Nhâm Phưởng trong *Văn chương nguyên khởi* cho là “thể thơ 4 chữ bắt đầu từ trước Hán, với bài Can gián Sở Di Vương Mậu” của sư phó vua Sở là Vĩ mạnh.

Ngô vương Tị là con của Cao tổ là tên Trọng. Thời Văn đế, thái tử Ngô vào châu, cùng hoàng thái tử đánh cờ, hoàng thái cầm bàn cờ ném chết. Ngô vương từ đó để bụng oán thù bèn trốn tránh rồi phao tin đã chết, như vậy đến 30 năm, nên cũng sai bảo được quần chúng của mình. Song phần đông người ông dùng là hạng kẻ sĩ du thuyết về Tung Hoành, lại có người chuyên cả văn từ như bọn Nghiêm Kỵ, Trâu Dương, Mai Thặng. Những người này sau khi Ngô thua đều qua Lương. Hiếu vương nước Lương tên Võ là con út của Đậu hoàng hậu, vợ Văn đế. Trong cuộc phản loạn của 7 nước, Lương chống Ngô Sở có công nhất, lại là nước lớn nhất. Lộ Bạ dùng y như của thiên tử; Lương trước đó hào kiệt bốn phương, từ Sơn Đông du sĩ không ai không đến. Truyền bá *Kinh dịch* có Đinh Khoan, dạy cho Điền Vương Tôn, rồi Điền dạy lại cho Thi Cửu, Mạnh Hỷ, Lương Khưu Hạ, do đó *Kinh dịch* có học phái của ba nhà Thi, Mạnh, Lương Khưu. Lại có Dương Thắng, Công Tôn Quỹ, Hàn An Quốc, cả mấy người đều do cái trí biện luận mà nổi tiếng. Ngô thua, khách của Ngô lại điều sang Lương, Tư Mã Tương Như cũng từng đi chơi Lương, đều là danh thủ từ phú. Văn học thiên hạ phát triển mạnh, thời ấy có thể nói không đâu được như Lương.

Nghiêm Kỵ vốn họ Trang, sau tránh húy Minh để đổi thành Nghiêm, là người Ngô ở Cối Kê thích từ phú, thương Khuất Nguyên trung trinh mà

không gặp thời bèn làm bài từ *Ai thời mệnh*, gặp phải Cảnh đế không ưa từ phú, không có dịp nào dắc chí bèn qua Ngô, Ngô thua, di bộ vào Lương chịu ơn Hiếu vương biết đến, cùng với Trâu Dương Mai Thặng đều được tôn trọng cả, riêng Kỵ lại được đặc biệt hơn, người ta gọi là Trang phu tử. Sách *Hán chí* có chép Trang phu tử phú 24 bài, nay chỉ còn một bài *Ai thời mệnh* trong *Sở tử*.

Trâu Dương người Tề, lúc đầu cùng với bọn Nghiêm Ky Mai Thặng đều làm quan Ngô, do văn chương biện luận mà nổi tiếng, Ngô vương toan làm phản, Dương viết thư can, không được nghe theo, bèn bỏ sang Lương, cùng đi chơi với Hiếu vương. Dương làm người có trí lược, khảng khái không a dua, bị Dương Thắng, Công Tôn Quỹ dèm pha, Hiếu vương giận bắt bỏ ngục toan giết. Trong ngục Dương dâng thư nói rõ lòng mình:

“... Ngạn ngữ nói có bạc đầu như mới, nghiêng lóng như cũ? Sao vậy? Vì biết cùng không biết vậy. Cho nên Phàn U Kỳ trốn Tần qua Yên, cho Kinh Kha mượn đầu mình để phục vụ công việc của Thái tử Đan, Vương Xa bỏ Tề sang Ngụy đến dưới thành tự cất cổ mà chết để từ bỏ Tề mà làm cho Ngụy còn. Ôi Vương Xa, Phàn U Kỳ, không phải là mới ở Tề, Tần mà cũ ở Yên, Ngụy vậy. Sở dĩ bỏ 2 nước mà đi làm chết 2 vua là làm điều hợp với chí mình và mến nghĩa vô cùng vậy... Nay kẻ làm vua nếu thật sự biết bỏ cái lòng kiêu ngạo đi, cưu mang cái ý bão đèn, phơi bày lòng dạ ra cho người ta thấy được cái bản tâm của mình, hủy bỏ cái thói gan lỳ, làm điều ơn đức một cách đôn hậu, thành đạt đều có nhau cho đến cùng, thương yêu kẻ sĩ, thì chó của vua Kiệt có thể khiến cắn vua Nghiêu, khách của Đạo Chích có khi sai đi lấy đầu Hứa Do được. Huống chi lại nhân có cái quyền của ngôi thiên tử, muôn cái tư cách danh vọng của một thánh vương. Thế thì Kinh Kha bị nhận chết chìm 7 họ. Yêu Lý thiêu sống vợ con, há đủ làm cái đạo của đại vương hay sao?...”

Thư dâng lên, Hiếu vương tức thì thả Dương ra, rốt cục Dương làm được thượng khách, và sau rồi Dương Thắng, Công Tôn Quỹ bị tội phải chết, Dương một mình vì Lương vương mà nguôi mối giận sâu xa của thiên tử. Sở dĩ như vậy là do Ngô chứa mưu thâm, riêng ưa bọn sách sĩ, cho nên những kẻ giỏi văn chương biện luận cũng thường có cái phong cách còn lại của các

nhà Tung Hoành trước kia. Từ lệnh, văn chương đều sở trường, khép mở, cũng như kiểu nói phô của du sĩ thời Chiến quốc vậy. Sách *Hán chí* về Tung Hoành gia có chép của Trâu Dương 7 bài mà không chép từ phú, hình như Dương ở Hán, vốn chỉ nhờ thủ đoạn quyền mưu mà được khen. Sách *Tây kinh tạp ký* nói: Lương Hiền Vương chơi ở quán Vọng Úu, tập hợp các du sĩ, bảo ai nấy làm phú. Mai Thặng có *Liễu phú*, Lê Kiều Như có *Hạc phú*, Công Tôn Quy có *Văn Lộc phú*, Trâu Dương có *Tiểu phú*, Công Tôn Thừa có *Nguyệt phú*, Dương Thắng có *Bình phong phú*, Hàn An Quốc làm bài *Kỷ phú* không xong, Trâu Dương làm thay cho. Trâu Dương, An Quốc phải uống rượu phạt ba thặng, Mai Thặng, Lê Kiều Như được ban lụa, mỗi người 5 tấm. *Tây kinh tạp ký* do Cát Hồng đời Tần làm, nói thác ra là của Lưu Hâm, có lẽ các bài phú cũng là của Hồng làm ra đó thôi. Mai Thặng, tên tự là Phúc, người Hoài ân, làm chức lang trung của Ngô Vương Tị. Ngô Vương làm phản, Thặng dâng Thư để can. Ngô Vương không nghe, Thặng bèn bỏ sang nước Lương. Hán dẹp loạn 7 nước xong, Thặng do dịp này nổi lên, Cảnh đế triệu Thặng về bổ chức Hoành nông đô úy. Thặng làm thượng khách nước lớn đã lâu, không thích chức quận lại, khai ốm bỏ quan, trở về lại đi chơi nước Lương. Khách ở Lương đều giỏi từ, Thặng càng giỏi hơn. Lương Hiếu vương mất, Thặng về Hoài âm. Võ Đế lúc còn làm thái tử đã nghe tiếng Thặng, đến khi lên ngôi thì Thặng đã già, Võ Đế sai đưa xe êm bánh băng cõi đi mời, Thặng chết dọc đường (140 trước CN).

Hán chí có chép Phú của Mai Thặng 9 bài, nhưng nay chỉ còn bài *Lương vương thế viên phú*. Bài *Lâm Bá tri viễn quyết phú* chỉ còn lại cái tên, còn bài *Liễu phú* chắc là làm giả. Song cái công lớn của Thặng đối với văn thể là ở chỗ dựa theo cách thức *Sở từ*, *Thất gián*, lại lấy ý của *Chiêu hồn*, *Đại chiêu* mà tự sáng tác ra thất phát. Mượn Ngô, Sở làm khách, chủ, trước tiên nói ra cái hao tổn về xe kiệu, cái khổ sở về cung điện, cái độc hại về ăn uống, ham mê sắc đẹp, rồi nói nên nghe lời nói hay, đạo lý trọng yếu để cho tinh thần được trong suốt, thân thể được dẻo dai rồi từ đó nói đến cái vui thú thanh tao về âm thanh, màu sắc... tất cả đến 6 việc mà sau cùng là việc ngắm sóng lớn ở Quảng lăng:

“Lúc mới đầu thì mènh mông chảy xiết như cò trăng liệng xuống

thấp, ít lúc sau thì đồ sộ mà như sương mù, như xe trắng ngựa bạch có màn lộng trương lên. Sóng dâng mà mây nổi, như ba quân lồng lộn ra đi. Khi chạy dồn sang bên thì lâng lâng như đoàn quân khinh xa. Thuồng luồng 6 xe, theo sao Thái bạch, rong ruổi trên cầu vồng, trước sau nối tiếp, ngất nghểu ùn ùn, ầm vang đáng sợ, thành lũy bèn dày phức tạp tựa hàng quân, gào thét rồi tung, không gì cưỡng lại. Nhìn ra hai bên, hột phun dữ dội, mít mù nhảy vọt lớp trên lớp dưới, xem như tên lính dũng mãnh, xông lên chẳng sợ gì, đập vào vách, trườn lên bến, di hết chỗ cong, luồn theo eo hẹp, vượt bờ đuối theo, ai gặp là chết, cái gì cản trở đều bị phá nát..."

Lời ông ta không lọt vào tai, bèn rằng:

"Toan vì thái tử mà tiến dẫn những kẻ sĩ thạo phương thuật, kẻ có tài lược như Trang Chu, Ngụy Mậu, Dương Chu, Mặc Địch, Biền Quyên, Thiên Hà. Hạng người ấy, khiến họ luận bàn cái tinh vi trong thiên hạ, phân biệt cái phải trái của muôn vật. Khổng tử, Lão tử thì xét xem, Mạnh tử thì cầm bàn tinh mà tính toán, muôn điều không sai một. Đó cũng là lời nói trọng yếu, cái đạo lý hay trong thiên hạ vậy. Thái tử há muốn nghe chăng? Thái tử bèn nhân đó đứng dậy mà rằng: Rõ ràng thay, như được nghe lời kẻ biện sĩ thần thánh nói. Mồ hôi toát ra, bệnh tiêu tan hết".

Do vậy mà có thể "thất", văn sĩ các đời sau làm theo rất đông. Đời Hán, Phó Nghị có *Thất khích*, Lưu Quảng có *Thất hưng*, Thôi Yên có *Thất y*... đến hơn mươi tác giả. Lần lượt đến đời Ngụy Tấn vẫn nhiều người phỏng theo mà làm. Tạ Linh Vận có *Thất tập* mươi quyển, Biện Canh có *Thất Lâm* mươi hai quyển, Lương Hựu có *Thất lâm* 30 quyển tất cả đều là tập hợp cái thể ấy của nhiều nhà lại mà làm, nhưng nay đều lẩn lộn không phân biệt được. Chỉ có *Thất phát* của Thặng cùng với *Thất Khải* của Tào Thực và *Thất mệnh* của Trương Hiệp là có trong văn tuyển.

Văn tuyển lại có *cổ thi mười chín bài* đều là ngũ ngôn, không có tên tác giả. Lý Thiệu đời Đường nói: gọi gộp là *cổ thi*, bởi vì không biết ai là tác giả. Có kẻ nói của Mai Thặng, nhưng đáng ngờ, không thể xác minh được. Song Từ Lăng đời Trần cổ sưu tập làm cuốn *Ngọc dài tân vịnh*, trong đó có 9 bài ghi rõ là của Mai Thặng. Xét như vậy thì Thặng không phải chỉ có sáng

tác ra thế “thất” mà cũng sáng tạo cả thể ngũ ngôn cổ thi nữa. Nay ghi lại 3 bài.

“Tây Bắc có lâu cao, Ngang tầng mây trôi nổi, Cửa kết hoa đan chéo, Thềm ba bậc lên cửa. Tiếng đàn ca vọng về, sao mà buồn thương thế. Ai làm bài ấy được, chắc vợ Kỷ Lương xưa. Cung thương theo gió nổi, trung khúc thật bồi hồi. Đàn rồi lại than thở, khắng khái mà bi thương. Không thương người hát khổ, mà thương hiếm tri âm. Nguyên làm đôi hồng hộc, vỗ cánh vút muôn trùng”.

“Xa nhau đã lâu ngày, Đai áo thêm rộng dài; Mây che lấp mặt trời, Người đi đi mãi thôi; nhớ chàng cái già đến, Tháng ngày bỗng đã muộn; thôi đi đừng nhắc nữa, ăn uống cần gắng gượng”.

“Xa xôi chuyện sao ngâu, Ả Chức bờ sông Hán; Tay ngọc vuốt thoăn thoắt, chí chách tiếng thoi đưa. Tôi ngày chẳng tác gang, Lệ tràn như mưa tuôn, Sông Hán trong và cao, bao giờ được gặp chàng. Sông mênh mông ngăn trở. Thật khó nói nên lời”.

Lời thơ như nói mà thành vẫn, có vẫn thành thú vị, không cần gọt dũa mà ý tứ sâu sắc, thần thái có thể nói gần với *Tao* của Sở mà thể thức thì thật độc đáo, thật như người ta nói: “chứa cái thần kỳ trong đôn hậu, giữ cái thương cảm trong êm đềm, ý càng cạn lại càng sâu, lời càng gần lại càng xa”. Vậy chẳng bao lâu sau, Lý Lăng cùng Tô Vũ tặng đáp nhau cũng làm ngũ ngôn, vì từ đời Văn cảnh về sau, thể ấy dần dần nhiều lên, song về mặt chất phác tự nhiên thi phải nói Mai Thặng rốt cục là người độc nhất đạt đến tuyệt đỉnh.

Hoài Nam vương tên là An, do Văn đế phong, ham sách, chơi đàn cầm, đón mời khách kẻ sĩ phương thuật có đến vài ngàn người, làm ra sách *Nội thư* 21 thiên, *Ngoại thư* thì rất nhiều, lại còn *Trung thư* 8 quyển, nói về thuật thần tiên hoàng bạch, cũng đến ngoài 20 vạn lời. Bấy giờ Võ Đế ham thích Nghệ văn, coi Âu là bậc cha chú, biện luận rộng, giỏi văn từ nên rất lấy làm tôn trọng. Võ Đế từng bảo ông làm *Ly tao truyện*, sáng vừa nhận chiếu chỉ, thì đến bữa ăn trưa đã dâng lên. *Ly tao truyện* nay không còn chỉ có sách *Hoài Nam vương* 21 thiên cũng gọi là *Hồng Liệt*. Sách này gồm

những điều giảng giải bàn bạc cùng các du sĩ, nay nhặt nhạnh lại mà chép thành, những du sĩ có tham dự là Tô Phi, Lý Thượng, Tả Ngô, Điền Do, Lội Bị, Mạc Bị, Ngũ Bị, Tấn Xương, cả thảy 8 người gọi là Bát công; lại phân chia nhau làm từ phú, sắp xếp theo loại, loại thì gọi là Đại Sơn, loại thì gọi là Tiểu Sơn, ý nghĩa cũng như *Thi* có Đại nhã, Tiểu nhã vậy. Bọn Tiểu sơn, các bài phú Chiêu ẩn sĩ, tuy bắt nguồn từ các bài *Ly tao*, *Chiêu hồn* nhưng không câu nệ theo, thành ra cái âm thanh mới của Sở từ đời Hán:

“Quế mọc um tùm chừ trong núi sâu; Vết vèo quanh cảm ơn chừ, cành đan nhau; Hơi núi trùm che chừ đá chon von; Hang hốc lởm chởm chừ nước sóng còn. Khỉ vượn kêu hú chừ hổ báo gào, Vin đu cành quế chừ nương nau lâu. Công tử vương Tôn đi chừ không về, Cỏ Xuân mọc chừ xanh rì. Năm hết chừ lòng ta se, ve sầu kêu chừ tiếng rỉ rê. Bụi nổi chừ, sườn núi trôi, lòng chằn chừ, sợ lo nhiều nỗi. Chán chường chừ trong dạ, buồn thảm chừ run sợ. Hổ báo ở, cỏ rậm rừng sâu chừ người leo giữa. Bờ cong cầu đá cao chừ ngã nghiêng đổ sập. Thân cây to liền nhau chừ gỗ rừng lá dày. Cỏ sa lẵn với cây chừ, lá phiền nấm rập. Hương trắng nai hoảng chừ con chạy con nấp, dáng dấp to lớn chìm lêu đều, lạnh lẽo chừ run lập cập. Đười ươi chừ gấu mèo, thương đồng loại chừ buồn rầu. Vin đu cành quế chừ muốn nghỉ chân, hổ báo đánh nhau chừ gấu gầm ran, chim muông sợ hãi chừ lạc đàn. Công tử vương tôn chừ về thôi, Trong núi chừ không thể nương thân”.

Hiếu Vương Đức ở Hà gian là con Cảnh đế cũng ham sách, những sách ông học mà sở đắc đều là sách cũ cổ văn thời Tiên Tần ông lại có lập ra chức bác sĩ chuyên về *Mao Thị thi* và *Tả thị xuân thu*. Các nhà nho Sơn Đông phần nhiều theo học ở đó, cái họ thích đại để giống với Sở Nguyên vương Giao, có điều khách ba nước Ngô, Lương, Hoài Nam giàu văn từ hơn, khách Lương mà giỏi hơn cả thì phần lớn từ Ngô sang, còn mang cái phong cách Tung Hoành nhiều, có những kẻ tụ tập ở Hoài Nam thì nói chung là những kẻ biện luận phù phiếm về các phương thuật mà thôi.

❖ Sách tham khảo

- *Sử ký* (quyển 106, 118);

- *Hán thư* (quyển 36, 47, 51, 53);
- *Toàn Hán thư* (Nghiệm Khả Quân dời Thanh soạn);
- *Trung Quốc đại văn học sử* (tập 3, chương 3).

IX. TÌNH HÌNH VĂN HỌC PHÒN THỊNH THỜI VÕ ĐẾ

Võ đế là người tài hoa, hùng tráng và có mưu lược, lại cũng rất chuộng Đạo Nho. Sau khi lên ngôi, Thừa tướng là Vệ Quán liền tâu xin bãi bỏ các hiền tài do các quân quốc cử trước kia mà dùng thuyết của Thân, Thương, Hàn Phi, Tô Tần, Trương Nghi, lại dùng xe êm chạy bánh bọc cói rước những người như Thân công, Mai Thặng, bàn việc dựng Minh đường, đặt chức bác sĩ ngũ kinh. Khoảng niên hiệu Nguyên Quang, Võ đế đích thân ra bài sách cầu hiền tài, rồi Đổng Trọng Thư Công Tôn Hoằng xuất hiện vào dịp ấy. Từ nhỏ ông lại ưa từ phú, thích Sở từ, từng sai Hoài Nam Vương là An làm truyện về *Ly Tao*. Những bài từ ông làm như *Thư Phong từ* (xem chương 7), *Điều Lý phu nhân phú* (*Hán thư*, Ngoại thích truyện) thì quả đã đạt đến chỗ tuyệt diệu của văn chương. Lại đặt nhạc phú, tập hợp các bài hát Tần, Sở đời Triệu, dùng Lý Diên Niên làm Hiệp luật đô úy, cử Tư Mã Tương Như cùng vài chục người sáng tác những bài thi tụng dùng trong miếu thờ trời đất, đó là các bài ca *Thập cửu chương* Diên Niên bèn vâng ý phổ nhạc các bài thơ đó gọi là Tân thanh khúc, nhưng thực ra là điệu Sở còn truyền lại, nay mở rộng và biến cải đi. Mười chín chương *Giao tự ca* này còn lại trong *Lễ nhạc chí* của sách *Hán thư* chương 3 đến chương 6 đều đề là *Trâu tử nhạc*:

“Ngày hè tốt dài, phô cùng muôn vật, ngô đồng tươi tốt chẳng gì che khuất. Nở hoa kết quả, đã tốt lại nhiều, mọc thành rừng chầm, trăm quỉ đến theo. Miễn dụng rộng lớn, kính thờ mãi sâu. Thần nếu giúp cho, muôn đời truyền lâu (*Chu Minh 3, Trâu tử nhạc*).”

“Mặt trời mọc lặn kia, thời thế cùng người khác xa. Xuân phải Xuân ta đâu, hè cũng là thế, thu đâu phải thu ta, đông cũng thế. Kia như bốn bề rào rào, xem khắp được nào, bắn sao? Ta biết cái ta vui, chỉ thích 6 rồng. Sáu

rồng điệu ấy, làm ta vui lòng. Tỉ, Hoàng cớ sao không xuống!”. (*Nhập xuất nhảy*. 9).

Thời ấy Hiếu vương ở Hà gian cho rằng đạo trị nước không có lề nhạc thì không thành, nếu đem dâng lên những bài nhã nhạc sưu tập được, các đại nhạc quan cũng tập những bài ấy để cho đủ sống, song không dùng đến, những bài có dùng đều là tân thanh. Còn trong những khi vui chơi yến tiệc thì lại có những bài tân thanh biến khúc mà các biến khúc cũng phỏng theo Lý Diên Niên. Diên Niên người Trung Sơn, bản thân cũng như bố mẹ anh em trước đều theo nghề hát xướng, có tội bị án thiến, làm chức quan trông coi chó săn, thích âm nhạc, giỏi ca múa, được Võ đế yêu vì. Mỗi lần tân thanh biến khúc, người nghe không ai không cảm động. Diên niên thường hầu Võ đế, múa và hát rằng: “Phương Bắc có người xinh, trên đời chỉ thấy một. Một liếc nghiêng thành, hai nghiêng nước. Há chẳng biết nghiêng thành cùng nghiêng nước, người xinh thật khó được”. Thế rồi đem tiến em gái mình, người em ấy được vua yêu, gọi là Lý phu nhân, chết sớm. Võ đế thương nhớ khôn nguôi, có tay phù thủy người Tề tên là Thiều Ung mới có thể gọi hồn về được, thế là đêm treo màn đốt đuốc, bảo vua ở một màn khác mà trông qua, thấy một người con gái đẹp, dung nhan như Lý phu nhân, nhưng không được đến gần. Võ đế càng nhớ tiếc hơn, làm bài thơ rằng: “Thục chẳng hư chăng? Đứng lặng nhìn sang, Đi đi lại lại dèn dèn”. Làm rồi sai các tay đàn ca trong nhạc phủ đánh đàn mà hát lên. Bài thơ tức sự cảm tác, nhịp gấp ý dài, gọi là tân thanh, chỉ là biến khúc cổ thể vậy.

Kẻ sĩ văn học chung quanh Võ đế rất đông. Trước hết là Nghiêm Trợ ở Cối Kê, con của Nghiêm Kỵ, hoặc là con người trong họ. Trợ nhờ đối sách hiền lương đỗ cao, được đặc cách bổ làm trung đại phu. Trợ tiến cử người xứ Ngô là Chu Mại Thần, được triệu vào ra mắt, Mại Thần nói về sách *Xuân thu*, về *Sở tử* cũng được bổ làm trung đại phu và cũng chức thị trung với trợ. Lại có Ngô Khưu Thọ Vương, Tư Mã Tương Như, Chú phu Yểu, Từ Nhạc, Nghiêm An, Đông Phương Sóc, Mao Cao Giao Thương, Chung Quân, Nghiêm Thông Kỳ... nhưng trong tất cả thì Đông Phương Sóc, Mai Cao, Ngô Khưu Thọ Vương, Tư Mã Tương Như đã được yêu mến gần gũi nhất. Tương Như văn rất giỏi, song thường cáo ốm tránh việc; Sóc, Cao thì nghị luận

không căn cứ, chỉ được coi như phuong làm trò mua vui, chỉ có Nghiêm Trợ cùng Thọ vương là được tin dùng. Trợ tiến nhanh nhất, thường cùng quan to bàn bạc việc nước. Có việc mới lạ thì cũng được giao viết văn, ông viết phú tụng đến vài chục bài. Thọ Vương tên chữ là Tử Cống, người Triệu, do tư cách lương thiện 5 lần được triều làm chức dai chiếu, thăng chức Thị trung trung lang, có làm phú 15 bài, xem *Hán thư*. Đông Phương Sóc tự là Man Thiền, người Yểm Thứ, Bình Nguyên. Võ Đế lúc đầu mới lên ngôi, xuống chiếu hiệu những kẻ sĩ được thiên hạ cử lên coi là có đủ tư cách hiền lương phuong chính và tài lực văn chương, dại họ không theo cấp bậc thường lệ, kẻ sĩ bốn phuong dâng thư nói về lê thành công thất bại, tự khoe khoang để mong được dùng kẻ có hàng nghìn. Sóc vừa đến, dâng thư viết: "Thần là Sóc, từ nhỏ đã mồ côi bố mẹ, nhờ anh với chị dâu nuôi, 12 tuổi thi học sách, học 3 năm, văn sử đủ dùng 15 tuổi thi học đánh kiếm, 16 tuổi học Thi, Thư, đọc thuộc 22 vạn lời, 19 tuổi học binh pháp của Tôn Ngô, tài năng về chiến trận, cách thức dùng chiêng trống, nhưng sách ấy cũng đọc đến 22 vạn lời, như vậy là Sóc đã đọc đến 44 vạn lời. Sóc lại thường ngày theo lời nói của Tử Lộ. Nay thần 22 tuổi, mình đã chín thước ba tấc, mắt đẹp như hạt châu, răng ngời như vỏ ốc quí, dũng mãnh y như Bào Thúc, biết giữ lời như Vĩ Sinh, như vậy là có thể làm quan to của thiên tử, nay mạo muội cam chịu tội chết hai lạy dâng thư". Thư viết lời lẽ thiếu khiêm tốn, tự cao khoe khoang. Võ đế cho là kỳ, lấy làm chức dai chiếu công xa, dần dần do những mưu chước lạ, những lời lẽ bong bùa mà được thân cận, khôi hài về đủ mọi chuyện, không ra một việc gì, song tùy lúc, quan sát nét mặt mà can gián, thăng thăng thiết tha, Võ Đế cũng thường nghe theo; từng lên đến chức Thái trung đại phu, cùng với Mai Cao, Quách Xá Nhân đều ở bên cạnh vua, nhưng chỉ dùa cợt mua vui thế thôi, không được làm lớn, vì thế Sóc đem chủ trương của các nhà hình danh ra xin dùng thử, bài viết đến vài vạn lời, ý tứ phóng dâng, lại vẫn khôi hài, rốt cục cũng không được dùng, bèn làm bài *Đáp khách nan* (*Hán thư*, Bản truyện) để tự an ủi, lại có bài *Thất giàn* nữa (Xem *Sở tử*) bài ấy nói quân tử không được như ý, xưa nay vẫn thế. Lúc sắp chết, răn con rằng: "Ở đời sáng suốt, là chó loay hoay; cứ nhởn nhơ, theo đạo mà làm. Thú Dương là vụng, Liễu Hạ là hay. Cứ ăn no bước vững, làm quan thay cày. Ẩn mình ngầm đời, đời đối trả chẳng dùng... Đạo của

thánh nhân, một rắn một rồng, hình hiện thần ẩn, cùng vật biến hóa, tùy thời mà làm, chớ bám một nhà". Đó lại là nội dung của Hoàng Lão vây. Sóc là kẻ hiểu biết nhiều, song trước tiên là khoe khoang để tiến thân, sau thì dùng khôi hài để nổi tiếng, những kẻ hiểu sự đời sau đem những lời lẽ kỳ quặc gán cho Sóc, bọn phuơng sĩ lại phụ họa vào cho là thần tiên, viết những loại *Thần dị kinh*, *Thập chân ký* rồi bảo là của Sóc làm, sự thực thì không phải.

Còn Mai Cao thì tự là Thiêu Nhụ, con út của Mai Thặng. Võ đế triệu Thặng, Thặng đi và chết dọc đường. Võ đế xuống chiếu hỏi con cái Thặng, không có người giỏi viết văn. Cao dâng thư tâu bày về mình, được vào yết kiến, chiếu bảo làm Bình lục quan phủ, lấy làm khen, cho làm chức lang, đi xứ Hung nô. Song Cao thích đùa cười, làm phú tụng nhiều chỗ đùa cợt, vì thế không được tôn trọng và cho làm to, chỉ xin như kẻ xướng hát, tài sánh với Đông Phương Sóc, Quách Xá Nhân. Cao làm văn nhanh cho nên sáng tác rất nhiều, tự bảo là không bằng Tư Mã Tương Như nhưng lại chê cười Đông Phương Sóc và cũng chê cười cả bản thân mình. Ban có nói: "Văn Mai Cao quanh co uốn theo sự việc mà đều rõ được ý hay đùa cợt, không thật đẹp đẽ ung dung, những bài đọc được có khoảng trăm hai chục, còn quá dễ dãi, cợt nhả không đọc được cũng đến hàng chục".

Đến như kẻ sĩ đạo nho mà cũng chuyên về Văn từ thì có người ở xứ Tiết, Tri Xuyên là Công Tôn Hoằng, tự là Thư Khanh, vốn đỗ đầu trong "Hiền lương đối sách" khoảng niên hiệu Nguyên Quang, bổ chức bác sĩ, cuối cùng làm thừa tướng, phong tước hầu Bình Tân, bấy giờ học sĩ trong thiên hạ ai cũng lấy làm ngưỡng mộ, hướng theo. Đồng Trọng Thư người Quảng Xuyên là bạn học với Công Tôn Hoằng, nhưng về ngũ kinh lại giỏi hơn, thời Cảnh đế đã làm bác sĩ, Võ đế lên ngôi, thi đỗ Hiền lương đối sách, bổ làm Giang đô tướng, thăng làm Giao tây tướng, rồi mất. Đồng có làm bài phú sĩ *bát ngô* chép trong *Cổ Văn uyển*, có đoạn viết:

"Xem đời Thượng cổ trong sáng chữ, kẻ sĩ liêm khiết cũng bơ vơ không nơi về. Ân Thang có Biện Tùy với Vu Quang chữ; Chu Võ có Bá Vị với Thúc Tề. Biện Tùy, Vu Quang dấn mình trong núi sâu chữ, Bá Di Thúc Tề lên núi hái rau vi. Vị thánh hiền kia chịu làm việc tử tế chữ, thì cũng cùng

thiên hạ cùng mê. Còn Ngũ Viên cùng Khuất Nguyên chờ, vốn không đoái hoài gì hết. Cũng không thể cùng vài người kia chờ, toan đi xa mà trót lọt”.

Cuối cùng bài phú nói không gì bằng trở về nghiệp cũ, chăm theo cái thiện, tuy theo diệu Sở, nhưng kết luận lại theo đạo Trung dung, rõ ràng là nhà nho thuần túy song cái ý lo buồn gấp vội, hép hòi thì lộ ra hết cả vây.

Phái tiểu thuyết gia thời ấy cũng thịnh. Người Lạc Dương là Ngu sở, do phuơng sĩ mà làm chức thị lang, hiệu là Hoàng xa sứ giả, làm sách *Chu thuyết* 943 thiên, người Tề là Nhiêu, không biết họ gì, chức dài chiếu, làm sách *Tâm thuật* 25 thiên. Lại có sách *Phong thiện phuơng thuyết* 18 thiên, không rõ ai làm, nhưng nay đều mất hết.

Thơ tân chế cũng phục hưng. Ngoài các lối theo Tao Nhã cũ, có lối tạp ngôn mới, tức là nhạc phủ. *Hán thư* có ghi: Đông Phương Sóc làm thơ bát ngôn và thất ngôn, thế nào cũng có thiên thượng với thiên hạ, nay tuy không thấy, nhưng năm Nguyên phong thứ 3 xây Bá Lương đài, có chiếu bảo các quan lương bổng 200 thạch, ai biết làm thơ thất ngôn mới được lên ngôi. Các bài đó nay hay còn, cả bài đều thất ngôn nhưng cũng là cái bước bắt đầu của thể liên cú (mỗi người một câu chắp lại thành bài - ND):

Hòa 4 mùa có trời, trăng, sao (Hoàng đế) xe 3, 4 ngựa đến từ Lương (Lương Vương) Ngựa, lính các nước tài vũ Lâm (Quan Đại tư mã) thống trị thiên hạ khó gì bằng (quan thừa tướng) Võ hòa 4 nợ chẳng dễ làm (đại tướng quân). Bọn lại đao bút thần nắm giữ (quan ngự sử đại phu) (lược bộ)... Man di vào châu theo lẽ thường quan điển thuộc quốc, cột kèo xà rui với nhau chằng (quan thợ cẩn) tì bà, quít, dẻ, đào, mận, mơ (quan thái lệnh) cho săn đuổi thỏ lười giương lên (thượng lâm bệnh) cắn mồi phi nữ ngọt như đường (quách xá nhân) quấn bách quanh cảm ơn đến cùng thay (Đông Phương Sóc).

Chữ Thiếu Tôn bổ sung *Sử ký* nói: “Đông Phương Sóc đi trên điện, quan lang bảo rằng: Ai cũng cho tiên sinh là cuồng. Sóc trả lời: như bọn Sóc gọi là những người lánchez đời giữa triều đình đây. Còn người xưa thì lánchez đời là ở trong núi sâu kia. Bấy giờ trong tiệc say cả, ngồi xổm giữa đất mà hát rằng: chim đắm theo tục, Cửa kim mã tránh đời. Trong cung điện, tránh đời

được hết thôi. Cần gì phải giữa núi sâu, dưới lều cỏ rêu”.

Bài hát ấy cũng thuộc thể mới, song cũng có thể do người đời sau phụ họa mà làm ra.

Thể ngũ ngôn có Mai Thặng mở đầu, nhưng những bài ly biệt giữa Tô Vũ, Lí Lăng cũng được xem là thơ hay. Tô Vũ tự là Tử Khang, người Đô Lăng vùng Kinh Triệu. Năm đầu niên hiệu Tiền Hán giữ chức Trung lang tướng, đi sứ Hung nô, nhưng rồi giữ lại không đi. Lí Lăng tự là Thiếu khanh người Thành Kỉ, Lũng Tây, năm thứ hai Thiên Hán đánh Hung nô, thua trận hàng giặc, Thiên Vu đem con gái mình gả cho và lập làm Hữu hiệu Vương. Triều Hán Xử Lăng chu di ba họ. Đến năm Nguyên kỉ thứ 6, Tô Vũ được về cùng Lăng làm thơ tặng báo đáp như sau: “Cầm tay lên Hà Lương, người đi tới đến đâu. Ngập ngừng bên đường bước, buồn giận khó chào nhau. Biết đâu như nhật nguyệt, lúc đây lại lúc khuyết. Hết lòng tôn đức sáng, đầu bạc hẹn về sau”. (Một trong 3 bài Lí Lăng tặng Tô Vũ).

“Đôi le bay lên Bắc, một le về Nam thôi. Anh ở lại quán khách, tôi về quê cũ đây. Một xa như Tân Hồ, gặp lại chóng hay chày? Buồn thương nát cả ruột, bất giác lệ voi đầy. Mong anh luôn gắng sức, cười nói chờ quên đây” (Tô Vũ tiễn Lí Lăng?).

Tô Vũ về được ban chức Điển thuộc quốc. Tuyên để lên ngôi phong tước Quan nội hầu. Năm Thần Tước thứ hai thì mất (60 trước công nguyên, thọ hơn 80 tuổi). Lăng thì ở Hung nô hơn 20 năm. Chết rồi có người thu thập văn chương được hai quyển. Ngoài thơ ra, đời sau còn truyền cả thư từ thăm hỏi, chép trong *Văn tuyển* và trong *Nghệ văn hội tụ*.

❖ *Sách tham khảo*

- *Sử ký* (quyển 126);
- *Hán thư* (quyển 6, 22, 51, 54, 65, 93);
- *Nhạc phú thi tập* (Quách Mậu Thiều - Đời Tấn - biên soạn);
- *Toàn Hán văn* (Nghiêm Khả Quân - Đời Thanh biên soạn);

- *Toàn Hán thi* (Đinh Phúc Bảo biên tập);
- *Trung Quốc đại văn học sử* (lập 3 chương 4).

X. TƯ MÃ TƯƠNG NHƯ VÀ TƯ MÃ THIỀN

Văn nhân thời Hán Vũ Đế, kể về phú thì không ai bằng Tư Mã Tương Như, về văn thì không ai bằng Tư Mã Thiên. Thế mà một người thì cô đơn vắng vẻ một người bị cung hình, có lẽ người hùng văn chương thường cứng cỏi, không chiều ý chúa hùng, cho nên cảnh ngộ không bằng các văn nhân thông thường.

Tư Mã Tương Như, tên chữ là Trường Khanh, người Thành Đô, Thục quận. Lúc nhỏ ham xem sách, học đánh gươm, nên bố mẹ đặt cho cái tên là Khuyển tử. Lúc đã đi học, hâm mộ Lạn Tương Như, đổi tên là Tương Như, quyên tiền làm chức lang, thờ Cảnh Đế. Cảnh đế không thích từ phú. Vừa lúc Lương Hiến vương về châu, những kẻ sĩ du thuyết như Châu Dương, Mai Thặng, nghiêm Kị... đều đi theo. Tương Như gặp họ thì lấy làm vừa lòng, nhân ốm xin miễn chức, đi chơi Lương, cùng các các du sĩ chư hầu chung sống, được vài năm thì làm bài *Phú Tử Hu*. Võ đế lên ngôi đọc cho là hay, nói: "Trẫm lại không được cùng thời với người ấy sao?" người Thục tên là Dương Bắc Ý làm chức cửu giám đang hầu, nhân nói đó là người đồng hương của mình tên là Tư Mã Tương Như làm ra, vua bèn sai Triệu Tương Như vào hỏi. Tương Như thưa: "Đúng vậy, song đó mới là việc các nước chư hầu, chưa đáng xem và xin làm bài phú Thiên tử đi săn". Võ đế sai quan thượng thư cấp giấy bút Tương Như cho rằng Tử Hu là hư ngôn, làm để khen Sở, Ô Hữu tiên sinh là chuyện bịa ra, để cãi lại Tề, Võ thị công là không có người ấy, ý muốn làm sáng rõ nghĩa Thiên tử. Cho nên, mượn lời 3 người ấy mà nói để tông bốc vưứn tưỏc của Thiên tử và chư hầu. Chương cuối bài phú qui kết về việc tiết kiệm và nhân đó mà chê, can. Bài phú còn chép trong *Sử ký* thì cho nửa sau là *Thượng lâm phú* hoặc cho đó là Triệu Văn Hậu làm thêm.

Tương Như dâng phú lên, Võ đế rất vừa lòng, lấy Tương Như làm

chức lang. Được vài năm thì bài hịch, *Dụ Ba Thục*, liền được cho làm Trung lang tướng, đi Thục, thông đường đến các “đi” phía Tây nam rồi thì phụ lão đất Thục hay nói việc đó vô ích, các quan đại thần cũng nghĩ thế nên làm bài *Nam thực phụ lão văn* (Trách hội các phụ lão đất thực). Sau đó có kẻ dâng thư nói Tương Như lúc đi sứ có nhận vàng của người ta nên bị mất chức. Nhưng được hơn một năm Như lại được triều làm Lang. Song Tương Như thích ngồi không, không thích quan tước, nhiều khi thắc lời can khuyên, đối với việc săn bắn, việc nghe lời xúi xiểm, đều có kín đáo nói đến. Lần này, được cho làm quan lệnh vườn Hiếu Văn. Nhân Võ đế đã khen *Tử Hu phủ* hay, Tương Như biết vua thích thần tiên, bèn nói: “sự việc *Thượng lâm* chưa hay gì, còn có việc hay hơn. Thần đã làm bài *Phú đại nhân* mà chưa xong, xin hoàn thành để dâng”. Ý bài phú này là các vị tiên nho, ở trong rừng Chăm, thân thể rất gầy còm, không phải tiên theo quan niệm của các Đế vương. Chỉ có người Đại nhân ở dưới Trung châu thương đời chật hẹp gò bó, do đó mà nhẹ nhàng bay bổng, cưỡi trên hư vô, vượt cái vô hữu (hữu là bạn - ND), quên cả trời đất, mà tồn tại một mình, trong đó có đoạn:

“Dồn cả kiệu lại để lại muôn người lên ngòi chờ, họp lợn mây lại và cắm cờ hoa. Bảo thần Câu Mang rằng phải đi ngay chờ, bên nàng hầu phương Nam ta muôn qua. Đám người đông trung hậu ngòi lô nhô chờ, lẩn lộn ồn ào mà sánh vai rong ruổi xa. Tóc nhấp nhô như cỏ Thung non chờ, mên mông lào rào, đẹp đẽ mà chan hòa. Rải rác mà nay cụm lại thành khóm tươi tốt chờ, lê thê trôi như ngọc lụa lê sáng lòa. Đi tắc vào vực sấm cao vút, ra hang qui nhỏ hẹp gồ ghề. Trời mù mịt sấp hồn độn chờ, mời thần Sấm giết thần Gió, phạt Mùa sa. Trong phía Tây núi Côn lôn hùng tráng kinh khủng chờ, tắt thằng ruồi đến Tam ngung đẩy cửa Trời mà vào cung đế chờ, chờ ngọc nữ mà cùng đi về. Leo cửa trên mà bay xa đậu xuống chờ, chim mạnh vụt lên mà đậu lại. Dùng dằng lượn trên Âm sơn mà quanh quẩn chờ, hôm nay ta mới thấy Tây vương mẫu. Uy nghi đài tráng đầu bạc mà ở hang chờ, cũng may có quạ ba chân làm sứ giả. Sống lâu đến thế mà không chết chờ, tuy giúp muôn đời mừng đâu đáng kể...”

Bài phú dâng lên, Võ đế hết sức thích thú, lâng lâng chí khí bốc tận

mây xanh, bay khắp trời đất. Nhà Hán lên, thích điệu Sở, những kẻ thân tín chung quanh ông, như bọn Chu Mai Thần thường lấy Sở từ dân, nhưng Tương Như thì lại biến Sở đi và thêm vào những ý tứ kì vĩ, trau chuốt bằng những lời gấm hoa, câu cú ngắn dài, bất chấp cả luật lệ, cùng với đương thời thật khác nhau xa. Dương Hùng nói: “Nếu cửa Khổng dùng phú thì Giả Nghị mới thăng đường (lên thăm nhà), còn Tương Như thì đã nhập thất (vào tối tận buồng riêng)”. Ban Cố thì bảo đất Tây Thục từ khi có Tương Như ra làm quan ở kinh đô, Vương Bao, Lý Vương quả đều là người Thục. Song Tương Như cũng làm cả phú ngắn, tuy với thể này, lời rườm rà hoa lệ có ít đi hơn, như bài *Ai nhị thế phú*, *Trường ngôn phú*, đều thế. Chỉ có bài *Mỹ nhân phú* còn khá văn hoa”. Dương Hùng nói: “Khuyên trăm mà chê một còn sinh cái âm thanh Trịnh Vệ, khúc hết mà tấu nhã thêm sau, là chỉ bài này chẳng?”:

... “Đường ra Trịnh Vệ, ngõ ở Tang trung. Sáng nơi Trăng Vi, tối họp Thương cung. Thương cung quán rõi, trống rỗng vắng tanh. Cửa ngày che kín, như chốn thần linh. Thần tôi đẩy cửa, mà bước vào nhà. Hương thơm sực nức, màn trường lượt là. Có cô gái đẹp, trên giường thướt tha. Phong thư khắc tục, trong ngọc trăng ngà. Nhìn thần lùi bước, mỉm cười mà rắng: “Thượng khách là công tử nước nào, đường tới đây e chừng khá xa”. Rồi bày rượu tốt, đưa ra chiếc đàm. Thần bèn lên dây, chơi bài U Lan và bài Bạch Tuyết. Cô bèn hát rắng: “Ở một mình chờ không có ai, nhớ người xa chờ dạ u hoài. Người đẹp chờ sao đến muộn, ngày chiều rồi sắc hoa phai. Dám gửi thần chờ trông lâu dài, thoa ngọc treo mū thần, phủ áo thần với ống tay. Trời tối dần, gió lùa buốt lạnh, tuyết trắng tả tơi, phòng không vắng lặng, không một tiếng người... thần bèn định thần lại, quyết giữ lòng ngay, miệng thề thành khẩn giữ chí không sai. Quay mình xa chạy, cùng nàng chia tay”.

Tương Như ốm, thôi quan, về ở Mậu Lăng. Vô để nghe tin bệnh nặng, sai Sở Chung đến nhà lấy sách đến nơi thì đã chết (117 trước CN) chỉ lấy được có một cuốn, nói về việc phong thiện. Tương Như thường theo Hồ An học kinh. Lúc trẻ nhờ văn chương mà được ra làm quan, nhưng đến lúc già thì rốt cục cũng tâu vua về lễ phong thiện. Sách Tương Như làm cho bậc

tiểu học thì có quyển *Phàm Tương thiêng* nay không còn. Nhưng Tương Như sở trường về Từ phú, làm thì rất chậm, nhưng không học theo nề nếp cũ, tự phát huy cái tài kì diệu của mình, rộng xa đẽ, tuyệt vời hơn hẳn tất cả mọi người đời Hán. Vương Thế Trinh đời Minh phảm bình, cho *Phú Thượng lâm* và *Phú Tử hư* tài liệu hết sức phong phú, lời văn hết sức diễm lệ, bút pháp hết sức cổ kính và trang nhã, tinh thần hết sức sinh động. Về ý tứ của Tương Như thì Trường Sa cũng có, nhưng về tài hoa của Tương Như thì không. Ban Trường Phiên thì có tài liệu của Tương Như, nhưng không có bút pháp như thế. Tử Văn thì có bút pháp của Tương Như, nhưng về tinh thần sinh động thì lại không có... Các nhà phê bình các đời sau cứ phanh phui, bắt bẻ như vậy, đến Vương trình thì có thể nói là hết sức đúng.

Tư Mã Thiên tự là Tử Trường, Người Hà Nội, sinh ở Long Môn, mười tuổi thì học cổ văn, hai mươi tuổi thì đi chơi Ngô Cối ở miền Nam, vượt qua sông Vấn, sông Tứ ở miền Bắc, thăm đất Châu, đất Lỗ, qua Lương, Sở mà về, làm quan với chức Lang trung. Cha tên là Đàm, làm chức Thái sử lệnh, mất khoảng đầu Nguyên Phong. Thiên nối chức cha, khoảng giữa niên hiệu Thiên Hán, Lí Lăng đầu hàng Hung nô, Thiên chứng minh Lăng vô tội, bị giao xuống quan lại xét, bị kết tội dối trên, nhà nghèo không có khả năng chuộc tội, bạn bè không ai cứu giúp, rút cục bị cung hình. Sau khi bị hình phạt như thế thì già chức Trung thư lệnh, và nhân thế càng phần uất, bèn căn cứ theo sách *Tả thị*, sách *Quốc ngữ*, chọn lọc trong sách *Thế bản*, *Chiến quốc sách* thuật lại Hán Sở xuân thu, cuối cùng làm ra bộ *Sử ký* 130 thiên, bắt đầu từ đời Hoàng đế, ở giữa thuật đời Đào Đường, đến Võ đế bắt được Lân tráng thì thôi, có ý tự cho sách mình là kế tục sách *Xuân thu* của Khổng tử. Bạn của Thiên sử Ích châu tên là Nhâm An có đem cái nghĩa hiền thần xưa ra trách ông, ông trả lời rằng:

“... Sở dĩ ẩn nhẫn cố sống, ở giữa phân đất mà không từ là do giận lòng riêng có điều không nói ra hết được, lại lấy làm hổ thẹn về việc trọng đời mà văn chương không trình bày ra được cho đời sau. Từ xưa, giàu sang mà thân danh tiêu ma hết là rất đông, chỉ có những kẻ trác việt phi thường là còn tên tuổi để lại. Ví như Tây Bá bị giam ở Diu Lí mà diễn sách *Chu dịch*, Trọng Ni bị khốn mà làm sách *Xuân thu*, Khuất Nguyên bị ruồng bỏ mới

làm *Li Tao*, Tả Khâu Minh bị mù mới soạn *Quốc ngữ*, Tôn Tử bị chặt chân sách *Sinh pháp* mới ra đời... Thi ba trăm thiên đại để là của thánh hiền phát phẫn mà làm ra cả. Ấy, người ta hễ trong bụng có uất ức, không thông suốt được đạo của mình, thì mới thuật lại việc đã qua, nghĩ đến kẻ sống sau. Đến như Tả Khâu Minh không mất, Tôn tử bị chặt chân, đời không dùng được nữa mới rút lui mà bàn luận sách vở để cho thư thái nỗi lòng; nghĩ đến việc để mờ văn suông lại cho đời sau biết đến. Kẻ đầy tớ này trộm thiếu khiêm tốn, vừa rồi nhờ vào cái chữ nghĩa bất tài, tìm kiếm những chuyện cũ bỏ quên trong thiên hạ tham khảo sự việc hiện nay, nghiên cứu cái nghĩa thành bại, thịnh suy, viết ra 130 thiên. Đó cũng do xem xét cái khoảng giữa trời và người, tìm hiểu sự biến đổi xưa và nay, thành ý kiến riêng của một người. Làm chưa xong thì vừa gặp họa này, tiếc công chưa thành cho nên chịu cực hình mà mặt không tỏ sắc giận. Nếu kẻ đầy tớ này đã viết xong sách ấy, cất giấu vào trong danh sơn, truyền cho người xứng đáng, rồi họ truyền ra khắp ấp lớn, đô thị to, thì cũng coi như bù đắp được cái nhục cũ, đâu có bị giết, há dám ăn năn gì. Song đó là cái đạo của trí giả, khó ăn nói với kẻ tục nhân..."

Thiên chết rồi, sách mới xuất hiện. Dời Tuyênế, cháu ngoại ông là Dương Huy mới chép lại, hoàn thành sách của ông mình và công bố. Ban Bưu thì rất không vừa ý, cho là: "Nhặt kinh, lượm chuyện, phân tán sự việc của một số nhân vật rất đổi sơ lược, có khi xúc phạm đến người ta. Được một điều là sự việc tìm kiếm cũng khá rộng, sách viết cũng có quán xuyến kinh truyện, rong ruổi xưa nay, trên dưới đến vài ngàn năm, có thể nói là cần cù siêng năng. Lại nữa, sách bàn phải trái thì sai lầm nhiều so với lời thánh nhân; luận đạo lớn thì để *Hoàng lão* lèn trước, lục kinh xuống sau; kể về du hiệp thì thoái kẽ xử sĩ mà tiến kẽ gian hùng, nói về hóa thực thì đề cao thế lợi mà cho nghèo hèn là đáng khinh bỉ, đó là những điểm thiếu sáng suốt vậy". Nhà Hán lên, Lục Giả làm sách *Hán Sổ xuân thu* nói: "Điều trái phải tuy dựa vào Nho gia làm gốc, song chức vụ Thái sử nguyên từ Đạo gia mà ra; cha của Tư Mã Thiên là Đàm cũng sùng thượng *Hoàng lão*, cho nên *Sử ký* tuy có sai lầm về nho thuật, nhưng có thể cho là nói được cái nghiệp cũ đã cách xa lâu ngày, Huống chi phát phẫn mà làm sách, ý nghĩa

khá kích động". Trong thư trả lời Nhâm An có nói: "ông cha của kẻ tội túc này không phải có công lao được chép phù, phong tước, viết chữ son để lại, chỉ làm cái chức chép sử, xem sao, làm lịch, gần như hạng bói cúng là hạng của chúa thượng dùng để vui đùa, nuôi như nuôi bọn hát cũng là hạng mà thói đời vốn khinh bỉ. Giả sử kẻ tội túc này bị tội phải chết, thì chẳng qua như chín trâu mất một sợi lông, so với sâu kiến có khác gì? Tư Mã Thiên giận mình là một bầy tôi dê đùa cợt, để tâm vào giấy mực, cả thân thế chịu hình phạt nhuốm nhơ, để lại nghìn lời truyện một kẻ cô đơn không hợp với ai, một con người không trọn vẹn, tuy có trái với cái nghĩa của *Xuân thu*, nhưng vốn không bỏ mất tấm lòng định làm một áng văn tuyệt tác của sử gia, không ai có thể làm hơn được, một Thiên *Ly tao* không vẫn. Chỉ một điều là không câu nệ theo phép viết sử, không đóng khung trong câu chữ, buông thả theo con tim mà Mao Khôn nói: "Đọc chuyện du hiệp, thì lập tức muốn coi thường sự sống, đọc chuyện Khuất Nguyên, Giả Nghị thì lập tức muốn trào nước mắt, đọc truyện Trang Chu, Lỗ Trọng Liên thì lập tức muốn vất bỏ cuộc đời, đọc truyện Lí Quảng thì lập tức muốn đứng dậy chiến đấu, đọc truyện Thạch Kiên lập tức muốn cùi mình, đọc truyện Tín Lăng Quân, Bình Nguyên Quân thì lập tức muốn nuôi kẻ sĩ".

Nhưng *Hán thư* đã nói rằng, *Sử kí* có chỗ khuyết, nên người viết tiếp nối lên bởi bời, như bọn Giả tiên sinh, Phùng Thương, Lưu Hâm. *Hán thư* cũng có chỗ từ Lưu Hâm mà ra, cho nên Thôi Thích cho rằng Văn sử kí so với toàn bộ có chỗ trái, so với *Hán thư* có chỗ hợp, đó những chỗ Lưu Hâm viết tiếp thêm vậy. Còn nhiều niên đại xa cách nhau chương cú cắt xé ra, thì chắc là do những kẻ càn quấy đời sau thêm vào và những người sao chép viết sai đi mà thôi.

Thiên mạnh về văn mà cũng ưa phú, thích đưa phú vào các liệt truyện. Trong *Giả Nghị truyện*, có đưa vào *Điêu Khuất Nguyên phú* và *Phục phú*, còn *Hán thư* thì chép toàn bộ *Trị an sách* mà phú thì không có bài nào. Truyện Tư Mã Tương Như đưa phú vào càng nhiều như *Tử hư phú*, *Thượng lâm phú*, *Ai nhị thế*, *Đại nhân*... đều được đưa vào cả. Thiên cũng có làm phú, *Hán chí* nói có 8 bài, đến nay chỉ thấy còn có bài *Sĩ bất ngộ phú*, nhưng Hồ Ứng Lân người đời Minh thì cho là của giả.

Đến đời Tuyên đế vẫn tiếp tục chép những mẫu chuyện cũ của Võ đế, giảng giải bàn luận hết các sách Lục nghệ, tìm rộng đến những điều ham muốn kí lạ, mời những người biết làm Sổ từ. Thế là Lưu Hướng, Trương Tử Kiều, Hoa Long, Liễu Bao đều bị triệu đến làm chức dâng chiếu kim mã môn. Lại được người Thục là Vương Bao, tự là Tử Uyên, xuống chiếu sai làm bài *Vua Thánh được tôi hiền*. Bao cùng với Trương Tử Kiều đều làm chức dâng chiếu. Bao biết làm phú, tụng, cũng làm Bài văn (hát tuồng). Về sau bọn Phương sĩ nói, ở Ích châu có vật quý thuộc thần Kim mã bích kê (ngựa vàng gà ngọc) Tuyên đế xuống chiếu sai Bao đến tế, dọc đường ốm mà chết.

❖ *Sách tham khảo*

- *Sử ký* (quyển 117, 130);
- *Hán thư* (quyển 57, 62, 64);
- *Trung Quốc đại văn học sử* (tập 3, chương 4 và 5);
- *Chi na học sử cương* (chương 6, tập 3);
- *Chi na văn học chi nghiên cứu*. Linh-Mộc-Hồ-Hùng-Nhật bản, quyển 1.

LƯƠNG DUY TÂM và
LƯƠNG DUY THỨ dịch
Theo *Lỗ Tấn, Toàn tập*, 1981,
NXB Văn học nhân dân Bắc Kinh

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
Phần thứ nhất : Trung Quốc tiểu thuyết sử lược	9
Lời đề	17
Lời tựa	19
Chương 1 : Những trước tác, sao lục cùng những bình luận, lược thuật của sử gia nói về tiểu thuyết	21
Chương 2 : Thần thoại với truyền thuyết	29
Chương 3 : Tiểu thuyết được ghi lại trong văn nghệ chí sách Hán thư	37
Chương 4 : Tiểu thuyết nay còn thấy được của người đời Hán	41
Chương 5 : Sách Quỷ thần chí quái đời Lục Triều (Thượng)	51
Chương 6 : Sách Quỷ thần chí quái đời Lục Triều (Hạ)	61
Chương 7 : Sách Thế thuyết tân ngữ và các sách mở đường kế tiếp nó	67
Chương 8 : Văn chương truyền kỳ đời Đường (Thượng)	77
Chương 9 : Văn chương truyền kỳ đời Đường (Hạ)	87
Chương 10 : Chuyện truyền kỳ đã thành tập cùng các chuyện vặt gọi là tạp trở đời Đường	97

Chương 11	:	Chuyện chí quái và chuyện truyền kỳ đời Tống	105
Chương 12	:	Thoại bản đời Tống	115
Chương 13	:	Phỏng thoại bản đời Tống - Nguyên	125
Chương 14	:	Truyện giảng sử từ đời Nguyên - Minh truyền lại (Thượng)	133
Chương 15	:	Truyện giảng sử từ đời Nguyên - Minh truyền lại (Hạ)	145
Chương 16	:	Tiểu thuyết thần ma đời Minh (Thượng)	159
Chương 17	:	Tiểu thuyết thần ma đời Minh (Trung)	167
Chương 18	:	Tiểu thuyết thần ma đời Minh (Hạ)	175
Chương 19	:	Tiểu thuyết nhân tình thế thái đời Minh (Thượng)	185
Chương 20	:	Tiểu thuyết nhân tình thế thái đời Minh (Hạ)	195
Chương 21	:	Tiểu thuyết đời Minh mô phỏng tiểu thuyết thị dân đời Tống và các tuyển tập do người đời sau làm	205
Chương 22	:	Tiểu thuyết mô phỏng đời Tấn Đường của đời Thanh cùng với các dòng phái của nó	217
Chương 23	:	Tiểu thuyết châm biếm đời Thanh	229
Chương 24	:		237
		Tiểu thuyết nhân tình thế thái đời Thanh	
Chương 25	:	Việc đời Thanh dùng tiểu thuyết để biết tài năng và học vấn	253
Chương 26	:	Tiểu thuyết hiệp tà đời Thanh	269
Chương 27	:	Tiểu thuyết hiệp nghĩa và những vụ án nghĩa hiệp đời Thanh	283
Chương 28	:	Tiểu thuyết khiển trách cuối đời Thanh	297

	Lời ghi sau	311
	Quá trình diễn biến của lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc	313
Bài giảng thứ I	: Từ thần thoại đến chuyện thần tiên	315
Bài giảng thứ II	: Sách chí quái chí nhân thời lục triều và tác giả của nó	321
Bài giảng thứ III	: Chuyện truyền kỳ đời Đường	327
Bài giảng thứ IV	: Thuyết thoại đời Tống và ảnh hưởng của nó	335
Bài giảng thứ V	: Hai trào lưu lớn và chủ yếu của tiểu thuyết đời Minh	345
Bài giảng thứ VI	: Bốn dòng phái tiểu thuyết đời Thanh và sự tàn tạ của nó	353
Phần thứ hai	: Hán văn học sử cương yếu	363
Phần I	: Từ văn tự đến văn chương	363
Phần II	: Kinh thư và Kinh thi	368
Phần III	: Lão Tử và Trang Tử	376
Phần IV	: Khuất Nguyên và Tống Ngọc	382
Phần V	: Lý Tư	390
Phần VI	: Tiếng Sở trong Hán	392
Phần VII	: Giả Nghị và Triệu Thác	395
Phần VIII	: Văn học các nước Phiên thuộc	399
Phần IX	: Tình hình văn học phồn thịnh thời Võ đế	406
Phần X	: Tư Mã Tương Như và Tư Mã Thiên	412

Lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc

Tác giả : Lỗ Tân

Dịch giả : Lương Duy Tâm & Lương Duy Thú

Hiệu đính : Lương Duy Thú

Chủ trách nhiệm xuất bản :

Giám đốc NGUYỄN VĂN THỎA

Tổng biên tập NGUYỄN THIỆN GIÁP

Biên tập : NGUYỄN THÚY HẰNG

Trình bày và bìa : Minhtri Design Co.

Sửa bản in : NGỌC ANH

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

144 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT : 9714896 - 9714897 - 7682844 - 9715011

Liên kết xuất bản :

CTY VĂN HÓA MINH TRÍ - NS. VĂN LANG

25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM

ĐT : 8.242157 - 8233022 - Fax : 84.8.235079

MÃ SỐ : 02.130.ĐL.2002-326.2002

In 1000 cuốn khổ 14.5x20.5cm tại Xưởng in CN Trung Tâm Hội Chợ
Triển lãm Việt Nam. Số xuất bản 012/326/XB-QLXB do Cục xuất bản
cấp ngày 25.03.2002. Trích ngang kế hoạch xuất bản số 212/KH/XB
ngày 26.8.2002. In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2002.



Thư Sách
VĂN LÀNG

25 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP.HCM
ĐT: 8242157 - 8233022 - FAX: 8235079
9 Phan Đăng Lưu, Q.BÌ, TP.HCM ĐT: 8413306
Email: minhtri.com@hcm.vnn.vn



LƯƠNG TỐI THUỐC TRUNG QUỐC
8935073 001147

Giá: 47 000 đ